VĂN HỌC

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

trần văn tích - *bài từ nhớ bạn* • thụy khuê - *phê bình văn học thế kỷ xx* • đào đức chương - *tổ chức giáo dục thời hán học* • nguyễn hoàng văn - *hướng đến một văn hóa phát triển*

văn

nam dao • hoàng nga • lêquỳnhmai • ngọc anh • bùi ngọc khôi • võ hoàng • eric viet • nguyễn việt hà • trần hoài văn • lê lô • nguyễn dũng tiến • nguyễn hoài phương • tàn tuyết - *lưu hồng sơn dịch* • murakami haruki - *phạm vũ thịnh dịch* • võ văn trực

Thơ

hoàng xuân sơn • phan nhật nam • ngô tịnh yên • trần mộng tú • nguyễn nam an • ngự thuyết • đỗ lê anh đào • lý thừa nghiệp • triều hoa đại

đàn bách kiếm *đùa với đường thi* ■ hoàng mai đạt *tạp ghi* ■ lê quỳnh mai *sinh hoạt văn học nghệ thuật*

230

tháng 3 & 4 / 2006

Ảnh Phương Châm

VĂN HỌC

số 230 tháng 3, 4-2006

MỤC LỤC

TRẦN VĂN TÍCH	3	bài từ nhớ bạn
HOÀNG XUÂN SƠN	24	*về trong chiều xưa*
THỤY KHUÊ	25	phê bình văn học thế kỷ xx
PHAN NHẬT NAM	46	*tháng 11,...*
ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG	50	tổ chức giáo dục thời hán học
NGUYỄN HOÀNG VĂN	69	hướng đến một văn hóa phát triển
NGÔ TỊNH YÊN	94	*đầu hàng - ngựa quên đường cũ*
NAM DAO	96	gấu chợ
TRẦN MỘNG TÚ	110	*cali sương và mây*
HOÀNG NGA	111	ở nơi đó
LÊQUỲNHMAI	*119*	*căn phòng không mái ngói*
NGỌC ANH	125	lãnh cảm
NGUYỄN NAM AN	140	*chiều tà*
BÙI NGỌC KHÔI	141	cái thùng sách
NGỰ THUYẾT	168	*qua phá*
VÕ HOÀNG	170	tiếc gì một chút hương xuân muộn
ERIC VIET	178	kẻ lạ trong tôi
ĐỖ LÊ ANH ĐÀO	184	*tình cờ gặp fidel castro*
NGUYỄN VIỆT HÀ	188	hồn của bướm
LÝ THỪA NGHIỆP	195	*qua sông*
TRẦN HOÀI VĂN	196	chuyện nhỏ trên thành cổ
LÊ LÔ	205	quảng trị, khe sanh, chiến sĩ vô danh
TRIỀU HOA ĐẠI	212	*chiều phai. ngồi đợi em*
NGUYỄN DŨNG TIẾN	214	những người nữ mặc áo dòng
NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG	231	cà phê một mình
TÀN TUYẾT Lưu Hồng Sơn dịch	240	đảo rắn
MURAKAMI HARUKI Phạm Vũ Thịnh dịch	254	toni-takitani
VÕ VĂN TRỰC	271	chuyện làng ngày ấy
ĐÀN BÁCH KIẾM	288	đùa với đường thi
HOÀNG MAI ĐẠT	292	thứ tư về mỗi tuần
LÊ QUỲNH MAI	294	tin sinh hoạt văn học
HOÀNG MAI ĐẠT	302	giới thiệu sách

bài từ nhớ bạn

TRẦN VĂN TÍCH

Đốt lò hương ấy, so tơ phím này.

Tùng Thiện Vương Miên Thẩm, qua bài từ điền theo điệu *Dương châu mạn* trong từ tập *Cổ duệ từ*, đã gửi đến chúng ta một thông điệp thiết tha và chân thực về tình bạn giữa hoàng tử và Cao Bá Quát. Tôi chép lại nguyên văn và nguyên dạng phần phiên âm bài từ liên hệ theo tuyển tập *Cổ duệ từ* do dịch giả Phan Văn Các chấp bút, Trung tâm Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn Quốc Gia, Viện Nghiên Cứu Hán Nôm, Hà Nội, phát hành, bản in năm 1999. Tuyển tập dành cho bài từ mười trang, từ trang 83 đến trang 93, và gồm có các phần nguyên tác viết bằng chữ hán, phần dịch nghĩa, phần chú thích và phần dịch vần bên cạnh phần phiên âm Hán-Việt. Dịch phẩm trình bày phần này theo kiểu chữ đứng, riêng các chữ hợp vần thì in nghiêng. Làm công việc sao chép hôm nay, tôi chuyển sang kiểu chữ nghiêng và gạch dưới các chữ hợp vần:

Dương châu mạn

Ức Cao Chu Thần

1 *Thảo các vi lương,* (4)

2 *Ba li lạc nhật,* (4)

3 *Vãn lai tà bằng lan can.* (6)

4 *Vọng bình vu thập lý,* (5)

5 *Tận xứ thị lâm loan,* (5)

6 *Ức tương dữ.* (3)

7 *Trường đình bả tửu,* (4)

8 *Thu phong tiêu thích,* (4)

9 *Tế vũ lan san.* (4)

10 *Thoát chinh tiên trì tặng,* (5)

11 *Phạ ca tam điệp Dương quan.* (6)
12 *Lưu quang nhẫm nhiễm* (4)
13 *Đáo như kim, chiết liễu kham phan.* (7)
14 *Khởi anh phất tình sơ,* (5)
15 *Giang hồ kế đắc,* (4)
16 *Đầu lão thùy can.* (4)
17 *Túng hữu nam quy hồng nhạn,* (6)
18 *Âm thư ký, thiên hải màn màn.* (7)
19 *Đãn đình vân ngưng tứ,* (5)
20 *Bất câm Sở thủy Ngô san.* (6)
Dịch nghĩa:
Điệu *Dương châu mạn*
Nhớ Cao Chu Thần
Chòi tranh se lạnh,
Mặt trời lặn sau hàng giậu,
Chiều về, nghiêng tựa lan can.
Vời trông cánh đồng mười dặm,
Chỗ tận cùng là đồi núi,
Nhớ thuở cùng nhau nâng chén nơi trường đình,
Trong gió thu hiu hắt,
Lúc mưa phùn lâm râm.
Rút roi ngựa đưa anh,
Ngại phải hát điệp khúc Dương quan.
Tháng ngày thấm thoắt,
Đến nay cành liễu đã có thể vin được.
Há phải hững hờ với công danh,
Được kiếp giang hồ, về già buông câu.
Dẫu có hồng nhạn về nam,
Thư gửi tin đi, mênh mang trời bể.
Chỉ mây ngừng đọng tứ,
Không chịu nổi sông Sở núi Ngô ngăn cách.

Điệu từ *Dương châu mạn* vốn do Khương Quỳ, từ nhân đời Nam Tống sáng chế. Khương tinh thông âm luật, có thể tự ghi các âm điệu; ngoài ra còn là nhạc sĩ trình tấu lão luyện, thiện dụng ống tiêu và đàn cầm. Từ Khương Quỳ tình ý chân thiết, cách luật nghiêm cẩn, ngôn ngữ hoa mỹ, phong cách u nhã, nhạc tính hài hoà, nhiều bài bản lãnh nghệ thuật cao, đại biểu là các bài *Ám hương, Sơ ảnh* mượn đề vịnh hoa mai để cảm thương thân thế, biểu

lộ lòng uất ức. Vương Quốc Duy trong sách *Nhân gian từ thoại* nhận định rằng cách điệu cao của các người viết từ xưa nay, không ai bằng Bạch Thạch (tức Khương Quỳ) (*Cổ kim từ nhân cách điệu chi cao, vô như Bạch Thạch*). *Dương châu mạn* chào đời năm Bính Thân 1176 khi họ Quách nhìn cảnh tượng Dương châu bị quân Kim cướp bóc tàn phá khoảng ba thập niên trước khi từ gia chào đời và đúng một nửa thế kỷ trước khi từ gia làm bài từ. Qua bài từ, Khương Quỳ trạnh lòng nhớ tưởng đến Đỗ Mục ngày nào đồng thời thương tiếc thế suy tàn của Nam Tống. Hoàn thành từ phẩm, thi nhân đưa cho Thiên nham lão nhân tức Tiêu Đức Tảo là chú họ của vợ xem và nhận được lời bình phẩm *hữu Thử ly chi bi*, bài từ đạt được nỗi buồn của thơ *Thử ly* trong *Kinh Thi* cảm thán cảnh suy vi của nhà Chu. Bài *Dương châu mạn* có những câu rất được giới thưởng ngoạn ca tụng, chẳng hạn các câu chấm dứt từ phẩm. Sau đây là nguyên văn và dịch nghĩa:

1 *Hoài tả danh đô,* (4)
2 *Trúc tây giai xứ,* (4)
3 *Giải an thiếu chú sơ trình.*[1] (6)
4 *Quá xuân phong thập lý,* (5)
5 *Tận tễ mạch thanh thanh.* (5)
6 *Tự Hồ mã khuy Giang khứ hậu,* (7)
7 *Phế trì kiều mộc,* (4)
8 *Do yếm ngôn binh.* (4)
9 *Tiệm hoàng hôn,* (3)
10 *Thanh giác xuy hàn,* (4)
11 *Đô tại không thành.* (4)
12 *Đỗ lang tuấn thường,* (4)
13 *Toán nhi kim trùng đáo tu kinh.* (7)
14 *Túng đậu khấu từ công,* (5)
15 *Thanh lâu mộng hảo,*[2] (4)
16 *Nan phú thâm tình.* (4)
17 *Nhị thập tứ kiều nhưng tại,* (6)
18 *Ba tâm đãng, lãnh nguyệt vô thanh* (7)
19 *Niệm kiều biên hồng dược,* (5)
20 *Niên niên tri vị thùy sinh?* (6)

Dịch nghĩa:
Đô hội nổi tiếng miền nam sông Hoài,
Nơi đình Trúc tây đẹp đẽ,
Cỏi yên tạm nghỉ bước chân đi.

Qua mười dặm gió xuân,
Thảy đều xanh màu rau lúa.
Từ thuở ngựa Hồ nhòm ngó Trường giang rồi rút về,
Cây cao bên ao hoang tàn,
Còn chán nói chuyện chiến tranh.
Dần hoàng hôn,
Tiếng còi thổi lạnh,
Đều ở trong thành vắng.
Nơi Đỗ lang du ngoạn khi xưa,
Bây giờ đến lại, hẳn phải kinh hoàng.
Dù cho có bài từ "đậu khấu" hay,
Giấc mộng lầu xanh đẹp,
Cũng khó tả tình sâu.
Hai mươi bốn cầu vẫn còn,
Sóng lòng dập, trăng lạnh không lời.
Nhớ thược dược đỏ bên cầu,
Năm năm biết nở vì ai?

Giờ đây xin bắt đầu từ điểm xuất phát, xin bàn về hình thức trình bày bài từ của Tùng Thiện vương theo bản *Cổ duệ từ* do ông Phan Văn Các giới thiệu.

Từ là những bài ca thi được sáng tác theo các luật lệ sắt thép về bố cục, ngắt câu, phân đoạn, chia dòng, hợp vần, bằng trắc. Độ dài ngắn khác nhau của mỗi bài từ sẽ đặt nó vào những thể khác biệt: *lệnh, dẫn, cận, mạn. Mạn* nghĩa là dài. Liễu Vĩnh, người viết từ với phong cách trăng hoa nổi tiếng đời Tống, được xem là kẻ khai sinh ra thể *mạn từ*. Các bài từ mang tên điệu có chữ mạn thông thường dài trên chín mươi mốt chữ, do đó còn được xem là *trường điệu,* như *Bái tinh nguyệt mạn, Hoàng hà thanh mạn, Luyến phương xuân mạn, Sơn đình yến mạn, Tạ trì xuân mạn, Thanh thanh mạn, Trường đình oán mạn* v.v... Cũng có từ gia dựa theo bài từ ngắn rồi viết thêm thành mạn từ, như các bài *Bốc toán từ mạn, Định phong ba mạn, Lãng đào sa mạn, Mộc lan hoa mạn* v.v... Tỳ như bài *Lãng đào sa* nguyên có hai mươi tám hoặc năm mươi bốn chữ, nhưng khi chuyển đổi thành *Lãng đào sa mạn* thì dài đến một trăm ba mươi sáu chữ. Điệu *Dương châu mạn* có chín mươi tám chữ. Khuôn đúc, mẫu dập của mỗi bài từ là *từ phổ, từ bài, từ điệu*; nói cách khác và riêng đối với trường hợp bài *Ức Cao Chu Thần,* Tùng Thiện vương bắt buộc phải tuân thủ triệt để *từ phổ* của điệu *Dương châu mạn* do "nhạc sĩ" Khương Quỳ sáng tác; nghĩa là phải điền

lời sao cho tương hợp với ca khúc, phải soạn câu dài câu ngắn, phải chia dòng nhiều chữ dòng ít chữ dựa đúng theo biểu thức của âm nhạc. Cũng cần nói thêm là nếu bản nhạc của đại đa số điệu từ đã bị thất truyền thì giới thưởng ngoạn còn được thừa hưởng nhạc khúc của mười bảy từ phẩm của Khương Quỳ tập hợp thành *Bạch Thạch đạo nhân ca khúc*, chẳng hạn các *từ bài Ám hương, Hạnh hoa thiên ảnh, Ngọc mai lệnh, Sơ ảnh, Thạch hồ thiên, Thu tiêu lệnh, Trường đình oán mạn* và *Dương châu mạn.* Trong số mười bảy bài từ này có bốn *tiểu lệnh* và mười ba *mạn từ.*

Bây giờ trước hết chúng ta hãy xem số chữ. Bài từ của Khương Quỳ có tất cả chín mươi tám chữ, bài từ của Miên Thẩm cũng có tất cả chín mươi tám chữ. Vần của cả hai bài từ đều là vần bằng: Khương Quỳ gieo vần ở các chữ *trình, thanh, bình, thành; kinh, tình, thanh, sinh*; Miên Thẩm gieo vần ở các chữ *can, loan, san, quan; phan, can, màn, san.* Số chữ và bằng trắc là khuôn đúc đại thể của bài từ và cả hai từ gia Việt lẫn Hán đều theo đúng, đúng như tài liệu tham khảo phổ thông *Từ hải* ghi nhận: Dương châu mạn là song điệu, cửu thập bát tự, bình vận (điệu kép, chín mươi tám chữ, vần bằng)[3]. Về bố cục, bài từ của Khương Quỳ có hai phân đoạn, một *thượng bán khuyết* (từ dòng 1 đến dòng 11) và một *hạ bán khuyết* (từ dòng 12 đến dòng 20). Bài từ của Miên Thẩm cũng theo cùng kiến trúc, nếu xét phần phiên âm Hán-Việt. Còn ở phần trình bày nguyên tác bằng chữ khối vuông qua chế bản vi tính, tác giả Phan Văn Các lại chỉ dành cho bài từ có mười chín dòng, vì hai dòng *Giang hồ kế đắc, Đầu lão thùy can* nếu được dịch giả trình bày thành hai dòng riêng biệt ở phần chuyển âm Hán-Việt thì lại được ông gom vào một dòng duy nhất với dấu phẩy ở giữa dòng trong phần chữ Trung văn.

Và khi xét đến số chữ trong từng dòng thì hai bài từ Hán và Việt không hoàn toàn giống nhau. Công cụ tra cứu kinh điển chữ hán Từ phổ ghi về điệu *Dương châu mạn* nguyên văn như sau: "Dương châu mạn: Tống Khương Quỳ tự độ, trung lữ cung khúc; song điệu, cửu thập bát tự, tiền đoạn thập cú tứ bình vận, hậu đoạn cửu cú tứ bình vận." (*Dương châu mạn* do Khương Quỳ đời Tống tự chế, khúc nhạc trung lữ cung; điệu kép, chín mươi tám chữ, đoạn trước mười câu bốn vần bằng, đoạn sau chín câu bốn vần bằng)[4]. *Từ phổ* điệu *Dương châu mạn* vốn theo mẫu 4-4-6-5-5-7-4-4-3-4-4;4-7-5-4-4-6-7-5-6 (hai mươi dòng). Alan Ayling và Duncan Mackintosh ghi kết cấu bố cục điệu *Dương châu mạn* bằng hàng chữ số 4-4-6-5-5-7-4-4-3-4-4;4-3-4-5-4-4-6-3-4-5-6 (hai mươi mốt hoặc hai mươi hai dòng); hai chữ số 3-4 thuộc phân đoạn sau được gạch dưới để chỉ rằng có những bài từ trình

bày thành hai dòng, một dòng ba chữ, một dòng bốn chữ (như vậy toàn bài từ có đến hai mươi hai dòng) nhưng cũng có những bài từ trình bày thành một dòng bảy chữ (như vậy toàn bài từ chỉ có hai mươi mốt dòng)[5].

Trong khi đó thì bài từ của Tùng Thiện vương được thiết kế theo hàng chữ số 4-4-6-5-5-3-4-4-4-5-6;4-7-5-8-6-7-5-6 (mười chín dòng) nếu xét phần nguyên tác chữ hán Phan Văn Các hoặc 4-4-6-5-5-3-4-4-4-5-6;4-7-5-4-4-6-7-5-6 (hai mươi dòng) nếu xét phần phiên âm Hán-Việt Phan Văn Các. Sáng tác từ vốn nhằm sử dụng trong diễn xướng nên chẳng những đặc biệt đòi hỏi phải hợp sát sao vận luật, phải theo nghiêm ngặt thanh luật mà còn phải bám chặt độ dài ngắn của từng câu từng dòng, do đặc trưng so le không đều của từng câu, từng dòng; nó đã khiến cho từ được mệnh danh là *trường đoản cú thi*. Yêu sách sắt thép của quá trình điền từ vốn rất minh bạch: *điệu hữu định cú, cú hữu định tự, tự hữu định thanh* nghĩa là điệu có số câu nhất định, câu có số chữ nhất định và chữ có thanh bằng trắc nhất định. Chấm câu rõ, chia chữ đúng là hai khía cạnh không thể xem nhẹ vì chúng liên quan đến cung cách đốn toả trong từ. Dựa vào phép đốn toả, người trình bày bài từ đưa ra thông tin chuyển đoạn, chuyển ý, ngưng hơi, ngắt nhịp; chúng là những hình thức kết thúc giữa chừng của đoạn trước nhưng hàm chứa cả ý tứ sẽ mở đầu cho đoạn sau. Nghệ sĩ, ca sĩ ngâm nga diễn tấu bài từ phải biết đến chữ nào thì ngừng nghỉ để lấy hơi, để thở ra nhằm chuyển khuyết, chuyển ý. Chính vì thế nên, như đã trình bày sơ qua, *Từ phổ, Từ luật* ghi chú rất cẩn thận chỗ nào hợp vần (với một chữ vận nhỏ và mảnh), chỗ nào trọn ý (với một chữ *cú* nhỏ và mảnh), chỗ nào ngưng nghỉ (với một chữ *đậu* nhỏ và mảnh).

Thật ra chữ *cú* dùng cho thi loại *từ* có nội hàm ngữ nghĩa không giống như ghi trong từ điển. *Cú* không hẳn là câu, là mệnh đề. Chẳng hạn khi Vương Quốc Duy trong *Nhân gian từ thoại* so sánh *từ* của Ôn Đình Quân, Vi Trang và Lý Dục và đưa ra nhận định *cú tú, cốt tú, thần tú* thì điều đó có nghĩa là *từ* của Ôn Đình Quân có thể thức đẹp đẽ, *từ* của Vi Trang có nội dung đẹp đẽ còn *từ* của Lý Dục thì có thần sắc đẹp đẽ. Cho nên các tài liệu ngoại ngữ Tây phương tránh sử dụng các chữ *sentence, phrase, clause* để chuyển dịch chữ *cú* mà hầu như chỉ sử dụng chữ *line*, thỉnh thoảng dùng chữ *vers*. Rõ rệt nhất là lời phát biểu của David R. Mc Craw trong *Chinese Lyricists of the Seventeenth Century* (Từ gia Trung hoa thế kỷ XVII): "*Lyrics* (...) *are song words "filled in" according to tune patterns that determine the number of lines in the poem, the number of syllabes in each line, and the alternation of level and oblique tones through the poem.*"[6] Nhận định

này chỉ có thể được xem là âm bản của câu chữ hán *điệu hữu định cú, cú hữu định tự, tự hữu định thanh*; trong khi động từ *to fill in* đặt giữa ngoặc kép chỉ có thể tương đương với *điền từ*. Còn *trường đoản cú* (*thi*) thì được Xu Yuan Zhong dịch là *irregular line-length* (*poetry*).[7]

Xét về phương diện bố cục, trong một bài viết rất công phu, Lương Minh Việt (Liang Ming-yüeh) lưu ý rằng điệu *Dương châu mạn* có điểm đặc biệt là hai phân đoạn không giống nhau về số câu, số chữ và cả số dòng; trong khi các điệu từ nếu gồm hai đoạn - còn gọi là *thượng phiến, hạ phiến* hoặc *thượng bán khuyết, hạ bán khuyết* - thì phần lớn cả hai đoạn đều có bố cục giống hệt nhau. Do đặc trưng cơ cấu này nên xét về phương diện nhạc lý, hai phân đoạn có nhạc thức khác nhau. Đặc biệt phần đầu đoạn hai có một dòng cấu trúc chuyển đoạn gọi là *hoán đầu*. Vì thế và để phổ khúc cho đúng, điệu *Dương châu mạn* được trình bày thành hai mươi dòng, tuy rằng vẫn chỉ gồm có mười chín câu như *Từ phổ* qui định[8].

Trong số mười chín câu này, có một số câu thuộc bài *Ức Cao Chu Thần* xem như "có vấn đề", khi đem đặt song song với nguyên mẫu là bài Dương châu mạn của Khương Quỳ.

Tác giả Phan Văn Các trình bày bảy chữ ức tương dữ trường đình bả tửu như sau:

Ức tương dữ.
Trường đình bả tửu,

(hai dòng, sau *dữ* là dấu chấm, sau *tửu* là dấu phẩy). Bảy chữ này của Miên Thẩm xem như tương ứng với bảy chữ *tự Hồ mã khuy Giang khứ hậu* của Khương Quỳ. Nhưng chính tác giả Phan Văn Các, khi bố trí bài từ của từ gia Trung hoa, lại đặt tất cả bảy chữ thành một dòng với dấu phẩy ở cuối dòng. Như thế, hai dòng của Miên Thẩm phải được xếp lại thành một dòng và dấu chấm sau chữ dữ cần xóa bỏ:

Ức tương dữ trường đình bả tửu.

"Có vấn đề" hơn nữa là mười một chữ thoát chinh tiên trì tặng phạ ca tam điệp Dương quan thuộc bài Ức Cao Chu Thần. Chúng tương đương với ngữ đoạn *tiệm hoàng hôn thanh giác xuy hàn đô tại không thành* trong từ phẩm Khương Quỳ. Ông Phan trình bày như sau:

Tiệm hoàng hôn,
Thanh giác xuy hàn,
Đô tại không thành

(ba dòng, sau hai chữ *hôn* và *hàn* có dấu phẩy, sau chữ *thành* không có ký hiệu chấm câu). *Từ luật* ghi sau chữ *hôn* một chữ *đậu,* sau chữ *hàn* một

chữ *cú* và sau chữ *thành* một chữ *vận*. *Toàn Tống từ* đặt dấu phẩy sau chữ *hôn* và sau chữ *hoàng* còn sau chữ *thành* thì có cú hiệu dưới hình thức một vòng tròn nhỏ tí. Do đó, và để cho thích hợp với cung cách trình bày bài *Dương châu mạn* Khương Quỳ, mười một chữ của Tùng Thiện vương thiết tưởng nên bố trí như sau:

Thoát chinh tiên
Trì tặng, phạ ca
Tam điệp Dương Quan.

Đương nhiên như vậy sẽ có tình trạng ý thơ phần nào bị chia cắt nhưng ở đây, vì là một bài *từ* nên *le fonds* phải nhường quyền ưu tiên cho *la forme*.

Xét về phương diện tiếp thu, đáng chú ý có lẽ là trường hợp dòng thơ bảy chữ *Ba tâm đãng lãnh nguyệt vô thanh*. Các công cụ tham khảo kinh điển chữ hán dùng nhiều kỹ thuật ấn loát để chỉ rằng sau chữ *đãng* phải ngừng nghỉ; chẳng hạn *Từ luật* ghi cạnh chữ *đãng* một chữ *đậu* (bộ *đậu*) nhỏ[9], *Từ phổ* ghi sau chữ *đãng* một chữ *đậu* (bộ *ngôn*) nhỏ[10]; còn *Toàn Tống từ* thì sử dụng một dấu chấm giống dấu phẩy ngược[11]. Như thế phải tách *ba tâm đãng* thành một ý và *lãnh nguyệt vô thanh* thành một ý khác. Đương nhiên tách ra như vậy thì hàm nghĩa câu thơ cũng bị ảnh hưởng và bị ảnh hưởng trực tiếp là hai chữ *đãng* và *lãnh*. Trần Trọng San trình bày câu thơ thành một dòng bảy chữ như tác giả Phan Văn Các và còn - hay đúng hơn, chỉ - đánh dấu phẩy sau chữ *lãnh*:

Ba tâm đãng lãnh, nguyệt vô thanh

từ đó, hiểu câu thơ là:

Lòng sóng lạnh lùng, bóng trăng không tiếng[12]

tương tự như ông Phan:

Lòng sông sóng lạnh nguyệt không lời.

trong khi Alan Ayling và Duncan Mackintosh, John Minford, Huang Kuo-pin, Xu Yuan Zhong, Yun Shi và Jacques Chatain đều ngắt (và xuống dòng) sau chữ *đãng*, đúng như *Từ phổ*, *Từ luật* muốn để rồi chuyển *lãnh* thành tính từ của *nguyệt*:

But only waves go past
And the cold and silent moon.[13]

hoặc:

A ripple in midstream,
Cold moon,
Silence.[14]

hoặc:

In the centre of the lake, the water ripples,
And the cold moon makes not a sound.[15]

hoặc:

But the cold moon floating among
The waves would no more sing a song.[16]

và:

Sur l'eau ridée au centre
la lune froide joue sans bruit.[17]

Tất nhiên từ khía cạnh bố trí văn bản đến khía cạnh nhạc thức từ phổ, hiểu như các tác giả ngoại quốc là trung thành với *từ bài* của Khương Quỳ; còn về nội dung, trăng lạnh lẽo và lặng yên chiếu trong khi sóng nước dao động như sóng lòng thổn thức nói lên tấc nôi chua xót và tâm tư buồn vắng đối trước ngôi thành hoang phế suy tàn.

Như vậy, nếu muốn kế thừa thành quả trí tuệ của Khương Quỳ một cách đứng đắn, nếu muốn phục chế diện mạo đích thực của bài từ như Khương Quỳ từng phổ khúc thì bài *Ức Cao Chu Thần* nên được trình bày lại về phương diện bố cục với một vài thay đổi nhỏ, nhất là khi kiến trúc sư của bài từ vốn rất thận trọng về cách điệu, vốn hết sức chú tâm về nhạc tính. Sau đây là kiến trúc đề nghị của bài từ Miên Thẩm đặt cạnh bài từ Khương Quỳ, mỗi bài đều cùng có mười chín câu, theo đúng qui định của *Từ phổ* nhưng lại có hai mươi dòng, theo như cung cách bố trí do Lương Minh Việt đề nghị:

Khương Quỳ Miên Thẩm

Hoài tả danh đô, (4) *Thảo các vi lương,* (4)
Trúc tây giai xứ, (4) *Ba li lạc nhật,* (4)
Giải an thiều chú sơ trình. (6) Văn lai tà bằng lan can. (6)
Quá xuân phong thập lý, (5) *Vọng bình vu thập lý,* (5)
Tận tế mạch thanh thanh. (5) Tận xứ thị lâm loan. (5)
Tự Hồ mã khuy Giang khứ hậu, (7) *Ức tương dữ trường đình bả tửu,* (7)
Phế trì kiều mộc, (4) *Thu phong tiêu thích,* (4)
Do yếm ngôn bình. (4) Tế vũ lan san. (4)
Tiệm hoàng hôn, (3) *Thoát chinh tiên* (3)
Thanh giác xuy hàn, (4) *Trì tặng, phạ ca* (4)
Đô tại không thành. (4) *Tam điệp Dương quan.* (4)
Đỗ lang tuấn thưởng, (4) *Lưu quang nhẫm nhiễm,* (4)

Toán nhi kim trùng đáo tu kinh. (7) *Đáo như kim chiết liễu kham phan* (7)

Túng đậu khấu từ công, (5) *Khởi anh phất tình sơ,* (5)

Thanh lâu mộng hảo, (4) *Giang hồ kế đắc,* (4)

Nan phú thâm tình. (4) *Đầu lão thùy can.* (4)

Nhị thập tứ kiều nhưng tại, (6) *Túng hữu nam quy hồng nhạn,* (6)

Ba tâm đãng, lãnh nguyệt vô thanh. (7) *Âm thư ký, thiên hải man man.* (7)

Niệm kiều biên hồng dược, (4) *Đãn đình vân ngưng tứ,* (5)

Niên niên tri vị thùy sinh? (5) *Bất câm Sở thủy Ngô san.* (5)

Vẫn trong phạm vi hình thức trình bày, xin bàn thêm về cách sử dụng từ ngữ khi đối chiếu hai bài từ Việt và Hán. Nếu Khương Quỳ viết *Quá xuân phong thập lý* thì Miên Thẩm viết *Vọng bình vu thập lý*. Nếu Khương Quỳ viết *Toán nhi kim trùng đáo tu kinh* thì Miên Thẩm viết *Đáo như kim chiết liễu kham phan*. Lối dụng ngữ phần nào tương tự có thể là do *từ luật* chi phối. Người viết từ không những phải chọn chữ cho thích hợp với nội dung mà còn phải tìm từ cho sát đúng với âm nhạc; ngoài ra còn phải gieo tiếng sao cho đáp ứng được nhu cầu hợp vận. Trong thơ Đường luật và ở câu thất ngôn, chữ thứ nhất và chữ thứ ba không bắt buộc phải theo tiết điệu bằng trắc: đấy là luật *nhất tam bất luận*. Thậm chí có khi chữ thứ năm cũng thoát khỏi luật lệ bằng trắc: chúng ta có *nhất tam ngũ bất luận.* Bài từ, nhìn chung, không dung thứ lệ *bất luận* theo cung cách đó; *từ luật* hết sức chặt chẽ về tiết điệu. Đã vậy, từ vựng vận dụng vào điền từ phải được tuyển trạch sao cho cả câu lẫn chữ đều tự nhiên. Nhưng tự nhiên lại không phải là sống sượng, dung tục; mà tự nhiên lại đi đôi với tiêm tân, nghĩa là sắc nhọn và mới mẻ. *Từ pháp* kỵ nhất là lời văn *lão thực*, cũ kỹ và quê mùa, thật thà và chất phác. Trương Viêm, từ gia và luận gia về từ đời Nam Tống kể rằng thân phụ Trương Khu - cũng là một từ nhân rất tinh thông âm luật - mỗi khi làm xong một bài từ bao giờ cũng đưa cho ca sĩ hát, nếu thấy không hiệp âm luật thì sửa đổi ngay. Khi điền từ theo điệu *Tích hoa xuân* đến câu *Tỏa song thâm* (Khoá cửa sổ sâu kín), từ gia nhận thấy chữ *thâm* (sâu kín) không hợp nhạc thức nên thoạt tiên đổi thành *u* (tối tăm); nhưng vẫn chưa bằng lòng và lại đổi lần nữa thành *minh* (sáng sủa). Một lần khác, điền từ theo điệu *Thụy hạc tiên,* hạ chữ phác trong câu *Phấn điệp nhi phác định hoa tâm bất khứ* (Bướm phấn đập lòng hoa không được), thấy chữ *phác* vi luật, Trương Khu đổi thành chữ *thủ* (giữ). Chỉ những chữ *minh*, chữ *thủ* mới đủ nhạc tính, mới êm tai, réo rắt, thánh thót, du dương,

ca sĩ mới hát được! Cho nên từ vựng điền từ có thiên hướng vận dụng một số từ ngữ phần nào quen thuộc theo tần số cao. Nhất là khi phải hợp vần như chữ *lý* hoặc ngay cả khi phải hợp thanh như chữ *kim*, hai chữ chúng ta đang bàn. Chẳng hạn, các tác giả sau đây cũng dùng chữ *lý* (dặm) ở cuối dòng vì nhu cầu hợp vận:

- Tô Đông Pha: *Mộng tùy phong vạn lý* (điệu *Thủy long ngâm*),
- Vương An Thạch: *Quy phàm khứ trạo tà dương lý* (điệu *Quế chi hương*),
- Phạm Trọng Yêm: *Trọc tửu nhất bôi gia vạn lý* (điệu *Ngư gia ngạo*),
- Phùng Diên Kỷ: *Nhàn dẫn uyên ương phương kính lý* (điệu *Yết kim môn*).

Có tác giả còn sử dụng bên cạnh chữ lý là dặm cả chữ lý viết với bộ y (bên trong) ở cuối hai dòng trong cùng một bài từ:

- Liễu Vĩnh: *Tàn dương lý và Cố nhân thiên lý* (điệu *Tố trung tình cận*),
- Lục Du: *Thụy giác hàn đăng lý* và *Tự hứa phong hầu tại vạn lý* (điệu *Dạ du cung*).

Đặc biệt chú ý khía cạnh sắp xếp thanh điệu của từ ngữ cho ăn khớp với nhạc khúc nên khi Khương Quỳ hạ bốn chữ *kỷ thời kiến đắc* trong bài *Ám hương* vốn là bốn chữ theo bốn thanh thượng, bình, khứ, nhập thì Ngô Văn Anh ố là một từ nhân rất am tường nhạc lý ố cũng điền theo cùng thứ tự bốn âm thanh thượng, bình, khứ nhập qua bốn chữ *lưỡng đê thúy tạp*.

Cho nên nếu hai từ gia, một người Hán, một người Việt, có sử dụng những chữ giống nhau trong hai bài từ cùng một điệu thì đó cũng là điều chẳng có gì đáng ngạc nhiên.

Giờ đây xin chuyển qua bàn về nội dung. Bài từ điệu *Dương châu mạn* của Tùng Thiện vương có đầu đề *Ức Cao Chu Thần* (Nhớ Cao Chu Thần) bên cạnh tên điệu. Đó cũng là một nét riêng tây của *Cổ duệ từ*: ngoại trừ bài từ điền theo điệu *Lưỡng đồng tâm*, tất cả những bài khác thuộc *Cổ duệ từ* đều có phụ đề giống như thi; trong khi từ truyền thống ố Trung văn cũng như Việt-Hán ố thường lấy tên *từ phổ* thay cho đầu đề.

Tùng Thiện vương đặt đầu đề cho thể *từ* do mình chấp bút song song với điệu từ nhằm nói rõ hơn nội dung ký thác trong từ phẩm. Chúng ta có chẳng hạn những bài mang tên *Xuân hiểu* (Buổi sáng mùa xuân) theo điệu *Hoãn khê sa, Tảo phát* (Lên đường sớm) theo điệu *Thanh bình lạc, Du sơn* (Chơi núi) theo điệu *Kim nhân bổng ngọc bàn* v.v... Điệu từ kết hợp với

đầu đề như vậy hỗ trợ cho nhau nhằm giải quyết những điều khó hiểu, giúp người đọc thấu triệt ý tứ bài từ sâu sắc và đầy đủ.

Đại khái qua bài từ điền theo điệu *Dương châu mạn*, từ gia trình bày tình bạn của mình đối với nhà nho làng Phú thị rồi chuyển qua mô tả tình cảnh cô đơn của cá nhân sau khi bạn ra đi để rồi kết thúc bằng những suy tư triết lý về hoàn cảnh của bạn và của chính mình kể từ ngày xa cách.

Bài từ *Ức Cao Chu Thần* mở ra trong khung thời gian và khung không gian của chia lìa xa cách: chiều tà mặt trời lặn, cánh đồng trải rộng quạnh hiu. Từ gia đứng tựa lan can nơi chiếc lều tranh và sống cùng hoài niệm. Trước cảnh hoàng hôn tự dưng thường bừng dậy những tình cảm xúc động vì bóng xế trôi chầm chậm, vì oán trách chia cách, vì cô đơn vắng vẻ... *Tịch dương, nhật mộ, tà huy, lạc nhật* là những thời điểm *như dục cơn sầu.*

Trường hợp Tùng Thiện vương tiễn đưa một người bạn khác cũng xảy ra khi *lạc nhật*:

Lạc nhật chiếu suy thảo,
Tống quân đa khổ ngâm.
(Tống Nguyễn Lê Quang qui Hà Nội)
(Trời chiều chiếu cỏ héo,
Tiễn anh khổ ngâm nga)
(Tiễn Nguyễn Lê Quang về Hà nội)

Trong con mắt các nhà thơ ngày trước nói chung và trong con mắt Tùng Thiện vương nói riêng, dường như vào lúc mặt trời khuất núi, tất cả đều tựa hồ sắp tiêu tan biến mất, ngày mai có vẻ không còn thuộc về họ nữa. Cho nên họ có thiên hướng quay trở lại sống cùng quá khứ. Để nhớ lại ngày cùng bạn chia tay vào một buổi mưa phùn lâm dâm, gió thu hiu hắt. Đúng là cảnh thực của đất thần kinh. Đúng là cảnh rất quen thân với mùa thu xứ Huế. Và cũng đúng là cảnh gây nhớ nhung bằng hữu. Nhất là rồi ra từ gia sẽ nhắc đến điển tích *đình vân* mượn từ tứ thơ hàng ngàn năm trước của Đào Tiềm: trong phần *tự tự* của bài thơ mở đầu bằng hai câu

Ái ái đình vân,
Mông mông thời vũ.
(Mây ngừng lớp lớp,
Mưa mùa mờ mịt)

Đào Uyên Minh viết *Đình vân, tư thân hữu dã* nghĩa là mây ngừng khiến nhớ bạn thân. Mây ngừng thì nước đọng thành mưa, mưa làm nước sông nước suối dâng cao, mưa khiến đường quan đường làng ngập lụt; mưa là kẻ thù của khách du hành, mưa là trở lực của những kẻ thương nhau.

Mưa đi với gió, gió thu *tiêu thích*, gió thu tiêu sắt, tiêu điều, ảm đạm, rì rào. Định ngữ này từng được Đỗ Phủ vận dụng trong bài *Pháp Kính tự* (Chùa Pháp Kính):

Thuyền quyên bích tiển tịnh,
Tiêu thích hàn thác tụ.
(Rong rêu xanh biếc sạch sẽ,
Mo măng xào xạc dồn đống trong rét)

Nhượng Tống dịch thơ:

Tha thướt rêu xanh mướt,
Rì rào mo rụng thưa.[18]

Phan Ngọc dịch thơ:

Vách yêu kiều biếc xanh rêu phủ,
Gặp lạnh trời cây cỏ thanh u.[19]

Erwin von Zach chuyển thành:

(Auf dem Pfade dahin) glaenzt frischgruenes Moos in anmutiger Reinheit;
froestelnde Blattscheiden von Bambussen werden raschelnd vom Winde zusammengetragen.[20]

[(Trên lối mòn) rêu xanh tươi lóng lánh yêu kiều tinh khiết;
gió xào xạc dồn đống bẹ măng lạnh]

Ngày nào tiễn bạn lên đường: giờ phút chia ly trước sau gì cũng đến nhưng dẫu vậy, vẫn ngại ngần nghe hát khúc Dương quan. Lại một điển tích quen thuộc. Từ Đào Tiềm chuyển sang Vương Duy qua câu thơ trong bài *Tống Nguyên Nhị sứ An Tây*:

Khuyến quân cánh tận nhất bôi tửu,
Tây xuất Dương quan vô cố nhân.

Ngô Tất Tố dịch thơ[21]:

Khuyên người hãy cạn chén son,
Dương quan tới đó không còn ai quen.

Dương quan cũng gọi là *Dương quan tam điệp* là tên một khúc hát được thu thập vào *nhạc phủ* và trở thành một khúc ca tống biệt, một thứ *Auld lang syne*. Khi nghệ sĩ trình diễn bài ca đến câu *Dương quan* thì hát lại hai ba lần như một *refrain* nên mới thành tên *Dương quan tam điệp*, cũng còn gọi là *Vị thành khúc*. Trong một bài thơ tiễn đưa khác nhan đề *Tống nhân tòng quân* (Tiễn người ra trận), Tùng Thiện vương cũng nhắc đến *Dương quan*:

Cố nhân cao xướng Dương quan khúc,

Tráng sĩ như văn Dịch thủy ca.
(Người cũ hát to khúc Dương quan,
Tráng sĩ như nghe ca Dịch thủy).

Động từ *phạ* chứa một hàm lượng ngữ nghĩa tâm lý học. Đó là một hình thức biến đổi tâm linh, đó là thứ tình cảm ngại ngùng bâng khuâng, ngập ngừng khắc khoải. Tâm trạng đó cô thiếu nữ mới lớn rất dễ thương, chớm bắt đầu biết yêu, của Phạm Đình Hổ trong *Hữu sở cảm* (Có cảm xúc) từng trải qua: cô định đánh đàn nhưng ngại người yêu nghe thấy nên đặt ngang cây đàn, cười thẹn thùng mà không nắn phím:

Chỉ phạ đàn lang thính,
Hoành cầm tiếu bất đàn.
(Chỉ e người yêu nghe tiếng,
Đặt ngang đàn, cười mà không gãy).

Đó cũng còn là chữ *phạ* trong thơ chữ hán Nguyễn Du, bài *Ngẫu thư công quán bích*, khi ông quan *hàng thần* băn khoăn dè dặt chẳng biết xử thế sao cho phải, mặc dầu mình đã biết thân biết phận mà chẳng rõ người ta có để cho mình an thân thủ phận hay không:

Bình sinh dĩ tuyệt vân tiêu mộng,
Phạ kiến bàng nhân vấn vũ mao.
(Bình sinh đã dứt hẳn giấc mộng lên tầng mây cao,
Mà vẫn lo người xung quanh hỏi lông cánh ở đâu).

Qua động từ cảm khái *phạ* là cả một tâm tình của vương gia đối với người bằng hữu, người bằng hữu lận đận khoa bảng, trắc trở hoạn đồ, lều chõng thì nhiều mà cân đai thì không. Đón chờ và suy nghĩ về điều có thể đến - khúc hát biệt ly *Dương quan tam biệt* - mà không chắc sẽ có thể đối phó suôn sẻ hay có thể chế ngự tình cảm nên đâm ra lo lắng. Đây gần như là một xung đột tâm thần. Dường như hoàng tử sợ xảy ra một tình huống, cũng có thể hoàng tử không rõ vì sao mà lại sợ, nên đâm ra cảnh giác, *hại phạ*. Giờ đó, phút đó, chắc là sẽ có kẻ xướng người họa, nhất định phải có bên ở bên đi. Nỗi vui còn những phút giây sum họp chỉ làm tăng thêm nỗi buồn sau bài ca phân kỳ. Nghĩ vậy mà lo...

Và thế rồi người bạn tâm đầu ý hiệp lên đường ra bắc. Hoàng tử tỏ ra hiểu thấu tấc nôi tâm trạng của người bằng hữu tri kỷ tri âm nên đã dùng nhóm chữ *anh phất tình sơ*. Mạnh Hạo Nhiên từng hạ bút trong bài *Túc Thiên Thai Đồng bách quán* (Trọ ở am Đồng bách núi Thiên Thai):

Nguyện ngôn giải anh phất,
Tòng thử vô phiền não.

(Xin nói cởi giải mũ và dây ấn,
Từ đây chẳng có điều buồn khổ)

Tùng Thiện vương rõ ràng nhận thấy con người kết nghĩa chi lan với mình đang có tư tưởng muốn bỏ về. Trong bài *Đông vũ ngâm Cao Bá Quát* ca ngợi chàng mổ dê đời Sở Chiêu vương đã từ chối chức vị "tam tinh" để giữ nguyên nghề cũ:

Quân khan đồ dương tử,
Tước lộc cánh hà hữu?
Thùy phi vương thổ, phục vương thần?
Nhất lạp ngang tàng hỗn thế trần.
Thả phóng hành ca Giang ngoại xuân,
An năng đê đầu oải ốc, phủ ngưỡng tùy tha nhân?
(Hãy xem chàng mổ dê,
Tước lộc có làm gì?
Ai chẳng sống ở đất vua, làm tôi vua?
Một chiếc nón nghênh ngang giữa trần thế.
Thảnh thơi vừa đi vừa hát *Giang ngoại xuân*,
Lẽ đâu chui đầu mái nhà thấp, cúi ngữa theo ý người?)

Cuộc đời Cao Chu Thần coi như buông thả, cho nó tự trôi đi đến đâu thì đến. Từ nay ở chốn xa xăm mộng ước cân đai coi như chấm dứt, chuyển sang sống cảnh phiêu bạc điếu đồ. Cho dầu có chim hồng chim nhạn bay trở về nam thì tin tức bạn hiền vẫn xót xa vời vợi. Tứ thơ *tin nhạn* là một hình tượng nghệ thuật quen thuộc trong thơ cổ, khi nói đến tin tức, thông tin giữa những kẻ thương nhau nhớ nhau. Nhưng khi Tùng Thiện vương điển từ mà nhắc đến *hồng nhạn* đi đôi cùng *âm thư* thì sao cứ khiến người đọc liên tưởng đến điệu từ *Thanh bình lạc* dưới ngòi bút từ gia nổi tiếng Lý Dục tức Lý Hậu chủ:

Nhạn lai, âm tín vô bằng;
Lộ dao, qui mộng nan thành.
Ly hận khước như xuân thảo,
Cánh hành, cánh viễn, hoàn sinh.
(Nhạn sang, tin tức không nhờ gửi,
Đường xa, mộng về lại khó thành.
Hận biệt ly giống như cỏ xuân,
Càng đi, càng xa, vẫn nảy sinh)

Ngày xưa phương tiện giao thông rất khó khăn và chậm chạp. Từ bắc vào trung ngăn sông cách núi, *Sở thủy Ngô sơn*. Đời Thanh, Kiều Cát trong

khúc *Trung thu hậu nhất nhật sơn đình thưởng quế hoa* viết theo điệu *Thủy tiên tử*:

Tẩn tôn tiền Sở thủy Ngô sơn, tọa kim sắc tam thiên giới, ỷ thiên hương thập nhị lan, bất thị nhân gian. (Uống hết chén rượu trước khi vạn trùng xa cách, ngồi nhìn cảnh ba nghìn thế giới, tựa hương trời do cả tá loài lan, không phải nhân gian). Giả Chí đời Đường ngậm ngùi tiễn bạn:

Tuyết tình vân tán bắc phong hàn,
Sở thủy Ngô sơn đạo lộ nan.
(Tống Lý Thị lang phó Thường châu)
(Tuyết tạnh, mây tan, gió bấc lạnh,
Sông Sở núi Ngô đường sá khó đi)
(Đưa Lý thị lang đi Thường châu)

Miên Thẩm cũng có cùng tâm trạng như nhà thơ đời Đường. Hoàng tử đang *Tống Cao Giáo thụ phó Quốc Oai*. [Tôi đoán bài từ có lẽ được sáng tác vào khoảng sau mùa hè năm Tự Đức thứ ba (1850), khi Cao Bá Quát hầu như ngang nhiên bày tỏ thái độ không chịu vào luồn ra cúi khiến vua quan triều Nguyễn đành đẩy viên quan bất đắc chí đi xa, cho làm một nhà giáo bất đắc dĩ.]

Vậy là bạn ra đi. Miên Thẩm, người bạn thơ và người tri kỷ đã tặng bằng hữu chi lan một tập thơ và yêu cầu bạn đề tựa cho thi tập của mình. *Thương Sơn công thi tập hậu tự* ra đời dưới ngòi bút tri âm và tri ân của chàng hàn sĩ. Để rồi chấm dứt với ý tình thiết tha đằm thắm:

Cô tửu bắc trường đình, giải y bồi hồi, vịnh công Hà thượng chư thi, khách tâm ích viễn hỹ!

(Mua rượu uống rồi cởi áo ở nơi trường đình, bồi hồi ngâm vịnh các bài thơ Hà thượng của Quốc công, lòng khách càng cảm thấy xa xăm man mác!)[22]

Cũng như khi được hoàng tử gửi biếu tặng phẩm kèm thơ hay, tuy đang sầu muộn vì con mới mất, nhà nho làng Phú thị cũng xúc động thành thi với câu tri ân người tri âm đặc biệt hãn hữu:

Lão khứ văn chương tri kỷ thiểu,
Bần lai khẩu phúc lụy nhân đa!
[*Thương Sơn công hữu sở quỹ vật kiêm trí hảo thi (...)*]
(Về già văn chương ít được người tri kỷ,
Khi túng miệng bụng làm rầy người ta nhiều)
[Ông Thương Sơn tặng quà có kèm bài thơ hay (...)][22]

Vì mối tình bằng hữu mặn nồng nên khi bạn lâm cảnh khốn cùng phải

đi *dương trình hiệu lực* tận Tân gia ba, Tùng Thiện vương đã có những lời thơ Đường thắm thiết chân thành nhắn gửi bạn trong *Hoàng Việt Phong nhã thống biên*:

Cục tích càn khôn nhất giới thân,
Thiên nhai hình ảnh tự tương thân.
(Giữa vũ trụ một tấm thân khốn khổ,
Nơi chân trời hình với bóng thương nhau)

đồng thời bày tỏ nguyện vọng khát khao mong ước bạn sớm được triều đình tha thứ:

Giao tình vị nhĩ ân Nam cố,
Nhật nhật kim kê vọng xá tần.
(Giao tình vì bạn nhìn phương Nam lo lắng,
Ngày ngày bao lần trông được ân xá)

Tình nghĩa chi lan giữa ông hoàng tử và viên giáo thụ vốn xây dựng trên mối giao hảo văn học, nhất là trong khuôn khổ câu lạc bộ văn chương Tùng vân thi xã do Miên Thẩm cùng hai em Miên Trinh và Miên Bửu thiết lập tại cố đô. Tương truyền khách văn thơ đến họp mặt hằng ngày thường không dưới năm chục người, trong số này có Nguyễn Văn Siêu, Cao Bá Quát, Nguyễn Thông, Phan Thanh Giản vốn là những thi hữu của vương gia. Và đối với các nhân vật này, tuy người sinh bắc kẻ gốc nam nhưng thi hào vương tử cũng đều có thi ca bày tỏ lòng thương nhớ những khi xa cách hoặc vui mừng khi hạnh ngộ và/hoặc tái ngộ (*Ký Nguyễn Phương Đình, nhị thủ*, Gửi Nguyễn Phương Đình, hai bài; *Hoài Nguyễn Phương Đình học sĩ*, Nhớ học sĩ Nguyễn Phương Đình; *Thu dạ hoài Hy Phần*, Đêm thu nhớ Hy Phần; *Văn Mai Xuyên lai kinh hữu ký*, Nghe Mai Xuyên đến kinh gửi thơ; *Đồng Mai Xuyên tự thoại cảm tác*, Cùng Mai Xuyên nói chuyện cảm tác). Phương Đình là tự của Nguyễn Văn Siêu, Hy Phần là tự của Nguyễn Thông, Mai Xuyên là hiệu của Phan Thanh Giản.

Tình bạn vốn là một trong những tình cảm thuộc *ngũ luân: quân thần hữu nghĩa* (vua tôi có nghĩa với nhau), *phụ tử hữu thân* (cha con có tình thân nhau), *phu phụ hữu biệt* (vợ chồng có sự cách biệt để kính nể nhau), *trưởng ấu hữu tự* (lớn nhỏ có thứ tự), *bằng hữu hữu tín* (bạn bè có sự tin cậy nhau).

Mặt khác, người xưa lại chủ trương *dĩ văn hội hữu*, dùng văn chương kết bạn bè. Theo truyện kể dân gian, chúng ta có Lưu Bình Dương Lễ. Trong sáng tác hư cấu, chúng ta có Tử Trực Hớn Minh. Bước vào đời sống thực với nhân vật thực chúng ta có Nguyễn Khuyến Dương Khuê. Khi điền bài

từ *Ức Cao Chu Thần* theo điệu *Dương châu mạn*, Miên Thẩm đã chi biểu lộ tình cảm *à la* Tam nguyên Yên đổ: *tôi tuy thương lấy nhớ làm thương*. Thể tài *từ* vốn thích hợp với đài ca quán vũ, lời lẽ hoa lệ, sắc màu rực rỡ, phong cách ủy mị, chan chứa hương thơm, ngạt ngào son phấn. *Từ* chủ yếu có hai nội dung chính: tình yêu và ngăn cách. Tùng Thiện vương đã khai thác nội dung thứ hai.

Cả bài từ không hề sử dụng ngôn ngữ huy hoàng diễm lệ cũng không vận dụng từ ngữ mạ vàng khảm ngọc, mà hoàn toàn là sự thổ lộ trực tiếp tình cảm trong nội tâm. *Thượng bán khuyết* miêu tả không khí biệt ly, phác hoạ tâm trạng lúc chia tay, nhớ lại những phút giây chung sống để rồi oán hận nỗi đau buồn khi phải phân cách. *Hạ bán khuyết* tiếp tục trình bày tấc nôi cô độc và buồn bã sau khi biệt ly, hoài niệm và trầm tư đối với người xa cách, không thể nào gặp mặt. Tâm lý cứ theo từng thứ lớp mà lần lượt bộc bạch triển khai.

Cổ duệ nghĩa là gõ mái chèo. Gõ mái chèo để bơi thuyền đi trong một thế giới nội tâm mênh mông vô bờ bến, khi mà cõi lòng khách sáng tác *từ* như sống một tình huống hoà đồng thuận thảo với bản chất vĩnh hằng của vũ trụ, nên hồn thơ cảm thụ tình bằng hữu một cách tinh tế và thiết tha.

Tận khấp Tây giang, tế chước Bắc đẩu, vạn tượng vi tân khách;
Khấu huyền độc tiếu, bất tri kim tịch hà tịch.

(Múc cạn nước Tây giang, rót hết rượu Bắc đẩu, mọi việc xung quanh đều là khách;
Gõ be thuyền cười to một mình, không biết đêm nay là đêm nào)
(Trương Hiếu Tường. Điệu *Niệm nô kiều. Quá Động đình)*

Khấu huyền của Trương Hiếu Tường đời Tống Trung hoa hay *cổ duệ* của Nguyễn Miên Thẩm đời Nguyễn Việt nam cùng mang tính ẩn dụ tương tự, mượn chuyện đi thuyền để mình sống với mình, với bạn, với trời, với nước.

Nhạc lý rành, ký âm giỏi, thẩm âm tinh, Tùng Thiện vương từng tổ chức, điều hành những buổi sinh hoạt câu lạc bộ văn học giao duyên cùng nhạc giao hưởng thính phòng, với sự tham gia của các ông hoàng bà chúa anh em Miên Trinh, Miên Bửu, Nguyệt Đình, Mai Am, Huệ Phố:

Tửu biên tiễn chúc phiên tương dật,
Thi bãi phần hương họa ngọc cầm.
(Hiệt phương đường dạ yến thư tặng Nguyệt Đình kiêm thị Mai Am, Huệ Phố)

(Bên rượu thắp đèn cùng vén trướng,

Ngưng thơ đốt hương hoà đàn ngọc)

(Đêm yến tiệc tại Hiệt phương đường tặng Nguyệt Đình, Mai Am và Huệ Phố)

Trong bầu khí quyến quyện hồn thơ và tơ đồng đó, vương từng sáng tác riêng một bài từ để mô tả tiếng cung thương của sông Hương núi Ngự theo điệu *Pháp khúc hiển tiên âm* nhan đề *Thính Trần Bát di đàn nam cầm* (Nghe dì Tám Trần gảy đàn nam). Điền từ điệu *Giải bội lệnh*, vương gần như viết một bài bạt ngắn cho khúc hát thôn Vĩ: *Đề Vĩ Dã nam cầm khúc hậu* (Đề ở sau bài nam cầm Vĩ dạ). Vương chọn bạn tri âm qua cung đàn nốt nhạc của từ điệu *Lưỡng đồng tâm*:

Tửu bán bôi phân tòng hợp cẩn,
Cầm nhất khúc đàn hướng tri âm.
(Nửa chén rượu chia từ hợp cẩn,
Một khúc đàn gảy tới tri âm)

Điệu đàn cũ khúc ca xưa ngày nào vương và thân bằng quyến thuộc từng thưởng thức không thất tán thất truyền như Lê Quí Đôn than thở trong *Kiến văn tiểu lục*, dựa theo *Sứ Giao châu thi tập* của Trần Cương Trung. Trái lại, nhạc phổ điệu *Dương châu mạn* còn truyền được đến chúng ta để cho giới nghiên cứu hiện đại có dịp trình bày phù hiệu, tiết tấu vừa dựa theo các âm độ *ho, ssu, i, shang, kou, ch'ê, kung, fan, liu, wu, i-wu* vừa theo nốt nhạc *do, re, mi, fa, sol, la, si*. Nhạc phổ giới thiệu kèm bài viết hôm nay mượn từ công trình tập thể do Stephen C. Soong chủ biên dưới nhan đề *Song without Music, tlđd*, trang 232.

Bản thân Tùng Thiện vương Miên Thẩm thường tuyên bố là chữ trong câu thơ cũng như lời trong bài ca, phải được dùng cho đúng với điệu đàn, mà điệu đàn cũng phải soạn cho đúng với âm nhạc. Có lẽ vì thế nên viết một bài thơ nhớ bạn, vương đã chọn thể tài phối hợp *thi* với *nhạc* tức là thể *từ*. Vốn dĩ *từ* là thi nhạc *par excellence*.

Trần Văn Tích
Westpreussenstr., 01.2006

---

(1) Chữ thứ ba trong câu này, chữ *thiều*, tác giả Phan Văn Các viết nhầm thành *tiêu* còn chữ thứ tư thì các tài liệu kinh điển Trung văn như *Từ luật, Từ phổ, Toàn Tống từ*, hoặc các tài liệu chú giải như *Tống từ tam bách thủ tiên chú* cũng như các tài liệu Việt ngữ, Anh ngữ (Trần Trọng San, Alan Ayling and Duncan Mackintosh, Stephen C. Soong, Xu Zuan Zhong) đều viết với bộ *mã* và chữ *chủ* nên tôi phiên là *chú*; trong khi ông Phan viết với bộ *nhân* và chữ *chủ* và phiên là *trú*.

(2) Ông Phan Văn Các ghi nhầm thành *hào mộng*.
(3) Ông Phan Văn Các ghi nhầm là *Dương châu mạn* có chín mươi sáu chữ.
(4) *Từ phổ*. Vương Dịch Thanh. Bắc kinh, Trung quốc thư điếm, cứ Thanh Khang Hy ngũ thập tứ niên (1715, TVT) nội phủ khắc mộc ảnh ấn. Quyển nhị thập lục. tr. 26.
(5) Alan Ayling and Duncan Mackintosh. *A Collection of Chinese Lyrics*. Routledge and Kegan Paul. London. 1965. Appendix III. *Tune Patterns. Pattern (characters in each line). Chiang K'uei. Yang Chou Man.*
(6) David R. Mc Craw.- *Chinese Lyricists of the Seventeenth Century*. University of Hawaii Press. Honolulu. 1990. p. 8.
(7) Đường Tống từ nhất bách ngũ thập thủ. *Golden Treasury of Chinese Lyrics*. Translated and versified by Xu Yuan Zhong (Hứa Uyên Xung). *Introduction*. Peking University Press. Beijing. 1990. p.i.
(8) Liang Ming-yüeh.- *The Tz'u Music of Chiang K'uei: Its Style and Compositional Strategy. in Song without Music: Chinese Tz'u Poetry*. Edited by Stephen C. Soong. The Chinese University Press. Hong Kong. 1980. p. 231.
(9) *Từ luật, Hạ sách*. (Thanh) Vạn Thụ soạn. (Thanh) Ân Tích, Đỗ Văn Lan hiệu. Dương Gia Lạc chủ biên. Tăng đính Trung quốc học thuật danh trứ đệ nhất tập. Tăng bổ từ học tùng thư đệ nhất tập. Đệ thập cửu sách. Thế giới thư cục phát hành. Đài bắc. Trung hoa dân quốc ngũ thập nhất niên nhị nguyệt sơ bản. Quyển thập ngũ. tr. 345.
(10) *Từ phổ, tlđd*, tr. 266.
(11) *Toàn Tống từ* (tinh trang toàn ngũ quyển). Đường Khuê Chương biên. Trung hoa thư cục xuất bản. 1965. Quyển tam. tr. 2180-2181.
(12) Trần Trọng San.- *Đường Tống từ tuyển*. Bắc Đẩu. Ontario. 1995. tr. 337.
(13) Alan Ayling and Duncan Mackintosh. *tlđd*. tr. 173.
(14) Song without Music: Chinese Tz'u Poetry. *tlđd. The Chinese Lyric*, by Miao Yüeh (Mâu Việt), translated by John Minford, p. 31.
(15) Song without Music: Chinese Tz'u Poetry. *tlđd. Three Tz'u Songs with Prefaces by Chiang K'uei*, translated by Huang Kuo-pin (Hoàng Quốc Bân), p. 249.
(16) *Đường Tống từ nhất bách ngũ thập thủ*. Golden Treasury of Chinese Lyrics. Translated and versified by Xu Yuan Zhong (Hứa Uyên Xung). Peking University Press. Beijing. 1990. tr. 371.
(17) *Poèmes à chanter Tang et Song*. Traduits et présentés par Yun Shi et Jacques Chatain. É'ditons Comp'act. La Roche-sur-Foron (Haute-Savoie). 1988. p. 134.
(18) *Thơ Đỗ Phủ. Nhượng Tống dịch*. Lê Đức Niệm sưu tầm, giới thiệu. Nhà Xuất bản Văn Hóa Thông Tin. Hà Nội. 1996. tr. 154.
(19) Phan Ngọc.- *Đỗ Phủ, nhà thơ thánh với hơn một nghìn bài thơ*. Nhà Xuất bản Văn Hóa Thông Tin. Hà Nội. 2000. tr. 344.
(20) *Tu Fu's Gedichte*. Uebersetzt von Erwin von Zach. Harvard University Press. Cambridge. Massachusetts. 1952. Volume I. p. 216.
(21) *Đường thi*. Ngô Tất Tố dịch. In lần thứ hai. Khai Trí xuất bản. Sài gòn. 1961. tr. 132.
(22) *Thơ chữ hán Cao Bá Quát*. Nhiều tác giả. Nhà Xuất bản Văn Học. Hà Nội. 1976. tr. 353, tr. 355; tr. 286-287.

Dương châu mạn

Tùng Thiện vương Ức Cao Chu Thần

揚州慢

"Yangzhou Man"

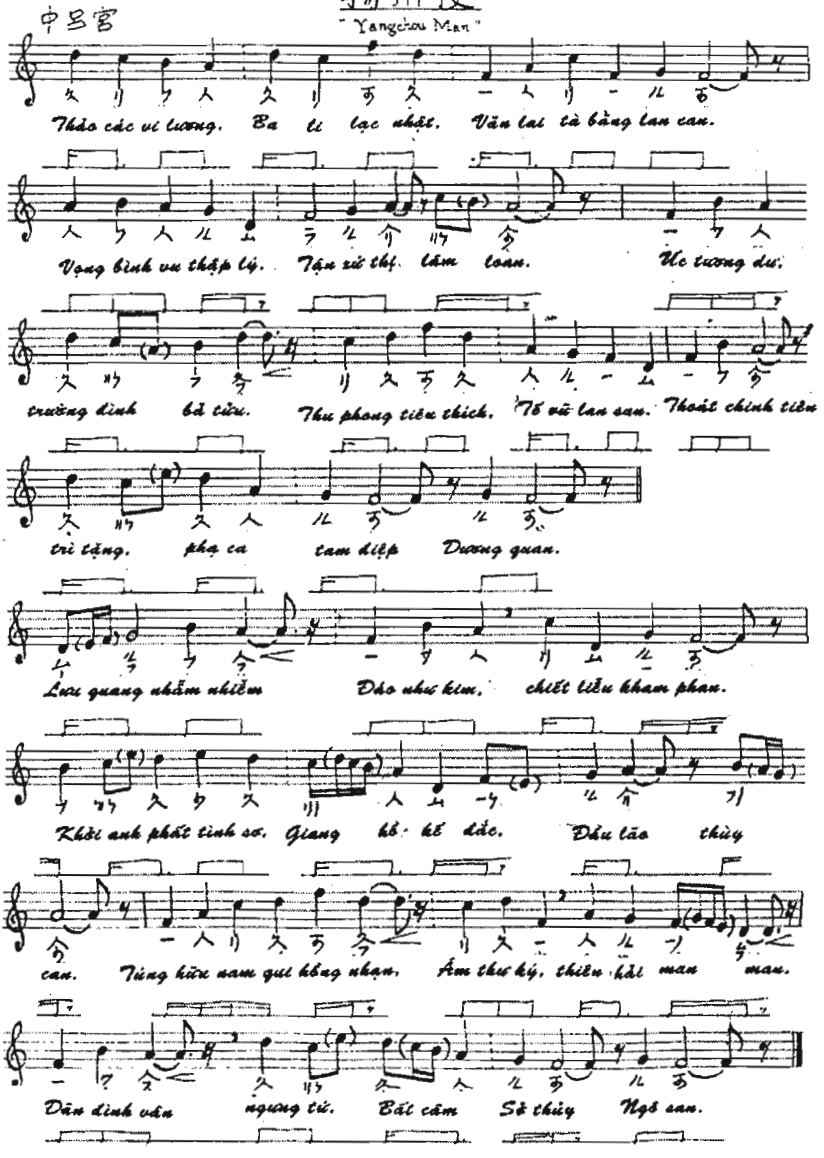

HOÀNG XUÂN SƠN

về trong chiều xưa

Về trong chiều xưa
giật mình cơn gió
nghiêng một mái chùa
trăng soi từ độ

ngọn tóc mây bồng
chia đường luân lạc
chiều đã qua sông
ngậm ngùi khúc hát

Về trong chiều xưa
mơ hồ giọt nắng
phải mắt ai vừa
giếng khua lòng cạn

Năm tháng cũng già
hoa rưng đầu ngõ
vết buồn trên da
cắn sâu vào nhớ

Ngồi trong chiều xưa
dường như trời mưa
giọt về trên mái
giọt nào xa đưa .

Hoàng Xuân Sơn
oct. 2001

phê bình văn học thế kỷ xx
(tiếp theo)
trường phái bác ngữ học đức

THỤY KHUÊ

Trường phái bác ngữ học Đức - quy tụ một số nhà nghiên cứu tên tuổi, có kiến thức bách khoa như: Frédéric Gundolf (1881-1931), Ernst-Robert Curtius (1886-1956), Erich Auerbach (1892-1957), Léo Spitzer (1887-1960) - ngay từ 1915, đã hoạt động trong lòng các đại học, là một trong những khuynh hướng nền tảng đầu tiên của nền phê bình hiện tại. Phát triển cùng thời với trường phái hình thức Nga, một số nhà bác ngữ học Đức cũng phải sống lưu vong như một số nhà hình thức Nga. Từ 1933, khi chủ nghĩa Đức Quốc Xã phát triển, Spitzer, Auerbach phải trốn ra ngoại quốc, viết những tác phẩm chủ yếu ở nước ngoài.

Chống lại chính sách dân tộc cực đoan của Hitler, những nhà bác ngữ học Đức muốn khôi phục một Âu Châu toàn diện và đoàn kết trong tương quan liên đới và phổ quát của ngôn ngữ văn chương. Khi chính quyền Đức Quốc Xã chủ trương xâm chiếm các nước láng giềng, đặc biệt là Pháp, thì các nhà phê bình Đức đem văn học Pháp ra làm đối tượng nghiên cứu ưu tiên. Tinh thần đoàn kết Âu Châu mà họ mở ra từ đầu thế kỷ XX, (trước cả hai cuộc thế chiến) sẽ được Âu Châu - sau hai thế chiến - hưởng ứng triệt để. Đại chiến thứ nhì chấm dứt, mọi người dường như đã nhìn ra và chấp nhận nguyên tắc xây dựng một Âu Châu hợp nhất trong tình đoàn kết để phát triển. Có thể nói: tinh thần khảo sát Âu Châu văn học như một khối "thịnh vượng chung" đã được các nhà phê bình phát triển trước, Âu Châu kinh tế và chính trị đến sau.

Về mặt phương pháp, điểm khác biệt cơ bản giữa trường phái Nga và

trường phái Đức là nếu những nhà hình thức Nga chuyên về khảo sát văn bản và gạt tác giả sang một bên, thì những nhà bác ngữ học Đức đi từ văn bản để tìm hiểu tác giả, tìm hiểu xã hội và thời đại lịch sử mà tác giả đã sống.

*

Vào khoảng 1915, một số nhà bác ngữ học (philologue) người Đức chủ trương khảo sát văn chương Âu Châu như một khối văn học toàn diện - có nguồn gốc tiếng La-tinh - từ thượng cổ đến ngày nay, không phân chia ranh giới quốc gia. Nhóm này, được gọi là Philologie romane (Bác ngữ học những tiếng có nguồn gốc La-tinh). Trước hết, bác ngữ học (philologie) là gì? Là khoa nghiên cứu văn bản bao gồm phê bình, tìm hiểu nguồn cội chữ, lịch sử chữ, và mối tương quan của văn bản ấy đối với toàn bộ nền văn minh đang được khảo sát. Philologie romane là khoa nghiên cứu những ngôn ngữ có nguồn gốc La-tinh. Một chủ trương khảo sát toàn diện nền văn học Âu Châu như vậy, giải quyết nhiều vấn đề trong nghiên cứu và rọi những ánh sáng mới cho phê bình. Những khái niệm như văn học so sánh (littérature comparée), liên văn bản (intertextualité), tuy đã có từ trước, (từ intertextualité mượn của Bakhtine), nhưng chính nhờ những khám phá và thực hành cụ thể của trường phái bác ngữ học Đức, đặc biệt phong cách phê bình của Auerbach trong cuốn *Mimésis* (1946) mà người đọc thấy rõ lợi thế của việc so sánh và kết hợp các mối liên hệ giữa các văn bản (ra đời trước và sau), cùng phát xuất từ một nguồn gốc văn minh.

Các nhà phê bình lớp sau, như Gérard Genette (Pháp), được coi là người chủ soái phương pháp thi học mới: phương pháp liên văn bản. Trong cuốn *Palimpsestes (Nguyên cảo)*[1], (1982) tác phẩm chính của ông, Genette tiếp tục phát triển con đường mà trường phái bác ngữ học Đức đã khai phá, thành một phương pháp khảo sát văn bản, mà ông gọi là *transtextualité* (xuyên văn bản), danh từ này dùng để chỉ tất cả những mối liên hệ giữa một văn bản với văn bản khác. Gérard Genette liệt kê 5 loại liên hệ: *L'intertextualité* (liên văn bản) là sự hiện diện một văn bản trong một văn bản khác. *La paratextualité* (cận văn bản) là mối liên hệ giữa văn bản với những yếu tố phụ thuộc như: tên sách, bài tựa, chú thích, lời đề ở đầu sách, tranh ảnh đi kèm, lời kinh, cầu xuất hiện trong sách và điểm chủ yếu làm cho văn bản tác động đến độc giả. *La métatextualité* (siêu văn bản hay văn bản của văn bản) là sự phê bình văn bản bằng một văn bản khác. *L'architextualité* (nguyên tố văn bản) gồm toàn bộ yếu tố xác định chủ đề, hình thái, phương thức, liên quan đến thể loại của văn bản. Theo Genette, nguyên tố văn bản là đối tượng cố hữu của thi pháp học. *L'hypertextualité* (khuếch trương văn bản) chỉ tất cả những

liên hệ (trừ trường hợp phê bình đã nói ở trên) nối liền giữa văn bản A ra sau (được gọi là hypertexte-hậu bản) với văn bản B xuất hiện trước (gọi là hypotexte-tiền bản): ví dụ L'Enéide và Ulysse là hai "hậu bản" của cùng một "tiền bản" L'Odyssée. Gérard Genette trong *Palimpsestes* đã có công đào sâu và mở rộng phạm vi nghiên cứu phê bình sang tất cả các vùng đất liên quan trước, sau, gần cận trong, ngoài với một tác phẩm.

Thử tưởng tượng nếu ở Á Châu có một trường phái nghiên cứu văn học các ngôn ngữ có nguồn gốc chữ Hán, gồm các nước Trung Hoa, Nhật Bản, Triều Tiên và Việt Nam, thì chúng ta sẽ tìm thấy bao nhiêu mối tương quan đặc biệt lý thú: ví dụ người ta sẽ không mất thì giờ đặt những câu hỏi đại loại như: tại sao Nguyễn Du lại "viết lại" truyện Kiều của Thanh Tâm Tài Nhân? Tại sao những hình tượng trong thơ cổ điển của chúng ta lại mang khí hậu, phong thổ nước Tàu? Bởi nếu nhìn toàn bộ các nền văn học ở Á Châu có nguồn gốc chữ Hán như một khối, chúng ta sẽ thấy sự Nguyễn Du sử dụng truyện Kiều, hoặc dùng các hình tượng văn học Trung Hoa là điều hiển nhiên vì cùng một gốc văn hóa (như người Âu Châu sử dụng các "tích" trong Thánh Kinh, các "truyện" trong Odyssé và Iliade...). Đó là một *thực tế văn học cần khảo sát* hơn là chê bai, khinh thị như một số "học giả" Tàu đã làm. Mối tương quan văn bản giữa Nguyễn Du và Thanh Tâm Tài Nhân là một đề tài nghiên cứu liên văn bản rất lý thú. Chúng ta không có gì phải cải chính, cũng không có gì phải mặc cảm, và cũng chẳng cần phải trả lời những câu hỏi mỉa mai của một số ngòi bút "nghiên cứu" Trung Hoa, hoạnh họe rằng tại sao Nguyễn Du không "sáng tác" ra cốt truyện mới mà lại "dịch" một cuốn tiểu thuyết của Tàu. Thực ra, Nguyễn Du chỉ lấy lại một cốt truyện có sẵn trong văn chương và lịch sử Trung Hoa để hình thành một kiệt tác thi ca. Cả văn bản của Nguyễn Du lẫn văn bản của Thanh Tâm Tài Nhân cũng chỉ là hai "hậu bản" của một "tiền bản" truyện Kiều đã có trong lịch sử Trung Hoa.

Khi nghiên cứu tác phẩm Kawabata, chúng tôi đã thấy những hình tượng trong văn chương Kawabata có nhiều nét rất giống những hình tượng quen thuộc trong truyện Trương Chi, trong Kiều, trong Cung Oán v.v... Đó cũng là điều tất nhiên, bởi tiếng Việt và tiếng Nhật cùng phát xuất từ nguồn chữ Hán.

Tóm lại, sự khảo sát *những yếu tố nhất quán của một toàn cảnh văn học cùng chung một nguồn gốc văn minh*, giúp chúng ta mở rộng tầm nhìn ra thế giới bên ngoài. Và đó là tinh thần chủ yếu của trường phái bác ngữ học Đức.

Frédéric Gundolf (1881-1931)

Là một trong những cây bút cột trụ, đã có ảnh hưởng sâu xa không những đến giới phê bình Đức mà còn cả đến những nhà phê bình Thụy Sĩ trong trường phái phê bình Ý thức như Marcel Raymond, Georges Poulet. Gundolf đặc biệt chú ý đến *tính nhất quán của người sáng tạo* xuyên qua các tác phẩm nghệ thuật: nhất quán tinh thần và nhất quán thể xác hiện ra trong tác phẩm vừa như một dòng chảy vừa như một hình thái nghệ thuật. Gundolf cho rằng người nghệ sĩ sống trong một khối cầu khác hẳn người không nghệ sĩ. Những người không phải là nghệ sĩ cứ tưởng là Shakespeare bắt chước thực tại, thực ra "nghệ thuật chẳng bắt chước đời sống mà cũng chẳng phải là trực giác của dời sống; nghệ thuật là một hình thức nguyên khai của đời sống, nó không vay mượn những lệ luật tôn giáo, đạo đức, khoa học, nhà nước, hay tất cả những hình thức đầu tiên hay thứ yếu khác."

Ernst-Robert Curtius (1886-1956).

Thân Pháp và cực lực chống chế độ Đức Quốc Xã, từ 1933 đến 1945 Curtius không in một cuốn sách nào. Hơn nửa công trình nghiên cứu đồ sộ của ông viết về văn chương Pháp, nghiên cứu các tác giả Pháp, như: Ferdinand Brunetières, Maurice Barrès, Balzac, Proust, Valéry Larbaud, Charles Du Bos, Aragon, André Gide; phần còn lại dành cho Âu Châu. Curtius chống chủ nghĩa dân tộc cực đoan bằng nhiều cách: Ông nghiên cứu kỹ càng nền văn chương Pháp; tìm hiểu bối cảnh văn hóa Đức trong lòng văn minh Âu Châu; và đề cao nền văn chương viết bằng tiếng La-tinh thời Trung Cổ.

Nền tảng phương pháp nghiên cứu của Curtius được trình bày trong cuốn *"Văn chương Âu Châu và thời Trung Cổ La-tinh"* (La littérature européenne et le Moyen Âge latin, in lần đầu năm 1948; 1954 tái bản và dịch sang tiếng Pháp năm 1956). Tác phẩm có một chỗ đứng đặc biệt trong phần trước tác phong phú của Curtius (gồm 18 tác phẩm, 6 dịch phẩm, trong đó có ba cuốn dịch André Gide và hàng trăm bài viết, không kể 6 tập trao đổi thư từ về văn học là những tài liệu bên lề, xác định đường hướng tư tưởng của nhà bác học này). *Văn chương Âu Châu và thời Trung Cổ La-tinh* được coi như một kiệt tác, là một công trình đồ sộ gồm hơn 30 bài, viết rải rác từ 1932 đến 1952, trong điều kiện thiếu tư liệu dưới thời Đức Quốc Xã và chiến tranh. Đối với Curtius, *Văn chương Âu Châu phải được coi như một toàn thể nhất quán.* Lịch sử văn học thông thường chỉ cho ta cái nhìn liệt kê bề mặt của nền văn chương này. Muốn tìm hiểu sâu xa sự nhất quán này,

phải xuyên sâu và tận dụng cả hai phương pháp: bác ngữ học và văn sử học. Nhưng lối khảo sát văn chương như thế, chưa có ở đại học (thời đó), vì thế phải sáng tạo ra. Cái mà Curtius gọi là lịch sử, không phải là thứ lịch sử Âu Châu mà người ta phân chia ra từng mảng theo không gian và thời gian. Đối với Curtius, nếu ta coi Âu Châu và văn chương Âu Châu xuất phát từ hai nền văn minh: Thượng Cổ Địa Trung Hải và Tây phương hiện đại, thì phải chấp nhận rằng: cho tới thời Trung Cổ, toàn bộ nền văn chương này được viết bằng tiếng La-tinh: và như vậy về 26 thế kỷ văn chương Âu Châu, từ Homère tới Goethe, người ta chỉ biết độ khoảng 6, 7 thế kỷ; và đã bỏ qua ít nhất khoảng 10 thế kỷ thuộc thời Trung Cổ La-tinh. Tuy vậy, văn chương quá khứ vẫn cứ hiện diện, mặc thời gian chia cắt, vẫn giao cầu với hiện tại: "*Nghìn lẻ một đêm* và Calderon (1600-1681) với Hofmannsthal (1874-1928); L'Odyssée với Joyce, Eschyle, Petron, Dante, Tristan Corbière; sự huyền bí Tây Ban Nha với T.S. Eliot". Những cách diễn đạt cũng thế (thể loại, vần, đoạn, hình thức, chủ đề, phương pháp) và nhân vật cũng vậy: tác phẩm cuối cùng và cũng là tác phẩm hay nhất của Gide là một Thésée (anh hùng trong thần thoại Hy Lạp). Thế giới xưa không ngừng xâm nhập vào thế giới nay, vậy cần gì phải chia cắt hai thế giới này. Dưới bề mặt chia cách sâu xa là một sự tiếp nối liên tục: cho nên khi nghiên cứu, khảo sát văn chương, chúng ta cần và phải di động tự do trong không gian và thời gian. Văn chương La-tinh phải được coi là sự đóng góp quý giá của La Mã vào nền văn minh Trung Cổ. Phương pháp dùng để khảo sát toàn bộ nền văn chương này phải là phương pháp vi mô và vĩ mô. Phải "quan sát" trước tiên, nghĩa là "đọc thật nhiều" để tìm thấy những dữ kiện có ý nghĩa. Khi ta đã tìm ra một hiện tượng hay một dữ kiện có thể tách rời sang một bên là ta đã bắt đầu "thấy". Kỹ thuật hiển vi áp dụng vào bác ngữ học sẽ cho phép ta khám phá, trong những văn bản khác nguồn, những yếu tố cấu trúc đồng nhất, có thể coi như là bất biến trong văn chương Âu Châu. Điều đó chứng minh là có một lý thuyết và một lối thực hành phổ quát trong cách thể hiện văn chương Âu Châu.

Curtius chứng minh sự nhất quán sâu xa của nền văn học Âu Châu này nằm trong tiếng La-tinh: tiếng La-tinh đã là ngôn ngữ văn hóa trải dài trong 13 thế kỷ, từ Virgile đến Dante (tương tự như nền văn hoá Á Châu từ Thượng Cổ đến đầu thế kỷ XX vẫn dùng chữ Hán). Nền văn chương Âu Châu trong giai đoạn La-tinh, đã vượt trên biên giới các quốc gia, nó đã nhất quán từ sau khi đế quốc La Mã sụp đổ cho đến thế kỷ XVI, XVII, ít nhất trong ba lãnh vực:

1- Nhất quán về ngôn ngữ: *tiếng La-tinh.*
2- Nhất quán về nguồn gốc: *văn chương Hy-La.*
3- Nhất quán về cảm hứng.

Curtius trình bày những nét đặc thù trong các khuynh hướng văn chương Âu Châu và làm nổi bật những mối tương quan mật thiết giữa văn học Trung Cổ và văn học Thượng Cổ, và ông đặc biệt chú ý đến sự biến chuyển tư tưởng Thượng Cổ trong thời kỳ Thiên Chúa giáo.

Ông cho rằng: mục đích tối hậu của một nhà phê bình là phải phục hồi tính nhất quán của một tác phẩm, của một thời kỳ, của một nền văn học, bằng cách sống với nó, bằng cách luôn luôn nghĩ đến nó, và yêu thích nó. Đó là một sự đòi hỏi của tâm hồn, vừa mạnh mẽ, vừa u tối, vừa bí mật vừa sâu xa, nó kích lệ ta, làm ta vượt lên trên những hoạt động khác.

Trong tác phẩm *"Tiểu luận phê bình văn chương Âu Châu"* (Essais critiques sur la littérature européenne, Berne, 1950, 1955), Curtius đề cập đến ba nhà văn lớn: Virgile, Goethe và Balzac. Theo ông, phải rút hẳn Virgile ra khỏi bàn tay những nhà giáo, và nếu muốn đọc và hiểu Virgile theo đúng giá trị của văn hào này thì phải bỏ hết những quan niệm đọc có sẵn, phải đưa Virgile ra khỏi những quan niệm phê bình lỗi thời dựa trên đặc trưng "thiên tài". Bàn về phê bình của Goethe, ông cho rằng cái lớn lao của nền phê bình Đức trong khoảng (1750-1830) là nó đã hiểu và làm nổi bật toàn bộ truyền thống Âu Châu. Nếu triết học là "tư tưởng của tư tưởng", phê bình là "trí tuệ của trí tuệ", theo Schlegel, thì Curtius cho rằng phê bình là "văn chương của văn chương".

Đối với Balzac, Curtius có một cảm tình đặc biệt. Hoàn toàn bị "Balzac lôi cuốn", ông cho rằng, tác phẩm của Balzac hiện ra tính "nhất quán phi thường". Phải sửa lại những bất công đối với Balzac, lâu nay vẫn được giới phê bình coi như một "thiên tài lực lưỡng, phàm tục", không tế nhị về tâm lý và không có văn phong đặc biệt. Curtius quả quyết rằng khi đã xâm nhập được vào "cái cao cả vô cùng" của Balzac rồi, ta sẽ thấy tác phẩm của văn hào này là một vũ trụ có cấu trúc đặc biệt cần phải khảo sát. Cái bí mật trong vũ trụ đó nằm trong thời thơ ấu của nhà văn. Có thể nói: *Cấu trúc, tính nhất quán* và *bí mật* là ba yếu tố chính trong phê bình của Curtius. Theo ông, nhà phê bình không cần tìm cách giải mã nhưng bí mật trong tác phẩm mà nên chấp nhận nó, thẩm thấu nó, hấp thụ nó, "âu yếm nhìn nó" và Curtius đã áp dụng cách nhìn "âu yếm" này khi ông đọc các nhà văn, nhà thơ như Eliot, Proust... Về Proust, đi từ những nét đặc thù trong văn của Proust, Curtius xây dựng lại "đời sống tinh thần" của Proust và theo

ông, Proust không phân chia ranh giới giữa thể xác và tâm linh, mà hội tụ cả hai trong văn phong: Nghệ thuật của Proust là muốn *biểu dương toàn diện hiện thực*.

Curtius đưa ra một quan niệm độc đáo về văn học sử: Những cuốn sách phân chia văn chương thành những dòng chảy, những trường phái khác nhau, như lãng mạn, hiện thực, tự nhiên, tượng trưng, v.v... tức là những sơ đồ có tính cách quy ước như thế theo ông rất tức cười. Vì người ta cứ theo thói quen mà cắt văn chương thế giới ra làm từng mảnh, từng khúc, phân chia lãnh vực sắp xếp theo ngôn ngữ, dân tộc, thế kỷ, v.v... cho nên chúng ta mất hẳn cái nhìn toàn diện. Hãy nói riêng về hiện thực không thôi, thì cái ý diễn tả hiện thực hằng ngày không phải là sáng kiến của nghệ thuật thế kỷ XIX đâu, mà ngay từ ngày xửa ngày xưa người ta đã làm rồi: người ta đã làm trong thơ văn Hy Lạp, trong những tiểu thuyết viết bằng tiếng La-tinh thời đế chế La Mã, trong những truyện cổ tích Bắc Âu thế kỷ XII, rồi đến các nhà văn như Rabelais, Cervantès, thế kỷ XVI, v.v... Hiện thực trong hội họa bắt đầu từ ngày có những hình vẽ trên đá thời kỳ thạch khí. Tóm lại là, những khuynh hướng hiện thực luôn luôn có từ mọi thuở, mọi đời. Có đến hàng tá, nếu không muốn nói đến hàng trăm thứ hiện thực khác nhau, bản chất khác nhau, tình cảm khác nhau, kỹ thuật khác nhau... Vì vậy, khoa học văn chương cũng như lịch sử văn chương phải nhận diện được những hình thức khác nhau ấy trong hiện thực.

Và Curtius đã phân biệt những chiều hướng khác nhau ấy, ông đã phác họa, tìm hiểu nguyên do nào đã phát sinh những khuynh hướng hiện thực khác nhau này. Một số tên tuổi mà theo ông, đã diễn tả được "toàn diện thế giới", như Virgile, Dante, Goethe, thời trước, thế kỷ XX có Proust, Joyce, Eliot, Claudel. Balzac có chỗ đứng riêng trong tâm hồn Curtius, theo ông, Balzac diễn tả được *toàn diện thế giới*. Trong Balzac, "tất cả đều đứng vững".

Có thể nói Curtius, đã dùng "chủ nghĩa thế giới" của các nhà văn, để chống lại chủ nghĩa dân tộc cực đoan của Đức Quốc Xã, cũng như ông đã xây dựng một thứ "chủ nghĩa La-tinh" để thay thế chủ nghĩa Đại Nhật Nhĩ Man của Đức Quốc Xã.

Léo Spitzer(1887-1960)

Spitzer - cùng với Curtius và Auerbach được coi là ba nhà phê bình lớn nhất của Đức trong thế kỷ XX - đã có những đóng góp không nhỏ trong việc xây dựng nền phê bình hiện đại. Với kiến thức uyên bác về ngữ học,

sức sáng tạo phương pháp dồi dào và một trước tác đồ sộ gồm 33 tác phẩm, 88 bài viết (bằng tiếng Đức, tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Ý), Spitzer được coi là người đã người xây dựng nên nền phong cách học (stylistique) hiện đại.

Léo Spitzer sinh tại Vienne ngày 7/2/1887, mất tại Forte dei Marmi ngày 16/9/1960. Học ở Berlin và Halle. Dậy đại học Marburg và Cologne. Ông bị bắt buộc rời nước Đức từ 1933, sang Istanbul (Thổ Nhĩ Kỳ), rồi ba năm sau, 1936, ông sang Mỹ ở hẳn, dạy đại học John Hopkins (Baltimore).

Đường đi của Léo Spitzer bắt đầu từ trực giác bác ngữ học. Là học trò của nhà bác ngữ học Meyer-Lübke, người đã truyền cho ông phương pháp làm chủ chất liệu ngôn ngữ một cách hệ thống và hợp lý, để khảo sát các địa hạt như lịch sử văn phạm, từ nguyên và từ vựng. Bước đầu khảo sát văn bản, Spitzer mới chỉ để ý đến khía cạnh ngữ học, nhưng chẳng bao lâu, thấy tính cách máy móc của việc làm này, ông bèn chuyển sang khía cạnh văn phong (style). Spitzer nhận thấy khi nghiên cứu văn phong của một tác giả, không những người ta có thể tìm thấy tính chất đặc thù của tác giả đó và đồng thời còn có thể biết được tình trạng ngôn ngữ của tác giả trong một giai đoạn của cuộc đời. Mục đích của ông là chứng minh rằng: đằng sau văn bản, đằng sau tác phẩm, là một con người, là một đời người.

Cuốn *"Nghiên cứu văn phong"* (Etudes de style), hội tụ những bài viết từ năm 1928, (do Éliane Kaufholz, Alain Coulon và Michel Foucault dịch từ tiếng Đức và tiếng Anh sang tiếng Pháp, Jean Starobinski viết tựa, Gallimard, 1970), gồm một bài tổng quan tựa đề *Ngữ học và nghệ thuật ngôn ngữ"* (Art du langage et linguistique) và chín bài phê bình các tác giả: Jaufré Rudel, Rabelais, La Fontaine, Racine, Voltaire, Marivaux, Marcel Proust và Michel Butor. Chín bài này được Spitzer coi như chín thực chứng của phương pháp "vòng bác ngữ" (cercle philologique): tức là biện chứng bằng cách quy chiếu không ngừng cái đọc chi tiết với cái nhìn tổng thể, để tìm đến ý nghĩa sâu xa của tác phẩm.

Để tìm hiểu phương pháp "vòng bác ngữ" của Spitzer là gì, chúng ta phải trở lại từ đầu con đường tìm tòi nghiên cứu của ông.

Trong bài tổng quan *Ngữ học và nghệ thuật ngôn ngữ* (sđd, trang 45-78), Spitzer kể lại rằng: Ngay từ khi còn ở đại học, tôi đã được tiếp thu một kiến thức khá vững về cổ ngữ; và tôi quyết định khảo cứu những tiếng có nguồn gốc La-tinh. Đặc biệt là môn bác ngữ học về tiếng Pháp. Ở Vienne, nơi tôi sinh trưởng, người ta đặc biệt thích phong cách sống của người Pháp. Tôi luôn luôn hít thở không khí Pháp, nhưng những kinh nghiệm thời niên

thiếu về văn chương Pháp thường có tính cách đại cương. Dưới nhãn quan của người Áo, tôi nhìn người Pháp như một yếu tố pha trộn giữa dục tình và suy tư, mạnh mẽ và kỷ luật, rất tình cảm mà lại có óc phê bình. Một hôm có một đoàn kịch từ Pháp sang, trên sân khấu, vừa mở màn, một giọng rổn rảng cất lên, người bồi già bộ mạnh mẽ dõng dạc hô: "Madame est servie" ("Rước phu nhơn ra khai vị", hay "Bẩm bà lớn, tiệc đã sẵng sàng"). Tôi bồi hồi sung sướng, và hiểu rằng: cái môn bác ngữ học về tiếng Pháp mà giáo sư Meyer-Lübke giảng dậy, chẳng cho tôi biết gì thêm về dân tộc Pháp, về bản chất Pháp. Người ta chỉ học môn đó để biết chữ a trong tiếng La-tinh đổi thành chữ e trong tiếng Pháp, kiểu như: pater trong tiếng La-tinh sang tiếng Pháp thành Père. Làm như là những biến hóa này từ trên trời rơi xuống. Và những tiếng khác ở Âu Châu cũng biến hóa như vậy. Tức là lối học này chỉ cho biết về tiền sử (préhistore) tiếng Pháp mà không cho biết lịch sử (histoire) chữ Pháp. Lối học này không cho tôi biết gì về người Pháp, con người đầy nhục cảm, con người hóm hỉnh (spirituel), con người ưa kỷ luật, đã có từ ngàn năm. Người ta đã bỏ qua con người đó trong bóng tối mà chỉ nói đến tiếng Pháp, như một khối vô cảm lắp ghép những tiến triển rời rạc, không liên lạc gì với nhau và vô nghĩa nữa. (sđd, trang 46)

Nhờ thầy Philipp-August Becker, dạy văn học sử, trong giờ giảng, ông đã phân tích một cách sống động những chương anh hùng ca trong *Le pélerinage de Charlemagne* (Cuộc hành hương của Charlemagne), hoặc khi ông nói đến những tình tiết ly kỳ xung quanh một hài kịch của Molière. Nhưng những điều này cũng chỉ được thầy coi là những yếu tố bên lề công việc nghiên cứu khoa học, và việc nghiên cứu đích thực chỉ quy tụ trong mấy điểm chính: tức là phải tìm ngày tháng và xác định những dữ kiện lịch sử xoay quanh tác phẩm, tìm kiếm những yếu tố tiểu sử, những văn bản nguồn mà các tác giả sử dụng để đem vào tác phẩm v.v... Riêng tôi, tôi còn muốn biết thêm những yếu tố khác, ví dụ như cuộc hành hương của Charlemagne có liên hệ gì đến cuộc thánh chiến thứ bao nhiêu. Văn bản gốc của bài trường ca này, đã được đọc hoặc viết ra bằng thổ ngữ gì, trước khi chuyển sang tiếng La-tinh? Molière có đem chuyện lộn xộn trong gia đình để viết ra trong *Ecoles des femmes (Trường dạy làm vợ)* không? v.v... Và tôi thấy rằng, cả hai ông thầy của tôi, một ông chỉ dạy ngữ học, còn một ông chỉ dạy văn chương. Địa hạt của hai ông rất xa nhau, nhưng đều tỉ mỉ như nhau và có thể nói là một sự tỉ mỉ vô dụng: bởi cái học này không dẫn đến sự tìm hiểu dân tộc Pháp, ở thời điểm phát xuất ra tác phẩm; vì nó đã quên đi yếu tố chính: đó là *con người*. (sđd, trang 47).

Bước sang năm thứ nhì cao học, tôi bắt đầu hiểu rằng cái học như vậy không phải là không có ích, nhưng nó không phải là mục đích của tôi, và nếu cứ tiếp tục như thế, thì tôi không thể nào giật được mảnh bằng tiến sĩ văn chương. Con đường tôi đi, phải kết hợp những kỹ thuật làm việc của nhà bác ngữ học với nhà văn học sử. Tôi học được ở Meyer-Lübke cách tìm một từ nguyên. Từ nguyên học cho tôi những nghĩa không tìm thấy ở chỗ khác. Truy nguyên cỗi rễ một từ, chúng ta có thể tìm lại được cả những thời đại mà nó đã xuyên qua, nó đã sống sót và đã bị biến đổi như thế nào qua những giai đoạn lịch sử, những đổi thay trong tính cách của con người. Mỗi không khí văn hóa, sản sinh ra một *văn phong* (style)[1] khác nhau.

Theo Spitzer, tư liệu tốt nhất về tâm hồn một dân tộc là nền văn chương của dân tộc ấy. Mà nền văn chương này chính là ngôn ngữ của dân tộc ấy được viết ra dưới ngòi bút của các nhà văn. Một nghi vấn được đặt ra là: người ta có thể hiểu được tâm hồn của một dân tộc qua những tác phẩm văn học tiêu biểu nhất của dân tộc ấy không? Riêng tôi, tôi muốn đặt thêm câu hỏi: Ta có thể biết được tâm hồn một nhà văn Pháp qua ngôn ngữ văn chương của anh ta không? Người ta thường nhắc câu "Le style c'est l'homme" (Văn tức là người) của Buffon (chẳng biết có thật không), nhưng tôi, tôi có một định nghĩa chính xác và khoa học hơn. Tôi cho rằng: "Văn phong học hay phong cách học, theo tôi phải là chiếc cầu nối giữa bác ngữ học và văn sử học". Một mặt khác, tôi cũng được biết câu ngạn ngữ kinh viện: *"individuum est ineffabile"*; chẳng lẽ mọi cố gắng để xác định cá tính của một nhà văn qua văn phong đều dẫn đến thất bại ư? Tôi đáp lại rằng: "Độ lệch văn phong của một nhà văn đối với hướng đi chung của thời đại, biểu dương bước tiến lịch sử mà nhà văn đó đã vượt qua, nó phải phát lộ những biến chuyển trong tâm hồn thời đại. Biến chuyển mà nhà văn đã ý thức được và ghi lại dưới hình thức ngôn ngữ mới: bước tiến lịch sử, tâm lý cũng như ngữ học này, có thể xác định được." (sđd, các trang 53-54-55).

Spitzer đặc biệt chú ý đến cách diễn đạt (dùng từ) của nhà văn, ông cho biết: khi đọc những tiểu thuyết hiện đại của Pháp, tôi có thói quen gạch dưới những chữ hay những câu mà tôi thấy là hơi lệch, hơi trệch, đối với cách dùng thông thường. Những câu, những chữ được gạch dưới một cách riêng rẽ như thế, khi tập hợp lại, cho ta thấy một độ đậm đặc nào đó. Tôi tự hỏi không biết ta có thể tìm ra một mẫu số chung cho tất cả những độ lệch ngôn ngữ này không; tìm thấy nguồn gốc tinh thần, nguồn gốc tâm lý đã phát xuất ra những nét đặc biệt trong văn phong nhà văn, nói lên cá tính đặc biệt của nhà văn, như thể ta tìm nguồn gốc một cách tạo từ đặc biệt

trong từ nguyên học. Ví dụ như trường hợp Charles-Louis Philippe trong tiểu thuyết *Babu de Monparnasse* (1905), viết về thế giới khả nghi của gái điếm và ma cô ở Paris. Philippe hay dùng chữ *à cause de* (*vì, bởi vì*), bình thường chữ này hay dùng để nói hơn là viết. Ví dụ trong câu này: "ngủ trưa dậy thường thấy đầu nặng và nhơm nhớp... cảm giác rã rời *vì* những lần tỉnh dậy ngày trước" (Les réveils de midi sont lourds et poisseux... on éprouve un sentiment de déchéance *à cause* des réveil d'autrefois) Theo Spitzer, một nhà văn thành thạo sẽ viết: "cảm giác rã rời *khi nhớ lại* những lần tỉnh dậy ngày trước" (en se rappelant les réveils d'autrefois). Chữ *vì* này của Philippe, mới nhìn qua, có vẻ nôm na, vụng, nhưng xét kỹ, nó gợi sự nên thơ trong một tương quan nhân quả bất ngờ: ở chỗ mà ai cũng tưởng là tỉnh cờ: sau giấc ngủ trưa ta có hoặc không có (nếu tỉnh cờ nhớ lại) cái cảm giác rã rời như những lần tỉnh dậy tương tự trước đây. Nhưng với chữ *vì* ở đây, mối tương quan tỉnh cờ đó đã mất đi, chúng ta đứng trước một *thực tại giả định (réalité supposée)*, một thực tại thơ được diễn đạt bằng văn xuôi (sđd, trang 54-55). Vì vậy, phải đi từ cách dùng chữ của nhà văn, để tìm đến nguyên khởi tâm lý, đến nguồn cội tâm thần của nhà văn và chính cái nguồn cội tâm lý tâm thần ấy, phát sinh ra nguồn cảm hứng ngôn ngữ và văn chương của nhà văn. Spitzer thổ lộ: Chúng tôi chọn con đường đi từ ngôn ngữ và văn phong để đạt tới tinh thần. Và con đường này đã cho phép chúng tôi nhìn thấy những biến chuyển tinh thần của người Pháp trong thế kỷ XIX: Con đường ấy có thể tóm tắt như thế này: khảo sát văn phong nhà văn để tìm đến tâm hồn nhà văn, và nhà văn là kẻ đã ý thức được định mệnh của quần chúng, cái thành phần dân tộc (Pháp) mà anh ta sẽ mượn ngòi bút để ghi lại sự phản đối yếu ớt của họ. Trong cách phân tích như thế, tôi nghĩ rằng một cái nhìn bác ngữ học phi thời gian, phi nơi chốn theo lối mòn cũ sẽ không còn chỗ đứng, mà phải thay thế bằng lối nhìn hiện tượng lịch sử trong dòng chảy cụ thể, hiện thực. (sđd, trang 56).

Qua lối phân tích và phê bình này, chúng ta thấy phương pháp của Spitzer có chỗ tương đồng với phương pháp của Bakhtine: đi từ văn bản để đến với con người và xã hội. Nhưng Spitzer chú ý đến phong cách học, dùng ngữ học và ký hiệu học; trong khi Bakthtine sử dụng xã hội học. Sự khác biệt này càng thấy rõ, khi Spitzer phê bình Rabelais, khác hẳn cách làm việc của Bakhtine mà chúng tôi đã trình bày kỳ trước.

Trong bài *Rabelais et les Rabelaisants (Rabelais và những nhà Rabelais học)* (sđd, trang 134- 165), Spitzer phản bác toàn bộ những lập luận nghiên cứu theo đường lối "thực nghiệm lịch sử" (positivisme historique)

của những người mà ông gọi là "rabelaisant". Ông dùng chữ rabelaisant để chỉ những nhà phê bình văn học kiêm bác ngữ học viết về Rabelais, đòi hỏi độc giả phải có một trình độ bác ngữ học và một cái "gu" văn chương cao. Nhân ngày giỗ thứ bốn trăm Rabelais (1953), khoảng 20 nhà bác học thời danh, phần lớn người Pháp, góp bài trong tập sách đồ sộ tưởng niệm Rabelais, tựa đề "Travaux d'Humanisme et Renaissance, VII, Genève và Lille, 1953). Spitzer đọc bộ sách ấy và ông phê bình gắt gao từng luận điểm của mỗi nhà "bác học" trong cuốn sách này, ông cho rằng họ chẳng mang lại điều gì mới mẻ cho phê bình hiện đại, mà chỉ lập lại lối phê bình thực nghiệm đã có từ những thế kỷ trước.

Spitzer chú ý đến Rabelais từ thời trẻ, tác phẩm đầu tiên và cũng là luận án tiến sĩ của ông tựa đề *Die Wortbildung als stilistiches Mittel*, viết năm 1910, về cách lập ngôn trào phúng của Rabelais mà ông cho là "người thầy vô địch của ngành phi hiện thực trào tiếu" (maître inégalé de l'irréalisme bouffon). Tại sao Spitzer lại tìm đến Rabelais? là bởi vì ông thấy trong văn phong khôi hài của Rabelais có cái gì rất gần gũi với lối trào phúng của dân thành Vienne, nơi ông sinh trưởng, Spitzer lấy đó làm cơ hội để bắc cầu nối giữa ngôn ngữ học và văn sử học. Trước hết, ông để ý đến cách Rabelais chế tạo chữ: ví dụ chữ Pantagruélisme (chủ nghĩa hay chủ thuyết Pantagruel) mà Rabelais dùng để chỉ cái triết học khắc kỷ Épicure của mình. Lối ghép chữ này là một thủ pháp độc đáo của Rabelais: ghép tiếp vĩ ngữ *isme* (chỉ một chủ nghiã, trường phái, hay học thuyết triết học như kiểu Aristotélisme) với chữ *Pantagruel* là tên nhân vật do Rabelais tạo ra: vừa khổng lồ vừa là vua-giáo chủ. Pha trộn yếu tố bác học minh triết (isme) với cái tên tiếu lâm của một nhân vật trào phúng, Rabelais đã tạo ra một thực thể nửa hư nửa thực: Pantagruelisme trở thành một thứ học thuyết tiếu lâm, một thứ *triết học của một nhân tố tưởng tượng*. Hoặc khi nhìn danh sách những từ mà Rabelais sáng chế ra để chỉ những kẻ thù của mình (bọn giáo sư đại học "phản động" ở Sorbonne) một loạt những chữ như: *sophistes, sorbillans, sorbonagres, sorbonigènes, sorbonicoles, sorbonniformes, sorbonisèques, niborcisans, sorbonisans, saniborsants*. Đại học Sorbonne được ghép với những tiếp vĩ ngữ khủng khiếp khác, theo các phương pháp mà giới ngữ học đều biết, để tạo ra một rừng rắn rết, thủy quái, ma quỷ. Tất cả thủ pháp của Rabelais ở đây là tác hợp một thực tại có thật (Sorbonne) với những phần tử tưởng tượng ghê rợn, cho chúng nằm chung với nhau trong một chữ để đào sâu chôn sống kẻ thù dưới vực sâu chữ nghĩa bằng tiếng cười. (sđd, trang 58)

Hoặc Rabelais có thể chồng chất một đống hình dung từ lên nhau, đạt tới những kết quả dễ sợ như bài vè treo trước cửa nhà tu Thélème, để cấm cửa những phường đạo đức giả. Lối vè ấy phát xuất từ những lời rao hàng ngoài chợ (kiểu rao thuốc ho bà lang Trọc). Những lời rao ấy, dĩ nhiên là xạo, nếu chúng đứng lẻ tẻ thì vô hại, nhưng nếu họp lại thành một đống thì rất kinh khủng, Rabelais xả ra để khạc nỗi kinh tởm của mình trước những phường dối trá, đạo đức giả, mà theo ông đó là tội ác lớn nhất của nhân loại. Spitzer viết: "Đúng là tiếng rao, nhưng trong cái nghĩa rộng lớn nhất của nó: đó là tiếng vĩ đại của Rabelais, nói với chúng ta, qua những vực sâu thế kỷ, mà hôm nay, những bóng ma ấy vẫn còn ám ảnh chúng ta, y hệt như thời Rabelais đã khai sinh ra những con chữ tai quái này" (trang 57-58).

Spitzer cho rằng: "Cách sáng tạo chữ, ở Rabelais, biểu thị sự trung gian giữa thực và hư, giữa những kinh hoàng sởn tóc gáy và cái cười xả láng, vậy mà trong lối phê bình của Lanson mà học trò Pháp được học rỉ rả trong các sách giáo khoa, người ta lại tụng rằng: "Chưa bao giờ có thứ hiện thực trong sáng nhất, hiện thực mạnh mẽ nhất, hiện thực vinh quang nhất như hiện thực của Rabelais". Thật ra chưa có điều gì trật lất đến thế. Bởi chưa có gì phi hiện thực hơn tác phẩm của Rabelais, hành trình của những nhân vật Rabelais là một hành trình phi thực. Nhân vật phi thực, tất cả những chi tiết lớn nhỏ, trong truyện đều dẫn đến một thế giới phi thực, thế giới ảo." (trang 60)

Spitzer nhấn mạnh: Đúng là một thế giới phi thực, tất cả những giảo nghiệm ngôn ngữ của Rabelais đều chứng minh, tất cả những phân tích văn chương đều chứng thực như thế, mà cũng không thể khác, bởi nếu nói kiểu ẩn dụ: dòng máu sáng tạo thi ca ở đâu cũng vậy, dù xét từ mức độ "ngôn từ" hay mức độ "tư tưởng", mức độ "câu chuyện" hay mức độ "kết cấu", ngôn ngữ chỉ là sự đông đặc bên ngoài của một hình thái tiềm ẩn bên trong.

Tôi là nhà ngữ học cho nên tôi đi từ văn bản để tìm đến cái nhất quán toàn bộ. Và chắc chắn là mỗi nhà phê bình đều không nhất thiết phải làm như vậy. Nhưng cái mà người ta đòi hỏi ở nhà phê bình, dù đi từ xuất phát điểm nào, là cũng phải từ bề mặt, từ ngoài mà tiến sâu vào trong, để tìm thấy "hồng tâm" của tác phẩm nghệ thuật. Trước hết hãy quan sát những chi tiết bề mặt dễ thấy của mỗi tác phẩm (những "ý tưởng" mà nhà văn diễn ra chỉ mới là một trong những yếu tố bề mặt của tác phẩm mà thôi). Sau đó, phải tập hợp những yếu tố đó lại thành tổ hợp nguyên tắc sáng tạo đặc thù của tác giả. Sau cùng, lại trở lại những góc cạnh quan sát khác, để xem cái hình thái bên trong, mà ta vừa xây dựng nên, có phù hợp với toàn

thể hay không. Qua ba bốn lần trở đi trở lại như thế, người phê bình mới có thể biết là mình đã tìm ra "hồng tâm" hay vẫn còn đứng ở bên ngoài tác phẩm nghệ thuật.

Nói tóm lại: "chi tiết chỉ có thể được hiểu bằng toàn thể, và tất cả những giải thích chi tiết, cho thấy người phê bình đã hiểu toàn thể".

Việc đi đi lại lại, từ một số chi tiết bên ngoài vào trong, từ trong ra ngoài, rồi từ đó dẫn tới một toàn thể chi tiết khác... là cách áp dụng phương pháp "vòng bác ngữ". Spitzer khuyên các nhà phê bình: Nhưng cái lóe sáng đầu tiên, mà tất cả các giai đoạn sau phụ thuộc vào, lại không thể đoán trước được. Hiển nhiên là do một cách "quan sát" nào đó, một hình ảnh, một chi tiết hiện ra, và chính cái chi tiết đó là đầu mối cho ta đi vào tác phẩm. Rủi thay, tôi cũng lại không dám chắc rằng cái "cảm tưởng" hoặc cái "tâm chứng" ấy, lúc nào nó hiện ra: đó là kết quả của tài năng của kinh nghiệm và của lòng thành. Nhưng đôi khi với tất cả những yếu tố đó, mình vẫn bất lực như thường. Với những kinh nghiệm phương pháp tích lũy từ nhiều năm, mà biết bao lần tôi vẫn thấy đầu óc trống rỗng trước trang giấy đầy chữ, phải đọc, mà nó không mang lại cho mình một cảm giác nào, như một sinh viên năm thứ nhất.

Phương pháp duy nhất để thoát khỏi ngõ bí là bạn cứ phải đọc đi đọc lại, với quyết tâm và tin tưởng, tìm cách nhập vào không khí bài thơ, vào không khí tác phẩm. Rồi chợt một chữ, hay một câu thơ hiện lên, cho ta thấy mối liên lạc giữa ta và bài thơ. Sau này tôi nhận thấy phút "lóe sáng" (déclic) ấy, là dấu hiệu cho biết cái chi tiết và cái tổng thể đã tìm ra mẫu số chung: nó chỉ cho ta thấy hồng tâm của văn bản (trang 68).

Spitzer đã dựng nền móng không những cho một nền phê bình dựa trên phong cách học mà ông còn đặt những viên đá đầu tiên cho lối phê bình ký hiệu học mà nửa sau thế kỷ XX sẽ rất thịnh hành. Điều chúng ta tiếp nhận được ở nhà bác học này là cách phân tích trực tiếp, gọn gàng, và dễ hiểu; và ông đã viết lại kinh nghiệm phê bình của mình một cách hồn nhiên, không cầu kỳ, nhiêu khê, bác học như một số tác giả khác. Và đó cũng là đặc điểm của một thiên tài.

Erich Auerbach (1892-1957)

Erich Auerbach cũng không đưa ra một phương pháp phê bình và cũng không viết lý thuyết văn học. Chỉ cần đọc những bài phê bình của ông thì sẽ hiểu cách ông làm việc như thế nào.

Đến gần cuối cuốn *Mimésis*, ông mới ngỏ mấy lời đại ý như sau: "Tôi

chẳng bao giờ có ý định viết lịch sử văn học hiện thực Châu Âu. Làm như thế không những mình sẽ bị đống văn bản đồ sộ đè bẹp, mà còn rơi vào cuộc tranh luận vô ích về việc phân chia các thời kỳ văn học, phân chia các nhà văn theo khuynh hướng riêng, nhất là sẽ gặp những khó khăn trong việc định nghĩa khái niệm hiện thực. Một mặt khác để viết cho đầy đủ, tôi lại phải viết về những hiện tượng mà mình chỉ biết một cách hời hợt. Và để đáp ứng nhu cầu của đề tài, tôi sẽ phải đọc tất cả những phần mà kiến thức tôi thiếu, điều đó tôi cho là vô bổ: bởi chỉ vì cái chủ đề mà tôi chọn mà tôi phải đắm chìm trong một núi thông tin mà nhiều người đã biết hoặc họ có thể tìm thấy trong những sách tham khảo khác. Ngược lại, nếu tôi lấy một số những chủ đề đã có sẵn trong đầu mình, đem đối chiếu với một loạt văn bản quen thuộc và sống động mà mình đã nghiên cứu trong địa hạt bác ngữ học, thì việc này xem ra phong phú và có thể làm được. Bởi tôi tin chắc rằng, những chủ đề chính của lịch sử văn chương hiện thực bắt buộc phải nằm trong bất cứ văn bản hiện thực nào."

Trở về trường hợp một số tác giả thời nay, họ thích chiếu ống kính vào một vài yếu tố bình thường xảy ra trong một vài ngày hay một vài giờ của cuộc sống, hơn là mô tả toàn diện những biến cố xảy ra theo trình tự thời gian của một cuộc đời dài. Có thể nói nhà văn của thế hệ này đã ý thức được rằng không thể biểu hiện thật đầy đủ, cùng một lúc, những diễn biến bên ngoài, và đồng thời làm nổi bật những yếu tố chủ chốt bên trong. Họ không thể bắt câu chuyện mà họ đang viết, bắt chủ đề mà họ đưa ra, phải quy theo một trật tự mà chính cuộc đời không có. Để viết về một đời người hay một "bối cảnh toàn thể" như thế, nhà văn bắt buộc phải lược bỏ một cách tùy tiện những yếu tố này hoặc lơ là những yếu tố khác, mà chúng ta đều biết là cuộc đời đã bắt đầu và đang diễn ra trong mỗi phút mỗi giây. Vì vậy cho nên, những gì xảy ra cho một vài nhân vật trong vài phút, vài giờ, vài ngày, với chút may mắn, có thể biểu hiện được toàn thể. (*Mimésis*, bản dịch tiếng Pháp của Cornélius Heim, Gallimard 1968, trang 543-544).

Ở một đoạn khác, Auerbach viết: "Cuốn tiểu thuyết đồ sộ của Joyce, tác phẩm bách khoa, tấm gương soi Dublin, soi Irlande, soi Âu Châu và mấy nghìn năm văn hiến, có khung cảnh là một ngày vô bổ của một anh thày giáo trung học và một anh chạy việc quảng cáo; dàn trải trong không đầy hai mươi bốn giờ - cũng giống như *To the Lighthouse* (của Virginia Woolf) mô tả những mảng của hai ngày rất xa nhau trong thời gian; hoặc không thể không liên tưởng đến *Comédie* của Dante; Proust trình bày những ngày, giờ biệt lập trong những khoảng thời gian khác nhau nhưng có ảnh hưởng

sâu xa đến định mệnh các nhân vật" (trang 542).

Qua những hàng trên đây, Auerbach không những đã giải thích (trực tiếp không cần thông qua các lý thuyết văn học) phương pháp viết của những nhà văn thời nay, mà ông còn giải thích phương pháp phê bình của ông: chỉ cần dùng một vài đoạn văn, đem đối chiếu chúng với nhau, là có thể xác định cách mô phỏng hiện thực của các tác giả. Và đó cũng là phương pháp nghiên cứu văn học đối chiếu và liên văn bản (dù Auerbach không gọi tên là gì) mà các nhà phê bình lớp sau sẽ chịu ảnh hưởng sâu rộng như chúng tôi đã nói ở trên.

Erich Auerbach, sinh ngày 9/11/1882 tại Berlin và mất tại Wallingford (Connecticut), ngày 13/10/1957. Được nhiều người coi là nhà phê bình lớn nhất của Đức trong thế kỷ XX. Là giáo sư bác ngữ học tại đại học Marburg, năm 1935, ông bị chế độ Nazi cách chức, chạy sang Istanbul tiếp tục dạy học trong vòng 10 năm. Chính trong thời gian lánh nạn ở Thổ Nhĩ Kỳ, Auerbach đã viết tác phẩm chủ yếu *Mimésis* (in tại Berne năm 1946) trong điều kiện thiếu thốn tài liệu. *Mimésis* được coi là một trong những tác phẩm kinh điển của nền phê bình hiện đại. 1947, Auerbach sang Hoa Kỳ dạy ở đại học Pennsylvania, năm 1950, ông chuyển sang dạy đại học Yale cho đến lúc mất.

Tác phẩm *Mimésis* mang tựa đề đầy đủ là *Mimésis, la représentation de la réalité dans la littérature occidentale - Mô phỏng, hay sự trình bày thực tại trong văn chương Tây phương*, gồm 20 bài nghiên cứu, trong đó Auerbach thực hiện phương pháp *phê bình đối chiếu* các văn bản khác nhau. Trong phần bạt (postface), ông cho biết: mục đích (của cuốn sách này là) giải thích hiện thực qua cách biểu hiện (hay mô phỏng) trong văn chương, đã đến với tôi từ lâu. Đầu tiên là Platon trong cuốn *République* (Cộng Hòa) đã xếp *mimésis* (mô phỏng) vào hàng thứ ba sau chân lý, kế đến Dante lại cho rằng *Comédie* (Hài kịch) là cách biểu dương thực tế đúng nhất, đó là những yếu tố khơi nguồn cho tôi. Nhưng khi nghiên cứu kỹ hơn, tôi thấy có ba ý chính bật ra rất rõ:

Thứ nhất: mỹ học cổ đại phân biệt trình độ văn phong (ở đây, Auerbach muốn nói đến sự phân biệt văn chương bình dân, văn chương bác học, xin nhắc lại lý thuyết mỹ học cổ đại Hy Lạp chia văn phong thành hai nấc: cái cao cả không thể trộn lẫn với cái bình dân. Bi kịch (tragédie) được xếp vào loại bác học, cao cả; hài kịch (comédie) được xếp vào loại bình dân); và cho rằng chỉ có văn chương bình dân mới viết về những chuyện "đời thường", còn văn chương cao cấp phải viết về những gì thiêng liêng cao cả, lý thuyết

này được hầu hết các nhà tân cổ điển lấy lại. Nhưng khi nghiên cứu, Auerbach lại thấy trong khuynh hướng hiện thực mới, xuất hiện ở Pháp đầu thế kỷ XIX, những nhà văn như Stendhal hay Balzac đã hoàn toàn thoát khỏi quy ước mỹ học cổ điển này. Họ đưa vào văn chương những nhân vật của đời sống hằng ngày, lấy những tình huống tầm thường làm đối tượng mô tả. Sau nữa, ông lại thấy rằng cuộc cách mạng văn học đầu thế kỷ XIX, chống lại lý thuyết cổ điển phân biệt trình độ văn phong, không phải là cuộc phản kháng đầu tiên. Và cái thành trì phân chia ranh giới văn chương bình dân, văn chương bác học ấy, thực ra, nó mới chỉ được dựng nên từ cuối thế kỷ XVI sang thế kỷ XVII, bởi những người tôn sùng văn chương cổ đại.

Điều đó dẫn ông đến ý thứ nhì: Trong suốt thời Trung Cổ và cả thời Phục Hưng, đã có một khuynh hướng hiện thực nghiêm chỉnh trong văn chương cũng như trong nghệ thuật tạo hình, với mục đích mô tả đời sống hằng ngày. Vậy, bước vượt thoát đầu tiên khỏi quy ước mỹ học cổ đại, đã diễn ra trong thời kỳ nào? Auerbach trả lời: Ngay từ khi người ta viết truyện chúa Jêsu trong Thánh kinh, người ta đã pha trộn hai yếu tố thực tế hằng ngày với cái bi thảm cao cả.

Điều đó dẫn ông đến ý thứ ba: ông gọi quan niệm hiện thực Thiên Chúa giáo là hiện thực Figura (Cấu tượng), và theo thuyết này: một việc xảy ra trên trần không chỉ mang ý nghĩa dữ kiện đơn thuần mà nó còn gợi tới một ý nghĩa, một bình diện thiêng liêng (Chúa, Thượng Đế). (sđd, trang 549-550-551). Ba ý chính này liên kết chặt chẽ với nhau và được Auerbach thể hiện trong tác phẩm *Mimésis*. Mỗi chương trong cuốn sách nói về một thời kỳ, dài ngắn khác nhau. Tác giả công nhận giữa những thời kỳ đó còn nhiều trống vắng: có những thời kỳ không được xét đến, ví dụ, thời cổ đại, chỉ được nói đến trong bài đầu, hoặc thời đầu Trung Cổ mà chúng ta có rất ít tư liệu.

Mimésis được viết trong điều kiện thiếu tư liệu như thế, tác phẩm xuyên suốt ba ngàn năm thực tế văn học, từ Kinh thánh, Homère, đến Virginia Woolf, để chứng minh rằng: Lịch sử văn học Âu Châu là lịch sử của một biến chuyển không ngừng: lịch sử thay đổi văn phong. Và ngay trong chương đầu tiên: Auerbach đã đối chất hai loại văn phong khác nhau: văn phong Thánh kinh và văn phong Homère.

Chúng ta đi thẳng vào thực chất phê bình của Auerbach, qua bài đầu tiên trong *Mimésis*, tựa đề: *La cicatrice d'Ulysse - Vết sẹo của Ulysse* (từ trang 11 đến 34, sđd). Trong bài này Auerbach so sánh hai đoạn văn; một đoạn trong cuốn L'Odyssée của Homère, khi Ulysse trở về Ithaque, giả

dạng ăn mày, Pénélope chưa nhận ra chồng, nhưng người vú già Euryclée đã nhận ra Ulysse nhờ vết sẹo ở đùi. Và một đoạn văn khác trong Thánh Kinh cựu ước, viết về việc Abraham, tuân lệnh Đức Chúa Trời, đem con trai duy nhất là Isaac hy sinh làm vật tế. Hai đoạn văn rất quen thuộc đối với độc giả Âu Châu. Mục đích của Auerbach là phân tích cách viết của hai tác giả này, để tìm ra chủ đích của họ.

Đoạn thơ Homère có thể tóm tắt nội dung như sau: Pénélope vẫn chưa nhận ra chồng dưới dáng người ăn mày, bà mắng người hầu gái đã muốn đuổi người ăn mày đi, và hỏi người này về tin tức của chồng. Người ăn mày cho biết chồng bà sắp về. Penélope cảm động nghe, rồi truyền vú già rửa chân cho anh ta theo tục lệ hiếu khách của người xưa. Vú thấy người ăn mày giống hệt chủ mình ngày trước và lại nhìn rõ vết sẹo ở chân. Ulysse ra hiệu bắt vú im đi vì chưa phải lúc để cho Pénélope biết sự thật.

Đoạn thứ nhì trong Thánh Kinh cựu ước, viết về việc Abraham đem hiến con làm vật tế, theo lệnh của Đức Chúa Trời: "Ngươi hãy đem Isaac, đứa con trai duy nhất của ngươi lên miền Moriyya, hy sinh nó làm vật tế trên núi, ở chỗ mà ta sẽ chỉ cho ngươi". Abraham vâng theo ý Chúa, đem theo hai người hầu cùng củi lửa và dẫn con lên núi.

Trước hết, Auerbach lý giải cách viết của Homère: Tuy kể chuyện theo một mạch, nhưng Homère luôn luôn dừng lại để giải thích những biến cố, những sự kiện, những chi tiết, lần lượt hiện ra: không có sự kiện nào là không được giải thích. Khi u già nhìn thấy vết sẹo trên đùi Ulysse, u xúc động, bỏ rơi chân chủ trong chậu nước, định báo ngay cho Pénélope biết sự thật thì Ulysse đã ngăn u lại, không cho nói. Giữa cái tích tắc từ lúc u nhìn thấy vết sẹo ở đùi Ulyse, và lúc u định báo ngay cho Pénélope biết, trong khoảng thời gian không quá một chớp mắt ấy, Homère đã hãm thời gian lại để đưa vào 60 câu thơ giải thích sự tích vết sẹo trên chân Ulysse, đồng thời kể về dòng giõi gia đình chàng, ông ngoại và các cậu của chàng, đời sống thơ ấu của chàng, phản ứng của ông ngoại khi chàng ra đời như thế nào, rồi khi lớn lên, chàng đi săn, bị lợn lòi húc vào đùi như thế nào. Không chỉ trong đoạn thơ này, mà toàn thể cách viết của Homère, chẳng có một chi tiết nào là bị bỏ qua mà không được giải thích rõ ràng. Homère, không phân biệt chính diện và trắc diện, tức là tất cả mọi yếu tố chính cũng như phụ đều được trình bày trên cùng một bình diện rõ ràng như nhau. Homère tự làm công việc chú giải, không chấp nhận sự dẫn giải đến từ người khác.

Ngược lại, nếu so sánh thơ Homère với một đoạn văn cùng thời, viết về việc Abraham đem con làm vật tế trong Thánh Kinh cựu ước (các tác giả

ký tên chung là Élohistes), chúng ta sẽ thấy một sự khác biệt sâu xa.

Câu đầu tiên: *"Sau những biến cố ấy, Thượng Đế thử lòng Abraham và gọi: "Abraham! Abraham!" Abraham trả lời "Con đây!"* Câu văn ngắn ngủi này đã bộc lộ bản chất văn phong trong Thánh Kinh cựu ước. Trước tiên, ta không thể biết hai vị, một đang gọi và một trả lời này, đang ở đâu? Dĩ nhiên là họ ở hai nơi khác nhau, Thượng Đế có thể ở bất cứ chỗ nào, có thể ở trên trời, dưới đất, nhưng ở chừng mức nào, cao hay thấp, để gọi Abraham? Việc đó người viết không nói đến, và điểm thứ hai, chúng ta cũng lại không biết vì lý do gì mà Thượng Đế phải thử lòng Abraham bằng hành động khủng khiếp là phải giết con. Về phía Abraham, chúng ta cũng chẳng biết rõ gì hơn: Không biết Abraham đứng ở đâu? Hai chữ "*con đây*" trong bản dịch thông dụng còn cho thấy một chút gì ở chữ *đây*, nhưng trong nguyên tác tiếng Do Thái thì chỉ có nghĩa là *"hãy nhìn con"* hoặc có bản lại dịch là *"con nghe đây"*. Vậy trong văn bản Thánh Kinh cựu ước, Thượng Đế là vô hình mặc dầu Người có hiện ra. Về Thượng Đế chúng ta chỉ biết có tiếng gọi, mà không biết từ đâu đến, tiếng gọi này gọi tên Abraham, nhưng cũng không hề có một hình dung từ nào đi theo để chỉ định người đó ra sao? Béo, gầy, cao, thấp, bao nhiêu tuổi? Trái ngược hẳn với lối viết của Homère, tất cả mọi chi tiết tính tình, dung mạo, nơi chốn, đều được mô tả đầy đủ đến cả sự tích của một vết sẹo. Cách viết Thánh Kinh chỉ cho biết: Thượng Đế ra một cái lệnh và Abraham lặng lẽ tuân thủ. Vẫn theo lối viết bí mật ấy, chúng ta được biết thêm: Abraham "dậy sớm" đi cùng với con và hai người nhà. Đến ngày thứ ba, *"Abraham ngẩng lên nhìn và từ xa thấy chỗ đó"*. Về chuyến đi này chúng ta cũng không biết gì cả, trừ việc Abraham đi mất ba ngày, và khi ông ta ngẩng mặt lên nhìn, có thể là vào cuối ngày thứ ba, thì ông ta thấy "chỗ đó". Cái tên Moriyya, có lẽ là về sau thêm vào, và cũng chẳng nói được gì rõ hơn.

Tất cả những phân tích trên đây của Auerbach là để làm gì? là để đưa đến lập luận sau đây: So sánh hai văn bản, ta thấy Homère trình bày hiện thực một cách chi tiết, rõ ràng, tất cả đều được đưa ra mặt tiền của sân khấu, khiến người đọc không phải đoán. Văn Kinh Thánh chỉ gợi ý mà không nói rõ. Những nhân vật trong Kinh Thánh có một hậu trường, trong khi những nhân vật của Homère tất cả đều bày rõ trên hiện trường. Những hành động của Abraham không chỉ được giải thích bằng những gì đang xảy ra, cũng không bằng tính tình của ông ta, (như tính Achille can đảm và kiêu ngạo; tính Ulysse thận trọng và khôn ngoan) mà được giải thích bằng những gì đã xảy ra trước đó: Abraham nhớ lại, ông ta nhớ Thượng Đế hứa hẹn và

bao giờ cũng chiếu cố tới ông ta. Abraham bị phân chia giữa hai tình cảm: nửa nghi hoặc bất tuân, nửa hy vọng đợi chờ. Sự tuân thủ mù quáng của Abraham không đơn giản như những hành động của Ulysse, rõ ràng đen ra đen, trắng ra trắng. Vì vậy, thơ Homère, mặc dù chất lượng văn chương và nghệ thuật rất cao so với văn phong Thánh Kinh cựu ước, nhưng lại trình bày con người dưới dạng thức tương đối đơn giản. Trong khi Kinh Thánh, mặc dù văn phong đơn giản, lại nói lên được cái dằn vặt trong nội tâm con người.

Nhiều người cho rằng Homère viết truyện bịa. Nhưng việc bịa đặt này, nếu có, chẳng làm suy giảm giá trị nghệ thuật của tác phẩm và ảnh hưởng của nó đối với toàn diện nền văn học Tây phương. Nhưng đối với Thánh Kinh vấn đề không đơn giản: Chủ đích của Thánh Kinh là viết về lịch sử loài người, từ thuở khai thiên lập địa đến ngày tận thế. Thánh Kinh tự cho cái quyền biểu dương sự thực tuyệt đối. Nhưng câu chuyện về hai cha con Abraham và Isaac lại cũng không có gì bảo đảm là thực hơn chuyện Ulysse của Homère. Vậy có hai khả năng: Một là, những người viết Thánh Kinh phải mãnh liệt tin rằng chuyện hiến con của Abraham là thực, họ phải có một đức tin thiêng liêng về câu chuyện ấy cũng như những chuyện khác trong Thánh Kinh. Hai là, nếu nói theo những nhà chú giải thuần lý, thì tác giả Thánh Kinh phải là kẻ nói dối có ý thức. Sự bịa đặt trong Thánh Kinh, không vô hại như sự bịa đặt của Homère (bịa để làm văn), mà nó có mục đích chính trị: nói dối để ngự trị. Người ta có thể, một mặt nghi ngờ sự thực về cuộc chiến thành Troie, về cuộc viễn du lênh đênh trên biển cả của Ulysse, nhưng một mặt vẫn tìm thấy những cảm xúc mà tác phẩm Homère mang lại. Nhưng vô phúc cho kẻ nào không tin vào Kinh Thánh. Bởi bất cứ ai không tin vào câu chuyện đem con làm vật tế của Abraham, thì không thể sử dụng câu chuyện này đúng vào cái nghĩa mà nó được viết ra. Nhìn xa hơn nữa: Thánh Kinh cựu ước không chỉ tự coi là biểu dương sự thật, thật hơn tác phẩm của Homère, mà nó còn ngự trị một cách độc đoán và gạt bỏ tất cả những cái khác. Thế giới của những kinh sách tôn giáo về Thượng Đế đều như thế cả. Không những tự coi mình nắm sự thật lịch sử, mà còn tự coi mình là sự thật duy nhất của lịch sử. Đó là một thế giới trị vì duy nhất, loại trừ tất cả những cái khác.

Auerbach đã dùng cách so sánh hai văn bản cùng phát xuất từ thời cổ đại, một của Homère và một của Thánh Kinh để làm điểm khởi hành cho tác phẩm. Qua bài viết này, ông đã trình bày cho chúng ta thấy cách viết hiện thực của hai tác phẩm được coi là thủy tổ của nền văn học Châu Âu,

hai chủ trương biểu hiện thực tế hoàn toàn khác nhau: Homère mô tả thực tế bằng cách làm hiển lộ những yếu tố, thực trạng ra ngoài, liên tục làm rõ, làm sáng, không bỏ quên chi tiết nào. Lối viết của Homère không cần giải thích. Thánh Kinh khi mô tả hiện thực, chỉ đưa ra một vài yếu tố, cốt ý để chìm những yếu tố khác trong hậu trường, trong bóng tối. Lối viết này đòi hỏi một sự dẫn giải, một sự tin tưởng tuyệt đối, bởi nó có tham vọng viết lại lịch sử nhân loại, và tự cho là lịch sử duy nhất đúng. Hai lối viết có hai kỹ thuật và hai mục đích hoàn toàn khác nhau, đều đã ảnh hưởng sâu xa đến cách biểu dương hiện thực trong văn chương Âu Châu từ xưa đến nay.

Auerbach nhận định về phương pháp phê bình của mình: "Phương pháp tôi dùng là đem một vài văn bản của mỗi thời ra để đối chiếu với những ý tưởng của tôi, những ý tưởng dẫn thẳng vào trung tâm của đề tài, để cho độc giả hiểu ngay vấn đề trước khi đưa ra bất cứ một lý thuyết nào. Phương pháp phân tích cho người nghiên cứu một sự tự do nào đó: tức là tự do lựa chọn và tô đậm chỗ nào anh ta thích. Tuy vậy, cái điểm mà anh ta muốn tô đậm luôn luôn phải có trong văn bản. Những cách giải thích của tôi, chắc chắn là bị hướng dẫn bởi một ý hướng nhất định, nhưng ý hướng này không có sẵn mà nó được hình thành dần dần, từng trang, từng trang, cùng với luận điểm dẫn giải văn bản mà tôi đang nghiên cứu".

Cũng như Léo Spitzer, Erich Auerbach không đưa ra những lý thuyết cao xa, khó hiểu, cũng không hề giữ bí quyết nghề nghiệp mà ông sẵn sàng chỉ cho các nhà phê bình trẻ đường lối làm việc của mình. Auerbach đã mở đường cho các khuynh hướng: đối chiếu văn học và liên văn bản và ảnh hưởng sâu xa đến thế hệ phê bình nửa sau thế kỷ XX.

Thụy Khuê

Paris, chương trình văn học nghệ thuật RFI tháng 4-5/2005.
Sửa lại và bổ sung tháng 2/2006
(Kỳ tới: Trường phái Phê Bình Ý Thức của Thụy Sĩ)

---

1 Palimpseste nghĩa đầy đủ là: "Nguyên cảo viết trên tấm da đã chùi chữ cũ để viết chữ mới". Genette dùng hình ảnh này để tượng trưng việc một tác phẩm được "viết đi viết lại", cũng là đối tượng nghiên cứu của ngành liên văn bản.

[2] Chữ *style* - tức là văn phong, mà Spitzer và Auerbach dùng, có thể thấy là sau này Roland Barthes dùng lại, nhưng Barthes thay thế bằng chữ *écriture*, và dù trong cuốn "Le degré zéro de l'écriture - Độ không của lối viết" Barthes đã viết cả một chương để phân biệt *style* (văn phong) với *écriture* (lối viết), nhưng người ta vẫn thấy écriture của Roland Barthes chính là style mà Léo Spitzer đã định nghĩa: mỗi không khí văn hóa sản sinh ra một văn phong khác nhau. Chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này trong bài viết về Roland Barthes.

PHAN NHẬT NAM

tháng 11, tâm cảnh hiện tại, giữa không-thời gian

1. Ngày
Sáng chợt thức ngồi im trong khoảng khắc
Thấy ra rằng ngày đã tới như không
Bình thản tạnh ngó mông quanh quất
Buổi hôm xưa, hôm nọ, lẫn hôm nay...

2. Họa
Khi những con chim kiệt cùng rũ cánh
Đàn gà thôi tục tác cạnh gốc chanh
Lềnh đất vỡ bật nhung nhúc sâu bọ
Lần con người chạm họa thảm thất thanh.

3. Nghiệm
Tôi là quỷ vô cùng tung hê trốn chạy
Không cửa nhà, nơi ngơi nghỉ tấm thân
Tựa thác dữ sục sôi bung trào gềnh đá
Ào ào điên ngầm ngập cuộn vực sâu...
(*Theo ý của Goethe qua nhân vật Faust*)

4. Chết
Khi cái chết được xem là ân huệ
Cảnh sống nầy đáng sợ biết bao nhiêu
Người thiếp lặng chấm dứt kỳ mệt nhọc
Thiên thu kia – Chớp mắt nọ...
Cũng là xong.
(*Hiểu thêm một lần, khi bên cạnh Phạm Huấn*)

5. Hẹn
Người hẹn với bình minh...
Nầy,
Đêm hẳn tới!
Người hẹn cùng cuộc lữ,
Lần cuối phải nên xong.
Hẹn với anh em, bằng hữu thân quen...
Đến một lúc,
Nghiệp, Phận cưu mang thế nào cũng hết.
Hết đoạn kết buồn phiền
Hết khởi đầu quyết liệt
Nhìn chung quanh tiềm tiệp trắng màu mây...

6. Sống
Sống nguy biến kéo dài cơn bất trắc
Ai ngờ ra phút, giây, khắc tới sau
Hãy cứ như nhiên, hiện tiền trước mắt
Nào xoay trời, đổi gió tự nơi đâu?!

7. Anh
Kẻ gọi là "*anh*" từ lâu nghe đến
Tiếng gọi "*tên anh* " tha thiết phát âm
Thật sự sức "*anh*" chưa lần đi hết
Cuộc chơi thường tưởng giả dạng tình yêu.

8. Em
"*Em* " ngỡ có từ lâu trên quả đất
Không mấy ai hình dung ra đúng mặt?!
Suối tóc, làn môi,
Bờ vai, vồng ngực, nụ cười, khóe mắt...
Hóa cũ mòn sau nhiều năm tháng thân quen.
Em hiện diện lềnh lầy...
giữa lời ca, tiếng hát,
Người ý chừng chưa hề thật gặp "*Em* ".

9. Tập
Khởi đầu...
Cởi bỏ áo, quần,
Công danh,
Chức tước,
Nỗi buồn...
Vất luôn!

10. Diệt
Gánh "công danh" không biết
Lực "quyền quý" không ham
Chuyện "ái tình" không thiết
Việc "sống-chết" không bàn.
Diệt xong,
Quên.
Tất trở về...
Tính Không.

11. Tin
Dẫu muôn đạo quân thù
Bao quanh vây hung hiểm
Hồn tôi vẫn mãnh liệt
Lửa bất diệt Tự Tin
(*Psams 27: 3*)

12. Psyche
Em ơi sao mãi đi tìm
Tính danh yêu dấu mịt mùng như đêm
Cầm bằng nặng ước thề nguyền
Cần gì phải rõ mặt người trắng, đen
(*Psyche có người yêu (không biết là Cupid) chỉ đến trong đêm, sáng ra đi*)

13. Hát
Cậu xé rách áo quần
Hét vỡ toang sân khấu
Không lấp nổi van nài
Cầu mấy nhịp vỗ tay.

14. Đẹp
Cô lộ đẹp bầy hầy kiêu ngạo
Xem đời không thấm chút bĩu môi
Phơi ra đủ dưới, trên không che giấu
Hóa ra rằng quá "*sợ xấu*" mà thôi!

15. Khinh
Ông lãnh tụ coi khinh mấy tên dân ngu kêu khốc
Ông chỉ huy xem thường tính mạng thằng lính khổ vô danh.
Gã đàn ông chê cô vợ nhà quê không biết cách thế làm tình
Chị đàn bà định giá mụ mẹ chồng vô ích không bằng chiếc ghế gãy.
Nhỏ đi học phê điểm giáo viên dạy dỗ tầm phào
thua đối thoại phim Hồng Kông văn minh hấp dẫn.
Bậc tu hành lạnh nhạt do thí chủ nghèo hèn kém khả năng đóng góp
phẩm vật hiến dâng nhẹ hều so quý vị thân chủ giàu sang.
Ả thị viết văn lột truồng nhân vật đàn bà
(*Chính là ta không ngại ngần, mắc cỡ*)
Bày ra đủ mông to, vú bự
Kể lể tanh banh "*câu chuyện mầy mò đồ vật giữa hai chân*"
Nuôi con, yêu chồng thuần dành riêng lũ phụ nữ học dốt cù lần
Không bản lãnh, cấp bằng dựng cách mạng linh thiêng về cái
giống!

Cuộc sống trải dài dài khinh khi tận cùng kinh hãi
Khinh cả Cơn Đau từ một chỗ vô vàn tội nghiệp...
Trái Tim.

Thấy ra sau mười-hai năm ở Mỹ.
Phan Nhật Nam
(5/11/1993-2005)

tổ chức giáo dục thời hán học

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

Việc học cần thiết vì mở mang dân trí, việc thi cử cũng quan trọng vì chọn được người đủ khả năng giúp nước, giúp đời.

Nền Hán học nước ta nhằm đào tạo về đức Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín; về tài kinh bang tế thế, lại thông kinh sử, rành văn thơ. Vì thế khi đỗ đạt, họ đảm trách mọi chức vụ trị dân, kiến quốc do nhà nước giao phó.

Vậy nền Hán học nước ta giảng dạy theo những sách giáo khoa nào và phép thi cử ra sao để tuyển chọn hiền tài?

CỬA VÀO HÁN HỌC

Bước đầu thầy đồ dạy học trò thuộc nhiều từ ngữ thông dụng để đọc và viết chữ Hán, mở mang kiến thức cơ bản, chuẩn bị tiếp nhận tri thức đại học và triết lý Khổng Mạnh.

I - GIÁO KHOA TỪ NGỮ

Trước tiên, học sách *Nhất thiên tự* (1000 chữ, nhưng có đến 1015 chữ) cứ một chữ Hán kèm theo một nghĩa Nôm, nối tiếp nhau thành 290 câu thơ lục bát:

Thiên trời, địa đất, vân mây,
Vũ mưa, phong gió, trú ngày, dạ đêm.
Tinh sao, lộ móc, tường điềm,
Hưu lành, khánh phúc, tăng thêm, đa nhiều...

Tiếp theo, học *Tam thiên tự*, sách có 3000 chữ, viết thể nói lối, đọc nhịp hai theo điệu bài chòi:

Thiên trời, địa đất, cử cất, tồn còn,
Tử con, tôn cháu, lục sáu, tam ba,
Gia nhà, quốc nước, tiền trước, hậu sau,
Ngưu trâu, mã ngựa, cự cựa, nha răng,
Vô chăng, hữu có, khuyển chó, dương dê,
Qui về, tẩu chạy, bái lạy, quị quì...

Rồi học *Ngũ thiên tự* có 5000 chữ viết theo thể lục bát và xếp thành mục: thiên văn, địa lý, quốc chánh, luân thường...

Thừa nhân, nhàn vắng, hạ rơi,
Càn trời, khôn đất, tài bồi, trồng vun,
Tích xưa, tự chữ, do còn,
Quan xem, soạn soạn, viên tròn, thiên thiên...

Song song với việc học tự vựng, thầy đồ dạy lục thư (6 lối ghép chữ), cách viết chữ, số mục (chữ số) và phải thuộc lòng 214 bộ chữ Hán.

Tập viết cũng quan trọng, thầy đồ dạy thư pháp, viết đẹp và đúng cách. Mới đầu theo lối chân (cầm bút lông gần đầu cán viết, chữ rõ ràng, đủ nét), sau lần lượt dạy lối hành (cầm bút lông ở giữa cán viết), lối thảo (cầm bút lông ở gần đuôi cán để viết cho nhanh), lối triện (viết bằng que nhọn, nét tròn và đều nhau), lối lệ (viết bút gỗ dẹp, nét vuông và đậm lợt to nhỏ, không đều).

II - GIÁO KHOA KIẾN THỨC CƠ BẢN

Sách dạy kiến thức có *Sơ học vấn tân*, nghĩa đen là bắt đầu học hỏi bến, nghĩa bóng ý nói hỏi đường lối học hành cho người mới đi học. Sách gồm 270 câu, mỗi câu 4 chữ, không vần, nhiều câu không đối. Nội dung chia làm ba phần: Lược sử Trung Hoa từ thượng cổ đến những năm đầu niên hiệu Đạo Quang (1821-1850) nhà Thanh (130 câu đầu), lược sử Việt Nam từ khởi thủy đến nhà Nguyễn (64 câu tiếp), dạy học trò về việc học và cách xử thế (76 câu cuối). Phần Việt sử có những câu như:

Kỳ tài quốc bản, cổ hiệu Việt Thường,
Đường cải An Nam, Hán xưng Nam Việt,
Thần Nông tứ thế, thứ tử phân phong,
Viết Kinh Dương Vương, hiệu Hồng Bàng thị...

Việt Thao dịch:

Cõi đất nước ta, xưa là Việt Thường,
Đường đổi An Nam, Hán gọi Nam Việt,
Thần Nông bốn đời, con thứ được phong,
Gọi Kinh Dương Vương, hiệu họ Hồng Bàng...

Sách *Ấu học ngũ ngôn thi* (thơ năm chữ dạy trẻ con học) gồm 278 câu, nội dung đề cao sự học, ước mong thi đậu trạng nguyên, nên sách còn có tên gọi *Trạng nguyên thi*:

Di tử kim mãn doanh
Hà như giáo nhất kinh
Tính danh thư quế tịch

Chu tử liệt triều khanh
Dưỡng tử giáo độc thư
Trung thư hữu kim ngọc
Nhất tử thụ hoàng ân
Toàn gia thực thiên lộc...

Việt Thao dịch:

Để lại con rương vàng
Sao bằng sách mở mang
Tên ghi vào sổ quế
Áo tía với công khanh
Nuôi con dạy đọc sách
Trong sách có vàng ngọc
Một con chịu ơn vua
Cả nhà được hưởng lộc...

III - GIÁO KHOA ĐẠI HỌC

Những sách kể trên, dạy vỡ lòng và sơ học. Ở trình độ cao hơn, học các sách sau đây:

1/ **Tứ thư** là 4 bộ sách do môn đệ của Khổng Tử soạn, gồm:

- *Đại học*: Tăng Tử điền giải lời Khổng Tử dạy về đạo làm người quân tử. Bộ sách dành cho học sinh bậc cao đẳng, chia làm 10 chương, với 3 điều cốt yếu, gọi là Tam cương lãnh, gồm Minh đức, Tân dân, Chỉ chí thiện. Ngoài ra còn có Bát điều mục, gồm Cách vật, Trí tri, Thành ý, Chánh tâm, Tu thân, Tề gia, Trị quốc, Bình thiên hạ.

- *Trung dung*: gồm 33 chương do Tử Tư, cháu của Khổng Tử, viết về thuyết chiết trung của ngài.

- *Luận ngữ*: các học trò của Khổng Tử chép lời của ngài dạy về triết lý, luân lý, học thuật, chính trị.

- *Mạnh Tử*: bộ sách gồm 7 thiên, của Mạnh Kha (372-289 trước TL) chép những điều ông đối đáp với vua các nước chư hầu hoặc với môn đệ. Nội dung sách không ngoài việc trình bày thuyết tính thiện, đề cao nhân nghĩa, phản đối vụ lợi.

2/ **Ngũ kinh** là bộ kinh do Khổng Tử san định và trước tác, gồm:

- *Kinh thi*: Trong 3000 bài thơ cổ khoảng từ đời nhà Thương (1583-1135 trước TL) đến nhà Chu (thế kỷ 12 đến 6 trước TL), Khổng Tử san định còn 311 bài (trong đó 6 bài chỉ chép đề mục) phân làm ba nhóm chính:

Phong gồm 100 bài ca dao và nhạc điệu của dân gian, chia ra Chính

phong là những bài hát trên đất nhà Chu, và Biến phong là những bài ở 13 nước chư hầu.

Nhã là phần sáng tác của quý tộc, gồm Tiểu nhã có 80 bài ca dùng cho yến tiệc ở triều đình và Đại nhã có 31 bài dùng cho thiên tử họp chư hầu.

Tụng có 40 bài khen ngợi các đời vua trước, đó là loại ca nhạc cung đình dùng tế lễ ở tôn miếu, chia ra 31 bài Chu tụng, 4 bài Lỗ tụng, 5 bài Thương tụng.

Kinh thi có đủ ba thể phú, tỷ, hứng; với nội dung lành mạnh, thể hiện tính tình, phong tục cổ xưa của người Trung Hoa; có giá trị về luân lý, nhân bản, nghệ thuật và là tuyển tập thơ đầu tiên của Trung Quốc.

- *Kinh thư*: ghi chép việc chính trị và lời khuyên răn về đạo nghĩa, nhân chánh của các đấng minh quân, hiền thần, lương phụ ở đời Đường Nghiêu, Ngu Thuấn, Tam Đại. Kinh thư có điển, mô, huấn, cáo, thệ, mệnh; là thiên ký sự đầu tiên của Trung Quốc, như Thượng thư (sử liệu tối cổ), Chu cáo (lời nhà Chu bố cáo thiên hạ), Tần thệ (lời thề của vua Tần); tác giả khuyết danh, Khổng Tử san định.

- *Kinh dịch*: sách triết học lý số với 8 quái, 64 quẻ, 384 hào nhằm lý giải sự biến hóa của trời đất. Tương truyền của vua Phục Hy, sau có Văn Vương, Chu Công Đán (con của Văn Vương) bổ khuyết, Khổng Tử san định.

- *Kinh lễ*: gồm Châu lễ, Nghi lễ và Lễ ký; cả thảy là 46 thiên. Tuy có ba phần nhưng chỉ có Lễ ký được liệt vào Ngũ kinh, đó là những lễ nghĩa trong các đời Ngu, Hạ, Thương, Chu từ triều chính đến làng xã và gia đình.

- *Kinh Xuân Thu*: chép sử nước Lỗ từ đời Lỗ Ân Công năm đầu (722 trước TL) đến Lỗ Ai Công năm thứ 14 (481 trước TL) gồm 12 đời vua, 242 năm, theo lối biên niên, Khổng Tử san định lại. Bởi Lỗ sử đặt tên sách là Xuân Thu, nên người đời sau nhân đấy gọi thời đại ấy là Xuân Thu[1].

3/ **Hiếu kinh**: Tăng Tử chép lời của Khổng Tử dạy về đạo hiếu với cha mẹ.

4/ **Minh tâm bửu giám**: gồm 20 thiên, nêu nhân cách của thánh hiền là tấm gương báu soi sáng cõi lòng để người đời noi theo.

5/ **Minh đạo gia huấn**: sách dạy con cháu trong nhà Minh Đạo, tức Tiến sĩ Trình Hiệu, làm quan đời Tống Thần Tông (1068- 1086). Sách gồm 500 câu thơ 4 chữ, gieo vần liên vận hay cách vận, với nội dung khuyên về luân thường đạo lý, dạy cách xử thế và tu thân, nhiều câu đã trở thành cách ngôn được người đời truyền tụng như: Tích cốc phòng cơ, tích y phòng hàn (chứa thóc phòng đói, chứa áo phòng lạnh).

6/ **Tam tự kinh**: mỗi câu trong sách đều có ba chữ, chữ cuối câu trên

gieo vần chữ cuối câu dưới, vần trắc rồi lại hai vần bằng tiếp nối nhau. Chẳng hạn như:

Nhơn chi sơ, *Tánh bổn thiện,*
Tánh tương cận, *Tập tương viễn,*
Cẩu bất giáo, *Tánh nãi thiên,*
Giáo chi đạo, *Quý dĩ chuyên,*
Tích Mạnh mẫu, *Trạch lân xử,*
Tử bất học, *Đoạn cơ trữ*
... ...
Ấu nhi học, *Tráng nhi hành,*
Thượng trí quân *Hạ trạch dân,*
Dương thinh danh, *Hiển phụ mẫu,*
Quang ư tiền, *Thùy ư hậu,*
Nhân dì tử, *Kim mãn doanh,*
Ngã giáo tử *Duy nhất kinh,*
Cần hữu công, *Hý vô ích*
Giới chi tai, *Nghi miễn lực.*

Việt Thao dịch:

Người lúc đầu, *Vốn tánh tốt,*
Nết cùng gần, *Thói xa nhau,*
Nếu không dạy, *Tánh bèn đổi,*
Dạy ấy đạo, *Quý ở chuyên,*
Xưa, mẹ Mạnh (tử), *Chọn ở gần,*
Con không học, *Chặt cửi thoi*
... ...
Trẻ thì học *Để lớn làm*
Trên thờ vua *Dưới giúp dân*
Nổi tiếng tăm *Rạng cha mẹ*
Sáng đời trước *Truyền đời sau*
Người cho con *Vàng đầy rương*
Ta dạy con *Một bộ sách*
Chăm ắt thành *Giữ không lợi*
Khuyên ấy vậy *Nên gắng sức.*

Tam tự kinh, tác giả là Vương Ứng Lân, nhưng có người lại cho là của Vương Bá Hậu, hoặc Khu Thích Tử. Sách này có tính cách tổng quát, bao trùm nhiều mặt, có thể coi là kim chỉ nam của học trò, với 358 câu, chia làm 7 đoạn như sau:

- Bàn về nhân tình và sự giáo huấn.
- Bổn phận của trẻ em phải lễ nghi hiếu đễ.
- Kiến thức phổ thông: Tam tài (trời, đất, người), tam quang (mặt trời, mặt trăng, các vì sao), tam cương (vua tôi, cha con, vợ chồng), tứ thời (xuân, ha, thu, đông), tứ phương (đông, tây, nam, bắc), ngũ hành (thủy, hỏa, mộc, kim, thổ), ngũ thường (nhân, lễ, nghĩa, trí, tín), lục cốc (nếp, lúa, lúa mì, đậu, kê, bắp).
- Kê các sách học: Hiếu kinh, Tứ thư, Ngũ kinh, Ngũ tử (5 nhà hiền triết), chư tử (Lão Tử, Trang Tử, Liệt Tử, Tuân Tử, Tôn Tử...)
- Kể các triều vua Trung Hoa từ khởi thủy đến Nam Bắc triều.
- Nêu gương hiếu học của người xưa.
- Khuyên học trò chăm học để đạt hiển vinh.

7/ **Sách triết lý**: gồm các học thuyết của hàng chư tử sống vào thời Xuân Thu (722-481 trước TL) và Chiến Quốc (480-222 trước TL) viết để truyền bá tư tưởng của mình như Lão Tử có Đạo đức kinh, Trang Tử thuyết yếm thế, Tuân Tử nói về lễ nghĩa, Tôn Tử với binh pháp, Liệt Tử thuyết Lão Trang, Hàn Tử và Thân Tử thuyết hình danh, Mặc Tử thuyết kiêm ái, Dương Châu thuyết vị ngã... Ngoài ra còn có Cửu lưu là 9 học phái lớn gồm Nho gia, Đạo gia, Âm dương gia, Pháp gia, Danh gia, Mặc gia, Tung hoành gia, Tạp gia, Nông gia.

8/ **Sách sử ký Trung Hoa** từ Bàn Cổ, Tam Hoàng, Ngũ Đế, Nghiêu, Thuấn, Hạ, Thương, Chu, Tần, Hán, Tấn, Tùy, Đường, Tống đến hiện tại.

9 / **Sách Việt sử** từ Hồng Bàng, Thục, Triệu, Bắc thuộc lần thứ nhất, Trưng Vương, Bắc thuộc lần 2, Tiền Lý, Bắc thuộc lần 3 đến Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý và cho tới hiện tại.

Những sách trên không những thí sinh phải học thuộc mà còn biết phân tích, bình giải, đánh giá từng câu của cổ nhân.

HỆ THỐNG HỌC ĐƯỜNG

Trường học chữ Hán có hai loại: Trường công do triều đình lập tại kinh đô và mở tại các tỉnh, phủ, huyện. Trường tư do tư nhân mở tại các thôn ấp.

Trường công lập do bộ Lễ trực tiếp điều hành, các học quan và nhân viên ngành giáo dục được triều đình trả lương. Trường mở tại kinh đô gọi là Quốc tử giám, đặt quan Tế tửu và Tư nghiệp lo việc học hành và giảng dạy con cháu hoàng tộc và của các quan cùng những học sinh ưu tú từ các địa phương tiến cử. Trường mở tại các tỉnh (trấn, doanh, lộ) đặt quan Đốc

học trông coi, gọi là trường Đốc. Trường mở tại các phủ, đặt chức Giáo thọ, gọi là trường Giáo; và mở ở các huyện, châu đặt chức Huấn đạo, gọi là trường Huấn.

Trường tư còn gọi là Hương học, do nho sĩ mở trong các thôn xóm, tại tư gia mà không bị ràng buộc một điều kiện nào. Thầy giáo, có vị đỗ đạt nhưng không ra làm quan hoặc những quan lại bị cách chức hay đã về hưu. Thầy giáo cũng có thể là những người thi hỏng, gọi là thầy đồ hay thầy khóa. Tuy là hương học nhưng dạy đủ các lớp, từ vỡ lòng đến cấp đại học, và sinh đồ ngồi chung một phòng. Lớp nhỏ ngồi trước, lớp lớn ngồi sau, và mỗi trình độ lo phần học riêng của mình. Nhờ áp dụng phương pháp phụ đạo phụ giảng, học trò lớp trên chỉ vẽ cho học trò lớp dưới, nên một thầy giáo cùng lúc có thể dạy những học trò với nhiều trình độ khác nhau. Ngoài ra thầy giáo còn chọn hai học trò lớp lớn nhất làm trưởng tràng: Trưởng tràng nội phụ giúp thầy điều khiển lớp học, giữ trật tự, nếu có việc thưa kiện thì giải quyết và trình bẩm với thầy; Trưởng tràng ngoại phụ giúp thầy tiếp xúc với bên ngoài. Thầy giáo trường tư không hưởng lương triều đình, nhưng bổn phận học trò, tùy theo khả năng, tự nguyện đóng góp vào mỗi kỳ nghỉ mùa gặt tháng 5 (1 tháng) hay kỳ nghỉ Tết (2 tháng) để tỏ lòng biết ơn thầy, việc này do Trưởng tràng ngoại lo liệu.

VĂN TRƯỜNG THI

Nền giáo dục Hán học nặng về chữ nghĩa, tư tưởng nhưng lại thiếu khoa học toán và thực nghiệm. Các bài làm thường dùng trong những cuộc khảo thí, gọi chung là Văn trường thi, gồm có các môn sau đây:

1/ **Kinh nghĩa**: Kinh là sách chép lời dạy của thánh hiền, đời đời dùng làm khuôn phép. Đời Bắc Tống (960-1126) có 13 kinh, đời Nam Tống (1127-1279) Chu Hy xếp lại còn 9 kinh, gọi là Cửu kinh tức Tứ thư, Ngũ kinh.

Kinh nghĩa là một bài làm bằng văn xuôi, thể nghị luận, không vần nhưng có đối (biền ngẫu) nhằm giải thích và bình luận một câu trích trong kinh truyện như Tứ thư, Ngũ kinh.

Ví dụ, Kinh thư có câu "*Việt nhược kê cổ đế Nghiêu*" (Rằng như vua Thuấn xưa kia), quan trường chỉ lấy hai chữ "Việt nhược" làm đề thi, thí sinh phải thông kinh truyện mới biết xuất xứ của hai chữ ấy mà làm bài.

Kinh nghĩa còn gọi là Tinh nghĩa, khi đề thi nhằm đòi hỏi sự tinh thông kinh sách của thí sinh, hoặc gọi là Chế nghĩa khi đề bài dùng trong kỳ Chế khoa tức khoa thi đặc biệt do nhà vua xướng chế ra[2].

Các khoa thi dưới thời Lý Trần, bài kinh nghĩa hoặc theo lối lưỡng

phiến, vào bài bằng hai câu phá đề và thừa đề (không đối), phần thân bài chia làm hai đoạn đối nhau. Hoặc làm bài theo lối tản hành, thân bài không hạn định số đoạn và mỗi đoạn ngắn dài tùy thích.

Từ niên hiệu Bảo Thái 9 (1728) đời Lê Dụ Tông[3], thi kinh nghĩa theo lối bát cổ, bài văn chia làm 8 phần: phá đề (2 câu) mở đầu nói chữ và nghĩa của đề; thừa đề (4 đến 6 câu) nói rõ ý của phá đề; khởi giảng là đoạn yết hầu, nói đại ý của đề; đề cổ có đối và khai triển ý của khởi giảng; hư cổ có đối, dùng tiếp ý trên và có thêm phần giới hạn đề bài; trung cổ có đối và chia ứng cho hai cổ trên; hậu cổ vẫn còn đối dùng mở rộng ý mà phần trung cổ chưa nói hết; thúc đề (đại kết) thâu tóm ý của các đoạn trên để kết thúc bài.

Cũng có tài liệu, 8 phần trong bài bát cổ, gọi khác đôi chỗ là: phá đề, thừa đề, khởi giảng, khai giảng, trung cổ, hậu cổ, kết cổ và thúc đề.

2/ **Văn sách**: Sách là mưu lược, kế hoạch. Văn sách là bài nghị luận bằng văn xuôi hay biền ngẫu[4], không vần; nhằm lý giải cho thông suốt những hiểu biết, mưu lược, phương sách của mình trước một vấn đề gì.

Văn sách có từ thời Hán (202 trước TL- 220 sau TL). Nhà Hán có lệ mời sĩ tử vào sân triều đình, nêu ra những câu hỏi về chính trị, xã hội, giáo dục nhờ những bậc cao kiến dâng kế sách giải quyết. Vì vậy văn sách được xem như bài vấn bút, thường có liên quan đến thời sự và tùy theo cách ra đề của quan trường, người ta chia văn sách làm hai loại: văn sách mục là đầu bài có nhiều mục với nhiều câu hỏi nên bài văn phải dài; còn văn sách đạo chỉ có một vấn đề nên bài ngắn.

Thí sinh làm bài văn sách phải theo công thức sau đây[5]: Mở đầu bằng ba chữ "Đối sĩ văn" (Xin thưa kẻ sĩ này nghe) dùng cho thi Hương; "Đối sinh văn" (Xin thưa kẻ nho sinh này nghe) dùng cho thi Hội; "Thần đối thần văn" (Thần xin thưa thần nghe) dùng cho thi Đình.

Thân bài phải bắt đầu bằng câu: "Tư thừa sách vấn nhi lược trần chi" (Nay vâng lời sách hỏi mà bày tỏ qua như sau). Khi qua mỗi câu hỏi cũng phải bắt đầu bằng chữ "Thiết vị" (Trộm nghĩ rằng) để tỏ ý khiêm tốn.

Kết thúc bao giờ cũng có câu: "Sĩ giả hạnh phùng thạnh thế, tòng sự văn trường quản kiến như tư, vị tri khả phủ, nguyên chấp sự kỳ trạch nhi tiên chi, sĩ cẩn đối" (Kẻ sĩ này may mắn gặp đời thịnh theo việc văn trường, kiến thức hẹp hòi như vậy, chưa biết có phải hay không, xin quan trường coi việc kén lựa mà cất nhắc cho. Xin vâng lời sách mà đáp). Nếu là ngự đề (đề bài vua ra) phải kết bằng: "Thần cẩn đối, cẩn luận" (Kẻ hạ thần kính cẩn đáp, kính cẩn bàn).

3/ **Biểu**: Bài văn của thần dân viết dâng lên vua để chúc mừng (hạ biểu), để tạ ơn (tạ biểu), để bày tỏ điều gì (trần tình biểu); vì thế lời văn phải rất mực cung kính, khiêm tốn.

4/ **Chế**: Quyết định vua phong thưởng cho công thần, danh sĩ, viết thành văn.

5/ **Chiếu**: Thể văn vua dùng ban bố mệnh lệnh có thể bằng văn vần, văn biền ngẫu hay văn xuôi, lời văn mang tính nghiêm trang, đĩnh đạt. Chẳng hạn như Chiếu dời đô của Lý Thái Tổ (1010- 1028).

Biểu, chế, chiếu nếu làm bằng văn xuôi gọi là cổ thể, nếu làm theo thể tứ lục (có từ đời nhà Đường) gọi là cận thể. Tứ lục là lối biền văn, hai câu đối nhau từng cặp, mỗi câu gồm hai đoạn 4 và 6 chữ, đôi khi có số chữ nhiều hơn cũng được.

6/ **Cáo**: Lời vua, viết theo thể nghị luận, văn biền ngẫu, báo với thần dân một vấn đề trọng đại. Bài cáo phải có lời lẽ hùng hồn, giọng điệu thống thiết, giãi bày thông suốt và lý luận đanh thép. Chẳng hạn như bài Bình Ngô Đại Cáo của Lê Thái Tổ (1428- 1433) do Nguyễn Trãi viết.

7/ **Hịch**: Lời vua, thủ lãnh, tướng lãnh viết để cổ động, kêu gọi mọi người chống phản loạn hay ngoại xâm. Văn hịch phải rõ ràng (không được tối nghĩa), lý lẽ phân minh, khí thế hùng mạnh, lời lẽ quyết đoán, mang tính thuyết phục. Bố cục có 3 phần:

- Nêu cao đạo lý và truyền thống bất khuất của dân tộc nhằm kích thích lòng yêu nước.
- Vạch trần tội ác của đối phương, gây lòng căm thù cao độ.
- Đề ra đường lối, chủ trương để giải quyết và kêu gọi sự đoàn kết quyết chiến đấu đến thắng lợi.

8/ **Sắc**: Lời vua phong cho thần dân. Khi làm bài chế, chiếu, cáo, hịch, sắc thí sinh phải dùng lời lẽ đứng vào địa vị của người nói mà viết.

9/ **Trướng**: Lời chúc thọ, chúc mừng thăng thưởng hay thi đậu, cũng có khi dùng để viếng người chết. Bài trướng viết trên khổ lụa hoặc vải quý hình chữ nhật, treo dọc (trái với hoành phi, treo ngang), dùng thể phú, thơ hay văn tế, có khi chỉ 3, 4 chữ cô đọng đầy ý nghĩa.

10/ **Luận**: Cứ theo đề bài mà mô tả, diễn giải, bình luận, viết thành bài văn xuôi, gồm 4 phần:

- Nhập đề: hoặc trực khởi, nói thẳng vào đề; hoặc lung khởi, nói bao quát rồi mới đi vào đề. Có 4 cách lung khởi: định nghĩa và đặt vấn đề thảo luận, tương phản với đề bài, suy diễn, qui nạp.
- Chuyển mạch: vừa nối kết vừa chuyển ý giữa nhập đề và thân bài.

- Thân bài: khai triển và phân tích cho thấu triệt đề bài nhưng tránh mông lung làm mờ nhạt các ý chính và nhất là tối kỵ lạc đề.

- Kết đề: khép lại, đóng gói tất cả các ý đã trình bày. Xong, thí sinh có thể mở rộng vấn đề để quan trường thấy được tầm nhìn xa hiểu rộng của mình.

11/ **Thi**: Quan trường ra đề, có khi còn ra vần, thí sinh làm thơ theo thể Đường luật bát cú, thất ngôn nếu thi Hương và ngũ ngôn nếu thi Hội. Bài thơ có 4 phần: đề gồm câu 1 phá đề, câu 2 thừa đề; trạng hay thực gồm câu 3 trạng trắc, câu 4 trạng bằng; luận gồm câu 5 luận trắc, câu 6 luận bằng; kết gồm câu 7 thúc và câu 8 kết. Các câu trong bài được phân nhiệm rõ rệt: phá ám, thừa minh, trạng cảnh, luận tình, thúc dồn, kết cảm.

12/ **Phú**: Một thể loại xen lẫn văn vần và văn xuôi dùng miêu tả, tự sự, bàn luận. Khác với tỷ và hứng, phú phô bày thẳng, mô tả trực tiếp. Trong thi cử, quan trường ra đề, thí sinh làm phú theo lối cận thể, còn gọi là phú Đường luật tức có vần, có đối và luật thanh. Vần lại có hạn vận, quan trường ra sẵn một câu làm vần, phải theo thứ các chữ trong câu ấy mà gieo vần. Câu dài ngắn tùy ý, có thể dùng tứ tự, bát tự, song quan, cách cú, gối hạc; nhưng bao giờ cũng chia làm hai vế đối nhau, vần gieo ở chữ cuối vế dưới. Ở mỗi câu, luật bằng trắc chỉ chú trọng chữ đầu vế, chữ đậu (tức chữ cuối mỗi đoạn trong một vế), chữ cuối vế; nếu các chữ ấy của vế trên là bằng thì các chữ tương ứng của vế dưới phải trắc và ngược lại. Về bố cục, Đường phú chia làm 6 phần:

- Lung: bao quát toàn bài.
- Biện nguyên: xuất xứ và nghĩa chữ của đầu bài.
- Thính thực: giải thích và phân tích ý nghĩa của đầu bài.
- Phụ diễn: trình bày, dẫn chứng thêm cho phần thính thực.
- Nghị luận: bình luận, nhận định, đánh giá ý nghĩa của đề bài.
- Kết: thắt ý lại để kết thúc bài.

Các văn thể cáo, hịch, sắc, trướng có trong chương trình học nhưng ít khi ra đề thi.

CON ĐƯỜNG KHOA CỬ

Ngày xưa người ta thường nói "nhất duyên, nhì mệnh, tam phong thổ, tứ tích âm công, ngũ độc thị" tức là việc thi cử thứ nhất nhờ duyên phận, thứ nhì nhờ số mệnh, thứ ba nhờ đất đai phong thủy, thứ tư nhờ phúc đức ông bà, thứ năm mới đến công lao học hành. Bởi việc thi cử thời Hán học quá nhiêu khê, phải qua nhiều rào cản. Luật lệ trường thi lại quá khắt khe,

đã không bổ ích gì cho sự học mà còn cản trở tài năng, như luật kiêng húy, thiệp tích; hành văn lại gò bó như bát cổ, biền ngẫu, hạn vận; chữ nghĩa hạn hẹp trong niêm, luật, đối:

Rõ thật nôm hay mà chữ dốt
Tám khoa chưa khỏi phạm trường qui.
(*Thi hỏng* - Trần Tế Xương)

Thời gian thi cử kéo dài cả tháng (phép thi 4 kỳ và 3 kỳ), các khoa lại thưa thớt (lệ 6 và 3 năm mở một khoa), tỷ lệ lấy đậu lại quá thấp như trường Hà Nam [6] khoa Tân Mão(1891) hơn 7200 người thi Hương, lấy đậu 70 Cử nhân, tỉ lệ 0,95%; khoa Giáp Ngọ (1894) hơn 9700 người thi Hương chỉ lấy đậu 60 Cử nhân, tỉ lệ 0,61%. Cho nên sĩ tử dù đã làu thông kinh sử vẫn không dám tin ở sức học mình. Kinh nghiệm đã đúc kết thành tục ngữ "học tài thi phận" là thế và Trần Tế Xương phải than:

Học đã sôi cơm nhưng chửa chín
Thi không ăn ớt thế mà cay.

Vậy đường khoa cử khó khăn ra sao và thí sinh phải vượt qua những rào cản nào?

1/ **Thi sơ khảo**: Hằng năm tại mỗi phủ, huyện có kỳ thi Sơ khảo do huấn đạo (cấp huyện) hay giáo thụ (cấp phủ) tổ chức để cấp bằng Tuyển sinh, tương đương với bằng Sơ học Yếu lược thời Pháp thuộc. Học trò các trường công, tư thuộc địa phương đều được dự thí.

2/ **Thi phúc khảo**: Ai đậu ở cấp phủ, huyện được dự thi Phúc khảo do quan đốc học tổ chức tại tỉnh để lấy bằng Khóa sinh, tương đương với bằng Sơ học Pháp Việt thời Pháp thuộc hay bằng Tiểu học ngày nay. Hai kỳ sát hạch trên do địa phương cấp bằng và để sĩ tử quen với thi cử nên chương trình thi giống như thi Hương nhưng đơn giản và dễ dàng hơn.

3/ **Thi tuyển thí sinh**: Từ khoa Mậu Thân (1848), Tự Đức lên ngôi đặt lệ thêm một lần khảo hạch nữa gọi là kỳ thi Tuyển thí sinh, mở trước kỳ thi Hương một năm, do quan đốc học tổ chức, nhằm loại bớt những người chưa xứng đáng thi Hương. Ai trúng tuyển gọi là Thí sinh, người đỗ đầu gọi là Đầu xứ. Kỳ hạch này rất quan trọng, tất cả học quan và thầy đồ trong tỉnh phải tham gia tuyển chọn. Nếu trong kỳ thi Hương có một thí sinh nào làm bài quá kém, hoặc phạm nặng trường qui thì hội đồng kỳ thi tuyển thí sinh của tỉnh ấy phải chịu trách nhiệm. Vì thế bài thi không rọc phách để hội đồng giám khảo là những thầy đồ địa phương nhận biết tên những học trò kém nhưng nhờ gian lận hoặc gặp may vẫn làm bài khá mà loại ra.

Khoảng 3 tháng trước kỳ thi Hương, tỉnh còn mở kỳ thi Tuyển thí sinh

bổ túc, dành cho những ai vắng mặt ở kỳ trước. Quan tỉnh đệ nạp danh sách thí sinh về triều để bộ Lễ phân định số lấy đậu Cử nhân và phân phối nhân sự điều hành trường thi hợp với nhu cầu thực tế.

Ngoài việc gạn lọc về học lực, việc xét hạnh kiểm và lý lịch cũng rất khắt khe. Từ khoa thi Hương năm Nhâm Ngọ (1462) niên hiệu Quang Thuận 3, Lê Thánh Tông định lệ bảo kết[7]. Những người bất hiếu, bất mục, loạn luân, điêu ngoa dù có văn tài cũng không được dự thi Hương. Luật định giới xướng ca, kẻ phản nghịch, phạm trọng tội không những bản thân mà cả con cháu (ba đời) đều bị loại ra khỏi trường thi. Thí sinh phải khai rõ gốc tích, quê quán, tuổi tác, lý lịch của ông cha; xã trưởng ký nhận bảo đảm, quan sở tại liên đới chịu trách nhiệm.

Triều Nguyễn còn đặt lệ đại tang không được dự thi. Khoa Bính Ngọ (1846), Thiệu Trị thứ 6, có Mai Thế Quí đậu Giải nguyên trường thi Nghệ An; bị phát giác đang có tang, triều đình truất học vị Cử nhân, đến khoa Nhâm Tý (1852) được dự thi Hương lại, mới đậu[8].

4/ **Thi Hương**: Môn thi, cách ra đề, thể thức làm bài, chấm bài có thay đổi chút ít tùy lúc, tuy nhiên vẫn là hai phép thi chính.

a. Tứ trường: Từ khoa thi Hương đầu, năm Bính Tý (1396) đời Trần Thuận Tông đến khoa Tân Mão (1831) Minh Mạng thứ 12.

- Trường nhất: kinh nghĩa 5 đề, truyện 1 đề; thí sinh phải làm một đề kinh và một đề truyện, thêm nữa càng tốt.
- Trường nhì: chiếu, chế, biểu; mỗi loại một đề, phải làm đủ.
- Trường ba: thơ, phú; mỗi thứ một đề, phải làm đủ. Bài phú có 8 vần bắt buộc.
- Trường tư: văn sách một đề, đầu bài là một câu trong cổ thư hay tân thư.

Người đậu tứ trường gọi là Hương cống (Cử nhân), đậu tam trường là Sinh đồ (Tú tài).

b. Tam trường: Từ khoa Giáp Ngọ (1834) Minh Mạng thứ 15 đến khoa thi Hương cuối vào năm Mậu Ngọ (1918) Khải Định thứ 3 (trừ 3 khoa, những năm 1850, 1852, 1855 đời Tự Đức, theo phép tứ trường).

- Kỳ nhất: kinh nghĩa, dùng lối bát cổ, thí sinh phải làm một đề kinh và một đề truyện.
- Kỳ hai: thơ, phú; mỗi thứ một đề phải làm đủ. Từ khoa Mậu Ngọ (1858) thi chiếu biểu, luận; còn thơ phú lên thi Hội mới dùng.
- Kỳ ba: văn sách.

Trên danh nghĩa gọi là ba kỳ nhưng thực tế còn một kỳ phúc khảo làm

một đề biểu mừng. Từ khoa Kỷ Dậu (1909) kỳ phúc hạch gồm văn sách, phú, luận chữ quốc ngữ, mỗi thứ một đề, điểm từ 7 trở lên mới được trúng phúc hạch, rồi cộng chung với điểm ba kỳ để xếp hạng Cử nhân.

Lệ định từ khoa Tân Sửu (1841) Thiệu Trị 1, trên toàn quốc mỗi khoa thi Hương lấy đậu 123 Cử nhân, từ khoa Nhâm Tý (1852) định 124 Cử nhân chia ra: trường Hà Nội 20, trường Nam định 20, trường Thanh Hóa 20, trường Nghệ An 18, trường Thừa Thiên 20, trường Bình Định 13, trường gia Định 13. Tuy đã qui định số lấy đậu nhưng mỗi khoa vẫn gia giảm đôi chút tùy theo số dự thi và trình độ của thí sinh.

Hạn số lấy đậu Tú tài trước kia không chừng, từ khoa Bính Tý (1876) Tự Đức thứ 29, lệ định một Cử nhân lấy hai Tú tài. Từ khoa Giáp Thân (1884) Kiến Phúc thứ 1, tăng số lấy đậu Tú tài lên ba người cho một Cử nhân[9].

Người đỗ đầu khoa thi Hương gọi là Giải nguyên, đậu nhì là á nguyên, từ thứ 3 đến chót cùng gọi chung là Cử nhân và liệt kê danh sách theo thứ tự điểm cao thấp.

5/ **Thi Hội**: Lệ định thi Hương vào mùa thu năm trước, thi Hội vào mùa xuân năm sau. Điều kiện phải có bằng Cử nhân mới được dự thi Hội. Từ khoa Giáp Thìn (1844) Thiệu Trị thứ 4, mở rộng cho chân Tú Tài nguyên là Giám sinh (học Quốc tử giám) hoặc đang giữ chức Huấn đạo, Giáo thụ, nếu sát hạch trúng cũng được dự thi Hội.

Thi Hội mở ở kinh đô, trước ở Thăng Long (Lý, Trần, Lê) sau ở Huế (Nguyễn) và phân làm bốn giai đoạn nhưng chung qui chỉ có hai phép thi chính:

a. Giai đoạn Tam trường: Từ khoa đầu tiên, năm Ất Mão (1075) đời Lý Nhân Tông đến khoa Ất Hợi (1275) đời Trần Thánh Tông, trải dài 200 năm.

b. Giai đoạn Tứ trường: Từ khoa Giáp Thìn (1304) đời Trần Anh Tông đến khoa Nhâm Thìn (1832) Minh Mạng thứ 13, kéo dài 528 năm và mỗi thời có sửa đổi đôi chút. Mới đầu phép thi tứ trường gồm có:

- Trường nhất: ám tả.
- Trường nhì: kinh nghĩa, thơ, phú.
- Trường ba: chế, chiếu, biểu.
- Trường tư: văn sách.

Đến năm Bính Tý (1396) đời Trần Thuận Tông, bỏ môn ám tả và chuyển kinh nghĩa xuống trường nhất. Từ khoa Nhâm Thìn (1472) đời Lê Thánh Tông, trường nhất thi Tứ thư Ngũ kinh; chuyển chế, chiếu, biểu xuống trường nhì và đem thi phú lên trường ba[10]. Trong thời gian này có

33 năm (từ sau năm 1787 đến trước năm 1822) dưới triều Tây Sơn và Gia Long không mở thi Hội.

c. Trở lại giai đoạn Tam trường, từ khoa Ất Mùi (1835) Minh Mạng thứ 16 đến khoa Kỷ Dậu (1849) Tự Đức thứ 2, các môn thi giảm bớt, chỉ còn:

- Trường nhất: kinh nghĩa.
- Trường nhì: thi, phú.
- Trường ba: văn sách.

d. Trở lại giai đoạn Tứ trường, kể từ khoa Tân Hợi (1851) Tự Đức thứ 4 đến khoa Kỷ Mùi (1919) Khải Định thứ 4, chấm dứt nền Hán học.

- Trường nhất: kinh nghĩa ít nhất ba đề.
- Trường nhì: chiếu, biểu, luận.
- Trường ba: thơ ngũ ngôn bát cú, phú tám vần.
- Trường tư: văn sách.

Phép thi, ai trúng trường nhất mới được thi trường nhì và cứ như thế số thí sinh qua từng trường bị giảm nhiều. Đến bảng trường tư gọi là Trúng cách, tức đỗ thi Hội, người cao điểm nhất gọi là Hội nguyên. Bảng kê danh sách đậu từ cao xuống thấp, nhưng thứ tự này chưa phải là học vị chính thức vì còn phải qua một kỳ thi quyết định nữa ở hoàng cung.

6/ **Thi Đình**: Chờ ở kinh đô vài ngày, có khi hàng tuần, các viên Hội thí trúng cách được quan Nội thị dẫn vào hoàng cung, trình diện nhà vua ở sân rồng (sân lớn của triều đình). Vua ngự trên cung điện chủ trì cuộc thi, có khi còn đích thân xét tướng mạo từng người. Chẳng hạn, khoa Bính Thìn (1496) vua Lê Thánh Tông đã loại 13 người trúng cách dự thi Hội, không cho dự thi Đình[11].

Các thí sinh được phát giấy bút, làm bài sách vấn (đối sách) tại sân rồng gọi là thi Đình (thi Điện). Đề thi do nhà vua ra (ngự đề) chỉ một đề thôi nhưng là câu hỏi lớn về chính sách, hoặc hành chánh, chính trị hay luân lý. Thí sinh phải làm bài văn dài mới trình bày hết sách lược, quan điểm của mình trước vấn đề đặt ra.

Ngày hôm sau vua ngự ở điện Hội Anh, chủ tọa cuộc chấm thi. Hội đồng giám khảo do nhà vua chỉ định, gồm các vị đại thần có uy tín và học vấn uyên thâm ở bộ Lễ, viện Hàn lâm, Quốc tử giám... Các quyển thi đều do toàn thể hội đồng giám khảo chấm rồi đệ trình nhà vua duyệt xét và thẩm định tối thượng.

Kết quả cuộc thi Đình nếu lấy đủ cung bậc học vị, theo thứ tự có:

- Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ Đệ nhất danh (Trạng nguyên)

- Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ Đệ nhị danh (Bảng nhãn)
- Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ Đệ tam danh (Thám hoa)
- Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp) có nhiều người đỗ.
- Đệ tam giáp Đồng tiến sĩ xuất thân (Tiến sĩ) có nhiều người đỗ.

Đệ nhị giáp và Đệ tam giáp chỉ liệt kê danh sách theo thứ tự điểm cao thấp, gọi chung là Hoàng giáp và Tiến sĩ chứ không phân biệt vị thứ như Đệ nhất giáp.

Tỉ số lấy đậu Tiến sĩ rất thấp, thường không quá 1/100, chẳng hạn khoa Quý Mùi (1463), niện hiệu Quang Thuận 4 đời Lê Thánh Tông, có 4400 thí sinh, lấy đậu 44 người, trong đó một Trạng nguyên, một Bảng nhãn, một Thám hoa, 15 Hoàng giáp và 26 Tiến sĩ[12].

Đời Nguyễn, số lấy đậu Tiến sĩ ít hơn thời Lê, nên từ khoa Kỷ Sửu (1829) Minh Mạng thứ 10, đặt lệ Phó bảng. Những thí sinh có số điểm gần sát với hạng Đệ tam giáp cũng được lấy đậu nhưng tách riêng thành một bảng phụ, gọi là Phó bảng. Đậu Phó bảng được xếp vào hàng đại khoa, học vị cũng tương đương với Tiến sĩ nhưng quyền lợi và sự đãi ngộ ít hơn đậu chính bảng.

XƯỚNG DANH VÀ TRUYỀN LÔ

1/ **Xướng danh Cử nhân**: Xướng danh là lễ đọc tên các tân khoa Cử nhân tại trường thi. Buổi lễ rất long trọng, trên khán đài có đủ mặt các quan trong hội đồng thi, phẩm phục chỉnh tề, với sự tham dự đông đảo các quan trong vùng.

Trước khán đài, các thí sinh cùng gia đình và bạn hữu đứng chờ nghe tên. Dân chúng quanh vùng và các nho sinh đến xem đông nghẹt. Từ trên chòi cao, vị Truyền lệnh sứ dùng loa gọi tên các thí sinh trúng tuyển Cử nhân với đủ tuổi tác, quê quán, làng, tổng, huyện, phủ...

Trong đám đông một tiếng "dạ" lớn vang lên, vị tân khoa lách mình tiến về khán đài. Các tân khoa được ban áo, mũ, lọng và quay về phía hội đồng giám khảo lạy tạ hai lạy, rồi đứng vào ô dành riêng. Lễ xướng danh xong, danh sách trúng tuyển được yết tại cửa Giáp (mặt tiền, bên tả) của trường thi.

Những người đậu Tú tài không được xướng danh, không có áo mũ của triều đình. Danh sách đậu niêm yết tại cửa Ất (mặt tiền, bên hữu) của trường thi. Nơi đây cũng đông nghẹt vì các thí sinh cố chen lấn xem bảng kiếm tên mình. Đỗ Tú tài tuy còn phải thi Hương nữa, nhưng đã có chân trong khoa mục, được vĩnh viễn miễn phu dịch và lính tráng.

Quan trường dẫn các tân khoa Cử nhân đến nhà Vọng cung làm lễ bái vọng vua và dự yến tiệc tại nhà khách tỉnh do quan Tổng đốc sở tại thết đãi. Trong bàn tiệc, các tân khoa, nhất là hai vị Giải nguyên, Á nguyên được các khảo quan và tỉnh quan thử tài thi phú.

Các người đậu Tú tài tề tựu ở cửa Tiền tỉnh thành, đợi các tân Cử nhân dự yến xong, rồi cùng hồi hương.

2/ **Truyền lô Tiến sĩ**: Lễ truyền lô các tân khoa Tiến sĩ tại điện Thái Hòa, tuy không đông đảo như lễ xướng danh Cử nhân nhưng long trọng hơn nhiều vì có vua ngự triều và đủ mặt bá quan văn võ.

Vị Chánh chủ khảo tâu vua về kết quả cuộc thi, vị Giám thí phụng mệnh vua phát cho mỗi vị tân khoa 1 bộ áo mũ đại triều có đủ cân đai hia hốt, một lá cờ và một tấm biển. Các tân khoa triều phục chỉnh tề theo quan Thượng thư bộ Lễ vào điện, quì thành hàng ngay ngắn trước bệ rồng. "Quan Lễ bộ đến giữa ngự đạo, quì xuống rồi đọc: Niên hiệu, năm, tháng, ngày... bọn chúng tôi phụng sắc cho đỗ Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ mấy người, họ, tên; Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân mấy người, họ, tên; Đệ tam giáp Đồng tiến sĩ xuất thân mấy người, họ, tên. Đọc xong, phủ phục, đứng dậy, lui ra đứng vào chỗ cũ. Quan Lễ bộ cùng tự ban mang bảng vàng từ cửa bên tả sân rồng đi ra, trống và nhạc đi trước, các Tiến sĩ đi theo sau, rước đến cửa nhà Thái học, treo lên" (trích *Lịch triều Hiến chương*, bản dịch, tập 2, trang 191).

Thái quan mở tiệc yến ở công đường bộ Lễ, mỗi tân khoa dâng lên vua một bài tạ biểu. Các tân khoa được nhà vua cho thăm vườn ngự uyển, được hái một bông hoa theo ý thích để thợ kim hoàn tại triều đánh lại bằng vàng, làm kỉ niệm. Bộ Lễ còn đem các tân khoa đi xem phố xá khắp kinh thành để dân chúng chiêm ngưỡng[13].

VINH QUY BÁI TỔ

Để chứng tỏ "Thiên tử cầu hiền" và đãi ngộ nhân tài, nền khoa cử Hán học còn có lệ vinh qui bái tổ. Dù thi Hương, thi Đình, các tân khoa đều được báo tin về quê quán, chính quyền địa phương có bổn phận lo việc đón rước. Theo lệ, đỗ đại khoa (Tiến sĩ, Phó bảng) cả phủ huyện đón rước; đỗ Cử nhân đón rước cấp tổng; Tú tài rước cấp làng xã[14].

Chính quyền địa phương phải cử người đến tận trường thi gặp vị tân khoa để biết ngày giờ hẹn. Dân làng và chính quyền địa phương đón vị tân khoa nơi đầu huyện (Tiến sĩ) hoặc đầu tổng (Cử nhân) hay đầu làng (Tú tài). Dù ở học vị nào, đám rước cũng chỉnh tề, long trọng, có đủ cờ quạt, bát

bửu, lục bộ, trống chiêng vang dậy cả một vùng và hai bên đường, người đứng xem đông nghẹt.

Nhất là đám rước Tiến sĩ vô cùng to lớn và trọng thể, đội hình xếp theo thứ tự quân, sư, phụ. Đi đầu là cờ biển của vua ban cho vị tân khoa, rồi đến kiệu hay võng có che lọng của thầy dạy học, của cha mẹ, tiếp theo là vị tân khoa, và sau cùng là vợ (nếu có), đúng với câu "Ngựa anh đi trước, võng nàng theo sau".

Về tới nhà, cha mẹ và thầy dạy cùng vị tân khoa làm lễ bái tổ tiên ở từ đường, ở đình làng và lễ đức Khổng Tử ở Văn miếu. Sau đó người nhà tổ chức tiệc mừng mời cả huyện, hoặc cả tổng hay cả làng tùy theo học vị; chi phí quá lớn nhưng không sao vì có họ hàng, bạn bè, hương chức và cả những nhà giàu có sẵn sàng giúp đỡ.

DỰNG BIA TIẾN SĨ

Theo *Lịch triều Hiến chương* và *Các nhà khoa bảng Việt Nam*, năm Nhâm Tuất (1442) niên hiệu Đại Bảo thứ 3, Lê Thái Tông sai soạn văn bia đề tên các Tiến sĩ. Lệ bia Tiến sĩ có từ đấy [15]. Nhưng mãi đến năm Giáp Thìn (1484), Hồng Đức thứ 15 đời Lê Thánh Tông mới có một lần dựng bia đại qui mô bao gồm các khoa Tiến sĩ từ năm 1442 đến năm 1484, tất cả 10 tấm, đặt ở Vườn Bia có hồ Thiên Quang tỉnh (giếng trời trong sáng) trước Đại Thành môn, khởi đầu cho hệ thống bia Tiến sĩ ở Văn miếu và Quốc tử giám tại kinh đô Thăng Long.

Từ khoa Đinh Mùi (1487) Hồng Đức thứ 18 đời Lê Thánh Tông, việc dựng bia Tiến sĩ thực hiện ngay trong năm có khoa thi. Nhưng từ khoa Ất Sửu (1505) Đoan Khánh thứ 1 đời vua Lê Uy Mục, việc dựng bia thường bê trễ, như khoa Tân Mùi (1511) Hồng Thuận thứ 3 đời Lê Tương Dực, sau 2 năm mới dựng được; khoa Giáp Tuất (1514) Hồng Thuận thứ 6, sau 7 năm mới thực hiện; còn khoa Mậu Dần (1518) Quang Thiệu thứ 3 đời Lê Chiêu Tông thì mãi 18 năm sau (1536) đời Mạc Đăng Doanh mới dựng bia.

Dưới triều Mạc, chỉ một lần dựng bia khoa Kỷ Sửu (1529) niên hiệu Minh Đức thứ 3 đời Mạc Đăng Dung, ngay trong năm đó.

Triều Lê Trung Hưng, đời Lê Thần Tông (1649-1662) và Thanh Đô Vương Trịnh Tráng (1623-1657), xúc tiến việc dựng bia cho 25 khoa, từ năm Giáp Dần (1554) đến năm Nhâm Thìn (1652). Đây là đợt dựng bia lớn nhất trong lịch sử khoa cử nước ta, thực hiện vào năm Quí Tỵ (1653) niên hiệu Thịnh Đức thứ 1. Nhưng rồi từ khoa Bính Thân (1656) Thịnh Đức thứ 4 đời Lê Thần Tông, việc dựng bia bị đình hoãn cho đến năm Đinh Dậu

(1717) niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 13 đời Lê Dụ Tông (1705-1729) và chúa An Đô Vương Trịnh Cương (1709-1729) mới thực hiện 21 bia tôn đọng từ khoa Bính Thân (1656) đến khoa Ât Mùi (1715). Đây là lần dựng bia lớn thứ nhì trong lịch sử khoa cử thời Hán học.

Từ khoa Mậu Tuất (1718) Vĩnh Thịnh thứ 14 về sau, việc dựng bia Tiến sĩ không tôn đọng nữa nhưng cũng phải 2 hoặc 3 năm sau mới xong. Từ niên hiệu Cảnh Hưng đời Lê Hiển Tông (1740-1786), việc dựng bia tương đối đều đặn và sớm sủa. Lần dựng bia cuối cùng vào năm 1780 cho khoa Kỷ Hợi (1779) niên hiệu Cảnh Hưng thứ 40. Sau đó, triều Lê còn mở 4 khoa thi nữa nhưng không kịp đặt bia.

Nhà Nguyễn, khoa thi Tiến sĩ đầu tiên vào năm Nhâm Ngọ (1822) Minh Mạng thứ 3 nhưng mãi đến năm Tân Mão (1831) mới dựng bia, khởi đầu việc lập hệ thống bia Tiến sĩ ở Văn miếu Huế, nằm bên bờ sông Hương và phía tây kinh thành. Lần dựng bia cuối cùng của nhà Nguyễn và cũng là năm chấm dứt nền khoa cử Hán học là khoa Kỷ Mùi (1919) Khải Định thứ 4, dựng bia ngay trong năm đó.

Qua các bia ký, thấy được phần nào tình trạng học hành, phép thi cử và cách đãi nhân tài của một triều đại. Chẳng hạn bài văn bia khoa Bính Tuất (1466) niên hiệu Quang Thuận 7 có đoạn: "Nhân tài đối với nhà nước, quan hệ rất lớn... Lê Thái Tổ bình định đất nước, giáo dục nhân tài, về mặt rộng hỏi thì tìm người ẩn dật, về mặt lựa chọn thì có thi học sinh, dù tên khoa Tiến sĩ chưa đặt ra, nhưng khí mạch của văn hóa đã đủ. Thái Tông nối ngôi, từ năm Nhâm Tuất (1442) khai khoa, người tài đều thu gồm được. Nhân Tông mở luôn ba khoa, văn vật càng rõ rệt thêm. Đến Thánh Tông trung hưng, số người đỗ khoa Quý Mùi nhiều hơn các năm trước... Đỗ thi Hội được ghi tên vào sổ; đã vẻ vang ở đương thời, lại có bia đá khắc tên, đủ để khuyến khích người sau nữa..."

Một bia khác cũng dựng trong đợt đầu (1484), có đoạn chép: "Việc lớn trong chính trị của đế vương, chẳng gì gấp bằng nhân tài; chế độ của nhà nước muốn được kỹ càng, tất phải đợi hậu thánh. Bởi vì làm chính trị mà không cốt ở nhân tài, chế độ mà không nhờ hậu thánh, thì mọi việc đều còn là cẩu thả, trị hiệu và phong hóa đâu đã được thịnh, văn vật và điển chương đâu đã được là đủ?..." (trích *Lịch triều Hiến chương*, bản dịch, tập 2, trang 157, 159).

Ngày nay, ở Văn miếu Hà Nội hiện còn 82 bia và Văn miếu Huế có 32 bia. Đây là bảng danh sách bằng đá liệt kê chính xác các Tiến sĩ của nước ta từ năm 1442 đến năm 1919. Một di tích lịch sử của nền Hán học Việt Nam

đã đóng góp cho đất nước nhiều nhân tài làm vẻ vang cho dân tộc.

Đào Đức Chương

---

(1) Phan Khoang; *Trung Quốc sử lược* (Sài Gòn, nxb Văn Sử Học, 1970); trang 51.
(2) Mở Chế khoa đầu tiên ở nước ta vào năm Giáp Dần (1554), niên hiệu Thuận Bình 6 đời Lê Trung Tông (1549- 1556).
(3, 5) Đỗ Đức Hiểu và nhiều tgk.; *Từ điển văn học* (Hà Nội, nxb Khoa Học Xã Hội, 1983); trang 60/ Q.1, trang 527/ Q.2
(4) Biền ngẫu: Biền là hai con ngựa chạy song đôi. Biền ngẫu là lối văn có những cặp câu hay trong mỗi câu có những cặp nhóm từ đối nhau.
(6, 8, 9) Cao Xuân Dục; *Quốc triều Hương khoa lục*, Nguyễn Thúy Nga và Nguyễn Thị Lâm dịch; (Sài Gòn, nxb TP/HCM, 1992); trang 528, trang 252 và 314, trang 55.
(7, 15) Phan Huy Chú; *Lịch triều Hiến chương loại chí*, Tổ phiên dịch Viện Sử Học Việt Nam dịch; (Hà Nội, nxb Khoa Học Xã Hội, 1992); trang 156.
(10, 13, 14) Toan Ánh; *Nếp cũ. Con người Việt Nam*, in lần thứ hai (Sài Gòn, Khai Trí, 1970); trang 74 và 76, 97, 98.
(11, 12) Ngô Đức Thọ chủ biên; *Các nhà khoa bảng Việt Nam* (Hà Nội, nxb Văn Học, 1993); trang 12, 15 và 105.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1- Cao Xuân Dục; *Quốc triều Hương khoa lục*, Nguyễn Thúy Nga và Nguyễn Thị Lâm dịch; Sài Gòn, nxb TP/ HCM, 1992.
2- Cao Xuân Dục; *Quốc triều khoa bảng lục*, Lê Mạnh Liêu dịch; Hà Nội, nxb Văn Học, 2001.
3- Đỗ Đức Hiểu và nhiều tgk; *Từ điển Văn học*, bộ 2 tập; Hà Nội, nxb Khoa Học Xã Hội, 1983.
4- Đỗ Văn Ninh; *Quốc tử giám và trí tuệ Việt*; Hà Nội, nxb Văn Hóa Thông Tin, 2001
5- Ngô Đức Thọ chủ biên và 2 tgk; *Các nhà khoa bảng Việt Nam 1075- 1919*; Hà Nội, nxb Văn Học, 1993.
6- Nguyễn Phu; *Giáo dục và khoa cử triều Nguyễn*; Sài Gòn, nxb Trẻ, 1997.
7- Phạm Văn Sơn; *Việt sử tân biên*, bộ 7 quyển; Sài Gòn, tác giả xuất bản, Khai Trí phát hành, 1958-1972.
8- Phan Huy Chú; *Lịch triều Hiến chương loại chí*, Tổ phiên dịch Viện Sử Học Việt Nam dịch; Hà Nội, nxb Khoa Học Xã Hội, 1992.
9- Quốc sử quán triều Nguyễn; *Đại Nam nhất thống chí*, Phạm Trọng Điềm dịch, tập 1 và 3; Huế, nxb Thuận Hóa, 1992.
10- Toan Ánh; *Nếp cũ Con người Việt Nam*; Sài Gòn, Khai Trí xuất bản, 1970.
11- Trần Độ chủ biên; *Văn Hóa Việt Nam tổng hợp*; Hà Nội, Ban Văn Hóa Văn Nghệ trung ương xuất bản, 1989.
12- Phan Khoang; *Trung Quốc sử lược*; Sài Gòn, nxb Văn Sử Học, 1970.
13- Vụ Bảo tồn Bảo tàng; *Niên biểu Việt Nam*; Hà Nội, nxb Khoa Học Xã Hội, 1984.

hướng đến một văn hóa phát triển*

NGUYỄN HOÀNG VẤN

Lịch sử phát triển của nhân loại, có thể nói, là lịch sử của những tiến trình chuyên nghiệp hóa. Văn hóa phát triển, do đó, phải là một thứ văn hóa cổ xúy tinh thần chuyên nghiệp.

Hình dung con đường phát triển của nhân loại như một cái thang thì, để đi lên, nhân loại đã đi lên cao dần bằng những nấc thang chuyên nghiệp hóa. Cứ một lần khoa học, nghệ thuật hay bất cứ lĩnh vực nào đó phân nhánh thì con người lại thêm một lần nâng cao trình độ chuyên môn, nâng cao thế đứng và mở rộng tầm mắt. Cao hơn và xa hơn.

Thoạt kỳ thủy là sự chuyên nghiệp hóa giữa nam và nữ. Văn minh nhân loại, theo nhiều nhà nhân chủng học, chỉ thực sự khởi động với bản hợp đồng theo đó đàn bà và đàn ông chấp nhận trao đổi cho nhau thân xác và thực phẩm. Trong nỗ lực cộng sinh ban đầu có thể họ cùng săn bắt hay cùng hái lượm để tìm kiếm cái ăn, tuy nhiên, khi mà nam giới đã thể hiện những ưu thế về mặt thể chất và nữ giới đã ý thức được cái mà giới đực rựa thèm khát ở mình, hai bên sẽ tập tành... chuyên nghiệp hóa. Từ đây, họ cùng đạt đến một thỏa thuận: nam sẽ tìm kiếm thực phẩm còn nữ thì sẽ nằm xuống, dang hai chân ra.

Nghe thì có vẻ như là một sự sỉ nhục nữ giới nhưng sự thực là vậy: đấy là cái nghề cổ nhất của nhân loại, cái nghề *Sớm đưa Tống Ngọc tối tìm Tràng*

Khanh. Và khi trao thân gởi xác để đổi lấy miếng ăn, người phụ nữ thời tiền sử đã vô tình mở đầu cho tiến trình chuyên nghiệp hóa của nhân loại, đó là, nhìn nhận những sở trường hay sở đoản của chính mình để khai thác một cách tối ưu trong nỗ lực sinh tồn. Tiến trình này đã thai nghén nên những giềng mối đầu tiên của gia đình, như là những tế bào của xã hội. Thoạt tiên, gã đàn ông có thể trao đổi với nhiều người đàn bà và người đàn bà cũng có thể trao đổi với nhiều gã đàn ông nhưng rồi phạm vi sẽ bó hẹp dần. Bước đầu có thể chỉ là "buôn có bạn bán có phường" nhưng sau đó sẽ là "gu", là sở thích của mỗi bên. Cứ thế, phạm vi sẽ bó hẹp mãi và... keo sơn mãi để đi đến những hình thức sơ khai nhất của cấu trúc gia đình.

Cứ như vậy, nhân loại đã và đang tiếp tục đi lên bằng những nấc thang chuyên nghiệp hóa. Sự tách rời giữa chăn nuôi và trồng trọt, chẳng hạn. Sự ra đời của những nghề thủ công, chẳng hạn. Rồi sự xuất hiện của những tầng lớp thương nhân, nghệ sĩ, những viên chức quản trị, những quân nhân chuyên nghiệp vân vân: càng phát triển, xã hội càng chuyên môn hóa. Còn làng nhàng với biên giới mờ mịt giữa những lĩnh vực khác nhau, còn xông xáo một cách tùy tiện và bất chấp những quy phạm ràng buộc của từng vấn đề chuyên biệt thì, rõ ràng, khó mà chấp nhận rằng đấy là một xã hội phát triển.

Việt Nam, trong lịch sử... chậm phát triển của mình, cũng đã thể hiện một sắc thái làng nhàng như thế. Hằng bao thế kỷ, người nông dân vừa bám vào đất vừa nhẩn nha chăn nuôi, họ cũng có thể trở thành thợ thủ công, thành nghệ nhân hay những thương nhân nếu muốn. Tầng lớp trí thức xưa thì, hầu như, ai cũng... bách khoa nho, y, lý, số. Tính cách phi chuyên nghiệp này còn thể hiện cả trong lề lối quản trị và lãnh đạo đất nước của kỷ nguyên hiện đại.

Nhớ lại cái thời đất nước chao đảo với những cuộc đảo chính, phản đảo chính rồi chỉnh lý khét mùi thuốc đạn và khi nhìn lại, đa số, ai cũng có thể dễ dàng vẽ nên những bàn cờ chính trị với những nước bí và những nước đi chiếu tướng. Thì, nước cờ đế quốc và âm mưu ngài đại sứ. Thì, tham vọng vỡ bừng lồng ngực những ông tướng ông tá bất tài. Vân vân. Và, đó cũng là... lý do, tuy nhiên, nhìn từ góc độ văn hóa, đấy còn là biểu hiện của một nền tảng giá trị văn hóa ở đó tinh thần chuyên nghiệp hoàn toàn không được đề cao.

Thử bắt đầu từ ông Ngô Đình Diệm. Xuất thân từ trường Hậu Bổ, ông được huấn luyện như một thứ quan chuyên nghiệp và, sau nhiều năm lưu vong, lại trở về trong vai trò của một thủ tướng, rồi, sau đó, một tổng thống.

Từ nền cai trị nửa phong kiến nửa thuộc địa cho đến nền cai trị mệnh danh cộng hòa, thực tế chính trị đã thay đổi biết là bao nhiêu? Tuy nhiên vị tổng thống cộng hòa ấy vẫn lẩn quẩn với tư duy của một ông quan và kết cuộc là một sự đổ vỡ.

Sự đổ vỡ này còn mở đầu cho một loạt những xáo trộn với những quân nhân... phản chuyên nghiệp: văn hóa chuyên nghiệp đòi hỏi họ phải gắn bó với cái nghề tranh thắng trên chiến trường và với nhiệm vụ bảo vệ lãnh thổ, tuy nhiên họ lại sa đà vào cái việc tranh thắng trong hậu trường chính trị, và đã tranh thắng như những kẻ vô biền. Nếu buộc lòng phải tham chính để lật đổ một thể chế độc tài thì điều quan trọng là họ phải biết dừng lại đúng lúc, vạn nhất có chọn lựa chính trị thì điều cần thiết là phải đoạn tuyệt với cốt cách võ biền; tuy nhiên, như một nghịch lý của sự chậm tiến: lăng xăng với những tham vọng chính trị, họ hết là những quân nhân chuyên nghiệp, và khi hùng hổ trên sân khấu chính trị họ lại võ biền như những kẻ chỉ biết có gươm và súng.[1]

Văn hóa chuyên nghiệp, như thế, không hẳn là những bằng cấp chuyên môn hay quan hệ cơm gạo, mà chuyên nghiệp, trước hết, là thái độ gắn bó và trách nhiệm đối với những đòi hỏi của luật chơi.

To be or not to be, mấy lời tự vấn của Hamlet vậy mà cũng được xoay xở như một thứ mộc che thân của khá đông trong đội ngũ gọi là trí thức của Việt Nam, họ xoay xở như một tư thế nhập cuộc an toàn khi muốn làm chính trị bằng tư thế của một tu sĩ, làm văn chương bằng tư thế nhà giáo hay nhà hoạt động xã hội, thậm chí làợm sử gia bằng tư thế của những chiến sĩ đấu tranh.

Cứ nghe nhà văn Nguyễn Mộng Giác kể về sự "khó xử" của nhà sử học Tạ Chí Đại Trường, tác giả của *Lịch Sử Nội Chiến Việt Nam*, một công trình nghiên cứu có giá trị về Tây Sơn. Những đồng hương Bình Định – những kẻ đang bực dọc trước kết luận đầy quả quyết của ông Nguyễn Gia Kiểng về phong trào này và nhân vật Nguyễn Huệ – thì thi nhau thúc hối, bảo phải bảo vệ niềm tự hào địa phương, nhưng ông ta, như một sử gia, cảm thấy lấn ca lấn cấn cho cái tư thế "sử gia hay không phải sử gia": làm sao để tranh luận về sử với một người nằng nặc từ chối trách nhiệm sử gia, kẻ chỉ bản về sử trong tư thế của "một nhà chính trị rất thiếu thì giờ"?[2]

Có vẻ như một trò làm chơi nhưng lại đòi ăn thật. Khi một nông dân chuyên làm ruộng thanh minh "Tôi không phải là nhà chăn nuôi" bên đàn gia súc còi cọc của mình, lời trần tình ấy không có gì đáng trách; còn khi một nhà trí thức rào đón với cái miễn chiến bài "Tôi không phải là sử gia"

để đóng vai một nhà phê bình lịch sử táo bạo, vấn đề có cái gì đó rất kỳ cục. Có lĩnh vực khoa học, nghệ thuật nào mà không bao hàm những quy phạm ràng buộc không thể không có? Còn nếu nhân danh đạo đức, nhân danh "mục tiêu đấu tranh" hay bất cứ những điều như "tâm đạo" để miễn trừ trách nhiệm chuyên môn thì, thực chất, đấy cũng chỉ là một biến thái của quan niệm "hồng hơn chuyên" đã phá sản nặng nề. Nêu lên những yếu tố như "động cơ" hay "tâm huyết" ra để miễn trừ trách nhiệm trên khía cạnh phương pháp luận hay chuyên môn, thì đấy, chính là một trò hồ lốn hóa, tả phí lù hóa những phạm trù tri thức lẽ ra phải nghiêm túc.

Cái thái độ "tôi không phải là", có thể nói, là một sự thủ thế vô trách nhiệm. Bởi, giữa một xã hội hướng đến mục tiêu phát triển, trách nhiệm không thể chỉ đơn thuần là chơi liều, là dám chơi dám chịu. Bởi, dù xã hội rất cần đến những cái đầu, những suy nghĩ hay những bước đột phá táo bạo; tuy nhiên khi cái sự táo bạo ấy trở nên lung tung, loạn ẩu một cách thiếu chuyên nghiệp, đấy chỉ đơn thuần là một trò chơi bựa.

Không những phi chuyên nghiệp, những thái độ như thế còn phản ánh tính hỗn mang nguyên thủy trong văn hóa tranh luận của chúng ta.

*

Tùy theo quan niệm, người ta có thể đánh giá trình độ phát triển của một dân tộc qua những dấu hiện khác nhau. Bom nguyên tử, chẳng hạn. Hay, xếp hàng, chẳng hạn. Xem: "văn minh" Mỹ cao hơn nên bom Mỹ có sức công phá mạnh hơn, "văn minh" Tàu thấp hơn nên bom của họ... giết được ít người hơn. Lại xem: người văn minh thì kiên nhẫn và lịch sự những khi xếp hàng, người... không văn minh thì không là như thế!

Thì cũng là một cách đánh giá, tuy nhiên, cái cung cách họ tranh luận với nhau mới là dấu hiệu giản tiện nhất mà bao quát nhất. Ít ra, cái cung cách họ chí chóe cãi cọ tranh giành hay điềm tĩnh tranh luận cũng bao hàm cả một bề dày của lịch sử văn minh: nó khai sinh từ những bản năng thấp nhất và hình thành với những khát vọng cao nhất.

Thoạt kỳ thủy, khi sở dục của con người chỉ đơn thuần đóng khung trong những nhu cầu vật chất, họ không tranh luận mà chỉ tranh giành. Họ tranh thứ này. Họ giành thứ kia. Và họ giành giật theo bản năng của loài dã thú, theo luật của rừng, thứ luật của "mạnh được yếu thua". Trí tuệ nảy nở rồi thì nhu cầu tri thức, nhu cầu "biết" mới đưa đẩy đến trò chơi tranh luận: trước là mạnh sức, sau là mạnh trí. Không ai biết đích xác điều đó đã thực sự nảy nở như thế nào, tuy nhiên, bằng cách suy diễn, chúng ta cũng có thể tàm tạm tái tạo lại một chút lịch sử.

Tưởng tượng khung cảnh thời tiền sử khi con người còn sống trên cây hay trong hang đá, còn săn bắt hay hái lượm để sinh tồn, nam-nữ còn chung chạ với nhau trong mối quan hệ quần hôn. Họ, hầu như, chỉ bị thôi thúc bởi những sở dục đơn giản và cụ thể: một bao tử để nhét cho đầy, một thân thể để che chắn và sưởi ấm, và sau nữa là những nhu cầu dục lạc cần phải thỏa mãn thế thôi.

Trên lý thuyết thì, thoạt đầu, hết thảy đều là muôn sự của chung. Săn được một con thú, hái nhặt được một mớ sản phẩm của núi rừng, ai ai cũng có phần để huề vui vẻ cả làng; cả cái việc yêu đương tình ái cũng thế khi mà ai cũng có thể chung chạ với nhau, chung chạ tưng bừng loạn xà ngầu đến độ con cái sinh ra chỉ biết có mẹ mà không biết có cha. Đủ đầy thì không nói làm gì, đến khi khốn đốn vì cung thấp hơn cầu, đói rừng chẳng hạn, phụ nữ bị bệnh dịch toi mạng chết gần hết chẳng hạn, rắc rối mới diễn ra: người đông của hiếm thì chuyện giành giật nhau là sự dĩ nhiên.

Tưởng tượng tiếp cảnh một đám đàn ông nóng nảy hậm hực trước mẩu thịt bèo nhèo bạc nhạc còn sót lại hay trước một vài chị đàn bà mũm mĩm tươi tốt: ai cũng muốn phần hơn về mình, và cái hơn nhau, lúc này, lại là "một tiếng anh hùng mà thôi"!

"Tiếng anh hùng", trong ngày ấy, thực ra, chỉ là những bắp thịt, những nắm đấm, những cú đánh chó, những cú thúc đầu gối, thậm chí những... hàm răng thật sắc: đấm, đá, cào, cắn xé, ào ào, ào ào. Cần thiết thì gân cổ la hét cho thêm phần khí thế: sở dục đơn giản, tư duy đơn giản thì cách giải quyết cũng chẳng thể nào phức tạp hơn.

Đầu tiên có thể chỉ là "mạnh được", nhưng đến khi ý thức được cái sự "đông được" trong nội bộ cộng đồng với nhau, con người mới bắt đầu tập tành làm... chính trị. Họ sẽ không đơn thuần dùng hàm răng để cắn xé mà còn tập tành múa may bộ lưỡi để lôi kéo đám đông, hay ít ra là lôi kéo kẻ "mạnh được" về phía mình.

Đời sống còn phức tạp dần với những ý niệm quyền lực, địa vị, giai tầng v.v... và rồi, điều này, đến lượt, sẽ ảnh hưởng đến mô thức xã hội thể hiện qua những tập tục, lề luật và định chế. Khi đó, một cách chính thống, những hình thức chia chác hay tranh giành quyền lợi sẽ được thể chế hóa trong những khuôn khổ này. Như thế, cái lưỡi và cái cổ họng con người không còn đơn thuần đảm nhiệm cái nhiệm vụ gấu ó như xưa nữa: tranh giành cái gì thì cũng phải nương theo lề luật và tập quán, nghĩa là xoay xở, diễn dịch sao cho chúng nghiêng về phía mình.

Cao hơn vật chất, khi khả năng tư duy đã đạt đến những mức độ hoàn

thiện hơn và trừu tượng hơn thì con người, ở một mức độ nào đó, lại nẩy sinh nhu cầu phô diễn tư tưởng. Đó có thể là ý hướng bảo vệ lẽ phải và rao truyền những giá trị tin là tốt đẹp cho cõi nhân sinh, đó cũng có thể là tham vọng nâng ý tưởng của mình thành một thứ khuôn vàng thước ngọc, nhưng, dù gì thì gì, con người đã từ chỗ cãi lộn đi đến chỗ tranh luận.

Không phải ngẫu nhiên mà nghệ thuật tranh luận lại hình thành cùng lúc với sự thăng hoa rực rỡ của nền văn minh cổ đại. Đó là thành tựu của luận lý học, của tinh thần duy lý. Đó là những khát vọng dân chủ, dù là trong hình thức sơ khai nhất, của một xã hội lý tưởng thể hiện trong niềm mơ ước cộng hòa, của Plato, của Aristotle, hay của Cicero.

Thử trở lại với ánh huy hoàng của nền Cộng Hòa La Mã thời cổ đại cùng nhà hùng biện Cicero. Với Cicero (106-43 B.C), khoa hùng biện được xem như là một thể loại, như thể thi ca hay kịch nghệ, qua đó con người chỉ thuần túy so tài cao thấp bằng luận lý trong một quan hệ dân chủ. Đó là *logic*, là những tư tưởng, những phép suy diễn dù hình thành từ thời cổ đại nhưng vẫn sáng giá ở mười mấy thế kỷ sau. Đó là không khí của một xã hội cộng hòa với những thiết chế về Nguyên Lão Nghị Viện hay Tòa Án mà thế giới hiện đại đang áp dụng. Họ tranh luận là để tìm kiếm cái đúng, cái phải, và để làm được điều ấy, họ có những luật chơi phải, đúng.

Sợ cuộc chơi thì mới phá luật chơi. Bất lực trước luật chơi duy lý và dân chủ người ta mới cầu viện đến những hình thức này kia của bạo lực. Đó là trường hợp của tên võ biền Mark Antony khi hắn hèn nhát dùng lưỡi gươm để đối phó với cái lưỡi của Cicero. Cicero dùng bộ óc, hắn dùng bắp thịt. Cicero dùng lý trí, hắn dùng sức mạnh. Cicero vận dụng những *logic* bén nhọn, hắn múa may lưỡi gươm bén nhọn. "Chân lý", như thế, đã lóe lên từ nước thép của lưỡi gươm, hay như về sau, bay ra từ họng súng, theo kiểu Mao Trạch Đông.

Văn minh nhân loại đã thoái hóa và thụt lùi theo những hành vi bịt miệng như thế. Cộng Hòa La Mã chết theo cái lưỡi của Cicero. Âu Châu đắm chìm trong đêm đen Trung Cổ khi giáo quyền La Mã sử dụng Tôn Giáo Pháp Đình và những dàn hỏa thiêu để bịt miệng bất kỳ kẻ nào dám ngờ vực thần quyền. Những trại tập trung cải tạo, những màn đấu tố rải rác trên lãnh thổ Á, Âu một thời, hết thảy cũng chỉ là phương tiện để dập tắt tiếng nói và làm thui chột những bộ óc không chịu khuất phục trước những giáo điều đóng hộp.

Đấy cũng chỉ là một hình thức mới của luật rừng thế thôi. Người tiền sử giành giật miếng ăn, nhà nước độc tài giành giật độc quyền lẽ phải.

Người tiền sử cắn xé bằng hàm răng sắc nhọn, nhà nước giành giật bằng cả một hệ thống sen đầm và ngục tù. Người tiền sử dùng cổ họng để la hét tạo thanh thế, nhà nước có bộ máy tuyên truyền một chiều, có những đội quân vu khống và đấu tố theo kiểu Hồng Vệ Binh.

Và để gươm súng có thể "bốc" ra chân lý một cách danh chính ngôn thuận, lại có cái trò "nhân danh" đi kèm những bản án. Giáo quyền thời Trung Cổ nhân danh Đấng Tối Cao để đốt sống những kẻ tà đạo. Nhà nước độc tài nhân danh mấy thứ chủ nghĩa lạ lùng hay cuồng dại của mình để trưng ra tội danh "phản động". Loài người, như thế, đã tự làm khổ mình ngay từ khi phát minh ra cái ý niệm "nhân danh": bởi, khi đã có một cái gì đó để nhân danh rồi thì luật rừng, luật của loài thú, cũng sẽ biến thành luật của loài người!

Đấy mới là... phản động. Vì nó phản tiến bộ. Vì nó níu giật lịch sử trong những bước chân thụt lùi: cổ Cicero bị cắt thì ánh sáng huy hoàng rực rỡ của nền Cộng Hòa La Mã tàn lụi theo; những trại tập trung, những màn đấu tố v.v... của thế kỷ 20 đã đưa con người quay về với không khí nghẹt thở của thời Trung Cổ. Nhân loại, như thế, bao giờ cũng bị bước thụt lùi theo những hành vi cắt lưỡi và bịt miệng, cầu chứng với những nhãn hiệu nhân danh.

Đã có những nhà nước phản động thì cũng có những cá nhân phản động. Nhà nước phản động theo cung cách của loài hổ báo khi sử dụng sức mạnh của bộ máy cai trị để áp dụng luật rừng. Không có sức mạnh của loài hổ báo, cá nhân phản động bằng những trò lường lận ăn gian, bằng sự tinh quái của loài chồn cáo.

Điều gì cũng có mặt trái: nếu những bản năng dã man hàm chứa ít nhiều tính hồn nhiên thì những lớp lang văn minh lại mở ra những kẽ hở lưu manh. Khi một bộ lạc thời tiền sử đi săn người ở bộ lạc khác về làm thực phẩm thì, xét cho cùng, họ cũng làm công việc kinh khủng ấy một cách hồn nhiên như thể hôm nay chúng ta đi câu cá những ngày nghỉ cuối tuần. Tuy nhiên, nếu xã hội cần đến những lớp lang lễ nghĩa và định chế để có thể tổ chức và điều hành một cách êm thắm thì chính những lớp lang đó, đến lượt, sẽ bày ra cho con người những cơ hội xoay xở và nhân danh.

Cứ để ý những cuộc "tranh luận" của chúng ta, trong hay ngoài nước: "nhân danh" thì toàn những điều cao đẹp, chúng lại hỗn loạn và bát nháo như thể cái cảnh của một bộ lạc thời tiền sử đang gấu ó tranh giành theo luật của rừng.

Thiếu tính duy lý đã đành, chúng ta thiếu cả tính dân chủ, dù là trong

hình thức sơ khai nhất khi cảm tính và đầu óc bè phái trở thành yếu tố chi phối. "Dân chủ", với họ, là quyền biến thiên kiến cá nhân thành tâm thức cộng đồng, quyền phun nước bọt vào những lĩnh vực hoàn toàn ỉ tờ. "Dân chủ", với họ, là quyền tự trao cho mình thanh gươm lệnh để vung chém bừa bãi, bằng những bản án cũng không kém phần bừa bãi.

Báo chí trong nước từng đề cập đến trường hợp nhà phê bình vớ được bản thảo của một nhà thơ và thẳng tay phang trên mặt báo.[3] Mà, ở bất cứ đâu, trong hay ngoài, người ta cũng có thể dễ dãi hùa theo một nhận định vu vơ nào đó để đả kích bất kỳ tác giả nào đó, không cần đọc qua một trang một chữ nào của họ, như một trò chửi leo. Mà đó là văn học, bước sang chính trị thì sự thể càng tệ hại hơn khi mọi vấn đề – văn chương, văn hóa hay lịch sử – đều có thể soi qua những thứ kính chiếu yêu tạo thành từ những hiểu biết và những "lập trường" hay "quan điểm" cực kỳ chủ quan. Với thứ kính chiếu yêu đó người ta có thể kết án hay chụp mũ bất cứ ai, dựa trên những bằng chứng thực vu vơ, và với những lập luận còn vu vơ hơn nữa.

Xã hội không phải là một viện hàn lâm và nếu cãi nhau chuyện tôm cá, người ta có thể hành sử theo lối hàng tôm hàng cá, tuy nhiên, *đi với Phật mặc áo cà sa*, sự nghiêm túc của mục tiêu bao giờ cũng đòi hỏi sự nghiêm túc ở thái độ nhập cuộc và ở khía cạnh phương pháp luận. Sự tách rời giữa cảm tính và lý trí, chẳng hạn. Những lề lối sử dụng thông tin, chẳng hạn. Rồi sự rạch ròi giữa những phạm trù khác nhau, từ lịch sử, chính trị, văn học đến chuyện đời tư cá nhân, chẳng hạn. Và, đó còn là một thái độ tự trọng, không nấp mặt trong đám đông để gấu ó và vu khống.[4]

Không phải người Việt không hề biết đến tranh luận. Có thể từ ngày xưa cha ông ta – trừ những trường hợp hiếm hoi như Nguyễn Trãi, qua những lá thư "mưu phạt tâm công" nhằm đánh vào ý chí của tướng Minh – chưa hề thực sự tranh luận: họ không có diễn đàn để thi thố trong khi mọi sự đều rập khuôn theo kinh điển, tuy nhiên, khi đã tiếp xúc với điều mà Phan Khôi gọi là "cô nàng *logic*", "cô nàng lý luận", những cuộc tranh luận đúng nghĩa đã thực sự diễn ra.

Cứ nhớ những cái tên Phạm Quỳnh, Phan Khôi, Trần Trọng Kim một thời với những vấn đề như Nho giáo hay Quốc học: họ hướng tới một ngả đường văn hóa được tin là đúng đắn, được tin là tử tế cho dân tộc nên cách hành sử trong tranh luận cũng tử tế và tự trọng như thế. Họ nhiệt thành tranh luận và gay gắt phê phán mà vẫn có đủ bình tĩnh để tôn trọng nhau. Họ chú mục vào những điều đáng nói, vào lối lập luận, vào những ý tưởng chính yếu chứ không phải những tiểu tiết lông bông hay những chuyện đời lông

bông. Những thái độ tranh luận như thế, như là dấu hiệu của một văn hóa cạnh tranh lành mạnh, chỉ mới lóe lên để rồi lịm dần, thoái hóa dần giữa những nhiễu nhương chính trị. Cứ như thế cho đến bây giờ: càng "tranh luận", chúng ta càng trở nên gần gũi với hình ảnh của một đám đàn ông thời tiền sử khi họ ầm ầm gấu ó tranh giành nhau bên mấy miếng thịt bèo nhèo bạc nhạc hay một vài chị đàn bà tươi tốt hiếm hoi còn lại.

Để đi tới thì phải cạnh tranh nhưng tinh thần cạnh tranh của chúng ta vẫn phảng phất cái gì đó man dại của thời tiền sử, cứ như thể là bước vào thế kỷ 21, cái thế kỷ mới với dấu trừ vấp váp ở ngay đằng trước, thế kỷ 21 âm. Nghĩa là cạnh tranh như một bộ lạc thời tiền sử, cái thời mà loài người vẫn chưa biết mặc quần.

*

Cạnh tranh còn là đặc tính của tuổi trẻ, lứa tuổi tràn trề nhựa sống và ăm ắp những ước mơ, lứa tuổi của thôi thúc khẳng định mình, của thôi thúc vươn lên và thôi thúc vượt qua. Văn hóa tuổi trẻ, như thế, phải là văn hóa của tinh thần xét lại.

Thực thế. Tuổi trẻ có ý thức được rằng mình tinh táo và sáng suốt hơn thế hệ đi trước, xã hội mới có cơ may tiến bộ: háo thắng không phải là một tính tốt nhưng nếu cứ mãi khép nép với những mặc cảm hậu sinh thì đấy, có thể nói, chỉ là một thứ tuổi trẻ vứt đi. Một tuổi trẻ phản động.

Nghe thì có vẻ ngược ngạo và vô lý, nhưng, suy cho cùng, tiến bộ là gì nếu không phải tiến trình thay thế giữa mới và cũ? giữa cái hợp thời và cái lỗi thời? giữa hôm nay và hôm qua? giữa trẻ và già? Tuổi trẻ, như là động lực của sự thay đổi và của phát triển, mà cứ khép nép giữ mình trong những mối cân bằng rệu rã thì sẽ là gì nếu không phải là một tuổi trẻ phản động?

Đấy không phải là lời kết án mà cũng không phải là một thái độ phủ nhận cạn láng, một trăm phần trăm. Phản động, cần được hiểu trong những ý nghĩa nguyên thủy như một phản động lực, một tác động ngược trì kéo dòng chuyển động chính chứ chưa biến thái, nghe đâu từ thời cách mạng Pháp, để rồi trở thành một ý niệm kinh hoàng với cỗ máy chém hay những viên đạn đồng lạnh lùng khạc ra từ nòng thép sau này. Còn... hơn? Dĩ nhiên, từng thế hệ cần ý thức thật rõ vai trò của mình và nhận ra rằng có "hơn", thì đấy lại là một sự tiếp nối đầy sáng tạo, hướng đến một quan hệ mới và một hệ giá trị mới cao hơn.

Chẳng hạn như cái "hơn" từng được cổ vũ trong văn hóa Mỹ một thời, nước Mỹ của thế kỷ 19.

Nói tới văn hóa Mỹ thì sẽ có không ít người nhún vai hay trề môi. Thì cũng được thôi: họ có thể nói bất cứ điều gì về Mỹ, thậm chí có thể nói những điều mâu thuẫn nhau nữa đấy. Nói nó khai phóng cũng được mà nói nó nghẹt thở cũng được. Nói nó nhân bản cũng được mà nói nó nặng vật chất, bất cận nhân tình cũng được. Nhưng, thử hỏi, có bao nhiêu người Việt đang ngày đêm trăn trở với giấc mơ làm... người Mỹ, cho dù đa số vẫn hằng chê bai và hằng ra bộ khinh miệt nước Mỹ? Chưa ai nắm rõ con số thống kê nhưng chắc chắn rằng con số không thấp lắm đâu, và như thế thì, dù sao đi nữa, xã hội hay văn hóa Mỹ cũng có cái gì đó đáng để học hỏi, và ở đây, vấn đề là tuổi trẻ Mỹ đã "hơn cha" như thế nào!

Chắc chắn là tuổi trẻ ở đó phải "hơn cha" lắm lắm nên mới có văn hóa Mỹ của hôm nay, thứ văn hóa đã vượt, đã băng qua thế kỷ ấy rất xa, cho dù vẫn còn vướng víu với chút di sản tồi tệ của thời kỳ hậu thuộc địa, chẳng hạn chủ nghĩa kỳ thị chủng tộc!

Cái thời mới thoát thai khỏi thân phận thuộc địa nước Mỹ chưa có cái gọi là văn hóa "true America" ngay đâu, mà nó cũng không ở trên trời rơi xuống. Phải đợi đến nửa sau thế kỷ 19, sau khi Ralph Waldo Emerson khơi dậy những ý tưởng về một sự độc lập văn hóa trong bài diễn văn đọc trước Viện Đại Học Havard năm 1837, và qua tác phẩm *Nature* xuất bản năm 1880, những hạt giống đầu tiên mới bắt đầu nẩy mầm. Emerson nói về vai trò của những đại học Mỹ trong việc "khơi lên ngọn lửa trong trái tim thế hệ trẻ". Emerson nói về sự xuất hiện của những nhân vật khổng lồ để đập nát những giá trị cũ và tạo dựng những giá trị mới. Emerson kêu gọi thế hệ mới hãy vứt bỏ những ám ảnh của quá khứ để "tận hưởng mối quan hệ tinh khôi với vũ trụ" và xây dựng một "thế giới của riêng mình". Trong "Cơn Sốt Vàng" và cơn chuyển mình kỹ nghệ hóa thời ấy, những ý tưởng của Emerson xuất hiện như là cái gì đó lạc loài nhưng, dù sao, cũng đã thổi lên niềm cảm hứng ở nhiều người đồng điệu, thế hệ cùng thời hay những thế hệ kế tục, từ Henry David Thoreau cho đến Walt Whitman, rồi Elizabeth Palmer, Margaret Fuller... những tên tuổi đã chiếm lĩnh những vị trí trang trọng nào đó trong lịch sử nước Mỹ.

Henry David Thoreau, chẳng hạn. Rời Havard, Thoreau trở thành người bỏ học nổi tiếng nhất trong lịch sử Mỹ: thà ở tù còn hơn là đóng thuế để dung dưỡng chế độ nô lệ, thà ở tù còn hơn là góp tay nuôi dưỡng cuộc chiến bẩn thỉu tại Mexico. Những ý tưởng gói ghém trong tập tiểu luận *Resistance to Civil Government* của Thoreau đã gợi ý cho Mahatma Gandhi, ngay từ trong một nhà tù ngột ngạt ở Nam Phi, mường tượng nên con đường độc

lập của tổ quốc Ấn Độ mình sau này. Đến lượt, hành trình của Gandhi lại mở lối cho Martin Luther King, người đã, bằng phương pháp bất bạo động, mở ra một chương sử mới cho những thế hệ da đen Mỹ.

Trong tập tiểu luận chống chính quyền ấy, Thoreau đã nói gì về tuổi trẻ của mình?

Tôi đã sống hơn ba mươi năm trên hành tinh này nhưng chưa bao giờ nghe được một câu, một chữ ra hồn hay một lời khuyên có ý nghĩa từ thế hệ đi trước. Họ chẳng hề nói với tôi được điều gì cả, mà họ cũng không đủ khả năng để nói những lời như thế...[5]

Đấy chính là sự bất lực tinh thần của thế hệ già. Khi giới trẻ ý thức được điều ấy, ý thức được rằng mình sáng suốt hơn, tỉnh táo hơn và đủ sức vượt qua thì xã hội mới có hy vọng đi tới. Tuy vậy, thế kỷ 19, dù sao, vẫn là một thế kỷ chậm chạp. Phải đến thế kỷ 20 – nhất là nửa sau của thế kỷ này khi gia tốc thay đổi ở những lĩnh vực kinh tế, xã hội, chính trị ngày càng cao dần – sự phá sản tinh thần của những thế hệ lớp trên mới càng đậm nét hơn. Trong con mắt của tuổi trẻ thì họ, và những khung giá trị họ bám chặt, chỉ có thể đem lại chiến tranh, đói khát, bất công hay bần cùng v.v...: đấy là một bọn đạo đức giả thối mồm. Và như thế, tuổi trẻ đã vùng lên. Tuổi trẻ ào ào chối bỏ. Văn hóa tuổi trẻ là một văn hóa chối bỏ, văn hóa của sự tìm kiếm, sự thích ứng và sự khẳng định mình, thực nhạy và thực nhanh.

Thập niên 60, chẳng hạn. Những năm tháng của mốt thời trang thiên tả khi tuổi trẻ chán ghét tư bản, chán ghét bất công. Họ ồn ào xuống đường. Họ hồ hởi phấn khởi tôn Mao tôn Ché làm thần tượng. Chán ghét chiến tranh, họ trở thành những nhà phản chiến đường phố, cũng không kém phần ồn ào. Không vậy thì họ cũng phản đối văn minh tư bản như những *hippy* với đời sống hoang dã nguyên thủy, cái trào lưu lay lắt sống đến tận thập niên 70. Hẳn nhiên, không phải chọn lựa nào cũng đều tích cực cả nhưng, ít ra, họ cũng đã phản ứng và, nhìn trong suốt chiều dài lịch sử, những hành động như thế cũng có một tác dụng mở mắt nào đó đối với chọn lựa của thế hệ kế tiếp. Thập niên 80, khi chiến tranh Việt Nam đã trở thành quá khứ và đã phơi bày thực chất, tuổi trẻ đâm chán với những màn kịch thiên tả ồn ào. Thực tế hơn, họ hướng đến những hình mẫu *yuppi*, như những nhà chức nghiệp thành công.

Giữa những thành công chói chang của kỷ nguyên *dot.com*, tuổi trẻ của thập niên 90 còn xa rời chính trị hơn nữa. Cái họ quan tâm là giá cổ phần, là những đời xe mới. Họ chú ý đến câu chuyện Clinton-Monica hơn bất cứ tin tức chính trị nào khác. Họ cảm thương cho sự "bạc mệnh" của Công

nương Diana hơn bất kỳ số phận không may nào khác, từ những nạn nhân của chiến tranh hay của độc tài v.v... Trong một thời đại như thế, cái thời mà những cuộc xuống đường đả đảo ngày càng hiếm hoi, ảnh hưởng của những nhà quản trị hay doanh nghiệp thành công tỏ ra lấn át hơn cả. Những doanh gia thành công như Bill Gate xuất hiện tràn tràn trên trang bìa của đủ loại tạp chí và ai cũng lăm le làm nhà tiên tri để dẫn đường nhân loại, với những tác phẩm thực kêu, thực hãnh tiến, kiểu: *Con đường phía trước*, kiểu: *Hướng về tương lai*, kiểu: *Trước ngưỡng cửa của thế kỷ 21* vân vân... Thế hệ trẻ của thập niên dot.com là thế hệ của chủ nghĩa thương mại. Họ hối hả làm việc và họ hối hả thành công. Họ lao mình như cái chong chóng để rồi, đến một lúc nào đó, cảm thấy mệt mỏi, và chợt, những phương pháp chống stress hay thiền lại trở thành những thứ mốt thời trang. Hơn thế nữa, một cách đột ngột, kể từ thảm họa chấn động ngày 11.9.2001, con số thanh niên Mỹ chọn một lối sống thư giãn hơn chợt tăng lên gấp đôi, tới 50 phần trăm, so với con số 25 của chỉ một năm trước đó.[6]

Đấy là Mỹ, hay bất cứ xã hội Tây phương nào cũng đại loại thế. Đó là nơi mà tuổi trẻ tỏ ra nhạy bén với những thay đổi kinh tế - xã hội; nhạy bén với sự bất lực của thế hệ đi trước; điều mà, nhiều người sẽ cãi ngay rằng, rất khác so với Việt Nam.

Mà cũng khác thực. Không kể cái thời của những thay đổi vùn vụt và chóng mặt ở mấy thập niên qua. Nó khác ngay trong thời kỳ phôi thai, cái thời hậu thuộc địa lúc Emerson đơn độc vận động cho một nền văn hóa "true America". Khi "văn hóa tuổi trẻ" hình thành lần đầu tiên tại Việt Nam, trong hoàn cảnh thuộc địa, nó chỉ hình thành như là kết quả trực tiếp của một vận động văn hóa - chính trị.[7]

Từng là cựu thuộc địa của Trung Hoa, từng bao phen chật vật đấu tranh để độc lập về mặt chính trị với Trung Hoa, chúng ta vẫn lấy làm hoan hỷ và mẫn cán để học hỏi những khuôn phép văn hóa khai sinh từ phương Bắc. Khi đã trở thành thuộc địa của Pháp và nhận ra rằng, trước sức mạnh của cơ khí Tây phương, ông thầy Trung Hoa cũng hèn và yếu, cũng nhục nhã không kém gì mình, chúng ta mới hối hả tính đến chuyện đoạn tuyệt để học theo ông mới. Trước là Tàu, sau Tây. Kể ra thì cũng đúng thôi: đấy là con đường duy nhất để tự cường và để thoát khỏi thân phận nô lệ. Chính nỗ lực duy tân của những nhà ái quốc ở cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20 đã góp phần tạo nên một tầng lớp thanh niên tân học, và từ đó, lần đầu tiên trong lịch sử, hiện tượng "văn hóa tuổi trẻ" mới thực sự hình thành.

Đó là nửa đầu thế kỷ 20. Là thời mà những thanh niên tuổi mới nhinh

nhỉnh đôi mươi, như Nguyễn Thái Học chẳng hạn, đứng lên mưu tính xoay chuyển thời cuộc. Là thời mà những cây bút trẻ trong nhóm Tự Lực Văn Đoàn hăm hở đả phá cái trật tự đã ăn sâu cả ngàn năm. Là thời mà những nhà thơ trẻ trong phong trào Thơ Mới băn khoăn vượt qua những mẫu mực cổ điển, cũng ăn sâu cả ngàn năm.

Nếu thành công của một vận động cách mạng - chính trị tùy thuộc rất nhiều vào những yếu tố khách quan thì, có lẽ, phần lớn, kết quả của một vận động văn hóa lại phụ thuộc vào năng lực và nhiệt tình của người trong cuộc. Trên phương diện văn hóa, những nhà văn "tự lực" hay những nhà thơ phái Mới đã tạo nên những thành tích lẫy lừng. Trẻ, họ tin tưởng chắc chắn rằng mình sáng suốt hơn người đi trước. Sôi nổi, họ vượt qua, một cách dứt khoát. Và, một cách đĩnh đạc, họ chỉ ra sự bất lực của những bậc trưởng thượng: nếu những nhà Thơ Mới dứt khoát phủ nhận những quy phạm mỹ học của thi ca cổ điển thì nhóm Tự Lực Văn Đoàn, bằng một thứ văn xuôi mới, đã thẳng tay tấn công vào thành trì của trật tự phong kiến. Nhìn trên phương diện văn hóa, đây là thành công rực rỡ nhất mà tuổi trẻ Việt Nam đã từng làm được.

Hình như phải có sự hiện diện của một kẻ thù đáng sợ nào đấy thì người Việt chúng ta mới làm được việc gì đó ra hồn. Hẳn nhiên, đây không phải là một quan hệ bất di bất dịch đã trở thành quy luật, nhưng, cứ xem, trên phương diện văn học, có phải thời kỳ Lý - Trần là một thời kỳ văn học rực rỡ hay không? Cũng thời đó, đất nước ta lại đối đầu với những kẻ thù dữ dằn nhất, từ quân binh nhà Tống cho tới quân binh nhà Nguyên. Cứ xem, "Bình Ngô Đại Cáo" của Nguyễn Trãi có phải là áng thiên cổ hùng văn chưa ai viết được hay không? Và đó lại là sản phẩm hun đúc bằng mười năm chống chọi với quân Minh. Và, cứ xem, có thành công, nền thơ văn xã hội chủ nghĩa cũng chỉ thành công chút đỉnh ở hai giai đoạn ngun ngút chiến tranh! Sự thể, có lẽ là, nếu tải đạo và tải tâm là con đường chính thống của văn chương Việt Nam, thì chính nỗi sợ hay lòng căm thù kia đã thổi bùng ở người cầm bút những cảm hứng có thực, những hào khí có thực. Kẻ thù hay nỗi sợ, như thế, đã hiện diện đề, trực tiếp hay gián tiếp, nuôi sống thần sắc của tác phẩm văn chương.

Vào cuối thế kỷ 19, sau những kinh nghiệm thất bại liên tiếp của các phong trào Cần Vương rồi Văn Thân, những thế hệ ngày đó mới thực sự bàng hoàng trước sức mạnh cơ giới của Tây phương. Trước viên đạn đồng bay ra từ họng súng thép thì lưỡi gươm bén và cái tâm huyết sục sôi hào khí kia "phỏng có ích gì"? Vô ích! Và họ chợt nhận ra một kẻ thù mới, như là

nguyên nhân của yếu hèn và nhược tiểu: đó là óc nệ cổ, đó là tâm lý sùng bái và rập khuôn Trung Hoa. Kẻ thù đang ẩn nấp trong hàng ngũ của mình là một kẻ thù đáng sợ, đằng này, nó hiện diện ngay trong não trạng của mình. Háo hức với nguồn cảm hứng khẳng định mình và vượt qua cái cũ, tuổi trẻ thời đó đã tạo nên những thành tích sáng chói, điều mà, có thể nói, bắt nguồn từ hai yếu tố: một, nhận diện được kẻ thù mai phục ngay trong não trạng văn hóa của mình, như là nguyên nhân của yếu hèn và nhược tiểu; và, hai, sự sôi nổi và dứt khoát của tuổi trẻ.

Tuy vậy, cùng lắm thì kẻ thù đó cũng chỉ diện ra qua những va chạm choáng người với một kẻ thù thực mới thế thôi: những di sản cổ điển đã tiêm nhiễm cả ngàn năm mà sự nhận diện chỉ mơi mới lộ ra qua sự cọ xát mấy mươi năm hẳn phải có cái gì đó thiếu thiếu, không trọn vẹn. Cái *logic* của thời đó là thế này: phải chống Pháp, để chống Pháp thì phải mạnh, để mạnh thì phải học theo Pháp, để học Pháp thì phải đoạn tuyệt với lối học của Trung Hoa. Trước, chúng ta yên tâm với Trung Hoa. Pháp đến, cái sự yên tâm đó bị thui chột và chúng ta báo động. Nhưng báo động thì báo động, vấn đề cũng chỉ đặt ra một cách phiến diện và phơn phớt bề mặt qua những chi tiết cụ thể vụn vặt bên ngoài: là những búi tó củ hành sau ót và những mái tóc ca-rê hay húi-cua, là những nghi thức quỳ lạy và những cái bắt tay hay lối ngả mũ kính chào, cao hơn là lối học thực dụng hay sự đoạn tuyệt với những tệ đoan phong kiến như hôn nhân sắp đặt v.v... Những điều mà, có thể nói, chỉ là một nỗ lực tự cường theo kiểu xoay xở, theo sự thúc đẩy của tình thế chứ không hề là một nỗ lực tự phản, tự tỉnh sâu sắc xuất phát từ tận gốc rễ.

Chính vì thế mà cung cách khẳng định mình, cung cách vượt qua hay cung cách tuyên chiến của thế hệ thời đó có cái gì đó lụp chụp, vội vàng. Trên phương diện chính trị, phương châm của Việt Nam Quốc Dân Đảng rập khuôn hầu như y chang phương châm và lý thuyết của Trung Hoa Quốc Dân Đảng. Trên phương diện văn hóa, bản tuyên ngôn được cho là đanh thép nhất của nhóm Tự Lực Văn Đoàn, cô đọng trong *Đoạn Tuyệt* của Nhất Linh qua lời người luật sư biện hộ cho Loan, cũng có cái gì đó vội vàng, lụp chụp. Khi Loan, nạn nhân của lễ giáo phong kiến, của tập tục hôn nhân sắp đặt được tòa tha bổng trước bản án giết chồng, hành động này, cùng lời bào chữa nói trên, được xem như một sự tuyên chiến khá gay gắt.

Thì... gay gắt. Tuy nhiên, *Giết tôi ngẫu nhĩ trong giờ ngẫu nhiên*, cùng lắm đấy cũng chỉ là một sự gay gắt tình cờ thế thôi, khó mà chấp nhận như một giải pháp xã hội hay một giải pháp văn hóa. Đoạn tuyệt với một hệ giá

trị cũ phải là một hành động hoàn toàn chủ động và nhắm thẳng vào bản chất của vấn đề trong khi Nhất Linh thì phải trông nhờ vào yếu tố ngẫu nhiên: thắt gút của câu chuyện chỉ mở ra khi Thân – người chồng và người con điển hình của lễ giáo phong kiến ố trượt chân té vào con dao rọc giấy oan nghiệt trên tay Loan. Như Nguyễn Công Hoan đã từng chế giễu trên báo *Ích Hữu* (3.3.1936), Nhất Linh rất muốn đoạn tuyệt với hệ giá trị cũ nhưng lại lúng túng, không biết phải đoạn tuyệt như thế nào nên mới mượn đến cái sự tình cờ.[8]

Dường như đó không phải là lỗi riêng của Nhất Linh: dân tộc Việt Nam là một dân tộc ưa thích cái sự tình cờ. *Thuở chờ đợi, ôi thời gian, rét lắm:* chờ và chờ. Mong chờ thay đổi nhưng lại hành động theo quán tính, cả ngôn cả hành. Cứ xem, ai cũng khao khát và chờ đợi một "chuyển biến lớn" nhưng lại chuộng những tuồng xưa diễn lại. Cứ xem, ai cũng mong mỏi một nền văn học lớn, cụ thể như một giải Nobel cho ai đó họ Nguyễn, họ Lê v.v... nhưng, nếu những Nguyễn những Lê kia mày mò theo phong cách của bất cứ cây bút Nobel nào khác, nhất định họ sẽ bị dè bỉu, miệt thị. Trong chính trị, nếu chúng ta chỉ quen tai với những bổn tuồng trơn tru có hậu với "tâm đạo" và "nghĩa khí" thì trong văn học chúng ta lại quen tai với những gì điệu đàng êm ái. Cái êm ái điệu đàng thời tiền chiến với lá thu vàng, với gió heo may v.v... dường như đã trở thành mẫu mực của thi ca và văn chương, nếu đi chệch nhất định sẽ bị xem như những kẻ lập dị làm dáng.

Nhưng tuổi trẻ là lứa tuổi phải biết đi chệch như thế. Không phải đi chệch như một hành động phá phách mà là đi chệch một cách đầy ý thức: chệch nhưng biết đi đâu, biết bất chấp những tiếng la ó hay phỉ báng. Bởi, sự chậm tiến của Việt Nam, có thể nói, còn là sự chậm tiến của tuổi trẻ, của văn hóa tuổi trẻ. Sau những năm tháng sôi động của nửa đầu thế kỷ 20 trở đi thì phần lớn, nếu không lố bịch như những kẻ bắt chước kém tài, họ cũng chẳng khác gì những đàn cừu ngoan với những bước chân đủng đỉnh gọi là kế thừa, gọi là nối gót người đi trước.

Mà, kế thừa hay nối gót đâu đơn giản là một sự lập lại cũ mèm? Nó phải sáng tạo và dứt khoát. Nó phải hướng đến sự thích ứng với cái trước mặt lẫn cái sắp xảy ra và, nhất là, phải hướng đến một "quan hệ mới". Tuổi trẻ mà chỉ máy móc lập lại cùng một khẩu hiệu với thế hệ trên mình, chỉ hân hoan chờ đợi những cái vỗ vai tán thưởng của những nhà đạo đức giả thối mồm, thì, xét cho cùng, chỉ là một thứ tuổi trẻ vô phúc. Bởi, như những thế hệ đầu tiên đã làm nên cái "văn hóa tuổi trẻ" Việt Nam, họ phải ý thức cho được đâu là những nguyên nhân của bế tắc chứ không thể yên tâm với

lời rao giảng của những nhà đạo đức bất lực.

Tuổi trẻ mà cả đời không dám nói khác người đi trước mình một câu thì có khác nào một loại tuổi trẻ nhai lại? Khi đã yên thân làm loài nhai lại, đấy chính là một thứ tuổi trẻ vứt đi, một tuổi trẻ phản động.

*

Tuổi trẻ còn gắn liền với... đô thị, nơi chốn của cơ hội, của những cuộc vui, của âm thanh và ánh sáng, của môi trường học hỏi, của ăn chơi và phá phách. Không chỉ ngụ ý khí chất của tuổi trẻ: đô thị còn là môi trường của văn hóa chuyên nghiệp, của văn hóa cạnh tranh, của văn minh và phát triển.

Thế kỷ 21 là thế kỷ của đô thị. Cứ tính, chỉ năm năm nữa thôi, năm 2007, dân số thành thị và nông thôn toàn cầu sẽ suýt soát ngang nhau; và, cứ tính, chỉ đến cuối thập niên này thôi, con số sẽ nghiêng hẳn về nơi thị tứ. Nhưng đô thị không chỉ hàm ý người đông, nhà lớn và nhà cao: còn "văn hóa đô thị" nữa! Mười năm trước, khi nhà xã hội học Saskia Sassen viết *Global City*, bà hãy còn rón rén với New York, London và Tokyo, như ba nền văn hóa đô thị trên khung cảnh toàn cầu thì hôm nay danh sách đã dài ra với con số 40, từ Frankfurt đến Amsterdam, Hong Kong hay Sydney v.v... Nhất định danh sách sẽ còn dài ra và đầy lên. Ngồn ngộn.[9]

Ý nghĩa của đô thị, do đó, sẽ không còn bó buộc trong những quy ước cũ nữa. Chúng ta đã làm quen với cái sự liên minh giữa quốc gia và quốc gia – từ OPEC đến ASEAN, rồi NAFTA hay Commonwealth v.v... – nhưng bây giờ sẽ còn làm quen với một khái niệm liên minh mới: đô thị và đô thị. Thậm chí, đô thị còn mon men bắt tay làm việc của... quốc gia và lăm le xía mũi vào các định chế quốc tế: cứ nhớ, cách đây không lâu, trong một cuộc hội thảo của Liên Hiệp Quốc, thị trưởng Barcelona, Tây Ban Nha, đã đề nghị Liên Hiệp Quốc hãy cho phép các đô thị lớn tham gia việc hoạch định chính sách. Với Cộng Đồng Âu Châu, các đô thị cũng có những đòi hỏi tương tự. Và như thế, tất cả điều này đều ngụ ý rằng những cách hiểu về đô thị và văn hóa đô thị đã càng ngày càng xa rời quy ước cũ: đứng yên chính là một sự thụt lùi.

Nhưng Việt Nam thì còn tệ hơn. Không tiến đã đành, như một đứa con đẻ non, tiến trình đô thị hóa trong ý nghĩa cổ điển của chúng ta hầu như vẫn còn dở dang: chưa nói đến cá tính văn hóa riêng giữa từng đô thị, chỉ sự cách biệt giữa đô thị và nông thôn thôi, cái biên giới văn hóa ấy hãy còn mù mờ lắm.

Thực thế. Cho dù những đô thị của chúng ta có bề thế ra đấy, rực rỡ ra đấy, thì, xét cho cùng, đô thị vẫn làng nhàng là... làng. Hiện tại, người

ngoài có chú ý đến sự khác nhau giữa văn hóa Hà Nội và văn hóa Sài Gòn thì sự khác nhau ấy, xét cho cùng, cũng chỉ là sự khác nhau giữa một làng Nam và một làng Bắc thế thôi: có hiện đại, chúng chỉ hiện đại trong những bóng dáng bắt chước hay học đòi khá là thụ động.

Văn hóa đô thị hướng đến sự chuyển động, thích ứng, hướng đến những sáng kiến cá nhân. Văn hóa làng cổ vũ sự ổn định qua mối gắn bó và tinh thần bảo thủ của cộng đồng. Đô thị là sức sống của tuổi trẻ, là những hoạt động chuyên môn, là sự cạnh tranh trong lề luật. Làng là một không gian chật chội với những hoạt động lập lại theo chu kỳ thời tiết, và trong cái môi trường duy kinh nghiệm và bảo thủ ấy, tuổi tác đã trở thành dấu hiệu của trí tuệ, của thứ bậc xã hội và của đạo đức. Với làng, chỉ có tuổi tác mới là liều thuốc thử thách hiệu nghiệm của đạo đức và kinh nghiệm, như một thứ trí tuệ và một nhân cách độc tôn.

Ai dựng thôn quê thành phố thị..., kể ra, đô thị đã hình thành tại Việt Nam từ lâu lắm rồi. Thăng Long từ đầu thế kỷ thứ 10, chẳng hạn; hay Phố Hiến, từ giữa thế kỷ 15, chẳng hạn: *Thứ nhất Kinh Kỳ, thứ nhì Phố Hiến*. Tuy nhiên, nếu hình thành thì những đô thị ấy cũng chỉ hình thành khi những ông vua hay ông quan chọn được một cuộc đất vừa lợi về chiến lược, vừa hợp về phong thủy và vừa thuần thuận cho cái sự nhân hòa: thành quách có dựng lên thì dân chúng kéo lại làm ăn sinh sống thế thôi. Để ý chữ "đô thị": nếu "đô" ngụ ý một trung tâm quân sự - chính trị thì "thị" ngụ ý những sinh hoạt buôn bán trao đổi khi dân chúng, một cách tự phát, tụ họp kéo về. Và như thế, sau những lớp sóng phế hưng thì "đô thị" lại tàn tạ, như những Văn Lang, Cổ Loa, Luy Lâu, Hoa Lư, Phượng Hoàng Trung Đô v.v... Vạn nhất, "thị" có mạnh hơn, nó vẫn có thể sinh tồn thì, đấy, vẫn chưa thể là đô thị theo ý nghĩa hiện đại.

Phải đợi đến khoảng cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20, tiến trình đô thị hóa mới thực sự hình thành tại Việt Nam theo nỗ lực khai thác thuộc địa của người Pháp. Họ dựng nhà máy và xây bến cảng. Họ mở rộng phố xá và khuếch trương thị trường. Họ đắp đường và mở đường hỏa xa v.v... Hết thảy, đều với mục đích cướp bóc tài nguyên, tuy nhiên, chính những tác động này đã, lần đầu tiên, hình thành nên "văn hóa đô thị".[10]

Thoạt tiên là sự xuất hiện của một tầng lớp thị dân với những nếp sinh hoạt mới, kiểu: *Tối rượu sâm banh, sáng sữa bò*; kiểu: *Sáng vác ô đi tối vác về*; kiểu: *Khi cao lâu, khi cà phê thuốc lá, khi đủng đỉnh ngồi xe*, vân vân. Đó còn là sự trần trụi của môi trường sống:

Có đất nào như đất ấy không

Phố phường tiếp giáp với bờ sông
Nhà kia lỗi đạo con khinh bố
Mụ nọ chanh chua vợ chửi chồng
(Tú Xương ố "Đất Vị Hoàng")

Bức màn đậy che cố hữu trong đời sống nông thôn bị mở ra tan hoang trống hoác, để rồi, những thay đổi ở quan hệ xã hội lại đưa đến những tác động văn hóa khác. Văn chương, chẳng hạn. Nếu một Nguyễn Khuyến bẽn lẽn biện bạch: *Ao sâu nước cả khôn chài cá / Vườn rộng rào thưa khó đuổi gà / Cải mới ra hoa, cà chửa nụ / Bầu vừa rụng rốn, mướp đang hoa...* thì gã thị dân Tú Xương, người chỉ chào đời trễ hơn một tý, đã... chịu chơi hơn, trâng tráo hơn; trong một dáng dấp khinh bạc rất đỗi thị thành:

Anh em đừng tưởng tết tôi nghèo
Tiền bạc trong kho chửa lĩnh tiêu
Rượu cúc nhắn đem, hàng biếng quẩy
Trà sen mượn hỏi, giá còn kiêu...
("Cảm Tết")

Chỉ mấy câu thơ thôi mà đã thấy biết bao là dâu bể: từ một khung cảnh kinh tế nông nghiệp tự cung tự cấp cho đến một nền kinh tế tiền tệ, từ phong thái liu riu ngâm vịnh thiên nhiên với những khuôn sáo và ước lệ cho đến cái trần trụi của một đời sống chen chúc, và từ cái e dè mẫn cảm của con người gắn bó với thiên nhiên cho đến cái xông xáo của con người thành thị. Như thế, từ chỗ thi vị hóa hiện thực họ bước đến chỗ đốp chát với hiện thực; và hết thảy, từ đề tài, cảm hứng, phong cách cho đến mục đích cầm bút, như đã trải qua một cuộc đổi đời.

Cứ thế, tiến trình đô thị hóa ngày ấy còn kết trái dài dài. Đó là sinh hoạt báo chí và một tầng lớp viết lách, chuyên nghiệp hay bán chuyên nghiệp. Đó là một nền giáo dục thực dụng và những thế hệ chuyên viên mới, từ canh nông đến hành chính, thương chính, cơ khí v.v... Một thế hệ trẻ hoàn toàn mới. Tiến trình ấy còn chuyển chiến trường tranh đấu từ nông thôn ra thành thị và chuyển lực lượng từ già sang trẻ: nếu trước kia những Văn Thân chống Pháp chủ yếu trông cậy vào sự ủng hộ của nông dân thì bây giờ các lực lượng chính trị, cộng sản hay quốc gia, phần lớn lại trông cậy vào môi trường thành thị, trông cậy vào giới học sinh, sinh viên, trí thức, tiểu tư sản hay thợ thuyền thành thị.

Tuy đã đem lại những thay đổi đầy ý nghĩa như thế, tiến trình ấy vẫn còn có cái gì đó, hụt hẫng, dở dang. Nó, có thể nói, vẫn chưa hoàn tất, tính cho đến hôm nay.

Tiến trình đô thị hóa, xét cho cùng, bao giờ cũng hàm ý hai khía cạnh vật chất và tinh thần. Nói theo ngôn ngữ kỹ thuật thì nếu "phần cứng" của văn hóa đô thị thể hiện ở những cao ốc, đường sá, bến cảng hay bất cứ những tiện nghi nào khác thì "phần mềm" lại thể hiện ở những nếp nghĩ, ở cách ứng xử của con người trong môi trường ấy.

Tiến trình đô thị hóa khởi sự khi người Pháp đem những phần "cứng" ấy đến và rồi được chúng ta đón nhận bằng "văn hóa mềm" của mình. Họ mang những sản phẩm đô thị đến và chúng ta bê chồng lên cái mâm làng của mình. Họ đem bút sắt đến, và chúng ta vứt bút lông đi, chỉ để tiến thân. Họ đem sâm banh đến, và chúng ta biết uống sâm banh, thứ rượu mà, thoạt đầu, có lẽ là chỉ để sang, để ra vẻ... Tây hơn rượu đế. Họ đem cà phê đến, chúng ta biết uống cà phê, một cách rất... nông dân, rất cà kê không nề hà giờ giấc. Cứ thế, đô thị Việt Nam là một thứ đô thị nửa tỉnh nửa làng: dù nó đã phần nào đạt đến những phần "cứng" của đô thị đấy, nhưng về "mềm", bản chất của đô thị vẫn là bản chất làng. Não trạng của con người đô thị vẫn là não trạng của những người sống ở làng.

Đô thị... "làng" ngay ở cấu trúc thấp nhất, như cái tên "phường". "Phường", như một đặc tính cộng đồng làng xã của những "phường nghề" tập trung ở nông thôn hay ngoại thành, của "Buôn có bạn, bán có phường". Đô thị "làng" ở cấu trúc nặng tính hương ước, với những địa phương này địa phương kia trong lòng của một thành phố nào đó, một khu Quảng hay "Bắc Kỳ" ở giữa lòng Sài Gòn, chẳng hạn. Một mô hình dân cư nặng tính địa phương hay thân tộc trong lòng đô thị không hẳn là một điều dở, tuy nhiên, với những "hoài niệm làng" như thế thì những hiện tượng quyền lực kiểu hương tề hào mục có tồn tại giữa nơi thị tứ cũng là điều tự nhiên thôi.

Một trong những bằng chứng súc tích nhất về sự vướng víu nông thôn - đô thị này có lẽ là... "nhân sĩ". Nói cho xôm tụ, cho kêu, thì "nhân sĩ" chính là đứa con hoang giữa trò cạnh tranh đô thị và não trạng hiếu danh kiểu làng, là sản phẩm của sự "làng hóa" quốc gia và hương ước hóa đô thị, là sự đạo đức hóa những vấn đề chuyên môn theo tinh thần duy kinh nghiệm và trọng lão của làng.

"Nhân sĩ" ra đời khá trễ, có lẽ đâu từ khoảng giữa của thế kỷ 20, lúc tiến trình đô thị hóa đạt đến những thành tích nhất định nào đó. Thực vậy, khó mà tin rằng "nhân sĩ" chào đời sớm hơn. Alexandre de Rhodes trong *Tự điển Việt Bồ La*, xuất bản năm 1651 tại Roma, không nhắc nhở gì đến "nhân sĩ", đã đành mà Huỳnh Tịnh Paulus Của, trong *Việt Nam Quấc Âm Tự Vị* xuất bản năm 1895, cũng chẳng mảy may đoái hoài đến lớp người

này. Thậm chí Hán Việt Tự Điển, do Đào Duy Anh biên soạn và Phan Bội Châu hiệu đính, xuất bản năm 1931, cũng gạt lớp người này qua một bên. "Nhân sinh" và "nhân sâm" thì có đó còn "nhân sĩ" đâu rồi?

Quên chăng, đãng trí hay chăng? Thì, cứ cho là Alexandre de Rhodes soạn tự điển cho những nhà truyền giáo nhưng với một Huỳnh Tịnh Của "tham dụng chữ Nho có giải nghĩa có dẫn chứng mượn 24 chữ cái phương Tây làm chữ bộ" thì sao? Với hai tác giả Đào - Phan biên soạn và hiệu đính *Hán-Việt Tự Điển* thì sao? Đào Duy Anh bỏ quên "nhân sĩ" đã đành, nhưng tại sao Phan Bội Châu, trong vai trò người hiệu đính, cũng lơ là nốt hạng người này? Mẫu người đó mới quá, chưa lộ diện với đời nên bị sót tên hay chăng?

Chỉ với vỏn vẹn ba bộ tự điển thì thật là khó để đi đến một kết luận chắc chắn, tuy nhiên, cứ theo lời bạt của cụ Phan trong bộ tự điển nói trên:

Gần đây gặp được người bạn thanh niên là ông Đào Duy Anh vừa biên thành Hán Việt từ điển, toan cống hiến với đồng bào, bỉ nhân được tin mừng khuống, gấp tìm tuyền cảo đọc xem, thấy chú thích tinh tường, phẫu giải minh bạch, tóm lặt hết từ ngữ thuộc về Hán-văn, mà Việt-văn cần phải dùng đến, cộng hơn bốn vạn điều...

thì chắc chắn là, nếu đã có mặt với đời, "nhân sĩ" đã không được tính vào "hơn bốn vạn điều" mà "Việt-văn cần phải dùng đến...".

Ấy là "hơn bốn vạn". Hơn năm, hơn sáu thì may ra chăng? Trong những bộ tự điển đời sau, "nhân sĩ" vẫn tiếp tục một số phận long đong như thế, cái sự lận đận kéo dài đến độ không thể gọi là sơ suất được. Năm 1960, Nguyễn Văn Khôn chỉ có thể nói về "nhân sĩ" một cách lúng túng, nông cạn, "nhân sĩ" mà chẳng có gì là... nhân sĩ nên chỉ sáu năm sau lại thẳng tay loại bỏ trong bộ Việt-Anh công phu của mình.[11] Ba năm sau, 1970, "nhân sĩ" cũng bị Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ bỏ qua một bên, trong *Tự Điển Việt Nam*. Xuôi ngược "nhân" và "nhơn" cùng một nghĩa như nhau, soạn giả nào cũng sâm, sanh, số, sự hay số, sự, sinh, sâm mà quên đi kẻ sĩ. "Nhân sinh" và "nhân sâm" thì có đó nhưng còn "nhân sĩ" đâu rồi?[12]

Nhưng nhất định "nhân sĩ" không phải là chuyện hoang đường. Không hoang đường như thần Kim Quy có phép màu mà khoanh tay để mặc An Dương Vương mất nước hay hoang đường như Thánh Gióng có ngựa sắt phun lửa mà bỏ mặc xứ sở bị giặc Tàu cưỡi cổ suốt một ngàn năm. Cứ nhớ, ngày 2.11.1963, chỉ một ngày sau cái chết của hai anh em ông Diệm và Nhu, phái *Khaki* cách mạng, tức Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng, đã ưu ái dành cho "nhân sĩ" nguyên một chỗ đứng trong bản tuyên cáo năm

điều: "Một Hội Đồng Nhân Sĩ sẽ được thành lập để cố vấn cho chính phủ trong lúc chuyển đổi."

"Nhân sĩ", như vậy, là điều có thực. Có thực theo sắc lệnh ký ngày 6.11.1963. Có thực từ buổi lễ ra mắt rình rang ngày 2.1.64 tại Hội trường Diên Hồng với sự góp mặt của đâu 60 nhân vật. Có thực trong màu lụa gấm của mấy bộ khăn đóng áo dài gấm óng ả, nổi bật giữa những sắc áo *Khaki* võ biền như là hình ảnh của làng, của hương tề kỳ mục ngay giữa một Sài Gòn hoa lệ, giữa một lễ hội cũng tàm tạm tầm cỡ quốc gia. Và, "nhân sĩ" còn có thực trong những lời thưa gởi kiểu "Kính mời quý vị thân hào nhân sĩ vui lòng an tọa..." đã quen miệng, đã thành nề thành nếp trong các lễ lạc rình rang.

Thế thì tại sao họ lại bị các soạn giả tự điển, từ trẻ đến già, toa rập nhau kỳ thị? Ra đời trịnh trọng vậy mà, chỉ ba năm sau thôi, đã bị lơ là, bảy năm sau nữa, lại bị quên lãng, cái sự quên lãng chẳng thể nào giải thích nổi nếu không vin vào lời cụ Phan năm ấy: "tóm lặt hết những từ ngữ" mà "Việt-văn cần phải dùng đến". "Nhân sĩ", vẫn, ít ra, trong con mắt các soạn giả vô tư, chưa thể nào là thứ mà "xã hội cần phải dùng đến"!

Tuy nhiên không phải ai ai cũng phũ phàng thế cả, dù là khá trễ. Trong *Hán Việt Tự Điển* của Nguyễn Lân, do Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh ấn hành năm 1989, "nhân sĩ" mới có cơ hội... "cần phải dùng đến", và "cần dùng", theo Nguyễn Lân, như những "trí thức thuộc tầng lớp trên tham gia cách mạng, nhưng không phải là đảng viên của đảng vô sản."

Chỉ xuất hiện trong những bộ tự điển thiếu vô tư nên "nhân sĩ" chỉ là nhu cầu của những thế lực thiếu vô tư nào đó, trong một bối cảnh rối ren và... thiếu vô tư nào đó. Phái *Khaki* cách mạng "cần phải dùng" nhân sĩ, và họ khai sinh "hội đồng nhân sĩ". Đảng vô sản "cần phải dùng" nhân sĩ, và họ lôi kéo những "trí thức thuộc tầng lớp trên". Vấn đề chỉ là, dù trễ, đảng vô sản thì có những bộ tự điển đầy đảng tính trong khi phái Khaki không có lấy một bộ *Khaki-tính* lận lưng.

Tuy vậy, dẫu sao thì những nhà Khaki võ biền vẫn có thể yên tâm với cái định nghĩa nặng nề đảng tính này. Thì, "trí thức thuộc tầng lớp trên". Thì, "tham gia cách mạng". Thì, "không phải là đảng viên vô sản". Cứ xem, trong những "nhân sĩ" trịnh trọng và rình rang ra mắt trong buổi lễ năm ấy có ai là đảng viên vô sản đâu? Và, cứ hỏi, họ đến đó để làm cái gì ngoài việc cùng làm cách mạng với mấy nhà võ biền? Như thế, nếu "nhân sĩ" đã có thể đem hai thế lực thù hằn xích lại gần nhau, ít ra là trên khía cạnh ngôn ngữ, nhất định, phải có một mẫu số chung nào đó ở cội rễ văn hóa!

Đã nói đến cội rễ văn hóa thì, tốt nhất, hãy trở lại với... làng. Làng ngày xưa, ít ra là cỡ năm 1931 theo tự vị của Đào Duy Anh, chưa có "nhân sĩ", may ra thì... "hiền sĩ", một mẫu người, theo cụ Đào, "có đức hạnh, tài năng". Đấy có thể là một nhà cử nghiệp lấy việc dạy học hay bốc thuốc độ thế làm lẽ sống, đó có thể là một đại quan lánh chốn hồng trần để vui thú điền viên v.v... *Triều đình trọng tước, hương đảng trọng sĩ, gia tộc trọng tôn thống:* giữa cái xã hội nông nghiệp trọng Nho nho nhỏ đó thì, từ ông lý trưởng, nhà bá hộ, phú nông cho đến trung nông, tá điền, gã thiến lợn hay anh mõ, "hiền sĩ" hiện diện như một vĩ nhân siêu phàm, một biểu hiện cao cả của trí tuệ và đạo đức, một bộ óc bách khoa am hiểu tất cả vạ có thể giải quyết tất cả.

Thử tưởng tượng đời sống yên bình trong cái xã hội nho nhỏ đó: cái con người siêu phàm, khả kính kia là mẫu người mà ai cũng ao ước kết giao. Kỵ cưới, hỏi xin: mời cho bằng được vĩ nhân, như một niềm vinh hạnh. Tranh chấp xung đột: mời cho bằng được trọng tài vĩ nhân, chỉ để hé mở túi khôn. Nhà bá hộ thì nôn nao ao ước cái giây phút chung chiếu cọ vai với vĩ nhân để thoát khỏi mặc cảm trọc phú, anh mõ thì ao ước lọt vào con mắt hiền sĩ để thoát khỏi mặc cảm cùng đinh, bị gạt ra lề xã hội.

Tuy nhiên, khi cái xã hội thu nhỏ ấy trở nên rối ren và khi con người bắt đầu bùi ngùi hoài niệm, kiểu:

Đời nay lắm kẻ trượng tiền
Ít người sở dụng sĩ hiền như xưa...

thì đó chính là lúc kẻ mang danh "sĩ", vì... trượng tiền, hay "trượng" bất cứ thứ gì đó mang bộ "lợi", đã dao động nghiêng ngả, hết còn vô tư giữa những tranh giành, xung đột.

Đấy là làng, là nơi mà những tranh chấp rối ren chỉ xoay quanh mấy miếng đỉnh chung nho nhỏ: thửa ruộng hương hỏa hay công điền tý tẹo, chút thổ phần bò xéo, cùng lắm là những thứ danh vọng phù phiếm kiểu "một miếng giữa làng" thế thôi. Xa hơn thế, trong phạm vi của nước, khi miếng đỉnh chung to tát hơn nhiều, cái trò lôi kéo kia mới còn phức tạp hơn nữa; và như thế, khi "nhân sĩ" chào đời thì đấy cũng chính là lúc quốc gia đã bị "làng hóa".

Trò chính trị nhân sĩ bắt đầu một cách bài bản nhất từ sau tháng 8.1945, trong tình thế rối ren khi thực dân Pháp lăm le trở lại và những đảng phái quốc gia hay cộng sản toát mồ hôi lạnh rình rập nhau. Như một đòn thế chính trị trong nỗ lực cạnh tranh thực lực, Việt Minh gấp rút thành lập Chính Phủ Liên Hiệp với sự góp mặt của những nho sĩ, những nhà ái quốc nổi tiếng.[13]

Mười lăm năm sau, bài bản đó được lập lại lần nữa khi những trí thức miền Nam lục tục tề tựu tại bưng biền Đồng Tháp để tô điểm cho cái gọi là Mặt Trận..., một thứ hình nộm do đảng vô sản nặn ra. Và, không thua, phái *Khaki*, tập trung trong cái Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng, cũng loay hoay lập lại cái màn trình diễn tương tự. Lòe hơn, nhưng vụng hơn.

Không phải ngẫu nhiên mà trong cách định nghĩa về "nhân sĩ", vô-sản-đảng-tính lại có thể tương hợp với *Khaki-tính*: cách mạng. Nước có lâm vào cảnh rối ren người ta mới hô hào cách mạng. Và cách mạng, đến lượt, cũng là cội nguồn của những rối ren không lường trước: nó đẩy xứ sở đi về phía trước hay kéo lại, thụt về phía sau? Cách mạng, như thế, luôn luôn đặt con người trước những lựa chọn bất an.

Nếu cách mạng ngụ ý những thay đổi bất an thì "nhân sĩ" lại ngụ ý một giá trị thuyết phục. Trước những ẩn số mờ mịt của tương lai, "nhân sĩ", như những biểu hiện cao cả của nhân cách và trí tuệ lại ngụ ý một chọn lựa đúng đắn, hay ít ra, những chọn lựa lương thiện. Đồng bào nghi ngờ, lưỡng lự ư? Thì, có cụ này, cụ kia tham gia, toàn... "nhân sĩ" cả! Trò lôi kéo "nhân sĩ", như thế, chỉ là một trò quảng cáo chính trị nhằm rao bán những hứa hẹn không bảo chứng, những hứa hẹn mù mờ, những hứa hẹn phiêu lưu và liều mạng.

Tại sao khi cụ Phan Bội Châu, một nhà ái quốc và cách mạng tầm cỡ của dân tộc, bắt tay hiệu đính bộ tự điển của Đào Duy Anh, "nhân sĩ" chẳng hề xuất hiện? Thì, cũng như bao thế hệ trước đó, từ Hoàng Hoa Thám đến Phan Đình Phùng, Trần Quý Cáp, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, như những "sĩ phu Văn Thân", những nhà cách mạng, những nhà cách mạng duy tân, hết thảy đều có một mục tiêu rõ ràng, minh bạch, và có thể nói, hồn nhiên nữa: đánh đuổi thực dân để giành lại non sông.

Cũng hô hào diệt xâm lăng, cũng giương cao ngọn cờ độc lập nhưng lại lường léo bên trong, với những giáo điều nhập cảng nào đó hay với những mưu đồ cạnh tranh quyền lực nào đó, mới khác. Vì lường léo nên mới loay hoay đổi tên đổi họ, từ "đảng" cho đến "hội nghiên cứu", hay mơ hồ hơn như cái "hội" gọi là "Độc Lập Đồng Minh" v.v... Và, cũng vì lường léo nên mới có cái kiểu dấn thân thật lạ đời: "tham gia" nhưng "không là đảng viên".

Tham gia mà bị loại ra khỏi hàng ngũ thành viên thì tham gia cái gì? Chỉ là đem tên tuổi và danh vị ra để bảo chứng cho những câu trả lời mà cả họ cũng không thể nào đoan chắc. Cứ nhớ lại nỗi niềm chua chát của cụ Huỳnh Thúc Kháng trong cương vị người đứng đầu Bộ Nội Vụ của cái

Chính Phủ Liên Hiệp năm đó. Cứ nhớ lại hình ảnh những "nhân sĩ" miền Nam lục tục kéo về bưng biền Đồng Tháp những năm 60 và rồi vỡ mộng ngay sau đó, hay 15 năm sau đó. Và, cứ nhớ hình ảnh lòe loẹt của mấy chục nhân sĩ rình rang ra mắt ở Hội Trường Diên Hồng năm ấy: họ đã bị phái *Khaki* rẻ rúng như thế nào, tùy tiện tung hứng như thể trái banh qua những đợt chỉnh lý hay đảo chính như thế nào?

"Nhân sĩ", như thế, chỉ là một sự hiện diện chẳng để làm gì, một sự ra tay chẳng biết để làm gì. Chỉ là chường mặt ra, với một cái danh!

"Nhân sĩ", bởi lẽ đó, như một từ ngữ, chỉ là một từ ngữ được chấp nhận một cách thiếu minh bạch và thiếu vô tư. Như một thành phần đáng ngưỡng mộ trong quan niệm xã hội, lại là một quan niệm tầm bậy, một quan niệm bá láp. Và, xét cho cùng, "nhân sĩ" là gì nếu không là sản phẩm của trò "làng hóa" quốc gia? trò lấy kinh nghiệm lấn át lý trí, lấy tuổi tác và đạo đức lấn át chuyên môn, lấy tôn ti trật tự chèn ép sáng kiến và khát vọng cải cách? Có thể nói, "nhân sĩ" chính là một dấu hiệu của sự chậm tiến.

*

Để thoát khỏi tình trạng chậm tiến thì phải hướng đến một phong cách chuyên nghiệp hóa. Bởi, có chuyên nghiệp hóa, tuổi trẻ mới đủ sức để bức phá, hướng về phía trước. Có chuyên nghiệp hóa thì sự cạnh tranh mới diễn ra trong phép tắc, lề luật. Và, có chuyên nghiệp hóa thì đô thị mới hết là làng. Mà xét cho cùng thì điểm cốt yếu của tinh thần chuyên nghiệp thì cũng đơn giản và rạch ròi như thời tiền sử, lúc con người mới tập tành chuyên môn hóa với nhau: muốn thụ hưởng thân xác của chị đàn bà thì anh đàn ông phải kiếm cho ra thịt, còn như muốn đớp miếng thịt gã kiếm được thì chị đàn bà phải nằm xuống, dang hai chân ra.

Nguyễn Hoàng Văn

* Tiểu luận này đã được in trong *Văn hóa, giới tính và văn học* của Nguyễn Hoàng Văn, Văn Mới xuất bản.

---

1 Nhớ lại hình ảnh tướng Nguyễn Ngọc Loan cùng cận vệ đeo súng vào đe dọa ủy ban soạn thảo luật bầu cử năm 1967. Cũng cần suy nghĩ thêm về danh xưng "bác" của ông Hồ Chí Minh. Thì, cứ cho là cái phong cách mỵ dân kẻ cả ấy hàm ý một giá trị tuyên truyền, tuy nhiên quả là một điều lạ khi mà, mãi cho đến nay, vẫn còn không ít người Việt Nam cảm thấy khoan khoái hay tự nhiên với cái danh xưng ấy.

2 Nguyễn Mộng Giác, "Thực chất và huyền thoại trong lịch sử", Văn Học 183, 2001.

3 Đó là trường hợp của Ngọc Oanh, trên phụ san của Văn Nghệ Quân Đội số 15,

10.8.1998. Trong số báo ấy, Ngọc Oanh đã đem những bài thơ còn ở dạng bản thảo của Văn Cầm Hải ra để phê bình một cách rất nặng nề.
4 Nguyễn Hưng Quốc, (2000), "Cần có văn hóa tranh luận", và "Tranh luận và đấu tố", trong Văn học Việt Nam từ điểm nhìn h(ậu)iện đại, Văn Nghệ, California, trang 347-364.
5 Xem: <www.lib.virginia.edu/exhibits/sixties/19c1.html>
6 Theo J. Walker Smith, thuộc công ty nghiên cứu thị trường Yankelovich thì trước đó một năm, 25% số thanh niên cho biết sẽ sống "chậm" lại; sau ngày 11.9, con số tăng lên gấp đôi (50%). Xem: <www.msnbc.com/news/672455.asp>
7: Nguyễn Hưng Quốc, "Tính chất thuộc địa và hậu thuộc địa trong văn học Việt Nam", Việt 6, 2000, trang 19-29. [Sau in lại trong Văn học Việt Nam từ điểm nhìn hiện đại và h(ậu h)iện đại, Văn Nghệ, California, 2000, trang 301-322]
8 Dẫn theo 13 năm tranh luận Văn học, tài liệu quay roneo của Đại học Văn Khoa Sài Gòn do Thanh Lãng sưu tập, Nhà xuất bản Văn Học xuất bản năm 1995.
9 <www.msnbc.com/news/672456.asp>
10 Xem: Nguyễn Thừa Hỷ, Đỗ Bang, Nguyễn Văn Đăng, (2000), Đô thị Việt Nam dưới thời Nguyễn, Nhà xuất bản Thuận Hóa, Huế.
Và: David Joel Steinberg (biên tập), (1987), "Framework for nations", trong In search of South East Asia, Allen & Unwin New Zealand Ltd, Wellington, trang 171-244.
11 Trong Hán-Việt Tự Điển, (1960), của Nguyễn Văn Khôn – soạn giả thường được biết đến với các bộ tự điển Anh-Việt hay Việt Anh – "nhân sĩ" được định nghĩa một cách khá hời hợt như là "người có học giữa đám dân chúng".
12 Chỉ có "sĩ nhơn", định nghĩa như là "người có học". Nhưng nếu chỉ đơn giản là "người có học" thì "sĩ nhơn" chẳng thể nào được xem là "nhơn sĩ".
13 Trong bài "Bọn Nhân Văn-Giai Phẩm" trước tòa án và dư luận, Đoàn Giỏi cho biết: "Phan Khôi vẫn được đãi ngộ ăn lương nhân sĩ, không phải làm gì cả, viết hay dịch sách thì hưởng tiền nhuận bút... " Dẫn theo Trăm hoa đua nở trên đất Bắc, trang 89-96, Hoàng Văn Chí sưu tập.

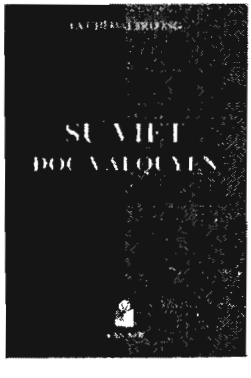

tìm đọc

SỬ VIỆT
ĐỌC VÀI QUYỂN
của Tạ Chí Đại Trường
Văn Mới xuất bản, 2004

Sách dày 523 trang.
Giá 20 Mỹ kim.
Hiện có bán tại các nhà sách.

NGÔ TỊNH YÊN

đầu hàng

Chúa hỏi ta có bao giờ xưng tội?
Ta thưa rằng: Cũng tại tội tổ tông
Phật hỏi ta có khi nào sám hối?
Ta cũng thưa: Cuộc đời là hư không.

Đời hỏi ta chừng nào chịu thua cuộc?
Ta lặng im không nói chỉ mỉm cười
Người chưa hỏi ta đã đầu hàng trước
Tình là chi – ai có thể trả lời?

ngựa quên đường cũ

Ngọn nến thắp ban trưa
giọng hát mới của một khúc tình xưa
phố đông hồn vẫn thưa
sao cố nhân không là người yêu cũ?

Không khóc nhưng lệ rơi
men cất cũ của một bình rượu mới
sao đầy mà biển vơi
dòng sông cũ không là con sóng cũ

Chẳng vui sao lại cười
màn nhung mới của một ca kịch cổ
đường trăng sáng vẫn mờ
thổ mộ cũ ngựa không quen lối cũ

Tan hợp hết một đời
màu mực cũ của một bài thơ mới
ngưng sầu mà chưa nguôi
năm tháng cũ không là tờ lịch cũ

Có lẽ vì ta chưa hóa kiếp
cho một lần rung động nào xưa

Ngô Tịnh Yên

gấu chợ

NAM DAO

1

Không biết thế nào mà ngay khi gặp anh tôi nghĩ đến loài gấu. Lạ, quả là lạ. Đi tìm xem gấu là gì trong tự điển. Là loài có vú. Gấu trắng sống trên Bắc Cực, ăn cá. Gấu nâu hoặc đen, ở lục địa Á và Mỹ, ăn hoa quả và rất thích mật ong. Chay tịnh thế, gấu vẫn nặng từ 3 đến 6 trăm kí, bề ngoài ục ịch nhưng lại rất nhanh, chạy có thể đến 7 hay 8 mươi cây số giờ. Gấu thuần hòa, nhưng khi nổi cơn thì phải coi chừng. Bình thường, gấu dễ thương, cho nên con trẻ chơi gấu bông, loại nhồi mút bán ở phi trường hay những nhà hàng đồ chơi. Có bé gái mua về chăm chút, ôm gấu khi đi ngủ, gọi gấu là em, là chị, thậm chí là mẹ... và hằn vào độ dậy thì chắc cũng có nàng gọi gấu là người yêu, người tình, hoàng tử của lòng tôi. Ở Canada, gấu rất nhiều, độ hè gấu có thể lạc vào những thành phố gần rừng khi đi kiếm ăn, nếu thấy yêu cầu gọi số khẩn 911 báo ngay, nhân viên trách nhiệm sẽ đến bắn thuốc gây mê gấu rồi thả về rừng. Còn nếu bạn yêu thiên nhiên đi cắm trại thì cẩn thận. Thứ nhất, đừng để đồ ăn trong lều mình ngủ. Hãy để ra ngoài, gấu có tới chúng sẽ thôi không ăn bạn, để bạn yên, chỉ tha đồ ăn đi. Thứ hai, đang lững thững mà gặp gấu, chớ giơ chân giơ tay la thét. Tốt nhất là làm những tiếng kim khí, tỉ như lấy xoong đập vào nồi, lấy nồi đập vào chảo, và chớ phát những âm thanh bài bản có tính thơ phú, triết học, thậm chí chính trị, vì gấu thường ít quan tâm đến những tư duy trừu tượng, rất hiện thực và thuần bản năng nhất là lúc đánh hơi thấy chất đường trong các loại đồ uống kiểu 7-up, Coca hay Pepsi. Thứ ba, gặp gấu đừng leo lên cây

tìm an toàn. Bạn chắc cũng như 90% loài người, cứ tưởng gấu không biết trèo. Bạn nhầm, nếu có môn điền kinh leo cây ở Thế Vận Hội cho muôn loài, hắn gấu vào chung kết với khỉ, con người thì chắc sẽ lẹt đẹt đằng xa, chưa chắc qua được vòng loại. Thứ tư, rất quan trọng, không bao giờ đứng giữa gấu mẹ và gấu con cho dẫu gấu mẹ có là một trang tuyệt sắc thiên kim, vì bản năng mẹ gấu sẽ tấn công bạn tức thì để bảo vệ gấu con, mặc bạn nói gì thì nói, với ngôn ngữ nào cũng vậy.

Ơ mà này, thế thì tại sao tôi gặp anh lại nghĩ ngay đến loài gấu? Không tìm được lý lẽ trong kiến thức phổ thông, tôi quay sang truyền thống văn hóa. Nghĩ mãi, nào là mật gấu trị bệnh trật tay sái gân rất hay, tay gấu cực bổ, lớp da tay dầy để đối phó với loài ong rừng khi gấu đi tìm mật, ăn vào cường dương mà vẫn trường thọ. Vẫn không, không phải thế. Hay là, a nó đây, cái thành ngữ *hỗn như gấu*, yếu tố duy lý độc nhất giải thích sự liên tưởng của tôi từ Lê Đạt đến loài gấu, và ngược lại.

2

Nếu *hỗn* thì quả anh hỗn thật. Ngay sau khi hòa bình lập lại, kỳ cương chưa ra làm sao, anh đã kêu "Đem bục công an đặt giữa trái tim người / Bắt tình cảm ngược xuôi theo đúng luật đi đường nhà nước". Anh kêu trong Nhân Văn số 1, mấy tháng sau khi Giai Phẩm mùa Xuân bị tịch hồi, trong đó anh hò "bay thật cao, bay thật xa", được Tố Hữu, người phụ trách Tuyên Huấn của Đảng, khuyên đen, hỏi bay đi đâu, bay vào Nam à? Mặc dầu anh cũng trong ban Tuyên Huấn Trung Ương, nguyên làm Thư Ký cho Trường Chinh, đảng viên trẻ năng nổ có tiếng là sâu xắc, và nhậy cảm. Nhưng chính cái nhậy cảm đó hại anh. Nếu là nhậy cảm để bắt gió quyền lực thì chắc chắn anh sẽ thăng quan tiến chức chẳng kém một ai, nhưng không, anh lại nhậy cảm với thơ. Chết chưa, gặp Trần Dần đầu năm 50 trên chiến khu, hai anh đã bàn nhau đào mồ chôn thơ Tiền Chiến. Kẻ danh vọng nhất khi đó lại là Tố Hữu, thế mà các anh đè xuống chiếu thơ, phê tập Việt Bắc, cho thơ Tố Hữu là thơ sùng bái lãnh tụ, nói đến ai hay cái gì thì cái ai cái gì đó nhỏ đi, gây phản cảm. Và khi thơ Tố hữu trồi nét thì chỉ thuần vay mượn ca dao, không có một chút sáng tạo, vân vân. Khi đó, anh lại là phụ trách Thường Trực báo Văn Nghệ, thế có ghê không. Phan Khôi bảo với anh, Tố Hữu gọi bọn Giai Phẩm là lũ phản động! Thế mà, ông anh thân mến, ông anh vẫn cứ cười hềnh hệch trong đợt kiểm thảo sau Tết năm Mùi, không chịu lên án Trần Dần ngay cả khi anh Lành (tên tục Tố Hữu) bảo đã được thông báo

"nội bộ" rằng Dần là người của địch. Mất cảnh giác đến thế là cùng!

Cái cười Lê Đạt. Người mới quen, ai cũng thấy anh cười hồn nhiên. Để ý, lâu mới biết đi kèm tiếng cười ấy đôi khi là những câu nói hóm và hỉnh, hóm vì rất thông minh, nhưng hỉnh bởi thế nào cũng có chất cường toan axít đâu đấy. Axít nên cái vị một khi trôi qua cổ có thể cay, chua, thậm chí bỏng cổ rát lưỡi. Anh lại bô bô tính mình nó ba lơn như thế, trời sinh cả! Anh Đạt ơi, chính cái cười của anh hại anh, lắm lúc còn hại hơn cả những lời anh nói. Cứ hình dung xem những chiến tướng thơ Tiền Chiến như các vị Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Huy Cận... xung quanh Tố Hữu đối phó với cái cười của anh thế nào. Họ nghĩ anh làm chính trị nhưng là kẻ ném đá giấu tay, lãnh đạo ngầm, thứ chất xám điều khiển sự manh nha của một quyền lực đối kháng có ý đồ cướp cờ chính thống. Đầu tiên, anh bị khai trừ khỏi Đảng, nhưng quyền lực chưa rút phép thông công, còn chờ gió lên để phất cờ. Anh vẫn tiếp tục công tác ở Hội Nhà Văn vì khi đó phe ta, phe XHCN sau báo cáo KrútSốp bên Liên Xô, đang có những biến động ở Hung, ở Ba Lan. Phương Bắc, người cầm lái vĩ đại họ Mao phát động phong trào Trăm Hoa Đua Nở, cho nhà văn nhà thơ đua tiếng, chẳng hiểu sẽ rẽ phải hay rẽ trái. Tình thế quốc tế như vậy cho nên quyền lực ở Hà Nội, sau sai lầm Cải Cách Ruộng Đất, vẫn chập chờ, và nhân thời cơ, Nhân Văn ra đời, sau đó Giai Phẩm mùa Xuân tái bản, rồi Giai Phẩm mùa Thu, mùa Đông... Hẳn khi đó, các anh hể hả, trong lòng mong xây dựng một xã hội công bằng và nhân bản, xông lên đánh vào cái nền chuyên chính vô sản mới kết nhụy. Nhưng quyền lực hậu thuẫn các anh ở đâu? Các anh chẳng có cái nhậy cảm chính trị đó, dồn hết tinh anh vào chữ nghĩa, loại quyền lực ảo, không hậu thuẫn, nóng vội tự mình lên thập tự dang tay ra chờ. Chỉ ít lâu sau, người ta mang búa đến đóng đinh, nhưng bắt chết một cách tinh vi hơn cái chết của đấng Cứu Thế. Các anh bị phân tán, kẻ nọ tố kẻ kia ở Thái Hà, rồi tự xỉ vả mình trong những bài kiểm thảo được phổ biến đến quần chúng, và sau là bị gạt ra bên lề xã hội mà chẳng một ai dám thương tiếc.

Dăm tháng đã thay đổi đời anh từ trắng sang đen. Anh có cười đấy nhưng những người sau này cười lâu nhất không phải là anh. Thật mà nói, oan nghiệt kia hóa ra chuyện Tái Ông mất ngựa. Nhưng mất mà không được gì, vẫn cứ là các chị. Chị Thúy, vợ anh. Chị Yến vợ Hoàng Cầm, chị Khuê vợ Trần Dần, chị Thoa vợ Phùng Cung... Lê Đạt có bài thơ "*Vợ Nhân Văn*", bao giờ thì anh công bố để trả nợ đây? Các chị cũng bị gạt lề vì cứ tiếp tục làm vợ các anh, trở thành thứ tội phạm liên quan, hạng hai, nhưng sống trong sự quẫn bách khí trời, đến thở cũng dè sẻn, chẳng dám thở mạnh có

thể khiến người đời chú ý. Riêng chị Thúy mới 19 lần xuân, một tài năng trên sân khấu kịch nghệ, đành phải bó thân... về với nỗi đau Lê Đạt.

3

Chị Thúy khi xưa sắc nước hương trời. Ngày tôi mới quen, chị đâu ngoài bốn mươi, dáng vẫn thướt tha nhưng mặt đôi lúc có thoáng nét thất thần. Mỗi khi từ giã Hà Nội, anh Đạt thường dặn, đến chào chị, chị ấy hay tủi thân. Tôi cảm nhận được sự trìu mến của anh đối chị, và sự thân tình của chị đối với tôi, bởi tủi thì ai lại hoài công đi tủi thân mình với người dưng nước lã.

Lần tôi về năm 02, đến chơi, thấy căn số 10 Hải Thượng Lãn Ông nay quả ít là chất 50 lần số mặt hàng năm 1982, khi tôi mới quen anh chị. *Kinh tế thị trường* có khác. Còn *định hướng* thì vì cửa hàng quá chật nên mặt hàng nọ đè lên mặt hàng kia. Nếu không có cái nét rất truyền thống là thông minh cần cù thì đố ai tìm ra chỗ này để giấy toa-lét (chứ không chùi... bằng nhật báo như xưa), chỗ kia xếp T-Shirt có in quả táo (giống NewYork) kèm hàng chữ I' love V, giữa đống ngổn ngang khăn tắm, khăn tay, xà phòng bột, xà phòng thơm và trăm thứ linh tinh... Và đố có thưởng, trong phòng riêng ở tầng hai của nhà thơ Lê Đạt có gì? Sách dăm ba quyển trong một cái tủ con, dĩ nhiên. Chiếc màn mầu sữa ố nhầu nát xếp xó giường, cái gối kê đầu, vài chú bút bi lăn lóc trên chiếu, tách nước uống dở, và xung quanh, chất đến tận trần nhà... vẫn giấy toa-lét, xà phòng, T-Shirt, khăn mặt, khăn tay... Thân lắm, anh mới tiếp trong phòng riêng, chứ khách người dưng, thường cậu con anh đáp "ông ấy... đi vắng", hoặc nếu không thì anh xuống tay vẫy, miệng cười, rủ ta đi đến đầu đường uống cốc cà-phê đi! Gấu ở chợ, có thích của ngọt như cà-phê đường cũng chẳng thể thoát qui luật thị trường, hàng hóa trao đổi trên nguyên tắc hai bên cùng có lợi, dĩ nhiên anh mạnh thì vẫn lợi hơn anh yếu. Quả thế, mặt hàng nhiều, nhưng hầu như tất cả đều *made in China*, hàng nội cũng có nhưng hiếm vì cạnh tranh, bị hàng ngoại giết cả. Trừ bia Hà Nội, và trừ... thơ Lê Đạt.

Chị Thúy hôm ấy xuống nhà, và ba chúng tôi ngồi quanh cái bàn nhỏ xíu nhân một buổi cửa hàng thưa khách. Uống chè Lipton nhé, cho nó sang. Dạ, nhưng không có chè Thái Nguyên à? Có, nhưng tiếp khách xa thì phải Lipton. Anh Đạt cười cái cười của gấu trong nhà, lành và hơi ngường ngượng. Chị Thúy nâng tách, miệng bảo, mời chú, rồi mắt bỗng long lanh, nói nửa tỉnh nửa mê, như nói chỉ cho mình nghe. "Đấy, tất tần tật cũng chỉ

vì văn hay chữ tốt ấy mà. Ôi giời, ông ấy tưởng thu được vào tay ông ấy cả, nhưng giời có mắt, thần nhân cũng mang một ít cho cả những người dốt nát như tôi... Đọc vài câu cho chú nghe nhé..." Anh quay mặt, buồn nhưng cố nén thở dài, nhẫn nhục im lặng. Tất nhiên, tôi cảm thấy hơi hướng cái thảm kịch *vợ Nhân Văn*, và đoán có lẽ từ ngày anh được phục hồi thì tao nhân mặc khách lại chào mời, có ai còn nhớ đến những nỗi tủi nhục mà các chị phải chịu đựng suốt một đời. Chị tiếp, "cứ ăn hiền ở lành thì giời cho, chữ nghĩa cũng giời cho cả, thần thánh ốp vào tức văn hay chữ tốt ngay thôi... Bây giờ, mấy chị em chúng tôi có bà Khuê vợ Trần Dần, bà Băng vợ Văn Cao... Chúng tôi thỉnh thoảng gặp nhau rồi đọc thơ cho nhau nghe, có kém gì ai đâu!" Nhưng thần thánh ở đâu hở chị? Tôi hỏi giọng bỡn cợt để đổi cái không khí có chiều ngột ngạt. Chị chỉ tay, da diết, nói như rít "...ở mọi nơi, ở Văn Miếu đàng kia, ở trên trời chứ còn ở đâu nữa! Mai tôi với mấy bà ấy ra Thanh Hóa đi lễ Mẫu, thế nào cũng phải hỏi lại, cho ra lẽ... Bây giờ tự do rồi, không tin thần tin thánh thì tin ai vào đây, hở chú!".

Vâng, thưa chị. Bao nhiêu cái cấm đoán ấm ức trói buộc nay già néo đứt dây, đứt để đồ tuột vào sông vào biển những vị thần linh trên giấy báo Học Tập. Nay, ta quay về truyền thống và bản sắc với bà Chúa Liễu, ông Hoàng Mười, hội Phủ Giày hằng năm. Anh Đạt thì thào, Thúy dạo này yếu, hơi bị tâm thần. Rất có thể. Nhưng đâu chỉ vì yếu. Ta nghĩ xem. Này, anh Văn Cao được thưởng huy chương hạng ba (hay tư?). Rồi các anh Nhân Văn được phục hồi hội tịch, lãnh lương bù gần ba chục năm bị người ta bẻ bút. Sau, các anh đi Đại Hội bầu lại (lại... mãi từ cái ngày đánh Nhân Văn và Giai Phẩm) Tổng thư ký Hội Nhà Văn vẫn cứ là đồng chí Nguyễn Đình Thi, và dẫu có chút gì như "hàng thần lơ láo" nhưng các anh còn có cái hy vọng từ nay sẽ được sinh hoạt bình thường để in ra những điều các anh ấp ủ. Nhưng còn các chị vợ Nhân Văn, các chị được gì để cân bằng với những mất mát 30 năm liền sống bên rìa xã hội, giữa sự xa lánh dè biu của cả ruột rà làng nước? Bài thơ *Vợ Nhân Văn* đâu, anh Đạt? Hãy trả Cesar những cái gì thuộc về Cesar... Còn cát bụi? Nếu cái thuộc về vợ Nhân Văn chỉ cát bụi thôi thì cũng phải trả lại cát bụi, để đời này (chứ chớ đợi đời sau) biết là đàng sau mọi sự nghiệp đều có những giọt nước mắt không cần tên tuổi.

4

Thú thật thơ Lê Đạt vào thời Nhân Văn Giai Phẩm là thơ chính trị. Chẳng hạn như *Nhân câu chuyện mấy người tự tử*. Một bình luận thời sự,

sắc và thâm, nhưng tôi không cảm như thơ. Thời đó, có lẽ chỉ bài *Cha tôi* là thơ, sau phục hồi thì anh cho in lại năm 94 với những bóng chữ viết suốt thời gian anh đi đầy trên 36 phố phường trong lòng một Hà Nội lặng lẽ cưu mang những đứa con rơi của thời thế. Nhưng với *Bóng Chữ* thì thơ Lê Đạt kết tinh từ cô đơn tủi nhục thành thơ, và đó là câu chuyện Tái Ông mất ngựa tôi nhắc ở trên:

Chia xa rồi anh mới thấy em
Như một thời thơ thiếu nhỏ
Em về trắng đầy cong khung nhớ
Mưa mấy mùa
mây mấy độ thu
Vườn thức một mùi hoa đi vắng
Em vẫn đây mà em ở đâu
Chiều Âu Lâu
bóng chữ động chân cầu

Chữ đắt, là điều nhận thấy tức thì trong thơ. Trắng đầy cong khung nhớ, khó lầm vào ai khác Lê Đạt. Và

Bầy em én
tin xuân
tròn mấy áo
Hội kênh đầy
chân trắng ngấn sông quê
Nắng mười tám
má bờ đê con gái
Cây ải cây ai
gió sải
tóc buông thề

thì, mấy áo, hội kênh, chân trắng ngấn sông quê, gió sải... là những hình tượng không đến từ sự ngẫu hứng dễ dãi mà là tìm tòi, cân đong từng chữ, và nhất là cấy ghép chúng với nhau. Cái mới trong thơ anh ở công phu cấy ghép đó. Thử đọc:

Ông lão trạm bơm
miệng o tròn
ria chóp nón
Ô trời
lòng cỏ thụ bỗng tình tang
Máy kéo gặm xứ đồng tơ ơ cỏ

Nghé sắt buồn lưng sáo đá xon xon

Đọc liền 2 câu đầu, rồi 3 câu sau. Rõ cấu trúc thơ trong bài này là thơ cổ. Nhưng tưởng như nhìn thấy mấy con sáo xon xon trên một chiếc máy kéo ví với con nghé sắt đang gặm cỏ... Lê Đạt, như anh thú, đúng là *phu chữ*.

Cái tuyệt nghệ công phu khuân chữ về ghép lên hoa trái mới trong ngôn ngữ thơ Việt Nam của Lê Đạt thật có một không hai. Mời kẻ yêu thơ nhẩm lại trong đầu những bài thơ sau:

Chim ức lửa

Rouge gorge! Rouge gorge!
Dân ca Pháp

Em vụt đến như mảnh tinh cầu vỡ
Ơi con chim ức lửa môi đòng
Thả đỏ đốt xứ đồng không anh nhớ
Một thoáng đào nhen mấy độ hồng

Sương khói Bích Câu chiều ai có giáng không

Át cơ

Anh tìm về địa chỉ tuổi thơ
Nhà số lẻ
phố trò chơi bỏ dở
Mộng anh hường
tìm môi em bói đỏ
Giàn trầu già
khua
những át cơ rơi...

Nhịu tình

Sự đằng ngà
tâm tuyết trắng dưa lê
Vườn truyện ngọt
Đàn từ ngon
âm hé cong mỏ hót
Lòng nhịu tình
ngôn ngữ loài chim

Đánh ngải

Chớ rửa lông mày chết cá ao anh
Ca dao

Mắt xưa xanh
mưa mành
sương liễu sóng
Mùa sang may
thu đánh ngải lông mày
Mây nổi trắng ao say
Ai ruốc mộng ban ngày

Đệm

Bước đệm
đưa tình
xanh khúc phố
Nốt chân xuân
đàn cò lạ
phím lùa
Chập chững dương cầm
bè lạc
ngã tương tư

để cùng nhà thơ nhặt những tấm chữ:

Anh rình trắng nghìn trăng nghiêng ngõ mộng
Bước thị thơm chân chữ động em về

đặt vào cấu trúc Đường thi truyền thống, nhưng đố mà tìm được cái *tứ thơ* hương thắp gọi không đáp lửa, và hỏi, hồn ở nhà hay *bát* mộ đi xanh

Thanh minh

Lúa con gái
làm rùng rình nỗi gió
Lá hát tình
nắng tỏ
bạch đàn chanh
Nợ cũ khối xương rồng hoa trả đỏ
Hương thắp gọi ba lần

không đáp lửa
Hồn có nhà
hay bát mộ đi xanh

A, Lê Đạt. Chữ anh quả tài tình. Anh đúng là một phu chữ tiên tiến, và chắc anh chả cần ai phong cho anh bốn chữ anh hùng lao động. Nhưng cẩn thận! Hỡi những nhà thơ, hãy cẩn thận: đừng bao giờ đứng giữa Lê Đạt và những con chữ. Cũng như, tôi đã nói, đừng đứng giữa gấu mẹ và gấu con. Mặc dầu gấu là gấu chợ.

5

Vụ việc Nhân Văn Giai Phẩm thế mà đã ngót nghét 50 năm. Trong một thiên niên đất nước chúng ta đầy biến động tang thương, cứ kể thêm một nỗi đau, lại thêm một lần ngậm ngùi, thêm những đêm mất ngủ. Nhưng thêm một cơ hội để ngẫm chuyện xưa hòng tránh cho ngày sau những u tối đớn đau, những trói buộc thắt cổ tương lai trong cái tròng của giặc nghèo và giặc dốt. Tôi từng nói với Lê Đạt, thế nào cũng phải một lần nói về cái tinh thần Nhân Văn cuối thập niên 50. Thật ra, cái tinh thần ấy nằm trong bài báo cáo của Nguyễn Mạnh Tường, đặt lại vấn đề "chính trị thống soái", đòi hỏi ít nhiều tính dân chủ ở phân công để người nào việc nấy với trách nhiệm việc mình làm, và một xã hội pháp trị rạch ròi với một nền tư pháp cần phải có pháp luật nghiêm minh. Thật ra, cái tinh thần ấy là tinh thần của lớp người Tây học với giá trị nhân văn Âu Châu, trộn vào truyền thống Nho giáo, cái gốc của phương Đông, đang chập chững chuyển mình bước vào hội nhập với thế giới. Và cho đến tận bây giờ, năm 2005, cái tinh thần vừa đề cập vẫn ăm ắp tính thời sự, thậm chí cấp bách hơn trong sự sống còn ngày một ngặt nghèo của dân tộc, và như một sự đặng chẳng đừng, sẽ thành hiện thực.

Đấy là tinh thần. Trong bóng đêm o ép của những năm văn chương lưỡi gỗ uốn éo chốn cung đình, ngọn lửa Nhân Văn dẫu bị dập vùi nhưng tro than còn đủ sáng để hắt các anh lên vách như những chiếc bóng của hy vọng. Cho đến khi *Bến Lạ* của Đặng Đình Hưng, *Về Kinh Bắc* của Hoàng Cầm, *Cổng Tỉnh* rồi *Mùa Sạch* của Trần Dần, *Lá* của Văn Cao, *Xem Đêm* của Phùng Cung... góp tiếng vào đời, những hy vọng kia đã đơm hoa nẩy nhụy. May thay! Nhưng đau khổ khốn nạn của các anh không vô ích. Chính bóng đêm Nhân Văn đã đội lên đầu các anh vòng hào quang của những kẻ tử vì đạo. Cái đạo văn chương, không chỉ đơn giản hạ bút xuống viết với cái

vốn tài hoa trời cho là xong, mà còn... với những giọt nước mắt của tai ương mà ngày xưa, đã có Tố Như dặn dò, *chữ tài liền với chữ tai một vần.*

6

Chúng tôi đã gặp nhau 25 năm, đủ để có dịp lang thang bên dòng sông Seine, ngồi uống cà-phê trước Odéon trên Boulevard St Germain. Đủ để tôi thấy Lê Đạt đúng một lần lãng mạn kiểu tình già Phan Khôi, đúng một lần say, chẳng biết say tình hay say rượu, ngồi sau cô bé đèo anh bằng mô tô ngã sóng xoài giữa Paris cho anh đo đường, rồi anh nôn thốc tháo cạnh miệng cái Metro trước cửa một rạp chiếu bóng. Đủ để nay về Hà Nội, cứ 5 giờ sáng tôi đến gọi cửa số 10 Hải Thượng Lãn Ông, rồi hai anh em đi quanh bờ hồ, một vòng, hai vòng... cứ mỗi vòng là chúng tôi đến gần hơn con mụ già định mệnh chúm chím như định gọi tên. Đạt dạo này yếu. Có một thời gian anh bị mất ngủ, và điện thoại về, câu đầu tôi hỏi là dạo này anh ngủ được chưa? Hà hà, cũng được, được rồi!

Nhưng đừng tưởng Lê Đạt già. Tôi xin trích một cuộc phỏng vấn của báo Sinh Viên Việt Nam:

"Phản đề" dành cho người Việt trẻ

Nhà thơ Lê Đạt, dù tuổi đã ngoài 70 vẫn là một người trẻ lạ lùng. Trẻ, ở trong tâm hồn và tính cách lẫn những cách tân trong thơ ca Việt - cho dù cuộc đời ông như chính nhà thơ thừa nhận là rất "li kỳ" và chịu nhiều thăng trầm dâu bể. Trẻ, ở chính cái cách mà ông nhìn nhận rất "thiện chí" và cởi mở về lớp trẻ, về thế hệ trẻ hiện nay...

Báo *Sinh viên Việt Nam* (SVVN) đã có cuộc trò chuyện cùng ông trong một ngày đông cuối năm ở một ngôi nhà phố cổ Hà Nội về những câu chuyện của người Việt trẻ trong xu hướng hội nhập, toàn cầu hóa đồng thời phát triển những giá trị truyền thống dân tộc. Và làm sao để loại bỏ được những lực cản khách quan và chủ quan, những "tảng đá" giáo điều đeo đẳng trên lưng, những mặc cảm nhỏ nhen, những kiến thức và tình cảm vụn vặt để những người Việt trẻ sẵn sàng cho một cuộc "leo núi" đỉnh cao như nhà phê bình trẻ Nguyễn Thanh Sơn từng ao ước. Câu chuyện bắt đầu từ khát vọng và ước mơ của những người trẻ.

SVVN: *Tất nhiên tuổi trẻ ai cũng đầy mơ mộng và khát vọng, nhưng có nuôi được và biến nó thành thực tế không mới là chuyện đáng nói... Trong thơ ông, tôi cũng đọc được: "Những ước mơ xưa / Như con chim*

gãy cánh / Rũ đầu chết ngạt trong bùn / Năm tháng mài mòn / Bao nhiêu khát vọng"...

LĐ: Tôi cho rằng để sự mơ mộng và khát vọng trở thành hiện thực phải đòi hỏi rất nhiều ở sự can đảm và kiên trì. Ở đó, không có "đất" cho sự thực dụng và những toan tính tầm thường, ở đó cũng không có cơ hội cho những người thiếu lòng đam mê và dũng cảm. Để nuôi khát vọng, nó đòi hỏi sự đam mê thành thật, thậm chí vác cả sự đam mê trên vai mà trèo đèo lội suối để biến nó thành sự thật. Với những người trẻ tuổi, tôi có một lời khuyên chân thành: đừng bao giờ sống 50%, đừng bao giờ yêu 50% và cũng đừng bao giờ làm 50%. Sự nửa vời cũng là một trong những lý do để người trẻ phản bội lại ước mơ của mình.

...Tuổi trẻ mà không có khát vọng tức là chưa kịp trẻ họ đã già hay ngược lại là đã già ngay từ khi còn trẻ. Họ là *những đứa trẻ chết già.*

SVVN: *Những khát vọng nào của tuổi trẻ đáng được biểu dương nhất?*

LĐ: Có rất nhiều khát vọng đẹp, nhưng tôi thích nhất ở những người bạn trẻ tuổi là khát vọng lên đường, khát vọng đi tìm những miền đất mới, những lĩnh vực mới. (Xã hội nên có những động thái tốt đẹp dành cho những người tìm đường). Và tôi nghĩ, càng có nhiều khát vọng lên đường, tuổi trẻ càng dễ phá bỏ được những định kiến, những cái cũ ở ngay trong chính bản thân họ cũng như xã hội bên ngoài...

SVVN: *Ngoài chuyện thiếu khát vọng, sự dễ hài lòng và sống 50%, theo ông có những lực cản nào nữa kéo sự phát triển của người trẻ lại?*

LĐ: Có những tính cách xấu lâu ngày biến thành những khuyết điểm của người Việt Nam, đó là không có ý thức về sự hoàn chỉnh, thói quen không có kỉ luật, không đi đến tận cùng cái mình đang có, dễ hài lòng và chấp nhận thực tại, căn bệnh tiểu nông, tiểu thủ công nghiệp manh mún, giật gấu vá vai... Điều này dẫn đến một thói ứng xử xấu nữa là dễ tặc lưỡi cho qua. Một người già chép miệng hoặc tặc lưỡi cho qua đôi khi còn thông cảm được vì sự "lực bất tòng tâm" nhưng với một người trẻ thì rất nguy hiểm. Tại vì khi chép miệng là lúc anh bước từ một cõi thực tế sang một "cõi" ảo, một "cõi" đầu hàng, buông xuôi. Khoảng cách giữa chúng rất nhanh nhưng lâu dần nó cuốn anh đi rất xa. Nếu nói, điều tôi ghét nhất trong tính cách của người Việt là thói chép miệng, nghe thì có vẻ đơn giản nhưng thực ra khi anh chép miệng, phần nhân tính trong anh đã bị buông xuôi và anh đã

dễ dàng "đồng hóa" với sự thất bại, với thói xấu...

SVVN: *Trong một lần trò chuyện, nhà thơ Hoàng Phủ Ngọc Tường nói rằng lớp trẻ ngày nay có vẻ hơi "vô thần, vô đạo", thực ra thì theo ông, lớp trẻ có nên nuôi trong mình những "tín điều" không?*

LĐ: Vô thần thì nên, nhưng vô đạo thì không nên. Con người nên có những tín điều nhưng không nên thờ thần tượng vì thần tượng là sự xuống cấp của tín điều. Nhìn lịch sử tiến triển của loài người mình phải đứng trên vai của quá khứ mới thấy được tương lai chứ núp bóng quá khứ thì tương lai không bao giờ thấy được.

SVVN: *Vậy thì theo nhà thơ, lớp trẻ nên "núp bóng thần tượng", "đạp đổ thần tượng" hay "đứng trên vai thần tượng"?*

LĐ: Bản thân của sự phát triển văn hóa là chống lại thần tượng. Nói như Trang Tử là "vứt trí bỏ thánh" để trở lại suy nghĩ của chính ta. Nói đạp đổ thần tượng thì nghe có vẻ hơi phạm thượng nhưng tôi nghĩ rằng không sai và nói gì thì nói, nếu được coi là thần tượng tức là họ đã ghi được dấu ấn giá trị trong lịch sử, hiện tại và tương lai nên để lớp trẻ khai phá. Tốt nhất, là đứng trên vai thần tượng vì ở trong hoàn cảnh đó, thần tượng đã làm được một việc có ích là giúp lớp trẻ có một cái nền cao ráo và vững chắc.

SVVN: *Trước đây, nhà thơ Lưu Quang Vũ than "Tôi chán cả bạn bè / Mấy năm rồi họ chẳng nói được câu gì mới". Gần đây, cả Văn Cầm Hải và Phan Huyền Thư đều nói đến "Những giấc mơ của lưỡi". Nhà thơ Dương Tường thì nhận xét "Có nhiều người nghĩ khác, nhưng ít ai sống tận cùng với cái khác của mình"... Một trong những điều mà giới trẻ tự chán mình là họ đang càng ngày càng cũ, càng nhạt? Ông có cảm thấy điều đó?*

LĐ: Tôi chống lại sự nhàm chán nhưng không có nghĩa là tôi sống khác với tôi. Hãy sống thật với chính anh thì anh sẽ khác với những người khác chứ không phải "chủ trương" để sống khác. Vì nếu khi anh sống khác anh tức là anh không thật với chính mình. Còn nếu khi anh tự chán mình, chán bạn bè mình là lúc anh đang khao khát để thay đổi, khao khát sự "vận động" của lưỡi.

SVVN: *Vậy ông "khuyến khích điều gì trong cách sống của giới trẻ"?*

LĐ: Tôi khuyến khích sự lao động cần cù và kiên trì của lớp trẻ, từ bỏ

cách nghĩ cách làm việc "ngắn hạn", "ăn xổi" và bệnh "khoa trương", "ồn ào". Tập cho mình những tầm nhìn "dài hạn" và đi đến tận cùng cái "tư duy dài hạn" ấy. Trong cuộc sống, thư giãn hãy "bình thường tâm", đừng "phân thân" nhiều quá. "Khi đói ta ăn, khi mệt ta nghỉ" như lời dạy của một thiền sư, chứ đừng khi ăn lại nghĩ đến chuyện khác và khi nghỉ cũng nghĩ đến những chuyện khác.

SVVN: *Và trong tâm hồn, trong thơ ca? Là một nhà thơ không ngừng cách tân thơ Việt, cuối cùng ông nghiệm ra điều gì quý giá nhất ở thơ ca?*

LĐ: Thơ là mỹ học và đạo đức học. Cái đẹp trong câu thơ kêu gọi sự cao thượng. Và nên hiểu thơ ca cũng là một sự lao động ngôn ngữ đầy gian khổ chứ không chỉ là cảm xúc thẩm mỹ thuần túy (*Chữ bầu nên nhà thơ*). Nhà thơ, nhất là các nhà thơ trẻ hãy tập cho mình một cách sống gian khổ (chứ không phải cực khổ), một sự "li kỳ" trong tinh thần. Nhưng đáng buồn nhất cho những nhà thơ "li kỳ" trong đời thật nhưng lại tẻ nhạt trong đời chữ!

SVVN: *Sự "li kỳ" trong đời người, đời chữ của ông, nếu được nói bằng thơ?*

LĐ: Thơ ca, cuối cùng với tôi vẫn là cảm xúc mỹ học và cái đẹp của sự cao thượng. Tôi thích những câu thơ giàu cảm xúc: *Vườn thức, một mùa hoa đi vắng / Em ở đây mà em ở đâu*? Hay *Tìm lặng lạnh góc bồ đề mưa cũ / Chim gõ mõ kiếp xưa, chưa rũ hết luỵ tình...*

SVVN: *Điều cuối cùng, nhân dịp mùa xuân mới, mùa như các nhà thơ nói "ươm mầm, chồi xuân, lộc nõn...", nhà thơ có một lời chúc nào dành cho những người bạn trẻ?*

LĐ: Tết ở ta có một tục lễ cổ truyền rất hay là xông đất. Tôi chúc các bạn trẻ đầu năm mới hãy "xông đất" nhiều hơn, "xông đất" nhiều lĩnh vực mới hơn nữa...

7

"...thế hệ trẻ à? Tôi cứ đợi mãi. Nó bị trong vòng vây của văn chương cung đình, tôi sốt ruột đợi lớp trẻ đủ sức lớn lên để chôn *bọn tôi, như chúng tôi đã* chôn *Tiền Chiến!"* là lời Trần Dần khi anh vào thăm anh em Sông Hương mười lăm năm về trước. Anh sốt ruột, đợi và năm anh rời chân về nơi thiên cổ thì chắc anh vẫn còn đợi.

Chôn thơ Tiền Chiến, không dễ nhưng có Nhân Văn. Chôn thơ Nhân Văn cũng chẳng dễ, nhưng văn xuôi thì không khó. Đầu tiên, Dương Thu Hương mang cuốc xẻng tới dọn đất với tinh thần bất úy trong hành trình tiểu thuyết. Rồi Nguyễn Huy Thiệp đào một lỗ huyệt khá rộng với Truyện Ngắn. Sau, Phạm Thị Hoài đến cời đất, thắp hương. Và Nhật Tuấn, Bảo Ninh, Nguyễn Quang Thân... lục đục khuơ chuông gõ mõ trong nước. Đấy là chưa kể bên ngoài, dòng văn hải ngoại dẫu gì cũng đỡ ngột ngạt hơn, với tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác, bút ký Cao Xuân Huy, truyện ngắn Trần Vũ, Mai Ninh, Vũ Quỳnh Hương... Đồng thờ, mươi năm gần đây, văn xuôi có thêm Hồ Anh Thái, Tạ Duy Anh, Nguyễn Bình Phương, Nguyễn Việt Hà, Nguyễn Viện... Truyện ngắn, sau Đỗ Phước Tiến và Nguyễn Thị Âm, nay xuất hiện Nguyễn Ngọc Tư, Đỗ Hoàng Diệu... Về thơ, chôn Nhân Văn khó nhưng trong nước có Thanh Thảo, Hoàng Hưng... Rồi Phan Huyền Thư, Vi Thùy Linh, Nguyễn Quốc Chánh, Nguyễn Hữu Hồng Minh... Ngoài nước cũng có, chẳng hạn Khế Iêm, Chân Phương, Đỗ Kh... Họ đi một hàng dài, mặc T-Shirk quần zin, và rất mong ngày hạ huyệt với kèn saxo, dàn trống Yamaha và một cây Đại Huyền Cầm búng dây nổ rền rền thứ thanh âm của sấm chớp. Chỉ sợ chưa đến mùa giông. Nhưng đã đến lúc chúng ta nên thòng dây buộc áo quan tiễn vào lòng đất một thời đã 50 năm xa xưa. Và nếu thật sự làm được như vậy trong Thơ, thì chỉ khi đó những nhà thơ hậu Nhân Văn mới đáp đền mong đợi của những kẻ đi trước vẫn cứ còn sốt ruột đợi ba thước đất vùi mình. Để cho nàng Thơ tiếp tục *bay cho cao, bay cho xa,* như ước vọng Lê Đạt trong Giai Phẩm Mùa Xuân Tết Bính Thân 50 năm về trước.

Nam Dao

Đón đọc tập bút ký:
NAM DAO
những con người, những bóng ma

để cảm nhận những nghệ sĩ vang bóng: Nguyễn Tuân, Văn Cao, Trịnh Công Sơn, Bùi Giáng, Trần Dần, Hoàng Cầm, Phùng Cung, Lê Đạt... Và hiểu thêm những trăn trở về một thời hiện còn vắng bóng con người giữa những bóng ma ám ảnh.
Nhà xuất bản Văn Mới, 2006

TRẦN MỘNG TÚ

cali sương và mây

Sáng nay tôi thức dậy ở Sammamish
nhìn ra ngoài khung cửa
sương phủ kín mặt hồ
những mái nhà còn ngái ngủ
con đường nhỏ vắng im
tôi thinh lặng nhìn một ngày đang tới
lòng mềm như sương và trí loãng như mây

Tôi nhớ đến Cali vừa bỏ lại sau lưng
ngày hôm qua ở nhà Chi Giác
ngày hôm kia ở nhà Yến Loan
tiếng nói khẽ
nụ cười gượng nhẹ
lời hỏi han rụt rè
hai căn buồng nhỏ
hai chiếc giường
hai người đàn bà đi qua đi lại
họ giơ tay níu một sợi vô hình

Tôi nhớ đến Cali vừa bỏ lại sau lưng
những giọt rượu vang sóng sánh trong ly
đổ ràn rụa lên tiếng hát Trúc Chi, Thơ Thơ, Nguyên Hương, Phạm Xuân Đài
nhuộm đỏ thắm nụ cười Đỗ Quỳnh Dao từ phương xa tới
họ quên mất thiên thu
ngửa mặt rót hạnh phúc khoành khắc vào lồng ngực nhỏ
chữ nghĩa lăn vào một nơi vô định

Tôi nhớ đến Cali vừa bỏ lại sau lưng
như nhớ một người tình
lòng mềm như sương và trí loãng như mây.

Trần Mộng Tú

ở nơi đó

HOÀNG NGA

Ở nơi đó phía trước có đường Lê Lợi
Phía sau đường Duy Tân, trên rộng mở bầu trời
Thuở nào lớn ngồi cứ mơ đi tới...
NNA

Chàng đưa tôi về Los Angeles từ sáng sớm bằng con đường chạy dọc theo bờ biển. Pacific Coast. Chàng nói và chỉ cho tôi thấy bảng tên đường. Gió thổi mát rượi từ bên ngoài xe vào chỗ chúng tôi ngồi. Tháng Chín, mùa thu ươm ướm về trên những cây phong bắt đầu chuyển sang màu đỏ thẫm thỉnh thoảng tôi trông thấy từ sân nhà ai đó. Chàng bảo chàng đã muốn đi một vòng như vậy dẫu đường sẽ xa hơn, chỉ vì muốn cho tôi nghe lại mùi muối biển và nhớ về thành phố chúng tôi từng sống những ngày thơ ấu. Khi chạy ngang qua các dinh thự trồng bông giấy rực rỡ cùng những hàng tigôn và tường vi hồng thắm leo đầy trên giậu, tôi bỗng nhớ đến một người bạn cũ, nhà cũng lao xao hoa giấy đỏ ven rào, mà tự dưng lòng trở nên ngậm ngùi. Tôi tự hỏi không hiểu sao thuở đó tôi và chàng đã không nhìn thấy nhau, không có dịp đi cùng nhau một đoạn đường thật đằm thắm ở thị xã ấy, để giờ đây tôi được gọi chàng bằng hai tiếng người xưa, hai tiếng cố nhân dễ thương, như tôi từng gọi bạn tôi lúc gặp nhau như vậy.

Thành phố nơi chàng đang cư ngụ, mùa thu không như mùa thu Đại Tây Dương se sắt lạnh của tôi. Mây không xuống thấp đến độ tưởng chừng có thể với tay chạm được đến trời. Đó đây chỉ những cụm mỏng mảnh như

sương, nhẹ nhàng trôi trên bầu trời xám dịu. Gió cũng chỉ tương tự những hơi thở ngọt của chàng trên cánh tay tôi để trần.

Hôm qua chàng nói với tôi, bước đi hơn nửa cuộc đời, chỉ một ước mơ duy nhất, một ước mơ bình thường, nhỏ bé, luôn luôn canh cánh cưu mang trong lòng, là được sống những ngày ấm êm, bình yên. Và chàng thở dài, ước mơ bé bỏng vậy, nhỏ nhoi vậy, mà dường như chưa bao giờ anh nắm bắt được trong tay. Dường như chúng chỉ là những đồng tiền trong giấc chiêm bao, dẫu có nắm chặt đến cách mấy đi chăng nữa, sáng hôm sau, cũng chỉ còn lại hai bàn tay trắng.

Khi chàng nói, giọng chàng tê tái buồn. Mặt chàng tê tái buồn. Nỗi xa xót không ngăn nổi, đọng lại trên ánh mắt, làm tôi không cần phải mường tượng, cũng có thể nhìn thấy những tháng năm hắt hiu chàng đã qua đi trong đời. Và cũng mới hôm qua, hôm kia gì đó, khi chở tôi đi một mạch từ bắc xuống nam, rồi nam qua trung, hai ba tiểu bang trong vòng chỉ vài ngày, một chặng đường có thể nói dài đến lạnh người mà dường như cả tôi lẫn chàng đều chưa thực hiện trước đó bao giờ, một cuộc hành trình làm hai đứa gần như không còn hơi để thở, lúc ôm tôi trong tay, chàng cũng đã nhắc đến một điều tương tự. Chàng bảo những phần đời đã qua đi với chàng, khi ngoảnh lại, niềm đau có khi vẫn còn có thể làm nhói lòng, làm đau đớn từng phần tế bào trong cơ thể như phát đạn, mảnh pháo nào đó đã ghim vào da thịt chàng những năm chàng còn nặng nợ núi sông. Và chàng đã thở dài, niềm vui, chắc có lẽ dị ứng với anh, nên chỉ xuất hiện ngắn ngủi rồi bỏ anh đi thật xa.

Những niềm vui, những hạnh phúc bé bỏng chàng thèm khát, mãi cho đến khi lang thang cùng với chàng, lên dốc xuống đồi như vậy, tôi mới hiểu ra, có khi chỉ giản dị là một câu thăm hỏi ân cần, một lời cám ơn dịu ngọt, một chăm sóc chân tình... Như vậy, chỉ vậy, mà cuộc đời vẫn trả treo, mặc cả với chàng.

Tôi trêu chàng, bảo vào thời buổi văn minh máy tính, bất cứ xã hội nào cũng đầy xáo trộn, cũng nhiễu nhương lắm nỗi, thì người ở hiền bây giờ chẳng còn được gặp lành. Và tôi cười, hỏi chàng không nhìn thấy chung quanh chàng, chung quanh tôi, cận thân chàng, cận thân tôi, những kẻ gây sóng gió cho cuộc đời, vẫn sống cách nhẹ nhàng, thoải mái trong khi hai đứa lại bôn ba lận đận chẳng ra gì hay sao. Chàng thở dài. Tiếng thở dài nặng trĩu đến nỗi tôi phải giật mình, nhận ra tôi đã đi quá trớn, đùa không đúng lúc, đúng chỗ.

Tôi lặng người đi một lúc rồi khẽ nắm lấy hai bàn tay mềm ấm, dịu

dàng nhìn chàng, cố gắng làm không khí nhẹ nhàng đi bằng câu hỏi, vậy những ngày chàng bên tôi, những ngày duổi rong cùng tôi, từ Munich qua Viena, từ San Jose về Las Vegas, rồi từ Arizona về quận Cam... vừa qua, không làm chàng vui hay sao. Chàng cười. Nhỏ nhẹ đáp. Chỉ những ngày tháng bên cạnh em, chút hạnh phúc mới như những hạt mưa tưới mềm xuống mảnh đất cằn khô đời anh.

Dọc đường từ Las Vegas qua Arizona, thời tiết nghe nói bắt đầu dịu xuống, bớt oi bức hơn, nhưng trên nhiệt kế, con số bảy mươi vẫn không chịu đứng nguyên một chỗ, mà tăng dần, tăng dần. Cho đến lúc trên chín mươi độ Fahrenheit, thì tôi bắt đầu trở nên ngộp thở. Nắng thiêu đốt. Nắng như nung chúng tôi trong lò lửa. Đã vậy, chiếc xe chàng, bỗng dưng lại trở chứng, máy điều hòa không khí ngừng hoạt động ngay lúc chúng tôi vừa khởi hành. Nắng, và nóng, khiến chàng lo lắng, hỏi đi hỏi lại mãi tôi có chịu nổi, có kham được thời tiết khó chịu như vậy không.

Đi với nhau, một đoạn đường vài nghìn dặm, mây lờ lững cuối trời, cỏ cây hai bên đường cháy úa, gió hiếm hoi lắm mới phả chút hơi mát vào mặt, nhưng giọng ân cần chăm sóc của chàng làm tôi cảm động. Tôi nắm lấy tay chàng, cười trêu, với anh, thì cùng trời cuối đất, em cũng chịu được.

Với chàng, tôi yên tâm. Sự thân quen, gần gũi đến với tôi, như tự lăng lắc, thuở xa xôi nào mà không cần phải nêu ra nguyên cớ, lý do, tại sao, bởi vì đâu. Tất cả mọi điều, mọi diễn biến đã xảy ra, đã đến, cứ như một lẽ tự nhiên nào đó của đất trời. Sự lý giải, có lẽ chỉ là một điều thừa. Có lần tôi nói với chàng, giữa chúng ta, là xứ mình. Giữa tôi với chàng, là nơi đó. Là những con đường, những ngóc ngách chúng tôi từng đi qua trong đời.

Tôi chỉ cho chàng thấy đám xương rồng phơi thân trên những bãi đất nâu nâu vàng giữa sa mạc, hỏi chàng có nhớ con đường từ nhà tôi đổ ra biển ở thành phố ấy hay không. Chàng gật đầu.

Con đường dài, mùa hè loang loáng như ướt nước. Sức nóng dội từ trên cao xuống làm mọi cảnh vật trở nên lung linh, nhòe nhoẹt. Con đường, nối ngoại ô với thành phố của chúng tôi ngày xưa, một bên là chỗ chứa rác, một bên là nghĩa trang. Cả hai bên, bên nào cũng đều buồn thảm giống hệt nhau. Cũng trơ vơ gần vệ đường những cây xương rồng thấp lè tè, xanh bạc, như không đủ sức lớn. Cũng tróc lở những mảng xi măng ngăn lòng, lề đường. Cũng ngai ngái mùi đất cát và phân người, phân súc vật...

Ngày còn tiểu học, tôi và nhỏ em thường hay xin đi thăm cậu mợ ở mé đường ra biển. Trưa, vẫn cái nắng chang chang trên đường, vẫn hơi nóng

hâm hấp phả xuống mặt đến rát bỏng không khác gì nơi tôi và chàng vừa đi qua, vậy mà thuở ấy, tôi lại cứ thích lội bộ, thích trải đầu trần. Nên tôi vẫn thường hay ra sức dụ dỗ nhỏ em, sẽ mua kẹp tóc, ruban xanh đỏ đủ loại cho nó, và hứa khi băng ngang qua nơi đầy mồ mả ấy, sẽ cùng chạy thật nhanh với nó.

Con nhỏ em tôi, mấy chục năm sau, mỗi bận nhắc lại chuyện cũ, vẫn không hiểu nổi tại sao tôi đã không muốn leo lên xe xích lô, hay đi xe lam ra thăm cậu mợ cho khỏe. Vẫn không tin nổi được lội bộ đi dưới cái nắng chang chang ấy, lại là một trong những ý thích rồ dại của tôi. Và tôi, cũng mấy chục năm sau, mãi, vẫn chẳng thể giải thích được cái cảm giác sung sướng, tê dại của mình khi được rẽ vào con đường rợp bóng cây, lúc đã đi hết một đoạn đường mòn mỏi, nóng bỏng, cộng thêm một đoạn chạy thục mạng ở phía ngoài lộ chính như vậy. Và hẳn nhiên con nhỏ em tôi càng không thấm thấu hết được cái xúc cảm cuồng điên của tôi trước mùi mặn nồng của biển, hơi hướm thơm tho của hương muối theo gió từ xa xa đưa vào.

Tôi nói với nó, nếu đánh đổi được một ngày xưa thân ái ấy bằng tiền bạc, hay bằng vật báu nào đó tôi hiện đang có, dám tôi cũng bằng lòng. Con nhỏ em tôi cười, lắc đầu.

Và tôi nói với chàng, tôi cám ơn chàng. Về đoạn đường dài dằng dặc chàng đưa tôi đi từ San Jose về Las Vegas, rồi từ đó qua Arizona cho hai chị em nhìn thấy nhau, cười với nhau, nhắc với nhau những kỷ niệm đã mịt mù, tít tắp thời thơ ấu. Cùng tận trong tâm tôi, tôi muốn nói với chàng, hơn trên những điều ấy, tôi cám ơn chàng vì dường như chính chàng đã dẫn dắt tôi về nơi chốn cũ, về thành phố thương yêu một thời của chúng tôi, bằng hương biển buổi sáng ở LA, bằng cái lắng nghe chân thành từ chàng qua những câu chuyện, những kỷ niệm vụn vặt tràn đầy tiếng cười của chị em tôi.

Cuối tháng Chín, dòng sông chảy quanh thành phố ấy, phù sa thường dâng lên đục ngầu. Chiều chiều tan học, tôi và đám bạn nghịch ngợm vẫn hay trêu nhau, mưa thì mưa, gió thì gió, cả bọn cũng phải cố gắng bằng mọi cách vờn bay áo trắng, tóc lưng dài trên con đường bên sông, cho các chàng thi sĩ nhìn ngắm mà về làm thơ. Cái thành phố, có thể thật tẻ nhạt, không gợi lên sắc màu đáng nhớ cho những ai chợt đến chợt đi, nhưng với tôi, với chàng, nơi ấy thật như một vùng đất thánh chứa đựng những dấu tích không bao giờ có thể quên được trong đời. Đã có những đêm hai đứa nằm gối đầu lên tay nhau, kể lể chuyện nắng mưa thời tiết, chuyện những con đường những góc phố đã đi qua, chuyện những hàng những quán, những

kỷ niệm ngọt ngào ở nơi đó, tưởng đến không bao giờ dứt được.

Tôi bảo chàng, thành phố ấy, thật sự tôi chỉ sống và lớn lên chừng mười mấy năm, chỉ vừa đủ lớn để biết khóc khi lũ cây kiền kiền xanh lá trước nhà đẹp như mơ bị đốn ngã, để ngẩn ngơ lòng khi không còn trông thấy ngọn núi Hải Vân xa xa giăng mây trắng dễ thương như tranh vẽ, hay để biết khóc khi chẳng còn được đi trên những con đường chạy thẳng xuống bờ sông. Những tháng những năm ngắn ngủi, cất trong hành trang ngày ra đời chỉ là mớ kỷ niệm nhỏ nhặt, lẩn quẩn với bè bạn thời còn trung học, chẳng hề đánh một dấu mốc quan trọng nào, chẳng hề làm nên tên tuổi, sự nghiệp nào, vậy đó mà mỗi khi nghe có ai nhắc đến một lộ trình tôi vẫn về qua hằng ngày, nghe có kẻ biết những hàng quán cà phê tôi từng đến, hay có ai đó quen với người sống cùng thời với tôi..., là lòng tôi lại quặn đau như kim châm muối xát.

Kể từ khi xa thành phố ấy, bè bạn không có đứa nào sống cạnh bên để đùa trêu nhau nữa, cũng không hề mường tượng có người sẽ làm thơ tình cho mình, nhưng chỉ trừ những lúc bị buộc không được tự do chọn lựa nơi cư trú, thường, tôi vẫn tìm những căn nhà nằm cạnh dòng suối, ven bờ biển, hay dọc theo một con sông nào đó. Và hầu hết những nơi tôi đã sống, đều phảng phất một trong những nét quen thuộc của những nơi tôi từng qua đi ngày thơ ấu. Đã có những lần đi mướn nhà, tôi vội vã ký hợp đồng mà chẳng cần để ý bên trong đẹp xấu như thế nào, chỉ vì chợt nhìn thấy hàng cây trúc đào trồng trước sân giống hệt như hàng trúc đào trước phòng khánh tiết trường tôi nhìn xuống mặt sông thuở xưa, chỉ vì con đường nào đó về qua phố phảng phất chút dư hương cũ...

Từ Las Vegas qua Arizona, núi không chập chùng, dốc không thăm thẳm, đèo không vời vợi, tuy nhiên vẫn đồi, vẫn núi liền san sát nhau, nên hành trình của chúng tôi vốn đã dài, lại như càng lăng lắc mờ xa thêm. Nhưng giữa đất trời bao la như vậy, giữa những cảnh vật chung quanh tuy không quen thân, mà cái đẹp của thiên nhiên cũng làm chúng tôi cảm thấy bồi hồi. Hai đứa lại liên tưởng, lại nói với nhau về những nơi chốn cũ ở quê nhà. Chàng chỉ cho tôi thấy một dãy núi xa xa, bảo giống hệt Ngũ Hành Sơn. Và kể, chàng vẫn chưa thể nào quên được cái cảm giác của lần về từ quân trường Nha Trang, chợt nhìn thấy trong chiều tà một hình ảnh tương tự, mà lòng rộn rã, ngất ngây vô kể, chỉ muốn được chớp mắt, hóa thân như truyện thần tiên, để có mặt ngay tại thành phố ấy.

Từ thành phố ấy của chúng tôi, lên thượng nguồn, ngày còn binh lửa,

có những nơi chừng như chỉ sót lại đất và đá ở hai bên đường. Vài nơi thành chiến địa, bị tàn phá hoàn toàn bởi vũ khí đạn dược của cả hai bên. Những nơi trở thành vùng oanh kích tự do mà tôi chưa từng đặt chân đến, nghe kể, đã không hề có một bóng cây, một chút màu xanh của lá, và như không hề có mầm sống nào bởi chỉ trơ vơ những ngọn đồi trọc. Vào sâu hơn, chỉ vài mảnh rừng với lơ thơ những bóng cây cụt ngọn điêu tàn.

Ngày tôi còn nhỏ, thỉnh thoảng bè bạn, bà con của mẹ tôi từ quê ra thị xã, vẫn thường mang đến tặng đủ loại trái cây. Trong ấy có một thứ tôi rất thích, gần như hoàn toàn không mua được ở thành phố. Sim. Sim tím. Một thứ cây trái không lấy gì làm đặc biệt, mùi vị cũng bình thường, chua chua ngọt ngọt như nhiều loại cây rừng khác, nhưng hầu như ai cũng biết tên. Hầu như ai cũng từng nghe đến, không biết có phải vì màu tím của hoa và trái, vì bài thơ của Hữu Loan, vì bài hát được phổ từ thơ hay chăng... Và tôi, không biết tôi mê màu sim tím tự thuở nào. Ấu thời. Hay niên thiếu. Nhưng lớn lên, khi đã trải qua những bước chông gai, mẹ tôi vẫn thường bảo có lẽ đường đời tôi không được vui vì ngay từ nhỏ đã thấy có những dấu hiệu u tịch, buồn bã, qua thứ sắc màu tôi thích như vậy.

Tôi thích hoa sim, thích lá sim, thích màu tím núi rừng. Cái màu sim, chắc có lẽ vương thứ nắng chiều hoang biền biệt, nên bên trong ngăn ngắt tím, bên ngoài vỏ lại phơn phớt chút bụi phấn trắng. Có những hôm may mắn, tôi còn được chiêm ngưỡng cả màu xanh của những chiếc lá xanh bé nhỏ xinh xắn như lá ngâu, dính liền gần nơi cuống. Lần nào quà có sim, tôi cũng nhận được phần nhiều; tuy nhiên dần dà về sau, khi chiến trận càng ngày càng khốc liệt, những người thân của mẹ tôi từ quê ra phố chỉ còn mang theo được khoai bắp phơi khô, mít non, hoặc đường tán, loại đường mía nguyên chất đổ bằng chén ăn cơm mà ở thành phố cũng không mấy ai mua bán, thì tôi mất hút luôn bóng dáng quả sim núi Quế Sơn. Mất hút luôn cái bồi hồi được ve vuốt, ngắm nhìn. Mấy mươi năm trôi đi, cũng như bao người, tôi chỉ còn được ngậm ngùi hát lên câu hát, ngâm lên câu thơ, chiều hành quân qua những đồi sim...

Đi với chàng, những nhắc nhớ gì về ngày tháng chàng còn xông pha nơi trận địa, những địa danh quê nhà tưởng đã quên mất bỗng òa vỡ ra trong tâm trí, khiến nỗi khát khao thèm được có lại trong tay những quả sim bé bỏng, mềm mại ấy, tự dưng chợt trở về với tôi. Tất cả các tình cảm vụn vặt về thời thơ ấu, thời thiếu nữ bỗng bừng lên trong tôi như có người kéo tấm màn sân khấu, soi rọi ra một khoảng không gian thật đẹp mắt.

Con sông dòng suối, lờ lững chảy qua nhiều nơi, nhiều chỗ, nên có đôi khi chẳng hề gợi nhớ, chẳng để lại gì trong lòng một con người. Hẳn nhiên cũng chẳng kết thành kỷ niệm, soi rọi vào ký ức của con người ấy. Và nếu không muốn nói sự có mặt của chúng, có lúc còn mờ nhạt, thậm chí mờ nhạt hơn cả một tòa nhà tráng lệ, một dinh thự nguy nga, hay một quán một hàng mà con người ấy đã từng nhìn thấy...

Tôi và chàng, sống ở thành phố ấy, hoàn toàn đã giống mọi người khác, không kể thời gian còn ít ỏi nữa là khác, nhưng thỉnh thoảng hai đứa vẫn nói với nhau, rằng tiếng phà chiều ngang qua dòng sông cũ của thị xã chúng tôi, thật ra chẳng có gì đặc biệt, thật ra chỉ là những âm thanh đùng đục không gợi cảm, không thiết thê, vậy mà đã bao nhiêu năm qua đi, chúng tôi vẫn canh cánh trong lòng một nỗi nhớ. Vẫn cưu mang, vẫn hoài niệm, vẫn xót xa buồn. Và đâu đó, vẫn nhói đau đến cùng tận khi nghe người ta đã thay những chuyến phà sang sông ấy bằng một chiếc cầu nối liền hai bên thị xã. Lòng chúng tôi đã tái tê quặn thắt khi biết rằng cái âm thanh không gợi cảm, không thiết thê nhưng quyến rũ chúng tôi cách lạ kỳ đó, chỉ còn nằm lại trong ký ức, trong những câu chuyện kể, và trong những tiếng thở dài thương tiếc của chúng tôi.

Có một lần, khi tôi và chàng ngồi nhắc với nhau về ngôi trường cổ kính của chàng, về chiếc cầu vồng dễ thương rợp áo trắng những chiều tan lớp, về một góc phố có cái tên chợ Vườn Hoa thơ mộng..., hai đứa bỗng không cách gì cầm được những hạt nước mắt rưng rưng trên mi. Lòng đứa nào cũng như vỡ tan ra bởi những dấu tích của ngày thân ái xưa ấy của chúng tôi hầu như chẳng còn lại gì. Tôi kể cho chàng nghe lần trở về thị xã, tôi đã đứng sững người, nhìn lặng vào bên trong cổ viện, nơi tôi và đám bạn cũ vẫn thường lang thang vào nhặt hoa sứ, bây giờ đã trở thành chỗ ngắm nhìn, thưởng ngoạn cho khách du lịch. Nơi đang hợm hĩnh các kiểu bày biện, kinh doanh. Tôi đã kinh ngạc đến bàng hoàng khi nhìn thấy các bức tượng Chàm với những nét huyền bí lạ lùng, một thời hấp dẫn không chỉ lũ con nít chúng tôi mà còn cả người lớn, đã được trùng tu, sửa chữa một cách hết sức cục mịch, lộ liễu. Cồ kim, đông tây, đá vữa, cứ thể như vừa chan chát đánh vào mặt nhau, vừa thô bạo, trơ trẽn muốn xấn xổ nhảy vào để đẩy những hình ảnh đẹp đẽ ra khỏi ký ức chúng tôi.

Nhiều lần chàng nói chàng tạ ơn đời bởi vì chàng đang có tôi. Tôi, cũng vẫn kiểu cà rỡn, không nghiêm túc chút nào của mình, trêu chàng, nếu chàng không từng được thở chung bầu trời với tôi mười mấy năm ở thành phố đó, chắc chắn chàng sẽ chẳng bao giờ có cái may mắn tạ ơn ấy.

Nghe, chàng gật đầu, tự giễu mình thuở đó sao khờ dại không chịu thả bộ dọc theo bờ sông, không chịu đạp xe về ngang qua trường tôi học, cũng không chịu ngồi trước sân nhà để nhìn thấy tôi ngang qua ngõ nhà chàng. Nhưng một hồi sau, chàng đùa lại, bảo còn tôi, thì đã để uổng phí bao nhiêu năm tóc lưng dài áo lụa, uổng phí bao thời gian điệu đàng bởi vì chàng đã không thèm có mặt tại các nơi ấy để ngắm nhìn.

Tôi nói đùa, chàng nói đùa, tôi giễu, chàng giễu, nhưng đâu đó, sâu thẳm trong chúng tôi, cả hai đứa đều biết rằng, cái thành phố ven sông ấy, cái khung trời dễ thương ấy, cái quá khứ mang thời yêu dấu tuy chúng tôi đã không được sẻ chia với nhau ấy, hẳn đã là một gạch nối, liền lạc chúng tôi lại với nhau.

Hơn nửa đời người, mỗi đứa một cuộc sống, mỗi đứa một oan nghiệt cưu mang trên lưng, mỗi đứa một ngày dài buồn tủi, buồn tủi như số phận của đất nước, của dân tộc, của triệu triệu con người, những niềm vui lớn, như chàng nói, đã không đến cùng chúng tôi, mà cả những nhỏ nhoi tầm thường cũng vượt ra ngoài tầm tay, chúng tôi thường nói với nhau, hai đứa không có quá khứ chung cùng, không hiện tại để gánh vác và cũng chẳng tương lai để cưu mang, nên chúng tôi chia sẻ với nhau những tình cảm đậm đà về một nơi chốn yêu thương của chúng tôi để gần gũi nhau. Nghe, có thể khó mà hiểu nổi như con nhỏ em tôi đã không hiểu nổi cái ý muốn rồ dại của tôi ngày thơ ấu, nhưng tôi tự hỏi, giữa những lạnh lẽo, tẻ nhạt của đời sống tha phương, khi bắt gặp sự ấm áp, nồng nàn, không phải đã là một niềm hạnh phúc quí hiếm hay chăng?

Hoàng Nga

(để nhớ những ngày lang thang ở Mỹ)

Tìm mua, tìm đọc tác phẩm thứ sáu của
nhà văn HOÀNG NGA
ừ thôi kiếp sau em nhỏ
tập truyện
Làng Văn xuất bản
Sách dày 270 trang. Giá 14 Mỹ kim

căn phòng không mái ngói

LÊQUỲNHMAI

Căn phòng không bao giờ tối. Anh nói với tôi trên điện thoại cầm tay khi đến thuê nhà. Một phiến đá xanh hình khối đối diện với bức tường chạy dọc những thanh gỗ đỏ bóng sơn mài. Hai vách còn lại phủ vôi trắng ngà.

Ngộ nghĩnh nhất là căn phòng không có mái ngói.

Lần đầu tiên nền nhà phẳng tựa mặt biển. Tôi bỡ ngỡ trước khoảng trống bên trên mặt nệm. Khoảng trống kỳ lạ cao vút lên đến trời. Khi khép cửa tôi biết mình sẽ tự do đến tận cùng.

Những ngày sau anh luôn luôn đến trước bởi dấu tích thu dọn sạch như căn phòng vừa xây cất. Ấn tượng mới lạ làm tôi thích thú vì mang cảm giác làm người tình thứ nhất. Giống bàn cờ anh mới bày lại thay ván bài vừa xóa xong. Tôi cố tìm xem không gian ngộ nghĩnh này còn chứa những âm thanh nào khác bởi lẽ chỉ muốn căn phòng vĩnh viễn chứa mang âm thanh của chính mình. Tôi đa nghi rình rập những tiếng kêu trên bốn bức vách như một kẻ đa nghi muốn kiểm chứng lại từng tiếng động đã phát ra từ cơ thể mình.

Căn phòng không có gì khác ngoài mặt nệm. Tôi hiểu chủ đích của anh trông chờ tôi lấp đầy mặt nệm. Tôi chỉ băn khoăn với nền trời xanh nhạt lung linh bên trên.

Tại sao anh lại chọn một căn phòng không mái ngói?

Đám lá cây rì rào xào xạc chung quanh bên ngoài căn nhà như nhịp điệu thu tàn của bản nhạc thật xưa cũ. Tôi tiếp tục đứng im dù biết anh đang nhìn ngắm. Tôi yên lặng tận hưởng những giây phút được một người đàn ông theo dõi. Những giây phút chót cùng của tự do mà tôi biết sẽ bị anh tước mất. Rồi tôi đi rảo khắp phòng mở các cửa chắn thông sang phòng khác. Mở toang các cửa tủ chìm trong tường. Cho tới khi bàn tay tôi chạm vào lớp vải nhung rồi kéo rèm khám phá anh ở đó. Tôi thích trò chơi trốn

bắt. Chúng tôi đuổi theo những chiếc bóng hoặc hơn thế nữa truy tìm tông tích của chính mình. Đôi khi những trò chơi đầy vẻ bệnh hoạn nhưng lần nào chúng tôi cũng tự nhủ là cần thiết.

Một lần tôi đánh dấu hỏi nhu cầu nào mới thật cần thiết. Anh trả lời tự khám phá là mục đích duy nhất. Anh tự khám phá anh qua tôi và ngược lại. Những kiểm nghiệm chỉ có hiệu quả khi xuyên qua thân thể kẻ khác. Anh trói tôi khi nói điều đó.

Mỗi khi bị trói trên mặt nệm tôi luôn luôn ngửa mặt lên trần tìm lối thoát. Căn phòng không mái ngói thả ánh sáng làm lóa mắt vừa gợi cảm giác có kẻ nhìn trộm. Chính cảm giác ấy ám ảnh tôi những lần bị trói. Tôi nghĩ một bầy đàn ông trên mái đang ngồi vây quanh lỗ thủng nhìn xuống mặt nệm và nhòm ngó xuống thân thể mình không mảnh vải.

Những ý nghĩ lộn xộn không ngăn được tôi thích thú nằm dưới khoảng trống nhìn lên mây trắng. Ở đó có những khuôn mặt méo mó dị dạng rồi những hình thù ngộ nghĩnh lẫn lộn trong các cụm mây mà tôi chưa bao giờ trông thấy. Chúng ẩn hiện chơi đùa đôi khi trêu chọc. Chúng giải khuây cho tôi những khi bị anh trói chặt rồi bỏ đi nhiều giờ liền. Thân thể tôi bị quấn bằng dây trói và trí óc tôi vẩn vơ với ý nghĩ đã trao thân cho một kẻ điên rồ.

Ý nghĩ không làm tôi sợ hãi mà chỉ thắc mắc tại sao tôi không kháng cự lại và tại sao căn phòng tiếp tục sáng rực khi nắng chiều mất hút? Ánh sáng đến nhức mắt làm thị giác tôi tối sầm. Rồi tất cả sáng lại từ từ. Rồi tôi thấy anh. Thấy cả chính mình đang ở trần cho anh ngắm. Tôi thấy cả làn da mình giống như tôi đang đứng bên cạnh tấm nệm nhìn người đàn bà bị trói trên đó. Tôi thấy làn da mình vẫn tiếp tục hô hấp đều đặn không e ngại. Tôi thấy ngực tôi phơi trần căng đầy không ngượng nghịu. Ngực tôi khoe các tế bào li ti quanh đầu vú. Chúng không hổ thẹn mà chậm rãi tự vệ trước ánh mắt kiên nhẫn của anh. Chúng không gìn giữ mà dâng mời bằng cách sở hữu ngược lại đôi mắt ấy. Cho đến khi anh chợt nhận ra đang bị chúng tước hữu chính tròng mắt của mình. Cho đến khi anh thúc thủ phải nhìn sang phần thân thể khác. Hai bầu ngực tôi mới ngừng phập phồng. Chúng đã chiến thắng oanh liệt trong kiêu hãnh thỏa mãn.

Tôi nói với anh ngực tôi là một vật thể độc lập. Anh không thể chiếm hữu. Anh đã chứng kiến điều đó. Chúng nảy nở và sinh sống tách biệt. Chúng nở nang tự hào không ai có thể làm chủ được chúng. Chúng có đời sống riêng biệt. Tôi chỉ là một cái tên. Chúng mới thực sự là đàn bà.

Anh không chấp nhận thua cuộc. Anh tiếp tục nhìn giữa hai đùi tôi. Và

chúng lại mở rộng ra cho anh ngắm. Không phải anh đang bóc trần chúng bằng mắt mà chính chúng đang bóc trần mắt anh. Chúng đang nuốt lấy con ngươi anh vào bụng chúng. Chúng thả cho tôi tự tách rời ra khỏi chúng hay chúng đang tách từ từ ra khỏi tôi để tham dự vào trò chơi của anh? Dường như chúng nói không quan trọng. Điều quan trọng là chúng đã giúp tôi thỏa mãn những vị kỳ từ da thịt đến chính ánh mắt của anh. Chúng nói chúng còn nhiều quyền năng hơn thế nữa.

Tôi vẫn ngước lên trời xanh khi không thể làm gì khác. Anh trói nghiến tôi dưới nền trời biếc. Nền trời là màu nước biển hay biển hòa với nền trời làm một. Chính giữa là những hạt cát trắng bị gió thổi bay tứ tung trong khoảng không giống bụi phấn bị xóa trên bảng đen vào lúc tôi còn là thiếu nữ. Cũng ở chính giữa khoảng trống anh kéo thuyền giong buồm ra thẳng ngoài mặt nước. Hai chúng tôi bắt đầu cuộc đua và hăng hái say mê nhập cuộc. Tôi cột dây vào cổ chân bên trái như cột chặt cuộc đời mình vào khoang xuồng mỏng manh tựa tờ giấy. Thói quen bên trái từ lúc nào đã luôn dâng hiến trước nhất phần thân thể bên trái của tôi cho anh. Như một hôm anh bắt tôi nằm nghiêng cho anh lấy thắt lưng quất lên đùi trái. Tôi đau nhói mà kiêu hãnh. Nỗi đau từ phía trái hiểu ra không phải anh đang hành hạ tôi mà tôi đang điều khiển cánh tay anh. Chính tôi mới là chủ nhân của từng động tác còn anh phụ thuộc vào tôi hoàn toàn. Sau hôm đó tôi hay ngắm những vết bầm thâm tím giữa đùi mình thỏa mãn. Cho đến khi vết bầm ở đùi trái biến mất làm tôi luyến tiếc.

Căn phòng không mái ngói tiếp tục giúp tôi bay thoát. Tôi thấy mình bay lên cao trở về vùng biển nơi chúng tôi nhập cuộc lần đầu tiên. Anh giong buồm và tôi cột chặt chân trái. Khi tôi ngẩng đầu lên anh đã phóng nhanh đến phía trước tự lúc nào. Gió thổi thuyền ra khơi. Biển sâu thăm thẳm mang những đợt sóng đưa hai chiếc thuyền nhấp nhô lên xuống. Tôi tự do như ngọn gió mát đang thả mình rong chơi. Anh cũng như ngọn gió lướt lên thân thể tôi thật nhẹ nhàng rồi tung bay mất. Gió và sóng đến ồ ạt cùng một lúc. Nhẹ nhàng êm ái và nghẹt thở. Tôi chới với dưới lũ mây xanh biếc. Và anh đã đến đích trước. Thân thể tôi ướt đầm sau cơn sóng ập vùi xuống. Thuyền chòng chành trên mặt nước lao theo hướng gió. Tôi mang cảm giác bay tung lên khoảng không rồi bị ném xuống thật mạnh. Giống tôi đang lặn xuống đáy thật sâu dưới làn nước. Tôi ngạt thở muốn bất tỉnh. Cảm giác chết giấc nhanh chóng biến mất khi tôi cùng đám thực vật lượn quanh những cụm san hô óng ánh. Anh vớt thực vật trong vắt như thạch rồi phóng trở lên mặt nước thả lỏng nó trong lòng bàn tay. Mảnh

thực vật vô tội từ từ nhỏ lại và tan đi như khói. Khói marijuana. Khói đam mê cuồng nhiệt.

Tôi tự do như làn khói. Tôi tập hút cần sa bao giờ không nhớ rõ. Anh hay phả vào miệng tôi khói marijuana từ môi anh thơm ngai ngái. Tôi níu lấy môi anh để nuốt khói. Làn khói trắng đầy mộng mị trôi vào người tôi nhẹ bềnh bồng. Anh cùng với tôi bay lướt. Cảm giác chật khít khao thật thích thú khi mình vừa có thể gắn chặt vào một vật gì đó vừa bay bổng lơ lửng giữa phòng vừa nhìn xuống trông thấy chính mình bị cột trói. Cần sa giúp chúng tôi tự do vô hạn. Chúng tôi có thể nhào lộn trong không khí. Tuyệt diệu là những tư thế tưởng có thể gẫy xương lại vô cùng dễ dàng như với khói marijuana tôi có thể làm tất cả.

Có lúc căn phòng không mái ngói chợt rực sáng khi những giọt trăng rơi rải rác vào lối thoát duy nhất. Anh lại hiện ra êm ái trước mặt và kéo giật tay tôi lôi ra biển. Chúng tôi chạy dọc trên bãi cát trong đêm tối cho đến khi lao vào làn nước đen mù mịt. Chúng tôi chỉ tìm lại được nhau khi cả hai cùng trồi lên. Nước biển ấm như nhiều bàn tay êm dịu ấm áp đang mơn trớn thân thể tôi cùng một lúc. Chúng vuốt ve làm bầu vú tôi căng cứng và khoảng giữa đùi nơi đã mở ra cho anh ngắm bỗng tháo nước như muốn dâng đầy biển đêm. Cho đến khi tôi nhận ra đang vùi mặt vào anh. Cả hai chúng tôi đang trần mình cho trăng nhỏ từng giọt li ti lên thân thể. Sóng vẫn tiếp tục xô dạt những đợt nước đùa nghịch lên xuống trên bãi. Sóng nghịch ngợm với chúng tôi và chúng tôi nghịch ngợm với chúng tôi.

Tối ấy biển êm ngắm nhìn giọt trăng cuối cùng rơi qua mái tóc tôi.

Khi ngước mắt lên cao xuyên qua khoảng không lẽ ra phải là trần nhà trắng toát tôi biết anh đã biến mất. Buổi chiều hôm ấy sau khi ném thỏi son màu máu xuống hố sâu thăm thẳm tôi đã đi dọc triền núi xuống nghĩa trang nằm sau những bờ đá. Hồn tôi bỗng nhói nỗi hân hoan kỳ diệu khi nắng bắt đầu tàn. Giống cánh lá phong phải đỏ rực rồi mới chuyển sang vàng úa. Tôi dẫm lên xác nắng chết để đi đến cuối nghĩa trang gặp những ngôi mộ cổ. Rồi quay nhìn căn phòng không mái ngói giống như mình đang nằm nhìn lên trần và trông thấy ở đó mọc lên từng cây thập tự. Sự chết hiện hữu như một định luật bất biến. Tôi đang ao ước cái chết của thân xác mà anh không đủ sức ban phát.

Tôi tiếp tục nhìn lên trần. Tiếp tục thấy lại những hình thù kỳ dị bắt đầu biến dạng. Chúng nổi lên kỳ quái thành cụm xấu xí hơn bất cứ vật lạ nào tôi đã nhìn thấy trước đó. Tôi chưa biết anh sẽ dùng chúng để xâm nhập vào tôi. Anh vẫn luôn luôn tìm đến trước khi tôi lăn mình trên mặt

nệm. Trò chơi trói mình trên mặt nệm đã không còn hiệu nghiệm. Chúng tôi mở ván bài thứ nhất. Không bên nào thua. Cùng cởi một chiếc vớ. Ván thứ nhì tôi thắng. Anh kéo áo lên khỏi đầu. Ván thứ ba tôi lại thắng. Lần này chiếc quần jean bị kéo tuột khỏi xuống hai ống chân. Tôi thắng đến ván thứ năm thì mệt mỏi và tự động thua liên tiếp. Giống như cần thua để mỗi lần thua là mỗi lần thân thể tôi nhẹ hơn. Kể từ sau ván thứ năm chưa lần nào tôi thắng để nhìn thấy vật gì đó trên người anh bị vất tung xuống đất. Đến khi thân thể tôi không còn gì để trao tôi bắt đầu cá cược nữ trang. Cứ thế những chiếc vòng và dây cổ lần lượt rời khỏi tay chân cả phần ức trắng của tôi để rơi tung tóe khắp nơi trong giọng cười chế nhạo đầy ích kỷ mê hoặc của anh. Tôi như say rượu. Cơn say của kẻ bại trận và cơn say của kẻ chấp nhận làm nô lệ.

Trong cơn chếch choáng tôi chợt khám phá ra bụng mình đang chảy máu mang màu của thứ cocktail Bloody Mary mà cả đàn ông lẫn đàn bà đều ưa thích. Màu máu đỏ của đức mẹ Mary vừa loãng vừa đặc kích thích ánh mắt như chúng đang chảy từ những tế bào ký ức. Một ký ức vừa xảy ra có bầy đàn ông thay phiên nhau nhìn qua lỗ hổng và có những làn roi vọt ngọt như mật làm tôi bối rối. Nhưng bối rối ấy chỉ thoáng qua khi cảm giác thỏa mãn chiếm ngự trở lại lý trí.

Tôi nằm im chờ đợi. Tôi biết anh thích vút roi lên đầu vú cho đến khi bầu vú lằn roi. Tôi biết anh thích lấy khối xấu xí kỳ dị trên trần lục lọi cho đến khi tôi chảy máu. Rồi anh sẽ cào xước cánh hồng xâm dài dưới thắt lưng cho đến khi búp hoa trầy rách. Tôi biết cảm giác đau đớn sẽ cùng cực. Hình như tôi đã không ngăn được tiếng la hét vang vang lên trần. Bên trên tấm gương khổng lồ màu da trời phản chiếu kỳ quặc hình ảnh trái ngược lõa lồ của một cánh lưỡi mềm giữa khoảng lông ướt như bông gòn nhúng nước đang được vuốt ve bằng hai bờ môi ấm. Tôi không cưỡng nổi bản năng tự nhiên của động vật cố tình dang chân thật lớn để trông thấy mình trên trần. Hình ảnh làm tôi thỏa mãn đến chết ngất khi nước bắt đầu tràn ra như sóng. Bồng bềnh rồi kiệt quệ.

Kỳ lạ là tôi đã không trông thấy anh mà chỉ thấy thân thể của mình với bầy đàn ông dị dạng. Sau đó tôi nói với anh cảm giác mãn nguyện về những gã đàn ông đang nhìn từ trên cao xuống. Rồi chìm vào giấc ngủ nhẹ hẫng khói marijuana làm say sầm. Khi tôi tỉnh giấc anh đã biến mất.

Tôi tiếp tục tự trói và ngắm mình đang ngửa mặt nhìn lên lỗ hổng. Chờ đợi là bản án tử hình đợi ngày hành quyết. Tôi tự hỏi sẽ làm gì cho qua thời gian chờ đợi. Ý nghĩ ấy làm tôi tiếp tục nhìn lên tấm gương khổng lồ. Lần

này bụi tuyết bay lơ lửng trên cao như những cánh hoa giấy nhảy múa theo hướng gió. Tôi thấy anh nắm tay tôi kéo giật mạnh xuống. Mặt đất phủ đầy tuyết in hình thân thể chúng tôi như bức tượng đắp bằng thạch cao trắng toát. Cơn bão bắt đầu kéo đến. Càng lúc càng giống như một lớp bông gòn dày mịn. Tuyết vừa rơi ấm và mịn. Tuyết sẽ đông cứng vào những ngày kế tiếp. Tôi cũng như tuyết. Thân thể sẽ lạnh băng. Tôi đưa tay sờ bầu vú xem đã đóng băng chưa. Và chúng trả lời vẫn còn khả năng sống sót.

Buổi tối hôm ấy tôi chỉ nhìn thấy một màu đen khủng khiếp trên trần nhà. Cơn bão có lúc chững lại nhưng trời càng lúc càng lạnh buốt. Tôi vẫn tiếp tục dang hai chân bị trói nhìn lên nền trời thăm thẳm và tự hỏi tôi đang làm gì. Tiếng nước chảy trong bồn tắm dần nhỏ lại như muốn tràn ra. Tôi nằm im thử tìm lại cảm giác bị ngộp nước của lần đã tự nguyện cho anh trấn nước lúc làm tình trong buồng tắm. Nhưng chỉ vài phút sau tôi bật người ngồi dậy leo vào bồn nước ấm Eucalyptus spearmint rồi bất chợt tỉnh táo ngửi thấy mùi lá khuynh diệp hăng hắc của khu rừng vây quanh. Khu rừng không có anh và con gấu nhồi bông bên cạnh. Khu rừng thở chậm rãi như tôi dần nhận ra tôi sẽ không bao giờ có một mái nhà. Tất cả những căn phòng tôi đã sống chưa bao giờ có trần mái. Chúng hiện diện trống rỗng và ích kỷ. Chúng xây cất thiếu hoàn chỉnh. Chúng là tôi. Chúng là những thập tự mà tôi tự cắm cho nghĩa địa của mình. Tôi tìm lại cơn nhói đau về nỗi hân hoan kỳ diệu của cánh lá phong phải đỏ rực rồi mới vàng úa.

Mùa hè kế tiếp kiến trúc sư của thành phố sẽ chuẩn bị đánh số thứ tự dãy phố mới. Ngôi nhà có căn phòng không mái ngói đầy ngộ nghĩnh lẫn vào trong những ngôi nhà đang được xây cất dở dang. Những ngôi nhà giống nhau như khuôn đúc.

Tôi sẽ ở đó cho đến khi bước ra để tất cả mọi đàn ông nhìn ngắm.

Lê Quỳnh Mai
New Jersey. Newark Airport
ngày 17 /02/ 2006

TÌM ĐỌC

tác giả với chúng ta
LÊ QUỲNH MAI

KHỞI NGUYÊN xuất bản.. Đã có bán tại các nhà sách

lãnh cảm

NGỌC ANH

Tôi thường nghe nói về cái biết của con người đối với sự việc như thế này: giữa hai điều biết và không biết, con người nên nghiêng hẳn về một phía. Biết hoặc không biết. Đừng ở giữa; biết không hẳn là biết, mà không biết cũng chưa hẳn là không biết. Tôi nghiệm thấy đúng. Không biết thì không lo. Biết rất rõ, ắt chọn đúng đường mà đi; lỡ chọn nhầm cũng biết tìm sang đường khác. Đằng này cứ như tôi, biết kiểu dở dở ương ương, nên có dạo cứ mãi phập phồng, bỏ mối lo thì không được, mà giữ nó thì chẳng biết phải lo như thế nào, giải quyết ra sao, nên cứ quay quắt mãi, có lúc tưởng đã rơi vào tà niệm.

Tôi hơn ba mươi tuổi, ở Việt Nam, con gái tuổi này bị xem quá thì. Được cái tôi sống ở Mỹ, nhưng dầu ở đâu, thì cái tuổi trên ba mươi, tôi khó bảo rằng không biết gì về thân xác mình và thân thể của người đàn ông. Nhưng tự hào biết rõ, tôi lại thấy mình mù tịt, và thà rằng hoàn toàn không biết, có lẽ tôi sẽ thấy dễ chịu hơn, ít bị lo lắng hơn là biết kiểu nửa vời như thế này.

Tôi không phải là hạng phụ nữ đặt nặng chữ hạnh. Với tôi chữ đạo đức luôn luôn có ý nghĩa tương đối, nhưng đó không phải là nguyên nhân để tôi phạm phải lỗi lầm trong quá khứ. Trường hợp rơi vào lỗi lầm của tôi chỉ vì sự nhẹ dạ, cả tin, thường hành sử bằng trái tim hơn lý trí. Do trải qua kinh nghiệm đau đớn, nên tôi thường thủ thế, tựa như con chim bị tên, thấy cây cong thì sợ.

Người yêu của tôi là Viện. Như tôi đã đề cập, tôi không thuộc hạng đàn bà quá cổ hủ, do đó không quá câu nệ vấn đề đụng chạm xác thịt giữa hai

kẻ yêu nhau, nên không ngại ngùng đón nhận những vòng tay ôm thật chặt, đầu lưỡi quấn quít đầu lưỡi của Viện. Và dĩ nhiên Viện nào phải là người đàn ông quá khờ khạo để không biết sử dụng đôi tay dò dẫm tìm kiếm sự đồng tình thể xác nơi một người đàn bà. Có điều mặc cho Viện cố gắng thế nào, tay Viện cũng chưa qua khỏi vòng lưng của tôi.

Đầu tiên tôi cho đây là chuyện bình thường và xem đó là ưu điểm. Dầu gì con gái cũng cần giữ gìn một tí, có thế mới kích thích bản chất muốn chiếm đoạt nơi người đàn ông để họ tiếp tục đeo đuổi. Đây là khoảng thời gian tôi chưa phải là hôn thê của Viện. Còn bây giờ, khi ngày cưới của chúng tôi đã được xác định, và giữa một xã hội có quan niệm rộng rãi đối với phụ nữ như xã hội Hoa Kỳ, tôi lại ngờ rằng việc tôi giữ kỹ chiếc quần không chắc đến từ chủ ý dành cho đêm tân hôn khi tôi đã biết đến thân thể của một người đàn ông trước Viện. Chính điểm này làm tôi suy nghĩ và nghi ngờ có điều gì bất thường nơi thân thể mình tựa như căn bệnh lãnh cảm chẳng hạn. Tôi ngờ tôi không được bình thường, nhưng không rõ mình bị bất thường ở chỗ nào, và nếu sự bất thường đó là căn bệnh lãnh cảm thì cần phải có những dấu hiệu gì để xác định bệnh trạng nặng nhẹ. Trường hợp của tôi, khi có sự đụng chạm nơi cơ thể, tôi vẫn có được những rung cảm, có điều đến mức nào đó người tôi bỗng nhiên lạnh tanh. Chính điểm này giờ đây đã khiến tôi mất ăn mất ngủ.

Tôi thấy mình cần tìm hiểu khiếm khuyết của thân thể. Nhưng tìm hiểu bằng cách nào, đó là điều tôi cần suy nghĩ cặn kẽ. Bởi tôi, tuy là một phụ nữ tương đối cấp tiến, sự hiểu biết cảm giác của cơ thể vẫn rất hạn hẹp và vẫn không thoát được nỗi ngại ngùng về việc cần bộc lộ cảm giác của cơ thể. Tuy nhiên, với căn bệnh thiếu thích ứng nơi thể xác, sự hiểu biết của tôi lại quá hạn hẹp. Sau khi cân nhắc, tôi quyết định kể rõ cảm xúc mà cơ thể tôi đã đón nhận, hy vọng với cách đó, may ra giúp tôi giải tỏa được những nghi ngờ, thắc mắc, để tôi có được cuộc sống bình thường như mọi người đàn bà bình thường khác.

Tôi xin nhắc lại là tôi yêu Viện. Dưới mắt tôi Viện có đủ cá tánh của một người đàn ông. Chàng yêu tôi bằng lời nói và hành động, nhưng lúc nào cũng chứng tỏ là người biết từ tốn chờ đợi. Giữa bóng tối hay trong căn phòng của Viện, chàng luôn luôn bắt đầu bằng nụ hôn trên trán, trên mắt, trên môi cho người tôi thật mềm thật nhũn, cho ý chí tôi chỉ còn là khoảng tối mù mờ, rồi từ đó tay chàng bắt đầu lần vào dưới làn vải áo, xoa xoa trên đôi bầu ngực. Dĩ nhiên tôi như bao người con gái chưa chồng khác, cũng biết dùng tay đẩy tay chàng ra khỏi bầu vú mình, mặc dầu nơi

những phần da thịt bị đụng chạm lại như kêu như réo, nên thâm tâm biết những cái đẩy đó không thật sự là sự từ chối, ngược lại còn trở thành sự thách thức mời gọi…

Mới đầu tay Viện còn dò dẫm chỉ bóp nhẹ bên ngoài lớp vải của tấm áo nịt ngực. Nhưng với những nụ hôn của chàng, sự sờ mó đó cũng đủ cho những sớ thịt nằm dưới vú dựng ngược, cồn cào réo gọi. Chàng xoa nhẹ, xoa nhẹ trên hai đầu vú. Cường độ giãn nở bên dưới đôi gò ngực tiếp tục gia tăng. Da thịt bên trong chiếc nịt ngực nô nức đòi hỏi cho được những ngón tay chàng. Tôi chỉ muốn bung nhanh chiếc nịt ngực. Muốn tay chàng chạm vào làn da trần của đôi bờ vú. Tôi cố nén cảm giác để hơi thở của mình đừng gấp, để những giọt nước miếng đừng ứa đầy miệng, nhưng ngực tôi không ngừng phập phồng, đôi vú tôi không ngừng căng cứng nên nào khác gì lời năn nỉ mời gọi mười ngón tay của chàng xin đừng ngừng lại, xin hãy bấu thật chặt vào phần thân thể đàn bà này. Cùng lúc phần da thịt ở những nơi khác cũng lăn tăn nhột nhạt. Khi bờ môi Viện trườn xuống, vục trên đôi núm vú, thì bầu ngực tôi, chiếc đầu của tôi dường như chẳng còn là của tôi, mặt tôi nóng, thần kinh tôi căng thẳng, tôi thấy hai bầu vú của mình ưỡn ra khiêu khích, chẳng che giấu, chẳng ngại ngùng, chỉ muốn mắt chàng hãy nhìn, môi chàng cứ mãi trên vú, đừng ngừng hôn, đừng ngưng mơn trớn, đừng ngưng bay lượn, đừng ngưng dày vò hai khối thịt đàn bà đang bị khích động đến tận cùng.

Đã bao lần người tôi rơi vào trạng thái hoàn toàn bị cuốn hút bằng những nụ hôn của chiếc miệng, bằng những vuốt ve bởi đôi bàn tay của Viện để phó mặc thân người nổi trôi theo cảm giác. Nếu tôi cứ tiếp tục hạnh phúc đón nhận những cảm giác mật ngọt đó, chắc chắn tôi không bao giờ nghĩ mình bị bệnh và hai chữ lãnh cảm không bao giờ xuất hiện trong chiếc đầu của tôi. Thế mà giữa cơn mê sảng da thịt cao độ đến dường ấy, lần nào như lần nấy khi bàn tay Viện dời dần về phần thân thể bên dưới, thì tôi như chợt bừng tỉnh, cơn nóng sốt lập tức nguội lạnh, cảm giác xấu hổ với cặp vú đang trần trước mắt người đàn ông dẫu là người tình lại trở về, tôi thấy mình nhanh tay kéo tấm áo che đậy phần ngực hở của mình.

Lúc đầu tôi đổ thừa đó là sự phản xạ tự nhiên mà người con gái nào cũng được thừa hưởng với mục đích giữ gìn cho được nguyên vẹn thân xác con gái trước khi thực sự trở thành một người vợ và một người mẹ. Sau đó, tôi lại cho rằng sự nguội lạnh bất chợt nảy đến từ thói quen lúc còn ở tuổi thiếu nữ, khi da thịt vùng ngực bắt đầu nổi cộm với cơn đau nhè nhẹ mỗi lần sờ đến.

Những tháng ngày mới bước vào tuổi thiếu nữ, lần đầu khi cảm nhận cơn đau nhè nhẹ quanh vùng ngực, tôi đã thật sự sợ hãi, tưởng chừng mình đang mắc phải chứng bệnh gì ghê gớm lắm. Tôi mơ hồ về chỗ đau, nhưng không dám hỏi ai, chỉ biết tự mình tìm hiểu. Tôi đưa mấy ngón tay ấn nhẹ vào vùng da thịt hơi nổi cộm và đau đau đó, thấy một chút thích, một chút xấu hổ và trong vô thức tôi thấy cần phải giấu giếm phần cứng cứng đau đau này. Tôi dùng vải quấn quanh khoảng da thịt đang bắt đầu chuyển mình, muốn ép cho thật chặt, thật sát để không ai nhìn thấy sự thay đổi con gái nơi tôi. Quấn rồi lại tháo. Tháo rồi lại quấn. Cuối cùng khi hai núm vú màu hồng đã thật sự dựng đứng trên hai khối thịt tròn tròn bên hai phía ngực, thì niềm hãnh diện cũng chợt vươn lên, che lấp nỗi xấu hổ. Và kể từ ngày đó thay vì dùng băng vải tôi đã tìm mua chiếc áo nịt ngực mặc vào để thấy đôi vú mình như tròn trịa hẳn lên, để biết mình đã bắt đầu bước vào cuộc đời thiếu nữ.

Mỗi tháng trước khi đến chu kỳ kinh nguyệt, như có một sự thúc giục nào vô hình buộc tôi lén lút chui rúc vào xó xỉnh nào đó, dùng đôi bàn tay con gái bóp chặt đôi bầu ngực còn nhỏ xíu; bóp thật chặt với chút tò mò và như muốn kéo rứt chúng ra để nhận được cảm giác vừa đau đau vừa thích. Rồi sau những giây phút ngắn ngủi không kềm chế đó, cảm giác xấu hổ lại trở về với lời tự hứa lần sau sẽ không bao giờ có những hành động tương tự.

Tôi hứa rất nhiều lần, cho đến ngày tôi thực sự trở thành cô gái với eo thon, mông tròn, và ngực tôi đã nhô hẳn, vun cao sau lớp vải áo; thế mà hằng tháng, cách vài ngày trước khi bị vật vã vì những cơn đau bụng do chu kỳ kinh nguyệt, cái cảm giác đau đau trên đôi bầu ngực quay lại, thì lời hứa đó cũng bị những thôi thúc không tên làm cho quên đi, và mắt tôi vẫn bắt buộc nhìn vào đôi vú như tròn trịa hơn, lớn hơn giữa khoảng thời gian sắp tới kỳ hành kinh, và đôi tay vẫn bị buộc đặt lên làn da mềm mại đó để vuốt ve, nắn bóp với cảm giác thích thú, tuy đã thiếu hẳn sự tò mò tìm hiểu như hồi mới lớn.

Dĩ nhiên từ ngày tôi bắt đầu có được thân hình của một người đàn bà, có rất nhiều lần tôi tò mò muốn tìm hiểu phần kín đáo khác của cơ thể. Cũng vài lần nhìn ngắm toàn vẹn thân hình khỏa thể với chiếc mông tròn, chiếc lưng thon và đường eo con gái của mình, nhưng tôi chưa bao giờ thực sự tìm hiểu thêm bằng đôi mắt, hay đôi tay những gì xa hơn, khác hơn đôi vú. Có thể tôi sống trong đại gia đình với nhiều chị em nên không có nhiều khoảng thời gian riêng tư, mà cũng có thể sau mỗi khoảng thời gian ngắn

ngùi dành cho những lần vuốt ve bầu ngực, hưởng thụ chút kích thích, cảm giác phạm tội lại trở về, thấy mình như sắp phạm vào điều cấm kỵ, nên tôi bỏ lơ những phần thân thể khác...

Có lẽ tôi sẽ rất yên tâm với những câu trả lời như thế, hoàn toàn không nghĩ đến chữ bệnh hoạn hay lãnh cảm nếu Viện không tính chuyện lâu dài với tôi. Đằng này thời gian đến ngày cưới cứ dần rút ngắn lại. Viện thì đã quen thuộc với phần da thịt bên trên của tôi, nên bao giờ cũng muốn vượt khỏi vòng eo lần xuống phần thân thể mà chính tôi còn thấy lạ lẫm. Tôi ngăn cản, nhưng ngăn được bao lâu, vì dường như tôi càng cố giữ, càng làm cho Viện thêm kích thích. Đã mấy lần Viện hết năn nỉ đến giận hờn. Tôi thương Viện, nhìn Viện khổ sở, có lần mặc dầu cảm thấy hết sức sợ hãi nhưng cũng đành miễn cưỡng gật đầu chiều Viện, cũng may Viện dừng lại được. Nhưng cũng chính vì thế tôi lại càng lo sợ đến bấn loạn.

Chuyện vợ chồng có gì ghê gớm mà tôi phải sợ hãi đến thế? Trước sau gì tôi cũng làm vợ Viện, chẳng lẽ tôi sợ để cho Viện nhập vào thân xác, Viện sẽ thấy làm đám cưới với tôi không còn cần thiết nữa? Tôi không tin Viện như thế! Mà quả thực nếu Viện thuộc hạng người này, tôi thà từ chối cuộc hôn nhân với Viện còn hơn chịu ép mình làm vợ một kẻ chẳng ra gì. Thế chẳng lẽ tôi sợ Viện phát hiện cái màng mỏng nằm sâu trong thân thể tôi đã không chắc còn nguyên vẹn. Đồng ý, nhưng chính tôi cũng đâu biết rõ miếng da được gọi là màng trinh đó đã thật sự rách nát. Tôi đã nhìn thấy da thịt của một người đàn ông trước khi gặp Viện, nhưng mắt tôi chưa bao giờ thật sự nhìn thấy những giọt máu đỏ, hay chỉ là những giọt hồng hồng rơi rớt trên tấm trải giường. Hơn nữa đã mười mấy năm trường, tôi đi đi về về một mình, thì cái chốn riêng tư nhất của tôi từ ngày đó đã không một ai động chạm và ngay chính tôi cũng chưa bao giờ tìm kiếm cảm giác nơi đó, thì tôi đâu có gì phải mặc cảm. Vả lại, tôi không tin Viện chờ đợi ngày có được niềm hãnh diện là người đầu tiên phá vỡ, làm rách toạc được làn da mỏng nằm nơi chốn kín đáo nhất bên trong thân thể của một người đàn bà đã trên ba mươi tuổi. Hãnh diện gì khi chiếm đoạt được người đàn bà có thể chẳng được ai theo đuổi nên trên ba mươi tuổi mà vẫn còn nguyên si con gái.

Riêng tôi thì hoàn toàn không muốn nhắc đến chuyện có một người đàn ông không phải là Viện đã từng nhìn thấy thân thể của tôi. Không muốn nhắc đến không phải do xấu hổ, mà chỉ xem đó là vết nhơ đã được giặt sạch bằng khoảng thời gian mười mấy năm không hề biết đến cảm giác với bất cứ người đàn ông nào khác ngoài Viện. Vậy có gì buộc tôi phải e dè, phải

đắn đo chứ! Chưa kể, như tôi đã đề cập, tôi không thuộc hạng đàn bà đạo đức một cách cứng nhắc. Tôi lại càng không tin cái lý thuyết đàn bà là cái xương sườn của người đàn ông nên lúc nào cũng phải phụ thuộc, lép vế, hay phủ phục trước người đàn ông. Tôi yêu Viện, nhưng biết rõ tôi không thể nào nhận lời làm vợ Viện nếu Viện đòi hỏi phải lấy một người đàn bà còn đầy đủ trinh tiết về làm vợ. Tôi sẽ rất khinh thường Viện nếu Viện thật sự chỉ nghĩ đến mảnh da mỏng mảnh đó mà quên đi giá trị thực sự của người đàn bà. Tôi nhận lời làm vợ Viện chỉ vì tôi hiểu dưới vai trò làm vợ, tôi vẫn còn giữ được sự độc lập, để có thể vừa là vợ vừa là bạn của Viện. Thiếu điều đó, tôi thà ở vậy.

Tôi biết tôi như thế, nhưng sao tôi lại sợ sự buông thả, sợ bị cảm xúc chi phối, sợ sự đòi hỏi của da thịt nên đã bao lần ngăn chặn không cho da thịt tôi và da thịt Viện được thỏa mãn. Điều gì ngăn cản tôi? Giả thử tôi không thể để Viện chuyền cho tôi cảm giác trước ngày cưới, thì chính tôi cũng có thể tự tìm hiểu lúc một mình mình trong căn phòng đóng kín cửa, vẫn có thể tự mân mê tất cả phần thân thể để biết những phần da thịt đó muốn gì, cần gì. Thân thể của tôi là của tôi, tại sao tôi không giành cho mình quyền được buông thả, tìm hiểu. Thế mà những ngày trước kỳ hành kinh, khi đôi bầu vú tôi căng thêm, nở lớn dưới làn vải của chiếc nịt ngực, để đôi bầu ngực rạo rực muốn được đôi bàn tay xoa bóp cho vụn vỡ, tôi cũng chỉ dành chút thời gian rất ít trong khoảng không gian riêng tư đưa đôi tay bóp chặt đôi bầu ngực để có được cảm giác thinh thích, để thấy chút nhột nhạt nơi phần thân thể bên dưới, rồi ngay sau đó lại vội vàng cài những hạt nút bị bật tung và nhanh tay cài lại chiếc móc của chiếc nịt ngực còn đang rớt hờ trên đôi vai mình. Ngay cả lúc đứng dưới vòi sen kỳ cọ phần thân thể, cũng có khi tò mò cúi đầu nhìn ngắm thân thể trần truồng, nhưng khi nghĩ đến việc tìm cảm giác, tôi vẫn không thể tìm kiếm xa hơn việc nâng niu đôi bầu ngực.

Gần đến ngày cưới, với sự thúc bách của Viện, tôi thấy bổn phận cần buông thả của mình càng lớn mạnh hơn bao giờ hết. Thế mà tôi vẫn chưa thể tự mình buông thả để chiều Viện dầu chỉ một lần. Câu hỏi cộm lên trong óc. Nếu một mình tôi, tôi không thể tự buông thả cho mình thì liệu đêm tân hôn tôi có thể nào buông thả tất cả cho Viện?

Tôi tìm cách lý giải. Có lý nào thứ truyền thống tam tòng, tứ đức tuy đã xưa như trái đất, vẫn còn mơ hồ đọng lại trong chiếc đầu của một đứa con gái đã trên ba mươi tuổi. Chẳng lẽ thứ truyền thống đó đã như vết chàm dính chặt, khiến người đàn bà chỉ biết cúi đầu trước bổn phận và không có

quyền nghĩ đến phần thân xác của mình. Có thể nào ở thế kỷ này lại còn sót những người đàn bà lúc nào cũng nhận chịu sự thua thiệt như thế! Dứt khoát tôi không phải là người đàn bà đó. Vậy tôi cần để thân xác trôi bồng bềnh theo Viện. Chỉ có vậy mà tôi không làm được ư!

Hình ảnh của gã đàn ông lần đầu chiếm ngự phần thể xác tôi chợt trở về. Tôi gặp hắn lúc cái đầu của tôi chưa thực sự hiểu rõ mình muốn gì, cần gì. Tôi mười bảy tuổi. Hầu như những đứa bạn của tôi đều đã có sẵn tên một người đàn ông để khoe khoang với bạn bè, để thỏa mãn tự ái và cái mặc cảm tự tôn về sắc đẹp của mình. Tôi quen hắn qua đứa bạn gái. Tôi đi chơi với hắn. Những nơi hắn dắt tôi đến thường không phải là chỗ đông người như rạp xi nê hay một nơi chốn thơ mộng nào mà là nhà của những anh sinh viên độc thân. Ngôi nhà có nhiều phòng và lúc nào cũng có hơn một người đàn ông sống trong đó. Lúc đầu tôi hơi nghi ngại, nhưng tánh cả nể, hơn nữa bạn tôi cũng đến đó thường xuyên và tôi không có đủ sự tự tin cũng như tự chủ để từ chối. Hắn có bộ mã điển trai, biết cách nói chuyện và chiều chuộng. Kinh nghiệm về đàn ông tôi không có, tôi là đứa con gái vừa mới lớn làm sao dám nghi ngờ hắn thuộc hạng đàn ông chỉ muốn hưởng thụ mà không bao giờ muốn lãnh nhận trách nhiệm.

Cho đến bây giờ tôi vẫn chắc chắn là tôi chưa từng yêu hắn. Đôi bàn tay tham lam của hắn cũng từng đặt trên đôi vú của tôi, nhưng đôi bàn tay đó chẳng thể tạo nên cảm giác như những lúc đôi bàn tay của chính tôi đặt lên đó trong những ngày sắp tới kỳ kinh nguyệt hay lúc tay và môi Viện tìm cho được nơi chốn đó. Vậy mà hắn cởi được chiếc quần của tôi mới là chuyện lạ. Tôi không có cảm giác bị mất mát mà chỉ thấy vừa đau vừa rát. Tôi nhớ tôi không nhỏ một giọt nước mắt nào cho lần đầu đó. Tôi có tò mò nhìn xuống mặt nệm. Không có màu đỏ mà cũng chẳng có màu hồng. Hắn nhập vào người tôi thêm lần nữa. Trong lần sau này, giữa lúc hắn hùng hục trên người tôi, chiếc đầu tôi chỉ đầy nỗi sợ một mầm sống có thể tượng hình từ thứ tinh trùng tôi chẳng bao giờ muốn cưu mang. Giữa cơn đau rát, tôi vẫn cảm nhận là tôi đang cố gắng chịu đựng cơn đau, bóp chặt cửa tử cung lại như cố đẩy cái của hắn và thứ tinh trùng nhơ bẩn sắp sửa xâm nhập vào người ra ngoài. Hắn không cần để ý đến cảm giác của tôi. Không hiểu sao lúc đó tôi chẳng thấy buồn. Xong việc hắn nằm ngủ và ngáy. Tôi vào phòng tắm xối nước, cố moi cho hết chất nước nhờn nhợt đục ngầu hắn vừa đưa vào người tôi. Tôi trở lại phòng ngồi trên chiếc ghế đặt sát cửa kính nhìn xuống ngọn đồi nhấp nhô bên dưới. Mặt trời buổi chiều chỉ còn thoi thóp để lại vài vệt vàng thật mỏng rớt trên mấy lũng thấp nằm bên dưới chân

đổi. Tôi thấy mình như đang chìm lim giữa những lũng thấp nếu tôi còn tiếp tục bước vào căn phòng đóng kín cửa này với hắn.

Khi hắn thức dậy, tôi nói với hắn:

- Tháng này em bị trễ kinh.

- Có thật không? - Hắn lộ vẻ hoảng hốt.

- Em đâu nói láo anh làm gì!

- Mình gần nhau mới hai lần và chỉ cách nhau tuần lễ...

- Em nghe nói một lần cũng đủ mang bầu...

Sau lần gặp đó, nói được những điều cần nói, hơn tuần lễ trôi qua, không thấy hắn tìm tôi, mà tôi cũng không có ý trông chờ gì hắn tuy có chút buồn buồn và chút hy vọng là tôi đã đánh giá sai lạc về hắn. Khi những giọt máu hằng tháng nhuộm đỏ chiếc bông băng đặt nằm bên trong chiếc quần lót, tôi quyết định gặp lại hắn để xác định lần cuối hành động rời khỏi hắn không phải sai lầm. Tôi nói với hắn tôi sắp rời thành phố. Hắn hỏi tại sao, nhưng tôi đọc thấy sự giả dối qua bộ mặt mang vẻ thảm não, nhưng vẫn không thể che giấu hết nét mừng rỡ trên mặt hắn. Đến giờ phút này nhớ lại, tôi vẫn còn mường tượng được cái khuôn mặt đáng ghét của hắn vào lúc đó. Tôi vừa ghét hắn vừa khinh hắn. Dĩ nhiên hắn không dám hỏi thêm điều gì về việc tắt kinh và để cho bõ ghét tôi cũng không báo cho hắn biết tôi đã thấy lại kỳ kinh nguyệt.

Tôi rời thành phố. Từ giây phút đó tôi không còn bao giờ nhìn thấy hắn hay biết được tin tức gì về hắn. Có lẽ tại tôi đã dứt khoát gạt hắn sang bên, xem hắn như vết nhơ cần được hoàn toàn tẩy rửa. Những tháng ngày sau đó khi trở lại thành phố, tôi nghe lời đồn tôi rời thành phố để sanh con. Tôi chỉ cười, không buồn giải thích.

Sau hắn, tôi âm thầm sống, âm thầm đi và về. Có lẽ những năm sau đó đời sống vật chất của gia đình tôi không còn được thoải mái, nên tất cả thời gian của tuổi con gái đều bị chiếm ngự với nỗi lo toan miếng cơm, manh áo nên tôi không còn thì giờ nghĩ đến tuổi con gái đã lặng lẽ qua đi. Rồi tôi được bảo lãnh đi Mỹ và tôi có Viện.

Có lẽ nào do kinh nghiệm đau rát khi gần hắn làm cho tôi sợ chuyện gần Viện? Tôi nghe nói và đồng thời đã kinh nghiệm chuyện đàn ông xâm nhập vào đàn bà trong những lần đầu người đàn bà luôn luôn nhận chịu sự đau đớn. Tôi bị đau là chuyện bình thường! Với hắn, tôi ghét tôi còn chịu đựng được cơn đau huống hồ gì với một người tôi yêu là Viện, thì những cơn đau nào thấm thía gì! Tôi càng không sợ Viện sẽ xăm xoi tìm cho được dấu vết của một vệt máu nào đó còn dính lại trên nệm giường sau đêm tân hôn.

Tôi lại nghĩ đến hai lần gần gụi hắn. Cảm giác lạnh tanh, bỏng rát, đau đớn. Người ta bảo đàn bà bén hơi đàn ông sẽ chẳng bao giờ chịu ở một mình. Tôi bén hơn hắn, thế mà thật lâu trước khi Viện xuất hiện trong cuộc đời, tôi chẳng hứng thú muốn gần người đàn ông nào. Đồng ý, nhưng bây giờ tôi đang có Viện, sao tôi lại co người, rút mình.

Rõ ràng tôi sợ. Sợ gì? Hai chữ lãnh cảm như lớn dần lên, rồi như gáo nước lạnh tạt vào người. Chẳng lẽ chuyện tôi và hắn đã để lại trong tôi vết thương tâm trí nặng đến thế? Có thật tôi đang mang chứng bệnh lãnh cảm? Tôi nghe nói người đàn bà bị lãnh cảm luôn luôn sợ chuyện gối chăn. Tôi co rúm người, không cho Viện dùng tay đụng chạm phần thân thể bên dưới, không cho Viện tụt chiếc lưng quần. Thế tôi còn gì nghi ngờ mình không mắc bệnh nữa chứ! Nhưng cảm giác của người bị bệnh lãnh cảm như thế nào nhỉ? Có giống như cảm giác thích thú nửa vời của tôi mỗi lần những ngón tay Viện mân mê đầu ngực, bàn tay ve vuốt khoảng da thịt quanh đôi vú để mặt tôi nóng bừng, để bên dưới có gì nhột nhạt, như có sự thúc giục được dâng hiến. Một người đàn bà bị lãnh cảm có thể nào có được cái cảm giác ngọt ngào đó?

Tôi có bị bệnh lãnh cảm không? Câu hỏi tiếp tục làm tôi đau khổ. Tôi yêu Viện, như thế tôi cần cho Viện nhập vào người một lần để xác nhận căn bệnh của mình.

Không được! Nếu tôi bị lãnh cảm thật thì hành động nhập vào làm một với Viện có thể nào trở thành nguyên cớ để Viện hồi hôn và như thế tôi sẽ hoàn toàn mất Viện. Không, không, nhất định tôi không thể để xảy ra chuyện này. Tôi cần tìm hiểu thêm về thân xác của tôi, xác thân của một người đàn bà. Tôi cần tìm đọc những gì viết về người đàn bà, cần khơi dậy nguồn nhục dục của mình. Ngày cưới cận kề. Tôi phải làm nhanh, làm gấp. Phải rồi, tôi cần tìm đến những cuốn sách nói về dục tính của người đàn bà. Tôi cần tìm đến những đoạn văn mô tả thể xác của người đàn bà, dục vọng của người đàn bà. Ôi! Niềm đam mê thể xác, sao giờ này tôi cần nó đến thế!

"*Vú mình con không bú mà chỉ toàn đàn ông con trai bú, mút, ngậm, nút, mò, bóp, đè, ngấu, nhai. Ngồi đếm lại, tổng cộng lại cũng hơn mười đầu ngón tay. Thằng nào cũng thích, từ già đến trẻ, từ Mễ tới Âu Á, mà mình cũng thấy đã đía mới chết cha chứ! Cái vú bên trái mình thích được bú hơn vú bên phải. Cứ mỗi lần thằng cha nào bú là nước l.. mình ứ ra, rồi nước dãi cũng tươm đầy họng, quặn cả bụng, chỉ muốn đ.. liền tức khắc.*"[1]

"*Như một con thú, chồng tôi vật tôi như một con mồi. Đôi mắt chỉ còn là hai vệt đỏ lục lọi da thịt tôi tan nát. Không cởi tất, cứ thế Công chồng lên*

tôi, chọc sâu tàn nhẫn. Tôi càng đẩy Công ra, Công càng cứa như dao đâm. Không phải đâm mà anh chích vào người tôi những con trùng làm công tác hủy hoại bộ nhớ. Tôi nín lặng mặc cho Công quay lộn, mài dũa..."[2]

"*Tôi muốn cởi phăng áo, dướn ngực vào mặt Công. Tôi muốn tri hô: 'Tinh trùng anh loãng như nước máy. Linh hồn anh là linh hồn của một tên hủi...' Tôi thấy rõ trí nhớ tôi tan vữa dần sau mỗi cú thọc sâu của Công, chỉ có buôn Hủi, làng Hủi, và người đàn ông Thượng tồn tại... Khi Công chấm dứt, tôi không còn nhớ gì hết, kể cả mười ngón tay vừa cấu nát lưng Công. Tôi nhìn chúng xa lạ không hiểu đã xảy ra chuyện gì ban nãy. Ngoài kia, ánh trăng đại ngàn vẫn ngời ngợi lung linh bên trên những con người thành phố thơm nức, sạch sẽ nhưng không trí nhớ.*"[2]

Tôi đọc những đoạn văn để tìm cảm xúc, để biết thêm thân thể của tôi, biết nơi chốn nào tôi sẽ dành cho Viện, thế mà đọc xong tôi thấy dửng dưng, không cảm xúc, chỉ thấy ghê ghê. Tôi không thể tưởng tượng tôi sẽ như thế nào nếu thân xác bị hàng chục bàn tay đàn ông dày vò. Tôi chỉ muốn làm vợ, nào muốn làm người đàn bà đi bán thú vui cho bọn đàn ông. Tôi gặp hắn, đã bị hắn vật ra và tôi ghét hắn, vậy tôi phải trốn hắn, phải sợ hắn, phải che đậy cho kỹ thân xác của mình để hắn đừng lên cơn, chứ lẽ nào chê tinh trùng hắn loãng mà lại "cởi phăng áo, dướn ngực vào mặt..." hắn, khơi dậy thêm dục vọng của hắn để bị hắn tiếp tục sùng sục, dùng sức lực vật ra thêm lần nữa, để đầy ắp thêm cơn đau thể xác và linh hồn... Thôi thôi, tôi thà làm một người đàn bà bị bệnh lãnh cảm còn hơn biến thành người đàn bà bị hiếp hay làm trò chơi cho những người đàn ông.

Tôi cố làm mặt lì đi mướn cuốn phim. Hình ảnh đầu tiên tôi nhìn thấy là thân thể trần truồng của người đàn bà. Mặt tôi nóng ran với cảm giác khích động. Màn hình hiện ra thêm một người đàn ông, rồi thêm một người đàn ông nữa. Ba người bắt đầu lăn xả vào nhau với những động tác lạ lùng. Tôi tắt vội màn hình. Nỗi khích động nhanh chóng xẹp xuống. Cảm giác nhờm tởm. Rõ hơn sự lạnh tanh của mình.

Thôi thế là chết! Chắc chắn tôi đã mang chứng lãnh cảm. Nếu không, sao tôi không muốn đọc kỹ những chữ viết, xem kỹ những hình ảnh khích động nhục cảm? Sao tôi lại thấy ghê sợ nếu thân xác tôi vì một nguyên cớ nào đó không còn là chốn riêng tư của mình và của Viện mà trở thành nơi chốn đụng chạm của hàng chục bàn tay của những gã đàn ông khác nhau. Hay tôi chưa thật sự bén hơi của Viện nên mới thấy ghê sợ, chừng bén hơi chàng biết đâu tôi lại không trở thành kẻ nghiện dục vọng như người nghiện thuốc phiện; cũng sẽ nghĩ nhiều, đòi hỏi nhiều và làm bằng mọi cách để

thỏa mãn cho được phần thân xác như những đoạn văn tôi đọc, như thứ hình ảnh tôi xem.

Dầu sao tôi cũng không thể bỏ cuộc, cần tìm thêm những gì có thể khơi được cái tôi của chính mình. Tôi đọc đoạn văn, "... *Âm đạo là cái hầm, nuốt trọn. Là cái hang thăm thẳm. Là cái động, vọng vang... Bà nằm ngó âm hộ mình qua tấm gương, không tỏ vẻ e thẹn, yêu thích, ngạc nhiên hay sợ hãi. Có lúc bà thở dốc, mồ hôi rịn ở trán. Bà đút ngón tay sần khô tìm kiếm (vật) gì bên trong. N giúp bà banh rộng hai chân...*"(3)

Như lần trước, đọc những chữ nói về âm đạo của người đàn bà, óc tôi cứ tinh queo như không.

Tôi bị bệnh lãnh cảm, đâu còn nghi ngờ gì nữa. Đàn bà lãnh cảm cũng tựa như đàn ông bất lực, trước sau gì cũng bị vợ bỏ hay chồng bỏ.

Tôi buồn bực. Tôi khổ sở.

Buổi chiều hai ngày trước ngày chúng tôi chính thức làm vợ chồng, sau khi hai chúng tôi đi lo cho xong mấy chuyện vặt vãnh còn sót lại dành cho buổi tiệc cưới, Viện chở tôi ra biển. Viện nắm tay tôi cùng bước dọc trên bãi cát ướt. Tôi lặng lẽ đi bên cạnh Viện, chân bước mà tâm trí bấn loạn, lòng ngập tràn buồn bực. Đang đi bỗng Viện dừng lại, nắm lấy hai bàn tay tôi:

- Sao em lo lắng quá vậy. Tiệc cưới mình lo gần như xong cả rồi. Em còn lo chuyện gì nói cho anh biết.

Tôi lắc đầu:

- Không có gì!

- Không gì sao mặt em cứ rười rười như thế! - Một tay Viện nâng mặt tôi, bảo - Cười lên coi.

Thay vì cười tôi vùi đầu vào ngực Viện, nức nở.

Viện cuống quít:

- Em sao vậy? Chuyện gì vậy?

Tôi ngúc ngoắc đầu.

Làm sao tôi có thể nói trắng ra nỗi sợ của tôi. Ngày kia đã là ngày cưới. Chuyện vợ chồng tôi đâu thể tránh mãi. Tôi phải làm sao đây? Tôi ôm chặt Viện, nói giữa những giọt nước mắt:

- Em sợ... sợ mất anh.

Viện cười, hai tay nắm vai tôi, mắt nhìn vào mắt tôi mắng yêu:

- Cô ơi! Sát ngày cưới rồi. Tôi còn đứng đây, đi đâu mà mất... - Rồi chàng lấy tay hất nhẹ giọt nước mắt còn đọng trên mí mắt tôi.

- Nhưng mà... nhưng mà... - Tôi ngập ngừng không biết phải nói sao với Viện.

- Nhưng mà, sao? - Viện hỏi.

- Em sợ... em sợ... đau. – Giọng tôi gấp và ngắn, nói chệch ý nghĩ của mình.

Chàng gật gù như chợt hiểu.

Buổi chiều chàng đưa tôi đến một tiệm ăn nhỏ, kín đáo nằm trong khu phố Sài Gòn Nhỏ. Mọi ngày chàng vẫn tỏ vẻ lo lắng cho tôi, nhưng hôm nay tôi cảm tưởng sự lo lắng tăng thêm bội phần. Cũng là ly nước chàng rót, món ăn chàng gắp vào chén, nhưng sao có vẻ như chăm chút hơn. Sau bữa cơm tối Viện chở tôi về căn chung cư nhỏ của Viện, nơi tôi đã nhiều lần ghé đến.

Trên đường về nhà, một tay Viện lái xe, tay kia có lúc nắm tay, có lúc mân mê đầu gối tôi như đã vài lần từng làm. Thế mà lần này cớ sao lòng tôi đầy cảm động, thấy như có luồng điện chạy dài toàn thân. Tôi quay sang nhìn Viện mà thấy môi mình run, mặt mình tê dại.

Viện loay hoay mở cửa. Những gì đằng sau cánh cửa tôi đều rõ, tại sao lòng tôi đầy ắp nỗi hồi hộp. Có lẽ lúc ở ngoài biển, khi những giọt nước mắt rơi xuống, tôi đã nhủ thầm tôi cần dứt khoát. Trước sau cũng một lần, đêm tân hôn hay vào lúc này ngay đằng sau cánh cửa. Dầu sao tôi cũng không thể tiếp tục dối lừa Viện, chàng cần phải biết căn bệnh của tôi, để tôi và chàng cùng có quyết định. Tôi yêu Viện, nếu vì việc hai đứa nhập vào làm một để lộ cho Viện thấy căn bệnh của tôi, thì ít ra tôi cũng chứng tỏ được tình yêu của tôi đối với Viện bằng việc đánh đổi sự may rủi, còn hơn đợi sau ngày cưới với hậu quả Viện hiểu được sự thật. Tôi đã quyết định, cớ sao người tôi run rẩy, tim tôi lại phập phồng lo lắng đến thế!

Khi cánh cửa đã khép lại sau lưng hai chúng tôi, Viện ôm tôi. Tôi vòng tay ôm lấy bờ lưng chàng. Hơi ấm của bờ môi Viện đặt rất lâu trên vầng trán tôi. Nụ hôn thật sâu thật đậm nơi trán. Tôi cảm nhận rõ ràng tình yêu trang trọng Viện dành cho tôi. Quên hết, buông xuôi, mặc Viện dẫn đưa vào khoảng không gian không còn chút gì ngăn cách của hơi thở liền hơi thở, của da liền da, của thịt liền thịt. Không, tôi cần nói thật cho Viện biết.

- Anh... - Tôi mở miệng.

- Suỵt. - Tiếng suỵt của Viện vừa dứt, môi Viện đã gắn chặt vào môi tôi.

Thôi! Tôi hãy ngưng nói, ngưng cản trở. Hãy chiều cảm giác. Hãy ngưng suy nghĩ.

Ngã người. Buông xuôi. Mặc cho cảm xúc của da của thịt. Mặc cho Viện dìu đi.

Đồi cát. Biển xanh. Gió thổi. Từng cơn sóng vỗ bập bềnh.

Rừng xanh. Sương mù. Từng bước dọ dẫm và từng bước chạy.

Chơi vơi. Chơi vơi. Bồng bềnh. Bồng bềnh.

Hủy phá. Vỡ tung...

Một cái đau nhói người. Một niềm thống khoái vút lên, khoáy mạnh vào từng thớ thịt.

Trước khi chàng rời khỏi tôi, môi chàng đặt trên trán tôi thêm một nụ hôn nồng nàn.

- Em đau lắm không? - Chàng vừa dang cánh tay cho tôi gối đầu vừa thầm thì bên tai tôi.

Tôi dụi đầu vào ngực Viện lắc đầu.

Ôi, nỗi đau được làm đàn bà với người mình yêu, còn nỗi đau nào ngọt ngào hơn nỗi đau này!

Tôi nhìn xuống mặt nệm. Một chút màu hồng còn ướt vương vãi nơi chỗ tôi nằm. "Tháng này mình có kinh sớm." - Đầu tôi bật ý nghĩ. Tôi khép đùi, sợ những giọt máu làm bẩn thêm chiếc khăn trải giường.

Viện đã rơi vào giấc ngủ. Tôi nằm nghiêng về phía Viện, đầu gối trên cánh tay Viện và tay ôm quanh bắp tay chàng.

Vùng kỷ niệm của ngày mới lớn. Những ngón tay ấn nhẹ khoảng ngực cưng cứng vừa mới nhú. Một chút đau đau, một chút thích thích. Bất chợt tôi nhớ đến câu đã đọc: "*...Tình trùng anh loãng như nước máy...*" mà buồn cười. Viện đã ngủ say. Tôi ngẩng đầu lên, nhẹ nhàng kéo cánh tay Viện khỏi đầu mình và đặt dọc theo thân người của Viện. Nhìn xuống bên dưới không thấy thêm giọt máu nào. Tôi xoay người vòng tay ôm Viện và đặt nhẹ trên má Viện nụ hôn. Một cảm giác hết sức yên tâm lan mạnh vào đầu. Mắt tôi nhíu lại nhưng nhớ trước đó miệng đã thì thầm: "Chồng ơi! Em yêu mình!"

Tôi không bị hành kinh, ngược lại sau ngày cưới hơn tuần lễ tôi bắt đầu thấy triệu chứng thụ thai. Viện đưa tôi đến một nữ bác sĩ để xác định bào thai. Tôi cho bác sĩ biết chúng tôi mới cưới nhau. Khám xong vị bác sĩ bảo:

- Kể cũng lạ. Người có tử cung giốc ngược như bà thường chậm thụ thai.

- Bà đưa tay chỉ vào một bức hình vẽ bộ phận đàn bà treo trên tường.

Tôi đã thật sự là vợ Viện gần chín tháng. Đứa con trong bụng cũng sắp sửa chào đời. Giờ đây tôi có thể tự hào rằng tôi đã biết khá rõ tiếng nói huyền diệu của hai thân xác. Nhờ Viện tôi tìm được cảm giác, nhưng tôi vẫn không thấy sự dấy động của những thớ thịt và làn da xáo động tạo nên cơn thống khoái mà tôi nhận được hay trao cho Viện chỉ đơn thuần nhục dục. Dường

như có điều gì đó thật đẹp đã được hình thành giữa cơn mê sảng xác thân của một người đàn ông và một người đàn bà thật lòng yêu thương nhau. Tôi thấy rõ sự cho và nhận của hai thân xác. Tôi tin rằng khi Viện ôm tôi vào lòng, khi da thịt của hai chúng tôi không còn những mảnh vải ngăn cách, thì Viện cũng như tôi, vẫn không chỉ muốn nhận mà còn muốn trao. Tôi nhìn thấy sự dịu dàng. Tôi nhìn thấy sự kiên nhẫn của chàng trong từng cử chỉ, từng hành động. Ôi! Chỉ cần một nụ hôn trên trán tôi của chàng cũng đủ làm toàn thân tôi rung động. Chỉ cần một nụ hôn chàng đặt trên đôi mắt tôi đã làm bật dậy từng thớ thịt nằm ngủ bên dưới da thịt mình.

Giữa thời gian chung sống, có lúc giữa chúng tôi xảy ra những bất đồng nhỏ, nhưng không bao giờ kéo dài qua đêm bởi chính hai xác thân của một người đàn ông và một đàn bà là tôi và Viện cùng chung một mái nhà, một chiếc giường là cách giảng hòa tuyệt diệu mà thượng đế đã trao cho hai chúng tôi. Bao lần hai xác thân cùng trao và cùng nhận, nhưng có lúc chỉ mình Viện tìm được đến bến, còn tôi vẫn loay hoay giữa dòng. Thoạt đầu tôi tưởng tượng đó sự rơi rớt của căn bệnh lãnh cảm đã chận mất cảm giác tột cùng, để rồi sau đó nhận thấy thân thể mình vẫn còn bứt rứt, vẫn là cảm giác muốn được thỏa mãn, thì biết không phải vậy. Lúc Viện buông tôi ra, tôi nghĩ chắc tôi sẽ buồn Viện, sẽ giận Viện chẳng chịu chờ tôi, chừng Viện quay sang hôn tôi, dang cánh tay cho tôi gối đầu trước khi rơi vào giấc ngủ, tôi nhìn khuôn mặt hiền hòa qua giấc ngủ an lành của anh, tôi thấy được bao điều tốt đẹp anh đã mang lại cho gia đình bé nhỏ này, tôi chợt nhận ra thêm một điều là không phải lúc nào cho đi cũng được nhận về, và không phải lúc nào người nhận cũng hạnh phúc hơn người cho. Tôi cúi xuống hôn trán Viện, thấy chưa bao giờ yêu Viện hơn lúc này. Những thao thức của thể xác chợt tan biến. Vòng tay qua ôm Viện, tôi cùng rơi vào giấc ngủ với chàng.

Chừng đó kinh nghiệm xác thân với Viện, tôi ngỡ tôi đã hoàn toàn hiểu được tiếng nói của da của thịt trong cuộc đời của một người đàn bà. Thế mà khi cơn chuyển bụng bật dậy làm vỡ tung dòng nước ối, lúc chiếc bụng quặn lên từng cơn đau tưởng chừng không chịu nổi, và khi Viện đứng cạnh chiếc bàn sanh trong bệnh viện nắm chặt bàn tay tôi như một cố gắng chia sẻ cơn đau mà chàng biết khó có thể chia sẻ, thì tôi hiểu thêm rằng, phần da thịt của tôi không phải chỉ để hưởng khoái cảm mà còn chịu thêm phần đớn đau cùng cực.

Cơn đau nặng nề. Cơn đau từng hồi không dứt, tưởng có thể chết đi được. Là kết quả hay hậu quả của những cơn chất ngất da thịt? Giữa cơn đau

như cắt da xé thịt tôi đâu còn đủ lý trí để phân biệt. Có lẽ nào vì sợ hãi cơn đau làm tôi sợ hãi chuyện da liền da thịt liền thịt? Tôi phải ráng chịu đựng cơn đau thêm chút nữa, ráng thở cho mạnh để đứa con trong bụng được hít thở không khí cuộc đời. Bất chợt giữa những cơn đau như xé ruột xé gan, một cảm giác vừa trút bỏ gánh nặng chụp xuống, đồng lúc có những tiếng khóc oa oa vang động trong căn phòng nhỏ. Cơn đau dịu hẳn. Nghe một tiếng thở phào và cảm nhận một nụ hôn trên trán của Viện. Trước khi rơi vào giấc ngủ, tôi nghe có tiếng thầm thì của chính mình: "Con yêu! Con gái yêu thương của mẹ."

Lúc tôi đã hoàn toàn tỉnh thức, cô y tá đến bên cạnh bảo: "Tôi mang em bé đến, bà cho em bé bú bà nhé."

Đứa bé đỏ hỏn nằm gọn trong tay tôi. Này là mắt của Viện. Này là tóc của Viện. Này là mũi của tôi. Này là chân là tay của tôi... Tôi ôm con bé vào lòng, vạch vú đưa sát đầu vú vào chiếc miệng xinh xắn nhỏ xíu của nó. Chiếc miệng con bé mút lấy mút để. Tôi nghe như dòng sinh lực trong bầu vú đang ào ạt chuyển xuống trên hai núm vú. Tôi lại thấy tôi đang cho và nhận. Cảm giác lưng tưng trên vú. Cảm giác nhột nhạt, co bóp nơi phần kín đáo nơi con tôi vừa rời khỏi để nhìn thấy ánh sáng của mặt trời. Cơ thể tôi, dẫu rằng đã trải qua từng cơn đau địa chấn cũng đâu thể không cảm nhận được những rung cảm đậm đà như thế này.

Cho đến lúc này, tôi đã có thêm kinh nghiệm của những xúc động thể xác. Tình yêu! Cho và nhận. Với chồng. Với con. Rõ ràng tình yêu mới làm cho thể xác tôi thêm rung động. Rung động khi được gần chồng. Rung động khi gặp lại mặt chồng dầu vì lý do nào đó hai vợ chồng phải xa cách chỉ vài ngày ngắn ngủi. Rung động khi nhìn chiếc miệng bé bỏng của đứa bé đỏ hỏn đang ngậm nút những giọt sữa trắng đục nằm bên trong bầu vú. Ôi! Nếu thiếu đi những tình cảm này, xác thân tôi có còn gì!

Da thịt tôi cho chồng những cơn chất ngất. Da thịt tôi cho con những dòng sữa ngọt để con được khôn lớn. Tôi cho nên thấy da thịt tôi nồng nàn hơn với chồng. Tôi cho nên tôi thấy xác thân tôi ấm áp hơn với con. Tôi cần dễ dàng cho để tôi được dễ dàng nhận. Cho là viên thuốc bổ của tình yêu, đòi hỏi sẽ giết chết tình yêu. Tôi cần tình yêu, thiếu tình yêu thể xác này chỉ là tấm gỗ mục. Tôi hằng nhủ lòng mình như vậy, vì đã nghiệm rằng không phải lúc nào người cho nào cũng bị thua thiệt và người nhận bao giờ cũng hạnh phúc hơn người cho.

Tôi đã rõ thể xác tôi không lạnh, nhưng tôi biết, tôi vẫn chưa thực sự hiểu hết sự nhiệm mầu của tình yêu và thân xác, nên không thể ngừng vun

NGUYỄN NAM AN

chiều tà

tình như bia ngon những lần bạt mạng
vô trăm phần trăm thấy lạng quạng rồi
tôi thuở trước theo người như nắng mới
trăng hiên rằm sáng mấy độ tình vui

vô trăm phần trăm ngay ngó bùi ngùi
tình thuở trước hôm nay thành bia đắng
có buổi sáng, anh hàng hiên đứng lặng
nay thêm buổi chiều nghe nắng tàn phai

tình như lon bia ướp lạnh lai rai
em không nhậu - cho anh mồi - cay ớt!
bia như xưa nhưng đời anh lỡ trợt
cũng còn may mới rớt trước hiên nhà

nay anh một mình buồn sống nơi xa
bia không đá - lạnh đêm - thành bia đá!

Nguyễn Nam An

đắp, không thể ngừng tìm biết, vì ngừng một ngày thiếu hâm nóng là tôi mất đi một ngày được sống cho tình yêu, và nếu sự ngừng đọng đó kéo dài thì một ngày nào đó cơ thể tôi cũng có thể nguội dần biến thành tảng băng trở lại. Và điều này, với một người đang tận hưởng hạnh phúc như tôi, sẽ hoàn toàn không bao giờ muốn...

Ngọc Anh

---

(1) Âm Vọng – Lê Thị Thấm Vân
(2) Bóng gẫy của thần tích – Lê Thị Thấm Vân.
(3) Đỗ Hoàng Diệu - Dòng Sông Hủi

cái thùng sách

BÙI NGỌC KHÔI

Chuyện khởi đầu vào một buổi chiều hè tại một khu chung cư năm tầng. Đã gần sáu giờ chiều nên ánh nắng đã dịu xuống. Thỉnh thoảng một ngọn gió mát thổi đến đem lại một cảm giác thật thoải mái dễ chịu. Đó là điều may mắn cho Hằng vì nó đúng vào ngày nàng dọn nhà, và dọn nhà một mình, không ai giúp. Đứng dưới chân cầu thang nhìn lên căn phòng mới thuê trên lầu ba Hằng thấy ngao ngán. Miếng giấy với hàng chữ viết tay "Thang máy hư" được dán bằng một miếng băng keo trên tường đong đưa trong gió. Miệng lầm bầm chửi thề bằng tiếng Anh, Hằng bặm môi cúi xuống cố nhấc cái thùng giấy nặng chình chịch lên. Lên được mười bậc thang cấp, Hằng vội đặt cái thùng xuống để nó khỏi tuột ra khỏi tay nàng, nhưng quá trễ. Đồ vật trong thùng văng ra tung tóe, cái nằm vương vãi, cái rớt qua những kẽ bậc cấp và rớt xuống lầu dưới. Hằng ngồi phệt xuống, hai tay bưng mặt chán nản. Một tiếng đồng hồ qua và sau gần mười thùng đồ, đây là thùng cuối, và nó sắp làm nàng phải chạy xuống dưới để nhặt từng miếng của cải mỗi nơi một cái.

- Cô cần tôi giúp không?

Hằng nhìn xuống dưới cầu thang, nơi câu hỏi đó đi lên. Khuôn mặt một người đàn ông đeo kính trắng đang ngước lên nhìn nàng, chờ câu trả lời. Mừng như người chết đuối gặp phao, Hằng vội đáp, "Vâng, nhờ ông giúp, đỡ quá!"

Sau vài phút, người đàn ông đi lên, tay khệ nệ bưng một chồng sách trên đặt vài thứ linh kinh khác. Hằng vội đưa ra cái thùng giấy, bây giờ vơi còn gần nửa, "Xin ông cho vô giùm."

- Cô mới dọn đến đây?

- Dạ, mới bữa nay, phòng 315. Nàng chỉ tay lên lầu ba.

- Phòng tôi số 316, sát phòng cô. Sẵn đi lên để tôi khiêng cái thùng lên cho cô.

- Cám ơn ông.

Người đàn ông tự giới thiệu, "Tôi là Linh, còn cô là..."

- Hằng.

Đến trước phòng 315, Linh hất hàm về phòng bên cạnh bảo

- Phòng mướn của tôi đó. Tôi và bà xã ở đây được bốn năm.

Hằng mở cửa phòng, đứng sang một bên để Linh vào.

- Nhờ anh đặt giùm cái thùng lên trên bàn. Dạ, cái bàn đó, rồi, cám ơn anh nhiều. Mời anh ngồi chơi.

Linh cười, "Thôi, để lát nữa tôi và bà xã tới thăm láng giềng mới, giờ chắc cô bận dọn dẹp trước đã." Hằng thành thật nói, "Vâng, vậy thì tốt, chốc mời anh chị qua chơi hay tôi ghé sang bên đó. Bây giờ anh thấy đó, đồ quá trời, phải dọn dẹp, không biết chừng nào xong."

Nụ cười thông cảm trên môi Linh, chàng gật đầu rồi đi ra. Còn lại một mình, Hằng xắn tay áo lên và bắt đầu thu xếp căn phòng thuê mới dọn đến.

*

- Đói bụng quá, có gì ăn không em? Linh vừa đẩy cửa vào nhà vừa lên tiếng.

Một thiếu phụ từ phòng trong đi ra. Nàng lại gần Linh rồi dí một ngón tay lên trán chàng mắng, "Anh mới về, chưa hỏi thăm con đã lo ăn." Đó là Thê, vợ Linh, vừa mới cho con uống thuốc xong.

- Ừ, để vô coi con trước cái đã, trong khi đó em dọn cơm ra rồi mình ăn.

Sờ tay lên trán đứa con gái ba tuổi, Linh thấy nó đã bớt nóng. Chàng cúi xuống hôn nhẹ lên trán con rồi đi ra. Thê đang dọn cơm tối ra bàn.

- Em có biết là mình có hàng xóm mới? Linh hỏi.

- Phòng sát mình hả anh? 315?

- Ừ, một cô người Việt mới dọn đến, mới đến tức thời. Anh đã gặp cô ấy ở ngoài hành lang. Tội nghiệp, con gái dọn nhà một mình, chả có ai giúp. Làm rớt đồ tùm lum tà la. Chắc hồi đó em cũng vậy.

Thê vênh mặt cười:

- Em thì khác, đã có mấy chàng Mễ to lớn giúp.

- Anh quên, em "hot" lắm. Bao nhiêu chàng trong khu em ở trước kia phải điêu đứng vì em.

Ăn xong, Linh rửa chén xong bảo vợ, "Anh phải chạy vô sở chừng hai

tiếng để xem lại cái system. Em ở nhà trông con. Em ngoan thì Thứ Bảy này mình đi nhảy."

Thê lắc đầu, "Nhảy nhót cái gì, già gần bốn chục rồi, nhưng dẫn em đi sắm quần áo thì được." Linh cười, lắc đầu xong hôn lên má vợ rồi đi ra. Thê ngồi xuống bật máy truyền hình lên xem. Đây là thói quen của nàng từ ngày bỏ việc làm để ở nhà lo cho con. Một năm sau khi sanh được con Tị, Thê đi làm trở lại nhưng không chịu được cảm giác nhớ con. Ngồi trong sở tám tiếng một ngày, nàng ngắm hình con luôn, đầu óc thì lơ đãng đâu đâu. Vài tháng sau, nàng nói thằng xếp mình nghỉ việc. Xếp tiếc hùi hụi, một phần Thê làm việc rất giỏi, một phần nàng là gái một con trông mòn con mắt. Từ đó nàng là bầu bạn với cái máy truyền hình từ sáng đến tối ngoại trừ những lúc chồng ở nhà.

Đang chăm chú theo dõi một thiên phóng sự về những vụ án mạng, Thê giật bắn mình khi có tiếng gõ cửa. Mở cửa ra thấy một thiếu nữ Á Đông rất trẻ, Thê đoán đó là cô hàng xóm mới. Nàng nở một nụ cười thật tươi, "Chào cô, cô mới dọn đến đây?"

- Dạ phải, chắc anh đã nói với chị? Người thiếu nữ trả lời.

- Ừ, ông xã tôi có kể lại. Anh ấy đi làm rồi. Mời cô vô trong.

- Không dám phiền chị đâu, để sáng mai em sang.

Nhưng Thê đang lúc này chán không có gì làm, mấy chương trình phát hình không có gì đặc sắc, có những cái được chiếu đi chiếu lại, nàng đã xem cả chục lần. Thê mở toang cửa, tự nhiên nắm tay cô hàng xóm mới lôi vào:

- Chả sao, hãy còn sớm. Anh Linh đi làm lại, tôi không bận, cô vào chơi.

Hằng miễn cưỡng bước vào. Nàng quan sát căn apartment. Sạch sẽ, ngăn nắp. "Bà này chắc là nội trợ nên mới có thời giờ," Hằng nghĩ.

Thê chỉ cho Hằng ngồi xuống ghế xong khơi mào, "Lúc nãy ông xã tôi nói đã gặp cô ngoài kia. Cô tên gì nhỉ?"

- Hằng. Anh không nói chị?

- Không, chắc anh ấy quên. Ăn xong lại phải chạy vào sở vài tiếng rồi về, cũng may sở không xa lắm. Cô ở đâu đến?

- Hằng trước kia ở Oregon. Mới tìm được việc làm ở vùng này nên dọn về.

Thê đứng lên đi vào bếp, trở ra với hai ly nước ngọt trên tay. Hằng vẫn ngồi khép chân đặt hai tay trên đầu gối nhìn quanh.

- Căn ắp-pạc của chị xinh quá. Chị thật khéo tay bày biện.

- Cám ơn Hằng. Tôi chỉ ở nhà, có nhiều thì giờ làm mấy chuyện này. Mà Hằng tìm được việc hãng nào vậy, biết đâu nghe tên tôi nhận ra vì ở đây cũng khá lâu, độ bốn năm.

- Hãng California Imaging Systems ...

Thê cướp lời, "Trên đường số Bốn phải không?"

- Đúng thế, chị rành quá.

- Hằng làm gì?

- Em làm trong ngành quảng cáo. Em mới học xong ngành quản trị thương mại. Hãng cho người đến trường tuyển mộ, em may mắn được nhận vô.

- Hằng giỏi quá. Tôi cũng theo đuổi cái bằng bốn năm đó bao lâu nay mà không được. Rồi có con, thế là dẹp hết.

Cô hàng xóm mới cười nhũn nhặn trước lời khen của Thê. Nàng uống một miếng nước rồi hỏi về Linh. Thê nói chồng nàng là chuyên viên điện toán cho một xưởng chuyên sản xuất những giàn máy trò chơi điện tử. Hãng này không xa hãng của Hằng, chỉ cách vài con đường.

- Khi nào thì Hằng bắt đầu làm?

- Hai tuần nữa, Hằng lên đây sớm để mình sắp xếp nhà cửa cho xong trước.

Ngồi nói chuyện được gần nửa tiếng thì Hằng ra về. Phần Thê thì thấy vui trong lòng vì có thêm một người láng giềng mà lại là người Việt. Trong khu chung cư này chỉ có gia đình nàng là Việt. Bây giờ được hai. Ít ra là trong hai tuần nữa nàng có người để nói chuyện. Thê đã định bụng rủ rê Hằng đi la cà mấy cái thương xá để mua sắm cho căn phòng mới thuê.

*

Sáng hôm sau ngay vừa khi Linh bước ra cửa đi làm, Thê đã chực chạy sang nhà Hằng để tán gẫu nhưng thấy ngại vì sợ cô hàng xóm mới còn ngủ. Nàng pha ly trà xong ra ngồi bên bàn bếp sát cửa sổ. Từ đây nàng có thể thấy cái hành lang dễ dàng, nếu thấy Hằng ra vào tức là nàng đã thức. Phải uống đến ly thứ ba thì Thê mới thấy cửa phòng Hằng mở. Cô hàng xóm mới chắc định đi đâu nên thấy ăn mặc tử tế. Thê vội đi ra hành lang.

- Hằng mới dậy? Cách hỏi thăm của Thê.

- Lâu rồi chị, Hằng định chạy ra phố tìm gì ăn. Trong nhà chả có gì.

Thê chụp tay Hằng, "Vào đây, nhà chị lúc nào chả có đồ ăn." Không chối được, Hằng đành phải đi vào mà trong lòng ngài ngại. Thê đưa Hằng vào tận trong bếp xong bảo ngồi xuống chờ Thê làm cho một tô bún.

Nhìn Hằng ăn, Thê hỏi, "Chương trình của Hằng là gì?"

- Em cần vài thứ, tính chạy ra ngoài mua thì gặp chị.

Thế là Thê chụp ngay cơ hội, rủ Hằng đi cái thương xá gần nhà. Đang lớ ngớ nơi "quê lạ xứ người" giờ tự dưng được người địa phương tình nguyện làm hướng đạo thì còn gì sướng bằng, Hằng nhận lời ngay. Thê đánh thức con dậy, làm vội chai sữa nhét vô một cái bị đựng vài thứ cần dùng cho con nít xong cùng Hằng xuống bãi đậu xe cư xá.

Một lúc sau.

- Ở đây cái gì cũng mắc hả chị! Hằng than.

Hai người đang đi lòng vòng trong thương xá. Thê đẩy một chiếc xe trẻ con chở đứa con gái. Họ đứng trước một cửa tiệm bán vật dụng dùng trong nhà bếp.

Hằng lắc đầu, "Chị xem, ba cái nồi với chảo kia, chỗ em chỉ độ hai chục, ở đây hơn năm chục."

- Đây là vùng Vịnh mà Hằng, bởi vậy hãng trả lương cao hơn nơi khác. Hay là vầy, Hằng mới ra trường, chưa rủng rỉnh tiền bạc, cứ qua nhà chị ăn cơm, đến cuối tuần thì anh Linh chở đi chợ trời mua đồ rẻ hơn. Nói là đồ chợ trời chứ mới toanh à, bây giờ Hằng chỉ mua cái gì thật cần thôi.

Hằng gật gù đồng ý. Là sinh viên mới ra trường, mới trả hai tháng tiền nhà, nàng không còn bao nhiêu tiền trong nhà băng. Thê mua hai cây kem, đưa cho Hằng một cái xong rủ lại ngồi nghỉ trên một cái băng con trong góc thương xá, ngồi liếm kem nhìn thiên hạ qua lại. Thê lợi dụng lúc này hỏi thăm Hằng về gia đình nàng. Hằng cho biết nàng sang Mỹ với gia đình người chú hiện đang ở một tiểu bang khác. Học trung học xong, nàng xin được học bổng và chọn vào đại học tiểu bang Oregon vì đa số bạn bè từ trung học lên về đó.

Hai giờ đồng hồ sau, hai người về lại chung cư. "Để chị qua coi em sắp xếp đến đâu rồi," Thê đề nghị. Hằng vui vẻ chấp thuận.

Cả ngày hôm ấy, Thê ở trong ắp-pạc của Hằng, đưa ý kiến về cách bày biện nhà cửa trong khi Hằng sắp các thứ vật dụng từ trong thùng ra. Quen nhau chưa được một ngày mà cả Thê và cô hàng xóm mới đã trở thành thân, cởi mở với nhau, cảm thấy gần gũi, kể cho nhau tất cả về gia đình mình. Hằng thấy hạnh phúc vô cùng. Từ một nơi xa xôi đến, tứ cố vô thân, người thân sống gần nhất cũng xa cả trăm dặm đường, nay quen một đồng hương tốt bụng và gần như xem mình như em thì còn gì hơn. Trước đó, Hằng những tưởng mỗi ngày đi làm về, nàng sẽ thui thủi cu ky một mình, sẽ sống một cuộc sống cô đơn cho đến ngày bảo lãnh cha mẹ sang. Nàng rất sợ cô đơn. Trong suốt cuộc đời sinh viên nội trú trước khi ra trường,

nàng có rất nhiều bạn, không một cuối tuần nào mà không đi chơi chung. Nàng còn được bạn mời về nhà ngủ đêm và trở thành thân luôn với gia đình bạn. Ngày lên đường về Cali, Hằng và lũ bạn gái ra quán cà phê tụ họp lần cuối. Cả lũ ngồi buồn so, sợ sẽ không bao giờ gặp lại nhau. Đời sống bên này là vậy. Học xong là đường ai nấy đi. Hằng là đứa xui nhất vì mấy đứa kia tìm được việc làm gần nhau trong khi nàng một mình phải tha phương xuôi Nam. Bây giờ gặp gia đình Thê, Hằng như vớ được phao. Gia đình Thê sẽ là chỗ nương tựa tinh thần cho nàng cho đến khi cha mẹ nàng qua theo diện đoàn tụ gia đình.

- Bé Tị xinh ghê, hả chị. Hằng lên tiếng khen, nàng đang chơi với con của Thê. Đứa bé gái ba tuổi coi bộ cũng thích người dì hờ. Nó đùa dỡn với Hằng một cách dạn dĩ và vui vẻ.

Phần Thê cũng thấy một niềm hạnh phúc mới. Khi mới bỏ sở để ở nhà với con, Thê thấy tràn trề hạnh phúc, thỏa mãn với chính mình vì đã hy sinh nghề nghiệp để có thể lo lắng cho con trọn vẹn. Ở nhà được hơn năm mọi việc bắt đầu thay đổi. Tất cả những gì làm hằng ngày rồi trở thành routine. Nàng làm những chuyện ấy theo thói quen như người máy. Có lúc không có gì hay trên truyền hình để xem, Thê chơi với con cho đến lúc nó đi ngủ xong nàng chỉ biết ra ngồi bên bàn bếp nhìn xuống đường chờ Linh về. Đôi khi nàng tự hỏi không biết quyết định nghỉ ngang có là một quyết định đúng hay không. Khi con Tị lớn đủ để đi học, nàng sẽ làm gì. Trên résumé khai là mình ở nhà trông con ba năm thì ai mà mướn nữa. Bây giờ có Hằng, Hằng sẽ trám những lỗ hổng thời gian đó.

Bữa cơm tại nhà Thê buổi tối hôm đó thật vui nhộn. Vừa thêm người, vừa thêm món. Có Hằng giữ con giùm, Thê trổ tài nấu thêm vài món đặc biệt. Linh cũng vui lây vì được ăn ngon vừa vui lây cái vui của vợ và Hằng. Chàng ít nói, chỉ nhìn vợ mình và cô hàng xóm mới nói huyên thuyên với nhau. Chàng có cảm tưởng là mạnh người nào người đó nói, không ai nghe ai. "Miễn sao Thê vui là được," Linh nghĩ thầm như vậy nhưng đồng thời trong bụng lo cho nỗi vui tạm bợ của vợ. Nỗi vui chỉ là tạm bợ vì chỉ hai tuần nữa thì Hằng đi làm, Thê sẽ lại cô đơn như xưa. Không những thế, nhìn Hằng mỗi ngày diện đẹp, vui vẻ hăng hái lên xe đi làm, Thê tránh sao được nỗi thấm thía gái nội trợ lo sữa tã cho con trong khi người ta thì thăng tiến trên đường đời. Linh lắc đầu cố xua đuổi những ý nghĩ vu vơ đó, cố hòa nhập vào cuộc nói chuyện của hai người đàn bà.

*

Mấy hôm nay trời nóng trở lại. Hồ bơi của chung cư bắt đầu đông hơn.

Linh vừa vào trong khu hồ tắm thì đúng lúc Hằng từ dưới nước trồi lên. Những giọt nước lóng lánh trên làn da sạm nắng của nàng. Hằng ngửa mặt lên vuốt mái tóc cắt ngắn ra sau gáy, vắt nước chảy dài xuống lưng. Bộ ngực nảy nở của nàng căng phồng lên, những đường cong hằn rõ dưới lớp vải mỏng của phần trên bộ áo tắm hai mảnh đen. Hằng đi lại chỗ để khăn tắm của mình nằm xuống. Nàng lấy cặp kính mát đeo lên, ngửa mặt lên để hứng những ánh nắng buổi chiều chiếu rực xuống.

Linh lại gần Hằng, trải khăn lông rồi ngồi xuống. Nghe tiếng chân người, Hằng mở mắt ra. Thấy Linh, Hằng ngồi lên.

- Anh Linh mới ra?

- Ra lâu rồi nhưng bận ngắm Hằng. Linh nói đùa hơi có ý bỡn cợt.

Hằng lườm Linh một cái, "Anh ghê nhỉ. Chị đâu?"

- Thê sắp xuống, đang sửa soạn cho con nhỏ.

- Sao anh không giúp chị một tay?

- Bà ấy không cần, chỉ mặc cái áo tắm cho con Tị thôi. Hằng bơi giỏi lắm, học ở college hả?

- Đâu cần phải vào college Mỹ mới tập bơi. Hằng biết bơi từ Việt Nam, chuyên đi bơi sông với bạn. Linh không biết Hằng nói thật hay chơi, chưa kịp hỏi vặn thì thấy Thê và bé Tị từ xa đi đến. Chàng vội đứng lên đi lại bảo vợ, "Em lại chơi với Hằng đi, để anh tập cho con lội."

Chỉ chờ cho Linh nói thế, Thê bỏ con, tay cầm khăn tắm, tay xách túi đồ đi te te lại chỗ Hằng. Hai người đàn bà lại bắt đầu nói chuyện như họ đã nói chuyện trong suốt gần hai tuần qua.

Vừa được đưa xuống nước, bé Tị thích thú vô cùng, đứa bé quơ tay đạp chân như muốn bơi ngay. Linh phải ôm con chặt vào người rồi thì thầm - Để ba chỉ con lội. Hai tay đỡ dưới bụng Tị, Linh bảo con dùng tay chân quạt nước theo kiểu bơi ếch. Con nhỏ ngoan ngoãn vâng lời, Linh từ từ đẩy con tới, nói khuyến khích nó, "Đó, con bơi tới đó, ráng tập đi."

- Anh Linh coi bộ thương con nhiều hé chị, Hằng chỉ tay về hướng Linh, bảo Thê.

- Ừ, nhiều đến độ có lúc chị tự hỏi không biết anh ấy thương ai hơn, vợ hay con.

Nghe vậy Hằng cười, "Mà có thương con hơn thì cũng đâu có sao chị. Bộ chị ghen với con sao!"

Thê cười lại - Đâu thèm.

Dạy con bơi được một lúc khá lâu, Linh đưa đứa bé lên bờ bảo đi lại mẹ. Chàng nói vói lại chỗ hai người đàn bà, "Em trông con để anh bơi vài

vòng." Hằng vẫy tay chào Linh. Linh cười hớn hở chào lại xong nhảy ùm xuống nước. Thê lấy khăn lông lau Tị cho khô. Con bé giựt tay ra, chạy lại ngồi xuống cạnh Hằng. Nàng ôm Tị gọn vào trong lòng, hôn lên hai cái má phúng phính của nó.

- Không biết bao giờ em mới được một đứa dễ thương như Tị đây.

- Hằng đẹp mà, thế nào cũng đẻ con đẹp như mẹ.

- Còn tùy chị ơi. Nếu chồng xấu thì chưa chắc con đã đẹp như mẹ.

- Hằng nói anh Linh đẹp?

Hằng nghĩ ngợi, "Anh ấy trông cũng được, không tệ như mấy tên Việt Nam trên chỗ em."

Thê đùa, "Cho Hằng đấy, giữ ông ấy đi."

Hằng giẫy nẩy, "Chị đùa kỳ quá!" nhưng trong đầu lởn vởn một tưởng tượng mình cặp với Linh. Bề ngoài Linh trông điển trai, cao so với tầm vóc trung bình người Việt, không gầy gò ốm yếu và đặc biệt là không hút thuốc như đa số đàn ông ta. Về tính tình, Hằng thấy Linh là một người cha và chồng tốt. Linh có tính hay bông đùa nhưng rất đứng đắn. Chỉ có cái là Linh đi làm quá nhiều. Gần hai tuần nay, Hằng chỉ gặp Linh vào mỗi tối khi qua nhà Thê ăn cơm. Suốt ngày ông hàng xóm đi làm mất đất. Cái cuối tuần vừa rồi cũng không thấy mặt đâu dù đã hứa dẫn đi chợ trời. Thê phải chạy sang xin lỗi, nói là ở sở người ta bất thần gọi Linh vào có việc khẩn.

Những giọt nước lạnh bắn vào mặt và tiếng cười ròn tan của Linh làm Hằng bừng tỉnh. Linh đứng sừng sững trước mặt nàng, đang vảy tay cho văng nước vào hai người đàn bà và bé Tị. Thê cằn nhằn, "Lạnh thấy cha đi."

- Đã xuống đây thì tắm chứ, trốn ngồi trong mát thì ở nhà sướng hơn, Linh cãi xong quay sang Hằng, còn cô này tắm nữa không hay cũng trốn trong bóng như bà kia?

Nàng nhoẻn miệng cười với Linh, "Nếu anh Linh xuống lại thì Hằng xuống." Câu mời mọc nửa thật nửa đùa. Phần nói đùa để trêu Thê về câu đùa lúc nãy của Thê, phần nói thật khi thấy những bắp thịt rắn chắc trên thân thể Linh.

- Vậy thì tắm nữa, Linh nói xong đưa tay ra nắm tay Hằng lôi xuống hồ bơi. Hằng kéo lại nhưng trước sức mạnh của Linh đành chịu thua. Hai người cũng ngã xuống nước một lượt.

Dưới đáy hồ, tay Linh tình cờ chạm vào vú Hằng. Nàng cảm thấy như có một luồng điện chạy ngang qua ngực mình. Nàng vội đạp nước bơi ra xa. Lúc hai người trồi lên, Hằng thẹn nhưng liếc nhìn Linh xem phản ứng của chàng ra sao. Linh mặt tỉnh queo như không có gì xảy ra, chàng bơi

lại gần. Hằng chờ một lời xin lỗi nhưng nó không đến. Linh trêu, "Uống nhiều nước không?"

"Chắc anh chàng không biết," Hằng nghĩ, cũng làm mặt tỉnh như vô sự.

- Anh Linh làm như Hằng bơi dở lắm vậy, sức mấy mà uống nước.

- Biết vậy nhận nước Hằng cho uống vài ngụm.

Hằng xí lên một tiếng rồi bơi vài vòng thật nhanh như muốn trổ tài cho Linh xem. Bơi mệt xong, nàng lại chỗ mấy bậc cấp nơi Linh đang ngồi. Linh lại khen Hằng bơi giỏi chứ không như vợ.

- Tại anh không tập cho chị ấy, Hằng trách.

- Tại bà ấy không thích nước đấy, Linh giải thích.

"Không thích nước mà bữa nay xuống, hay là để canh chồng," Hằng nghĩ nhưng vội xua đuổi tư tưởng đó đi, "Mình bắt đầu suy nghĩ lảm nhảm rồi."

*

"Hè gì mà cứ như mùa Thu," Thê rủa thầm. Nàng đang ngồi chỗ ngồi cố hữu mọi ngày, cũng cái bàn sát cửa sổ bếp ngó ra đường. Nàng nhấc ly trà nóng bốc mùi thơm lên mũi hít hà. Hôm nay là Thứ Sáu của tuần lễ đầu tiên Hằng đi làm. Thê lại bầu bạn trở lại với cái máy truyền hình. Cũng chỉ ba cái soap opera và mấy chương trình game shows chán phèo. Vừa xem vừa nghĩ đến hai tuần lễ vui nhộn qua, Thê thấy chán nản. Nàng tắt máy, đun nước pha bình trà đem ra bàn bếp. Con gái còn đang ngủ trong phòng, không phải lo gì cho nó cả tiếng đồng hồ nữa.

Sáng sớm nay khi đưa Linh ra cửa đi làm, Thê gặp Hằng cũng vừa đi ra. Nàng mặc một cái váy đen cụt tay để hở hai cánh tay trần và cao vừa hơn đầu gối một ít. Hằng trang điểm vừa đủ, trông thật xinh. Nụ cười thật tươi trên đôi môi đánh son đỏ lạt càng làm nàng trông xinh hơn. Hằng chào vợ chồng Thê xong đi thẳng xuống bãi đậu xe.

- Hằng sáng nay trông đẹp tệ, hả anh? Thê hỏi chồng.

- Ừ, đẹp.

Câu trả lời của Linh có vẻ hững hờ. Chàng hôn Thê xong lững thững đi theo sau Hằng.

Thê đứng trên lan can nhìn theo. Linh và Hằng xuống đến bãi đậu xe, xe hai người tình cờ đậu sát nhau nên cả hai trao đổi vài câu trước khi lái đi. Nhìn Linh và Hằng đứng cạnh nhau, Thê chợt có nhận xét cả hai trông thật xứng đôi, chỉ có cái Linh hơi lớn tuổi nhiều so với Hằng. "Nếu Linh xứng với mình hơn nghĩa là mình già hơn Hằng nhiều," Thê ngẫm nghĩ.

Nàng đi vào phòng tắm bật đèn lên soi gương. Thê hơi giật mình khi thấy hai ba sợi tóc bạc trên đầu. Nàng ngó sát gương hơn. Một vài nết nhăn nhỏ cuối khóe mắt. Nàng đi vào phòng ngủ, đứng trước tấm gương lớn gắn trên cửa tủ quay người tới lui ngắm nghía. Cặp đùi có to ra một ít, bụng hơi phì, ngực hơi xệ. Nàng cởi áo, ở trong không mặc xú chiêng. Cặp nhũ hoa nàng to hơn sau ngày sanh con Tị nhưng lại bị xệ vì con bé bú quá. Chỉ có cặp mông Thê như hãy còn đẹp, tròn trịa và săn.

"Mình bệ rạc thật, suốt ngày chỉ ngồi một chỗ, mụ người đi. Phải chăm sóc diện mạo hơn mới được. Rồi tập thể dục nữa, có lẽ đi gym." Đó là quyết định của Thê.

Tối hôm đó trong bữa ăn, dĩ nhiên có cả Hằng, Thê thông báo sẽ ghi tên tập thể dục. Hằng tán thành ngay. Riêng Linh thì có vẻ ngại, "Còn Tị thì sao?"

Hằng đỡ cho Thê, "Không sao đâu, ở mấy chỗ gym người ta giữ trẻ cho mình mà!"

Thấy chồng vẫn còn lo, Thê đề nghị đi tập vào buổi tối vì lúc đó Linh đã đi làm về và Hằng có thể phụ một tay. Linh miễn cưỡng chấp thuận. Thế là sáng hôm sau Linh dẫn Thê lại một phòng gym trong thương xá ghi tên. Nhìn tên thư ký quẹt cái thẻ tín dụng, Linh bảo vợ, "Vậy là đi đong hai trăm bạc, em phải tập làm sao có bắp thịt đó nghe!"

- Anh đừng lo, một tháng sau là em dư sức nắm anh ném xuống sân dễ dàng. Anh cũng phải lo tập tành đi.

Linh ừ hử cho qua chuyện.

*

Mồ hôi chảy dài từng dòng trên mặt Thê xuống đến người ướt nhẹp nhưng nàng bặm môi tự nhủ, "Chỉ còn một mile nữa thôi." Thê đang đạp chiếc xe đạp thể dục tại chỗ trong gym. Nàng đã đạp được hai miles, mệt bở hơi tai nhưng không muốn bỏ cuộc. Thê đến bữa nay đã khá rất nhiều, tiến triển thấy rõ. Ngày tập đầu tiên không phải dễ cho Thê. Kéo mấy cục tạ được năm phút là đôi tay muốn rụng, nàng có cảm tưởng hai cánh tay không còn dính vào người mình nữa, không còn nghe mệnh lệnh từ óc đưa xuống. Đạp xe đạp được nửa mile thì cặp chân rã rời, có lúc bàn chân trượt khỏi cái bàn đạp làm nàng xiểng niểng. Thê muốn bỏ về nhưng nghĩ lại hai trăm đô mình mới tiêu nên lại bặm môi cố gắng tập tiếp. Tập về than thở luôn miệng, bắt Linh phải bóp dầu và đấm lưng. Ba tuần sau nàng là một con người mới, mới trong người thôi vì bề ngoài thì vẫn vậy, chân vẫn còn hơi mập, bụng vẫn hơi xệ, vú chưa săn lên nhưng nàng cảm thấy khỏe

khoẳn trong người, đi đứng nhanh nhẹn, làm việc nhà thấy không còn mệt nhanh như trước. Cái mà nàng thấy thay đổi rõ nhất là mức độ thèm xác thịt gia tăng. Nàng đòi hỏi chồng thường hơn trước. Khi làm tình, Thê làm mạnh hơn và cuồng hơn. Có đêm nàng đòi đến mấy lần làm Linh nghĩ chắc chàng rồi cũng phải đi gym để bắt kịp.

- Chị tập khá lắm.

Thê nhìn sang bên cạnh. Người đàn ông nhìn nàng, gật gù ra vẻ thán phục. Thê hãnh diện, nàng cười đáp lại, "Cám ơn anh, mình phải ráng." Người đàn ông đồng hương để ý đến Thê từ ngày đầu tiên nàng đến đây. Anh ta vài lần gạ nói chuyện với Thê, nàng lịch sự đáp lại. Thê không để ý nhiều đến hắn, chỉ biết qua những lần nói chuyện ngắn ngủi tên hắn là Huy, hắn đã tập tại phòng gym này từ lâu và thường chứng tỏ bằng cách gồng lên những bắp thịt cuồn cuộn mỗi lần đi ngang chỗ nàng tập. Ngoài ra, nàng còn biết hắn là một quản trị viên trong một hãng điện tử lớn có nhiều quyền hành.

- Hôm nay chị đạp được mấy miles? Huy gạ chuyện.

- Ba.

Huy gật đầu, "Đối với người mới tập vậy là khá lắm!"

Thê chợt nổi nóng, "Chứ bao nhiêu miles mới là giỏi thật?"

Cười giả lả, Huy lắc đầu nói:

- Chị nóng tính quá, tập thể dục là tập theo sức mình. Không người nào như người nào, không so sánh được. Không phải mình thấy người bên cạnh đạp năm hay mười miles thì mình cũng phải đạp năm hay mười miles.

- Vậy tại sao anh mới dám nói - Đối với người mới tập vậy là khá lắm?

- Đó là mức trung bình theo nhận xét riêng. Tôi thấy là chị có potential lắm nếu tập đúng phương pháp.

- Anh bảo tôi tập sai phương pháp?

- Đúng vậy. Tôi để ý lối tập của chị từ lâu. Mới đầu chị kéo tạ 10 pounds 12 reps. Nặng quá, chị tụt xuống 8 pounds 10 reps. Như vậy làm sao chị đo lường được mức tiến bộ. Chị phải khởi sự tạ nhẹ trước rồi từ từ tăng lên. Hơn nữa, tôi để ý thấy chị quan tâm nhiều về trọng lượng của tạ hơn là về posture, tức là thế.

- Thế?

- Phải, thế, cách đứng, cách nâng tạ vân vân. Thế mà đúng thì tập lên lắm, thế sai dù nhiều reps cũng chẳng ích lợi gì, mà còn trẹo xương hại người phải đi chiropractor.

Thê xuống xe đạp, lấy khăn lau mồ hôi trên người và lau ghi-đông xe. Nàng nhìn Huy, Huy cười bảo nàng, "Để tôi chỉ chị mỗi lần chị đến, mướn thầy dậy riêng tốn lắm chị. Tụi nó charge ít nhất ba chục một giờ."

Thê ngẫm nghĩ xong đáp - Cũng được, bắt đầu ngày mai.

*

Tối nay Hằng đi làm về trễ. Vậy mà khi đi ngang cửa sổ bếp nhà Thê, nàng nhìn vào chỉ thấy Linh đang dỗ con Tị ăn. Không bóng dáng Thê đâu. Hằng nghĩ sao, gõ lên cửa. Linh thò đầu ra.

- Chị có nhà không anh?

- Chị còn ở gym. Hằng vào ăn cơm đi. Chị nấu sẵn rồi.

Hằng đặt cái cặp xuống ghế rồi tự nhiên vào bếp lấy cơm ăn. Con Tị tụt xuống ghế chạy đến Hằng, bị cha mắng - Con để dì ăn cơm đã!

- Để Hằng cho Tị ăn, anh Linh ơi! Thấy anh cho cháu ăn sao khổ sở quá.

Vừa nói Hằng vừa cởi cái áo khoác màu đậm, treo lên thành ghế, sắn tay áo sơ-mi trắng lên cẩn thận đút từng miếng cơm cho Tị, kiên nhẫn dỗ con bé bằng những lời ngon ngọt. Tị coi bộ thích thú lắm, nó vừa đùa với dì vừa ăn nhưng vậy lại ăn được nhiều.

- Dạo này chị về trễ lắm, Linh than.

- Em cũng thấy vậy, chị siêng tập ghê.

- Đúng, vì vậy anh cứ phải lo cho Tị luôn. Linh kèm theo câu nói bằng cái lắc đầu. Đã đi làm về mệt rồi còn phải lo cho con.

- Thì cũng phải để cho chị đi ra ngoài chứ, chả lẽ bắt ở trong bốn bức tường suốt ngày sao?

Nhìn khung cảnh đầm ấm Hằng cho con mình ăn làm Linh cảm động. Chàng thấy Hằng sao giống như một người mẹ hiền lo lắng cho con từng ly từng tí. Tị ăn xong chạy lại cha đòi cho xem TV. Linh dẫn nó ra phòng khách, bật máy lên rồi trở vào trong bếp ngồi xuống cạnh Hằng.

- Cám ơn Hằng nhiều. Không có Hằng thì anh chật vật với nó lắm. Con bé không có mẹ nó lo cho đâm khó tính.

- Đâu có gì mà cám ơn anh Linh. Em mến cháu mà cháu cũng mến em nữa. Với lại về nhà xong em cũng chả có gì làm ngoài việc xem vài cái Tivi shows vớ vẩn. Con quấn quít theo mẹ vậy là tốt chớ. Anh không nên than.

Linh định mở miệng khen Hằng là khéo, có khả năng là một người mẹ tốt thì Thê đã đẩy cửa bước vào với một bộ mặt hớn hở. Thấy Hằng, Thê chạy lại khoe - Ngày mai chị có personal training miễn phí.

- Thế thì tốt quá, personal training đâu có rẻ đâu, họ tính tiền từng giờ, hình như là...

- Cả ba bốn chục một giờ, Thê cắt ngang.

- Tại sao họ cho em cái đó free? Linh thắc mắc.

Thê ngập ngừng, "Thật ra không phải personal training chính thức, nghĩa là không phải trainer của gym mà có người tình nguyện dạy chùa." Linh à một tiếng, có ý định hỏi tiếp nhưng nghĩ sao lại thôi. Chàng đi ra phòng khách ngồi xem truyền hình với con, để mặc vợ và Hằng nói chuyện huyên thuyên về chuyện tập thể dục. Chàng nghe lõm bõm như có một người Việt cũng tập tại gym của Thê và anh chàng này đã tình nguyện dạy "tư" cho vợ chàng mà không lấy tiền.

*

- Không được. Chị kéo vậy là sai rồi.

Huy nói xong đi vòng ra đứng trước Thê, lắc đầu bảo, "Hai cái vai chị chạy lên chạy xuống là không đúng posture. Kéo tạ như vậy không những không ích lợi gì mà có ngày chị đi chiropractor." Hắn lập lại lời cảnh cáo hôm nọ.

Quẹt mồ hôi nhễ nhại trên mặt, Thê nói giọng đượm bực mình, "Nặng thấy cha, không co vai lên thì làm sao kéo nổi." Huy đang chỉ Thê kéo tạ theo thế chèo thuyền ngồi trên chiếc ghế dài. Hắn giải thích, "Tập kéo kiểu này là để tập bắp thịt hai bên nách và ngực, không phải vai, nếu nặng quá thì để bớt trọng lượng đi," rồi với tay điều chỉnh tạ cho Thê. Huy đi vòng ra đứng sau lưng nàng đặt hai tay lên vai nàng rồi bảo tập tiếp. Thê mím môi gồng bắp thịt lên kéo sợi dây cáp buộc vào đống tạ, đôi vai nàng muốn nhô lên nhưng Huy lập tức nhấn xuống. Rồi cứ thế Thê kéo đủ mười hai reps. Huy khuyến khích - Vậy là tốt, nghỉ vài phút xong kéo thêm hai sets.

Hai sets tiếp được hoàn tất mỹ mãn. Trong khi kéo tạ, Thê có cảm tưởng tay Huy vuốt ve vai mình. Những cái sờ của người đàn ông làm nàng lúc đầu thấy ngại sau thấy thích thú. Mỗi lần nàng coi bộ kéo lên không nổi, Huy cúi mặt xuống sát tai nàng thì thầm, "Cố lên, gần được rồi. Tốt lắm, đẹp lắm." Hình như Huy nhấn mạnh chữ Đẹp. Thê khoái trong lòng.

Tập xong thế kéo tạ chèo thuyền, Thê thở dốc. Nàng ngửa mặt tu chai nước ừng ực. Những giọt nước từ khóe miệng chảy xuống cổ xuống ngực đang lên xuống theo nhịp thở hổn hển, Huy nhìn theo dòng nước, muốn liếm mép. Thê bắt gặp cái nhìn của Huy. Hắn vội quay mặt đi, giả tảng đang nhìn những dụng cụ tập trong phòng. Chờ Thê đặt chai nước xuống, Huy gạ, "Bây giờ tập đẩy tạ nằm."

Hai người đi lại một cái ghế dài đặt giữa một cái giá chịu một thanh tạ. Huy điều chỉnh cho đầu ghế cao lên thay vì nằm thẳng song song với mặt đất.

- Để đầu ghế cao lên như vậy cho dễ tập lúc đầu, chị nằm xuống đi. Tôi đứng sau đỡ cho chị, lỡ chị làm rớt thì tôi chụp cho kịp.

Thê ngoan ngoãn nghe lời. Nàng nằm xuống, nhấc thanh tạ lên và bắt đầu cử lên xuống. Tập kiểu này, nàng không cần người giữ vai mình nhưng Huy phải thỉnh thoảng đẩy hai cùi chỏ nàng lên mỗi lần muốn bỏ cuộc. Một lần nữa, Thê có cảm tưởng người đàn ông vuốt ve hai cánh tay mình. Đứng sau lưng Thê, Huy tha hồ chiêm ngưỡng bộ ngực lên xuống của Thê. Tối nay nàng lại mặc một cái áo thun sẻ cổ thấp nên hắn thấy cả nửa phần ngực trên nhễ nhại của nàng.

- Thôi, tối nay vậy là đủ, Thê tuyên bố sau khi làm trọn ba sets bench press.

- Sao, chị thấy khoẻ không? Chị tập vậy chả mấy chốc sẽ thấy tiến bộ. Huy nói giọng tâng bốc xong tự nhiên đưa tay lên gỡ mấy sợi tóc Thê dính bệt mồ hôi trên má. Người đàn bà để mặc cho hắn làm, không phản đối.

- Ừ, như vậy cũng tạm đủ cho chị hôm nay, tôi còn phải về sớm để xem lại phần interview sáng mai.

- Anh đang tìm việc? Tôi tưởng anh đang đi làm.

Huy cười, làm mặt quan trọng bảo:

- Sáng mai tôi interview mấy người xin việc làm cho hãng.

- Thì ra thế, hãng anh đang cần người?

- Tụi tôi đang cần chuyên viên test và nhân viên ráp nối circuit boards.

- Lương khá không anh?

- Từ mười hai đến mười lăm đồng một giờ, tùy việc làm và kinh nghiệm.

- Lương vậy là cao.

Thê nói xong, ngẫm nghĩ một lát rồi chúm chím cười tình với Huy - Có gì cho tôi làm được không?

- Đương nhiên là có, để tôi xem lại cho chắc rồi cho chị hay tối Thứ Hai... nếu là chị đến đây kìa.

Thê cười tình một lần nữa, "Dĩ nhiên là đến chớ, được anh chỉ tập thì dại gì không đến."

*

Lại thêm một buổi trưa Thứ Bảy mùa hè nóng bức, khu hồ tắm chung

cư bắt đầu đông nghẹt người. Linh, Thê và Hằng đang đứng trên bao lơn quan sát đám người, bàn tính có nên xuống hồ hay đi chơi chỗ khác. Trong lòng Thê muốn xuống hồ ghê lắm để khoe thành quả tập của mình trong bao tuần qua. Ban ngày khi chồng đi làm, còn ở nhà một mình, Thê thường cởi hết quần áo xong đứng trước gương để tự chiêm ngưỡng thân thể mình. Tập tành cực nhọc đã đem lại thành quả rõ rệt. Bộ ngực nàng không to ra nhiều nhưng đã săn lại, cứng hơn trước với những đường cong nổi hẳn lên. Bụng Thê thóp vào. Cặp đùi bớt mập và cứng hơn trước. Nàng quay người tới lui ngắm xong tự khen mình. Thường khi khỏa thân đứng trước gương như vậy, Thê lại nghĩ đến Huy. Không có Huy thì làm gì mình có được tấm thân như ngày hôm nay, Thê nghĩ. Nàng nhớ lại cảm giác khi Huy sờ người nàng trong lúc chỉ dạy, cảm giác là lạ lúc đầu làm nổi da gà nhưng sau đó là khiêu khích. Nghĩ đến đây Thê tự sờ soạng người mình, vuốt ve cặp vú xuống đến bụng rồi đùi. Nàng chợt cảm thấy xấu hổ vì hành động của mình, "Mình phản bội chồng rồi sao, từ ngoại tình trong tư tưởng cho đến trong hành động không xa." Nghĩ thế nhưng đến gần tối thì Thê lại nao nức lật đật xách túi đi gym.

Nhìn đám đông trong khu hồ tắm, Linh lắc đầu, "Đông đảo ồn ào thế kia mà xuống làm gì, trong hồ không có chỗ mà quậy nước chứ đừng nói đến bơi!"

- Phải đấy, Hằng đồng ý, hay là mình đi ra biển chơi.

- Nước biển lạnh bơi không được, vậy thì khác gì đâu, Thê phản đối.

Nghe vợ nói vậy, Linh lấy làm lạ vì thông thường Thê rất ít thích nước. Nhiều lúc rủ nàng xuống tắm chung không được, Linh đành đi một mình. Sau cùng Hằng đưa ra một giải pháp, "Hôm nay mình tắm hồ bơi, chiều mai đi píc-níc bãi biển, được không?" Cả nhà tán thành ý kiến này.

Xuống đến hồ bơi, Thê cố tình đứng trước chồng và Hằng rồi từ từ bỏ chiếc áo khoác xuống. Hằng lên tiếng khen, "Chị Thê tập gym kết quả thấy rõ, phải không anh Linh?"

Linh gật gù khen vợ, "Em giỏi lắm. Hằng nói đúng, người em bây giờ đẹp tuyệt."

Thê giả vờ làm mặt giận, "Bộ trước đây xấu sao?"

- Anh đâu có ý nói vậy, Linh vội bào chữa, em lúc nào chẳng đẹp nhưng bây giờ thì hết sức đẹp. Chắc nhiều chàng mê mệt vì em.

Thê ngún nguẩy, "Biết đâu đấy anh. Nếu anh không thèm muốn em nữa thì..." Nàng bỏ lửng câu nói ở đây xong đi lại bờ hồ, nhón một cái nhảy xuống nước. Linh và Hằng nhìn nhau.

- Anh cẩn thận đấy, Hằng đùa.

- Chị ấy giỡn mà. Anh biết Thê không phải như vậy đâu. Nói vậy nhưng Linh cảm thấy có gì bất ổn trong lòng. Chàng buột miệng thố lộ - Anh thấy có gì kỳ. Hôm qua đi gym về, chị nói với anh là cái ông gì đó dạy chị ở gym hứa sẽ tìm việc làm cho chị chỗ hãng của hắn.

Đến lượt Hằng cảm thấy có gì bất ổn cho Linh nhưng trấn an chàng, "Chắc chẳng có gì đâu anh, mình đừng nên kết luận vội vàng, oan cho chị... Rồi anh nói với chị sao về chuyện đi làm?"

- Anh không muốn cản vì sợ Thê hiểu lầm là mình ghen vô lý hoặc đầu óc thủ cựu chỉ muốn giữ vợ khư khư ở nhà.

- Hai người bàn chuyện gì bí mật vậy? Thê đã lên bờ và đang đứng trước mặt hai người. Nàng ngồi xuống dựa vào người Linh xong vuốt ve má chàng, "Cưng không bơi sao?"

- Anh vừa nói với Hằng về vụ đi làm lại của em.

- Chừng nào thì chị bắt đầu làm? Hằng hỏi.

Vừa mơn trớn má Linh, Thê đáp, "Chưa biết, tuần tới người ta sẽ cho chị biết hãng có opening cho chị không. Chỉ đang hy vọng thôi."

- Nghĩa là chị thật sự muốn đi làm lại.

- Ừ, ở nhà mãi chán chết. Xem mấy cái soap riết đâm nhàm, cải lương quá.

Miệng nói thế nhưng trong đầu Thê nghĩ thầm, "Vào hãng gặp Huy vui hơn."

*

Đồng hồ trên tường chỉ bảy giờ mà bóng dáng Huy đâu vẫn chưa thấy. Thê bực mình quá không tập được, ra ngồi trên ghế nệm phòng khách xem báo. Mấy mụ Mỹ mập vừa đạp xe đạp vừa nói chuyện om xòm làm nàng đâm thêm bực. Thê quăng tờ báo xuống bàn, đứng lên xách túi đi ra cửa, miệng rủa thầm - Đồ cà chớn, hẹn lèo. Ra đến xe thì nàng đụng mặt với Huy cũng vừa trên xe hắn bước xuống. Thê làm mặt tỉnh bơ không thèm nhìn Huy, định leo lên xe đi. Huy vội chạy lại.

- Chị Thê, về sớm thế?

- Chứ ở đây làm gì? Thê trả lời giọng hờn.

Huy trông lo lắng ra mặt, hắn vuốt vai Thê năn nỉ, "Xin lỗi chị nhe, tại có việc đằng sở nên ra trễ. Thì tối qua Huy đã nói với chị là hôm nay bận interview ứng viên mà."

Nhìn bộ mặt của Huy kèm theo cái vuốt lên vai nàng, Thê mềm người ngay. Nàng đóng cửa xe xầm một cái xong đi trở vô trong gym. Huy lẽo

đẽo theo sau. Trong lòng Thê đã hoàn toàn hết giận nhưng bề ngoài nàng giả vờ lẫy.

- Sao, tối nay Huy định dạy Thê gì đây?

Huy mừng như mở cờ trong bụng. Hắn biết Thê hết giận. Nàng lại còn xưng tên chứ không dùng ngôi thứ nhất "tôi" nữa. Trong đầu như đã sắp sẵn chương trình, Huy đáp ngay, "Hôm nay tập chân, leo cầu thang."

Đưa Thê lại cái máy stairmaster, Huy vắn tắt giải thích rồi bảo nàng leo lên. Thê bật máy chạy, Huy đứng sau lưng nàng. Hắn thấy là nhìn Thê tập máy này đã hơn là nhìn nàng kéo tạ. Eo thon uyển chuyển, cặp mông tròn trịa di chuyển theo bước chân. Nhìn mông Thê no nê rồi, Huy muốn thấy ngực nàng một lần nữa, hắn bảo Thê ra tập cử tạ nằm như hôm trước.

- Thê khá lắm, chẳng mấy chốc sẽ có thân hình bốc lửa, ngay cả Julia Crawford cũng phải ghen.

Lời khen sống sượng của Huy đến đột ngột. Mặt Thê đỏ ửng lên, nàng nguýt hắn một cái. Huy cười đĩ thõa nói tới, "Huy nói thật đấy, mà Thê có tự thấy điều đó không?" Thấy nói chuyện như vầy hơi quá lố, Thê gạt ngang bảo, "Huy làm nhàm quá. Hôm nay mình tập trễ, thế này đủ rồi. Mà còn vấn đề việc làm thì sao? Huy nói là tối nay sẽ cho Thê biết."

- Để Huy đền Thê tới trễ tối nay, Huy mời Thê ra quán sinh tố ngoài kia làm một ly rồi mình nói chuyện đó luôn một thể.

Quán Jambalaya Juice nằm sát phòng thể dục là một địa điểm tốt để bán sinh tố. Những người tập tạ ra tạt qua mua một ly uống bù cho sức lực hao tổn trong phòng tập. Huy chạy vào mua hai ly sinh tố dâu, cam và chuối đem lại chiếc bàn tròn đặt trên vỉa hè trước cửa quán.

Ngụm nước trái cây đầu tiên đi vào cuống họng Thê mát rượi và ngọt lịm. Nàng khà một tiếng coi bộ khoan khoái. Nàng nhoẻn miệng cười với Huy, "Cám ơn Huy!"

- Huy đã xem tất cả những openings hãng đang mở, có một việc làm hợp khả năng với Thê, đó là test technician. Huy nói.

- Test technician! Hừm, cũng được, mà họ trả bao nhiêu?

- Mới vào thì mười một giờ, sau ba tháng sẽ xét lại, có thể lên mười hai mười ba. Sao, Thê chịu không?

- Khó không Huy? Nói thật với Huy, Thê nghỉ làm điện tử ba năm, quên nhiều lắm.

- Không ăn nhằm gì, mấy cái căn bản nó cũng vậy thôi. Huy cười ruồi. Mà vào được thì đích thân Huy sẽ dạy Thê... cũng như ở đây.

Lấy cái ống hút ra khỏi ly mình, Thê cắm vào ly của Huy, bịt đầu ống

bằng ngón tay, nhấc ống hút ra, đưa vào miệng mút xong kéo ra, lè lưỡi liếm cái ống hút.

- Huy hứa sẽ dạy Thê tận tình nghe! Đừng bỏ rơi người ta đấy!

- Ai chứ Thê thì làm sao Huy bỏ rơi được. Lại thêm một nụ cười đĩ thõa trên môi Huy.

Thê nhìn đồng hồ tay, gần chín giờ. Nàng đứng lên, khoác túi lên vai.

- Còn sớm mà.

- Phải về lo cho con nữa.

Hai người đi ra xe. Chờ Thê mở khóa cửa xe xong, Huy nịnh đầm mở cửa xe cho Thê. Hắn bảo nàng mai sẽ mang đơn xin việc làm lại cho Thê điền.

*

Lại thêm một tối Hằng đút cơm cho Tị ăn. Con bé hình như biết nếu mình không cho cha đút thì dì sẽ đút, và nó thích dì hơn. Dì dịu dàng, không gắt như cha, chịu khó chơi với nó. Linh ngồi chống tay lên bàn nhìn Hằng cho con mình ăn.

- Điệu này một là anh đưa con Tị sang ở với Hằng, hai là Hằng sang ở với anh.

Nói xong câu này Linh mới thấy mình lỡ lời, dễ bị hiểu lầm, và quả nhiên Hằng hiểu lầm Linh. Mặt nàng đỏ lên. Linh ngượng chín người không biết nói sao để đính chính. Sự im lặng của Linh càng làm Hằng tin là chàng có ý nói vậy. Không hiểu sao nàng lại không cảm thấy khó chịu về "đề nghị" của Linh, chỉ ngồi im đút cơm cho cháu. Con Tị buột miệng, "Dì Hằng ở đây hả? Tị chịu liền. Dì ở đây nghe!"

Cả hai người lớn cứng họng. Linh lén nhìn Hằng, bắt gặp cái nhìn lén của nàng, hai người vội quay mặt đi chỗ khác. Con Tị quái ác cứ nhảy tưng tưng la lối, "Dì ở đây, dì ở đây!" làm cha nó phải la - Tị ồn quá, dì có nhà của dì rồi.

- Tị không chịu đâu. Con nhỏ xịu mặt xuống. Để Tị về nói cho mẹ biết, mẹ sẽ cho dì Hằng ở đây với Tị với ba nữa.

Cả Hằng lẫn Linh ở trong thế kẹt. Trẻ con ngây thơ thấy sao nói vậy, biết giải thích ra sao. Nếu chuyện này đến tai Thê thì lại thêm một người hiểu lầm, chuyện không có gì thành chuyện lớn.

Linh đành phải dặn con, "Con không được kể cho mẹ, nghe chưa! Ba đã nói là dì Hằng có nhà của dì rồi, con lộn xộn lắm. Nếu con kể cho mẹ, ba giận con đó."

Hằng lên tiếng - Cháu nó còn nhỏ mà anh, la tội nghiệp nó. Rồi nàng

cười nói tiếp như đùa - Nếu vậy thì cũng tiện chứ sao. Hằng sẽ được gần Tị. Câu nói làm Linh giật nẩy trong lòng. Hằng có biết đâu Linh đã mơ tưởng đến nàng từ bao lâu nay. Linh mê Hằng vì sắc đẹp của nàng, từ lúc thấy nàng trong bộ áo tắm đen hai mảnh rồi mỗi sáng gặp nàng trong bãi đậu xe thấy nàng đẹp như ban mai. Linh mến Hằng vì tính tình hiền dịu của nàng và những hành động triu mến của nàng đối với Tị. Biết đó chỉ là câu nói giỡn của Hằng nhưng Linh tự hỏi, giả dụ nàng ở đây thì mình còn chung thủy với vợ được bao lâu?

- Thôi khuya rồi, con đi đánh răng đi rồi đi ngủ. Linh bảo con.

Con Tị phụng phịu, nó chưa muốn rời Hằng ngay. Nàng hôn lên đầu nó rồi bảo, "Tị ngoan nghe lời ba, mai dì sang nữa mà." Con bé mới chịu đi vào phòng tắm. Chỉ còn hai người, Linh không biết nói gì, quay sang hỏi han Hằng về công ăn việc làm.

- Đây là lần đầu tiên Hằng đi làm hẳn hòi, trước kia là sinh viên chỉ làm ba cái jobs vớ vẩn thôi. Hằng thấy công việc ở hãng cũng dễ thôi. Hằng nói. Có cái việc làm nhiều quá, có đêm về trễ ghê.

- Nhưng vẫn còn sớm hơn chị Thê, Linh cười, dù chị ấy không đi làm. Mai mốt Hằng có gia đình thì sao?

- Thì Hằng sẽ ở nhà như chị Thê để giữ con rồi...

- Rồi Hằng sẽ đi tập thể dục để chồng phải nhờ cô hàng xóm lo cho con. Linh ngắt lời xong nháy mắt cười với Hằng. Nàng đỏ mặt lên, đấm nhẹ lên vai Linh một cái.

Linh lim dim mắt nói tiếp, "Cô hàng xóm đó mến con của Hằng lắm mà con Hằng cũng mến cô đó..."

- Thế anh nghĩ chồng của Hằng sẽ làm gì trong trường hợp đó?

Câu hỏi hóc búa của Hằng đến bất ngờ. Linh vuốt cằm, ra vẻ đăm chiêu suy nghĩ xong lắc đầu, "Chịu, anh không biết ông chồng Hằng sẽ phải làm gì. Hằng nghĩ sao?"

Hằng mỉm cười không nói gì. Nàng chống tay lên cằm nhìn Linh với đôi mắt long lanh. Hai má nàng ửng hồng. Linh thấy Hằng tối nay đẹp tuyệt vời, mái tóc rối một cách tự nhiên, cắt ngắn để lộ cần cổ cao và thanh. Mắt nàng đen lánh hơi ươn ướt. Trong nàng Linh thấy một tuổi trẻ còn hồn nhiên và đầy nhựa sống, một tuổi trẻ sẵn sàng đón nhận tình cảm người đối diện mời mọc. Từ nàng toát ra một quyến rũ khó cưỡng lại. Linh như bị thôi miên bởi cái nhìn của Hằng. Chàng cảm thấy mình đang bị hút vào trong lòng một cơn lốc sâu thăm thẳm không đáy, xung quanh chỉ có bức tường mây xám với những bàn tay của Hằng từ trong đưa ra vuốt ve mình. Đang chơi vơi

trong cơn lốc tình, Linh không nghe tiếng con Tị gọi trong phòng ngủ cho đến lúc Hằng đánh khẽ lên tay mình, "Anh Linh, bé Tị kêu anh."

Tị từ trong phòng ngủ đi ra nhõng nhẽo vòi Hằng, "Tị ngủ không được. Dì vô giường nằm với Tị đi!"

- Dì sắp phải về bây giờ, trễ lắm rồi. Linh mắng con.

- Mẹ Tị sắp về rồi. Mẹ sẽ nằm với Tị, dì phải về nhà tắm rửa để đi ngủ, mai còn đi làm. Hằng nói với đứa bé gái nhưng rất muốn vào trong nằm với nó một lúc. Xong nàng đứng lên, cầm áo khoác và ví đi ra cửa. Linh đi theo sau, "Cám ơn Hằng. Tối nào cũng phải phiền Hằng thế này đâu có được."

Nàng quay lại thấy Linh đã đứng sát mình. Mặt hai người chỉ cách nhau vài phân, nghe được hơi thở của nhau. Linh thều thào nói, "Hằng..."

- Mai Hằng sang nữa, nàng trả lời thật nhanh qua hơi thở xong lách người đi ra. Nhìn người thiếu nữ hàng xóm biến mất sau cánh cửa, Linh thở dài quay vào, trong lòng chợt thấy trống vắng.

*

Thê đi làm gần được một tháng. Nàng vào được hãng của Huy dĩ nhiên là nhờ Huy. Sau ba năm ở nhà trông con, những ngày đầu tiên đi làm đem lại cho nàng vài khó khăn nhưng nhờ Huy lúc nào cũng kè kè bên cạnh chỉ bảo nên những khó khăn rồi cũng qua đi. Trước kia Thê "đánh hơi" được sự dò dẫm của Huy nhưng vào làm rồi, sự hiện diện thường trực và lòng đối xử ưu ái của Huy dành cho nàng làm nàng thấy tình cảm của Huy rõ như ban ngày. Nàng cũng có cảm tình với Huy nhưng còn duy trì giới hạn. Giới hạn mà Thê giữ không cho phép nàng quá thân mật với Huy trong những tiếp xúc trong sở cũng như bắt buộc nàng từ chối những lời mời đi ăn cơm trưa chung với Huy. Nàng ngại những cái nhìn đố kỵ của những người đồng hương khác trong hãng. Nàng như nghe được các lời dè bỉu sau lưng mình. Tuy vậy, khi tối đến ở trong phòng tập thể dục với Huy, Thê nới lỏng những giới hạn đó. Nới lỏng chứ không thả lỏng. Dù sao tình thương gia đình vẫn còn mạnh mẽ, hay nói đúng hơn còn là một cản trở.

Thời gian Thê dành cho gia đình vì vậy cũng ít đi. Tị được đưa đi vườn trẻ ban ngày, ban đêm về với cha... và dĩ nhiên cả dì Hằng nữa. Sứ vắng mặt thường xuyên của Thê không làm Linh bận tâm nhiều vì đã có Hằng. Có đêm ngồi nói chuyện với Hằng, Linh muốn vợ ở trong gym luôn đừng về để mình nói chuyện được với Hằng suốt đêm. Cũng như Thê, Linh duy trì giới hạn trong cách đối xử với Hằng. Cuộc tranh đấu nội tâm dằn vặt Linh không ít.

Tháng Mười Một, trời mùa thu ảm đạm. Đồng hồ vặn ngược lại một

giờ, ngày ngắn đi nhiều. Chiều ra khỏi sở đèn đường đã lên, nền trời tối xậm. Những đêm mưa còn buồn hơn nhất là đối với Hằng vì làm nàng nhớ lại những năm tháng đại học Oregon. Không còn bạn bè xung quanh để tâm sự, tiêu khiển thời giờ, Hằng thấm dần nỗi cô đơn. Nàng nhớ vô cùng những đêm cùng đám bạn gái ở cùng dorm họp lại với nhau nấu mì gói hay kêu pizza vào ăn, tán gẫu, nhớ lại những buổi chiều khoác áo lạnh ngồi co ro trong ngọn gió thu lạnh lẽo giữa sân trường nhìn lá vàng rụng. Nhìn chán cả bọn dẫn nhau đi xuống phố uống cà phê. Cuộc đời sinh viên vui buồn có nhau đã đi qua. Mỗi lần nhớ lại những thơ mộng ấy, Hằng buồn vô cùng. Nếu không phải đi làm để dành tiền để đón cha mẹ sang, nàng đã ở lại trường học ban cao học.

Cho xe vào bãi, Hằng cẩn thận nhìn quanh trước khi mở cửa xe. Nàng đi lại thùng thơ, quơ mớ thơ từ rồi vô thang máy đi lên. Trong ánh đèn lù mù của thang máy, Hằng thấy một bức gởi từ Sở Di Trú. "Chắc họ thông báo ba má sắp được cho sang," Hằng thầm nghĩ trong lòng đầy hy vọng.

Đi ngang căn phòng vợ chồng Linh, Hằng nhìn vô. Như thường lệ, Linh đang dỗ con Tị ăn cơm tối, không thấy bóng dáng Thê đâu. Hằng đẩy cửa bước vào. Linh không còn khóa cửa nữa vào giờ này. Chàng mong đợi Hằng mỗi ngày.

- Anh Linh, Hằng chào, cháu ăn giỏi không?

- Giỏi gì, nhất định chờ Hằng về cho ăn đây, Linh đáp.

- Em mới nhận được thơ của Sở Di Trú, để xem họ nói gì. Nàng ngồi xuống bóc thư, không để ý gì đến bữa cơm. Linh tế nhị tự động đứng lên đi lấy chén đũa cho Hằng rồi sới cơm, đem lại cho nàng.

- Xin lỗi anh, Hằng vô tình quá. Nói vậy nhưng người thiếu nữ vẫn chúi đầu vào lá thơ. Linh theo dõi nét mặt Hằng chuyển từ hồi hộp sang vui mừng. Nàng reo lên, "Họ OK rồi. Ba má Hằng đã được phỏng vấn rồi, chỉ còn chờ đi khám sức khỏe là xong." Hằng ôm lá thơ vào ngực, mặt rạng rỡ. Nàng chạy lại con Tị, ôm chầm lấy nó, hôn như mưa lên trên má trên tóc con bé. Không hiểu chuyện gì xảy ra nhưng Tị thấy dì vui nó cũng vui theo, toét miệng cười. Linh cũng cảm lây niềm hạnh phúc của Hằng.

- Anh mừng cho Hằng. Hy vọng hai bác sang nhanh.

Hằng đi lại đứng trước Linh, rồi chợt ôm lấy chàng, giọng run run, "Hằng vui ghê, ba má sắp sang. Hằng chỉ còn anh và bé Tị để chia với Hằng niềm vui này." Mùi thơm từ tóc nàng, thân thể nàng bao chùm Linh. Chàng siết chặt Hằng trong vòng tay hơn như sợ mất nàng. Hằng thu gọn người lại cho nằm trọn trong vòng tay Linh, tận hưởng niềm hạnh phúc từ

lâu chưa có. Một lúc sau Hằng mới gỡ tay Linh ra.

- Anh Linh, Hằng cám ơn anh rất nhiều, đã đối xử rất tốt với Hằng... xem Hằng như trong gia đình. Từ ngày rời nước đến nay, Hằng cô đơn vô cùng. Sau đó gặp anh và chị, Hằng đỡ buồn ghê. Ba má Hằng sắp sang, Hằng rất vui. Hằng cảm thấy trọn vẹn. Hằng nợ anh nhiều lắm.

- Sao Hằng khách sáo vậy? Có gì đâu mà ơn với huệ. Linh lấy can đảm nói. Hằng cũng biết là anh mến Hằng lắm... Linh vội lắp liếm. Tị nữa, rất thương dì, chàng quay sang con, phải không con.

Con Tị gật đầu, "Tị thương dì lắm, không cho dì đi đâu hết." Hằng cười lên bảo nó, "Dì chả đi đâu hết. Ở đây vui thế này còn đi đâu nữa!" Nàng bế nó lên hôn vào cặp má phúng phính, "Dì thương Tị cũng như con dì vậy."

Câu nói làm Linh cảm động. Hằng vừa trám được chỗ trống trong lòng chàng cũng như trong lòng Tị. Linh thấy mình gần Hằng hơn nữa, chàng tự nhiên thấy vui.

- Mình phải ăn mừng. Hôm nay là ngày vui. Linh đề nghị. Để anh mở chai rượu.

- Thôi anh, bày vẽ quá. Mình vui thế này được rồi. Với lại Hằng không biết uống. Hằng cản.

Linh chưa chịu thua, "Thì ít ra mình phải đi ăn mừng. Anh bao cả nhà."

- Còn chị thì sao hả anh?

- Ừ nhỉ. Linh gãi đầu. Chút xíu thì quên vợ.

Đúng lúc đó điện thoại reo vang. Linh nhấc máy lên.

- Hê-lô.

...

- Ừ, anh đây.

...

- Tại sao?

...

- Không sao đâu, anh lo cho con được rồi.

Linh gác máy. Câu nói của chàng có phần nhẹ nhõm, "Thê về trễ tối nay. Sở họ bắt làm phụ trội vì nhiều hàng phải được ship đi. Chỉ có ba tụi mình đi ăn tiệm."

Ba người dắt tay nhau đi ra xe, trông giống một gia đình đầy hạnh phúc.

*

Khi Thê ra khỏi hãng thì cơn mưa đã tạnh. "Đỡ cho mình thật," Thê

nghĩ. Nàng lên xe, đút chìa khóa, nổ máy nhưng máy chỉ kêu xè xè mấy tiếng rồi im. "Chết mẹ, làm sao về," Thê hoảng lên. Nàng nhìn quanh xem có ai quen để đi ké xe. Nếu không thì phải chạy trở vào trong để dùng điện thoại kêu về nhà bảo Linh lại đón.

Một vệt đèn vàng di động đến từ góc bãi đậu xe. Một chiếc xe từ từ lăn bánh lại. Lúc xe đến gần, Thê nhận ra Huy.

Người đàn ông vẫn để máy xe chạy, bước ra.

- Xe hư hả Thê?

Thê cằn nhằn giọng làu bàu.

- Ừ, tức ghê. Làm cả ngày mệt chết cha lúc về thì xe không nổ máy.

Huy vào trong xe Thê, vặn chiếc khóa. Nghe tiếng lè xè, Huy bảo, "Chắc là bộ biến điện rồi..."

Thê ngắt lời.

- Thê chả biết ba cái đồ xe, Huy đừng nói biến điện biến dạng gì vô ích. Nàng tức tối đánh lên mui xe một cái rầm.

Huy vẫn giữ điệu bộ tỉnh. Hắn điềm tĩnh đề nghị, "Để Huy chở Thê về."

- Vậy thì tốt quá, cám ơn Huy lắm.

- Không sao. Bất cứ lúc nào Thê cần thì Huy chở... đón nữa. Huy vẫn nhìn thẳng phía trước, trả lời tỉnh. Sáng mai Huy đón Thê, giờ cơm trưa mình câu bình để máy rồi lái lại trạm xăng thay cái bộ biến điện. Chiều đi làm ra ghé lại lấy xe.

Đặt tay lên tay Huy, Thê bảo, "Huy đúng là manager giỏi, sắp xếp nhanh và gọn ghê. Vậy thì Thê phải phiền Huy vài lần nữa."

Một nụ cười thật tươi nở trên mặt Huy, giọng hắn vừa khiêm nhượng vừa pha ít kiêu hãnh.

- Có gì đâu mà giỏi, mà phiền hà. Thê biết là Huy mang Thê vào thì phải chịu trách nhiệm cho Thê mà.

Biết ý Huy muốn nói gì nhưng Thê giả vờ ngu, mớm hắn, "Chịu trách nhiệm trong sở thôi chớ."

- Cả ngoài sở nữa. 24 trên 24. Nụ cười trên mặt Huy tươi hơn lúc nãy.

Nghe đến đây, Thê cười ngặt nghẽo, thân mật đánh lên vai Huy. Nàng nói thẳng, "Dê của Huy tối nay xổng chuồng rồi. Thôi đi đi, để Thê chỉ đường cho Huy."

Ra đến đường cái, Huy chợt dừng xe, "Thê chưa ăn tối phải không? Đói bụng không? Mình đi tìm cái gì ăn trước đã." Thê ngần ngừ, nàng không

ngại đi ăn với Huy, trị hắn là chuyện dễ. Hằng chỉ nghĩ đến con, nàng đi làm suốt ngày bỏ con ở nhà với chồng. Dạo này con Tị có vẻ xa mẹ, nàng thấy nó gần Hằng hơn và điều đó làm nàng phiền.

- Sao, Thê? Mình đi ăn chớ?

Thê gật đầu, "Ừ, đi. Thê cũng đói bụng lắm."

Mười phút sau, Huy dừng xe trước một tiệm ăn Tàu-Việt. Hắn lật đật nhảy xuống xe, đi qua bên Thê mở cửa cho nàng. Thê bước ra xe, ném cho hắn một cái nhìn lẳng.

- Điệu thế, người ta tự mở cửa được rồi.

- Đã nói chịu trách nhiệm 24 trên 24 mà. Huy cười hề hề có vẻ thỏa mãn vì câu nói của mình. Hắn muốn cặp tay Thê vô cùng nhưng vẫn chưa dám. Nếu được vậy, Huy sẽ hãnh diện, mặt sẽ nghênh nghênh cho mọi người thấy niềm hạnh phúc của hắn, được dìu tay một thiếu phụ mặn mà quyến rũ.

"Thôi, để dịp khác, thiếu gì dịp," Huy tính toán thầm.

Người phổ ky theo lời yêu cầu của Thê đưa hai người vào một cái bàn tuốt bên trong, khuất sau một bình phong khá to. Hắn hí hoáy ghi xuống những món ăn hai người đặt xong thoăn thoắt đi vào bếp.

Chống tay lên cằm, Thê thở dài một cái.

- Gì vậy Thê?

- Số xui, xe hư, tốn tiền. Lại không biết con cái ở nhà ra sao.

- Có ông xã lo rồi.

Thê nguýt hắn một phát, "Huy chưa có con nói nghe dễ lắm, nhất là đàn ông nữa."

- Đàn ông không có con hay ở một điểm...

- Điểm gì?

- Không bận tâm, được phép yêu hết mình. Nói xong hắn nháy mắt với Thê. Nàng bốc một cái tăm trong lọ ra quăng vào hắn.

- Nước sôi, nước sôi. Tiếng người phổ ky, hắn đi tới bưng một cái mâm trên có mấy dĩa thức ăn và một thố cơm khói bay nghi ngút.

Đang đói, cả hai không ai bảo ai nhào vô ăn.

*

Bé Tị ngủ gục trên tay cha khi ba người về đến khu chung cư. Hằng đưa tay bấm nút kêu thang máy. Có tiếng lục cục rồi cánh cửa mở ra.

- May mà thang máy không hư. Con Tị mới ba tuổi mà nặng gớm. Linh nói.

- Nặng không bằng thùng sách của Hằng anh Linh khiêng hộ hôm mới dọn đến. Hằng nhắc lại ngày hai người gặp nhau.

Linh cười, "Hằng hãy còn nhớ?"

- Nhớ chứ. Không có anh hôm đó thì Hằng bỏ đi ở chỗ khác rồi. Đâu có quen nhau.

- Vậy thì anh phải cám ơn cái thùng sách đó. Nếu không có nó thì tối nay hai cha con phải ăn cơm nguội.

Cả hai người phá lên cười. Tị giật mình tỉnh dậy, ngơ ngác nhìn xung quanh rồi gục xuống ngủ tiếp. Hằng ngáp dài, trông có vẻ mỏi mệt.

- Hằng mệt?

Nàng gật đầu.

- Dựa vào anh đi.

Hằng dựa đầu lên vai Linh. Sự mệt mỏi được thay thế bằng một niềm vui sướng.

Thang máy ngừng ở lầu ba. Linh một tay bế con gái, tay kia quàng ngang lưng Hằng, dìu nàng đi về căn ắp-pạc. Đến cửa, Linh gõ nhưng không ai ra mở.

- Trời ơi! Đi làm giờ này chưa về nữa.

- Để vào xem, có khi chị kêu về không có ai, để lại message.

Vào bên trong, Linh bế con gái vô phòng ngủ xong bật máy nhắn lên, không có message nào. Chàng vừa trở ra ngoài phòng khách định nói - Bà ấy không gọi, nhưng im khi thấy Hằng đã nằm dài trên chiếc ghế sa-lông. Linh đi lại ngồi xuống cạnh Hằng. Nhìn Hằng đang ngủ trong ánh đèn lu mờ, Linh nói thầm, "Hằng xinh như người trong mộng!" Cặp môi nàng hé mở như thì thầm điều gì. Linh ghé đầu xuống lắng nghe. Những giao động làm Hằng thức giấc. Linh giật mình vội đứng lên. Thấy Linh bên cạnh mình, Hằng nắm tay chàng kéo ngồi xuống. Hai người im lặng mân mê tay nhau. Những ngón tay đan vào nhau, chuyền cho nhau cảm giác yêu thương êm đềm. Hằng từ từ kéo mặt Linh sát xuống mặt mình. Trong ánh đèn mờ, cặp mắt đen lánh của Hằng như sáng rực lên, thu hút hình ảnh Linh vào trong cái nhìn sâu thẳm ấy. Linh đắm đuối nhìn Hằng. Nàng đưa hai tay lên ấn đầu Linh xuống và hôn lên môi chàng. Hai đầu lưỡi quấn quít vào nhau. Người Hằng run lên lẩy bẩy.

- Yêu em đi. Hằng rên rỉ.

Linh hôn mạnh một cái xong nhẹ nhàng đẩy Hằng ra.

- Hằng, anh yêu em nhưng mình không thể như vầy được.

Đôi mắt Hằng long lanh ngấn lệ như chất vấn tại sao. Niềm hạnh phúc tưởng đã đến thì bị từ khước.

- Hằng! Em xứng đáng có được một hạnh phúc thật sự, không phải

một hạnh phúc tạm bợ, nhất là với một người đàn ông đã có vợ con. Em còn trẻ, còn tương lai. Anh yêu em nên không muốn làm em sau này đau khổ. Hiểu cho anh đi!

Hằng bật khóc. Đôi vai nàng rung lên. Linh muốn ôm Hằng để an ủi nhưng e sự gần gũi xác thịt sẽ làm hai người yếu lòng. Chàng ân cần cầm tay Hằng nhưng không biết nói gì, nâng lên hôn thật lâu. Một lúc sau, Hằng quẹt nước mắt, nói với Linh trong giọng chấp nhận, "Em cám ơn anh vô cùng. Thôi, anh để em về."

Nàng ngồi dậy, sửa lại mái tóc xong đứng lên đi ra cửa. Đến nơi, Hằng quay phắt lại hôn nhanh lên môi Linh rồi nói, "Hằng sẽ nhớ mãi giây phút này. Chào anh, mai mình gặp lại."

Đêm hôm đó, nằm cạnh Thê nhưng tâm tư Linh dồn hết cho Hằng. Phần Hằng trong căn phòng bên cạnh đã thao thức suốt đêm nghĩ đến Linh. Cách nhau bởi bức tường nhưng hai tâm hồn đã gặp lại nhau, giao với nhau, vuốt ve nhau và vỗ về nhau.

Những ngày sau đó, mỗi lần gặp lại nhau dưới bãi đậu xe, trong những bữa cơm tối, Linh và Hằng chỉ trao cho nhau những cái nhìn thông cảm, những nụ cười thông tâm mà không cần lời nói để diễn tả.

Vài tháng sau Hằng được Sở Di Trú cho biết ngày cha mẹ nàng sang. Hằng đi đến một quyết định.

*

Năm năm sau, cũng một buổi chiều hè nắng dịu. Chiều cuối tuần trong một khu thương mại người Việt đông đảo ồn ào. Một cặp vợ chồng trẻ đang đi dạo, dáng điệu thư thả. Người vợ đẩy một chiếc xe chở một đứa bé con. Hai người dừng lại trước một cửa tiệm bán dĩa và băng nhạc. Họ đọc những tờ quảng cáo màu mè sặc sỡ dán trên cửa kính. Người vợ nói gì với người chồng, anh ta hôn vợ rồi đẩy chiếc xe đi hướng về một tiệm bán dụng cụ điện tử. Người vợ một mình đi vào trong tiệm nhạc. Phía trong lác đác vài người khách qua lại. Nàng đi lại một cái kệ kê sát tường trưng bày những dĩa nhạc mới ra, lựa hai cái rồi đem lại quày tính tiền. Đi ra khỏi tiệm, người vợ ngừng lại trước gian hàng hoa, đứng ngắm những chậu lan và hoa hồng.

- Hằng!

Người đàn bà trẻ quay lại. Một người đàn ông đeo kính trắng, bên cạnh là một đứa bé gái tuổi tiểu học.

- Hằng còn nhớ ...

- Anh Linh!

Người đàn ông trung niên và người đàn bà trẻ nhìn nhau ngượng nghịu. Trên môi họ có nụ cười héo hắt. Những kỷ niệm của một tình yêu tưởng đã chôn vùi giờ trở lại trong khoảnh khắc.

- Hằng khỏe không?

Người đàn bà trẻ nhìn về hướng tiệm bán đồ điện tử. Người chồng vừa ở trong tiệm đi ra.

- Em cũng vậy, còn anh chị thì sao? Tị đây phải không? Nàng vuốt đầu đứa bé. Tị nhớ ai đây không?

- Dì Hằng. Đứa bé lí nhí trả lời, đứng khép nép sau lưng cha.

Mặt Hằng tươi lên, "Tị còn nhớ dì, giỏi lắm. Dì hay đút cơm cho Tị ăn mỗi tối, Tị còn nhớ?"

Đứa bé gái gật đầu một lần nữa. Linh bảo, "Tị nhớ là vì anh nhắc mãi đấy."

Cái nhìn của Hằng đượm buồn, "Thôi, nhắc lại làm gì anh Linh. Mình không quên được nhưng cứ để nó nằm yên đi. Hằng giờ đã có gia đình, có bổn phận cũng như anh vậy."

Tị lắc tay cha, "Ba! Đi ba ơi, về trễ má la đó. Rồi má không cho con gặp ba tuần tới. Ba hứa đưa con đi movie tuần tới mà."

Như đoán được, Hằng đau khổ nhìn Tị rồi quay sang Linh.

- Sao vậy anh? Nàng hỏi.

- Thê và anh bỏ nhau một tháng sau khi Hằng dọn đi. Thê ở với một người làm chung trong sở.

- Cái tên dạy chị tập thể dục?

- Hằng nhớ tài thật.

- Em chia buồn với anh. Giọng nàng trở nên buồn hơn. Nếu biết vậy thì...

- Ừ, nếu biết vậy thì... Linh cười chua chát. Thôi, cứ để nó yên. Anh phải đưa Tị về lại cho má nó, đúng theo lệnh của tòa.

Hằng nghe được nỗi đau đớn trong câu nói của Linh.

- Chào Hằng.

- Chào anh Linh.

Người chồng đẩy chiếc xe chở con lại gần. Hằng nhìn theo hình dáng cha con Linh đi ra bãi đậu xe. Lưng Linh hơi khòm xuống, trông giống như lần nào khiêng cái thùng sách nặng cho Hằng ngày nàng dọn đến căn 315.

Bùi Ngọc Khôi

Hè 2002

NGỰ THUYẾT

qua phá

*Nhân đọc **Tháng Ba Gãy Súng** của Cao Xuân Huy*

"Nhớ em anh cũng muốn vô
Sợ truông nhà Hồ sợ phá Tam Giang."
Ca Dao

phá Tam Giang! Phá Tam Giang!
nằm duỗi dài nghe Huế thở than.
qua ngã ba Sình xuôi xuống phá
dò ơi đâu nữa tiếng hò khoan?

+

gió khua mái nước nước trôi nhanh
nắng rải mênh mông sóng dập dềnh
phá Tam Giang ba con sông biếc
hẹn gặp nhau rồi ra biển xanh

tháng Ba quân Cộng tràn vô Huế
trôi giạt nơi này nghe có em
mùa khô biển mặn chưa vùi lấp
bãi cát vàng những gót chân êm

đây phá Tam Giang vùng nước lợ
cỏ cây xơ xác ruộng đồng trơ
làng xóm tan hoang cồn bãi cháy
thây người sóng tấp dọc đôi bờ

ngày xưa người sợ truông và phá
anh sợ về đây không có em
mắt lòa con nước xôn xao nắng
quay quắt tìm em em bặt tin

những hồn bi phẫn không nguôi giận
những xác oan cừu nguyên nét đau
con thuyền nghiêng ngả trong cơn lốc
qua phá tìm em ngoài biển sâu

Ngự Thuyết

tiếc gì một chút hương xuân muộn

VÕ HOÀNG

MỘT

Năm Thuật dựng một căn chòi và lập miếng vườn nhỏ ở sát cánh đồng tràm. Ba bốn năm, ngó lại chưa thấy huê lợi nào đáng kể. Cái thứ dễ trồng nhứt là khoai mì, mà hễ cây lên cao tới thắt lưng là lá bắt đầu vàng khè rồi dường như càng ngày càng thấp xuống. Người ta giải thích rằng tại đất còn phèn nhiều quá. Năm Thuật cũng biết như vậy, mà cứ ráng. Có mấy tháng nắng, nhắn thằng cháu vô tính mượn nó tiếp sức móc cái mương dài cắt ngang đám bòng bong, từ cây tràm gãy ra tới suối cạn, mà năm lần bảy lượt, nó cứ hẹn ít bữa, ít bữa... Rốt cuộc, trời vừa trở mùa, nghe nó với mấy thằng bạn cướp ghe người ta vượt biên mất biệt. Đống tràm con, Năm Thuật tính dành để đóng cừ còn nằm chình ình đó, cả năm nay rồi.

Những bữa trăng non mới mọc, Năm Thuật ưa bắc cái ghế đẩu đằng trước sân, ngồi ngó xung quanh, suy nghĩ vẩn vơ mà thấy buồn buồn. Điều làm chú ấm ức nhứt là cái sức khỏe của chú càng lúc càng mất đi, mau hơn chú tưởng. Chưa đầy năm mươi mà hễ cứ độ chừng hai chục cuốc, là phải ngừng lại, thở dốc. Hồi đầu, mới vô đây, sau mấy tháng càu nhàu về việc người này người kia giành giựt với chú những vùng đất tốt hơn và phân chia không đều ngay cả khoảng đất ọp ẹp này, chú ráng bỏ qua hết mọi chuyện, bắt tay vào việc.

"Thì cũng có ai đâu, ngó chung quanh, quen biết hết mà! Năm Thuật nghĩ, thời này, phần đông ai cũng là gia đình cách mạng. Mình giữ phận mình, chắc ăn hơn. Ở đời, có ba cái vô tư, trời không che riêng ai, đất không chở riêng ai, nhựt nguyệt không soi sáng riêng ai. Cái việc tranh giành, phân bì là sự xấu, đừng có màng tới. Miễn người ta để yên cho mình, là được..."

Hết mùa thứ nhứt, Năm Thuật mơ hồ cảm thấy cho dù người ta có để yên cho mình, chưa chắc rằng với cái sức lực còm cõi còn lại sau một lần mổ ruột và hơn mười năm làm phu khuân vác bến tàu, mình có thể tự tạo một cuộc sống yên ổn được. Lâu lâu, ngồi dựa ngửa bên một gốc tràm, vấn điếu thuốc rê bự, bập bập, hớp ngụm nước trà, Năm Thuật nhớ và tiếc cái thời "thầy Năm Hiến Binh" với sức trai và cặp giò săn cứng mỗi buổi chiều quần thảo, làm chủ tình hình sân vận động quận.

"Cái thằng Nhược này, hồi đó mầy còn nhỏ biết cái chó gì. Người ta nói với nhau, chiều nay ra sân banh coi ông Hiến Binh đá banh. Người ta nói với nhau đội Hà Tiên có hai tay dữ dằn nhứt đi cặp làm mưa làm gió cả tỉnh, tới quận mình, đụng ông Hiến Binh là quờ quạng liền. Người ta nói với nhau, ông Hiến Binh xin đổi đi, ông Quận không cho. Mầy biết không, có lần ông Quận, để coi, ông Quận Trung phải nói, gần tới ngày về tỉnh tranh giải, chú Năm nó phải ăn, phải ngủ cho có chừng mực... Mầy biết không, hồi lúc tao lặn hào bị đứt chưn không đá banh được chiều chiều ra sân coi thử, vắng hoe..."

Năm Thuật ít nói, mà hễ nói là nói tới chuyện những ngày chú còn trẻ. Hồi thằng Nhược cho hay miếng đất chú đút đơn xin khẩn cập chưn núi Suối Đá không được huyện chấp nhận vì "chú Năm biết không, chủ tịch xã có phê, thành phần không thích hợp với loại đất." Năm Thuật chỉ chép miệng:

- Thì thôi!

Nhưng một hồi rồi chú cũng thở dài:

- Giá tỉ như hồi tao còn làm Hiến Binh, ông Quận không chấp thuận chắc tao cũng không xin xỏ, năn nỉ gì đâu. Kệ!

Cho tới khi đi coi miếng đất được nhà nước cứu xét và tự ý phân phối về, Năm Thuật vừa co chưn đá vô chưn bàn vừa nói với thằng Nhược:

- Tao dư sức phá miếng đất đó. Hồi trước, chục cây số tao đi bộ một hơi một. Rồi lúc sau này, thấy không, bao gạo chỉ xanh để trên vai tao coi như không có. Đồ ba cái thứ rễ bòng bong, mây nước đó mà, đâu có qua tao nổi...

Bây giờ là mùa mưa thứ tư rồi. Đất vẫn còn phèn và sát đằng sau vách chòi, hai bụi mây nước cháy đen thui chưa lấy gốc. Mùa mưa, xung quanh đó, những đọt mây non chồi đầu lên, một tuần lễ mà không cắt cỏ, gai cứng lại, vô ý mà đi, cọ ngang một cái, tuôn máu như chơi. Năm Thuật dù có thấy chướng mắt cỡ nào cũng phải chịu thua. "Thứ gì mà rễ nó bện lại thành lớp, thành lớp như bao bố tời. Cuốc xuống một cái, nó dội ngược trở lên, tức ngực."

Trong đám khoai mì, ngó lơ ít lâu là bòng bong nó quấn lên tới đọt. Năm Thuật mới đầu còn cặm cụi soi, móc từng dây, riết rồi bỏ liều luôn. Có điều, Năm Thuật bỏ mà cứ nghĩ tới hoài. Nhiều khi, chính Năm Thuật cũng biết như vậy là tự mình làm khổ mình, mà rồi gần như cái tật, hễ nghĩ tới đám khoai mì là thấy bực bực trong người. Chú nói với thằng Nhược, năm ngoái:
- Hết lứa này, dứt mùa mưa, lớn nhỏ gì tao cũng giỡ đám khoai rồi cuốc lại. Lần này thì phải ít nhứt là ba lưỡi... thử coi nó còn lú lên nổi không cho biết.

Thằng Nhược hứa nhăng hứa cuội rằng sẽ "tiếp với chú, không phải chỉ đám đằng trước đó thôi, mà còn dài ra tới bờ mương chú dự định đào xong trong vòng mấy tháng nắng này..." Rồi thằng Nhược vượt biên, rồi Năm Thuật bỏ cuộc một cách dễ dàng một phần vì chán ngán cho chính mình. Bữa nay gió bấc thổi già quá. Ngoài bìa vườn, những tàn tràm xum xê cành lá, nghiêng hết về con suối cạn. Nghe kỹ, có tiếng rít nhỏ mà cao vun vút, buồn quá. Gần tết rồi. Cả một con đường mòn dài từ bìa lộ vô, bông da heo nở tím lịm. Trong này ngó ra, Năm Thuật có cảm tưởng như ngày nào, lâu rồi, ngồi dưới gốc nhìn ngược những bực thang đất, đường lên chùa Sư Muôn. "Ừ, gần tết, sim đã có đợt chín, mà cũng có đợt vừa mới trổ bông. Hồi đó, mình đâu có còn nhỏ gì, ngó người ta, từng cặp, từng cặp, vừa bẻ sim mà vừa cười nói, um sùm, cũng thấy vui..."

Thêm một cái tết nữa không có thằng Nhược, chắc Năm Thuật buồn không thua gì năm ngoái. "Có nó, đánh cờ tướng sáng đêm cũng không thấy buồn ngủ. Không lẽ lội bộ ngược ra xóm, xa, mà cũng chẳng vui vẻ gì..." Tự nhiên, Năm Thuật nhớ thằng Nhược quá.

"Cái thằng! Làm biếng, chưa có ai làm biếng qua nó được." Nhiều khi, chú ngó một chút rồi tự hỏi, thằng này như vầy thì làm sao mà sống được qua thời buổi này. Vậy mà nó vẫn phây phây, mới kỳ.

Hồi lúc hết thấy những tiệm cà phê đều phải tạm ngừng bán để chuẩn bị cho việc thành lập các cửa hàng quốc doanh, thằng Nhược mất tiêu luôn

cái nghề chạy bàn, cực chẳng đã, nó mới chịu nương thân, ăn nhờ ở đậu trong căn chòi ba vách của Năm Thuật mà theo nó, nó cho là một chỗ "chán chưa từng thấy" trong đời nó. Thấy chú làm việc mệt nhọc, có lúc làm như nó mắc cỡ, ráng ra phụ được một chút, rồi kiếm chuyện này chuyện nọ, lủi mất. Mọi thứ, mọi việc nó đều có đủ lý lẽ để nói, nhưng ít khi nó chịu làm. Bữa nào vui vui, ngồi nghỉ xả hơi, thấy nó đứng chắp tay sau đít ngó ra ở đâu xa xa, chú kiếm chuyện nói, vì nghĩ rằng nó khoái nói chuyện. Mà thằng Nhược khoái thiệt.

"Nè, sao tự nhiên đám đậu phọng èo uột quá mà có một chỗ này xanh lè, lá nào lá nấy bự muốn gấp đôi... kỳ quá mầy, Nhược!"

"Chú Năm không nhớ là hồi trước, chỗ này chú để đống phân bò hay sao? Phân bò là phân tốt hạng nhứt mà, thứ gì cũng chịu nó hết. Mát, mà lại sốp đất. Cái thứ đất phèn này, phải cần nó cho nhiều mới được. Đáng lẽ mình phải chịu khó quẩy kỳ đi dọc dọc theo con lộ từ phi trường vô trong này, mỗi ngày ít nhứt cũng được hai gánh... Mà điều, để chú coi, vậy mà chỗ đó hột đậu lép xẹp. Người ta nói xấu dây mới tốt củ mà... Thứ đậu phọng này chịu phân tro lắm nghe chú Năm. Đáng lẽ mỗi buổi chiều, mình phải gom gom một ít đám cỏ mục lại đốt một đống un, vừa vui mà vừa có thêm chút phân. Ở vườn, chiều mà có đống un, khói nó bay cà chậm, cà chậm, thiệt, buồn cũng thành vui..."

Chuyện gì thằng Nhược nói cũng xuôi. Năm Thuật tưởng tượng thằng này mà chịu gánh hai cái ky không đi dọc dọc theo đường lộ, cũng là điều lạ rồi, nói chi tới chuyện nó vừa đi vừa cúi cúi cào phân bò vô ky, chắc trời sập. Năm bảy ngày đầu lúc mới vô đây, thấy chú đốt cỏ, nó cũng ngồi một bên, cầm cây chọt chọt cầm chừng, nói chuyện người này với người kia chửi lộn, nói chuyện thằng nào đó ăn cắp đồ bị bắt, lên tới công an mà còn chối, nói đủ thứ chuyện. Chưa bao giờ chú thấy nó tự động đi ôm cỏ về mà gầy một đống un ra làm sao. Vậy mà nó nói... Đáng lẽ, đáng lẽ...

Có một luống mía, trồng cùng lúc với mấy luống kia, mà sao cây lên lưa thưa, chỉ bằng phân nửa mấy luống khác. Thằng Nhược lại giải thích:

- Tui chắc hồi gạch mương để đặt ngọn xuống, luống này chú gạch sâu hơn mấy luống khác. Cái ngọn, chú đặt đứng quá, hai ba mắt nó mới lên một mục, chớ mấy. Nhưng mà chú coi, nó ít thành ra nó tốt hơn mấy luống khác thấy không. Đầy đủ phân mà... Nó còn lớn nữa đó nghe. Mấy luống kia cây nào cây nấy nổi mốc trắng hết rồi đó, vậy mà nó còn xanh dờn nghe. Đáng lẽ mới hết mưa như vầy, mình chịu khó đi từng luống giựt bỏ lá héo, cây nó mới mập được...

Mỗi lần như vậy, Năm Thuật gật gù, rồi "hèn gì... hèn gì..." cho qua chuyện. "Nghe nó nói, cũng đỡ buồn!"

"Không biết hồi này nó ra làm sao rồi. Để coi, ngày mai con Nhu đem thư vô, nó nói với mình cái gì."

Trời tối, Năm Thuật trở vô chòi ngồi chồm hổm chụm lửa nấu nước trà. Bỏ tràm khô bốc cháy bừng bừng, mau tàn quá, chú phải ngồi luôn ở đó. Vậy mà qua ánh lửa, chú cười mỉm chi, không biết chú nghĩ tới cái miệng bép xép không thua gì thằng em con Nhu, nghĩ tới những lời kẽ cà trật cà vuột trong thư thằng Nhược, hay nghĩ tới cái réchaud nhập cảng đốt bằng dầu lửa của ông thư ký quận tặng "thầy Năm Hiến Binh" nhân cái dịp gần tết như vầy, năm nào.

HAI

Năm Thuật múa xong đường quyền rồi mà cũng chưa chịu ngồi xuống, hai tay vẫn giữ nguyên cái thế nắm, để ngang thắt lưng, ngước mặt lên trời thở nhè nhẹ. Một chút, chú chắt lưỡi:

- Mười lần thì bị hết tám chín lần, kỳ thiệt!

Con Nhu đỡ lời:

- Chắc tại lâu rồi chú không dợt lại, tay chân yếu đi. Theo lẽ cái hồi nhảy ngược về đàng sau, chú nên đứng thẳng lên rồi hãy nhảy. Như vậy chắc vững hơn...

Năm Thuật bước tới vài bước, ngồi xuống cạnh con Nhu, vừa đưa tay vuốt ngược đầu tóc, vừa thở dài:

- Có lần tao cũng nghĩ như vậy, mà không phải như vậy. Xuống trảo mã là phải xuống nhanh cấp kỳ như vậy mới phải. Thế đó không phải là thế công, cũng không phải là thế thủ, mà là một thế chuyển kín đáo nhứt. Chuyển để thủ mà cũng chuyển để công... vậy mới kỳ. Để tới lúc phân thế ra, mầy mới thấy được. Cái nghề, người ta đã tính từng chút, từng chút. Tao mà xuống trảo mã đúng cái lúc đó rồi, mầy đâu có biết tao sẽ lui nữa hay phóng ngược tới, phải không? Một lát tới phiên mầy, mầy thử đứng lên rồi mới nhảy lui, mầy sẽ thấy hở nhiều chỗ lắm. Giả tỷ, nháy con mắt một cái, tao chúi mình sát lại mầy, một tay gạt lên đầu đánh nhá hơi, một tay thoi vô bụng. Mầy nhảy về trảo mã chưa kịp thì muốn khỏi mất thăng bằng, phải dùng cả hai tay mà gạt ra, tao sẽ nương theo đà ngã, lật giò đá một cái thốc trở lên lả mầy bể be sườn liền, chịu gì nổi, muốn thử không? Năm Thuật say sưa nói trong khi con Nhu im lặng, nghĩ tới bộ dạng chậm

chạp, mất thăng bằng của chú mà tự dưng đâm ra chán chường. "Ông cầm ở lại thêm một ngày, nhứt định dạy cho được đường quyền, mà đâu có biết mình không muốn học chút nào. Người dạy cho dầu có tận tâm cách mấy mà người học như trả nợ quỷ thần, làm sao cho khá được. Đã vậy, "ông thầy" lâu lâu, múa một hồi rồi tự nhiên quay qua than thân trách phận, nghe mà phát chán theo."

Con Nhu liếc qua Năm Thuật. Dưới ánh trăng mờ mờ, nó thấy mồ hôi bóng loáng vừng trán nhăn nheo như của một ông già sáu bảy chục tuổi. Tự dưng, nó thấy buồn buồn, quay nhìn về hướng hàng tràm bìa rừng. Trăng sáng, mà yên tịnh quá. Tháng Chạp rồi mà trời còn trong vắt. Ở hướng Nam, chòm sao Thánh Giá nhấp nháy.

- Để tui vô bắc ấm nước, pha trà uống nghe chú Năm.

Con Nhu không chờ Năm Thuật trả lời, nó vừa nói vừa nhỏm dậy, dứt câu thì đã đứng hẳn lên rồi. Bộ dạng của nó cũng có vẻ thiểu não ghê lắm.

Khi cái áo bà ba nâu bạc thếch vừa khuất vô vách chòi. Năm Thuật đứng dậy, quờ tay làm lại cái thế chặt phựt ngang cổ một địch thủ tưởng tượng rồi dùn chân xuống câu tay hất ngược cùi chỏ trở lên và không cần chụm chân lại, nghiêng người nhảy ra đàng sau, chân trái trước, chân phải sau. Chú múa thiệt chậm, vậy mà tới lúc xuống tấn, cũng lại xiêu xiêu.

Năm Thuật chắc lưỡi, đứng dậy, đi thẳng vô chòi.

Ấm nước đang lên tim, nghe ồ ồ. Con Nhu nhụi thêm vô lò một nhúm vỏ tràm rồi quay qua Năm Thuật:

- Sao hồi trước chú Năm không dạy cho thằng Nhược. Nó có sức hơn tui, mà lại sáng dạ. Chắc học lẹ lắm...

Năm Thuật ngồi lên sạp, quay mặt phun nước miếng cái bẹp:

- Thằng đó thì có ăn, chớ nó học nỗi gì.

- Vậy chớ chú thấy tui làm sao? Cà quơ cà quơ, chú không chán sao? Mà tay chân thì yếu xìu...

- Mầy thấy học được thì học, còn không thì thôi, tao đâu có ép.

Năm Thuật nói lẫy rồi! Con Nhu im lặng hốt một nhúm trà bỏ vô bình, nghiêng ấm châm nước sôi vô, kéo cái ghế đẩu để giữa chòi, đặt bình trà lên rồi cúi mình xuống rổ chén lấy ra hai cái. Hồi lâu, nó nói nhỏ giọng:

- Tui định trong bụng cận ngày tết, đem bánh tét vô cho chú rồi tui mới nói. Thôi sẵn đây tui nói cho chú nghe luôn... Vợ chồng tui tính đi bữa hăm chín. Anh Bồng thẻ mực bữa đó là bữa chót, khuya ảnh tấp vô bãi đón. Xuồng nhỏ lắm thành ra đâu có dám cho ai hay. Chỉ có thêm tui với con Sen, em

của ảnh... Chú tính làm sao... cho tụi con biết, tụi con liệu...

Con Nhu nói tới đó thì ngập ngừng, cúi mặt ngó xuống. Nó không thấy Năm Thuật đang giương hai con mắt thò lõ ngó nó chập chạm. Hai người đều im lặng.

Cho tới khi Năm Thuật bật lửa xoèn xoẹt đốt thuốc hút, con Nhu nói tiếp:

- Tụi tui tính kỹ, bữa đó, công an nó không nghĩ là mình vượt biên đâu. Còn có một ngày nữa là tết mà... Gói bánh tét đem theo cũng có cái cớ. Anh Bổng ảnh nói, ảnh chèo cao tay lắm là ba ngày thì cũng ra được tới lằn quốc tế. Chừng đó thiếu gì tàu...

Năm Thuật bập bập điếu thuốc:

- Ừ, biển lúc này êm láng như trong sông...

Con Nhu mạnh dạn hỏi:

- Chú có đi không, chú Năm?

Năm Thuật im lặng, dựa ngửa xuống sạp, mơ màng nhả khói thuốc. Con Nhu chắc có ý để chú suy nghĩ nên bước xuống đất, đi lững thững ra ngoài sân. Nó có vẻ bình thản, quơ chân mạnh một cái, lá khô bị động, kêu xào xào. Năm Thuật ngước nhìn theo bóng nó, thở nhè nhẹ.

"Chuyện này không phải chuyện chơi đâu nghe, trật một cái là ân hận. Để coi, ở lại, lây lất rồi cũng hết một đời. Cái thứ mình, qua xứ người sống được không? Tiếng tây tiếng u không biết, làm nặng không nổi... Để coi, miếng đất mình bây giờ thiệt thì cũng không có gì, sát nhập vô nông trường cũng có sao đâu, chỉ tiếc một chút công lao, mấy năm nay... Chà, còn những cái vướng vít nho nhỏ, làm sao cho yên. Thằng Nhược đi khỏi rồi mà lại muốn về là tại làm sao? Như nó còn khá, tới phiên mình không biết ra làm sao đâu. Mà sao tụi nó lại lựa ngày tết ngày nhất này để đi, thiệt ai mà ngờ được... Tụi nó còn trẻ... Đáng lẽ lúc sau này, mình trở về quê ngó lại dòng họ bà con rồi mới tính tới được. Khó lòng quá..."

Năm Thuật đã bước xuống đất, chú dựa lưng vô cột chòi, thọc hai tay vô túi áo, ngó ra rừng. Con Nhu đang ngồi chỗ đám sả, thấy chú ra, nó quay lại:

- Để sáng tui tỉa bớt đám sả này gánh về chợ đếm lại cho người ta. Ba cái thứ lắt nhắt này chắc không bị thu mua đâu, hén chú Năm?

- Ừ, mà mầy tỉa nhiều quá, thằng Ngạn trưởng xóm nó biết, nó hỏi lòng vòng khó lòng lắm. Nó ở cách đây bốn năm cây số mà tao trồng cái gì, nó cũng biết hết. Cái nào tốt, cái nào xấu nó cũng biết... Rồi Năm Thuật quay trở vô. Con Nhu cũng đứng dậy, bước theo. Năm

Thuật ngửa cổ uống một hơi hết chén trà rồi đưa tay quẹt miệng, quay qua hỏi chậm:

- Sao tụi bây không để tới ra Giêng?

Con Nhu nín thinh.

- Ý tao chưa quyết, mà điều tao hỏi cho biết vậy thôi. Như tụi bây... như tao... bỏ xứ sở vô tới trong này, có bỏ nữa cũng vậy... Mà đi, xứ người ta, làm sao... Tao, thiệt, nghĩ hoài không ra...

Năm Thuật có vẻ xúc động lắm nên hết nói nữa thì ngồi ịch xuống sạp. Con Nhu rót nước trà vô cái chén chú vừa uống cạn:

- Tui với anh Bổng cũng biết như vậy, mà rồi chú thấy không... Riết rồi có đủ thứ chuyện kẹt cứng. Ảnh nói, để dây dưa hoài có khi mình hết đường xoay sở thì chừng đó ân hận lắm... Thằng Nhược nó nói xách nói mé trong thư, chứ chú cũng biết thì dù sao bên đó, đỡ hơn bên này nhiều thứ lắm...

Con Nhu dằn dừ thêm một hồi, ngó qua chỗ khác, nói tiếp:

- Con mắt mờ của chú, qua bên đó người ta trị, ba mươi giây hết liền, rồi tui biết chắc sức khỏe của chú cũng vậy, thuốc men người ta đầy đủ mà, chú lo gì... Qua đó, chú muốn đi đâu chú đi, không ai dám cản... Thằng Nhược, mới qua hai ba tháng, nó biết đủ thứ chuyện, chú không thấy sao... Năm Thuật đưa tay chà chà bên con mắt mờ. Đã mười mấy năm rồi, tuy nó lâu lâu có làm chú xốn xang chút ít nhưng nhờ nó, từ sau cái thời Hiến Binh dẹp bỏ, người ta cho chú về làm ăn khỏi phải đi đánh giặc...

- Chà, chà. Con Nhu nói như một sự cố gắng, lần cuối. Thằng Nhược nó nói ở bên đó mà người ta còn nhập cảng lá tre khô cho người Việt mình để dành gói bánh tét nữa đó nghe chú Năm...

Năm Thuật im lặng hồi lâu, rồi thở dài nằm xuống, nói khòa lấp:

- Bánh tét thì phải gói bằng lá tre tươi, mà luộc thì phải luộc bằng củi, mới ngon, mới bùi được, phải không mậy, Nhu?

Con Nhu dường như không để ý đến câu nói, nó gắng gượng kéo Năm Thuật về câu chuyện đang bỏ dở:

- Mai tui về chợ, có gì chú ra chú cho vợ chồng tui hay. Ý tụi tui là như vậy, tụi tui thương chú lắm, nghe chú Năm...

Không nghe Năm Thuật trả lời, con Nhu kéo dài giọng:

- Chú tiếc gì mấy ngày tết, chú Năm ơi...

Năm Thuật im lặng, trong bóng tối chú ngẫm nghĩ: "Biết nó đi, ráng dạy cho nó đường quyền, nó không chịu học, thì thôi!" Rồi chú ráng nằm thiệt im, làm bộ ngủ, nhứt định quên hết mọi chuyện.

Võ Hoàng

kẻ lạ trong tôi

ERIC VIET

Nàng xoay lưng về tiếng vo ve của đàn ruồi bay từ cánh rừng tìm đáp lên cánh tay trái của tôi. Cánh tay có vết nhức nhối to bằng đồng tiền kẽm. Da không có, chỉ trần trụi thịt, vết thương mang cho tôi bao nhiêu là thống khổ và đồng thời cũng bao nhiêu là hạnh phúc. Tình yêu, tôi bắt gặp như vết thịt đỏ hỏn đó: nó tạo ra thứ đớn đau tuyệt thú.

Tôi sinh ra và sống ở Kenema, Sierra Leone. Tôi không hề nhớ đã đi khỏi thành phố này, dẫu chỉ một lần, thành phố gồm hai ngàn mái tôn gần như giống hệt nhau. Tôi không hề đánh mất, dẫu chỉ một lần, cái mùi nồng nồng của năm ngàn linh hồn tản mác đó đây. Cha tôi, xưa có lẽ là người đàn ông chung sống bảo ban tôi làm cái này hay đừng làm cái nọ. Những kẻ khác, xưa chúng là anh, là chị, hay là em tôi. Một hôm, cái ngày tôi cố gột đi khỏi trí nhớ, có tiếng súng rồi tiếng gào rú. Tiếng gọi, tiếng rên, tiếng van vỉ. Những lưỡi dao quắm sáng quắc ánh mặt trời chói nhức vung cao. Cha và anh chị em tôi đột nhiên biến mất. Biến hẳn đi như chưa từng có mặt trong thành phố. Còn lại chỉ một mình tôi. Với vết thương trên cánh tay, tôi chưa một lần đã quên rằng nó ở đấy, toang hoác cháy bỏng.

Vào mùa thu năm tôi mười ba mười bốn tuổi, tôi chú ý đến một trong hai ngàn căn nhà rất tầm thường. Căn nhà đó trắng, bám bụi bẩn giống như những căn khác. Mái tôn đỏ, chẳng đáng quan tâm. Bức tường bê-tông dựng quanh bẻ gập làm đôi những cái nhìn của đám bộ hành vật vưỡng. Trên bờ tường, miếng chai hắt ngược ánh sáng vào mặt trời. Nhưng mỗi khi đi ngang tấm lưới căng chặn ngay lối vào căn nhà, luôn luôn cũng lại con người kia đứng phía sau. To cao, lực lưỡng, bắp thịt nổn nộn vì lao động chân tay cả đời, cái nhìn của va lại tựa đồ vỡ bắt tôi phải quay lảng mỗi khi thấy. Thật khó chờ đợi thêm. Tôi liều xông vào. Tôi xin thuê một góc nhà để ban đêm có

thể ngủ cho yên. Va ngước mắt nhìn, hỏi tôi, trả bằng gì? Tôi bảo, bằng chính tôi đây. Tôi có thể làm mọi việc. Thậm chí, tôi mạnh dạn, tôi bán thân xác để đổi dăm đêm ngủ yên. Va gật gù. Tôi hỏi tên nhưng va không đáp. Tôi nhìn vào mắt va. Cớ sao lại có gì như thân quen. Và khi bắt gặp nó thì tôi rơi vào chân không... một giây, hai giây, ba giây... rồi là chạm vào mặt đất thô cứng, lưng dập nát, đầu vỡ tung. Rồi tôi thành tù nhân của cổ họng. Hơi thở dồn xuống làm ngạt trái tim chừng không còn muốn đập trong lồng ngực. Rồi tôi vùng vẫy mong thoát ra trốn chạy. Những giọt đỏ lè tóe ra vấy lên tầng mây trên cao. Rồi tôi lại đập tay quơ chân, tất cả hóa ra lại chỉ một màu đỏ. Hồn tôi rách bươm. Mệt lả người, tôi đành bỏ mặc cho mình rơi vào cái dung dịch màu máu nóng hổi len lách vào căn nhà phía sau con người đó. Một căn nhà tôi quen thuộc ngóc ngách như cơ thể và bộ phận của chính tôi. Như tôi hằng đến thăm và được bế bồng ru ẵm bằng tiếng thở than của những bức tường. Rồi cứ mỗi lần tôi lại ngửi đúng cái mùi ấy, mùi cái giường dính bẩn với một người đàn bà tuyệt đẹp, là mỗi lần màu đỏ lại lênh láng tung tóe trên những bức tường. Căn phòng trống phía trái. Căn phòng nhung nhúc người bên tay phải. Họ không thấy tôi, tôi cũng thế. Nhưng tôi thừa biết họ ở đây, im lặng. Phòng khách ngay trước mặt. ở giữa, một cái TV phát tiếng ồn ào nhưng tuyệt chẳng có hình ảnh. Đằng sau, tiếng nước sôi trong căn bếp bỏ hoang. Thế là vết thương tròn như đồng tiền kẽm lại tấy sưng làm nhức nhối. Và rồi tôi lại thêm một lần bị ném ra đường.

*

Một sáng ở nhà người Liban bán thực phẩm tôi nghe nói họ trở lại căn nhà họ có quyền sở hữu. Họ là những chiếc xe cam-nhông trắng chất đầy gạo, dầu, đường và đủ loại nhu yếu phẩm khác. Họ cũng là những kẻ đến từ xa, mông đít trắng phau, tóc dài xòm, dáng khùng khùng. Khi họ phát quà, phải nhẩy nhổm lên mừng cỡn. Khi họ không cho gì, phải nhẫn nhục cúi đầu như cách độc nhất giữ hy vọng. Và tôi lại nghe rằng tay quản gia của căn nhà tên là Mohammed. Va giữ căn nhà nguyên lành mặc cho thời gian sói mòn và những cơn giận dữ của đám người vây quanh. Chẳng ai biết gia đình lẫn bạn bè va. Họ chết hay họ chưa bao giờ tồn tại? Không một ai muốn đả động đến điều này. Rồi như mọi người còn sống tôi ra đón những chiếc cam-nhông. Tôi nào ngờ, Trời ơi, là tôi lại sẽ tìm thấy tình yêu ngay ở đấy.

Lúc đó là quãng 3 giờ trưa. Trời mây xám xịt, tôi nghe tiếng nhưng không thấy những chiếc trực thăng bay thám thính dãy núi nằm sau thành phố. Đợi vài giờ dài như thời gian cả tuần, tôi chẳng có gì ăn, lỗ rốn sưng lên lòi ra to hơn bình thường. Đám đông áo quần sặc sỡ với chút hy vọng tìm được một

công việc tạm bợ hay một món quà vặt. Đàn ông thắt cà vạt, đàn bà mang váy màu cam, người què cụt, kẻ không quần không áo. Họ kêu la, chen chúc, kết cuộc dính chùm vào với nhau. Một tổ ong không có ong Chúa. Sau cánh cửa câm như hến, Monhammed ở đó, nét mặt thật khó tả. Có vẻ như va không chịu được khi tôi phải chờ như va. Phần tôi, tôi tránh không nhìn va. Rồi đoàn cam-nhông tới nơi. Sáu chiếc trắng muốt mầu tuyết, cần xe ngừng lên hứng gió, trong đầy ắp thực phẩm. Mặt trời bỗng hiện ra tắm sáng cho đoàn xe như thể chúng là sứ giả của Thượng Đế. Trời nóng. Đám người cất tiếng hát nhưng vẫn túm tụm trên đường không để bất cứ kẻ nào mới đến giành chỗ. Không khí hiếm dần, tôi ngột ngạt. Trong tiếng kèn xe và lời quát tháo để dẹp đường, đoàn xe từ từ vạch lối giữa đám đông đang chen lấn. Chung quanh tôi, người rồi người ép vào từ tứ phía. Đoàn xe từng cái biến vào sau bức tường. Trừ chiếc cuối cùng. Nó ngừng lăn bánh trước Mohammed. Và đấy là lần đầu tôi nhìn thấy Nàng. Sức rung động khiến tôi nghẹn hơi không thể thở. Nàng giáng thẳng lên lồng ngực khiến tôi quị xuống ngay chân nàng. Tình Yêu, tôi quyết cứ gọi như thế, thật quá vũ bão và chẳng có thể hiểu bằng lý lẽ gì cả. Mỗi nét trên khuôn mặt Nàng khắc trạm vào tâm cảm tôi cứ dập dềnh mơ mơ ảo ảo. Nàng bất ngờ trở thành ngôi sao của riêng tôi, nhưng còn tôi, tôi vẫn chẳng biết một điều gì về Nàng. Chỉ một thoáng, Nàng là tất cả, lý do của cả sống lẫn chết đối với tôi. Thật kỳ cục. Một cái rùng mình chạy dọc sống lưng trong khi đó cơn nóng ran xuôi xuống đôi chân tôi. Tôi, một kẻ kỳ cục. Nhưng sao Mohammed lại mỉm cười.

Chiều hôm ấy khi trở về nhà, người tôi nặng chịch nhưng lòng lại vắng xa. Đám trẻ kêu la. Tôi bước qua nhà không nhìn lại. Tôi đã thành một kẻ lạ. Chỉ còn mùi hăng thối ngập ngụa là quen thuộc lôi tôi khỏi nỗi lo sợ đang ập xuống. A, cái mùi thật khó chịu. Rồi tôi tìm ra là nó toát ra từ chính thân thể tôi. Mắt tôi chỉ còn thấy bóng đen với chiếc giường dơ dáy xa xa. Dục vọng bỗng tràn ngập trong tôi. Da dẻ xâm xấp, bắp thịt căng cứng, tôi ngả mình nằm dài trên đống thịt da tròn trịa ẩm ướt nhưng chắc nịch. Ai đó gõ vào đầu tôi những hào hển. Nhưng càng gõ tôi càng cựa quậy. Thứ động tác tới lui đều đặn rồi chỉ lúc sau là chịu không cứ giữ nổi mãi một nhịp. Dục vọng chẳng thể vòng vèo qua mặt được nữa. Chó tru lên sủa. Và thân người nằm ở dưới cái sức bung phá của tôi vẫn cứ lặng lờ. Thành một, với tôi. Rồi chợt khuôn mặt Nàng lại quay về ám ảnh. Vẫn động tác ấy với khuôn mặt Nàng, bây giờ thành thứ thể khối không tách nhau được. Nóng, trời hừng hực nóng và có tiếng đàn bà cười bên ngoài. Một ngọn gió thoảng qua phòng, nồng nặc xác thịt. Mồ hôi ứa chảy trên thái dương, qua lưng rồi đậu lại giữa hai chân. Tôi

cảm thấy con sóng của trận bão vừa uốn vòng trong bụng. Và cả cái thân thể bất động, nằm dưới, và nằm ngay trong tôi. Không còn ngửi mùi nước đái, mùi thịt ươn bên cạnh. Tôi đã quên. Thật ra, tôi chẳng còn biết tôi ở nơi nào. Rồi mặt chiếc trống áp vào đầu vào mặt bỗng lên tiếng, đập nhanh, nhanh hơn, từng chặp. Tất cả quay cuồng. Đời tôi, những giấc mơ, và dạ dầy. Tôi chỉ còn nghe thấy tiếng trống, tôi chỉ còn cảm thấy xột xoạt bước đi của đàn ông, phụ nữ và trẻ con. Từ xa, tiếng hát kêu thương của dăm bà già vẳng lại. Thình lình thân thể bài tiết ra thứ chất nhờn âm ấm giải phóng tôi. Một mảnh voan chụp xuống, dịu dàng kèm quên lãng. Sau đó, tôi chẳng làm sao nhớ được gì nữa.

*

Thức dậy buổi sáng hôm sau tôi thấy máu loang lổ trên nền đất. Tôi không sợ, cũng chẳng mảy may động lòng. Chỉ ghê tởm cái mùi thối hoăng bên cạnh. Nhỏm dậy, tôi ngồi lên giường.Tôi cô đơn, quá cô đơn. Rồi tôi nhớ, chiếc xe, mặt trời, khuôn mặt Nàng. Tôi phải thức giấc, phải thoát cơn mộng mị, đi tìm Nàng. Chắc chắn Nàng đợi tôi.

Nền đất vung vãi mảnh thủy tinh và đá vụn cứng sắc. Tôi phải đi thật lâu mới đến được với Nàng. Lâu hơn nữa, mới ngửi được, sờ được Nàng. Nhưng chưa kịp, Nàng lại thoắt đi. Và lúc Nàng ở lại là lúc tôi phải trốn chui trốn nhủi để tránh những lưỡi dao quắm. Thật oái oăm, Nàng và tôi chung một chốn trọ nhưng cứ kẻ ở người đi như số kiếp dành cho những mối tình không ngày mai. Xa Nàng, tôi hốt hoảng lồng lên chạy tìm. Có lẽ đấy là lần thứ mười tám tôi lại qua con đường đó, chân rộp lên phồng đỏ. Men theo vách tường, tôi nhảy từng cái một, dáng kiêu hãnh. Người ta làng nhìn khi chạm mắt tôi. Họ im lặng.Tôi chẳng hiểu vì sao. Một tiếng súng... Tôi nghiêng người, tôi ưỡn dậy, tôi chạy. Một tràng liên thanh... ở trên, ở dưới, đằng trước. Những kẻ nói lên lời, có kẻ bảo tôi điên, có kẻ bảo tôi gan. Nhưng tôi, tôi biết, tôi chỉ sợ. Nỗi sợ nghiền nát tạng phủ, dính cứng yết hầu và làm lưỡi tôi đắng chát. Nỗi sợ đó, như lời Cha tôi dạo nọ, là cái khiến con người trực cảm được hiểm nguy, tránh nó hoặc là loại trừ nó. Nỗi sợ làm tứ chi run rẩy, một khi trọn vẹn thấm vào cơ thể thì bỗng hóa ra cái áo chống đạn. Nỗi sợ khiến thằng thốt la ban đêm và cười hinh hích ban ngày, sinh ra tôi rồi sẽ nhìn tôi qua đời, đeo đuổi và thành sức mạnh. Tiếng nổ inh tai sau lưng thình lình ném tôi vào bức tường đen màu khói súng loang lổ vết đạn. Tình cảm, hay cái gì tựa tựa thế, bỗng nhạt nhòa bất định. Tôi không còn phân biệt được nỗi sợ trên khuôn mặt Nàng. Tôi vùng chạy cho nhanh. Tôi sợ mất Nàng. Mất nỗi sợ.

*

Nàng ở đấy. Mặt Nàng rạng rỡ soi sáng những tấm kính xe. Tất cả ngưng động xung quanh. E làm biến đi phép mầu, cả người lẫn vật đều tự xóa mờ chính mình. Chỉ có Nàng. Nhưng mỗi lần như vậy, tựa một cái đồng hồ vặn sẵn, tên quản gia lại mở hai cánh cửa sắt để mặt trời, rồi đoàn xe và những kẻ trong xe đi vào. Mặc thêm một lần giấc mơ của tôi lại mất hút sau thứ kim khí băng lạnh. Và tôi chỉ còn nhớ được đôi mắt. Đôi mắt khi thì xanh trong, khi lại đen nhánh. Hôm nay, Nàng nhìn tôi. Tôi xấu hổ. Nàng không thèm nhìn nữa. Tôi quay đi tránh né. Tôi làm Nàng kinh tởm. Từ ấy, tôi quên màu đôi mắt.

Năm tuần. Tôi đã đến với nỗi hân hoan của trẻ thơ. Đôi khi tôi uống rượu trước khi đi. Chân nam đá chân xiêu, tôi xiêu người ngã, mặt chúi xuống bùn, rồi lại chồm dậy, bước nhanh hơn, hãnh diện vì mình can cường. Thế mới là đời sống. Đổi ít đớn đau cho thật nhiều hạnh phúc.

Một bữa tôi đến chậm. Chiếc xe trắng nằm bất động trước cửa, bụng huếch hoác. Chỉ còn độc bộ xườn rỗng tuếch im lặng, xe như mắc chứng nan y vào giai đoạn cuối cùng. Tôi không thấy Nàng hôm ấy. Và chính tôi ngả bệnh, thứ bệnh chẳng chữa nổi. Mặc dầu muốn bỏ trốn, chân tôi đóng đinh vào nền đất không làm sao động đậy được. Nền đất khô cằn thành cái phần nối dài của thân thể và nỗi đau. Nào, một, rồi hai, ba. Tôi cố dứt người ra, lao đi chỗ khác, trên mái tôn, lên tường gạch, vào bầu trời. Thịt bàn chân tôi dính cứng vào đất đá, cọng cây, vào than đốt, vào bụi bậm. Đến khi máu ứa ra từ những ngón chân tôi mới để ý đến cái bóng của chính mình. Lạ lùng, nó ngả dài ra đến chiếc xe. Mặc dầu tôi nhỏ thó. Không, mặt trời sau lưng không có cái khả năng làm tôi phình to đến như vậy. Phải chăng vì Nàng đã chờ tôi. Nhút nhát, cẩn trọng, Nàng rẽ bước về phía tôi, bóng đổ xoài trên mặt cát. Tấm áo choàng dầy cộm phủ người. Nàng cởi áo, động tác trìu mến, theo nhịp đong đưa của hoàng hôn vừa buông xuống.

Nàng là núi chạm trổ bằng lửa, nước và gió. Trắng trinh mảnh băng đóng một màu xanh lơ. Nàng là mặt trời sắp lụn trên những bức tường bụi bậm của làng mạc lịm lắng vào đồi cát. Hôn phối giữa đất và trời, cong mởn gợi khêu gọi mời. Duyên mặn mà một đêm trời đầy sao cứ đẹp, đẹp mãi, đẹp cho đến thiên thu. Bài thơ bằng cẩm thạch ẩn trong tổ đá ong. Nàng ở đó, như thế, ngay chốn tôi muốn đến trọ. Giữa trái tim cuộc sống. Và tôi chợt sợ.

Mỗi giây mỗi phút sau lần gặp gỡ đó, tôi phải ra sức giữ Nàng cạnh tôi ít ra là trong tâm tưởng, nhưng chẳng còn bao giờ thấy được mặt. Nàng không ngơi nghỉ bóc trần trái tim tôi rướm máu mỗi ngày. Tôi bước, Nàng vẫn ngự ngay trên đỉnh nỗi trầm tư ám ảnh. Như phép phù thủy. Tôi yếu đuối. Tôi

chót biết niềm hạnh phúc thoáng qua khi khiêu đố Nàng, và tôi sẵn sàng tiếp tục lập lại. Cũng có thể thế là mất Nàng mãi mãi. Tôi chẳng còn biết Nàng có phải là giấc mơ hay là cái vị nửa chua nửa ngọt một quá khứ tôi muốn quên đi. Xá gì, cứ hằng ngày tôi vẫn còn phải đến với Mohammed, với đoàn xe cam-nhông đầy thực phẩm trong căn nhà bằng vàng. Và không nhận rằng nay Nàng dần dần trở nên thứ thói quen ngày một thân thuộc. Nàng đã thành con đỉa đang hút đến cạn kiệt dòng máu trong tôi.

Một chiều nóng đến ngạt thở, tôi quay về nhà thì Mohammed đứng một mình trước cửa, mắt nhìn có chiều lo lắng hơn thường ngày. Họ đã đi hết, tất cả. Cả Nàng cũng vậy. Trên những ngọn đồi bao quanh thành phố, tiếng trái pháo ùng oàng nổ. Mắt thất thần, tôi bắt gặp Mohammed nhìn lại, và đó là lần đầu tôi để ý thấy va nay cụt cả hai tay.

Eric Viet

Kenema là thành phố nằm giữa một vùng màu mỡ ở Sietra Leone. Thành phố nhỏ, có thể chẳng bao giờ được kể trong những pho sử cho cả người lớn lẫn trẻ con. Nhưng một khi đã sống ở đấy, có thật nhiều điều để nói. Dẫu xung quanh là rừng, trung tâm thành phố lại nhắc nhở miền viễn tây của nước Mỹ. Trên những con phố bụi bậm chen chúc nào là người da đen, người Liban, đám làm việc thiện nguyện và bọn lính tráng. Kim cương là cái mồi nhử gây ra một cuộc nội chiến tàn khốc từ 1991. Dân chúng chịu đựng những cuộc thảm sát dã man, hàng vạn người bị chặt tay chặt chân, và trẻ con từ 6 đến 16 tuổi bị bắt cóc, bị ép ghiền ma túy rồi buộc phải làm những việc ghê rợn chém giết ngoài tầm tưởng tượng. Tuy thế, con người vẫn tiếp tục sống còn, dấu triện đóng như vết tích của lòng can đảm. Và Kenema vẫn cứ là cái nôi đong đưa những chuyện tình tuyệt vời. Vào thời chiến, rất đặc biệt, tình yêu và nỗi sợ quyện vào nhau thành một, tôi tạm gọi trong truyện là Nàng cho gọn.

Tạp chí VĂN HỌC
tái bản
lần thứ bảy

Giá 10 mỹ kim

ĐỖ LÊ ANH ĐÀO

tình cờ gặp fidel castro

yo soy una chica viêtnamita en little havana =
tôi là một người đàn bà việt nam ở little havana.

mùa hè ướt át biến dân địa phương thành người tình và
dân du lịch thành tù binh
vùng đất xa lạ này mai phục tôi một cách bất thình lình như địch
thủ trong du kích đệ
chiến
tôi và nó, hay cả hai
cách để gia nhập đảng cộng hòa ở đây đều đơn giản:
cô gái bán bar non nớt đùa cợt vớt giọng nói ngọt mùi mía lau
thứ mùi mật lịm ánh mặt trời như một người yêu cũ.
xứ sở tôi bên kia nước mỹ bỗng hiện thân và phán án tử hình.

cô ta đang đứng bên tôi rất gần,
mãnh liệt tấn công cá nhân ranh giới,
cô kể tôi nghe về cuộc hành trình vượt 90 dặm đại dương
trên con tàu cứu mạng được làm từ một chiếc xe ba gác
sau khi cười cho đã đời về câu chuyện chỉ có đồng bào tài hoa của
hai quốc gia cộng sản
mới liều lĩnh tuyệt vọng đúc thuyền vượt biên từ một chiếc xe,
(chúng tôi nói một cách hoàn toàn nghiêm chỉnh),
cô mời tôi đi chơi một buổi tối la tinh đệ ba lũy thừa: miami, moji-
tos, và mambo.
nhếnh mép khi nhắc "ông bác độc tài" và ôm tôi để hôn lên hai
má.

se llama maria isabella bolivar
maria thuộc thế hệ di dân một rưỡi
ban đêm bán bar và ban ngày đại học chuyên nghành nghiên cứu dân tộc nam mỹ:
cô làm việc với nguyên tắc người tị nạn và rắc vào câu chuyện giọng tây ban nha,
maria thường thấy lạc lõng nhưng chẳng chia sẻ nỗi bơ vơ của cô bao giờ:
dễ gì mà liên hệ với 400,000 người cuba khác trên mảnh đất này,
dẫu gì thì tất cả đều là kẻ tha hương cho nên muôn năm hoa kỳ.
castro chưa chết, mà đã lai vãng như quỷ ma.

bienvenido a little havana:
tổng cộng 23 góc đường trong thủ phủ đông nam của bán đảo florida,
tôi di dạo vòng quanh với giai nhân la tinh,
tôi và nàng vang vửa anh ngữ
tôi và nàng nửa mỹ nửa việt nửa mỹ nửa cuba,
ra đời đối diện hai góc địa cầu nhưng cùng một màu da
và cùng từng chứng kiến bao cuộc biểu tình chống cộng,
cùng kháng cự đồng hóa tây phương cùng ôm ấp quốc gia thứ nhì,
nơi sẽ không bao giờ đón chào chúng tôi như máu mủ
cũng là nơi nàng và tôi quen biết,
càng đi càng thân càng nói càng gần,
gần trung tâm phố xá náo nhiệt,
con đường bơm huyết lực cho di dân cuba,
tên thật là đường số 8 nhưng mọi người đều gọi calle ocho.

Giữa động mạch chính của little havana,
tôi giả bộ thông cảm và kể maria nghe về đường hai bà trưng ở little saigon.

running into fidel castro

yo soy una chica vietnamita en little havana =
I am a vietnamese woman in little havana.

the summer humidity makes lovers out of natives and
prisoners out of tourists.
this foreign land ambushes me like a surprise enemy or guerrila warfare,
neither and both
ways to join the republican party here are simple:
jokes the young cuban barmaid with her sugarcane-scented voice,
the saccharine and sunlit smell is unexpectedly familiar.
my home on the other coast suddenly appears and jabs me at the throat.

she is standing too close to me,
pushes the boundaries of my personal space,
tells me about the journey she made across ninety miles of sea
on a pick-up truck - turned escape ship - turned life-saver.
as we both laugh about the fact that only the desperation and brilliance of a third-world
nation would drive its people to make life-savers and boats out of pick-up trucks,
(no, we weren't being sarcastic),
she invites me out for a night of the latin 3 m's: miami, mojitos, and mambo,
smirks as she mentions "the dictator" and leans in to kiss me on both cheeks.

se llama maria isabella bolivar
maria is a 1.5 generation immigrant,
waitress by night and chicano studies college student by day:
she embodies the refugee work ethics and peppers her speech with espanol.
maria often feels displaced and seldom laments on her loneliness:
it is hard to relate to the other 400,000 cubans on this soil.
afterall, they are in exile so viva the yankees.
castro is not dead, yet he already haunts.

bienvenido a little havana:
the 23 blocks in the southeastern metropolis of the florida peninsula,
I walk along these streets with this radiant latina,
both of us speaking English,
both of us vietnamese american cuban american,
born in opposite sides of the world but wear the same working class skin color and
experience the same anti-lenin protests,
somewhere between resisting assimilation and embracing this common land that never
quite accepted us but brought us together,
we were on our way to connecting as we reach
the colorful center of town,
the artery that keeps the heart of little havana beating,
the official name is SW 8th street but everyone knows it as calle ocho.

There, I forge empathy and tell maria about hai ba trung street in little saigon.

Đỗ Lê Anh Đào
2/6/06

hồn của bướm

NGUYỄN VIỆT HÀ

Cứ những hôm mịt mù mưa thì Trang buồn. Và cứ những ngày gần rằm, mười ba hoặc mười bốn, đôi khi sớm hơn mười một hoặc mười hai thì Trang lại mơ thấy mình hóa bướm. Thế còn những hôm đầu tháng mà lại nắng. Trong mơ, Trang vẫn không bay dù là chập chờn, cô vẫn lượn lệt sệt như lúc trên sàn sân khấu hội diễn văn nghệ của ngành. Với đôi cánh bằng va li de mầu đỏ hoặc tím, cô chấp chới dẫn đầu một đàn bướm, thường là trật tự xếp hàng một. Cái trật tự miên viễn có từ ngày thành lập ngành. Các giấc mơ của Trang cũng rất thứ tự, chúng hay bị lộn xộn là do Trang có lối nhớ đểnh đoảng. Cuối hàng luôn là con bướm Dung lòe loẹt đỏ, ục ịch nặng sáu mươi mốt ki lô gam. Dung bằng tuổi Trang, mặt mũi tròn trắng phúc hậu đều đặn, có chồng là lái xe cùng cơ quan nhưng lại cặp bồ với Tuấn là phó Giám đốc cũng cùng cơ quan. Ở trong một công sở có nội qui đi sớm về muộn bị chấm công chặt chẽ thì người ta hay lẫn lộn yêu nhau. Khi Trang yêu cô khát khao mọi sự là minh bạch, còn chồng Dung mù mờ ngây thơ yêu vợ, yêu chơi tá lả và hình như không dám yêu ai. Giữa một buổi lim dim nhạt thếch ngồi họp nghe phó Giám đốc Tuấn đều đều phát biểu, Dung nói riêng với Trang là cô ta đang hạnh phúc. Tuấn vừa đi Nhật về và vừa tặng Dung quà. Tuấn có kể là đã xem vật Su Mô và không thể hình dung nổi một tay võ sĩ vật lại to đến thế. Đại loại là quần xịp của tay đó có khổ vải may vừa cho Dung một chiếc áo dài.

"Không nói chuyện riêng, không cười. Hai ba bốn, đập tay sang người quay vòng, lượn"

Trang trong lúc đang mơ thỉnh thoảng thì cố muốn bay, nhưng lúc đang tập múa tỉnh táo như thế này thì cô chỉ nghĩ vẩn vơ chẳng muốn bất cứ thứ gì. Trang cũng đang yêu nhưng là yêu tuyệt vọng. Đấy là mọi người đồn thổi thế, bố mẹ Trang thì chưa biết nên chưa thấy thế, còn gần đây riêng Trang cũng đang hoang mang nghĩ thế. Mối tình này gần gần là mối tình

đầu. Trong phòng của Trang hầu hết cứ yêu đến lần thứ hai thì cưới. Và năm thứ hai sau khi cưới thì đẻ. Cái thói quen đã mơ hồ xác lập từ ngày thành lập ngành. Nếu đến thế hệ những người trẻ như Trang mà vẫn cố gắng giữ thì đấy sẽ được gọi là truyền thống. Cơ quan của Trang đã có vài truyền thống và truyền thống nổi bật nhất là ngủ gật. Trang đi làm hết năm thứ nhất thì bắt đầu lơ mơ ngồi ngủ. Thỉnh thoảng choàng dậy Trang ngỡ ngàng xấu hổ vì thấy mình đang cho con bú tí. Người Trang đang yêu rất hay nũng nịu cái đầu bạc rồi nún nún cái mồm cũng đòi ti. Tùng là nhạc sĩ có vẻ chuyên nghiệp, hai năm lại đây được ban giám đốc tin cậy mời đến dàn dựng chương trình văn nghệ. Mấy nhạc sĩ trước có râu nhiều hơn có mắt nhìn đĩ thõa hơn nhưng để đoạt huy chương thì ít hơn. Tùng nghe nói học nhạc viện tít tận bên Tây và hình như chơi được nhiều loại nhạc cụ dân tộc. Giỏi nhất là đàn Tỳ Bà rồi đến đàn Bầu. Cũng giống như mấy nhạc sĩ trước, khi nghe ban giám đốc giao nhiệm vụ, Tùng nghiêng tai nghễnh ngãng. Sau Bết-thô-ven, đa phần các thiên tài âm nhạc đều điếc. "Ai đi qua văn phòng chúng em, xin vào đây ối a vào đây. Ôi ngành công thương, thương ơi là thương ì a í a...". Ca từ đậm đà bản sắc quan họ không giống nhạc Nhật không giống nhạc Mỹ nên phức tạp đầy bất trắc. Chị phó phòng hành chính ngày xưa có đóng bướm bây giờ sắp nghỉ hưu chê là không hay. Hôm tổng duyệt lần cuối, chị đứng ở hàng đầu sát cạnh cô Giám đốc, lúc nhả hơi ngân vào điệp khúc, tuổi già đứt giọng chị bị sổ mũi. Có mấy giọt nước sền sệt bắn vào áo dài xẻ lườn cao của cô Giám đốc, sánh lại giống hệt hình khóa son. Trang hồi sinh viên có đôi lần đã mơ mình sẽ thành ca sĩ. Cô thập thò lưỡng lự suýt ghi tên theo học một lớp thanh nhạc. Thầy dậy lớp đấy mồm hôi chắc vì hay hát nhạc vàng. Và như vậy không phải ngẫu nhiên mà Trang yêu Tùng. Trông Tùng hom hem nhưng bạn của Tùng toàn là văn nghệ sĩ nổi tiếng. Những người thường xuyên ngồi trên ti vi nhưng mặt mũi xa vắng trầm ngâm trông rất cô đơn. Sự cô đơn luôn là hùng vĩ và huyền bí khi được hiện diện chỗ đông người. Trang luôn thấy chan chán khi phải ở lâu một mình nhưng cô tha thiết yêu sự cô đơn. Bạn của Tùng dễ thương lắm, đa phần khinh ghét tiền tài chỉ đau đáu một nỗi niềm nghệ thuật thăm thẳm. Vào những hôm gần rằm dương lịch, những ngày Trang lơ lửng không thể mơ, thì ban giám đốc lại thanh toán tiền công cho Tùng. Tùng ơ hờ nhận rồi chậm chạp đau khổ nghiến răng nặng nề đút sâu tập tiền vào túi. Tiền, tiền là cái gì. Trang đã hơn một lần được Tùng rủ đi ngồi uống rượu bằng xương bằng thịt với những người văn nghệ. Họ ngang tàng hóm hỉnh sâu sắc, kể cả nói tục cũng duyên dáng buồn cười ơi là buồn cười. Thế mà trong

mơ, trừ những lúc đang chập chờn hóa bướm, Trang lại thỉnh thoảng bật khóc. Nước mắt không rõ xuất xứ vật vã mộng mị trên cái giường đơn kê ở phòng riêng. Lúc tỉnh dậy Trang thấy cái gối hồng bâng khuâng ướt đẫm đặm chát. Có lẽ đó là điềm gở. Tại sao đôi khi người ta lại bật khóc. Cùng nghe chuyện Đạm Tiên thì Thúy Kiều mếu máo, Thúy Vân thì hớn hở lạnh tanh. Còn chàng út Vương Quan thì cao đạo phê bình uyên bác giải thích. Trang hoặc đọc báo hoặc xem vô tuyến thấy nhiều người có bằng cấp vẻ mặt tử tế nhăn nhó than là bây giờ xã hội vô cảm. Người già hạt lệ đã như sương còn bọn trẻ lại càng khô khốc. Những người biết khóc ngày nay vô cùng hiếm, lác đác chỉ thấy ở các chị tiểu thương khi xem phim Hàn quốc và ở các quan chức khi bị đứng trước tòa. Trang vô thức nghẹn ngào. Tùng đã có vợ đã có con và phong phanh hình như sắp có cháu ngoại. Một đứa trẻ đít xanh lè ỉa cứt xu chân tay hon hỏn đỏ, chắc chắn nếu không cho nó bú nó sẽ ngằn ngặt khóc. *Em trong trắng và em không hiểu đâu. Thời thanh niên của anh không có tuổi trẻ. Ôi cái thời người ta không được sống cho chính mình.* Tùng khàn khàn giọng la thứ run run úp mặt vào hai tay, bờ vai của anh ngân lên mỏng mảnh. Muốn Tùng thôi nức nở thường thường Trang hay áp ngực của mình vào má trái của anh. Người nghệ sĩ nghèo tử vì đạo tuẫn tiết giơ nốt má phải. Tùng lã chã nấc. *Hãy đong đầy thương đau vào khuôn mặt nhầu nát này.* Trang xót xa, hành trang của các thiên tài đương nhiên chỉ là đau khổ. Nghệ sĩ luôn là những đứa trẻ con tuy đít không xanh, cứt đã to dài thành khuôn nhưng bơ vơ ngây thơ ngộc nghệch. Môi Tùng bắt đầu núm núm. Trang được nghe nhiều bạn bè văn nghệ của Tùng lè nhè nồng nhiệt khen anh là một nghệ sĩ hàng đầu theo dòng phái phản tỉnh. Nghĩa là thấy được cái dở của quá khứ cái xấu của hiện tại và cái thối tha của tương lai. Những người như thế bất hạnh lắm, mà một người tài đã bất hạnh thì phải có một thiếu nữ an ủi. *Và Chúa đã chọn em, Tùng ngừng núm môi thầm thì.* Sáng nay, gió mùa Thu thầm thì lất phất mưa và Trang uể oải lười chưa muốn đi làm. Cái cảm giác cố hữu của công chức là mình đã không theo đúng nội qui làm cô áy náy. Những ngày này Trang được phép đi làm muộn vì cô là một thành viên có thâm niên của đội văn nghệ. Bẩy năm trước cô đã là bướm, tất nhiên là hồi ấy cô chưa được làm bướm đầu đàn. Hồi ấy cô vừa chia tay mối tình đầu. Giống như hầu hết những nữ sinh đa cảm, Trang tò mò biết hôn ở năm thứ nhất và vào năm thứ ba thì thiết tha yêu. Cái anh chàng ấy cùng trường ở nội trú biết chơi ghi ta học trên cô hai khóa. Anh ta gầy gò xấu trai, xấu đến nỗi làm rất nhiều người nghĩ là anh ta phải có nhiều tài. Trang và anh ta làm quen nhau trong một

buổi chiều có thời tiết rất lãng mạn. Lý do làm quen thì hơi hơi giống phim, hơi hơi giống tiểu thuyết. Đại loại chi tiết thì lãng đãng khó nhớ nhưng nói chung cũng rất là lãng mạn. Một tình yêu không êm đềm đầy sóng gió và ở đâu đó phảng phất mùi thuốc ngủ bởi bố mẹ Trang đã không đồng ý. Nếu hồi ấy Trang sâu sắc theo lời thề thốt mà uống séduxel hết liều thì nhân loại đã có thêm Juliet. Roméo xấu giai tinh táo nhiều trách nhiệm cẩn thận gọi cả 05 lẫn 113. Trang run rẩy ngã lại vào vòng tay êm ấm của gia đình. Bố và mẹ Trang đều đi làm ở chỗ cơ quan Trang đang đi làm. Bố và mẹ Trang yêu nhau rồi lấy nhau, không phải do cùng chung công sở mà là cùng chung một nỗi sợ sâu xa về Sếp. Thỉnh thoảng bố mẹ Trang cũng mơ, những giấc mơ vụn vặt đứt đoạn vì thói quen giữa giờ làm hay ngủ gật. Những giấc mơ không lành không dữ không có đức tin nhiều hoảng hốt trước một cái gì đó bất bình thường. Mẹ Trang hồi trẻ cũng có tham gia đội văn nghệ, nhưng không múa mà ngâm thơ. Nếu đúng ra thì mẹ Trang phải yêu một thi sĩ. Và ở cái thời xa vắng trong trắng ấy các phong trào văn nghệ không chuyên người ta hầu như không thuê dân chuyên nghiệp. Còn bố Trang làm kế toán, ông ngấm ngầm chin chu mua một tủ đầy tiểu thuyết mà một ít trong số đó ông đã đọc hết mười trang đầu. Bố Trang yêu chơi tú lơ khơ nhưng không nhếch nhác như chồng của Dung vì hồi ấy trong công sở không chơi bài lá ăn tiền. Chỉ đánh bôi râu hoặc tính điểm thế mà cũng say mê hốc hác qua đêm. Càng gần đến ngày về hưu bố mẹ Trang càng hay nhắc đến hồi ấy. Trang không hiểu, Trang đang đi làm ở năm thứ bảy Trang đang yêu ở tháng thứ tám. Rồi đây mình cũng sẽ lẩm cẩm như thế sao. Hồi ấy chương trình văn nghệ có giản dị vài ba tiết mục. Trừ thời gian ông Giám đốc đọc báo cáo tổng kết, thường là bốn mươi nhăm phút thì đến tiết mục đơn ca, tiết mục đồng ca. Toàn là những bài ca ngợi chung chung hầu như không có bài được sáng tác riêng tặng cho ngành độc đáo theo kiểu những tác phẩm của Tùng. Hiếm hoi mới có múa minh họa mô phỏng diễu hành Công Nông Binh Trí hao hao mô hình vẽ trên tờ tiền hai đồng. Rồi đến tiết mục ngâm thơ. Rồi họa hoằn lắm mới kết thúc bằng một tiểu phẩm kịch nói tự biên tự diễn. Bố của Trang duy nhất một lần tham gia đội múa, vì ông gầy gò nên được vào vai trí thức. Ông phải đeo kính cận thật nên quáng gà dẫm phải chân ông phó Giám đốc đóng vai công nhân. Ông công nhân phó Giám đốc ngã đập mồm xuống sàn diễn trong chính đêm chung kết, bị văng chiếc răng giả có bọc vàng Tây và không hiểu sao không thể tìm thấy. Bố Trang lập cập sững người nhìn, từ từ lăn ra sàn. Ông phó Giám đốc đang lồm cồm bò tìm răng chân thành bay người lại đỡ. Hồi đó bọc răng vàng

đang là mốt, đại loại cũng xa xỉ như là mốt bây giờ các Diva thích gắn hạt kim cương vào cánh mũi. Một thời ấu trĩ đầy cao thượng có nhiều hiền lành. Bây giờ chương trình văn nghệ ở cơ quan Trang đã khác. Thời gian đọc báo cáo tổng kết của cô Giám đốc thường chỉ là mười lăm phút rồi đến tiết mục đơn ca, tiết mục song ca (bỏ ngâm thơ), tiết mục đồng ca (thường xuyên có đội múa của Trang minh họa). Kết thúc luôn luôn là tiểu phẩm kịch nói mà vai khó thuê hẳn diễn viên chuyên nghiệp. Tan chương trình, chi đoàn thanh niên ở lại lửa trại qua đêm hoặc khiêu vũ cổ điển hoặc nhảy đầm hiện đại. Mẹ Trang ngồi lẫn trong đám các bà các cô sắp về hưu vừa xem vừa khe khẽ ngáp. Bố Trang sau khi nhận xuất phong bì dành cho các đại biểu đến dự thì lủi về sớm, dạo này ông đã biết yêu chơi tá lả. Đúng là giữa các thế hệ có khoảng cách thật. Trước kia khi hát bài "Việt Nam đất nước quê hương chúng tôi" thì người hát cứng đơ tay uốn éo dải lụa. Còn bây giờ thì cầm nón, người hát chầm chậm thiết tha lắc lư. Tất nhiên dao động lắc không quá góc bốn nhăm, vì một số đồng chí nam có bụng bia. Sẽ nguy hiểm nếu chân trụ hơi yếu rất dễ dàng bị tùng bê. Trang hôm đầu gặp Tùng là hôm anh đang gay gắt thuyết trình trước ban Giám đốc. Nghệ thuật phải là độc đáo là sáng tạo là cách tân. Vừa hát vừa cầm nón nếu gặp ban giám khảo sâu sắc, người ta sẽ liên hệ đến vũ điệu Cái Bang. Khuôn mặt Tùng long lanh mồ hôi, rũ rượi anh đã đi hàng chục vòng quanh sàn diễn ngẫm nghĩ. Những nữ công chức bình thường lần đầu tiên mới được mục kích sở thị sự siêu thăng của lao động nghệ thuật. Trang nhìn và thương anh. Con ngựa đẹp nhất là lúc đang phi, người nghệ sĩ đẹp nhất là lúc đang nghĩ. Đàn ông trung niên quyến rũ bậc nhất là mặt phải luôn nhiều nét trăn trọc tư duy. Nhạc sĩ Minh Tùng biết vậy. Hằng ngày nhạc sĩ đều đặn bỏ ra hai tiếng tự luyện trước gương để làm sao cho các nếp nhăn trên trán tự nhiên sóng sánh gợi cảm duyên dáng. Năm ngoái hoặc năm kia, ở ngành giáo dục hay ở ngành giao thông hay ở ngành thương mại gì đó đã có hai thiếu nữ, một ở tuổi mười chín một ở tuổi hai mốt chỉ vì yêu nếp nhăn mà lúc đang múa lao vào nhau đánh ghen. Nhưng Trang không biết và vĩnh viễn không bao giờ biết chỉ vì đơn giản là cô đang ở ngành khác. Cô đã yêu như cánh vạc bay như yêu lần đầu. Và Trang đột nhiên thấy mắt Tùng sáng rực, Tùng lảo đảo đứng dậy nhìn chằm chằm vào đàn bướm khoa chân tay say mê nói thăng hoa. Dàn đồng ca vẫn là hàng đôi nhưng sẽ cong hình cánh cung nó chất chứa một biểu tượng triền ngực thanh xuân đang phơi phới ưỡn ca ngợi đất nước. Và đến câu "Người thiếu nữ dạt dào tình cảm" thì đàn bướm sẽ từng đôi từng đôi tung tăng đi vào. Trang vừa múa vừa như bay. Khi xúc

động trước một tài năng phụ nữ thường nhẹ nhàng thanh thoát. Con bướm Dung đã thôi ục ịch, Trang chắc nó cũng chẳng còn nhớ đến chồng là lái xe đến nhân tình là phó Giám đốc. Và Trang lâng lâng tỉnh dậy khi trời Thu đã hơi ua úa cuối mùa. Những vạt nắng mong manh mang mang loang nhẹ trên nhấp nhô mái ngói thơm nâu trầm trầm cổ tích. Thu Hà Nội là mùa cổ điển của biết bao nhung nhớ từ khắp bốn phương trời. Chương trình hội diễn văn nghệ của hội thao công nhân viên chức toàn ngành đang ở đêm chung kết. Tiết mục đồng ca có múa bướm minh họa của cơ quan Trang đã đoạt huy chương vàng. Huy chương bạc thuộc về một cơ quan có đội múa ong. Dàn dựng cho bên đấy nghe đâu cũng là một nhạc sĩ. Anh này còn trẻ tuổi môi đỏ mắt ướt mặt không nếp nhăn. Mấy cô Giám đốc âm thầm hồi xuân bâng khuâng anh lắm. Dàn đồng ca bên đấy cũng xếp hàng đôi hình cáh cung nhưng vừa hát lại vừa cầm nón. Đàn ong bay vào cũng chậm hơn rất nhiều so với câu " Người thiếu nữ dạt dào tình cảm". Nghệ thuật là sự sáng tạo của những khoảng khắc. Có một khoảng khắc khi đèn bật sáng ở cuối một tiết mục, Trang đã thấy vợ của Tùng mặc áo dài hoa kệch cỡm bế đứa cháu ngoại đứng ở cuối hội trường. Tay đứa bé đang nghịch cái phong bì của ông mà bà nó đã rút hết lõi. Hôn nhân luôn là sự dầy vò day dứt của tiền bạc. Trang không nghĩ thế và đêm chung kết này Trang chợt nhiên thấy người lung tung lao đao. Cô đã cuồng nhiệt muốn hóa thành bướm. Vũ điệu của con bướm đi đầu đã cuốn cả đàn bùng khát khao thăng hoa. Về sau, có vài vị tử tế trong ban giám khảo cứ đến hôm rằm là lại mơ, cũng chẳng rõ họ mơ thấy gì. Trang rưng rưng vào sau cánh gà tìm chai nước khoáng, ngực áo của cô rịn đẫm mồ hôi. Nghệ thuật là sự hóa thân trong trắng từ khắc nghiệt lao động. Tùng đã nói như thế và bây giờ anh đang nói.

"Ông là đồ tráo trở bần tiện. Ông đã hứa với tôi những gì"

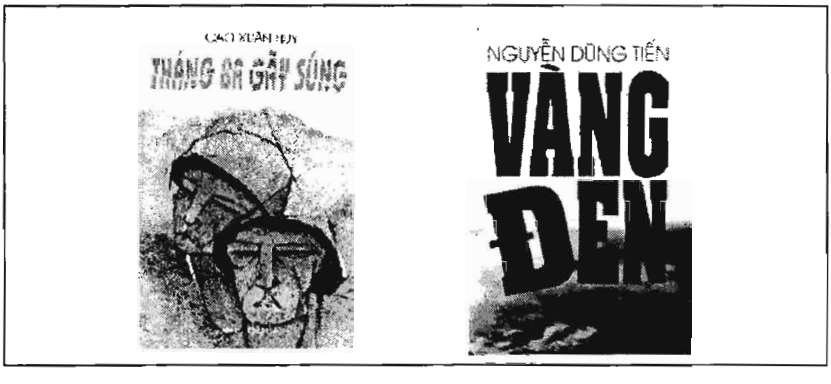

Giọng kia là giọng của phó Giám đốc Tuấn.

"Tôi đã nộp đủ cho ông mười triệu. Tiền thưởng như thế là quá nhiều"

"Thế nhưng đây là huy chương vàng. Ông tưởng mấy con nhân viên của ông cứ ưỡn ẹo bướm là được à. Chỗ mười triệu đó mấy thằng giám khảo chúng nó đã nuốt tất rồi".

Tiếng cười khẩy của phó Giám đốc Tuấn thì đều giả. Tiếng mặc cả của nhạc sĩ Minh Tùng thì trắng trợn. Và Trang thiếp đi như là cô muốn ngủ. *Nắng có còn hồng trên môi em. Mưa có còn buồn trong mắt em. Tóc em từng sợi dài.* Hình như lại sắp đến rằm. Thiếu nữ đến một tuổi nào đấy thì tóc sẽ không dài nữa. Có thể đêm nay Trang sẽ mơ và cũng có thể đêm mai Trang sẽ mơ. Những giấc mơ dập dờn triệu triệu cánh bướm. Ngày xưa đã có một người họ Trang cũng nằm mơ thấy bướm. Ông này đã ngơ ngác tỉnh mà không biết mình mơ thấy bướm hay là bướm mơ thấy mình. Trang muốn trở dậy uống một hớp nước rồi cô sẽ soi gương. Sang năm lại có hội diễn văn nghệ. Sang năm nữa vẫn có hội diễn văn nghệ. Liệu đến lúc đấy Trang có còn được làm bướm đầu đàn. Trang ôm cái gối đơn âm ẩm nước mắt. Lần đầu tiên không mơ và không rõ lý do, Trang cô đơn sụt sịt khóc.

Nguyễn Việt Hà

ngày lễ Đức Bà lên giời

Hận thù có mãi tiếp diễn
sau cuộc chiến?
Người trí thức sống và nghĩ như thế nào
trong bước khốn cùng?

TRÊN CẢ HẬN THÙ
Tập truyện của Tiêu Dao Bảo Cự
Ngoài 4 truyện ngắn đầu
và 3 truyện ngắn cuối,
tất cả còn lại được viết
trong thời gian
tác giả bị quản chế
tạp chí Văn Học xuất bản
giá 12 mỹ kim
đã có bán tại các nhà sách

LÝ THỪA NGHIỆP

qua sông

Cơn mưa rào trắng xóa
Ngàn phương gió đổ về
Đất ngàn năm chưa tỏ
Những đồi núi đam mê.
*
Vỗ tay cùng biển hát
Bát nhã hề! mây bay
Sen hồng, hương ngào ngạt
Thơm tràn trên hai vai.
*
Qua sông hề! mưa bụi
Bay trắng những đêm rằm
Ta một đời như núi
Nợ mãi những mùa trăng.
*
Qua sông hề! Bồ Tát
Lũ bướm vàng tung tăng
Mênh mông hề! Phật pháp
Lục tự hề! diệu âm.
*
Qua sông còn thảng thốt
Hư ảo còn lao xao
Cơn mưa nào sau chót
Vừa rơi xuống ngọt ngào.

Lý Thừa Nghiệp

chuyện nhỏ trên thành cổ

TRẦN HOÀI VĂN

Thành cổ. Nắng.

Cái nắng quái cuối chiều tháng Tám không đủ sức làm người ta phát điên lên như lúc giữa trưa, nhưng vẫn khá gay gắt hành hạ những kẻ có lượng mỡ nhiều hơn mức cho phép. Tòa thành sừng sững, uy nghi trong ráng chiều ngột ngạt sặc mùi mồ hôi, mùi cống rãnh, mùi nước hoa rẻ tiền các loại của khách thập phương. Thỉnh thoảng, một cơn gió thổi hắt lên từ sông Vixoa mang theo mùi bùn tanh nồng. Gió chui qua vòm nhà, gió lùa theo các hành lang dài hun hút, âm u, tạo nên những tiếng ù ù, rờn rợn, ma quái. Người tứ xứ lũ lượt kéo đến đây chiêm ngưỡng một chút vết tích còn sót lại mang dáng dấp thời trung cổ.

Ngồi nhâm nhi vại bia thứ ba bên chiếc bàn gỗ sồi đã lên nước bóng nhoáng vì mồ hôi người, vì gió bụi thời gian, kê chỏng gọng ở góc sân, hắn thản nhiên nhìn đám người xa lạ đang khó nhọc đánh vật với cái nóng. Đã hơn một lần hắn tự hỏi, chả hiểu bọn người kia phải nhọc công để xem cái của giả này làm gì. Ai mà chẳng biết cái thành cổ này là đồ nhái lại, vì từ viên gạch lát đường cũng bị phá hủy tan nát trong thời thế chiến II rồi còn gì? Cuộc đời thì ngắn ngủi, mà con người ta lại mất quá nhiều thời gian vào những trò vô bổ, nhiều khi chỉ để tự lừa dối chính mình.

Hắn vẫn thường lang thang ở đây vào những lúc rảnh rỗi, khi những gã cùng nhà với hắn chúi mũi vào đám tá là hay vui vầy bên những cô gái điếm rẻ tiền. Vốn là một giáo viên dạy văn, hắn vẫn giữ được nếp sống mô phạm,

tâm hồn đa sầu đa cảm kiểu quân tử *Tầu* pha nét nghệ sĩ, lãng tử mà nhiều người cho là lập dị. Hắn tìm cảm hứng sáng tạo, nhiều tứ thơ, áng văn, nốt nhạc đã lóe lên ở đây, giữa cái đám nhân gian hỗ lốn, nhặng xị này.

Hôm nay là ngày cuối tuần, lại đang mùa du lịch nên có vẻ đông đúc hơn thường lệ. Dãy bàn phía bên trái là đám du khách người Đức và Mĩ. Các bà, các cô chỉ mặc độc cái coọc xê, hút thuốc phả khói inh như cháy nhà. Lũ đàn ông trần trùng trục phơi tấm thân lông lá đỏ như tôm luộc, hăng hái nốc bia ừng ực, nhồm nhoàm nhai gà quay và chăm chỉ đánh mắt một cách thích thú sang dãy bàn sau lưng hắn. Ở đó tụ tập một tụi choai choai hippi, điềm nhiên gí bật lửa hơ vào tấm giấy bạc trên có thứ bột trăng trắng rồi chuyền nhau hít. Mấy đứa con gái ăn mặc theo lối *con nhà nghèo*, tiết kiệm vải đến mức tối đa nhưng lại khá thừa thãi vòng khuyên xâu nhằng nhịt hai bên vành tai, cánh mũi và xuống tận rốn. Chừng như đã *phê*, chúng nằm ườn trên bàn, mắt lim dim, thỉnh thoảng rên rỉ, người cong lên khi những ngón tay của lũ trai dạo chơi cật lực dọc theo đùi non, tiến vào *khu cấm địa*. Vài bà già cổ đeo thánh giá to tướng, lia lịa làm dấu thánh, lấy tay che mặt, quay vội đi nơi khác.

Chợt tiếng nhạc ồn ĩ nổi lên từ phía cổng thành. Một ban nhạc rong đang tiến vào sân, hai ghi ta gỗ khua rổn rảng, một xăc xô phôn tí te, hai cô vũ nữ ngực đùi ngồn ngộn mặc váy xòe. Phường *bát âm* nhanh chóng chiếm lĩnh vị trí ngay sát hàng rào trước quán Bar. Nhạc nổi lên, vẫn lại giai điệu muôn thuở của dân Ba Lan: "Sto lat, sto lat..."[1]. Hai vũ nữ kiêm ca sĩ hát the thé, bù lại được khoản lắc mông, đánh ngực khá nhiệt tình, chân tay khua loạn xạ. Loáng thoáng đã có những đồng xu được ném ra từ đám thực khách, uể oải rơi vào chiếc hộp nằm tênh hênh trước mặt ban nhạc. Gã người Mĩ có cái bụng bự khiến người khác phải lập tức kính trọng hét lên một cách khó nhọc:

Chơi bài gì tiếng Anh đi, chúng tao không hiểu tiếng Ba Lan.

Nhận ra sự có mặt của mấy ông khách ngoại quốc, ban nhạc dừng lại hội ý. Sau giây lát, họ cử bài "Chú hà mã vui tính". Lại hai cái giọng the thé cất lên, hai cái mông, cái ngực giật một cách hớn hở. Để tăng phần hấp dẫn, thỉnh thoảng hai đôi chân tròn quay tít vài vòng làm chiếc váy xòe tốc ngược lên cao. Bọn đàn ông phát cuồng, hò hét, huýt sáo ỏm tỏi. Bài hát vừa dứt, gã có cái bụng rất đáng kính trọng lặc lè tiến về phía ban nhạc, theo sau là một tay cũng có cái bụng không kém phần hùng dũng. Ôm nghiến lấy hai cô vũ nữ, loay hoay một lúc, chúng cũng nhét được vào ngực mỗi cô tờ 10 đô la trong tiếng hò hét, huýt sáo om xòm của đám đông.

Ngán ngẩm với tấn bi hài kịch đang diễn ra, hắn tính móc tiền thanh toán mấy cốc bia.

Chợt tiếng trẻ con khóc ré lên. Hai người đàn bà, một già, một trẻ, quần áo xộc xệch, lem nhem, trên tay ẵm hai đứa trẻ tiến vào quán. Trước ngực họ đeo tấm biển: "Chúng tôi là nạn nhân chiến tranh từ Kosovo. Vì Chúa, xin hãy giúp đỡ, cứu vớt lũ trẻ, chúng đói!" Đứa con gái chừng độ gần một tuổi, quờ quạng, nhay nhay bầu vú của người mẹ, rồi nhả ra, khóc ngằn ngặt, giọng khản đặc vì khát sữa. Thằng anh độ ba tuổi, ngồi trên tay bà, đôi mắt đờ đẫn mệt mỏi, chán chường, chắc nó không còn sức để khóc nữa.

Đôi mắt. Hắn đã gặp đôi mắt vô hồn này ở đâu rồi nhỉ? Ôi, chiến tranh! Chiến tranh! Hắn đờ người, bải hoải. Từ một miền sâu thẳm trong tâm thức, kí ức thấp thoáng hiện về. Hắn nhìn thấy những khu nhà đổ nát hoang tàn, những xóm làng, thành phố bị hủy diệt. Những đống xác người, những đôi mắt trẻ thơ vuốt bao lần không chịu khép...

Rồi kí ức đưa hắn về một mùa hè đỏ lửa: Thành cổ Quảng Trị 1972.

Đại bác đêm đêm vọng về thành phố. Người phu quét đường dừng chổi lắng nghe. Đại bác qua đây đánh thức mẹ dậy. Đại bác qua đây em thơ buồn tủi..." Có tiếng hát văng vẳng lúc xa, lúc gần, chập chờn bên tai, nghe hư ảo như từ cõi khác vọng về. Người lính bị thương mở mắt. Đen ngòm. Đầu hắn đau buốt. Hắn cố nhúc nhắc hai tay. Hắn thử cử động hai chân. Chúng động đậy. Một chút thôi, nhưng động đậy. Ô, thì ra hắn còn sống! Hắn nghe ngóng thấy một bên chân tê dại có cái gì chạy giần giật. Vẫn biết đau, nghĩa là hắn chưa chết. Hắn thấy ngạt thở như bị vật gì đè lên. Thu hết chút tàn lực, hắn cựa mình, đưa tay đẩy cái vật nặng trịch đè trên mặt, ngoi đầu lên. Một quầng sáng trắng gắt chói chang - mặt trời. Hắn nhắm nghiền mắt lại rồi hé ra từ từ. Bây giờ hắn có thể nhìn thấy những gì chung quanh. Hắn đang nằm giữa một đống xác người. Cái vật đè lên làm hắn nghẹt thở cũng là một cái xác. Cái xác không đầu, chỉ còn từ phần vai trở xuống.

Hắn đưa mắt nhìn quanh. Bầu trời trong vắt, những đám mây trắng bồng bềnh, mặt trời đỏ rực đang ngả về tây. Im ắng, tĩnh lặng. Nếu không có những đống xác người nằm ngổn ngang trên mặt đất bị cày xới nhằng nhịt, nát bét bởi những hố bom, hố pháo, tiếng ruồi nhặng vo ve và tiếng kêu "quà quà" của bầy quạ đen đang tranh ăn thì hắn cứ ngỡ như đang nằm trên lưng trâu nghe tiếng sáo diều vi vút ở cánh đồng làng, chứ không phải ở tận đây (cái cối xay thịt khổng lồ) nơi mà hắn đã ngã xuống trong tiếng

thét xung phong dậy đất, át cả tiếng gầm gào của đạn bom.

Hàng vạn tấn bom trút xuống ruộng đồng. Hàng vạn tấn bom trút xuống thị thành. Trẻ em quên sống, từng đêm nghe ngóng..."

Tiếng hát lại cất lên đâu đây, tiếng hát thật, tiếng người, chứ không phải hắn nghe thấy trong mơ. Nhưng đó là tiếng hát đi cùng tiếng rên rỉ, phều phào, yếu ớt.

Hắn lết người về phía có tiếng hát. Đây rồi, bên cạnh hố bom sâu hoắm, một xác người - không, một người vẫn còn sống nằm trong vũng máu, phần bụng bị phá vỡ toang hoác bằng miệng bát, phòi ruột ra ngoài. Từ nơi đó những chiếc bong bóng máu đỏ ngầu cứ phập phồng rồi vỡ ra theo tiếng hát. Hắn khựng lại, một tên lính phía bên kia. Hắn nhận ra bởi bộ quân phục nhiều túi đã nát bươm mà kẻ kia đang khoác trên người. Hắn bất giác lần tay vào thắt lưng, rút con dao găm. Rồi cố bò lại gần hơn.

Tiếng hát ngừng bặt. Tên lính bị thương dường như đã nhận ra sự có mặt của hắn. Đôi mắt đờ đẫn hướng về cái hình hài bê bết máu đang tiến lại gần, tay lăm lăm con dao sáng quắc. Hắn cũng chăm chú nhìn tên lính. Một khuôn mặt trẻ măng - chỉ trạc đôi mươi, cỡ tuổi hắn - trắng xanh, nhợt nhạt vì mất nhiều máu, đôi môi khô khốc, nứt nẻ, xám ngoét. Bốn mắt chạm nhau.

Mắt tên lính bị thương bỗng sáng lên khi nhận ra hắn đang lại gần, ngạc nhiên, mừng rỡ, tuyệt không có một ánh hận thù nào lóe lên trong đôi mắt ấy. Và thật bất ngờ, không một chút nghi ngờ, không một chút sợ hãi, nó nhoẻn miệng cười. Nụ cười làm sáng lên khuôn mặt nhợt nhạt vì mất máu.

Hắn khựng lại. Hắn nhìn người lính nọ. Nhìn con dao trong tay. Và cũng thật bất ngờ, hắn cười như điên dại, mặc cho máu trào ra từ những vết thương đang quặn đau, nước mắt dàn dụa. Vứt con dao, hắn luýnh quýnh tìm gói bông băng cá nhân, loay hoay nhét đám ruột vào, băng bó cho người lính *phía bên kia*. Vẫn giữ nguyên nụ cười trẻ thơ, người lính khẽ lắc đầu: "Đừng, vô ích thôi, tôi biết tôi không sống được nữa đâu. Anh hãy tự băng cho mình, máu ra nhiều quá rồi đấy. Khát quá, anh cho tôi miếng nước."

Hắn lại lục tìm trong đống xác chết hỗn độn, bầy nhầy, không còn phân biệt được bên nào với bên nào, tìm được một cái bi đông. Hắn lắc nhẹ, thấy có tiếng nước óc ách. Hài lòng, hắn nâng đầu người lính bị thương lên, bón cho anh ta từng ngụm nhỏ. Chừng đỡ khát, người lính nhờ hắn đỡ cho ngồi, bàn tay run run lần tìm trong chiếc xà cột bên hông một quyển vở. "Nếu anh còn sống, nhờ anh chuyển giùm cho má tôi cuốn vở - hắn thều thào - Trong đó tôi ghi nhật kí và những bài hát mà tôi sáng tác . May mà

chúng ta còn gặp nhau. Nhìn kìa, đúng là một cuộc nồi da nấu thịt. Cho đến giờ, khi sắp về với đất, tôi vẫn không hiểu, chúng ta (Người Viêt Nam cả) chúng ta giết lẫn nhau, để làm gì?"

Một cơn ho rũ rượi cắt ngang, người lính phía bên kia thở dốc, những cái bong bóng máu đỏ ngầu lại phòi ra. Mặt anh dại đi giây lát vì đau đớn, chỉ có đôi mắt buồn mênh mang, ôm trọn nỗi đau trần thế là còn tỉnh táo. Cái tỉnh táo của một con chim hót những tiếng cuối cùng trước khi vĩnh biệt cuộc đời. Tay run run mở quyển vở, người lính chỉ vào một bài hát: "Đây là bài hát cuối cùng của tôi. Anh có muốn tôi hát cho anh nghe không?". Hắn gật đầu. Người lính cất tiếng hát bằng một thứ giọng trầm buồn:

Anh nằm xuống, sau một lần đã đến đây. Đã vui chơi trong bầu trời này, đã bay cao trong vòm trời này, rồi nằm xuống, không bè bạn, không có ai..."

"Xin cho một người vừa nằm xuống, thấy bóng thiên đường cuối trời thênh thang..."

Không rõ từ lúc nào, hắn cất giọng hát theo. Trời ngả về chiều, bóng nắng đã nhàn nhạt, mặt trời dần khuất sau rặng núi phía xa. Tĩnh lặng, yên ắng. Dường như chiến tranh chưa bao giờ đi qua đây. Đàn quạ đã no nê xác người không còn tranh ăn nữa, nặng nề bay về tổ. Tĩnh lặng, yên ắng đến ghê rợn. Sự yên ắng trước một cơn dông bão. Đây đó rải rác những đống xác người. Có hai thằng lính ở hai chiến tuyến ngồi hát say sưa. Chúng quên mất tử thần đã cầm lưỡi hái đứng ngấp nghé sau lưng. Tử thần chống lưỡi hái, say sưa nghe chúng hát, mắt lim dim, mơ màng trên những đống xác người. Rất nhiều đống xác người.

Đang mải hát người lính phía bên kia sực tỉnh, hốt hoảng giục hắn: "Anh đi khỏi nơi này đi. Trước khi bọn nhặt xác tới, thể nào pháo bầy cũng giội vào đây đấy. Mặc tôi, đi đi, nhanh lên!"

Hắn lắc đầu! Hắn không thể bỏ người lính nọ nằm lại một mình. Cũng không thể dìu anh đi được, vì bản thân hắn cũng thương tích đầy người, một bên chân dập nát. Hắn sẽ ngồi lại đây với anh ta, muốn ra sao thì ra. Nếu một trong hai người chết trước thì vẫn còn người này vuốt mắt cho người kia, hắn buồn rầu nghĩ.

"Cạch... ầm, cạch... ầm", tiếng đề pa và tiếng pháo nổ chát chúa vang lên. Mặt đất rung chuyển mạnh, chao đảo. Đất vụn lẫn với mảnh xác văng tung tóe. Người lính nhoài lên nắm lấy bàn tay hắn, siết chặt rồi bất ngờ đạp mạnh vào hắn. Hắn vừa kịp ngã lộn xuống hố bom thì "ầm", một trái đạn pháo rơi ngay vào chỗ hắn vừa ngồi. Khói, bụi mù mịt, hắn cố mở đôi

mắt cay xè nhìn sang, nơi hắn và người lính vừa nằm đã biến thành một hố sâu hoắm. Người lính đã trở về với *Cát bụi*[2]...

...Trong đoàn quân tiến vào Sài Gòn không có hắn. Đồng đội đã tìm được hắn nằm thoi thóp dưới lòng hố bom, bàn tay nắm chặt quyển vở nhầy nhụa máu.

Tháng 10-1975 hắn vào Sài Gòn, tìm đến nhà Sơn (tên người lính). Má Sơn đã mất, chỉ còn hai người em gái. Thắp ba nén nhang khấn Sơn, trao lại quyển vở - kỉ vật của người đã khuất. Hắn khóc nức nở. Trước hôm hắn lên đường ra Bắc, em gái Sơn nắm tay hắn, run run: "Đêm qua anh Hai em về báo mộng, biểu tụi em trao lại cuốn tập này cho anh. Không ai xứng đáng hơn anh để giữ nó."

Ra Hà Nội, học nốt hai năm cuối sư phạm văn. Hắn đi dạy học, tối tối học nhạc ở một lớp nghệ thuật quần chúng, bộ môn kèn săc sô phôn. Hắn lân la làm quen với giới văn nghệ sĩ, đưa họ hát những bài hát của Sơn. Người ta yêu tiếng kèn của hắn lắm, nhất là khi hắn chơi những bài do Sơn sáng tác. Khi thổi những bài đó, hắn để cả tâm hồn cho kỉ niệm.

Ở trường, hắn là giáo viên dạy giỏi. Hắn từ chối không dạy mảng văn học chống Mĩ, mà xin dạy mảng văn học cổ làm mọi người đều khó hiểu, bởi lẽ ra một người đã từng lăn lộn, gửi một phần xương máu ở chiến trường thì phải tâm đắc với đề tài này lắm chứ. Mặc cho mọi người xì xào, hắn lẳng lặng làm phần việc của mình. Thế rồi một hôm, ông hiệu trưởng đích thân mời hắn vào phòng gặp riêng, giọng cầu khẩn: "Ngày mai có đoàn của sở về dự giờ, cậu Tâm giáo viên dạy giỏi thì lại ốm nặng. Lịch đã lên rồi, không thể hoãn lại được. Nhà trường chỉ còn trông chờ vào cậu nữa thôi. Cậu cố giúp bọn mình một tiết nhé!" "Gay đấy - hắn chần chừ - mảng của Tâm là văn học thời chống Mĩ, tôi không đảm đương được đâu". "Cậu chỉ khiêm tốn. *Hịch tướng sĩ, Bình ngô đại cáo* cậu giảng bốc lửa, có hồn như thế thì mấy bài thơ vặt kia có gì mà khó khăn. Thôi, cố lên, coi như là cậu giúp mình đi!" "Được, nếu anh đã ép thì tôi đành chịu. Song tôi sợ sẽ làm anh thất vọng". Đêm đó hắn không ngủ. Lôi kèn ra, hắn lại thổi những bài của Sơn và ngồi chờ trời sáng.

Chưa bao giờ hắn giảng say sưa, có hồn như hôm đó. Những đoạn nói về sự hi sinh xương máu của các chiến sĩ, của nhân dân, thực sự hắn xuất thần, mắt hắn ngấn lệ. Tụi học sinh và các vị ở Sở về vỗ tay đến mấy lần, nhiều người rút khăn mùi soa chấm nước mắt. Cả lớp học lặng đi. Bình xong câu thơ cuối cùng, khi những bàn tay đã giơ lên định đập vào nhau bôm bốp, hắn ra hiệu xin một phút im lặng, rồi nghẹn ngào: "Các con! Những

điều ta vừa nói, đó là theo sách vở. Rồi thế hệ các con sẽ quyết định vận mệnh của đất nước, dân tộc. Rất có thể, trong số các con sẽ có đứa làm tổng thống, thủ tướng, bộ trưởng... Ta muốn các con nhớ một điều, điều này, đáng tiếc, không có trong giáo án, nhưng mãi mãi là chân lí: **Trong mọi cuộc chiến tranh, chiến tranh nào cũng vậy, không có kẻ thắng. Nhưng bao giờ cũng có một kẻ bại, một kẻ bại duy nhất - là nhân dân.** Nếu có một ngày, các con trở thành ông nọ, bà kia, các con phải biết yêu đất nước, thương nhân dân bằng cả trái tim mình. Đừng lừa dối nhân dân bằng những lời nói suông. Nhân dân rất sáng suốt. Người ta biết ai là người trung thực và kẻ nào là tên bịp bợm. Hãy nhớ lời Nguyễn Trãi "Chở thuyền là dân, lật thuyền cũng là dân".

Lớp học lặng đi, các vị ở Sở há mồm nhìn nhau, tụi học sinh ngập ngừng giây lát rồi đồng loạt vỗ tay như vỡ trời. Chúng vỗ tay để vĩnh biệt người thầy thân yêu.

Quả thật, sau tiết học đó, hắn bay rất nhanh từ giảng đường ra... vỉa hè chợ Giời phụ thằng bạn buôn bán lặt vặt. Thế rồi hắn lưu lạc sang đất này...

...Tiếng trẻ con khóc ngằn ngặt vì đói lôi hắn ra khỏi dòng hồi tưởng. Hai người đàn bà bế tụi trẻ đến từng bàn, họ lắp bắp khẩn cầu đám đông rủ lòng thương. Đám du khách tảng lờ quay mặt đi. Nhiều kẻ còn chau mày, chun mũi ghê tởm cái mùi hôi hám bốc ra từ những con người khốn khổ.

Hắn đứng dậy, rẽ đám đông, tiến đến đỡ tụi trẻ và hai người đàn bà về bàn mình, đoạn vẫy tay gọi cô hầu bàn phốp pháp có bộ ngực bốc lửa lại nói nhỏ. Cô nhoẻn cười. Hắn là khách quen của cô, và là khách hào phóng. Cô mỉm cười đi nhanh vào phía trong quán. Ngay lập tức, những đĩa thức ăn nóng hổi được bầy lên bàn, trước mặt những người hành khất khốn khổ. Mắt hai đứa trẻ sáng lên, chúng ăn ngấu nghiến, không kịp đợi bón. Hắn thò tay vào túi. Thôi chết, ít quá! Nếu trả tiền bữa ăn thì còn lại chẳng là bao. Hắn không có thói quen mang nhiều tiền theo người. Sau giây lát suy tính, hắn đứng bật dậy, tiến về phía ban nhạc. Mọi con mắt đổ dồn theo từng bước đi của hắn. Từ khi đón hai người đàn bà và tụi trẻ về bàn mình, hắn đã là trung tâm của sự chú ý. Ban nhạc cũng đã ngừng chơi từ lâu, ngơ ngẩn đứng nhìn. Hắn nói điều gì đó với người nhạc công, anh này ngạc nhiên nhìn hắn rồi trao cây kèn sắc sô phôn.

Hắn nâng niu đưa tay vuốt cây kèn, rồi thành kính đưa lên môi.

Tiếng kèn vút lên, chơi vơi. Ô "My heart will go on"! Một vài kẻ nhanh

miệng khi nhận ra âm thanh quen thuộc thì lập tức im bặt bởi tiếng suýt của đám đông.

Tiếng sóng biển rì rào, tiếng gió. Đại dương bao la, con tàu Titanic bập bềnh. Từng đôi dìu nhau say mê trong điệu vũ lả lơi, cuồng nhiệt. Tiếng kèn rủ rỉ như lời tâm sự ở cung bậc trầm. Biển hiền hòa, nhân từ quá, nghe rõ cả tiếng hải âu vỗ cánh lao xao đỗ xuống boong tàu.

Chợt tiếng kèn lặng đi trong giây lát rồi bùng lên dữ dội, gấp gáp. Mưa, mưa quất xối xả. Con tàu oằn oại đâm vào núi băng. Nước tràn vào ồng ộc, tiếng kêu la tuyệt vọng. Tiếng kèn rúc lên, gấp gáp, khẩn thiết, những bàn tay quờ quạng tuyệt vọng trong nỗ lực cuối cùng để rồi chìm nghỉm dưới làn nước băng giá.

Tiếng kèn chơi vơi, biển lại hiện lên hiền hòa. Một vẻ hiền hoà man rợ với những xác người lềnh bềnh, dập dềnh theo nhịp sóng.

Nốt nhạc cuối cùng vừa dứt, hắn mở mắt ra. Mọi người trong quán Bar đã đứng dậy tự lúc nào. Tất cả lặng đi, mắt long lanh xúc động. Tiếng vỗ tay nhất loạt nổi lên như sấm, tiếng hò la tán thưởng vang dậy.

Sau giây lát nghỉ lấy hơi, hắn lại đưa kèn lên môi. Tiếng hò hét, vỗ tay ngừng bặt, chỉ còn lại sự tĩnh lặng bao phủ khắp sân thành.

"Ngày mai em đi, biển nhớ tên em gọi về. Gọi hồn liễu rủ lê thê. Gọi bờ cát trắng say mê..."

Đám đông lặng đi, đờ đẫn. Cả bầu không gian im ắng của khu thành cổ buổi chiều tà vỡ òa ra trong tiếng kèn tha thiết, réo rắt. Tiếng kèn tròn đầy, ấm áp như hơi thở của biển; tiếng kèn ngân xa, man mác như nỗi nuối tiếc của đất liền; tiếng kèn lặng đi, nức nở như tiếng khóc của trái tim tan vỡ vì tình yêu.

"Hôm nao em về, bàn tay buông lối nhỏ. Đàn lên cung phím trầm, sầu lên dây hoang vu..."

Tiếng kèn lả lướt, dịu êm như nỗi nhớ. Tiếng kèn đẫm ướt trong tiếng lòng người nghệ sĩ. Hắn thả hồn vào bản nhạc; mắt nhắm nghiền, đê mê, mồ hôi vã ra như tắm. Cả không gian, thời gian như hòa quyện lại, lan xa theo tiếng kèn chơi vơi, chơi vơi...

Mở mắt ra, hắn thấy trên nóc cao nhà thờ, chỗ cây thánh giá có đám mây trắng tụ lại như hình của Sơn, hiền từ, mỉm cười với hắn, khuôn mặt xanh xao thoáng ánh vui...

Đám đông đã đứng vây quanh hắn tự lúc nào. Trật tự, lặng lẽ, họ cố giữ để không ảnh hưởng đến cảm hứng của người nghệ sĩ. Cả sân thành đã đổ dồn về phía có tiếng kèn.

Hắn không còn nhận ra cái đám đông của nửa tiếng trước. Vẻ hân hoan, hạnh phúc, xúc động lộ rõ trên khuôn mặt từng người. Họ ôm lấy hắn, bắt tay rất chặt. Những tờ giấy bạc được vuốt phẳng phiu, đặt ngay ngắn vào chiếc mũ rộng vành mà ai đó đã để trước mặt hắn tự bao giờ. Chiếc mũ đầy lên, tràn ra.

Trao lại cây kèn cho người nhạc công và ban nhạc đang đờ người ra vì cảm phục, hắn nghiêng mình trước đám đông: "Cảm ơn quí vị đã ủng hộ những người mẹ khốn khổ và hai đứa trẻ. Cảm ơn!"

Hắn bước đến bên bà mẹ, trao chiếc mũ đựng đầy tiền. Người mẹ và cô con gái chỉ biết nhìn hắn, nước mắt chứa chan. Hai đứa nhỏ đã thức dậy tự lúc nào. Chúng nhìn hắn, nhoẻn miệng cười. Nụ cười tươi tắn sáng bừng, làm hồng lên khuôn mặt xanh xao, vàng vọt. Hắn đưa tay bế đứa nhỏ: "Nào, chúng ta đi thôi! Tôi sẽ chở bà, cô và hai cháu đến trại tị nạn. Ít ra, ở nơi đó lũ trẻ sẽ không bị đói và được mái ấm che đầu."

Họ đi trong ráng chiều vàng rực, bỏ lại sau lưng khu thành cổ uy nghi và đám đông thẫn thờ, lặng lẽ. Hoàng hôn tô đậm bóng họ, hắt về phía chân trời. Gió thổi tóc họ bềnh bồng. Bà mẹ níu chặt tay hắn: "Xin Chúa hãy phù hộ cho con, chàng trai nhân hậu. Tên con là gì, con từ đâu đến?".

- Tên tôi là một người Việt Nam, Mẹ ạ!

Trần Hoài Văn
Warszawa, 30 tháng 4
và những ngày Chợ Đuội

---

(1) Trăm tuổi, trăm tuổi – một bài dân ca rất phổ biến tại Ba Lan
(2) Những chữ in nghiêng là tên và lời bài hát của Trịnh Công Sơn.

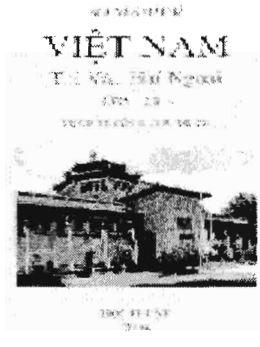

NGUYỄN HẢI HÀ
VIỆT NAM
THI VĂN HẢI NGOẠI
1975-2003
TRÍCH TUYỂN & CHÚ THÍCH
Học Thuật xuất bản 2004 270 tr.
Giá $10.00
Sách dành cho học sinh đang học Việt ngữ tại hải ngoại
Đã có bán tại các nhà sách

quảng trị, khe sanh, chiến sĩ vô danh

LÊ LÔ

Những ngày cuối tháng Tư năm 2005, tôi đến cổ thành Quảng Trị.

Từ hướng nam, tôi đi trên con đường tráng nhựa mà ba mươi ba năm trước, các nhà báo gọi nó là Đại Lộ Kinh Hoàng. Nơi đây cách thị xã Quảng Trị 10 cây số. Bên trái con đường là bãi cát trắng lẫn với màu đất đen. Những cụm nhà mái tôn rải rác bên đường dưới ánh nắng gần trưa. Không một bóng người. Bên phải con đường là bãi cát vàng khô khốc, thỉnh thoảng gió thổi thốc từng cơn, những cụm cát tung lên xòa ra trong nắng. Một căn nhà xập xệ chắp lại bằng những miếng tôn cũ trên đó có dòng chữ bằng sơn trắng "sửa xe, vá ép", nơi cửa, một ông già ở trần ngồi trên bậc thềm, tay cầm quạt lá, tay kia chống cằm nhìn bâng quơ ra con đường nhựa vắng người.

Ngày 1 tháng Năm năm 1972, hàng vạn đồng bào từ Quảng Trị tản cư vào Huế. Cuộc tản cư và rút lui hỗn loạn đã biến đoạn Quốc Lộ 1 ở quận Hải Lăng thành con đường xương máu khi quân Bắc Việt phục kích và nã pháo vào đoàn người di tản.

Bao nhiêu xác người đã nằm xuống và con đường hôm nay đìu hiu thưa thớt. Ai đã khiêng cất xác họ, ai đã rửa chùi những đống máu, lau đi những óc não tung bày, ai sắp lại những gan ruột phơi ra trầy trụa, ai đã đạp trên xác họ trên đường chạy loạn rồi gục xuống ở bước chân kế tiếp, chồng lên người đã chết, người chết sau ngã trên người chết trước. Nhất tướng công thành. Những thường dân vô tội. Những chiến sĩ vô danh. Tôi chưa đến tuổi lính vào những ngày máu lửa đó, vào những ngày máu xương đến phải gọi nó là Đại Lộ Kinh Hoàng. Bây giờ, Đại Lộ Kinh Hoàng mang tên Lê Duẩn. Tôi đang đi trên nó một buổi sáng vắng lặng yên bình, nhưng chợt

ớn lạnh từng cơn như vô hạn oan hồn chồm lên quấn lấy hỏi han. Cơn gió đồng lướt thướt thổi qua.

Tôi trèo lên xe, nói chạy nhanh đi vào thị xã. Tới một ngã ba, người tài xế rẻ phải vào đường Trần Hưng Đạo. Đó là một con đường nhỏ hơn, có một chứng tích duy nhất còn sót lại của thị xã Quảng Trị trong mùa hè đỏ lửa, trường Bồ Đề. Người ta nói số bom đạn đổ xuống thị xã trong 81 ngày đêm, kể từ ngày 30 tháng Ba năm 1972, có sức công phá mạnh gấp bảy lần trái bom nguyên tử thả xuống Nhật trong thế chiến hai. "Một viên gạch cũng bể làm tư," người Quảng Trị nói rứa, chỉ riêng ngôi trường Bồ Đề còn đứng vững với bốn bức tường lổ chổ vết đạn bom. Đến một ngả tư, lại rẻ phải. Cổ Thành Quảng Trị nằm phía tay trái, cách quốc lộ chừng hai cây số. Ở góc tường đầu tiên, rêu và cây dại mọc dày nhưng các vết đạn xoáy sâu vào lớp gạch tường đỏ đỏ vẫn còn hằn dấu rõ.

Tôi nhớ như in bức ảnh chụp mấy người lính cắm cờ vàng ba sọc đỏ trên cổ thành đổ nát năm nào. Bây giờ người ta cho xây lại phần trên cổng thành, màu xám xi măng còn rất mới, có vẻ lạc lỏng và chênh vênh trên dãy tường thành cũ kỹ. Bên trong thành, một con đường bê tông chạy thẳng từ cổng đến một cái đài cao xây theo hình một nấm mộ lớn, có bốn lối đi dẫn lên đài. Giữa trung tâm đài có một lư hương lớn, và một cái cột cao vút lên dựng bên cạnh một mái nhà mô phỏng một cổng tam quan.

Tôi đứng trên đài cao nhìn xung quanh. Trừ các con đường nội bộ trong thành, còn lại là bãi cỏ xanh, các ghế đá công viên, ở một khoảng sân người ta trưng bày một hỏa tiễn chống máy bay, một chiếc xe nhà binh của Trung Quốc, một cái nhà bảo tàng di tích chiến tranh. Lúc đó có một đám người tụ họp trên đài đang đốt hương. Một anh thợ quay phim đang chĩa ống kính vào một người đang khấn vái, xung quanh ông ta một đám người vây quanh có vẻ kính cẩn. Đó là một quân nhân đầu bạc trắng, ngực mang đầy huy chương, vai mang lon trung tướng. Viên trung tướng cắm nhang xong, đứng huyên thuyên gì đó, có một người đàn ông trọng tuổi kính cẩn đứng bên cạnh ông ta ghi ghi chép chép cái gì đó. Viên tướng về hưu bước xuống đài, đầu ngẩng cao kiêu hãnh, mọi người lục tục đi sau.

Tôi đứng lại một mình. Những tường thành như có một luồng khí lạnh tuôn ra làm sởn da. Có tài liệu nói rằng trong trận ác chiến giành lại cổ thành, quân đội Việt Nam Cộng Hòa chết gần mười ngàn người, bộ đội cộng sản cũng chết khoảng con số đó. Trong cổ thành này, xác người có thể sắp bên nhau dày đặc mặt đất trong thành. "Một viên gạch cũng bể làm tư." Đó là một nhận xét có vẻ đơn giản nhưng thật kinh hoàng. Nhưng giờ đây người ta

không coi đó là một trận địa đau khổ và mất mát, những người ở đây coi đó là một chiến thắng. Nếu có mất mát thì đó là cuộc hy sinh của riêng những người thắng trận sau cùng. Mấy năm trước tôi có coi một đoạn phim tài liệu 45 phút do Sở Văn Hóa Thông Tin Quảng Trị thực hiện với lời bình của Võ Nguyên Thủy, con của đại tướng Võ Nguyên Giáp. Họ chiếu các mũi tiến công của bộ đội cộng sản vào cổ thành khởi từ ngày cuối của tháng Ba năm 1972, những trận giao tranh ác liệt, các cảnh máy bay B52 rải bom. Khi bộ đội phải bỏ chạy qua bờ bắc của sông Thạch Hãn, họ bình luận "quân ta tổn thất khá nặng nề". Mười ngàn người chết nhưng chỉ "khá nặng nề", và cơ bản thì trận chiến mùa hè 1972 vẫn là "một thắng lợi lớn góp phần vào công cuộc giải phóng miền Nam." Các nhà quân sự cộng sản chỉ cần gây tiếng vang, họ khát danh vọng bất kể mười ngàn lính nằm xuống để đổi lấy 81 ngày đêm giành dựt từng tấc đất một cách tuyệt vọng, bất kể hàng vạn dân thường gục xuống do những màn pháo kích bừa bãi từ trong núi nã xuống Đại Lộ Kinh Hoàng. Những điều đó không được nhắc đến trong cả cuốn phim tài liệu.. Chỉ thấy chiến thắng, chiến thắng, chiến thắng.

Một người bạn chụp hình chuyên nghiệp kể rằng vào đây mà không khấn vái thì khi rửa phim chỉ thấy một màu trắng xóa. Tôi tin điều đó. Trên đài tưởng niệm có một lư hương rất lớn, nhưng lư hương đó chỉ dành cho những người thắng trận cuối. Không có một lư hương chung cho tất cả những linh hồn vô danh lẫn khuất nơi đây, để những người sống có thể thắp hương cầu nguyện cho tất cả, không một ai.

Tôi không thể đốt hương để cắm vào cái lư hương riêng biệt này. Vì thế tôi chọn cắm một nén hương vào hư không.

Nhà bảo tàng có hai tầng. Từ ngoài cửa chính đi vào có một sảnh chính bề ngang độ sáu, bảy thước, dài chừng mười mấy thước. Cách bức tường cuối sảnh độ một thước người ta dựng một tấm kiếng trong suốt hình vuông. Đằng sau tấm kiếng, sát tường là một ngọn đèn điện được gói bên ngoài một lớp giấy nửa xanh nửa vàng, dưới ngọn đèn chắc có giấu một cái quạt nhỏ thổi ngược lên để lớp giấy màu vàng luôn bay phần phật như ngọn lửa. Đó là ngọn lửa giả tượng trưng ngọn lửa thiêng. Trên tấm kiếng trong suốt có viết tên các đơn vị bộ đội đã tham gia chiến dịch "giải phóng thành cổ" năm 1972. Viên tướng về hưu đang đứng trước tấm kiếng giảng giải gì đó, khuôn mặt ông ta đỏ gấc, tay chỉ chỉ vào tên các đơn vị bộ đội được ghi theo một thứ tự nào đó từ trên xuống dưới, ông to tiếng nên gân cổ nổi lên từng lằn. Thì ra ông tướng về hưu đang kể lại các trận đánh trong cổ thành, trung đoàn nào đánh trước, sư đoàn nào đánh sau. Rồi ông cố tỏ ra bất mãn

trước đám người vây quanh, nói rằng cách ghi tên các đơn vị bộ đội tham gia trận đánh là không đúng. Ông nói rằng đúng ra phải ghi theo thứ tự đơn vị nào vào (chiếm) trước chứ không thể ghi "đại trà" như thế này được. Ông đòi phải tổ chức một "hội thảo khoa học" về vấn đề này.

Tôi đi lên tầng trên. Tầng này trưng bày các hiện vật và hình ảnh các bộ đội đang đánh nhau, sơ đồ cổ thành, mô hình trận đánh. Trong ngổn ngang chiến tích, đạn, bom, và súng cối đã rỉ sét có một cái bàn vuông nhỏ bên trên lộng kính, phía trong mặt kiếng có hai lá cờ vàng ba sọc đỏ xếp ngay ngắn, một vài món quân trang quân dụng và năm tấm hình căn cước của năm người lính Việt Nam Cộng Hòa. Có một mẩu giấy ghi chú đây là chiến lợi phẩm mà bộ đội tịch thu được trong cổ thành hồi 1972. Các hiện vật ở tầng này sơ sài, cách trưng bày lộn xộn và thiếu chuyên môn. Không gian trưng bày một trận chiến ác liệt với bao mất mát bị lấn lướt bởi chủ đề chủ đạo "chiến thắng", biểu tượng qua tấm hình một anh bộ đội ngồi ôm súng cười rất tươi giữa cảnh hoang tàn đổ nát của cổ thành.

Tôi đi xuống tầng dưới. Ông tướng về hưu vẫn còn thao giảng trước ngọn lửa giả làm ngọn lửa thiêng bất diệt. Ở gần cửa lớn ra vào có một nhà vệ sinh thông với sảnh chính; cách chỗ ông tướng khoảng năm thước. Nhà vệ sinh thông không có cửa nên vào trong vẫn nghe tiếng người nói bên ngoài. Mùi hôi xông lên nghẹt thở khi bước vào căn phòng này, sàn gạch bầy nhầy nước bẩn và trơn trợt. Ngay phía trên tường ở ba cái bồn bằng sứ trắng dành cho đàn ông, có một dòng chữ bằng sơn xanh nằm ngang tầm mắt: "Giữ vệ sinh chung xin tiểu ngay vào bồn." Mấy người đang vào nhà vệ sinh đồng loạt áp dụng chiến thuật "đánh nhanh rút lẹ", tất cả im lặng, nghe rõ giọng nói hào sảng của ông tướng về hưu thao thiết vọng vào. Có lẽ các đoàn tham quan trước không quen sống tập thể nên nhà bảo tàng mới phải ghi khẩu hiệu thiết tha như vậy.

Rời cổ thành chúng tôi băng qua sông Thạch Hãn, đến ngã ba rẻ vào đường số 9. Đường 9 Nam Lào.

Mùa xuân năm 1971 Việt Nam Cộng Hòa mở cuộc hành quân Lam Sơn 719 tấn công qua biên giới Lào để phá hủy các căn cứ của Bắc Việt. Trục lộ hành quân chính là đường số 9 bắt đầu từ hướng cực đông là thị trấn Đông Hà.

Tôi đã đọc nhiều tài liệu về con đường này, và giờ đây tôi đang đi trên đường 9, bắt đầu từ thị trấn Đông Hà. Mới hơn 10 giờ sáng nhưng cả thị

trấn vắng vẻ như không có nhiều người. Đường 9 Nam Lào bây giờ đã tráng nhựa và khá rộng để hai chiếc xe tải tránh nhau dễ dàng. Con đường này sẽ qua Cam Lộ, Cà Lu, Khe Sanh, Làng Vei, Lao Bảo cho đến biên giới Lào. Đường 9 Nam Lào chỉ có trong mường tượng từ ký ức qua các tài liệu thời chiến, hình dung các cuộc chuyển quân, những người lính gian khó, các trận đánh dữ dội, những cơn gió lào oi bức, có những khúc đường hẹp phải dùng xe ủi đất mở đường, cây cối hai bên um tùm. Bây giờ đây trước mắt là một con đường buồn, một thị trấn lặng lẽ, những căn nhà hai bên đường không đóng cửa, nhìn suốt vào trong cũng không thấy người. Lời của một bài hát vào năm 1972 vang lên "...anh đã về Gio Linh, Cam Lộ, Đông Hà..." Dưới ánh nắng trải đều dù không thấy dấu vết sót lại của những ngày chiến tranh khốc liệt, ít nhất cũng như vậy trong con mắt dân sự, nhưng từng vùng đất đi qua đều gợi lên ký ức chiến tranh vì nó nổi danh vì chiến tranh, những cái tên ngọt ngào nhưng đau khổ như Cam Lộ, như Khe Sanh. Bây giờ bên phải là núi bên trái là dòng sông Đakrông lấp lánh nắng mai ở cây số 46 của đường 9 (tính từ đoạn bắt đầu ở thị trấn Đông Hà). Có một cái cầu treo bắc ngang sông giữa hai đầu núi, cầu Đakrông, đoạn đầu của Đông Trường Sơn. Bên kia cầu là đường 14A đưa vào A Lưới và A Shầu (người Mỹ đọc là A Shau), đèo Mạ Ơi, những quả đồi đầy tan tác thời chiến như Hamburger, Bastone.

Năm 1969 quân đội Hoa Kỳ quyết định mở chiến dịch giải tỏa Thung Lũng A Shầu với sự tham dự của nhiều đơn vị Thủy Quân Lục Chiến, Thiết Giáp, Không Quân và Bộ Binh... Từ mờ sáng ngày 10 tháng Năm1969, Chiến dịch Apache Snow bắt đầu.Giờ H là 7 giờ 30.

Đã gần giữa trưa, hai bên cầu trẻ con người thiểu số tan học tung tăng đi về hướng A Shầu. Tất cả bọn chúng mặc áo quần màu đen, chân đất, nước da đen xoắn khỏe mạnh nhưng khuôn mặt hốc hác, trông chúng thật ngô nghê và lạc lõng trên con đường tráng nhựa và cây cầu treo đẹp đẽ mới khánh thành. Dưới kia là sông chảy, bên này là núi, bên kia là những ngọn đồi xanh nối nhau dưới bầu trời xanh trong, một con đường láng nhựa, một cột mốc đánh dấu đường Trường Sơn.

Ngày 9 tháng Hai năm 1968, một tiểu đoàn quân Bắc Việt tấn công Đồi 64 do Thủy Quân Lục Chiến Mỹ trấn giữ, tràn ngập nhiều vị trí phòng thủ.

Ngang Khe Sanh, chúng tôi băng ngang ngã ba dẫn vào căn cứ (quân sự) Khe Sanh để đi thẳng lên Lao Bảo. Khúc đường này đang xây dựng lở dở, bụi đỏ mờ mịt, nhà cửa hai bên đường tràn ngập bụi đỏ. Nắng khô và khốc tưởng chừng cả vùng này rất khó tìm ra một giọt nước. Thỉnh thoảng các xe đò mang bảng số Lào chạy ngược chiều chở các đoàn khách du lịch hướng về Quảng Trị. Đến trung tâm chợ biên giới Lao Bảo thì trời đã đứng bóng. Đây là một chợ biên giới gồm một khách sạn khá lớn xây sát sườn chợ gồm hai khu nhà tròn và một khu ăn uống bình dân. Một đứa bé chạy ra mời ăn cơm. "Mi có chi ăn?" Thằng bé nhanh nhẩu "chi cũng có đủ". Khu ăn uống bình dân chỉ có hai quán bán cơm và toàn thức ăn khô, "có đủ" ba món là cá nục kho, cá ngừ kho và cà pháo dầm nước mắm. Như vậy cũng đủ ăn một buổi trưa biên giới, mua sắm một ít hàng lậu tuôn từ Lào qua. Mấy tháng trước, tôi mướn một chiếc xuồng ba lá trốn công an biên phòng để vượt biên từ Châu Đốc qua chợ Gò nằm bên kia đất Cam Bốt. Chợ Gò nhộn nhịp, người bán xởi lởi tỏ rõ phong độ ngang tàng của sông nước miền Nam. Ở Lao Bảo, người bán khô khan ít nói như cái nóng của miền Trung. Cả khu chợ hàng hóa nhiều và trật tự hơn chợ Gò nhưng có cái không khí trầm trầm lặng lẽ. Chúng tôi lên xe chạy ngược về con đường bụi đỏ. Bên trái, những quả đồi nằm chịu trận dưới mặt trời bốc lửa. Đến Làng Vei, nằm nửa đường từ đoạn Lao Bảo - Khe Sanh, chúng tôi ngừng xe để ngắm dòng sông chảy dịu dàng bên dưới.

Rạng sáng ngày 7 tháng Hai năm 1968, bộ đội Bắc Việt có chiến xa yểm trợ tấn công và tràn ngập trại Lực Lượng Đặc Biệt ở Làng Vei.

Đoạn từ Làng Vei về lại Khe Sanh bằng phẳng, bên trái có vài nương rẫy của đồng bào thiểu số. Chúng tôi băng qua trung tâm Khe Sanh đã qua trưa, ngôi chợ lổng vắng vẻ như cả thị trấn đều ngưng hoạt động, đến ngã ba thì rẻ trái vào căn cứ (quân sự) Khe Sanh.

Ngày 23 tháng Hai năm 1968, quân Bắc Việt pháo 1.300 quả đại bác vào Khe Sanh trong 8 tiếng đồng hồ. Mười lính Mỹ chết.

Đường đi phi trường Tà Cơn, một phi trường quân sự của Mỹ thời chiến, hẹp hơn đường 9 nhưng cũng đã tráng nhựa bằng phẳng. Phi trường nằm cách đường cái chừng cây số, có cổng rào và trạm gác thu phí tham

quan. Trên bãi sân ngổn ngang cỏ mọc người ta trưng bày một trực thăng UH và hai trực thăng chuồn chuồn.

Ngày 11 tháng Hai năm 1968, hai vận tải cơ C-130 đáp xuống Khe Sanh. Một chiếc nổ tung vì trúng đạn pháo kích.

Mấy ngày rồi, ngày 25 tháng Tư năm 2005, Bộ Quốc phòng Mỹ nói họ đã xác định được danh tánh bốn quân nhân Mỹ chết trên đồi 665 vào đầu tháng Năm 1967, và hài cốt của bốn người lính này đã được đưa về Mỹ. Sau 37 năm nằm yên trong vùng đất Khe Sanh, bốn quân nhân chết trong độ tuổi 20 đã trở về quê hương, được vinh danh ở Nghĩa Trang Quốc Gia Arlington. Còn những ngọn đồi 471, 552, 665, 689... thì vẫn xanh cỏ mọc. Còn bao nhiêu xương cốt của Mỹ, của Nam, của Bắc vùi sâu nơi ấy.

Con đường rời Khe Sanh từ hướng Tây, băng qua đèo Ai Lao để về lại Cam Lộ trông hùng vĩ hơn. Nhiều đoạn đèo đang được thi công nâng cấp, đất cát lổn nhổn trộn với bụi đỏ bay kịt trời. Mấy cái cần cẩu đang nâng lên hạ xuống ở một cây cầu đang xây mới cạnh chiếc cầu cũ bắc ngang một vực sâu ngay một khúc quành gắt như cùi chỏ. Đoạn đường này hẹp, nếu có một chiếc xe đi ngược chiều thì không biết tài xế sẽ xoay xở ra sao. Lấp lánh dưới sâu là dòng nước đã gần cạn trong mùa khô. Trời trong và xanh. Ngang một đoạn đèo gặp một đoàn người đang im lặng đi giữa đường, dẫn đầu là một người đàn ông mặc áo dài màu xanh đậm. Ông này xách một cái phèng la cũ, vừa đi chậm rãi vừa thỉnh thoảng gõ một tiếng "pheeng...". Kế đến là bốn người đàn ông gánh một cái quan tài. Một đám tang giữa trưa. Trên quan tài người ta dựng bốn cái cây đứng để chống một tấm nhựa che nắng cho tấm hình của người chết, ảnh một cô gái trẻ để trước quan tài. Những người đưa đám đều để đầu trần, có người đi chân trên mặt đường nóng chảy nhựa. Đám tang lặng lẽ nhưng tươm tất dưới mặt trời gay gắt, bóng chiếc quan tài in xuống nền đường che nắng được một vài người đi khép nép bên hông quan tài. Đoàn người đi chầm chậm trên đèo Khe Sanh - Cam Lộ, tiếng phèng la điểm nhịp vang lên rồi tan dần vào vách núi. Một người trẻ hôm nay sắp được chôn. Trong vùng đất này còn nhiều người mất xác.

Lê Lô

TRIỀU HOA ĐẠI

chiều phai. ngồi đợi em

chờ em, ngồi đợi
ngày phai
đợi mãi chiều lên. ở bên ngoài
chia nhau tình tự
trăng nào khuyết
có gió xuân thì đuổi bắt nhau

những khi nghiêng xuống
cây trăm ngã
có tôi không
còn, có những ai?

gọi khẽ, gọi thêm
lần nữa thôi
ngày nghiêng vai
ngày lại thêm người
lắm khi im gió
cây lầm lỡ
tôi cũng theo đà cây
im hơi

nhìn tôi nghiêng
nghiêng, một buổi kia
ôi chao buổi sáng
bỗng chia, lìa
tiếng chuông vô lượng không người đánh
nên mãi u trầm trong bến mê

ngồi chờ, chiều đi
thở hơi quen
biết đâu ngày kiệt
những quên, quên
và, chiêm bao tới
không hò hẹn

trái đất nào xa. những mỏi mòn

trái đất nhìn ra
cỏ với cây
hoang vu. sỏi đá
những xum vầy
nhủ em tình tự
mưa. lìa khuất
khuất, khuất bao đời ai biết đây?

Triều Hoa Đại

những người nữ mặc áo dòng

NGUYỄN DŨNG TIẾN

Con cá lớn quậy nước làm vỡ tan hình ảnh con chuồn chuồn đang yên lặng đậu trên đầu chiếc cần câu, đồng thời trả những hình ảnh đó về ngược lại đầu cần với một con chuồn chuồn đôi cánh mỏng cùng bốn điểm hổ phách trong vắt trên hai cặp cánh. Buổi trưa một mồng 1 Tết, không gian quanh bờ ao thật tĩnh lặng, trời xanh trên cao điểm vài đám mây trắng chừng không buồn trôi. Nước đang ròng, mức nước xuống thật thấp. Con chuồn chuồn bỗng vụt bay, lưỡi câu với sợi dây dù khoảng năm gang tay nối liền đầu cần ghịt hăn xuống nước, người đàn ông dùng hai tay giật mạnh chiếc cần, một bóng xám bạc thoáng giữa khoảng không rồi rơi mạnh xuống nền đất cạnh bờ ao, một con cá tra quá sức lớn, dễ chừng hơn ba ký đành đạch giẫy cùng phát ra những tiếng ộp, ộp, ộp. Cá quá lớn, tiếng giẫy kêu ạch, ạch làm cho một vài người nữ gần đâu đấy xuất hiện chứng kiến cảnh một người nam đang lúng túng với chiếc cần câu trên tay, con cá quá khổ đang giẫy dưới đất. Một người nữ dùng chân chặn con cá, người nữ còn lại tước một nhánh lá chuối khô, nhúng nước, buộc thòng vào đuôi cá cùng thò tay gỡ lưỡi, người đàn ông vẫn chưa hết lúng túng.

Cái Nhum, một địa danh hoàn toàn thất lạc trên bản đồ thế giới, trong bản đồ Việt Nam, chỉ còn một chấm kim nhỏ, ít người biết đến. Dòng Mến Thánh Giá Cái Nhum tọa lạc tại xã Long Thới, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Từ Sài Gòn đi, phải mất hơn bốn tiếng xe cũng như qua hai lần phà, phà Rạch Miễu để đến Bến Tre, phà Hàm Luông để đến Mỏ Cày, Chợ Lách. Dòng Mến Thánh Giá, một Dòng nữ tu khá lâu đời tại Việt Nam, riêng Dòng Mến Thánh Giá Cái Nhum có hơn hai trăm nữ tu, từ các em tu tập mười tám, đôi mươi, các dì đã xong khấn hứa trọn đời, cho đến các dì hy sinh tất cả tuổi thanh xuân cho tha nhân nay thành các cụ trăm tuổi đang được các dì trẻ hơn chăm sóc, tất cả đều cùng chia nhau một mái Dòng, cùng một ý nguyện: Phục vụ tha nhân.

Người khách phương xa đến thăm Dòng đã có ấn tượng đầu tiên, vô cùng sạch sẽ, khang trang cũng như sự tĩnh lặng kỳ lạ, chỉ thấp thoáng vài bóng áo dòng đen thoáng hiện, thoáng biến. Hầu như sự thinh lặng bao trùm cả nhà Dòng rộng hơn ba mẫu Anh. Mồng một Tết, khách đã xé rách sự thinh lặng của nhà Dòng với một con cá lớn ở đầu dây câu. Thêm vài dì nữa nghe động, chạy lại xem.

"Ý tời, tời, cậu câu hay quá, cậu câu bằng mồi gì dzậy?"

"Mồi chuối mà nó cũng ăn, dì Quyên cho được cái lưỡi cùng khúc dây, hên sao kéo được một con, sáng nay oác lưỡi, xảy một con lớn cũng cỡ này."

Khách cầm dây chuối cột đuôi cá, vừa đi, vừa giơ cao như một chiến tích, đem thẳng vào nhà bếp để rọng trong hồ.

Ngược dòng thời gian, một khoảng rất ngắn, ngày 26 Tết, khách bước ra khỏi phi trường Tân Sơn Nhất giữa buổi trưa nóng, sau hơn một tiếng vất vả tìm hành lý bởi cảnh hỗn loạn với những chuyến bay từ nhiều nơi trên thế giới ào ạt đổ vào phi trường những người tha hương về quê ăn Tết. Gặp được dì phước Tuyết Hồng, một người chưa bao giờ gặp, dì đưa thẳng về Cái Nhum bằng xe của Dòng.

Sài Gòn ngày cuối năm, rừng xe cộ qua lại như mắc cửi, tiếng còi xe inh ỏi, lớp người đi sắm Tết, lớp chở hàng đi bán, đầy đường những xe tải hoặc đủ loại xe đang chở những cây mai thật lớn, chi chít nụ, những cây tắc tròn, trái vàng ánh nhiều hơn lá, không khí thật Tết, thật Việt Nam.

"Cậu thấy sao, Tết Việt Nam có vui không? Sài Gòn ồn dzậy chứ Bến Trrre thoải mái hơn nhiều."

Cậu tài xế tên Hoàn thêm vào:

"Qua khỏi Sài Gòn đến Bến Te lái đỡ hơn."

Khách lưu ý hai cách phát âm chữ "R" của người gốc Bến Tre.

Đến Dòng khoảng tám giờ tối, ăn xong bữa cơm cùng ba dì bề trên, khách được chỉ cho phòng khách, một căn phòng đơn sơ, rất sạch và ngăn nắp, một trong hai giường nhỏ có bỏ mùng trắng. Hơn 24 tiếng di chuyển, không được ngủ, khách rớt rất lẹ vào giấc ngủ để rồi kinh hoàng bật dậy khi nghe hai tiếng thở dài bên chiếc giường đơn kế cận, không người, bên ngoài đèn đóm không còn, bóng đen như một khối lớn bao trùm đại thể, vài tiếng chó sủa vu vơ, quá mệt, khách đành ngủ tiếp, nửa con mắt còn lại cố mở để treo ngoài mùng hầu theo dõi chiếc giường trống bên cạnh. Bên ngoài, đêm vẫn âm u.

Choàng người dậy vì tiếng chuông nhà thờ vang vang đất trời, tiếng chuông càng kéo bao nhiêu, tiếng sói hoang càng tru bấy nhiêu, bầy sói hoang dưới những cây thông phủ đầy tuyết, trên đồi tuyết đang tru, hú những tiếng cuối cùng trước khi lao xuống đồi, xông vào xé thịt con mồi. Mồ hôi toát đầy trán, khách tỉnh hẳn giấc, nhìn đồng hồ, mới bốn giờ sáng ngày 27 Tết, không biết các bà phước này làm gì, chưa sáng đã um xùm trời đất. Bầy chó của Dòng chừng như không chịu nổi âm thanh cao và sắc của tiếng chuông tiếp tục tru theo. Mệt, không được ngủ, khách lầm bầm và tiếp tục lầm bầm.

Nhà nguyện, tháp chuông ở ngay đầu phòng ngủ của khách, tiếng kinh cầu lúc cao, lúc thấp, êm như một khúc ru, chen lẫn những cung điệu khác nhau của những bản thánh ca hợp xướng cùng sự phụ họa của tiếng dương cầm đẩy khách vào tiếp giấc ngủ, dù khách đang lắng nghe tiếng hót te tè te, té tè te của một con chim lạ, hót vô cùng sớm.

Tiếng gà gáy rộ từ những căn nhà quanh Dòng cùng tiếng xào xạc của lá khô, khua động bởi cây chổi thật sự dựng người khách dậy vào sau 6 giờ sáng, bên ngoài trời đã sáng tỏ, các nữ tu trẻ với những chiếc áo bà ba xanh nước biển hoặc xanh lá cây túa ra, mỗi người một việc trong khắp nhà Dòng rộng mênh mông. Người quét sân, người leo lên cây bàng trong sân rung cho lá rụng về cội, có lẽ để khỏi phải quét lần thứ hai trong ngày, người lau chùi, mỗi người một việc. Khách bỗng sững sờ nhìn hai chiếc xe bò vừa kéo, vừa đẩy ra cổng nhà Dòng do bốn nữ tu còn rất trẻ, trên mỗi xe chất đầy những chậu hoa cúc đang hé nở những đóa hoa tuyệt đẹp. Các em vừa đẩy, vừa kéo, vừa cười, lúc ấy, khách chợt nhận ra, tất cả mọi nữ tu đều điểm nụ cười trên môi dù đang trong lúc làm việc nặng nhọc, nụ cười chứng tỏ sự không nề hà. Hình ảnh người kéo xe thay bò khá cấn cái khách dù những nụ cười của các nữ tu vui như những đóa cúc đang hé nở.

Dòng Mến Thánh Giá tại Cái Nhum, ngoài sự giúp đỡ của người ngoài, mọi chi phí của Dòng đều phải tự túc bằng những cách như may, thêu, nuôi tôm, nuôi cá, nuôi heo, nuôi thỏ, nuôi dê, dạy lớp mầm non. Dòng lại vừa thành lập một ngôi vườn khá tiêu chuẩn trồng hoa để bán kiếm thêm lợi tức. Vườn hoa được đặt tên Terêsa do thầy phó tế Vũ Thành An bảo trợ, cũng là nhạc sĩ với những bản tình ca không tên số... Vườn được thành lập vào năm 2003, khách từ Hoa Kỳ được phó thác cho việc về nhà Dòng chia sẻ sự hiểu biết về cây cỏ với các dì, đồng thời giúp phát triển lớn hơn, tốt hơn ngôi vườn sẵn có.

Sáng sớm 28 Tết, các em nữ tu trẻ đẩy những chậu hoa cúc đã trồng

trong năm đem bán ở những chợ xa cũng như chợ gần. Trước Dòng, đi bộ khoảng ba phút, có nhóm một chợ địa phương rất nhỏ, dăm ba sạp hàng các loại, gần hai chục gánh hàng khác nhau bầy lơ thơ vài sản phẩm địa phương, một tiệm cà phê, ba tiệm tạp hóa, một tiệm cháo, hủ tiếu, một chỗ sửa xe gắn máy, chấm hết, chợ không bán gia cầm vì đầu năm 2006, tỉnh Bến Tre đang có dịch cúm gia cầm. Chợ xa hơn như chợ Cái Gà, các em tụ tập với sự hướng dẫn của dì Út Hồng "Cúc" đã phải đẩy xe bò, đem hoa xuống ghe từ đêm trước đến chợ Cái Gà, ngủ trên ghe để hôm sau bán sớm vào lúc 5 giờ sáng.

Tại chợ ngay trước nhà Dòng, trời vẫn còn mờ sáng.

"Chậu cúc bao nhiêu vậy các em?"

"Thưa cậu 20.000."

"Các em bán mở hàng chưa?"

"Cậu mở hàng giùm tụi con đi."

"Vậy bán cho cậu một chậu với giá 10.000."

"Cậu ơi, không được đâu, tụi con bán 20.000 một chậu."

"Vậy 5.000 đi, rồi giao lại nơi cho cậu."

"...Trời ơi, cậu này giỡn tụi con rồi."

"Thôi, các em bán cho một chậu với giá 100.000, cho gởi, bán xong hàng giao lại cho cậu, trả tiền trước nè."

"Cậu ở đâu vậy?"

"Cậu ở trong Dòng."

"Hí, hí, hí tụi con mới đúng ở trong Dòng nè."

"Vậy thôi, các em cứ giữ tiền mở hàng, lát nữa có ai mua cây này, cứ bán, mai cậu ra mua cây khác."

Khách đến quá muộn trong đêm, nhiều em chưa biết.

Khoảng mười giờ sáng, các nữ tu nhộn nhịp, lăng xăng xếp đầy bàn ghế ở khu nhà mát cùng khuân vác những bao gạo gói chung với tặng phẩm như bánh ngọt, sữa đặc để chuẩn bị phát tặng phẩm cho các cụ già trên sáu mươi tuổi, những người không thể tự nuôi sống mình vì nhiều hoàn cảnh, phần đông không còn con cái. Chương trình phát gạo được các dì của Dòng tổ chức, cùng sự đóng góp những bàn tay của người Việt hải ngoại qua hội thánh Terêsa của thầy phó tế Vũ Thành An.

Sự tổ chức của các dì rất chu đáo, văn phòng cùng nhà dậy trẻ được dọn trống để khoản đãi các cụ già một bữa tất niên trước khi phát quà. Bữa ăn rất đơn sơ, nhưng hình ảnh được khách ghi nhận khá cảm động. Có nhiều người già bị những chứng bệnh như run tay, ăn không được, đã có những dì

trẻ như dì Loan, dì Dung dịu dàng đến giúp. Khách đã được giới thiệu với cánh chim đầu đàn của Dòng, dì nhất Đại Hiệp, người luôn luôn kín đáo đứng trong bóng tối, quan sát, bỏ nhỏ lệnh cho những nữ tu dưới quyền. Sau bữa ăn, bộ ba tướng, sĩ, tượng gồm có các dì Trung, dì Tuyết Hồng, dì Quyên ra tay điều khiển buổi phát quà cho hơn hai trăm cụ già. Các cụ được gọi tên từng người để nhận lãnh, cụ nào yếu, phần quà được mang đến tận nơi. Lúc đó, khách mới ghi nhận bản lãnh của các dì, thật đáng kể.

Một hình ảnh rất lạ, rất cô đơn nhưng tràn đầy tình người, một cánh chim lạ đã bao xe từ Gò Công vào bốn giờ sáng, về kịp đến Dòng để được chia sẻ với các cụ già bằng cách gởi biếu hai trăm mỹ kim, cánh chim đó đã dùng tiền ngoại quốc vì cô tên Phượng Hoàng, về từ tiểu bang Missouri, Hoa Kỳ. Cô đã không quản ngại, vác gạo phụ các dì để phát cho các cụ già, mồ hôi nhễ nhại quấn tóc mai. Hình ảnh kế, không kém phần cảm động, sự dịu dàng và hiền lành của nữ tu tên Dung đã luống cuống trước sự việc...

"Cậu ơi, bà Hai này bỏ dép để lên thềm lãnh gạo, không biết ai lấy mất dép. Bây giờ phải làm sao?"

Phải làm sao? Phải làm sao? Khách cũng lúng túng, móc vội trong túi đưa cho dì bốn mỹ kim.

"Cậu ơi, người ta không biết dùng tiền Mỹ."

Dì Dung loanh quanh đi đổi tiền Việt giữa lúc các cụ già đang tràn ngập hai dãy bàn dài dùng để phát gạo, quang cảnh bắt đầu khá hỗn loạn. Các cụ thấy trên bàn đã vơi hết gạo, vẫn chưa được gọi đến tên sợ không có phần, vì không biết bên trong vẫn còn dư nhiều phần quà, gạo. Cảnh khá tội nghiệp và đau lòng vì mỗi phần quà chỉ trị giá chưa đến ba đồng tiền Mỹ. Gần giữa trưa, xong việc phát quà, quay lại, dì Dung đang đi chân đất.

"Con cho bà cụ đôi dép của con rồi."

"....?"

Sáng ngày 28 Tết, khách vẫn phải dậy vào lúc bốn giờ sáng, lầm bầm một chút rồi ngủ tiếp. Tám giờ sáng, dì Tuyết Hồng cùng hai nữ tu bề trên cộng người khách thành một phái đoàn gồm bốn người, đi bằng ba xe gắn máy do dì Tuyết Hồng cùng hai em trai Chân Lý, Chân Tín con cháu của nhà Dòng lái, sang dự buổi phát gạo tại nhà thờ Quang Diệu, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, nhà thờ dưới sự điều hành của cha Sánh, cha đã thêm tiền để mua hoàn toàn gạo thơm phát cho các cụ, cha lý luận, một năm có một lần. Nhưng chỉ thấy có sự xuất hiện của khoảng ba mươi cụ già.

"Nước ròng, ghe không có nước để đi, bà con tới không được, nhưng

cha sẽ đem ghe đưa lại từng nhà khi nước lên."

Trên đường về ngang Cái Mơn, các dì ghé vào thăm một vườn cây khá ngăn nắp của anh Tư Chúc, vườn ươm và ghép khá nhiều sầu riêng, mít, soài, măng cụt. Khách được xem cách ghép cây rất hay của em Phúc, con anh chị Tư Chúc. Ra về, các dì tay xách, nách mang những cây soài ghép giống tứ quý, trái ra bốn mùa, cây do vườn chủ tặng. Khách ghi nhận thêm tấm lòng vô cùng hiếu khách và rộng rãi của người miền Tây.

Sáng ngày 29 Tết. Khách bừng tỉnh cũng vào bốn giờ sáng, cũng với những tiếng chuông rộn rã cùng tiếng chó tru, nằm lắng nghe tiếng đọc kinh, tiếng hát những bài thánh ca của những nữ tu từ nhà nguyện, sáng nay, thôi bớt lầm bầm.

"Cậu muốn đi coi vườn nữa không?"

"Nếu dì Tuyết Hồng có rảnh."

"Vậy thì cậu lên xe đi."

"..."

"Cậu đội nón an toàn này vào."

"..."

Khách cứng người ngồi sau xe gắn máy do nữ tu Tuyết Hồng lái, hai tay giữ chặt thành sắt phía sau yên. Khá nghẹn.

Vườn của anh chị Út Sinh, hai vợ chồng khá hãnh diện khi có hai con gái đi tu tại Dòng, vườn không xa Dòng nhưng để qua vườn, phải băng qua một con sông nhỏ, gặp lúc nước ròng, ghe nằm gần giữa lòng sông, con gái là nữ tu Tuyết Hoa cùng người anh túm quần, lội sình đẩy ghe cho mọi người đang ở trên qua sông. Vườn trồng rất nhiều bưởi, đủ loại, từ Năm Roi nổi tiếng, đến một giống không tên vỏ xanh ruột hồng, thêm một giống bưởi khác trái khá lớn, nhưng vị không mấy xuất sắc. Trong vườn có một ao cá thật rộng, khách ngạc nhiên nhìn chị Út bóc những trái bưởi rụng, cắt nhỏ, ném xuống ao. Cá diêu hồng, cá rô phi, cá tai tượng nhào đến, quậy muốn nát ao. Bước vào đến sân trong, khách đứng liền hơi thở, khoảng sân dài, hẹp có đến hơn 70 con gà đá đủ màu sắc, được úp trong những chiếc bội đan bằng kẽm lớn. Bầy gà có nhiều con màu đẹp đến nín thở, tất cả đều rất sung sức, gáy ran góc vườn, sói chuồng như muốn ra để đá, chúng đang được ba người con trai của anh Út tắm nghệ. Nhìn bầy gà, khách chỉ thấy cái đẹp tuyệt mỹ của những giống đực.

Sau ba ngày, khách tự thắc mắc, không biết các nữ tu dùng bữa ở đâu

và vào lúc nào, khách cũng tự biết, vì lòng quý mến của các bề trên nên mới được ở trọ trong Dòng của những nữ tu, khách phải biết tự giới hạn. Mỗi bữa ăn của ba bữa trong ngày, một nữ tu trẻ bưng khay cơm lên nhà khách cho người khách, cơm với thịt cá ê hề. Thắc mắc và tò mò đưa đến sự tìm hiểu.

Khách xồng xộc bước vào cửa nhà cơm khi tiếng chuông 11 giờ của nhà cơm rung nhè nhẹ.

"Ới, ới... Gì vậy cậu?"

"Xin phép dì cho tôi được dùng chung bữa với mọi người ở nhà cơm, ăn ở ngoài thấy phiền các dì quá."

"...Ơ... ơ... ơ, cậu chờ cho một chút."

Một dì bề trên quay vào trong nhà cơm, thì thào bàn tán với dì nhất, có vẻ khá lúng túng, trong khi một dì khác đứng cản người khách lạ.

"Chúng tôi chưa bao giờ cho một nam nhân ngồi chung trong nhà cơm của chúng tôi, nhưng với cậu, biệt lệ chỉ một lần này."

Các dì vẫn lúng túng chuẩn bị một bàn riêng khác. Các nữ tu trẻ đứng hết lên khi khách bước vào, thái độ của các em thật nghiêm chỉnh và lễ độ.

"Mời cậu, cho phép chúng tôi đọc kinh trước khi dùng bữa."

Tiếng kinh tạ ơn Chúa vang vang trong nhà cơm. Sau đó dì nhất Đại Hiệp lên tiếng:

"Đây là cậu... từ Hoa Kỳ về để giúp chúng ta hoàn chỉnh vườn hoa Terêsa, cậu nhất định đòi chia sẻ những vui buồn trong sinh hoạt hằng ngày của chị em chúng ta, hiện cậu muốn chia sẻ cả bữa cơm, vậy chúng ta chào mừng cậu..."

Tiếng vỗ tay cắt đứt lời dì nhất, khách ngỏ đôi lời trước khi dùng bữa. Cổ họng rất đắng, vì khi dì nhất nói, khách có cơ hội nhìn suốt những bàn ăn dài, bốn nữ tu một phần ăn, phần ăn có một thau cơm với những hột gạo vàng nở tung, điểm xuyết vài hột thóc. Thau thứ hai chứa một loại mì ống của Âu Mỹ, lẫn lộn với ít rau và chừng như nấu chung với mì gói, cả ba được nấu chung thay canh. Gia tài của bốn người chỉ có vậy, nhưng nụ cười tất cả mọi người vẫn nở trên môi. Khách cổ họng đắng, nét mặt tuyệt không một chút cảm xúc, không xúc động, không cảm động, những hình ảnh nhìn thấy không tạo được những cảm giác đó, những hình ảnh đã nằm ở tận cùng của sự đau lòng.

Buổi tối, trước phòng khách của nhà Dòng. Khách phì phèo điếu thuốc cùng nói chuyện với nữ tu.

"Dì Tuyết Hồng, chắc vấn đề ăn uống của Dòng cũng phải có một tiêu chuẩn hoặc một căn bản bao nhiêu tiền một ngày hoặc một tháng..."

"Đương nhiên chứ cậu, Dòng có hơn hai trrrăm người thì cũng phải có một tiêu chuẩn chứ."

"Tiêu chuẩn dì muốn nói là bao nhiêu?"

"Mỗi đầu người... 3,000 cho một ngày."

Khách chưa ý thức được 3.000 tiền Việt là bao nhiêu phần trăm của một mỹ kim.

"Vậy có đủ dinh dưỡng không?"

"Tất cả thực phẩm chúng tôi đều tính toán có bao nhiêu ca-lo."

"Chừng như tất cả mọi người trong Dòng đều quá xanh, tôi cảm thấy có dì đang bị bệnh phổi..."

"Chúng tôi điều hành Dòng đã bao nhiêu năm, chúng tôi biết tự lo liệu..."

Cuộc đối thoại qua một ngã rẽ khá gay gắt.

"Tôi xin lỗi, tôi không có ý gì hết, tôi chỉ nghĩ các dì không đủ dinh dưỡng... Không biết nguồn tài chánh từ đâu đến để các dì lo cho mọi người chu đáo như vậy?"

"Có rrrất nhiều người có lòng gởi tiền đến giúp, lại nữa, chúng tôi cũng trrrồng thêm rrrau, trrrái cây, nuôi con này, con kia. Các chị, có chị lo may, chị thêu, dạy học..."

Vừa nghe, trong đầu khách vừa làm nhanh một bài tính, ở mốc điểm tháng Hai năm 2.006 một mỹ kim bằng 15.900 đồng tiền Việt Nam, hay tạm tính 15.000, mỗi ngày khách hút một gói thuốc tại Hoa Kỳ, trung bình khoảng 4 mỹ kim, thành 60.000 tiền Việt Nam, mỗi bao thuốc có 20 điếu, vậy chi mỗi điếu sẽ là 3.000 đồng, bằng một ngày tiền ăn của một nữ tu tại Dòng Mến Thánh Giá Cái Nhum.

Ý tưởng đè lên ý tưởng, có những suy nghĩ trùng hợp ở vào một thời điểm nào đó một cách kỳ lạ.

"...À, tại sao cậu không bỏ hút thuốc, có hại cho sức khỏe..."

Khách lặng thinh, miệng đắng ngắt, khách vừa ý thức được, mình đang đốt chính đời mình bằng khói thuốc và đốt đi mỗi ngày phần ăn của hai chục nữ tu.

"Có thể nào phần ăn được nâng lên khá hơn một chút?"

"Chúng tôi đã có tiêu chuẩn. Chúng tôi phải thu vén cho đúng, đầu tư chính của Dòng là các em nhỏ, món ăn tinh thần mới đáng kể, các em phải có được trrrình độ đại học, ở mọi lãnh vực, âm nhạc bắt buộc các em phải có

4 năm, sau đó mỗi em học một phần chuyên môn, như vậy, sau này các em mới giúp đời hữu hiệu hơn. Đó là vốn và nỗ lực đầu tư của chúng tôi... "

"...Ờ... ờ... ờ... vẫn có thể cắt giảm ở chỗ khác để thêm vào bữa ăn hằng ngày..."

"Cậu à, chúng tôi ăn uống rrrất đầy đủ."

"Tôi không cho là đầy đủ, tôi thấy mọi người, tất cả đều ốm, xanh xao... từ người lớn cho đến các em nhỏ... trông xa như những con cò, lại nữa, cả ngày thấy các em làm việc luôn tay, thực phẩm phải quân bằng với sức làm việc..."

"Làm việc không chết người, cậu thấy mọi người trong Dòng lúc nào cũng vui vẻ..."

Cuộc đối thoại đi đến chỗ gay gắt. Trong Dòng có một con sáo nâu, một con cà cưỡng, cả hai con chim đều biết nói, cùng một con khỉ, cả ba ngày nào cũng hung hăng, gay gắt, tranh cãi với khách, tuy cả ba được dì Dung, một nữ tu vô cùng hiền lành nuôi dưỡng, sau mỗi lần tranh cãi, khách vẫn luôn luôn chiến thắng, ha hả cười bỏ đi. Chuyến này, khách cảm thấy khó nhai trong cuộc đối thoại, đâm cù nhầy.

"Tôi thấy có sự nghịch lý trong Dòng, tôn chỉ của các dì là phụng sự Thiên Chúa, giúp đỡ tha nhân, nhưng nếu các dì không lo cho chính bản thân mình, không bồi bổ cho cái xác người của mình, lấy đâu ra sức khỏe để phụng sự, để giúp đỡ... các dì ốm bò lăn ra, ai giúp những người bệnh tật, người nghèo, chắc mấy người đó phải vào Dòng để giúp đỡ ngược lại các dì... các dì thiếu hợp lý... gạt bỏ chiếc áo tu, tôi thấy các em nhỏ đang tuổi xuân thì, không em nào có bộ ngực của thiếu nữ, các em thiếu ăn..."

"..."

Đòn cuối cùng khá quyết liệt, người nữ tu ngồi im lặng, mông lung nhìn lên bầu trời đen. Khách ôn lại những hình ảnh của vài ngày qua, hình ảnh của những nụ cười đang kéo, đẩy chiếc xe bò đi ra chợ gom vỏ dừa về Dòng, phơi khô dùng làm củi, hình ảnh nụ cười ra sông vớt những tím ngát của lục bình, chặt những thân chuối già, đẩy xe bò về, xắt chuối, nấu cám cho heo. Có những nụ cười tên Năm Chiến cắt cỏ cho thỏ ăn, tên Thu Vân cắt tỉa cành ở một khu vườn mênh mông với sầu riêng, nhãn, gom cành chặt thành một núi củi khô cho Dòng, có nụ cười đến từ rất xa, tận Hải Dương, ngoài Bắc, nụ cười đó tên Nhung, đi lạc qua Bảo Lộc, dừng chân tại Cái Nhum, lững thững tay xách gà men cơm trở về lại nhà may, tiếp tục việc làm của mình (nữ tu này có thể may tất cả mọi mặt hàng, ngoại trừ bà ba). Những nụ cười tên Hai Khiêm, tên Tám Trí (cả ngày cầu nguyện cho mọi

người) với 150 người của hội thánh Terêsa, nụ cười chuyên trị Anh ngữ tên Loan, nụ cười bao trùm thiên hạ về xã hội tên Phượng, nụ cười tên Dung, ngồi đan lá dừa, chuyên đâm kim làm đau người đau ốm, có nụ cười trốn biệt dì bề trên cả ngày, để hôm sau lấp ló với tông La thứ được sửa lại hoàn chỉnh hơn trên phím dương cầm, nụ cười tên Xuyến, rất tiết kiệm thực phẩm cho Dòng, khi đổ bánh xèo, không ngần ngại đổ dòn, mỏng như giấy, khi cai quản nhà bếp của Dòng cũng không ngần ngại xuống tay hạ thủ một con chuột khi thấy bốn con ngậm đuôi, rồng rắn kéo nhau đi ngang. Từ nhà bếp nhìn ra vườn xa, có nụ cười tên Thùy lặng lẽ nhổ cỏ nơi luống rau, cạnh đó nụ cười tên Kim Thúy đang để hết tâm hồn sáng tạo những giỏ hoa tuyệt mỹ. Ngược ra phía cổng chính của Dòng, có nụ cười mếu máo khi mất Chúa, cũng nụ cười đó, không thiếu nước nóng cho khách pha cà phê, phòng khách luôn luôn có trái cây, dừa tươi chặt sẵn, nụ cười này chu đáo đến độc tài, trái dừa tươi đục sẵn lỗ cùng nghĩa ra lệnh phải uống liền. Đó là những nụ cười chất phác, hiền lành, đơn sơ của Dòng Mến Thánh Giá Cái Nhum, những đóa hoa đẹp. Trước thềm nhà khách, cuộc diện hai người, nữ tu và khách vẫn im lặng, cái im lặng ngột ngạt cho một chuẩn bị ráo riết, cuộc trả giá bắt đầu.

"Tôi đề nghị dì cho phần ăn lên 15.000 mỗi người cho một ngày."

"Không được cậu ơi, chúng tôi phải liệu cơm gắp mắm, lên rồi khi không có, xuống lại không được."

"Tôi đề nghị, khi tôi còn sống, còn sức khỏe để làm ra tiền, cho tôi được giúp Dòng tất cả những chi phí."

Nữ tu đứt hơi thở trong vòng vài phút.

"...Rất cám ơn cậu, Chúa ban phước lành cho cậu... Tôi nghĩ, chúng tôi chỉ có thể lên thành 4.000..."

"14.500"

"Vậy chúng tôi lên thành 5.000."

"Vậy đi, chúng ta đồng ý ở con số 12.000."

"Ý không được, lên rồi xuống không được, vầy đi, 8.000 là con số chót, quá rrrộng rrrãi..."

"Mong Chúa làm chứng những lời nói của dì."

Ngày 30 Tết, dì Tuyết Hồng đưa sang chợ Cái Gà để xem chợ Tết, đồng thời thăm các em nữ tu đang bán hoa cúc ở đó. Chợ khá nhộn nhịp, các em của Dòng bán được rất khá, có thêm một người khách trả 100.000 thay vì 20.000 để mua một chậu cúc, mọi người cười vui. Riêng dì Tuyết Hồng

mua hai con cá lóc lớn để đãi khách, khi về chỗ bán hoa, thấy một cái giỏ đi chợ, tưởng của các em trong Dòng, bỏ đại hai con cá vào, một cô khách sau khi mua xong chậu hoa cúc, cũng vô tình xách giỏ của mình tiếp tục việc mua bán. Một người hưởng lộc cuối năm và chắc cũng thắc mắc không biết vì sao, người còn lại ngậm ngùi nói, của đi thay người.

Của đi thay người? Chiều về đến Dòng, vừa gặp dì Tuyết Hồng, dì Thông đã mếu máo:

"Con mất Chúa của con rồi..."

"Chúa trrrời ơi, sao vậy?"

"...Cha Huynh thấy Chúa của con đẹp, xin hoài con không cho, cha ham quá, xí gạt con, nói dì Tuyết Hồng đã cho phép mượn vài bữa, con đưa cho cha, ai dè cha lấy xi-măng gắn bên hòn giả sơn ở sân nhà thờ... hụ, hụ..."

"...Ớ... ơ... Thôi được rồi, dì Tuyết Hồng lên Sài Gòn đặt cho chị một tượng Chúa khác, đẹp hơn, rồi mời chính cha Huynh sang làm phép cho cha tởn..."

Dì Thông, một nữ tu hiền lành, chu đáo, dì đã đeo nhẫn bạc (trọn đời khấn hứa), có nhiệm vụ kiểm soát ra vào ở cổng chính, điều hành và phân phối hàng thêu cũng như giúp nơi ăn, chốn ở tại phòng nghỉ cho những khách phương xa đến. Tuy hiền lành nhưng vô cùng tinh ý.

Năm Ất Dậu đầy kinh hoàng, dì Tư Ri (Maria) đẩy xe lăn cho dì Chín Tắc (hơn 100 tuổi, từng là dì nhất của Dòng) ra phơi nắng, dì quên gài khóa an toàn, dì Chín nhúc nhích trên xe, chiếc xe lăn xuống ao cá, nơi người khách từng ngồi câu. Dì Tư Ri quýnh quáng nhảy xuống ao, la lớn:

"Bớ người ta, cứu, cứu..."

Gần đâu đó, hai em nữ tu đang quần áo trắng để sửa soạn lễ nhà thờ bay ngay xuống, tiếp tay nâng, giữ chiếc xe lăn khỏi mặt nước để dì Chín khỏi ngộp, dì Tuyết Hồng nghe la cũng chạy ngay lại, nằm dài trên bờ, kịp nắm được mớ tóc trắng như tuyết của dì Chín, người kéo, người nâng, người đẩy. Tai qua, nạn khỏi. Dì Chín vẫn còn rất tỉnh khi dì Tuyết Hồng hỏi thăm:

"Dì làm gì dưới đó vậy?"

"Tui đi tắm biển Vũng Tầu... Ủa, sao mấy người bắt tui uống nước nhiều quá vậy?"

Dì Tư Ri cũng mếu máo bắt chước dì Thông:

"Dì ơi, con xin lỗi dì, con xin lỗi dì, con xin lỗi dì... hu, hu..."

Mồng 1 Tết đoàn múa lân từ chợ ghé qua nhà thờ, tọa lạc sát vách Dòng, sau đó chiêng trống huyên náo kéo vào Dòng, nhảy múa để cướp lì xì. Hầu

hết các nữ tu của Dòng đều mặc áo bà ba mới, đi theo đoàn múa lân, vỗ tay tán thưởng, từ xa, nhìn tổng quát, hình ảnh của những nữ tu rất đơn sơ, mộc mạc, giản dị như đồng lúa chín run rẩy trong gió sớm. Sau hơn 30 năm, lần đầu tiên khách mới được ngụp lặn lại trong một cái Tết rất Việt Nam.

Buổi trưa mồng 1 Tết, câu được một con cá khá lớn. Buổi tối, các em nữ tu với dư âm vui nhộn của buổi sáng, đã hí hửng gom hầu hết xe hơi, hạ đo ván lô tô các dì bề trên cùng người khách, xe hơi gom được là những thỏi sô cô la nhỏ, cái nhỏ của thỏi sô cô la đã biến thành những lượn sóng lớn đổ ụp lên mọi người, sóng hạnh phúc được hội tụ và chia sẻ. Cuộc vui chấm dứt khi chuông đánh bảy tiếng, giờ nguyện đã đến. Không khí Tết vẫn bao trùm nhà Dòng, quyện lẫn tiếng kinh cầu từ nhà nguyện làm khách ngồi trên thềm tối, nhìn bóng đêm, bỗng thấy không gian mênh mông, kiếp người như có, như không.

5 giờ sáng ngày mồng 2 Tết, trời vẫn tối đen, khách pha ly cà phê, ngồi câu cá, nghe kinh kệ, thưởng thức thánh ca. Hôm nay các dì hát có vẻ hay hơn nhiều, hôm trước, khách đã phàn nàn với các dì, hát như một bổn phận, thiếu trái tim, nghe không thấy một chút hào hứng. Những bài thánh ca hôm nay nghe khác hẳn, khách lặng người nghe. Hơn 6 giờ, xảy một con cá khá lớn, lưỡi đã oác đến hai lần, không thể dùng được nữa, khách lại lầm bầm. 7:30 sáng, dì Tuyết Hồng chở đi thăm họ đạo An Hiệp, Châu Thành, Bến Tre, đường đất đỏ, bụi mù, đường đi phải qua một phà để thăm dì Đức. Tại đây, khách ngỡ ngàng ngắm những đóa mai trắng năm cánh rạng rỡ nở dưới ánh mặt trời. Dì Đức đưa đi thăm một làng trong họ đạo, khách thêm một lần ngạc nhiên, giữa miền Tây, người trong làng hầu như toàn người Bắc di cư từ những năm 1954, có cụ hơn 90 tuổi vẫn còn răng nhuộm đen, vẫn tiếp tục quay lát dệt chiếu, tiếc thay người mua trốn luôn, không trả một chuyến hàng khá lớn (10 mỹ kim) vào lần cuối cùng, có cụ 100 tuổi, lưng gập hình chữ v, con cháu phải dìu đi. Ghé ngang Hồ Đào, Phủ Đức thăm dì Uyển Quỳa (tên khá lạ) cùng một nữ tu tên Diễm, thăm vài cụ già trong chương trình nhận gạo hằng tháng của phó tế Vũ Thành An. Với ý định trên đường về sẽ thăm dì Bảy Nuôi tại nhà thờ Tân Phú để nhờ dì dẫn đi thăm những người già, nghèo trong địa phận của dì, dì Tuyết Hồng đi bị lố, khi quay trở lại để tìm đường vào, bỗng thấy một người nữ lớn tuổi trên lộ đá và một em nhỏ.

"Con biết nhà dì ở đâu không con?"

"...Nhà dì ở đâu?"

"...?"

"Dì không biết nhà gì ở đâu hả?"

"Nhà dì ở gần cây cột đèn..."

Đó chính là dì Bẩy Nuôi, chuyên viên đi lạc, quên đường về, đương nhiên dì Tuyết Hồng không còn dám hỏi dì đường đi đến những nhà của các cụ già.

Buổi chiều, khách bị xảy con cá buổi sáng đi lùng mua được lưỡi câu, bốn lần dây dù chặp lại, hai lưỡi câu quấn chi cho thành một lưỡi, cách cột lưỡi đầy gian ý, lén vào nhà bếp của Dòng chôm chia được vài con tép. Liên tiếp kéo hai con. Dì Quyên, người với rất nhiều trách nhiệm, phụ trách thêm nguyên vườn hoa cùng dì Thông luôn theo dõi khách lạ câu cá, hầu kịp báo cáo nhà bếp thêm món mới vào thực đơn.

Đêm về, không gian với màu đen tĩnh lặng bao trùm toàn nhà Dòng, trong lần cầu nguyện thứ năm mỗi ngày, khi nhà nguyện đang êm đềm vẳng ra đúng bài hát Đây Thánh Vịnh, khách bên ngoài cũng đang lúng túng trong bóng tối, bên bờ ao cạnh nhà nguyện với một con cá quá lớn ở đầu dây câu, tiếng con cá quẫy đành đạch bên ngoài làm lời ca bên trong bay lên không, vụt qua khỏi cửa nhà nguyện mất một vài giây. Bên trong các dì bề trên quỳ nhìn tượng Chúa trên ngai thờ, nhìn nhau, kín đáo lắc đầu, lặng lẽ thở dài.

Mồng 3 Tết, dì Tuyết Hồng đưa qua Mỹ Chánh thăm vườn cây của Tám Líp, em của dì Tư Ri, khách được thấy một con cu cườm 45 tuổi, quá già không còn sức gáy (thường tuổi thọ của giống chim này chỉ hơn 10 năm), được xem cách làm nấm bào ngư, xem tận mắt hoa mai vàng hơn trăm cánh, trên đường về mừng rỡ vì xin được hai cu cườm. Buổi chiều ghép cây, làm việc chút đỉnh cùng các nữ tu ngoài vườn hoa. Giấc đêm không còn giật mình với tiếng thở dài ở giường trống bên cạnh như đêm đầu. Khách đã định hướng và phân biệt được ba con cắc kè ở ba nơi, phía sau, cạnh bờ ao, một con khè, khè rồi kêu năm tiếng cắc kè, con thứ hai, kế phòng dì Thông, khè hai tiếng, kêu cắc kè sáu tiếng, riêng con ẩn trốn trong nhà nguyện thở dài hai tiếng trước khi làm một hơi tám tiếng cắc kè. Con thứ ba đêm đầu làm khách kinh hoàng với tiếng thở dài.

5 giờ sáng mồng 4 Tết, Dòng tổ chức một phái đoàn chở gạo bằng xe hơi đi Duyên Hải thuộc tỉnh Trà Vinh. Xe rời Cái Nhum lúc trời còn tối đen, sao Hôm lừng lững tỏa sáng một mình, lẽo đẽo dẫn đường cho chiếc

xe, đang đi về hướng đông nam. Trên đường đi, những người buôn bán sớm đã thoáng hiện trên lộ đá, những người chờ mua hàng từ quê lên cũng lóng ngóng để chiếc đèn bão đứng chờ trong bóng tối. Xe qua các quận Long Hồ, Vũng Liêm, Càng Long, qua Trà Vinh đón em Dung, tại đây, trong xe có chuyện làm nhiều người bịt miệng lặng lẽ không dám cười thành tiếng, một dì khá lớn tuổi (quên chuyện đời vì mải lo hành hiệp), cử nhân khoa học Đà Lạt buột hỏi, "Các chị, tiệm đó bán vi déo là vi gì vậy?". Qua Châu Thành đến Duyên Hải, đón ghe để vào Cái Đôi, đập Ba Vinh, nơi này Dòng có một diện tích khá lớn, do hai nữ tu "quản lý". Khách chỉ dám dùng chữ diện tích, nơi này không thể gọi mảnh đất vì gần cửa biển, nước mặn mênh mông.

Tắc ráng của Ba Khuya cũng phải chạy gần tiếng mới đến được diện tích của Dòng, nước đang lớn, ghe cặp sát bờ kinh. Chắc nghe tiếng tắc ráng từ xa, trên bờ có một người nữ trông gầy gò, lam lũ đang quýnh quáng đứng đón, dưới vành nón, đôi mắt sa hai hàng lệ. Diện tích nhỏ trong diện tích lớn của Dòng được đắp cao bởi đất sình, bên trên một mái tranh rách nát, xiêu vẹo, nóc dột tứ bề là nơi hai nữ tu dùng làm chỗ thờ phượng cùng tá túc, bên trong rất sạch, ngăn nắp (bản tính của các nữ tu). Quanh diện tích nhỏ, mênh mông nước, trời xanh, rừng mắm, rừng đước chen nhau, không một bóng nhà thứ hai. Đoàn gồm dì nhất, ba dì bề trên, vài nữ tu trẻ cùng khách được dì Sáu Hoàng dẫn đi thăm những công trình của hai nữ tu đã khai phá và đang làm, xem một đầm nước mặn rộng mút tầm mắt, để nuôi tôm, cua.

"Hiện giờ con không có mồi cá đuối để câu cua, để con nhờ em Tuyền lội sông, đón ghe ra chợ mua cá đuối..."

Tức thì một người nữ trẻ, túm quần, lội xuống sình băng qua sông, nước đang ròng.

Dì Sáu Hoàng khoảng hơn bốn mươi cùng một nữ tu trẻ tên Út Hài, vì đức Vâng Lời của Dòng đã không quản ngại vào ở trong rừng, giữa vùng nước và trời mênh mông, hoang vắng không người, để nuôi tôm, cua, dê hầu giúp thêm phương tiện cho Dòng. Mỗi người một việc, sáng nhìn trời, nhìn nước, nhìn rừng đước, chiều về hai chị em nhìn nhau cùng nhìn chính bóng mình trên vách. Bên cạnh căn nhà tranh, một khu đất khá rộng được rào bằng cành đước khô, bầy dê mẹ đang nằm tránh nắng trưa dưới những bóng mát, những dê con ngây thơ húc vú mẹ tìm sữa, có con tìm nhầm mẹ, bị hất đuổi. Út Hài muốn khoe với mọi người bầy dê của mình, hai tay bồng bế đến bốn dê con, khệ nệ mang đến cùng nụ cười. Dưới ánh nắng trưa khá

gắt, khách bỗng nhìn thấy đến năm con dê con đang ngơ ngác nhìn đời, nụ cười đơn sơ quanh cái hạnh phúc nho nhỏ với bầy dê của Út Hài biến người nữ tu này thành Tiểu Hài. Riêng niềm vui nhỏ của dì Hoàng vừa bị mất tháng trước.

"Thưa dì, con có con thiên nga, ngày nào cũng theo con cả cây số khi con vào rừng, chiều cũng ra cả cây số chờ con, tháng vừa rồi nó mới chết..."

"Thiên nga?"

"Dạ không, con ngỗng, con nuôi từ nhỏ, nó xòe cánh mừng con coi giống như con thiên nga vậy, con nhớ nó...."

Hạnh phúc thật nhỏ nhoi, giản dị giữa rừng hoang.

Bữa cơm tối khá nhiều tôm cá, đầu bếp chính vẫn là dì Xuyến, khách đã lội sình gỡ lưới, được thêm mớ cá đối. Mọi người nâng chén sắp ăn, bỗng một em nhỏ, con người hàng xóm (rất xa) chạy đến, báo tin người cha vừa chết, dì Hoàng bật dậy, hấp tấp xin phép dì nhất để đi lo cho người chết.

"Chị ăn cho xong bữa đi..."

"Lậy dì, cho con đi liền, lát nữa rừng tối đen, không thấy đường."

Mọi người ngậm ngùi dùng bữa vì khoảng ba tiếng trước, có ghé thăm người đàn ông bị bệnh nặng ở giữa rừng, không có tiền chạy thuốc. Khoảng 2 giờ trưa, khi mọi người đến được căn nhà lá giữa rừng để thăm, gia đình đó đang ăn trưa, trong chiếc nồi độc nhất giữa bàn, lỏng chỏng rau sam và cá ốc, không cơm, gạo. Nước mặn tứ bề, quanh vùng, rau cỏ, cây ăn trái không thể mọc được, ngoại trừ rau sam. Riêng Tiểu Hài phải nuôi bầy dê 38 con bằng cách chặt cành đước non.

Đêm về, gió từ cửa biển thổi vào mạnh đến không thở được, đồng thời cũng cuốn đi những cánh muỗi rừng mong manh. Sao lấp lánh đầy trời khi nhìn xuyên qua những lỗ rách của mái tranh, Tiểu Hài gặp được bạn từ ngoài vào mừng rỡ, cùng nhau rúc rích trong mùng, gió càng lúc càng mạnh, mọi người có cảm tưởng mái tranh sắp sụp xuống đầu. Trong giấc ngủ, khách chập chờn thấy những ánh đèn nhảy múa giữa đêm nơi đập cá, gần sáng nơi chuồng dê. Sáng dậy mới biết Tiểu Hài để lưới, nửa khuya chờ nước ròng xuống, ra gỡ cá gởi về Dòng, gần sáng Tiểu Hài một mình mò mẫm ra chuồng dê giúp dê mẹ cho ra đời một dê con, nâng tổng số lên 39 con, thêm một niềm hạnh phúc nhỏ cho Tiểu Hài.

Niềm vui không ở lâu, cả đoàn lại lục tục xuống tắc ráng của Ba Khuya để về, hình ảnh dì Hoàng, một nữ tu tiều tụy trong bộ bà ba nổi bật trên bờ kinh giữa khung trời xanh, tay giơ lên nhưng không vẫy nổi, đôi mắt

rưng rưng lệ, chắc phải lâu lắm, lâu chừng vài tháng nữa, may ra mới thấy lại bóng người. Khách mờ đôi mắt, bóng người nữ trên bờ kinh thoáng hiện ánh hào quang. Đột nhiên, dì nhất rời ghe, chắc cũng chạnh lòng như khách nên quyết định ở lại một mình, thêm một ngày để chia sẻ với những đứa con bỏ lại trong rừng sâu, không điện, không nước, không chút rau tươi. Cơ hội này, dì nhất sẽ khảo sát trình độ tu đức của Tiểu Hài để xem có thể khấn hứa thêm nữa hay chưa. Tiểu Hài vui, mừng và lặn cũng rất lẹ. "Thưa dì, con phải dẫn dê vô trong rừng kẻo muộn, nó đang đói, kêu réo um xùm". Tiểu Hài lặn khá lẹ vào rừng đước cùng bầy dê, dám chừng như chưa thuộc bài.

Sáng rừng đước, chiều lội ao
Đêm nghe tiếng cá chép sao gọi trời

Mồng 5 Tết, tiếng chuông 4 giờ sáng cùng tiếng của tổng cộng 37 con chó trong khuôn viên Dòng đã biến thành bình thường với khách, khách nằm lắng nghe ê a kinh kệ, nhẹ nhàng thánh ca. Sáng đến, theo dì Tuyết Hồng sang chợ Lách mua được 300 cây kum quat Nagami, giống của Nhật, 1.000 cây cam oanh ca, dùng gốc oanh ca để ghép. Hơn 1.300 cây được giao đến buổi tối, các nữ tu lại căng hàng ngang, dây chuyền xuống xe hàng trong nhấp nháy, bóng đêm khiến khách không nhận được từng khuôn mặt, chỉ nhìn thấy những nụ cười đẫm mồ hôi. Khách hồi nhớ lại buổi sáng khi đi mua cây cùng các dì, cặp bài trùng Tuyết Hồng, Trung hay Trung và Tuyết Hồng, hai người đã phải dấn thân vào dòng sông đời cuồn cuộn chảy hằng ngày để lo những việc mua bán cho nhà Dòng, hai cầu thủ đã túm chiếc áo dòng đen, băng qua hàng cấm vệ của đối phương, danh thủ Tuyết Hồng hy sinh một đòn té (chuyên viên té) để nâng banh, miệng la lớn, "sút, sút...", ở dưới phóng lên, hảo thủ Trung sút lọt lưới, món hàng bán hoặc mua đều luôn luôn ở giá cả hai dì muốn. Trên trời cao, có đấng vô hình nở nụ cười.

Mồng 6 và 7 Tết, khách được đi thăm nhà thờ Thánh Tử Đạo Đình Khao, nơi thánh Phelliphe Phan Văn Minh bị chặt đầu, xem những hình ảnh của nữ tài tử Thẩm Thúy Hằng trong phim *Áo Dòng Đẫm Máu*. Thăm vườn cây của thầy Vinh sát cạnh Dòng, thầy có rất nhiều cây ăn trái lạ, có giống mận An Phước khá đáng kể.

Cơn mưa mây chiều mồng 6 đã được báo trước vài giờ bằng cơn oi bức khác thường, nhưng các nữ tu cũng bị một cú khá bất ngờ khi chưa kịp dọn xong đống vỏ dừa khô dùng để nấu, mưa ướt người nhưng nụ cười

vẫn nở trên môi. Xa xa, bóng dì Quyên phất phới trong gió giữa hai luống hoa huệ, hai ống bà ba theo gió quấn quýt những đóa huệ nở muộn, dù từ xa, khách vẫn nhận thấy những đóa huệ làm nổi bật những đốm vá rải rác trên hai ống bà ba. Dì vẫn cắm cúi giữa hai luống huệ.

Hai ngày liên tiếp làm việc chung với các nữ tu, ghép cây, chiết cành, chia sẻ sự hiểu biết, khách bỗng tìm ra một niềm hạnh phúc cao hơn hạnh phúc đôi lứa, đó là hạnh phúc được hội tụ và chia sẻ, chung quanh, những nữ tu đơn giản với những nụ cười thay son phấn, nữ trang đầy trên người bằng chính những đức tính thùy mị, thành thật, giúp đỡ... Khách đâm quyến luyến, những hình ảnh của một em Hiếu cưa mận, của một dì Bích, dì Nhung leo cây ghép mận cùng rất nhiều em khác dưới sự chỉ huy của dì Quyên ghép cây, chiết cành, cắm cúi ghi chép... Rồi vẫn cũng một Thùy ngồi cặm cụi ghép những cành xương rồng khác màu lên một gốc, dưới cơn mưa, những hình ảnh bỗng chồng chất, xáo trộn trong người khách. Ngày cuối, khách được dùng chung bữa trưa tại nhà cơm, các em cùng khách đã trao đổi, tặng nhau vài bài hát. Trời đất bỗng vô cùng. Bên ngoài, có tiếng cu cườm thúc buồn trên ngọn dừa cao.

Sáng hôm sau, các nữ tu rất đông, hát tiễn chân khách trước cửa nhà Dòng. Lòng nặng trĩu, chân không muốn rời. Bộ ba tướng, sĩ, tượng của Dòng Cái Nhum cùng vài em cũng theo xe để tiễn chân đến tận Sài Gòn. Trên đường xe chạy, bất ngờ các dì ngỡ ngàng khám phá được tài năng của một em, Trương Ánh Nguyệt, quê Càng Long, em đã xuất thần, dựa trên những tình tiết đang diễn tiến quanh khách, tặng khách một bài hò, dẫn khách trở lại Đồng Tháp mênh mông của hơn 30 năm trước. Khách lặng người. Ánh Nguyệt bồi thêm đòn kế tiếp, đòn ân huệ bằng một bài vọng cổ, bài bản ứng khẩu tự nhiên nhưng vô cùng xuất thần, có lớp lang, có bằng trắc, có lên bổng, xuống trầm. Bất ngờ trong câu cuối của bài ca, khách được gọi bằng bố, nỗi hân hoan, vui mừng tràn ngập mọi người trong xe, khách thêm một cô con gái, tên Ánh Nguyệt.

Sài Gòn ngày cuối buồn tênh, khách bỗng nhớ quê, nơi có những người nữ khoác áo dòng đang sống vì tha nhân, cũng nơi đó, kết quả ghi bàn bởi khách, năm con cá trrra.

Nguyễn Dũng Tiến
California 26 tháng 2/ 2006

cà phê một mình

NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG

Trời vẫn lại mưa. Vẫn mưa rả rích cả hơn tuần, cả gần chục ngày nay và có vẻ hãy còn chưa muốn tạnh. Ngồi từ trong nhìn ra ngoài thấy trời đất đều ẩm ướt, sũng nước, đen xám, nhầy nhụa, bờn bợt, vữa ra như một thứ hỗn hợp đáng lẽ phải thành hình từ lâu rồi nhưng mãi vẫn chưa hình thành được.

Trong gian cửa hàng bé nhỏ, tôi và Hiên ngồi mỗi đứa một ghế, yên lặng, cả nửa giờ rồi mà vẫn chẳng đứa nào nói với đứa nào một câu. Không nói, nhưng chẳng phải là giữa hai đứa có vấn đề gì. Cũng chẳng phải là không có điều gì đáng nói. Thậm chí, còn có rất nhiều điều muốn nói nữa kia, nhưng những điều ấy không phải là để nói lúc nào cũng được. Cũng chẳng phải hai đứa ít lời. Vào những lúc khác, có khi cả hai đều liến thoắng, đến không để mồm kịp lên da non.

Chiều nào tôi cũng phải xuống cửa hàng khoảng vài ba tiếng. Nói là để đỡ đần cho Hiên một tay, nhưng thực sự thì từ lâu nay vẫn chưa đỡ đần được gì. Vì cửa hàng của Hiên thuộc loại nhỏ, hàng hóa ít và cái chính là chẳng có mấy người ra người vào, có vào thì cũng chỉ ngó nghiêng chỗ này một tí, chỗ kia một tí, hỏi han loanh quanh một vài câu, (mà có khi cũng chẳng hỏi han gì) rồi lại ra, nên cũng chẳng bán được mấy. Nhưng chẳng lẽ lại không xuống. Mặc dù biết trước là có không xuống thì Hiên cũng vẫn chẳng phật lòng, chẳng trách móc gì nhưng rồi lại vẫn cứ xuống. Cứ đúng khi chuông nhà thờ thong thả điểm bốn tiếng là tôi xuống đến nơi, đều đặn,

chính xác như một cái đồng hồ. Còn tại sao lại nói "xuống" thì là vì căn hộ của chúng tôi ở tầng trên tầng bốn, cửa hàng ở dưới tầng trệt, của cùng một ngôi nhà, lên xuống rất thuận tiện.

Biết trước là sẽ chẳng có việc gì mà làm nên mỗi lần xuống với Hiên tôi đều mang theo khi thì quyển sách, khi thì tờ báo, khi thì mấy cuốn tạp chí để đọc. Tôi thích giết thời gian bằng cách ngồi giải mấy ô chữ ở một tờ tạp chí nọ. Kiến thức ở các ô chữ này nói chung cũng chẳng đến nỗi phức tạp lắm, nhưng cũng không thể nói là quá đơn giản, vì mặc dù hết sức nỗ lực song chưa lần nào tôi giải được một ô cho hoàn hảo. Thì cũng là một câu hỏi gợi ý nhưng chỉ cần ở một hàng, một cột có hơi nhiều đáp án một tí, mà ý tưởng của mình lại không cùng với ý tưởng của người ra đề là vứt đi rồi, đấy là chưa nói đến chuyện nhiều hàng nhiều cột mình hoàn toàn mù tịt.

Vậy là mặc dù biết chắc chắn là sẽ chẳng đi đến kết quả nào nhưng rồi hôm nào tôi cũng ngồi hý hoáy giải ô chữ hoặc giải toán. Hôm nay cũng vậy, tôi vừa ngồi đọc, nghiền ngẫm các câu hỏi vừa thỉnh thoảng ngước nhìn Hiên. Từ nãy giờ Hiên vẫn ngồi yên một chỗ và nhìn ra ngoài trời mưa. Tôi biết là Hiên rất thích trời mưa. Thỉnh thoảng, có dịp Hiên vẫn kể với tôi rằng quê Hiên ở miền trung du. Mà mưa trung du thường rất to. Hiên thích nghe tiếng mưa rơi, từ lúc còn lác đác, lộp bộp trên những tầu lá chuối, lá cọ, đến khi xối xả như thác trên mái nhà, thích nhìn nước mưa dồn về sân thành hồ thành ao trước khi ồ ạt chảy thành dòng cuồn cuộn như suối dưới hiên nhà, cũng thích tắm mưa, dầm mưa nữa và có lần vì ngâm nước mưa nhiều mà bị cảm lạnh, nằm sốt li bì mấy ngày mấy đêm liền.

Dường như Hiên cũng biết là có tôi đang nhìn mình nên hơi cười. Tôi rất thích nhìn nụ cười nửa miệng ấy. Nhiều lần tôi lý giải, có lẽ là vì Hiên có một cái răng khểnh, cười rất duyên chăng. Nhưng có nhiều lần khác, tôi lại tự bảo có lẽ chẳng phải vậy. Giả sử chẳng có cái răng khểnh ấy thì tôi vẫn cứ thích nhìn Hiên cười. Cũng như đôi mắt, cái mũi, cái miệng... của Hiên vậy, giả sử có không được đẹp, được "chuẩn" như bây giờ thì với tôi cũng chẳng có vấn đề gì.

Tôi đoán thế nào Hiên cũng phải lên tiếng trước, và quả nhiên sau khi cười đến lần thứ ba hay thứ tư gì đó, Hiên quay hẳn sang tôi và hỏi: "Nhìn gì?". Câu hỏi ấy phá tan sự im lặng giữa hai chúng tôi, mặc dù thực chất giữa hai đứa chẳng có gì đáng phải phá, thực chất là bất cứ lúc nào chúng tôi cũng có thể hỏi, có thể nói với nhau về rất nhiều điều gì và nói nhiều bao nhiêu cũng được.

"Cười gì?". Sau khi trả lời Hiên bằng một câu hỏi lại như thế, tự nhiên

tôi nảy ra một ý. Và, vẫn cầm quyển tạp chí và cây bút chì trong tay, vừa nhìn ra ngoài trời mưa, tôi vừa giả bộ bâng quơ: "Mát giời thế này, tí nữa có khi phải ghé qua cửa hàng làm chai rượu với cái gì về nhậu thì có lý lắm". Phải nói câu ấy vì tôi chắc chắn rằng thế nào cũng được thấy một cái lừ mắt rất nghiêm trang của Hiên. Và quả nhiên là Hiên nhìn tôi bằng cái nhìn như thế thật, bây giờ mới thấy ông nhạc sỹ nào đó đặt tên bài hát là ánh mắt mang hình viên đạn thật là đúng. Mà nhìn ngay lập tức, mới kinh chứ. Và cũng như bao nhiêu lần khác, lần này tôi lại phải nhíu trán để rồi đến cuối cùng vẫn không sao phân tích nổi xem cái nhìn kia là thực hay là đùa.

Như bao nhiêu đứa trẻ khác thuộc thế hệ mình, tôi biết rượu chè từ rất sớm. Nếu trí nhớ của tôi không quá tồi tệ thì hình như tôi biết mùi rượu từ khi mới tám hoặc chín tuổi.

Đó là những ngày còn chiến tranh. Cùng với mấy đứa em, tôi sơ tán về nhà ông bà ngoại ở một làng ven biển. Dưới con mắt của những nhà quân sự thì việc chọn địa điểm sơ tán cho mấy anh em tôi của người lớn (tức là ông bà và bố mẹ tôi) là không được chiến lược, chiến thuật tí nào. "Tránh vỏ dưa thì lại gặp vỏ dừa". Họ bảo vậy. Và phân tích: Thay vì phải chịu bom chẳng kém gì ở thành phố thì về vùng quê này chúng tôi sẽ còn phải chịu thêm cả đại bác đêm đêm từ hạm đội bảy câu vào. Sở dĩ tôi nói "chịu bom chẳng kém..." là có cơ sở của nó. Vì quê ngoại của tôi nằm ngay trên (hay là ngay dưới nhỉ) đường bay của máy bay Mỹ từ hạm đội bảy vào thành phố. Nếu xuất phát từ hạm đội bảy để vào đánh Nam Định, Phủ Lý, Hà Nội... và nói chung là mấy thị xã, thành phố phía trên ấy thì kiểu gì máy bay của Mỹ cũng phải bay qua làng của ông bà tôi. Vào thời kỳ cao điểm, ngày nào cũng phải có tới cả chục đợt qua bay lại như thế. Và trong số đó thế nào cũng có những đợt, với những chiếc máy bay mà phi công, vì một lý do nào đó chưa kịp ném hết bom, để trên đường về ngang qua làng tôi, khi gần như chắc chắn là không còn chiếc Mig nào đuổi theo, không còn khẩu cao xạ nào bắn lên, các vị mới yên tâm bấm nút thả hết xuống cho nhẹ cánh về căn cứ an toàn.

Nếu còn sống thì năm nay ông ngoại tôi cũng đã gần trăm tuổi. Vào những năm tháng chiến tranh ấy, ông cũng đã già lắm. Tôi còn nhớ, những ngày đó, để tránh bom và pháo kích, ở quê ngoại tôi, người ta phải đào những cái hầm thật sâu với cái nóc thật chắc chắn. Tất nhiên là phải tùy số người trong mỗi gia đình mà quyết định kích thước của cái hầm như thế nào. Như gia đình chúng tôi gồm hai ông bà, nhà ông bác bảy người, cộng thêm ba anh em tôi là vừa một tá thì cái hầm cũng phải to cỡ gần một gian

nhà, ngoài số nước uống và lương thực thực phẩm dự trữ còn kê được hăn hai cái phản, để có thể ăn uống ngủ nghê luôn dưới đó. Sau khi đào sâu xuống đất khoảng hai mét, các bác tôi ngả mấy cây xoan và cả một bụi tre to đùng để làm xà, làm đà ngang và đổ lên một lớp đất dầy hơn một mét nữa để làm mái... Một cái hầm kiên cố, chắc chắn, tưởng đến vĩnh cửu như vậy nhưng hình như ông ngoại tôi không xuống một lần nào. Máy bay, đại bác ùng oàng suốt đêm ngày như thế, mà tôi thấy lúc nào ông cũng bình thản, đường hoàng, vẫn một tay chống gậy, một tay chắp sau lưng, đi khắp xóm thăm nhà nọ nhà kia, giúp người này người khác. Mấy luống hoa trong vườn được ông chăm sóc, tưới tắm, lúc nào cũng có hoa đẹp, và trong làng, mỗi khi có ai làm nhà mới thì bao giờ ông cũng được mời đến một cách long trọng để đặt cây tre nóc.

Có một điều lạ là ở một nơi đáng lẽ rất nguy hiểm như thế mà chẳng hiểu sao trong suốt mấy năm vẫn không có một quả bom, một viên đại bác nào rơi vào làng tôi. Trong khi đó thì những làng ở xung quanh và mở rộng ra là cả huyện, cả tỉnh..., không nhiều thì ít, làng nào cũng phải dính chút đỉnh bom đạn. Thế mới hay đạn bom không có mắt, nó muốn tránh, muốn không tránh chỗ nào mình cũng chẳng biết, còn mình có mắt, mình muốn tránh, muốn không tránh nó thế nào cũng chẳng được. Tuy nghĩ rằng trong chiến tranh, sự sống sót của con người chỉ là may mắn thôi chứ chẳng ai tài giỏi gì, xong tôi vẫn đồ rằng ông tôi có một linh tính nào đó chăng. Tôi nhớ, có lần ông bảo: "Ngày đánh nhau với Pháp cũng vậy. Nó đi càn xung quanh, càn khắp nơi, nhưng chẳng hiểu sao cứ đến bìa làng này thì nó lại quay ra..."

Ngày đó, trong nhà tôi, mỗi bữa cơm kiểu gì cũng phải có chút rượu cho ông ngoại. Trong số tám anh chị em (ba anh em tôi và năm anh chị nhà ông bác), chẳng hiểu vì sao mà tôi lại hay vinh dự ngồi hầu rượu ông nhất. Mỗi bữa ông chỉ uống có nửa cút rượu, nếu quy ra đơn vị bây giờ thì chắc là khoảng một chén nhỏ. Số rượu ấy được đựng trong một cái nậm bằng sứ với hình vẽ dựa theo tích Quan Vân Trường, Châu Sương và con ngựa Xích Thố trong truyện Tam Quốc làm trang trí rất đẹp. Một điều đặc biệt là những cái nậm ấy bao giờ cũng có cái cổ vừa cao vừa nhỏ để ai có muốn rót nhiều cũng không thể rót được. Ông ngoại tôi uống rượu bằng một cái chén hạt mít với đồ nhắm hết sức đơn giản, nhúm lạc rang, quả trứng tráng hay có khi chỉ là mấy quả cà sống. Tôi rất thích được rót rượu cho ông, thích được thấy thứ nước trong vắt, thơm nồng, chảy thành dòng rất nhỏ, rất mảnh, nhỏ và mảnh đến thỉnh thoảng lại bị đứt ra từ miệng nậm xuống cái

chén nhỏ xíu... và lại càng thích hơn khi thỉnh thoảng lại ông cho nếm một hớp nhỏ với câu nói rất chi "nối giáo cho giặc" là: "uống đi, thanh niên...", mặc dù còn lâu tôi mới đến tuổi thanh niên.

Tất nhiên, sau này tôi còn có nhiều cơ hội để biết đến rượu chè. Nam vô tửu như cờ vô phong mà. Nhưng những lần được ngồi uống rượu với ông ngoại vẫn làm tôi nhớ nhất. Và có lẽ nhờ ảnh hưởng ở cách uống khoan thai, thanh thản... như tiên của ông mà tôi tránh được những trận say đáng ra phải rất là say tại những cuộc nhậu nhẹt thường xuyên trong đơn vị (khi tôi còn trong lính) hay ở công trường (khi đã đi làm) đáng ra không nên thường xuyên đến thế. Trong các cuộc nhậu như thế, nhiều lần bạn bè đã bí tỷ tưởng đến phải bò ra, thì thật may tôi vẫn còn giữ được tỉnh táo để giải quyết mọi việc có thể xảy ra, được vậy là nhờ có... ông.

Mặc dù tôi mới chỉ uống ở mức "cho có khái niệm" như vậy nhưng Hiên vẫn không thích. "Một giọt cũng không... Không rượu chè gì cả. Xem xung quanh bao nhiêu người đang sắp chết vì rượu kia mà anh không biết sợ hay sao?" Hiên vẫn bảo với tôi như thế với một giọng rất đe nẹt. Có thể những lời "cảnh cáo" ấy đối với một người rất "chừng mực" như tôi là hơi thừa, hơi quá. Nhưng xét ra thì sự cẩn trọng của Hiên cũng không phải hoàn toàn là không có lý. Mấy năm gần đây, trong cái khu phố nhỏ bé này của chúng tôi đã có đến mấy trường hợp ra đi vì rượu rồi. Một ông bị ung thư gan, một ông bị chảy máu dạ dầy, một ông ung thư ruột già và mấy ông nữa hoặc đang nằm trong bệnh viện hoặc đang ở trung tâm cai nghiện với thể trạng rất đáng lo ngại. Thôi thì mình cứ cẩn thận trước, phòng bệnh hơn chữa bệnh, chứ để sự gì xảy ra rồi mời cuống cả kê thì đã muộn.

Cơ sở lý lẽ của Hiên như thế. Tôi cũng đồng ý. Nhưng thỉnh thoảng tôi lại vẫn cứ thích trêu Hiên bằng cách nói một cái gì đó có dính dáng đến rượu như trên kia. Bao giờ Hiên cũng lừ mắt. Cái nhìn ấy thật hay là đùa, hiểu như thế nào là do tôi hoàn toàn quyết định. Nó sẽ là chỉ là đùa thôi, nếu ngay sau đấy tôi cười cười, lảng đảng: "đùa tí mà, rượu chè gì giờ này". Còn nếu như tôi có ý định mang rượu về thật thì cái nhìn ấy lại là báo hiệu của một cơn giông tố khủng khiếp.

Tất nhiên là tôi chẳng muốn giông tố khủng khiếp nổi lên làm gì. Bình thường đã không mà vào một ngày mưa gió, hàng hóa ứ đọng như thế này thì lại càng không nữa. Vì thế mà tôi cười và nói với Hiên: "Gớm! Đùa tí thôi. Mới có thế mà đã..." "Đã sao?" Hiên cũng cười và vui vẻ trở lại. Khi người ta thấy sự đe dọa, sự nguy hiểm đã hết thì người ta có thể vui vẻ, điều đó xét ra cũng chẳng có gì là lạ.

Xong vụ rượu, loay hoay, giải mãi vẫn không xong ô chữ, thấy hơi nản, tôi đứng lên đi đến bên Hiên và vừa ôm lấy vai vừa nói: "Có lẽ anh phải đi ra ngoài một tí đây". "Mưa gió thế này. Đi đâu?" Hiên hỏi lại, trong lúc đã kịp gỡ tay tôi ra. Thường thường, dẫu có biết chắc chắn là tôi đi đâu rồi thì Hiên vẫn cứ hỏi. Tôi nghĩ có lẽ tất cả phụ nữ trên đời này đều như vậy chăng? Cho là họ quan tâm đến mình một tí cũng được mà bảo họ chất vấn mình từng tí cũng chẳng sao, tùy từng người, từng lúc, từng nơi mà có thể nghĩ thế này thế nọ. "Em không nhớ hôm nay là Thứ Tư à? Thứ Tư nào mà anh chẳng phải đi". Tôi bảo Hiên. Tôi cũng chẳng để ý lắm đến thái độ của Hiên lúc ấy nên cũng chẳng biết là mình được quan tâm hay là bị chất vấn. Thực sự với tôi thế nào cũng được, quan tâm một chút hay chất vấn một chút cũng chẳng sao.

Thành phố của chúng tôi có khoảng gần hai nghìn người Việt. Một con số khá nhiều. Và cũng như ở những nơi có nhiều người Việt khác, ở đây người ta cũng thành lập rất nhiều hội đoàn. Có lần tôi đã ngồi đếm thử, nếu chỉ tính riêng những hội đoàn mà cái tên có gắn với hai chữ "trung tâm..." thì cũng phải có đến năm hay sáu cái "trung tâm".

Một trong những "trung tâm" mà tôi hay đến có cái tên rất chung chung là "Trung Tâm Việt Nam". Đây là một cơ sở có địa điểm cố định và sinh hoạt đều đặn nhất do mấy anh chị sinh viên cũ thành lập từ rất lâu rồi. Thời gian đầu, lúc chúng tôi mới đến, thấy ở đây cũng có khá nhiều sách báo, băng đĩa cũng như các trò chơi giải trí. Nhưng cũng như ở những nơi khác có nhiều bà con mình, dần dần rồi số sách báo, băng đĩa này cũng hao hụt đi đâu hết cả. Những thứ còn lại thì mất phẩm chất. Sách báo không mất đầu mất đuôi thì cũng bị rút ruột rút lõi, cứ đến chỗ gay cấn, hồi hộp, hấp dẫn nhất là bị xé, xem tức không thể tưởng tượng nổi. Băng đĩa thì rệu rã, mầu không ra mầu, tiếng không ra tiếng, hình ảnh nhảy loạn xạ. Ngay cái bộ cờ tướng rất ít người chơi vậy mà cũng bị thiếu, lúc thiếu con tướng, lúc thiếu con xe, con pháo. Tôi nhớ, cứ liên tục phải thay mấy con bị mất này bằng những cái nút chai nước ngọt, nước khoáng hoặc đơn giản chỉ là que diêm hay mẩu giấy, mẩu bìa xé ra từ đâu đó...

Hiên đồng ý để tôi đến sinh hoạt ở "trung tâm Việt Nam" vì một trong những điều nội quy khá rõ ràng, rành mạch là ở đây là không được uống hoặc mang bất cứ chất gì có men tới. Đến nhẹ như bia cũng không được. Nhưng cả Hiên, và cả chính bản thân tôi nữa cũng chẳng biết là tôi đến trung tâm nhằm mục đích gì. Không phải vì bia rượu, sách vở, báo chí, vì các loại trò chơi rồi. Chắc chắn vậy. Cũng chẳng phải vì trò chuyện, giao lưu với

ai. Mặc dù thỉnh thoảng trung tâm cũng tổ chức những buổi gặp gỡ, giao lưu với người này người nọ hay nhóm này nhóm nọ. Nhưng rồi cuộc giao lưu nào cũng thấy cứ nhạt nhạt nhẽo nhẽo, gượng ép thế nào ấy và bao giờ cũng kết thúc khi chưa hết thời gian... Thì ra, nhiều khi người ta đến một nơi nào đó không phải vì một cái gì cụ thể mà vì thói quen. Tôi nghĩ thế, và cũng chẳng biết có đúng hay không nữa. Biết thế mà cũng chẳng thay đổi được. Cũng chẳng muốn thay đổi nữa. Mà dẫu có thay đổi thì cũng có đổi thay được cái gì đâu. Cuộc đời là vậy hay vẫn vậy chăng? Buồn cười thật. Mà cũng chẳng biết là có đúng buồn cười thật hay không?

Ở trung tâm..., tôi hay ngồi đánh cờ tướng và nói chuyện với Nhiệm. Nhiệm cùng tuổi tôi. Sinh cùng năm và có khi cùng tháng nữa cũng nên. Cùng tuổi, nghe đâu lại đồng hương, tức cùng một thị xã nữa, hay ngồi đánh cờ, hay nói chuyện, đáng lẽ phải thân nhau mới phải. Nhưng tôi với Nhiệm thì chỉ vậy vậy thôi, thân chẳng ra thân mà sơ cũng chẳng ra sơ. Gặp nhau thì nói chuyện, thì chơi, tưởng không nói, không chơi thì không được, nhưng không gặp thì thôi, chẳng thấy lưu luyến hay nhớ nhung gì.

Không đơn giản như tôi, Nhiệm thuộc tạng người hay cả nghĩ, và hay đặt những câu hỏi để chẳng những tôi mà ngay đến những bậc vĩ nhân cũng chẳng trả lời đến nơi đến chốn được. Chẳng hạn, Nhiệm hay hỏi tôi: "Ý nghĩa của cuộc đời này là gì? Người ta sinh ra trên đời này để làm gì?" Hoặc: "Thế nào là hạnh phúc, sung sướng? Con người ta phải làm thế nào để sung sướng, hạnh phúc?"

Có ý thức tìm kiếm như vậy, nhưng Nhiệm vẫn rất hay kêu chán. Không nói thì thôi, chứ đã nói là chỉ câu trước đến câu sau đã thấy kêu chán. Hôm Thứ Tư tuần trước, ngồi đánh cờ với tôi, Nhiệm tâm sự: "Ở đây buồn quá ông ạ. Có lẽ tôi phải về Việt Nam sinh sống thôi". Nhiệm kể là đã về Việt Nam tìm hiểu rồi và hiện đang rất phân vân không biết sống ở đâu. Hết phân vân là Hà Nội, Sài Gòn thì ầm ĩ, bụi bặm quá, Sa-pa, Đà Lạt thì yên ắng quá, lại đến lưỡng lự là không biết nên sống ở thành phố hẳn hay nông hẳn, hay là một vùng nửa quê nửa tỉnh, ở miền núi, ở trung du hay ở đồng bằng, ở ven biển..."Có lẽ tôi phải về quê thôi ông ạ..." - Nhiệm nói và kể tiếp cho tôi nghe về dự định của mình. Quê Nhiệm ở ngay bên bờ sông Hồng. Lần nghỉ phép gần đây Nhiệm đã về đấy và thấy một mảnh đất rất đẹp ở ngay bến đò. Có lẽ Nhiệm sẽ mua mảnh đất ấy, sẽ dựng một cái quán bán nước chè, bánh trái, hoa quả, hay làm một cái lều để cất vó, đánh cá, sống cuộc đời thanh thản.

"Thế nhưng cũng khó mà sống một cuộc đời thanh thản lắm ông ạ..."

Cũng hôm Thứ Tư tuần trước, Nhiệm lại nói thêm với tôi: "Dân cái vùng quê ấy, tôi biết, nếu mình cũng sống nhếch nhác, luộm thuộm, tùy tiện như chúng nó thì có khi chúng nó còn để yên. Còn nếu để hở cho chúng nó biết là có mình có ít tiền, cách sinh hoạt của mình khác thì khó lắm..."

Thú thật là khi nghe Nhiệm say sưa kể về những dự tính tôi cũng thấy mê. Nhất là dự tính với căn nhà nhỏ ven sông ấy thì lại càng hấp dẫn đối với tôi lắm. Tôi đã có ý định là khi gặp nhau thế nào cũng phải nói lên ý kiến của mình. Rằng chỉ riêng một chuyện ngày ngày được đứng nhìn dòng nước cuồn cuộn phù sa ấy trôi đi đối với tôi đã là cực kỳ thích thú, rằng nếu được đắm mình trong dòng nước ngọt mát ấy thì niềm hạnh phúc, sung sướng không biết có thể lấy cái gì để so sánh...

Mọi khi đến trung tâm, tôi chỉ khẽ đảo mắt cái là tìm thấy Nhiệm ngay. Cũng như tôi, Thứ Tư nào Nhiệm cũng đến và đến rất đúng giờ. Nhưng hôm nay thì lại khác. Tôi đã để ý tìm mãi mà vẫn chẳng thấy anh chàng này đâu. Tầng trên không thấy, tầng dưới không thấy, ngoài nhà, trong nhà đều không thấy, chẳng hiểu sao, đến cả trong mấy cái toilet, cả trong nhà bếp nữa cũng không thấy đâu.

Gần một giờ tìm kiếm và chờ đợi mãi vẫn không thấy Nhiệm đến tôi đã hơi buồn buồn. Mà tính ra, cũng phải lâu lắm rồi tôi mới thấy hơi buồn buồn vì sự thiếu vắng của một người. Rồi từ buồn chuyển thành lo. Một cách lo lắng, tôi chạy hỏi hết đám này đám kia rằng Nhiệm đâu, có ai biết Nhiệm ở đâu không, nhưng chẳng nhóm nào, chẳng ai biết Nhiệm ở đâu cả. Chỉ có mấy người hỏi lại: "Mọi khi vẫn thấy ông ấy chơi cờ với ông cơ mà, ông ấy ở đâu thì chính ông phải biết trước chúng tôi chứ?" Vặn vẹo nhau đến nước ấy thì tôi xin chịu.

Tìm mãi rồi cũng thấy một trong những ông trong ban chủ nhiệm của trung tâm. Tôi chạy như bổ lại phía anh ta: "Anh Hải! Anh có biết thằng thằng Nhiệm đâu không?" Anh Hải này hình như cũng là họ hàng hay đồng hương đồng khói gì đó với Nhiệm. Vốn cận thị nặng, nhìn mãi anh mới nhận ra tôi. Rồi với một động tác rất vụng về, anh lật đật kéo tôi vào phòng riêng, thì thào: "Tôi cũng vừa ở chỗ nó về đây... Tình hình nó nguy quá" .

Theo anh Hải thì cứ như lời Loan, vợ Nhiệm kể lại thì từ mấy hôm nay Nhiệm có những hành vi hết sức khó hiểu, suốt ngày cứ lầm lầm lỳ lỳ, chúi mặt chúi mũi vào cái máy tính, ai gọi cũng không thưa, hỏi gì cũng không thèm nói, đến bữa, cơm canh vợ con đã dọn hết ra bàn rồi mà vẫn không chịu ra mà ăn. Tới hôm qua, tức là Thứ Ba, Nhiệm nằm đắp chăn cả ngày trong phòng. Ai cũng nghĩ chắc là Nhiệm chỉ ngủ thôi, thức ba bốn ngày

liền, không ăn, không uống, không ngủ nghê gì, chắc phải ngủ bù thôi... Nhưng ngủ gì mà ngủ kinh thế, đến tận sáng, tận trưa nay vẫn không thấy dậy. Cũng không thấy ra đi toilet lần nào. Cuối cùng, nóng ruột quá, mọi người mới mở cửa vào xem ra sao thì thấy nằm bất tỉnh trên giường rồi, xung quanh là mấy hộp thuốc ngủ, hộp nào cũng sạch sành sanh. May mà sờ người hãy còn nóng và còn thoi thóp...

Anh Hải cũng cho tôi biết là mọi người đã gọi xe cấp cứu đưa Nhiệm vào bệnh viện, được nhận vào phòng đặc biệt rồi và lúc anh ở đấy về thì Nhiệm mới hơi tỉnh. "Cái thằng đến là ngu. Ngu không thể nào chịu được.." Anh nói, rồi thêm: "May phúc, có sống được rồi cũng thành tật. Thành lẩn thẩn mất thôi. Lại khổ vợ, khổ con, khổ mọi người". Anh hết than thở rồi lại thở than. "Mà nó có đến nỗi nào đâu, công ăn việc làm, vợ con, nhà cửa đàng hoàng, khối người mơ được như nó..."

Tôi xin anh Hải cái địa chỉ bệnh viện mà Nhiệm đang nằm. Khi được biết nó ở cách trung tâm... cũng không xa lắm, tôi bèn nhảy tầu điện đi đến ngay. Nhưng ở đó người ta không cho tôi vào, với lý do là Nhiệm vẫn còn mệt lắm, cần phải nằm nghỉ ngơi một cách yên tĩnh. "Cậu cứ về, chiều mai đến... có thể...", bà bác sỹ phụ trách mấy phòng này bảo tôi vậy.

Tôi thất thểu đi về, trong lòng thê thảm, buồn không thể tưởng tượng được. Ngang qua một quán cà phê, tôi bèn ghé vào. Nếu là người khác, vào lúc này chắc tôi đã gọi một cốc rượu mạnh, nhưng nhớ đến ánh mắt của Hiên, tôi đành dẹp ngay cái ý nghĩ ấy lại. Tôi chỉ gọi một cốc cà phê, bảo pha thật đặc. Mọi khi, mỗi khi đi uống cà phê tôi vẫn đi với Hiên hoặc một ai đó. Lâu lắm rồi tôi mới lại ngồi uống cà phê một mình như thế này. Ngoài kia vẫn mưa. Đất và trời đều ướt sũng, nhão nhoét.

Nguyễn Hoài Phương
Tháng Hai, 2006

Bài vở gửi cho Văn Học, xin quý văn thi hữu gửi qua email hoặc nếu gửi bằng bưu điện, xin đính kèm diskette, sử dụng bất cứ font chữ gì Việt gì, nhưng tốt nhất và tiện cho chúng tôi là font unicode Times New Roman.
Văn Học không đăng bất cứ bài nào phải đánh máy lại.
Văn Học

đảo rắn

TÀN TUYẾT

LƯU HỒNG SƠN dịch từ nguyên tác Trung văn

Lời người dịch: *Tàn Tuyết tên thật là Trịnh Tiểu Hoa. Người Lỗi Dương, tỉnh Hồ Nam, sinh ngày 30/5/1953 ở Trường Sa. Cùng thời với các nhà văn Mã Nguyên, Cách Phi, Mạc Ngôn, Tô Đồng, Dư Hoa... Cha Tàn Tuyết từng chủ nhiệm tờ Tân Hồ Nam, mẹ cô cũng từng làm báo và cả hai người đều là đảng viên Trung Cộng lâu năm. Năm 1957, khi Tàn Tuyết mới 4 tuổi, cha mẹ cô bị quy vào "hữu phái" phản đảng. Cha bị đưa đi lao động cải tạo, gia đình cô rơi vào cảnh cùng túng.*

Năm 1966, cuộc Cách Mạng Văn Hóa bắt đầu khi cô 13 tuổi, mang thân phận "con gái của phái hữu", nên mặc dù chưa tốt nghiệp tiểu học, Tàn Tuyết cũng phải bỏ ngang bởi không chịu nổi sự khinh thị của mọi người. Cũng từ đó, cô trở nên trầm lặng, ít nói, tìm niềm an ủi trong các tác phẩm kinh điển trong nước, phương Tây, và bắt đầu viết nhật kí. Ngoài môi trường sách vở thì bà nội của Tàn Tuyết cũng là người góp phần quan trọng vào việc hình thành phong cách nghệ thuật đặc biệt của cô sau này. Bà thường kể cho Tàn Tuyết những gì do chính bà viết và những câu chuyện rực rỡ màu sắc kì lạ.

Năm 17 tuổi, cô vào công xưởng học nghề tiện. Tám năm sau, Tàn Tuyết lập gia đình, hai người ra ở riêng, tự học may vá và trở thành thợ may nổi tiếng ở Trường Sa. Lúc rảnh rỗi, cô vẫn tập sáng tác tiểu thuyết, thơ ca. Năm 1983, Tàn Tuyết hoàn thành tác phẩm đầu tay "Chợ Hoàng Nê", nhưng khi ấy, cô chưa dám công bố. Rồi hai năm sau, lần đầu tiên cô đăng truyện ngắn "Bong bóng xà phòng trên dòng nước đen" trên tờ Tân Sáng Tác và Tàn Tuyết chính thức bước vào làng văn với truyện ngắn "Căn nhà nhỏ trên núi" năm 1985. Sau đó, hàng loạt tác phẩm của cô được đăng trên các tờ: Nhân Dân Văn Học, Phù Dung, Văn Học Nguyệt San, Trung

Quốc... *Và dần trở thành một tiểu thuyết gia hàng đầu trong "Tiên phong phái" của văn học Trung Quốc đương đại.*

Tàn Tuyết không chỉ gây ảnh hưởng trong nước, mà ngay từ cuối những năm 80, cái tên Tàn Tuyết đã rất quen thuộc với nhiều nước trên thế giới, như: Đài Loan (1987), Mỹ (1989), Nhật (1991), Ý (1991), Đức (1996), Pháp (2000), Anh... Theo thống kê, cô là nhà văn nữ của Trung Quốc được dịch ở nước ngoài nhiều nhất.

Cùng với hàng trăm tiểu thuyết (cả đoản thiên và trung thiên), Tàn Tuyết còn dành nhiều thời gian cho việc bình giải tác phẩm của các văn hào như: Lỗ Tấn, Franz Kafka, Dante, Borges, Goethe, Shakespeare... Và có lẽ, người có ảnh hưởng sâu sắc nhất, gần gũi nhất với cô là Kafka. Có người nói, muốn hiểu Tàn Tuyết, trước hết phải hiểu những nhà văn ấy, đặc biệt là Kafka.

Hầu hết tác phẩm của Tàn Tuyết là cuộc thâm nhập, khám phá tự ngã, thế giới tâm linh, thế giới của những xung đột nội tâm, sự cô đơn, sự sợ hãi, dục vọng... trong cõi tiềm thức, vô thức của con người. Tức là những yếu tố cơ bản nhất trong sáng tác của Tàn Tuyết và cũng là những cái, mà theo cô, văn học truyền thống Trung Quốc còn khuyết thiếu. Tuy vậy, thế giới huyễn tưởng trong tác phẩm Tàn Tuyết không hề thoát ly khỏi thế giới hiện thực bên ngoài, mà nó lại tràn đầy hơi thở của cuộc sống. Trong tác phẩm của Tàn Tuyết không có anh hùng, thánh nhân; cũng không có kẻ "đại gian, đại ác", mà thường là những con người cô đơn, bé nhỏ, bất hạnh. Thậm chí, cô còn nói, tác phẩm của mình là "hiện thực chủ nghĩa". Có điều, sự sáng tạo, kết cấu, hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm Tàn Tuyết không theo những quy tắc, khuôn mẫu thông thường, mà luôn luôn nỗ lực vượt lên để tạo ra sự đột biến nghệ thuật, làm cho những trường cảnh thường nhật trở nên kì lạ, hoang liêu, phi lí song lại có vẻ đẹp rực rỡ kì lạ, lay động tâm phách con người.

Về góc độ ngôn từ, các tác phẩm của Tàn Tuyết có vẻ như bình-giản, rất cô đọng nhưng chúng lại có những kết cấu hết sức kì lạ, như những giấc mơ, ảo ảnh và trùng trùng điệp điệp các tầng nghĩa. Như Nam Hoa Kinh, *như* Cỏ Dại, *như* Lâu Đài, *như* Thần Khúc... *Mỗi tác phẩm của Tàn Tuyết như một "công án" Thiền, một "mê hồn trận", một "bát trận đồ", mà người đọc rất khó "ngộ", không tìm thấy "cửa sinh", không tìm thấy lối ra nếu cứ lần theo sợi dây tư duy thông thường. Và do vậy, cũng dễ đi đến kết luận rằng tác giả của chúng là kẻ "nằm mơ giữa ban ngày", "tâm lý bị biến thái"...; còn những tác phẩm của tác giả này là "thế giới ma huyễn".*

*

Có thể nói, chú Ba là người thân duy nhất của tôi trên thế giới này. Mỗi khi nhớ đến cái xóm nhỏ ở nơi làng xưa quê cũ âm ám xa xôi ấy thì tôi không khỏi ớn lạnh xương sống. Cái làng nhỏ được gọi là "Đảo Rắn" ấy nằm trên một dải gò đồi. Lúc còn nhỏ, tôi cứ nghĩ không hiểu tại sao nơi này lại có tên là "Đảo Rắn", bởi một lẽ rắn chỗ chúng tôi đâu có nhiều nhặn gì hơn mấy chỗ khác. Có một anh chàng lớn hơn tôi nói rằng, mới đầu ở đây cũng lắm rắn, có khi trên một cây mà có đến mấy con treo lủng lẳng. Nhà chú Ba ở cuối làng, cách mọi người năm trăm thước, như là giận dỗi gì đó, căn nhà ấy được cất bên cạnh đồng lúa. Thuở đó chú Ba thường gánh một gánh củ cải vỏ đỏ ruột trắng đi bán ở tuốt tận thị trấn, thường sáng đi thì tới gần nửa đêm mới về. Chỗ chúng tôi nghèo nàn kinh khủng, nghe nói đất đai không tốt, mùa màng lại thường thất bát, bởi vậy cho nên cứ đến mùa đông là cả làng phải húp cháo khoai mãi đến khi có lúa mới. Đã hơn 30 năm tôi chưa về quê, ngay cả khi cha mất cũng vậy. Mẹ mất sớm, tôi là con một trong nhà. Cha được chú Ba chôn cất, khi đó chú có gửi thư báo tin cho tôi biết, chữ nghĩa nguệch ngoạc, đại ý là việc tang ma đã xong xuôi cả rồi, tôi không cần phải về nữa. Trong thư có một câu khiến tôi nhớ mãi: "Quê hương này, càng sớm quên đi thì càng tốt". Chú Ba tuy là một nông dân nhưng trình độ văn hóa lại khá cao, được mọi người gọi là "tú tài". Trong nhiều năm tôi cảm thấy buồn rầu tự vấn: Sao tôi đã ra đi hơn 30 năm rồi mà chẳng có người làng nào (kể cả ông già tôi) đến thăm tôi lấy một lần? Đường sá xa xôi là một lẽ, nhưng không xa đến độ không đi nổi, nếu bắt xe lửa thì cỡ chừng hơn một ngày là đến chứ mấy. Nghĩ lại, họ cũng chẳng khác chi tôi, cũng thuộc huyết thống của "Đảo Rắn" cả mà. Khi còn sống cha viết thư cho tôi, nói rằng cuộc sống ở quê giờ đã khá hơn nhiều rồi, không còn ai bị đói, bọn thanh niên chạy tứ tán khắp nơi. Ông không có ý biểu tôi về coi thử, mà lại cho hay rằng nhà tôi đã bị nước lũ kéo sập mất một gian, nếu tôi về thì không có chỗ ở, chỉ còn nước sang nhà chú Ba mà tá túc. Có vẻ như ông đang chủ động tìm lí do không trở về của tôi, nhưng giọng điệu lại không hoàn toàn như vậy. Có lẽ ông và chú Ba cố giữ một cái gì đó chăng? Là cái gì nhỉ? Sau khi cha tôi mất, chẳng còn ai thư từ kể cho tôi nghe chuyện quê nữa, cho nên từ đó tôi cũng mất luôn liên lạc với quê hương mình. Tôi biết chú Ba vẫn còn sống, chú ấy nhỏ hơn cha tôi hai mươi tuổi, mà người cũng chẳng có bệnh tật gì.

Số phận thường trêu đùa người ta. Đang khi tôi sắp loại bỏ hình bóng quê hương ra khỏi bộ nhớ của mình, thì một hôm (tôi còn nhớ, đó là ngày

sinh nhật của tôi), sếp gọi tôi lên phòng làm việc.

"Gần đây cậu làm việc không được hăng hái lắm". Ông nói, tay chỉ cái ghế ra hiệu cho tôi ngồi đối diện.

"Có chỗ nào làm không tốt, rất mong ông chỉ bảo cho".

"Thật ra cũng chẳng có chuyện gì to tát lắm đâu. Chỉ là, tôi nghe nói đã 30 năm nay cậu chưa về quê phải không? Nghe mọi người nói, tôi cảm thấy thật là xấu hổ, tôi chưa thực sự quan tâm đến anh em, chả trách cậu làm việc mà tinh thần không cao. Bây giờ tôi quyết định (ra quyết định này không phải dễ, vì hiện công ty đang bận rộn), cho cậu nghỉ phép nửa tháng để cậu về thăm cha".

"Cha tôi mất lâu rồi".

"Thật vậy sao? Chuyện lớn như vậy mà cậu không cho tôi biết, tôi nói cậu nghe nhé, cậu là người trung thực thật thà, tôi có thể biết trước đây cậu đã gánh chịu nhiều đau khổ. Đã như vậy thì cậu càng nên về quê một chuyến, về mà thăm viếng mộ phần người cha đáng thương của cậu, an ủi ông cụ. Ngày mai cậu nên lên đường".

Tuy trong lòng tôi không vui vẻ gì nhưng cũng chỉ đành theo chỉ thị của sếp. Tôi trở thành một người bất đắc dĩ phải về quê. Nhưng diện mạo quê nhà bây giờ đã hoàn toàn thay đổi, lạ đến nỗi dù tôi cố gắng lục lọi trong kí ức của mình như thế nào, dù tôi cố căng mắt mà quan sát cảnh vật ra sao cũng không nhận ra quê xưa nữa. Xuống xe, tôi muốn tìm ra con đường núi thông với làng tôi, con đường đá trứng ngỗng quanh co thiên thẹo mà từ ấu thơ cho đến tuổi thiếu niên, tôi đã đi qua không biết bao nhiêu lần. Nhưng nó đâu rồi? Cả ngọn núi không thấy nữa. Giữa cánh đồng bát ngát có một dãy nhà mái bằng tường vách sặc sỡ đến hoa cả mắt. Chung quanh các ngôi nhà rất ít cây cối. Tôi ngờ rằng mình đi nhầm chỗ, bèn hỏi thăm một một chị nông dân.

"Đảo Rắn à?". Cô ta nhướng mắt, nói bằng giọng địa phương: "Đây chứ mô".

"Ở đâu?"

"Khắp nơi đều là nó. Anh muốn tìm ai?"

"Tôi tìm chú Ba của tôi".

"Anh là Từ Lương Gia hả? Anh chưa chết sao?"

"Tôi? Chết á?"

"Ngoài đầu làng có mộ của anh đấy. Thật không ngờ anh lại trở về".

Cô ta sấn đến, lấy hai ngón tay cào cào lên lưng tôi, dường như là để kiểm tra xem bên trong bộ quần áo kia có người không vậy, rồi cô lẩm bẩm:

"Thật không ngờ, thật là không ngờ". Bỗng nhiên cô ta rời khỏi tôi, co giò chạy tuốt. Bóng cô lấp loáng lấp loáng giữa đồng lúa, nhưng cô không chạy về phía những ngôi nhà mái bằng mà mất hút sau mấy căn nhà nọ.

Tôi theo con đường duy nhất dẫn vào làng. Căn nhà đầu tiên là một túp lều tranh hai gian rách nát tồi tàn, tôi nghi chắc bên trong không có người ở, liền đi qua luôn. Tôi dừng lại trước cổng của căn nhà thứ ba, thấy hai đứa bé gái khoảng bảy, tám tuổi đang bện dép cỏ ở trước cổng, tôi đoán đây chắc là mấy đứa hàng cháu chắt. Bọn chúng chẳng hề quan tâm đến người khách lạ, tôi đành trơ mặt ra mà hỏi chúng: "Trong nhà có ai không? Chú muốn tìm người". Cuối cùng, một đứa gầy còm cũng ngẩng mặt lên, nhưng nó lại nói: "Xéo đi".

Tôi đành chuyển sang gõ cửa căn nhà thứ tư, nhưng nhà này không chốt cửa, tôi vừa gõ thì cửa bị gió đẩy ra. Trong nhà chả có đồ đạc gì. Trên giường một ông lão đang ngủ, mái tóc dài trắng như tuyết nổi bật lên giữa căn nhà tăm tối. Tôi thật sự ngạc nhiên, sao ông cụ này lại phong nhã như vậy, lại còn để tóc dài nữa.

"Ông ơi, ông ơi! Cháu muốn tìm Từ Tam Bảo".

Ông lão vặn vẹo mấy cái trên giường rồi ra hiệu cho tôi đến trước mặt.

Tôi phát hiện, ông đang bị bệnh, ngực nhấp nhô ho sù sụ, nước mắt nước mũi chảy cả ra.

"Tìm chú Ba hả?", ông cố khò khè nói, "hay lắm, rốt cuộc cũng có người tìm đến, thật không uổng công chú ta đã chờ đợi mấy năm nay. Hay lắm."

"Cháu là Từ Lương Gia mới về đây ạ!"

"Từ Lương Gia à, hay, không bao lâu nữa ta sẽ đến chỗ các người. Cháu, cháu tìm chú Ba hả, khó, khó lắm đấy."

Tôi nghĩ ông lão này hẳn là đã bị lú lẫn mất rồi, nếu cứ trì hoãn thì chỉ tổ thêm tốn thì giờ mà thôi, tôi liền bỏ đi, tiếp tục đi tới trước hỏi thăm. Qua mấy nhà, tôi thấy một người đàn ông trung niên đang phơi đậu xanh ở sân. Nhìn mặt ông cũng chẳng thấy quen tí nào.

"Xin hỏi nhà của chú Ba tôi ở đâu ạ?"

"A, Từ Lương Gia! Đây là sự thực ư!"

"Có ai đó nói cho ông biết là tôi mới về à?"

"Đúng, đúng, rất vui mừng vì cậu đã quay về, tin cậu về đã lan ra khắp làng rồi". Ông khoa tay vẽ một vòng tròn lớn.

Nhưng ông ta hoàn toàn không có ý mời tôi vào nhà, mà cứ đứng ngoài

cửa nói chuyện với tôi. Tôi thấy trong nhà có một cái đầu đàn bà lúc lắc, ra chính là chị nông dân mà tôi đã gặp giữa đồng ban nãy. Tôi lại gặng hỏi nhà chú Ba ở đâu, người đàn ông trung niên lộ ra vẻ khó chịu, nói lung ta lung tung một hồi rồi cuối cùng mới cho tôi biết rằng, chú Ba không có ở nhà nữa, bây giờ thì mọi người đã quen rồi, chỉ có tôi là chưa được rõ lắm. "Thực ra đó là chuyện của nhiều năm về trước". Lúc ông nói, vẻ mặt hiện ra vẻ tang thương sầu thảm lắm.

"Vậy còn chú ấy ở đâu?". Tôi hỏi.

"Quan niệm về cái làng này trong đầu cậu bây giờ nên thay đổi đi thôi. Thử lấy một ví dụ nhé, khi nãy cậu vào làng có thấy chó không? Không nhé. Cậu hỏi chú cậu bây giờ ở đâu, câu hỏi này chỉ có những người không biết gì về tình hình ở làng này mới đặt ra. Thế ngoài cái làng này ra, cậu còn có thể đi đâu?"

"Vậy bây giờ chú ấy đang ở đâu?". Tôi nhẫn nại hỏi thêm một lần nữa.

"Cậu sắp gặp anh ta rồi đấy!". Ông ta giận dỗi nói, rồi bỏ vào nhà.

Tôi lại hỏi thăm thêm mấy nhà nữa, nhưng mấy người đó, nếu không sốt ruột thì cũng trả lời nhăng nhít cả. Tôi xách hành lí lên, bây giờ thì mệt đứ đừ đi rồi. Chợt nhớ chuyện cái mộ của mình ở đầu làng, tôi lại cắn răng đi về phía đó. Tôi quăng hành lí dưới gốc cây long não khô nhằng, ngồi trên tảng đá nghỉ sức. Nhìn về phía trước, chỗ nối tiếp với đồng lúa thành một dải ấy, có rất nhiều ngôi mộ nhô lên, nhưng những cái mộ chẳng cái nào có bia minh gì sất, làm sao tôi có thể nhận ra được đâu là mộ mình trong đó đây? Sợ rằng, ngay cả mộ của cha, tôi cũng không có cách nào mà lần cho ra. Tuy đầu nghĩ vậy, nhưng chân vẫn bước vào giữa bãi tha ma. Tất cả mồ mả ở đây gần như cùng một khuôn một dạng, rất khó mà nhận dạng, trong số đó lại có những cái há to miệng, bên cạnh là xương người khô vung vãi. Đây không phải là chỗ có thể ở lâu vì âm khí nặng nề, bởi vậy tôi vội vã bỏ đi. Lúc này tôi đã quyết rằng: "chuyện cái mộ của tôi ở đầu làng là do chị nông dân hoàn toàn bịa đặt ra. Vậy đây chẳng phải là Đảo Rắn hay sao? Nếu không phải, thì tại sao hai người ban nãy lại biết rằng tôi là ai? Tôi không thể bỏ cuộc giữa chừng, tôi phải đợi trong làng này, tới chừng chú Ba xuất hiện mới thôi." Tôi mở túi du lịch lấy nước suối và lạp xưởng ra ăn, đầu óc nghĩ ngợi lung tung.

Tôi lại vào làng hỏi thăm kĩ lưỡng một lần nữa, nhớ lại chuyện đại tai họa mà người đàn ông trung niên nói. Khung cảnh xung quanh đây không gợi lại cho tôi một chút gì để có thể nhận ra cố hương của mình, tôi chắc

là mình đã đi đến một làng khác, nhưng tại sao người trong làng này đều nhận ra tôi? Chẳng lẽ chuyện xảy ra đại tai họa kia là có thật sao? Nếu đúng vậy thì lịch sử Đảo Rắn của chúng tôi đã bị chôn vùi dưới đáy mấy cái mồ ngổn ngang kia à? Tôi tính vào làng hỏi thăm từng nhà một, phải hỏi cho đến nơi đến chốn. Chuyến này tôi về quê, còn phải gánh nhiệm vụ sửa sang mồ mả cho cha mẹ, nếu ngay cả việc này cũng không hoàn thành, thì làm sao ăn nói với sếp đây? Lấy lại chút hơi sức, tôi tiến vào một ngôi nhà có những bức tường màu vàng, để hành lí ở cổng rồi rướn cổ ngó vào bên trong. Bỗng có người từ sau lưng vỗ vai tôi.

"Ha ha! Đúng là cậu! Đúng là trên thế gian này không có chuyện kì lạ nào mà không thể xảy ra. Thú vị, thật thú vị. Tôi là người không tin ma qui. Tục nói như thế nào nhỉ? A, đúng rồi, là "Biết rõ trên núi có hổ nhưng vẫn cứ lên núi", cậu đã tìm đúng người rồi đấy!"

Đó là một ông già để chòm râu màu xám. Ông ta cũng là người mà tôi không quen biết tí gì. Nhưng tôi không sắp sẵn câu hỏi để "chất vấn" ông. Ông ngồi trên cái ghế đá giữa sân, ra hiệu cho tôi đến ngồi bên cạnh. Lát sau có một cô gái trẻ đi ra, có lẽ là con gái hay con dâu của ông, cô gái hỏi ông rằng, khách có ăn cơm ở nhà mình hay không. Ông trợn mắt giận dữ quát:

"Còn hỏi nữa hả? Chúng ta phải ăn một bữa cho ra trò để tối còn làm việc".

Cô gái nghe rồi đi vào.

Tôi bắt đầu quan sát khuôn mặt trước mắt mình, tôi nhìn đi nhìn lại, mà không lôi ra trong hồi ức mình được một cái gì. Ông già thấy tôi chăm chắm nhìn mình thì bật cười, lộ ra bộ răng vàng. Tôi không biết ông ta cười cái gì. Lúc này tôi cảm thấy cổ họng ngưa ngứa, đập mạnh một cái, chết dí hai con muỗi. Trong rãnh nước trước nhà, muỗi cả bầy. Tôi ngồi không yên bèn lôi trong túi ra cái khăn choàng kín cổ lại, còn hai tay thì cho vào túi áo, thế mà bọn muỗi vẫn tấn công xuyên qua cả lớp vải cơ chứ. Nhìn sang bên cạnh, thấy ông già ngồi bất động, hoàn toàn chẳng có cảm giác gì với bọn muỗi độc kia. Cô gái ban nãy lại đi ra đưa thuốc lá cho ông. Và ông bắt đầu hút.

Trên mặt tôi lại bị hai chỗ muỗi cắn, bây giờ thì tôi khó mà chịu đựng nổi và đành phải vô phép đứng dậy đi lại để xua muỗi. Đồng thời trong lòng tôi cũng tự nhủ rằng: Nhất định không nên hỏi lung tung để tránh làm ông lão giận dữ. Nhưng tôi không hỏi thì ông ta cũng không nói, thời gian trôi qua trong sự khó chịu. Ông lão hút thuốc xong, cuối cùng cũng lên tiếng:

"Từ Lương Gia, tôi nói cho cậu biết, cậu chỉ có thể gặp mặt chú cậu vào ban đêm thôi".

"Ông nói là gặp chú Ba tôi à?"

"Chớ còn ai vào đây nữa?!"

"Ông sẽ dẫn tôi đi chứ ạ?"

"Tất nhiên, tôi dẫn cậu đến nơi đó, sau đó tất cả là tùy ở cậu. Tôi không thể vào được, tôi đã thử không biết bao nhiêu lần, mà lần nào cũng bị đuổi ra. Có lần một gã bổ cho tôi một cuốc chia, trúng ngay thân cây, bây giờ trên cái cây ấy còn vết sẹo to như cái miệng bát, chính là cái cây long não mà cậu nhìn thấy khi nãy đấy".

"Những người đó là những người như thế nào?"

"Tôi nghĩ đại khái cũng như cậu vậy, trên mặt có ký hiệu. Vừa nãy tôi thấy cậu nhớ đến chuyện này. Bây giờ còn bao nhiêu người nhớ tới chuyện về quê nhỉ? Cũng là hạng người như cậu thôi".

Lời của ông ta làm tôi sởn gai ốc. Tôi mơ hồ cảm thấy rằng cái nơi mà ông lão muốn dẫn tôi đến là cái bãi tha ma ngổn ngang mồ mả đó, chẳng lẽ chú Ba của tôi lại ở một trong số những cái mộ kia hay sao? Tại sao những người ở đây lại xem tôi như một người đã chết nhỉ? Tôi còn đang nghĩ ngợi thì ông lão vỗ vai mời tôi vào phòng ăn. Vẻ tình cảm biểu hiện ở bên ngoài của ông ta rất thân mật khiến tôi cũng hơi yên tâm.

Khi đến bữa, anh con trai của gia đình này cũng tới, cậu ta gật đầu chào tôi, rồi lặng lẽ ngồi bên cạnh. Những người phụ nữ dọn bát đũa vào phòng ăn đi qua đi lại. Ngoài cô con dâu ra (không phải là con gái), còn có hai người đàn bà trung niên không rõ thân phận thế nào, hình như là thân thích nhà ông lão. Đồ ăn rất nhiều và được đựng trong những cái dĩa, tô rất lớn, hơi nóng nghi ngút, còn có cả rượu nữa. Thật khó mà nghĩ rằng ở cái nơi nghèo nàn này lại có thể được chén một bữa thịnh soạn như vậy. Anh con trai cứ cắm đầu cắm cổ ăn, hai người đàn bà trung niên thì có vẻ rất căng thẳng và cứ nhìn tôi chằm chặp, họ chẳng ăn uống gì. Ông lão lớn tiếng kêu tôi uống rượu, đó là một loại rượu của nhà nông vị hơi đăng đắng, uống được hai cốc đầu óc tôi choáng váng, nhưng ông lão không tha cho tôi, vừa giục uống tiếp vừa gắp thịt vịt trời vào cái dĩa đặt trước mặt tôi, thức ăn trong dĩa đã đầy ụ lên rồi. Tôi luôn miệng nói: "Ay, nhiều quá rồi ạ, nhiều quá rồi ạ..." rồi lại uống một ly nữa, chỉ cảm thấy trời nghiêng đất ngửa, rồi thì mơ mơ màng màng, tiếng của ông lão như từ nơi xa xăm vọng đến: "Tráng sĩ một đi không trở lại hề".

Lúc tôi tỉnh lại, thấy mình vẫn nằm trên bàn ăn với những cốc chén

bừa bộn, nhưng những người khác thì đi đâu cả rồi. Ngó ra bên ngoài, trời đã tối, rõ ràng tôi chỉ có thể trú ngụ trong làng thôi. Tôi đứng dậy đi một vòng quanh nhà, qua mỗi phòng đều đừng lại ngắm nghía một tí, không một ai hay biết gì cả. Lúc này tôi thấy cái túi hành lý của tôi được họ đặt lên trên ghế. Trong nhà bếp dế gáy re re không ngừng. Tôi nghĩ, lòng tốt của những người trong nhà này đối với khách thì chẳng có gì đáng nghi ngờ rồi, nhưng mà họ có cái gì đó hơi quái quái, nhưng dù sao đêm nay tôi cũng chỉ có đường ở lại nhà của họ. Tôi tính vậy, rồi đi ra ngoài sân. Dưới ánh trăng, phía trước chẳng có gì ngoài cánh đồng mênh mông. Cả làng đều đã chìm trong giấc ngủ. Trên phiến đá giữa sân mà ban ngày tôi đã nhìn thấy, có một người đang ngồi đó, tôi đến gần, ra là ông lão.

"Cậu đành phải tự mình đi thôi, tôi không thể giúp cậu. Khi nãy tôi mượn rượu để cố mà đi một chuyến, thế mà tự dưng lại ngã què cả chân đây này! Ái da, ui da".

Ông lão cong người xuống kêu rên một cách đau đớn.

Tôi không biết làm thế nào, cũng không biết ông có bị gãy chân hay không. Tôi hỏi con cái của ông ở đâu, có cần tôi đi gọi họ đến hay không, ông lão xua tay lia lịa nói: "Ay, không cần, không cần đâu". Ông lại rên rĩ một hồi, rồi như bình thường trở lại, nói:

"Con trai tôi trẻ người non dạ, nó còn đang hăng máu đánh nhau với bọn họ bên kia kìa. Mấy thằng cha ấy thì đứa nào cũng vác cuốc cầm chĩa, còn hai cha con tôi chẳng mang gì ngoài hai tay không. Vũ khí của chú Ba nhà cậu là một lưỡi hái to tổ bố, nội nhìn thấy nó không là tôi đã chạy trối chết rồi. Hỏi cậu, cái thân già này làm sao mà cự nổi với anh ta chứ? Cậu nghe kìa, thằng con trai tôi quay về đấy, cái thằng nhãi này rồi chả làm nên trò trống gì đâu, chỉ làm cho tôi tức lộn ruột lên thôi!"

Bên ngoài vang lên tiếng bước chân vội vã, người đó đi vòng ra phòng ở phía sau.

"Nó ngại đi vào cửa chính vì xấu hổ".

"Ông nói chú Ba tôi vác lưỡi hái à?"

"Đúng thế, anh ta đang ở bên đó, chỗ mà ban ngày cậu đi qua ấy. Tôi nghĩ anh ta sẽ không làm cậu bị thương đâu. Bây giờ cậu thử đi thử vận may xem sao".

Khi tôi đến, bãi tha ma lặng ngắt như tờ, cái cây long não mà tôi định lấy làm mốc xác định phương hướng cũng chả thấy đâu nữa. Tôi nghĩ, mình cứ đứng ì ra đây, thể nào chú Ba cũng đến tìm. Tôi đưa mắt quan sát, những gò mộ nhấp nhô như đàn trâu dưới ánh trăng. Nhớ lại lời kể ban nãy của

ông lão về cuộc vật lộn ở cái bãi đó, tôi không dám tiến về phía trước. Tôi ngồi ở bãi tha ma rất lâu, nhưng không thấy chuyện gì xảy ra. Chẳng lẽ ông lão ấy nói quàng nói xiên sao? Nghĩ lại thì không phải vậy. Thôi hãy cứ tiếp tục chờ đợi, đã sắp nửa đêm rồi. Tôi cứ ngồi trên tảng đá một lúc, lại đứng lên đi lại một lúc. Xóm làng trong mắt tôi trở nên thật hư ảo, những mái ngói xộc xệch thấp cao, những bức tường lòe loẹt màu sắc, dưới ánh sao đã mất đâu cái vẻ phô trương thô tục lúc ban ngày, bây giờ lộ bày ra cái vẻ bên trong cổ lỗ sĩ không thể tả nổi. Tôi chợt nghĩ, có lẽ người mà tôi tìm kiếm hoàn toàn không phải là chú Ba (rất có thể chú ấy đã chết từ đời tám hoánh nào rồi). Nhưng còn cái ông lão kì quái kia, anh con trai khó gần của ông, rồi chị con dâu, hai người đàn bà trung niên, thêm ông cụ tâm thần mà tôi đã gặp ở căn nhà thứ tư, chị nông dân mà tôi gặp đầu tiên và sau đó là chồng cô ta, thậm chí kể cả hai đứa bé gái mà tôi đã "đụng đầu", không lẽ bọn họ và tôi ở trong hai thế giới khác nhau à? Hay tôi không hiểu được chính mình? Trong mắt của những người ở đây, chẳng phải rằng tôi là kẻ đã chết sao? Người ta cần gì phải thân thiện với một con ma nhỉ? Phải chăng họ nghĩ rằng cách duy nhất để đối phó với một con ma như tôi là tẩy chay? Có tiếng chó sủa ở một nơi nào đó, mà nơi đó chắc phải cách đây xa lắm, dường như có cả bầy chó cùng sủa lên một lượt, tôi cảm thấy âm thanh ấy rất rõ, đó chính là tiếng chó sủa trong kí ức thời thơ ấu của tôi. Vậy thì tôi đã đến nhầm chỗ mất rồi, đây không phải là cố hương mà chỉ là một cạm bẫy bên cạnh cố hương mà thôi. Nhưng tôi cũng đành phải tạm ở đây qua một đêm, sau đó tiếp tục đi tìm làng của mình. Sau khi đã quyết định như vậy, tôi đi về phía nhà ông lão.

Khi tôi về đến nơi, thấy cửa rả đã đóng hết, chắc mọi người đều ngủ say cả rồi. Tôi vòng sang bên phòng ngủ gõ cửa sổ, gõ mãi mà cũng chả nghe bên trong có động tĩnh gì. "Họ đóng cánh cửa trước mặt tôi rồi", tôi buồn rầu tự nói với mình như vậy. Tôi ngồi ngủ gà ngủ gật trên cái ghế đá giữa sân, đầu tựa vào một thân cây khô bên cạnh, trong lòng buồn rầu nghĩ: "Sao ở nơi này, cả đến cái cây cũng không sống nổi thế nhỉ?" và tâm trạng trở nên thảm đạm chán chường. Tuy nhắm mắt nhưng tôi vẫn trông thấy những ngôi sao lớn trên bầu trời và nghe được cả tiếng chó sủa ngậu xị ở một nơi rất xa. Vì tư thế không thuận nên tôi khó ngủ và rất khó chịu. Khoảng nửa đêm về sáng, cửa phòng "kẹt" một tiếng rồi mở to. Tôi thấy hai cha con, một trước một sau chạy ra ngoài, sau khi họ đi. Cửa vẫn mở, thế là tôi thừa cơ lẻn vào nhà lăn ra cái đi văng gỗ giữa nhà. Cái đi văng ngắn quá, tôi đành co hai chân lên và cầu nguyện rằng mình sẽ đánh được

một giấc ngon lành trước khi hai người kia quay lại. Đã mệt lử rồi. Tôi mơ màng thấy ánh đèn chiếu sáng rõ khắp nhà, rồi những người đàn bà đang nấu nước mài dao rầm rập trong bếp. Mấy lần tôi muốn giãy lên cho tỉnh lại mà không được. Cuối cùng những người đàn bà cũng phát hiện ra sự có mặt của tôi, ba người bọn họ đứng quanh cái đi văng câm lặng nhìn. Tôi đành ngồi dậy, bọn họ vẫn chẳng nói gì, chỉ giơ những bộ mặt buồn thảm như đưa đám ra mà nhìn tôi.

"Ông nhà vẫn chưa về sao?". Tôi lên tiếng.

"Làm sao ông lại ở trong này?". Giọng cả ba người cùng kéo ra một lượt.

Tôi thấy họ rất thất vọng về tôi bởi một chuyện gì đó, vì vậy cho nên họ rất oán giận tôi. Đáng lẽ tôi không nên ở trong nhà của họ, đáng lẽ tôi phải đi cùng với ông già và anh con trai đến bãi tha ma mà quyết đấu kia, đó là điều mà họ mong muốn. Bây giờ mà tôi đuổi theo họ thì hãy còn kịp. Đúng vậy, làm sao tôi có thể vứt bỏ nhiệm vụ của mình ở đây? Nếu tôi không tìm ra được chú Ba thì khi sếp hỏi, tôi biết ăn nói làm sao và hẳn là ấn tượng của tôi trong mắt sếp cũng tiêu luôn. Tôi đứng lên chạy ra cửa, ba người đàn bà thở phào, xì xào bình phẩm: "Kể ra anh ta cũng còn có trách nhiệm."

Bên ngoài không tối lắm, có lẽ trời sắp sáng. Tôi ngoái lại nhìn căn nhà nhỏ, bên trong đèn đuốc sáng choang, không biết những người đàn bà kia đang bận rộn cái gì. Khi tôi đang vội vàng chạy đến bãi tha ma thì ông già và anh con trai đang nằm rên rỉ dưới đất. Ông lão thấy tôi cúi xuống thì vẫy tay nói:

"Bên đó đó, cậu đi về bên đó đi, cậu với họ là một cánh. Tôi không cản nổi bọn ấy, thằng con tôi cũng vậy."

"Bên đó đâu có cái gì, sao ông theo bọn họ đi, cớ gì cứ phải tự mua khổ vào thân như thế?"

Ông già nghe tôi nói vậy, ngừng rên, cười nhạt nói:

"Chúng tôi không phục, mà ai dám chắc lần nào họ cũng thắng? Cậu mở mắt ra mà nhìn cho kĩ đi, chú Ba nhà cậu không ở đó là gì? Nhìn kìa, anh ta lên chỗ đám rau rồi. Ê, cha nội kia cháu của cha ở đây này! Tiếng gọi này linh thật, lão ta trốn mất rồi".

Giữa khi ông già nói, anh con trai lẳng lặng đứng dậy đi về nhà không nói tiếng nào. Lúc này ông già đề nghị ông và tôi cùng đi đến bãi tha ma để cho tôi xem mộ của mình. Tôi vui vẻ đồng ý. Tôi đỡ ông đi về phía những ngôi mộ nhấp nhô. Ông cao hứng nói rằng, ông cùng đi với tôi thì những

tên hung thần ác sát sẽ trốn hết. Ông vừa đi vừa hỏi tôi có thấy chú Ba hay không, tôi nói không thì ông rất thất vọng, trách tôi là không ráng nhìn. Ông già bảo tôi dừng lại trước cái huyệt bị đào bới, một hốc đen sì toang hoác há ra trước mặt tôi.

"Đây là mộ của tôi à?"

"Đúng, ai mà không biết chuyện này. Bên hông là mộ của chú Ba, phía sau là mộ của cha cậu. Cậu xem, sau khi chết mọi người vẫn ở cùng một chỗ như vậy, hay biết mấy."

Ông ngồi xuống đất, châm thuốc, bộ dạng chừng như vết thương trên người ông đã khỏi hết vậy. Tôi muốn nói với ông rằng tôi hoàn toàn chưa có chết, tôi là một người sống, không phải là một con ma, nhưng tôi lại không thể mở miệng. Biện bạch thì có tác dụng gì? Ông ta chỉ tin vào kinh nghiệm của bản thân ông mà thôi. Ông và cậu con trai của ông vừa bị dần một trận thất điên bát đảo, thế mà bây giờ ông đi cùng với tôi lại chẳng có chuyện gì xảy ra, vậy là sao? Nhưng tại sao bọn ma qui lại sợ tôi nhỉ?

"Tôi đang làm việc ở thành phố, hoàn toàn không biết chuyện có cái mộ của mình". Tôi thử gợi chuyện với ông.

"Ấy là vì cậu chưa trở về mà xem đấy thôi, về một chuyến thì rõ cả." Ông bình tĩnh nói. "Chú Ba nhà cậu là một gã ngang ngạnh, lần nào anh ta cũng phải đánh ngã tôi rồi mới chịu. Cậu để ý xem làng mình có khác gì với bên ngoài không?"

"Khác cái gì ạ?"

"Là thế này, cậu đứng lên nhìn thử. Nhìn rõ chưa? Người chết và người sống mỗi bên chiếm một nửa, lấy cây long não kia làm ranh giới. Chúng ta mỗi bên đều có một địa bàn riêng, mấy chục năm rồi, hai bên thường đánh nhau rùm beng. Như ban ngày cậu đã thấy đấy, trong làng này, ngay cả cây cối cũng không lớn nổi, hoa màu thì thất thu, đó là vì sự tranh giành địa bàn của người sống và người chết mà ra. Vừa rồi chúng tôi còn đánh nhau đến sứt đầu mẻ trán, tới chừng cậu đến, bọn họ hóa ra ngoan ngoãn, họ còn chưa quen với cái mùi vị trên người của cậu, nhưng cậu ở đây lâu rồi, thế nào họ cũng quen thôi. Thật không dễ đâu, lần này chúng tôi phải gọi điện cho cậu năm lần bảy lượt, cậu mới về đấy".

"Gọi điện cho tôi à?"

"Ừ, cậu không biết sao? Những cuộc gọi đều do sếp của cậu nghe cả, anh ấy là con trai thứ hai của tôi đấy."

Ông lão cười hì hì. Xóm làng trước mắt tôi bồng bềnh, trong những căn nhà nông dân đó, ẩn giấu bao nhiêu điều bí mật, chúng hòa vào biển

rộng của hư vô, như con thuyền đang trôi về phía tôi, như muốn đè bẹp tôi. Có lẽ không có chuyện nào là có thể thực sự mà quên được, không có chuyện nào. Tôi nhớ đến vị sếp đeo kính của tôi, rõ là anh ta rất giống cậu con trai cả trầm lặng của ông lão. Tôi là một đứa con của "Đảo Rắn" này. Thì ra mọi người chưa từng bao giờ quên tôi, thì ra không giây phút nào tôi không sống trong kí ức ban sơ của họ. Vậy cuối cùng ông lão trước mặt tôi là ai? Vì sao trong cả cái làng này chỉ có mình ông ấy ra đón tiếp tôi? Còn tôi, cả tên của ông ta cũng chưa hỏi đến nữa. Tôi ngồi bên mộ của mình nghĩ ngợi những chuyện như vậy, đêm dài dặc, kì quái đến khó tưởng, tôi đã mất khả năng nắm bắt tự thân. Ai biết ngày mai chuyện gì sẽ xảy ra. Nghĩ vậy, tôi không suy nghĩ gì nữa, tiếng gọi của anh con trai theo gió truyền đến tai ông già "Cha ơi, cha ơi...", âm thanh khàn đặc mà giận dữ, tuy không thấy rõ biểu hiện trên mặt ông lão như thế nào, nhưng tôi biết ông chẳng hề động lòng.

"Cậu tính xem, cậu đã rời làng này bao nhiêu năm rồi?"

"Tròn chặn 31 năm. Tôi cho rằng mình sẽ không thể trở về nữa. Mộ địa ở đây yên ắng quá!"

"Bọn họ trốn hết cả rồi, chắc là chưa quen với cậu. Vừa nãy ở đây náo nhiệt như một cái chợ lớn ấy. Mỗi đêm tôi đến đây để giết thời giờ, tôi với họ đánh nhau là chuyện thường, dù sao người già cũng ít ngủ, không giấu gì cậu cả năm nay tôi vẫn không ngủ được. Xem kìa, chú Ba nhà cậu lại đến rồi, coi bộ dạng anh ta có vẻ rất xấu hổ, thường bọn họ thấy người sống thì xấu hổ ngượng ngùng, nhưng cậu hoàn toàn không phải là người ngoài, cậu đâu khác gì bọn họ, đây là chuyện hơi lạ đấy. Ay, cậu đi đâu đấy? Cậu đừng chạy lung tung!"

Tôi chạy vòng quanh những cái mộ, tôi muốn tách khỏi ông già đi gặp chú Ba. Theo chủ quan của tôi thì vì ông già ngăn trở tầm nhìn nên tôi mới không thấy ông chú của tôi. Tôi chạy một hơi, mà mấy ngôi mộ ở đây vẫn im lìm, giữa trời là một màn sương mù mong mỏng, có mấy ngôi mộ chắc là mới đào, còn ngửi thấy cả mùi của đất. Lúc này, những ngôi mộ kia không khiến cho người ta cảm thấy tối tăm u ám, mà ngược lại còn khiến cho tôi cảm thấy rằng, chúng như một nơi cư ngụ. Và dù đã nhìn khắp bốn phương tám hướng, tôi vẫn chẳng thấy hồn ma bóng quế nào. Chỉ có một mình ông lão đứng đó lẻ loi, dường như đang nghiêng cổ lắng nghe một âm thanh nào đó. Tôi chạy quanh một vòng lớn đến cạnh ông, trong lòng chợt hiểu một chút sự tình. Tôi đột ngột hỏi ông:

"Ông chính là chú Ba của tôi phải không?"

"Bây giờ thì việc này đối với cậu chẳng còn quan trọng gì nữa, đúng không?"

Tôi nghĩ một lát rồi đáp: "Đúng vậy".

Đây là một đêm dài vô tận, tôi ngửi thấy mùi vị của đất mới, một thứ chán ngán ngấm ngầm từ trong xương tủy lan ra khắp cả người. Thời trẻ, chúng tôi cố sức túa ra bên ngoài, chạy rất xa, đến nơi của những người xa lạ. Cùng lúc đó, trên cánh đồng, quê nhà như làn khói mỏng lãng đãng, một loại diễn tiến không thể đảo ngược trở lại. Trải qua những biến cố như vậy, quê nhà đã hoàn toàn thay đổi rồi, cũng có thể là căn bản không có bản sắc gì, có chăng chỉ là ảo giác lãng quên thay đổi, dưới sự chi phối của ảo giác tôi, thì đương nhiên không thể nhận ra chú Ba. Nói cho cùng, có ai mà có thể nhận ra được những người, những chuyện mà mình đã quên hẳn chứ? Tôi nghĩ như vậy, hình bóng chú Ba trong mắt tôi lờ mờ, lắt lay và không ngừng thay đổi.

Tối hôm đó, trong phòng ngủ chật hẹp của chú Ba, mặc cho bọn muỗi quấy phá, tôi và ông bắt đầu cuộc trò chuyện thiên thu bất tận. Ngoài cửa sổ, trời tối đen, cậu con trai của chú Ba giận dỗi gào thét ngoài sân. Tôi không nhớ rõ là chúng tôi đã nói những gì, đó là thứ giao lưu tâm linh trực tiếp, nếu tập hợp lại thành câu cú thì quá nửa là những câu lộn xộn tào lao. Tuy đã qua sự đối xử chân thành cởi mở như vậy nhưng hình tượng của chú Ba trước đây cũng không hề tái hiện lại được một nét nào. Rồi dần dần cái tâm trạng tích đọng bao lâu nay ấy của tôi cũng nhạt phai dần. Ông lão kia bây giờ đã thành một bức chân dung loang lổ, một thứ cũ kĩ tàn tạ đến không tả.

Tàn Tuyết
Nguyên tác: "Xà Đảo"
Lưu Hồng Sơn dịch 9/2005

Tìm mua tác phẩm mới của
nhà thơ PHAN XUÂN SINH
Bơi trên dòng nước ngược
tạp văn
Sông Thu xuất bản, dày 206 trang, giá 12 Mỹ kim.
Liên lạc: Phan Xuân Sinh
121 Marlborough Rd, Salem MA 01970 USA
Phone: **(978) 745-2022**

toni-takitani

MURAKAMI HARUKI

Lời người dịch: *Truyện ngắn sau đây, đăng trên tạp chí Bungei Shunju tháng 06 năm 1990, là truyện thứ 5 "Toni-Takitani" trong tuyển tập "Rekishinton No Yurei - Bóng Ma ở Lexington - Lexington's Ghost", do nhà Bunshun Bunko xuất bản tháng 10 năm 1999.*

Đã được quay thành phim với đạo diễn Ichikawa Jun, tài tử Ogata Issey và Miyazawa Rie, năm 2004, đoạt 3 giải thưởng ở Liên Hoan Phim Ảnh Locarno lần thứ 57 (57th Locarno International Film Festival) tháng 8 năm 2004. Và được đề cử đi dự Liên Hoan Phim Ảnh Sundance 2005 (Sundance Film Festival 2005). Đạo diễn Ichikawa Jun phát biểu: "Cùng thế hệ với Murakami Haruki, tôi đã đọc tiểu thuyết của anh từ lúc anh khởi đầu nghiệp văn. Tôi đồng cảm với niềm cô độc và nỗi mất mát gợi nên từ văn chương của anh, đề tài đặc trưng của thế hệ của anh và tôi, vốn đã trải qua nhiệt tình hưng phấn của thời đại cuối những năm 60 và kết cuộc không thể tránh được của thời đại ấy. Tình cảnh trơ trọi cô lập ấy được lồng vào giọng văn có vẻ như kể chuyện ngụ ngôn của Haruki trong tác phẩm Toni-Takitani, một truyện ngắn đã được xuất bản hơn mười năm trước. Trong truyện nầy, nỗi niềm cô độc mất mát còn có phần di truyền, thừa kế qua các thế hệ, và con người không thể tự mình chữa khỏi được".

Toni-Takitani tên thật quả đúng là Toni-Takitani[1].

Tên trong sổ hộ tịch, tất nhiên ghi là Takitani Toni-, cùng với khuôn

mặt có những nét khắc thật sâu và mớ tóc cuộn ngắn, đã làm cho anh, thời con nít thường bị lầm là con lai. Nhằm vào thời kỳ Thế Chiến chấm dứt không bao lâu, thế gian nầy không thiếu những đứa trẻ mang nửa dòng máu lính Mỹ. Nhưng thực ra, cả bố lẫn mẹ anh đều là người Nhật thuần túy. Bố anh có tên là Takitani Shozaburo, từ trước Thế Chiến đã là một tay thổi kèn trombone nhạc Jazz khá nổi tiếng. Khoảng 4 năm trước khi xảy ra chiến tranh Thái Bình Dương, ông ta đã gây ra náo động vì gái đến phải bỏ Tokyo mà đi; lại nghĩ đã đi thì đi thật xa, do đấy mới sang tận Trung Quốc. Thời bấy giờ, từ Nagasaki đi tàu một ngày là đến Thượng Hải. Ở Tokyo hay ở Nhật chẳng có gì mất đi thì khốn khổ cho ông cả, nên chẳng có gì để ông phải nuối tiếc. Vả lại, đô thị Thượng Hải thời bấy giờ có nét quyến rũ kỹ xảo có phần thích hợp với cá tính của ông hơn. Từ lúc đứng trên boong tàu ngược dòng sông Dương Tử, nhìn thấy những phố phường Thượng Hải tráng lệ dưới ánh nắng ban mai, lòng Takitani Shozaburo đã bị đô thị nầy thu hút mất rồi. Ông thấy trong quang cảnh ấy có thứ hứa hẹn gì đấy huy hoàng vô cùng. Lúc ấy, ông ta mới 21 tuổi.

Và thế là, trong khoảng thời gian từ chiến tranh Trung Nhật cho đến cuộc tấn công Trân Châu Cảng, rồi thả bom nguyên tử, suốt thời đại kịch động loạn ly vì chiến tranh ấy, ông đã nhàn nhã sống ở Thượng Hải bằng nghề thổi kèn trombone trong các hộp đêm. Chiến tranh chỉ diễn ra ở những nơi nào đấy chẳng dính dáng gì đến ông. Takitani Shozaburo vốn là người hầu như hoàn toàn không quan tâm gì đến lịch sử. Ông không kỳ vọng gì hơn mỗi ngày được ba bữa ăn tàm tạm và quanh mình có được vài ba cô gái.

Ông được mọi người mến thích. Trẻ, ra dáng đàn ông, lại thêm tài năng âm nhạc, ông đến đâu cũng nổi bật lên như cánh quạ trong ngày tuyết phủ. Ông đã ngủ với không biết bao nhiêu phụ nữ. Từ người Nhật đến người Trung Quốc, người Nga trắng, gái giang hồ hay vợ người, cả người xinh đẹp lẫn người không xinh đẹp gì mấy, ông ta hầu như bạ ai cũng làm tình được cả. Với tiếng kèn trombone muôn thuở ngọt ngào, với dương vật to lớn và năng động, Takitani Shozaburo đã đạt đến mức được xem là danh vật của Thượng Hải thời bấy giờ.

Nhờ đó, tuy tự mình không ý thức đến, ông có thêm được tài năng kết giao với những người bạn "hữu ích". Ông kết bạn thân tình với những sĩ quan lục quân cao cấp, với bọn nhà giàu Trung Quốc, cả với đám người sang trọng nhờ đục hút những nguồn lợi kếch sù từ chiến tranh bằng những phương pháp mờ ám. Phần đông bọn nầy thường giấu súng lục dưới áo ngoài, khi nào ra đường là trước nhất phải đảo mắt nhìn lên nhìn xuống

kiếm điểm kỹ càng. Vậy mà lạ thay, Takitani Shozaburo lại chơi rất hợp với bọn họ. Đối lại, bọn họ cũng đặc biệt quý mến ông. Có chuyện gì xảy ra là họ kiếm đủ cách bao che giúp đỡ ông. Thời ấy, đời sống thật là dễ dàng đối với Takitani Shozaburo.

Thế nhưng, tài năng ngon lành ấy có lúc lại sinh chuyện lôi thôi. Khi chiến tranh chấm dứt, chuyện ông giao du với đủ thứ người khả nghi ấy đã bị quân đội Trung Quốc để ý, làm ông bị tống vào tù một thời gian dài. Phần đông bọn tù bị tống giam như ông, đã chẳng được xét xử gì ra hồn, cứ thế mà bị xử tử, người nầy tiếp theo người khác. Một hôm nào đó, chẳng có dấu hiệu gì báo trước, tù bị lôi ra sân giữa trại giam, lãnh vài phát súng tự động vào đầu. Lần xử hình nào cũng vào khoảng 2 giờ trưa. "*Đùng*". Tiếng súng tự động uất ức như bị nén chặt ấy vang vọng suốt khoảng sân giữa trại giam.

Đó là nguy cơ trọng đại nhất trong đời Takitani Shozaburo. Giữa cái chết và sự sống quả thật chỉ cách khoảng một sợi tóc. Thật ra, cái chết tự nó không đáng sợ bao nhiêu. Một viên đạn xuyên qua đầu, thế là xong. Đau đớn chỉ trong một thoáng là hết. Ta đã sống một đời muốn gì làm nấy, đã ngủ với bao nhiêu là đàn bà rồi. Thức nào ngon thì cũng đã ăn rồi. Đã có lắm lần sung sướng. Đời ta chẳng còn gì đặc biệt phải nuối tiếc. Giờ đây, có bị giết thình lình cũng chẳng có lý do gì để than trách. Cuộc chiến nầy đã giết đi cả vài triệu người Nhật Bản rồi. Vô số người đã phải chết những cách tàn nhẫn hơn nữa kia. Đã chấp nhận số phận như thế nên trong phòng giam riêng, ông nhàn tản huýt sáo miệng cho qua thì giờ. Ngày này qua ngày khác, ông ngắm mây trôi bên ngoài khung cửa sổ nhỏ song sắt, và tưởng tượng lại từng dáng thân thể, từng nét mặt của những người đàn bà đã giao tình với ông. Thế nhưng kết cuộc, Takitani Shozaburo đã rời được trại giam ấy, và là một trong chỉ hai người Nhật sống sót được từ nơi ấy mà trở về nước.

Takitani Shozaburo gầy còm như que củi, vác xác trần trở về Nhật vào mùa xuân năm Chiêu Hòa thứ 21, 1946. Về đến Tokyo mới biết nhà cũ đã cháy rụi, cha mẹ chết trong trận dội bom Tokyo khủng khiếp tháng Ba năm trước. Người anh duy nhất vẫn còn mất tích trên mặt trận Burma. Takitani Shozaburo trở thành người mồ côi hoàn toàn. Tuy nhiên, ông không mấy buồn rầu, nuối tiếc, mà cũng không bị sốc. Cũng không thấy hụt hẫng gì. Thế nào đi nữa, người ta đến lúc nào đấy cũng phải trơ trọi một mình. Lúc bấy giờ ông đã 32 tuổi rồi. Cái tuổi cho dù có trơ trọi một mình cũng không thể than thở với ai. Ông cảm thấy đã già đi vài tuổi cùng một lúc. Nhưng

cũng chỉ cảm thấy thế thôi, không có cảm nhận gì khác hơn.

Dù gì đi nữa, cũng đã sống sót được rồi, mà đã sống sót được một lần thì hãy tận dụng tâm trí vào việc tiếp tục sống sót từ đây về sau.

Không có nghề gì khác nên ông tìm gọi những người quen biết cũ, kết thành một ban nhạc jazz nhỏ đi lưu diễn quanh các căn cứ quân đội Mỹ. Và phát huy tài năng ứng xử khéo léo, ông kết bạn gần như thâm giao với một thiếu tá Mỹ thích nhạc jazz. Thiếu tá nầy là người Mỹ gốc Ý quê ở tiểu bang New Jersey, cũng là một tay thổi hắc tiêu lão luyện. Lại làm trong ban quân nhu, nên cần đĩa nhạc nào là có thể gọi gởi sang ngay, bao nhiêu đĩa cũng có. Hễ có giờ rảnh là hai người hòa tấu với nhau. Ông thường đến chơi nơi đồn trú của thiếu tá nầy, cùng uống bia, nghe đĩa loại jazz vui nhộn của Bobby Hackett, Jack Teagarden hay Benny Goodman, và cần mẫn luyện tập các lối chơi nhạc của họ. Thiếu tá Mỹ ấy còn giúp ông số lượng lớn thực phẩm, sữa rượu lúc bấy giờ rất khó kiếm. Takitani Shozaburo nghĩ thời đại nầy cũng ngon lành quá.

Ông kết hôn năm Chiêu Hòa thứ 22, 1947. Với con gái của một người họ hàng xa phía bên mẹ. Tình cờ gặp nhau giữa đường, rủ đi uống trà để hỏi thăm tin tức họ hàng, và hàn huyên chuyện xưa. Thế rồi qua lại với nhau, cuối cùng đã sống chung với nhau lúc nào không hay, có thể vì cô ấy mang thai, như người ta đồn.

Ít nhất thì chuyện như thế Toni-Takitani đã nghe chính miệng bố mình kể lại. Anh không biết bố anh yêu vợ đến mức nào. Bố cho biết rằng mẹ anh đẹp và hiền dịu, nhưng cơ thể không được khỏe mạnh.

Kết hôn được một năm thì sinh con trai. Sinh xong, ba ngày sau, người mẹ mất. Đột ngột mất đi, rồi thiêu xác ngay. Cách chết thật tĩnh lặng. Không hờn oán gì ai, chẳng đau đớn gì mấy, tắt *phụp* một cái mà chết. Như có ai vòng ra sau lưng, bấm nút tắt đi vậy.

Trước cái chết như thế của vợ mình, Takitani Shozaburo không biết phải cảm nhận như thế nào cho phải. Tình cảnh như thế thì ông không rành. Ông cảm thấy có thứ gì như là một đĩa tròn dẹp đã lọt thỏm vào giữa lồng ngực mình. Nhưng hoàn toàn chẳng hiểu là thứ vật thể gì, và tại sao lại lọt vào đấy. Chỉ biết là vật thể ấy đã lọt vào đấy từ lúc nào rồi và ngăn cản không cho ông suy nghĩ gì sâu xa hơn. Vì thế, suốt một tuần sau đó, Takitani Shozaburo hầu như chẳng suy nghĩ gì ráo cả. Đến nỗi ngay cả đứa con mới sinh còn gửi miết trong bệnh viện ấy, ông cũng không nhớ đến nữa.

Thiếu tá Mỹ đã an ủi vỗ về ông như ruột thịt của mình. Gần như mỗi ngày, hai người đến uống rượu ở quán bar trong căn cứ. Thiếu tá động viên

ông: "*Nghe đây. Cậu phải cố mà vững lên mới được. Dù thế nào đi nữa, cũng phải nuôi nấng con mình đàng hoàng*". Tuy chẳng hiểu được thiếu tá nói gì, ông vẫn im lặng gật đầu. Dù gì thì ông cũng ý thức được hảo ý của bạn mình. Rồi thiếu tá như chợt nhớ ra, bảo ông rằng nếu được thì muốn làm bố đỡ đầu cho đứa bé. Takitani Shozaburo sực nhớ là ngay cả tên con mình, ông cũng chưa nghĩ đến.

Thiếu tá bảo lấy tên Tony của ông mà đặt cho đứa bé. Nghĩ sao đi nữa, cái tên Tony cũng không thích hợp cho một đứa trẻ Nhật Bản, nhưng lúc ấy, nghi vấn rằng tên mình có thích hợp hay không, hoàn toàn chẳng làm bận trí viên thiếu tá. Takitani Shozaburo trở về nhà lấy giấy viết tên "*Takitani Toni-*" dán lên tường, ngắm nghía nó trong vài ngày. Nghĩ thầm "*Takitani Toni*" nghe cũng được đấy chứ. Từ đây về sau chắc cũng khá lâu sẽ tiếp tục là thời đại của Mỹ. Đặt sẵn cho con trai mình một cái tên Mỹ có khi lại tiện lợi cho nó không chừng.

Báo hại thằng con bị đặt tên ấy, đến trường đã bị trêu chọc là đồ con lai, đến đâu mà xưng tên ra là người ta lại lộ vẻ mặt ngạc nhiên không tin, hoặc nhăn mặt khó chịu. Nhiều người cho đó là trò đùa tai quái, trong số đó, có người còn nổi giận lên nữa.

Đấy cũng là một lý do làm cho Toni-Takitani biến thành một thiếu niên thu mình chặt trong vỏ. Không có bạn bè đúng nghĩa, nhưng anh cũng không vì thế mà cảm thấy đau khổ. Trơ trọi một mình là điều hoàn toàn tự nhiên đối với anh, hoặc có thể nói là một thứ định mệnh của đời anh. Từ tuổi anh bắt đầu biết để ý, bố anh đã thường dẫn ban nhạc đi lưu diễn các nơi xa. Lúc bé thì có bà giúp việc nhà lui tới chăm nom cho, nhưng từ các lớp lớn ở tiểu học, anh đã phải tự mình lo liệu mọi việc cho mình. Một mình nấu ăn, một mình đóng cửa cài then, một mình trải chăn ngủ. Anh chẳng thấy buồn gì chuyện ấy. Thay vì nhờ người khác làm hộ chuyện nầy chuyện kia, tự mình xoay sở vẫn khỏe hơn nhiều. Bố anh, Takitani Shozaburo thì sau khi vợ chết, chẳng hiểu sao không kết hôn lần nào nữa. Tất nhiên, không khác gì trước, ông vẫn tiếp tục cặp với rất nhiều bạn gái, nhưng chẳng có ai trong đám ấy được ông đem về nhà lần nào cả. Có vẻ ông cũng giống cậu con trai, đã quen xoay sở một mình mất rồi. Quan hệ bố con không đến nỗi xa cách đến mức như người ta tưởng tượng ra từ lối sống cô quạnh như thế. Nhưng cả hai bố con đều đã quá quen với lối sống đơn độc như một tập quán rồi, nên chẳng ai tự nguyện cởi mở lòng mình. Bởi chẳng cảm thấy cần thiết phải làm như thế. Takitani Shozaburo không thích hợp với vai trò người cha, mà Toni-Takitani cũng không thích hợp với vai trò đứa con.

Toni-Takitani thích vẽ, ngày nào cũng ru rú trong phòng riêng mà vẽ một mình, hình nầy sang hình khác. Thích nhất là hình máy móc. Với những bút chì vót nhọn như mũi đinh, sở trường của anh là vẽ hình xe hơi, máy nghe đài, các loại động cơ; vẽ rõ ràng tỉ mỉ những cơ phận như thế. Ngay cả những hình hoa lá, anh cũng vẽ tỉ mỉ từng gân lá, nhụy hoa. Ai nói gì mặc kệ, anh chỉ biết cách vẽ tỉ mỉ như thế thôi. Các môn học khác thì không giỏi gì mấy, nhưng môn vẽ mỹ thuật thì thành tích của anh luôn luôn vượt xa cả lớp. Kỳ thi đua vẽ nào, anh cũng đoạt giải ưu tú nhất.

Vì thế, sau khi xong trung học, anh vào đại học mỹ thuật (từ năm anh vào đại học, hai bố con chẳng ai bảo ai, đã đương nhiên bắt đầu sinh hoạt hoàn toàn biệt lập đối với nhau) rồi trở thành người vẽ tranh minh họa, là điều tự nhiên thôi. Mà thực thế, anh đã chẳng cần phải suy tính một khả năng tính nào khác. Trong lúc lứa thanh niên cùng thời đang khổ sở moi óc tìm kiếm hướng đi, anh đã chẳng phải suy tư gì, chỉ âm thầm tiếp tục vẽ những hình máy móc tinh tế. Nhằm vào thời đại lớp thanh niên học sinh nhiệt liệt phản kháng quyền lực và thể chế đến mức bạo động, chung quanh anh hầu như chẳng có ai tán thưởng những bức vẽ cực kỳ thực tế của anh. Các giáo sư đại học mỹ thuật nhìn thấy tác phẩm của anh, cũng cười gượng khổ sở. Bạn cùng lớp thì phê phán tính vô tư tưởng của những bức vẽ ấy. Thế nhưng Toni-Takitani hoàn toàn chẳng lý giải được những bức vẽ "có tính tư tưởng" của các bạn cùng lớp thật sự có giá trị ở điểm nào. Trong mắt anh, những bức vẽ ấy chỉ có vẻ ấu trĩ, xấu xí và không chính xác.

Nhưng đến khi anh tốt nghiệp, sự tình lại thay đổi hoàn toàn. Nhờ ở tính thực dụng và kỹ thuật thực tiễn, Toni-Takitani ngay từ đầu đã không thiếu gì việc làm tốt. Bởi những máy móc tinh xảo, những kiến trúc phức tạp thì ngoài anh ra chẳng còn ai có thể vẽ được rõ ràng chính xác đến thế. Mọi người chung lời tán đồng rằng "Trông còn hiện thực hơn cả vật thực nữa". Những bức vẽ của anh quả thật trông còn chính xác hơn ảnh chụp, và dễ thấu hiểu hơn bất cứ lời lẽ tận lực giải thích nào. Anh tức khắc trở thành nhà minh họa được mọi người tranh giành. Từ hình bìa tạp chí xe hơi, đến các hình vẽ quảng cáo, bất cứ công việc nào dính dáng đến máy móc đều được anh nhận làm. Anh thích thú làm việc và thu nhập cũng cao.

Trong lúc ấy, bố anh, Takitani Shozaburo bình thản tiếp tục thổi trombone mà sống. Thời đại có tuần tự thay đổi từ Modern Jazz qua Free Jazz đến Electric Jazz, Takitani Shozaburo vẫn không thay đổi, ông tiếp tục diễn tấu với phong cách Jazz cố hữu từ ngày trước. Tuy không hẳn là nhạc sĩ diễn tấu hạng nhất trong nước, nhưng tiếng tăm ông cũng được biết đến

rộng rãi, và luôn luôn có việc làm tốt cho ông. Cao lương mỹ vị cũng nếm được, mà đàn bà cũng không thiếu. Từ quan điểm có bất mãn gì trong cuộc sống không, thì ông sống đời như thế quả là thượng hạng rồi.

Toni-Takitani cứ có thì giờ là chuyên chú làm việc, và chẳng có sở thích gì tốn tiền, nên đến năm 35 tuổi, anh đã có một gia tài khá lớn. Nghe lời người ta khuyên, anh mua một tòa nhà lớn ở Setagaya, và dần dần sở hữu vài căn chung cư cho thuê. Chuyện thuế má, anh giao cả cho luật sư lo liệu.

Cho đến nay, Toni-Takitani đã giao thiệp với một vài phụ nữ. Thời trẻ cũng có lần, tuy không lâu dài, đã sống chung với bạn gái. Nhưng kết hôn thì anh chưa bao giờ nghĩ đến. Bởi anh không đặc biệt cảm thấy cần thiết phải kết hôn. Nấu nướng, quét dọn, giặt giũ, anh đều tự mình làm lấy cả, mà có bận công việc quá thì cũng chỉ cần thuê các bà giúp việc nhà là xong. Chưa khi nào anh nghĩ đến chuyện muốn có con. Cũng chẳng có bạn thân đến mức có thể nhờ giúp ý kiến hay cởi mở tâm sự với nhau. Ngay cả bạn uống rượu với nhau cũng không có. Tuy nhiên, anh chẳng phải là người quái kỳ gì. Tuy không khéo ứng xử cho được lòng người như bố, anh vẫn có thể giao thiệp ở mức thông thường với người chung quanh. Anh không làm oai làm phách. Không nói xấu ai mà cũng không biện hộ gì cho mình. Thay vì nói về mình, anh thích nghe nói về người khác hơn. Vì thế người chung quanh phần lớn thích anh. Nhưng anh chẳng làm sao mà kết thân với ai đến mức độ thâm giao. Bố con thì chỉ thấy mặt nhau hai, ba năm một lần khi có chuyện gì cần. Mà gặp nhau, xong chuyện cần ấy rồi thì chẳng còn chuyện gì để nói với nhau nữa. Đời sống của Toni-Takitani cứ như thế mà âm thầm bình thản trôi đi. Anh nghĩ có lẽ mình chẳng khi nào kết hôn cả.

Thế mà thình lình Toni-Takitani bị tiếng sét ái tình. Từ một cô gái làm thêm trong nhà xuất bản, lo việc đến lấy các bản thảo minh họa ở văn phòng của anh. Nàng 22 tuổi. Khi đến văn phòng của anh, nàng luôn luôn không ngừng mỉm nụ cười dịu dàng. Tuy không xinh đẹp đến nổi bật nhưng nàng có khuôn mặt thật dễ thương. Đặc biệt, nàng có một vẻ gì đấy làm cho lòng anh rung động mãnh liệt. Đến nỗi lần đầu tiên nhìn thấy nàng, ngực anh ứ nghẹn đến không thở được. Cái gì trong nàng đã đập mạnh vào tim anh đến như thế, anh không hiểu được. Mà cho dù có hiểu đi nữa, cũng chẳng phải là thứ gì có thể dùng lời nói mà diễn tả ra được.

Cách ăn mặc của nàng lại khiến anh phải chú ý. Anh vốn không quan tâm mấy đến phục trang, mà cũng chẳng phải là người để ý đến áo quần phụ nữ. Vậy mà cách ăn mặc duyên dáng khéo léo của người con gái ấy đã khiến anh phải nể phục. Nếu chỉ khéo ăn mặc thôi thì trên đời nầy có vô

số những cô gái như thế. Mà các cô ăn mặc để gợi chú ý từ người khác thì lại càng đông hơn nữa. Thế nhưng nàng hoàn toàn khác với họ. Như cánh chim khoác lên mình một luồng gió lạ dợm bay về một thế giới xa tắp, nàng trang phục vô cùng tự nhiên mà ưu mỹ. Trang phục ấy như được ôm ấp thân thể nàng mà có được một sinh mệnh mới.

Nàng đã chào tạm biệt "*Cảm ơn anh rất nhiều*" và ôm chồng bản thảo minh họa đi rồi mà một hồi lâu sau anh vẫn còn không đáp lại một lời gì được. Anh bần thần ngồi trước bàn chẳng làm gì cả như thế mãi cho đến lúc căn phòng phủ mịt mùng bóng đêm.

Ngày hôm sau, anh gọi điện thoại đến nhà xuất bản, kiếm cớ khiến họ bảo nàng thế nào cũng phải đến văn phòng của anh lần nữa. Sau khi xong việc ấy rồi, anh mời nàng đi ăn trưa. Hai người vừa ăn vừa nói chuyện đời. Mặc dù tuổi tác chênh lệch đến 15 năm, họ rất hợp chuyện với nhau. Nói chuyện gì cũng ăn khớp với nhau được. Chuyện song suốt như thế, đối với cả anh lẫn nàng, là lần đầu tiên. Lúc đầu, nàng cũng khẩn trương, nhưng dần dần đã thư giãn được, và cười nói nhiều hơn. Lúc chia tay, Toni-Takitani khen nàng: "*Cách trang phục của em lúc nào nhìn cũng tuyệt đẹp*". Nàng e thẹn mỉm cười: "*Em thích mặc áo đẹp. Nên lương tháng nào phần lớn cũng tiêu cả vào áo quần thôi*".

Từ đấy, hai người đã hò hẹn với nhau vài lần. Cũng chẳng cần đến chỗ nào đặc biệt, họ chỉ ngồi bên nhau ở nơi thanh vắng mà chuyện trò không dứt với nhau. Chuyện thân thế, công việc, suy tư, cảm nhận về mọi việc trên đời. Hai người có thể chuyện trò với nhau như thế giờ nầy sang giờ khác liên miên không chán. Cả hai như muốn chuyện trò cho bù lại khoảng trống thiếu vắng từ trước đến nay. Thế rồi trong lần hò hẹn thứ năm, anh đã ngỏ lời cầu hôn. Nhưng nàng lại đang có người yêu chơi với nhau từ thời trung học cấp ba. Theo với tháng năm, quan hệ giữa hai người yêu nầy đến lúc có gì đấy không dứt khoát, bây giờ cứ gặp nhau thì lại sinh cãi lẫy từ những chuyện không đâu. Gặp Toni-Takitani thì nàng vui thích hơn. Dù vậy cũng không thể cắt đứt ngay mối quan hệ với người ta được. Nàng có sự tình của nàng như thế. Lại nữa, giữa nàng và Toni-Takitani còn có khoảng cách tuổi tác đến 15 năm. Nàng còn trẻ quá, chưa đủ kinh nghiệm nhân sinh. Không đo lường được cái khoảng cách 15 năm ấy sẽ có ý nghĩa như thế nào từ đây về sau. Nàng xin anh cho nàng thời gian để suy nghĩ thêm.

Trong khoảng nàng còn đang suy nghĩ ấy, Toni-Takitani mỗi ngày uống rượu một mình. Chẳng làm sao rớ đến công việc được. Cô độc đột nhiên ép nặng lên anh buồn phiền khổ não. Anh cảm thấy cô độc cũng là ngục tù.

Điều mà từ trước đến nay anh không để ý. Anh mải nhìn bức tường dày và lạnh bao quanh mình với đôi mắt tuyệt vọng. Nếu nàng bảo không muốn kết hôn với anh, chắc là anh cứ sầu khổ như thế mà chết mất.

Anh tìm gặp nàng, thổ lộ ngọn ngành tâm tình ấy. Từ trước đến nay, đời anh đã cô đơn đến thế nào, đã mất đi biết bao nhiêu ý nghĩa rồi. Nàng đã xuất hiện để khiến anh nhận thức được những cô đơn mất mát ấy.

Là một cô gái mẫn tuệ, nàng dần dần thấy yêu thương con người Toni-Takitani. Từ đầu đã thích anh rồi, càng gặp lại càng yêu thương thêm. Nàng không hiểu tình cảm ấy có đúng là tình yêu hay không, nhưng cảm thấy trong anh có gì đấy tuyệt vời. Nàng nghĩ chung sống với người nầy sẽ mang lại hạnh phúc cho mình. Thế là hai người thành hôn.

Thời kỳ cô độc trong đời Toni-Takitani đã chấm dứt ở đấy. Mỗi buổi sáng anh thức dậy, việc đầu tiên là dõi mắt tìm nàng. Nhìn thấy hình dáng nàng ngủ say bên mình thì anh yên lòng. Khi nào không thấy nàng, anh cảm thấy bất an, phải đi khắp nhà tìm nàng. Không còn cô độc nữa, là một trạng huống còn lạ lùng quá đối với anh. Bởi một khi không còn cô độc nữa, anh lại bị ám ảnh thường trực bởi nỗi lo sợ trở nên cô độc một lần nữa. Lắm lúc anh lo sợ đến toát mồ hôi lạnh khi chợt nghĩ đến điều ấy. Nỗi khủng hoảng ấy ám ảnh anh suốt ba tháng đầu của sinh hoạt vợ chồng. Nhưng dần dà làm quen với đời sống mới, và không còn lo lắng về chuyện nàng có thể thình lình biến đâu mất nữa, anh bớt bị ám ảnh như trước. Cuối cùng, anh an định được, và dần dần thấm nhuần niềm hạnh phúc dịu dàng.

Hai người có lần đã đi nghe Takitani Shozaburo diễn tấu trombone. Nàng rất muốn biết bố chồng diễn tấu những âm nhạc như thế nào. Nàng hỏi: "*Nếu biết chúng mình đi nghe, bố có phiền lòng không anh?*". Anh đáp: "*Chẳng có gì phiền lòng cả đâu em*". Hai người đến hộp đêm ở Ginza, nơi Takitani Shozaburo trình tấu trombone mỗi đêm. Trừ thời con nít, Toni-Takitani đi nghe bố mình diễn tấu như thế nầy là lần đầu. Takitani Shozaburo diễn tấu loại âm nhạc cũ không khác gì ngày xưa. Những bản nhạc mà ngày còn bé anh vẫn nghe mãi từ các đĩa nhạc. Tiếng kèn của bố anh thật là uyển chuyển, tao nhã, ngọt ngào. Có thể chưa đạt đến mức tuyệt phẩm, nhưng âm nhạc ấy được sáng tạo một cách tinh xảo từ kỹ năng của nhà chuyên nghiệp hạng nhất, mang đến niềm sảng khoái cho thính giả. Toni-Takitani đêm ấy đặc biệt khác với mọi khi, vừa lắng tai nghe âm nhạc ấy, vừa khoái thích nhấm rượu ly nầy đến ly khác.

Thế nhưng lắng nghe trình tấu một hồi, như bụi rác chầm chậm kết tụ âm thầm nhưng chắc chắn trong ống nước nhỏ, anh cảm thấy trong dòng

âm nhạc ấy có gì đấy kết tụ lại làm nghẽn hơi thở của anh, khiến anh khó ở. Cảm thấy như dòng nhạc nầy khác lạ với dòng nhạc của bố anh đọng lại trong trí nhớ của anh từ thời xưa. Tất nhiên thời ấy đã xưa quá rồi, và vốn chỉ là tai nghe của trẻ con mà thôi. Dù vậy, anh vẫn cảm thấy sự khác biệt ấy là trọng yếu. Có thể chỉ là một khác biệt vi tế, nhưng lại rất quan trọng. Anh thật muốn nhảy lên sân khấu, nắm cánh tay bố anh mà hỏi: "*Bố à, khác biệt ấy là cái gì?*". Nhưng tất nhiên chuyện ấy anh không sao làm được. Anh chẳng nói năng gì, chỉ ngồi uống rượu và nghe bố anh trình tấu cho đến bản cuối cùng. Và cùng vợ vỗ tay rồi trở về nhà.

Sinh hoạt của vợ chồng anh hoàn toàn không bị bóng đen nào phủ xuống. Việc làm của anh vẫn thuận buồm xuôi gió như bao giờ, vợ chồng anh chưa hề cãi nhau một lần nào. Thường cùng nhau tản bộ, hay đi xem chiếu bóng, đi chơi xa chung. Tuy tuổi còn rất trẻ, nhưng vợ anh tỏ ra là người nội trợ đảm đang, biết chừng mực trong mọi việc. Xử trí việc nhà nhanh nhẹn, không để chồng phải lo lắng điều gì. Duy chỉ có một điều làm Toni-Takitani phải tư lự. Đó là việc vợ anh mua sắm quần áo quá nhiều. Cứ thấy đám y phục mới trước mắt là vợ anh hầu như không còn tự chủ được nữa. Nét mặt bỗng chốc biến đổi, mà cả giọng nói cũng biến đổi luôn. Lần đầu nhìn thấy vợ mình như thế, anh đã tưởng là nàng bị đau ốm gì thình lình. Từ trước khi kết hôn, khuynh hướng ấy của nàng cũng đã lọt vào mắt anh, nhưng bắt đầu từ tuần trăng mật du lịch Âu châu, lại càng hiển lộ mức độ trầm trọng hơn nhiều. Ngay trong chuyến du lịch ấy, nàng cũng đã mua sắm y phục đến mức anh phải lắc đầu ngán ngẩm. Ở Milan và Paris, từ sáng đến khuya, nàng đã đi vòng các tiệm y trang như người lên cơn đồng thiếp. Hai người chẳng đi xem cảnh thắng ở đâu cả. Duomo không đi mà Louvre cũng chẳng đến. Chuyến du lịch ấy, anh chỉ nhớ toàn là những tiệm y trang. Valentino, Missoni, Saint Laurent, Givenchy, Ferragamo, Armani, Cerutti, Gianfranco Ferré... Vợ thì mắt lạc thần, cuống quít lựa chọn y trang, còn anh phải bám sát sau lưng nàng để thanh toán tiền nong. Đến nỗi anh lo lắng cho cây bút ký tên trả tiền bằng thẻ tín dụng ấy có thể cạn mực đi mất.

Cả sau khi trở lại Nhật, nhiệt tình mua sắm y phục ấy cũng chẳng có dấu hiệu thuyên giảm tí nào. Ngày nầy qua ngày khác, vợ anh hăm hở chuyện mua sắm áo quần, giày dép. Số lượng y trang của nàng tăng vọt. Phải đặt mua thêm mấy cái tủ áo cỡ lớn. Tủ đựng giày cũng phải đặt làm đặc biệt. Thế đã đủ đâu, anh lại phải cho sửa nguyên một căn phòng ngủ thành một phòng thử áo lớn. Cũng may là nhà anh rộng lớn dư phòng. Tiền bạc cũng chẳng thiếu thốn gì. Vả lại, vợ anh lại khéo ăn mặc. Chỉ cần có áo quần mới

là nàng vui sướng rồi. Cho nên anh cũng chẳng than phiền gì. Anh nghĩ: Thôi cũng được. Trên đời nầy có ai hoàn toàn đâu.

Nhưng khi lượng áo quần của vợ tăng đến mức nguyên một phòng áo quần vẫn không đủ, thì quả thật anh đâm lo. Một lần, nhân lúc vợ vắng nhà, anh đếm thử xem sao. Anh tính ra rằng cho dù mỗi ngày thay hai bộ áo quần đi nữa, vợ anh cần đến hai năm trời mới mặc cho hết số lượng áo quần đang có trong nhà. Nghĩ sao đi nữa thì số lượng áo quần như thế là đã quá nhiều rồi. Anh phải làm sao để ngăn chận lại mới được.

Một ngày nọ, sau bữa cơm tối, anh thu hết quyết tâm để ngỏ lời với vợ. "*Em nầy, hay là bớt mua sắm quần áo một tí xem sao. Anh hoàn toàn không lo về chuyện tiền bạc. Thứ gì cần thiết thì cứ mua sắm thôi, và em ăn mặc đẹp đẽ thì anh vui thích lắm. Thế nhưng áo quần đắt giá mà nhiều đến thế nầy thì có cần thiết thật không?*"

Vợ anh cúi đầu suy nghĩ một lúc. Rồi nói: "*Em nghĩ đúng như anh nói, áo quần nhiều đến thế nầy thì không cần thiết thật, điều ấy chính em cũng hiểu rõ như thế. Nhưng mà, có hiểu cũng chẳng làm gì được cả. Trước mắt có áo quần đẹp thì em không làm sao mà khỏi mua cho được. Cần thiết hay không cần thiết, số lượng nhiều hay ít, chẳng còn là vấn đề gì nữa rồi. Chỉ đơn giản là không làm sao ngăn mình đừng mua được nữa. Cứ như là nghiện đến thành bệnh rồi vậy*".

Nói thế nhưng nàng cũng hứa sẽ cố gắng thoát ra khỏi tình trạng ấy. Bởi cứ tiếp tục mãi như thế thì chẳng mấy chốc mà cả nhà sẽ đầy cả áo quần của nàng mà thôi.

Suốt một tuần sau, nàng tự giam mình trong nhà để khỏi nhìn thấy áo quần mới nào. Nhưng làm thế, nàng lại cảm thấy mình trống rỗng. Như đang bước đi trên một hành tinh thiếu không khí. Mỗi ngày nàng vào phòng áo quần, cầm lên tay từng chiếc áo, quần của mình mà ngắm nghía. Vuốt ve làn vải, ngửi hít mùi vải mới, xỏ tay vào áo rồi đứng ngắm trước gương. Ngắm nghía bao nhiêu bộ áo cũng chẳng chán. Và càng ngắm nghía càng nôn nao muốn mua sắm áo quần mới. Hễ lòng ước muốn nảy sinh thì không còn nhịn được.

Chỉ còn một lòng ước muốn chuyên chú đến không sao nhịn được nữa.

Tuy nhiên, nàng yêu chồng sâu đậm và kính nể chồng nữa. Nàng hiểu điều chồng mình nói là đúng. Áo quần nhiều đến thế nầy thì đúng là không cần thiết. Bởi thân thể mình chỉ có một. Nàng bèn điện thoại đến tiệm y phục quen, hỏi người chủ tiệm xem chiếc áo đầm và áo khoác ngoài nàng

mới mua mười ngày trước, chưa từng mặc đi đâu cả ấy, có thể hoàn trả lại được không. Chủ tiệm nói: "*Thưa được chứ. Bà mang lại thì chúng tôi sẽ xin hoàn tiền*". Vì nàng là khách sộp nên chừng ấy thì họ cũng cân nhắc cho chứ. Thế là nàng lái xe, mang áo đầm và áo khoác ấy đến tiệm ở Aoyama trả lại và làm thủ tục lấy lại số tiền đã trả bằng thẻ tín dụng. Nàng cảm ơn chủ tiệm, rồi chuyên chú lái xe, tránh nhìn các cửa tiệm ở hai bên đường, lấy đường số 246 lái thẳng về nhà. Trả áo lại xong, nàng có phần nhẹ người. Nàng tự nhủ: "*Đúng thế, những chiếc áo ấy quả là không cần thiết. Bởi mình đã có đủ số áo đầm áo khoác để mặc đến suốt cuộc đời mình rồi mà*". Thế nhưng trong khi ngừng xe ở hàng đầu ở ngã tư để chờ đèn xanh, nàng đã chỉ nghĩ đến chiếc áo đầm và áo khoác vừa trả lại ấy mà thôi. Nàng nhớ lại thật rõ ràng màu áo ấy như thế nào, hình dáng áo ra sao, sờ vào thì có cảm giác như thế nào. Nhớ rõ ràng đến cả những chi tiết nhỏ nhặt của hai chiếc áo ấy, như chúng đang hiển hiện ngay trước mắt nàng. Nàng cảm thấy mồ hôi rịn ra trên trán. Hai cánh tay tựa lên vành tay lái, nàng hít một hơi dài. Rồi nhắm mắt lại. Khi mở mắt ra, nàng thấy đèn hiệu đã đổi sang xanh. Nàng giật mình, nhấn lút bàn đạp tăng tốc.

Đúng lúc ấy, một chiếc xe tải hạng nặng cố vượt đèn vàng, phóng đến toàn tốc lực, đâm sầm vào hông chiếc xe Renault Cinque nhỏ màu xanh biển của nàng. Nàng không có thời gian để cảm thấy gì cả.

*

Còn lại cho Toni-Takitani chỉ là một núi những bộ áo quần cỡ số 7 chất đầy một căn phòng. Cả giày cũng có đến gần 200 đôi. Anh chẳng biết phải làm gì với số áo quần và giày ấy. Anh không muốn khư khư ôm giữ mãi những vật dụng của vợ, nên đồ trang sức thì đã gọi bạn hàng đến tùy họ rao giá mà cho họ lấy đi. Vớ tất và đồ lót thì đã thu nhặt mà cho vào lò đốt trong vườn. Chỉ có áo quần và giày của nàng thì số lượng quá lớn nên đành tạm để đấy. Đám tang vợ đã xong, anh thu mình lại trong phòng áo quần của vợ, suốt từ sáng đến tối, ngồi ngắm đăm đăm đám áo quần chen chúc chật chội tràn ngập căn phòng.

Mười ngày sau đám tang vợ, Toni-Takitani gửi đăng trên nhật báo một quảng cáo tìm người giúp việc. Cần phụ nữ cỡ áo số 7, chiều cao khoảng 1 thước 61, chân giày cỡ số 22, lương cao bổng hậu. Số lương anh trưng lên có thể nói là cao vượt mức thông thường nhiều nên đã có tất cả 13 phụ nữ tìm đến văn phòng của anh ở Minami Aoyama để được phỏng vấn. Trong số đó, 5 người rõ ràng là đã nói láo về kích thước. Trong 8 người còn lại, anh đã chọn một cô gái có thể hình gần với vợ anh nhất. Cô ấy khoảng nửa

sau tuổi đôi mươi, mặt mũi không có gì đặc sắc. Cô mặc áo sơ-mi trắng trơn và chiếc váy bó sát màu xanh biển. Áo quần và giày của cô trông sạch sẽ, nhìn kỹ thì thấy có phần hơi cũ.

Toni-Takitani bảo cô ta. "*Công việc thì chẳng có gì khó cả. Mỗi ngày từ 9 giờ sáng đến 5 giờ chiều thì ở văn phòng tiếp nhận điện thoại, thay tôi đi nạp bản thảo minh họa hay đi lấy tư liệu, và sao chụp giấy tờ. Chỉ có thế thôi. Duy phải nhận một điều kiện. Sự thực là vợ tôi vừa mất đi, quần áo còn để lại vô số ở nhà. Phần lớn là quần áo mới hoàn toàn, hoặc gần như thế. Làm việc ở văn phòng nầy thì thay vì mặc đồng phục của sở làm, tôi muốn cô mặc những trang phục vợ tôi để lại ấy. Chính vì thế mới ra điều kiện tìm người về kích cỡ áo quần và giày. Tôi hiểu điều kiện nầy nghe có vẻ kỳ dị. Hẳn là cô nghi ngờ có chuyện gì đây. Chính tôi cũng hiểu được điều ấy. Tuy nhiên, tôi không có tà ý gì cả. Chỉ vì tôi cần thời gian để quen với sự thật là vợ tôi đã mất đi. Nghĩa là tôi phải tự điều chỉnh từ từ theo với áp suất không khí ở chung quanh tôi đây. Thời gian điều chỉnh ấy rất cần cho tôi. Trong thời gian ấy, tôi muốn cô mặc trang phục của vợ tôi bên cạnh tôi. Làm như thế, tôi tin là chính tôi sẽ dần dần có cảm giác thực là vợ mình đã mất, không còn ở trên đời nầy nữa*".

Cô gái cắn môi, cố suy nghĩ cho kịp về điều kiện làm việc nghe có vẻ kỳ quái ấy. Mà đúng là chuyện kỳ quái thật chứ. Nói cho đúng thì những lời Toni-Takitani nói ấy, cô không hiểu được cốt lõi là thế nào. Người vợ vừa mới mất, là điều cô hiểu được. Bà ấy để lại thật nhiều y phục, là điều cô cũng hiểu được. Thế nhưng tại sao trước mắt ông ấy mình phải mặc những áo quần của bà ấy để làm việc văn phòng, thì cô không hiểu cho trọn được. Thông thường thì những chuyện như thế nầy, phải nghĩ là có gì đấy bên trong. Nhưng ông nầy trông có vẻ không đến nỗi là người xấu. Nghe lối nói chuyện của ông ta thì biết. Có thể vì mới mất vợ mà sinh ra quẫn trí gì đấy, nhưng cũng không có vẻ là mẫu người có thể vì chuyện như thế mà làm hại đến người khác. Vả lại, nói gì đi nữa, mình cũng đang cần việc làm. Suốt mấy tháng nay đã tìm việc mãi mà chưa có. Tháng sau thì hết trợ cấp thất nghiệp rồi. Đến nước ấy thì ngay cả tiền thuê nhà cũng đã khó có. Chỗ làm cho lương cao đến mức nầy có lẽ từ đây về sau mình cũng không gặp được lần nào nữa đâu.

"*Em xin vâng*". Cô nói. "*Sự tình chi tiết thì em khó mà hiểu cho thấu đáo, nhưng em nghĩ có thể làm đúng được những gì ông đã bảo. Nhưng mà, trước nhất, ông có thể cho em xem những y phục ấy được không?*". "*Tất nhiên là được thôi*". Toni-Takitani đáp. Rồi đưa cô về nhà mình, cho cô xem

hàng đống y phục ấy. Trừ các tiệm bách hóa ra, cô chưa từng thấy một nơi nào thu tập nhiều áo quần đến như thế. Mà bộ áo quần nào trông cũng thật là tốt và đắt tiền. Và phong cách cũng không chê vào đâu được. Quả là một quang cảnh choáng mắt cô. Đến làm cô nghẹt thở. Vô cớ mà ngực cô đập thình thịch. Cô cảm thấy có gì đấy giống như nỗi hưng phấn dục tình.

Toni-Takitani bảo cô thử xem có vừa không, rồi bước ra, để cô lại trong phòng. Cô lấy lại bình tĩnh, cầm lên vài bộ áo trong tầm tay, mặc thử. Thử cả giày nữa. Áo quần và giày ấy thật vừa vặn với cô, cứ như là đã được đặt làm cho chính cô vậy. Cô cầm lấy từng chiếc áo quần mà ngắm. Đầu ngón tay vuốt nhè nhẹ, mũi hít mùi hương. Cả trăm bộ áo quần đẹp đẽ sắp hàng la liệt trước mắt cô. Bất chợt nước mắt ứa tràn mắt cô. Cô không sao ngăn được dòng nước mắt ấy tuôn trào không dứt. Khoác lên mình y phục của người đàn bà vừa mất đi đã để lại, cô tức tưởi khóc không thành tiếng. Cho đến một hồi lâu sau, Toni-Takitani trở lại xem tình hình, hỏi cô vì sao mà khóc. "*Em không biết*". Cô lắc đầu nói. "*Từ trước đến nay, chưa bao giờ thấy được nhiều y phục tuyệt đẹp đến thế nầy, có lẽ vì thế mà bấn loạn lên. Xin ông tha lỗi*". Cô nói, và lấy khăn tay thấm nước mắt.

"*Nếu được thì mong cô đến văn phòng bắt đầu làm việc từ ngày mai*". Toni-Takitani nói với giọng bình thản nghiệp vụ. "*Tạm thời, cô chọn lấy áo quần và giày đủ cho một tuần lễ mà mang về*".

Cô gái thận trọng chọn lấy áo quần đủ cho 6 ngày làm việc. Chọn giày cho hợp với áo quần ấy. Rồi xếp vào một va-li lớn. Toni-Takitani bảo cô lấy thêm áo khoác phòng khi trời lạnh quá. Cô chọn chiếc áo khoác màu xám bằng len có vẻ ấm áp. Chiếc áo nhẹ như lông chim. Từ khi được sinh ra đến nay, cô chưa từng cầm lên tay thứ áo khoác nào nhẹ đến như thế.

Cô gái đã về rồi, Toni-Takitani vào phòng áo quần của vợ, đóng cửa lại, thẫn thờ lặng ngắm đám áo quần vợ mình đã để lại một hồi lâu. Anh không hiểu tại sao cô gái ấy đã khóc khi thấy những áo quần nầy. Anh thấy những áo quần ấy như những chiếc bóng vợ mình đã để lại. Những chiếc bóng cùng cỡ số 7 ấy xếp chồng lên nhau la liệt từng dãy, hay buông thõng từ những móc áo. Cứ như là treo lên những hàng mẫu chọn lọc thu tập từ vô hạn (ít ra cũng là vô hạn trên lý thuyết) những khả năng tính hàm chứa trong hiện hữu của con người.

Những chiếc bóng ấy ngày xưa đã đính vào thân thể của vợ anh, đã hà hơi ấm lên thân thể nàng. Những chiếc bóng đã chuyển động đồng bộ với vợ anh. Thế mà giờ đây, những gì có trước mắt anh thì đang mất dần nguồn sống, từng khắc từng khắc úa héo đi, chỉ còn là một đám những chiếc bóng

tàn tạ thê thảm. Chỉ còn là những áo quần cũ kỹ không mang một ý nghĩa nào cả. Anh nhìn một hồi thì cảm thấy khó thở. Vô số những sắc màu vươn lên uốn lượn nhảy múa trong không gian như những phấn hoa bay bám vào mắt, tai và mũi anh. Những viền rua, nút áo, cầu vai, túi giả, đăng ten, dây nịt... ham hố thu hút không khí càng lúc càng loãng đi đến kỳ dị. Đám long não phong phú để ngừa sâu bọ ấy, đã tỏa mùi ngập ngụa như vô số côn trùng có cánh đang vỗ những tiếng vô thanh. Đột nhiên, anh ý thức được rằng mình đã căm hận đám y phục nầy từ trước đến nay. Anh tựa người vào tường, khoanh tay và nhắm mắt lại. Cô độc tầm dần lên thân thể anh như một lớp nước xốt đen thẫm ấm áp. Anh thầm nghĩ tất cả đã chấm dứt rồi. Có làm gì đi nữa, mọi chuyện cũng đã xong cả rồi.

Anh gọi điện thoại đến nhà cô gái, bảo cô thôi hãy quên chuyện việc làm nầy đi. Anh nói: *xin thứ lỗi, nhưng mà công việc ấy không còn cần đến nữa*. Cô gái kinh ngạc, hỏi: thưa có chuyện gì đến nỗi thế. Anh đáp: sự tình thay đổi thình lình, xin lỗi cô. Áo quần và giày cô đã mang về nhà ấy, xin tặng cô tất cả. Cả va-li ấy nữa. Mong cô quên chuyện nầy đi, và xin đừng nói với ai. Cô gái chẳng hiểu được chuyện gì ra chuyện gì, nhưng có hỏi đáp thêm nữa cũng phiền toái mà chẳng đi đến đâu, nên nói: "*Em xin nghe theo ông*" rồi cắt điện thoại.

Cô thấy giận tức Toni-Takitani một lúc lâu. Nhưng sau đó, đã cảm thấy có lẽ kết cuộc như thế lại tốt hơn. Ngay từ đầu đã nghi là chuyện có vẻ kỳ quái rồi. Mất việc ấy cũng tiếc thật, nhưng mà thế nào rồi cũng sẽ có dịp khác.

Cô đem mấy bộ áo quần lấy từ nhà Toni-Takitani ấy ra vuốt thẳng thớm từng chiếc một rồi treo ngay ngắn vào tủ áo, và xếp giày vào ngăn đựng giày. Bên cạnh những bộ mặt mới nầy, đám áo quần và giày cũ của cô đã có từ trước, trông cũ kỹ thảm hại đến sững sờ. Cảm thấy như chúng đã được tạo ra bằng những vật liệu hoàn toàn ở một thứ nguyên khác thành một loại vật chất khác hẳn. Cô cởi áo quần mặc đi phỏng vấn xin việc, treo vào móc, thay vào quần bò áo thun, rồi ngồi xuống sàn phòng, uống lon bia đã lấy từ tủ lạnh ra. Nhớ đến núi áo quần trong phòng y trang của nhà Toni-Takitani, cô thở dài. Cô nghĩ: sao mà nhiều áo quần đẹp đến như thế. Chao ôi, ngay cả căn phòng chứa áo quần ấy đã rộng hơn cả căn chung cư cô đang ở nầy rồi. Bao nhiêu áo quần ấy thu mua được chắc hẳn đã tốn nhiều thì giờ và tiền bạc lắm. Mà người ấy đã mất đi rồi. Bỏ lại cả một phòng đầy áo quần cỡ số 7. Không biết chết đi bỏ lại bao nhiêu là áo quần tuyệt đẹp đến thế thì có cảm giác như thế nào nhỉ?

Bạn bè của cô thừa biết cô nghèo, nên khi gặp cô mặc y trang mới, đẹp ấy, ai cũng sửng sốt. Bộ áo quần nào cũng là hàng có nhãn hiệu, cao giá và sang trọng. Ai cũng tra hỏi xem làm cách nào, từ đâu mà cô có được những bộ áo quần như thế. Cô chỉ lắc đầu, đáp: đã hứa với người ta rồi nên không thể cho biết được. Mà có cho biết đi nữa, đằng nào thì các bạn cũng chả tin đâu.

Toni-Takitani cuối cùng rồi cũng phải gọi tiệm bán áo quần cũ để họ thu mua cả. Chẳng được bao nhiêu. Nhưng điều đó thì sao cũng được. Đối với anh, có cho không để họ mang tất cả đi còn được nữa là. Cứ mang cả đi chỗ nào thật xa để mắt anh không còn thấy lại chúng một lần nào nữa.

Căn phòng chứa áo quần ngày trước, anh để trống như thế một thời gian dài. Thỉnh thoảng anh lại vào trong phòng ấy, chẳng để làm gì, chỉ thơ thẩn một mình. Anh ngồi xuống sàn phòng, đăm đăm nhìn tường phòng hàng giờ. Chiếc bóng của người chết như vẫn còn nguyên đấy. Nhưng tháng năm trôi qua, dần dần anh không còn nhớ lại được những gì đã có ở đấy nữa. Ký ức về mùi và màu sắc ở đấy cũng đã biến đâu mất tự lúc nào. Ngay cả cảm xúc thật rõ nét ngày trước, cũng đã lùi dần ra ngoài biên giới của ký ức. Ký ức mờ dần đi sau những lần biến dạng, như giọt sương lung lay trong gió, từ từ thay đổi hình dạng. Như bóng của bóng hình ngày xưa. Pha lẫn vào trong đó, chỉ có thể là cảm giác trống vắng còn lại của những gì đã một thời tồn tại ở đấy. Có khi ngay cả khuôn mặt của vợ mình, anh cũng không hình dung được nữa. Vậy mà thỉnh thoảng, anh lại nhớ đến ngày trước có cô gái xa lạ đã khóc tức tưởi khi nhìn những áo quần vợ anh để lại trong căn phòng nầy. Anh nhớ đến khuôn mặt không có gì đặc sắc của cô gái, và đôi giày tráng men đã cũ của cô. Tiếng nấc nghẹn thầm lặng của cô sống lại trong ký ức của anh. Anh chẳng muốn nhớ lại những thứ ấy. Nhưng chúng vẫn lén lút sống lại. Biết bao nhiêu điều đã quên bẳng đi rồi, vậy mà kỳ lạ thay, chỉ chuyện cô gái ấy, đến tên cô anh cũng không nhớ nổi, thì lại không thể nào quên được.

Hai năm sau khi vợ anh mất, bố anh, Takitani Shozaburo chết vì ung thư gan. Ung thư đấy, nhưng lại chẳng đau đớn gì mấy, và nằm bệnh viện cũng không bao lâu. Hầu như ngủ một giấc mà chết. Trong ý nghĩa đó thì ông cũng thật may mắn.

Ngoài một ít tiền mặt và cổ phần chứng khoán, Takitani Shozaburo không để lại bao nhiêu tài sản. Thứ còn lại đáng kể chỉ là chiếc kèn yêu quý của ông và bộ sưu tập khổng lồ đĩa nhạc jazz cũ. Những đĩa nhạc ấy được Toni-Takitani xếp vào các thùng giấy của hãng chuyên chở giao hàng tận

nhà, chất vào trong căn phòng trống lúc trước dùng để chứa áo quần của vợ anh. Những đĩa nhạc tỏa mùi hăng khắp phòng nên thỉnh thoảng đến kỳ lại phải mở toang các cửa sổ để thông khí. Ngoài những lần ấy ra, anh không còn bước vào phòng ấy nữa.

Cứ thế một năm trôi qua. Ôm giữ mãi núi đĩa nhạc ấy trong nhà đã trở thành phiền toái quá. Thỉnh thoảng, chỉ nghĩ rằng chúng còn đấy, cũng đã khiến anh khó thở quá rồi. Có khi, anh chợt mở mắt giữa khuya rồi chẳng ngủ lại được nữa. Ký ức không còn rõ nữa, nhưng vẫn hiển nhiên tồn tại ở đấy với trọng lượng không thể phủ nhận được.

Anh gọi tiệm bán đĩa nhạc đến bảo cho giá. Vì có nhiều đĩa nhạc quý đã tuyệt tích từ lâu, nên được giá rất cao, có thể mua được một chiếc xe hơi cỡ nhỏ. Điều đó đối với anh thì sao cũng được.

Núi đĩa nhạc ấy biến mất đi, lần nầy thì quả thật Toni-Takitani chỉ còn trơ trọi một mình.

Phạm Vũ Thịnh *dịch Sydney 05-2005*

---

(1) Tên Tony của Mỹ được ký âm thành "Toni-" trên sổ bộ Nhật Bản, là một cái tên lạ, lai căng mà người Nhật không quen dùng cho trẻ con Nhật.

chuyện làng ngày ấy

VÕ VĂN TRỰC

(tiếp theo)

X

TẬP TRUNG MỒ MẢ

Đất canh tác bị chia cắt manh mún thành hàng trăm mảnh nhỏ. Mảnh thì vuông. Mảnh thì méo. Mảnh thì xiên xẹo. Trong những mảnh ruộng ấy, chen chúc bao nhiêu ngôi mộ lớn mộ nhỏ. Có những thửa ruộng rất thảm hại: đất cấy lúa trồng khoai len lách giữa mồ mả choán gần hết diện tích. Đất bị xé ra như lòng người bị xé vụn bởi những ganh ghét. Đã mấy đời như thế rồi, hỡi đất đai?

Chủ trương của chính quyền cách mạng tập trung mồ mả vào một nơi là phải. Tập thể hóa tổ tiên, thần linh là việc làm nghiêm túc - hài hước, là tiếng cười mỉa mai sau khi người ta bình tĩnh nhìn lại niềm tin ấu trĩ. Nhưng tập trung mồ mả là việc làm nghiêm túc, hoàn toàn không pha vị hài hước. Hàng trăm ngôi mộ cũ đã được dời đi, đồng điền trông quang quẻ, thoáng mát, cây lúa cây khoai mọc lên một cách đàng hoàng, không phải chui rúc giữa mồ mả.

Có ngờ đâu công việc nghiêm túc ấy, người ta lại vô tình biến thành công việc hài hước và độc ác. Đáng lẽ chính quyền phải báo cho các gia đình tự lo liệu lấy việc dời hài cốt, gia đình không tự lo nổi thì mới yêu cầu sự giúp đỡ của tập thể. Đằng này người ta lại đùng đùng phát động thanh niên mở chiến dịch đào mồ đào mả.

Sáng hôm ấy, con gái và con trai, cuốc và xẻng, thuổng và bàn vét, ngổn ngang ồ ạt xông ra đồng. Hai cánh đồng Ruộng Quan và Cồn Rộng nhiều mồ nhất, phải mở hai mũi quân mạnh nhất xung phong vào hai "cứ điểm" này. Không biết từ bao giờ ông cha mình chọn nơi đây làm nghĩa địa cho người nghèo. Hầu hết những nhà giàu có, người ta táng vào thửa ruộng riêng, ngôi mộ to hơn và thế đất thịnh vượng hơn. Chỉ có nhà nghèo, hiếm ruộng hoặc không có ruộng, mới táng nhờ vào mảnh đất công này. Có khi đào huyệt mới lại chạm vào tấm áo quan cũ hoặc tiểu sành cũ. Mộ chen chúc nhau. Mộ chồng lên mộ, tầng tầng lớp lớp hài cốt. Đủ mọi dạng mọi kiểu cất táng: tiểu sành, tiểu gỗ, nồi đất, chiếu... Mỗi nắm xương khô là một cuộc đời riêng, một thế giới riêng được giấu kín vào lòng đất, phức tạp và huyền bí. Mộ ông Liễn, một tay đặt chuyện vè nổi tiếng. Ngôi mộ ông là pho biên niên sử đã khép lại trang cuối cùng, ta vẫn cảm được qua nắm đất cái xôn xao đầm ấm của hương thôn, cái châm chọc cay nghiệt đối với bọn hào lý. Mộ anh Tiếu, con ông mõ nghèo xơ xác, tác giả của nhiều câu ca dao trữ tình trong những đêm hát phường vải. Mộ o Thiện, một cô gái con nhà giàu, lẳng lơ, đa tình, trốn cha trốn mẹ để ân ái với những chàng trai nghèo. Mộ ông Đường, không vợ con, là thầy lang suốt đời mang cái bị thuốc đi làm phúc cho thiên hạ, đến lúc chết không kèn không trống, chỉ có vô khối những nén hương ân huệ cắm lên mồ.

Những cuộc đời riêng là vậy, những nỗi niềm riêng là vậy! Thế mà đến sáng mai này tất cả mọi bộ hài cốt được trộn vào trong một khối cộng đồng bao bọc bởi tấm ni lông!

Vốn lúc đầu đám thanh niên cũng còn giữ được lễ nghĩa: mỗi bộ hài cốt để riêng một nơi. Nhưng mộ nhiều quá, nếu cứ cẩn thận như vậy, tiến trình chiến dịch sẽ kéo dài, họ xô bồ đáo xới và xô bồ bốc tất cả hài cốt vào một tấm ni lông. Hàng chục cái sọ dừa, hàng chục cái xương tay xương chân, hàng chục bộ răng đổ ào vào một đống.

Ông T. quê làng Thanh Lý, đang làm thuê ở Phù Quỳ, xa trên năm chục kilômét, nghe tin xã mình tổ chức dời mồ mả để quy hoạch lại đồng điền, ba chân bốn cẳng chạy về. Đến đầu làng, áo quần ướt đẫm mồ hôi và lấm bê bết bụi bặm, chợt thấy đám thanh niên đang lố nhố đào mả ngoài đồng, ông hộc tốc chạy ra, vừa khóc vừa la hét: "Hài cốt của cha tôi đâu rồi?" Bọn thanh niên láu cá đánh lừa ông: bốc riêng ra một cái sọ dừa và mấy cái xương trao cho ông. Ông ôm bộ hài cốt, khóc rưng rức. Một lúc sau, trầm tĩnh lại, ông thấy còn thiếu một ống xương chân, đòi kỳ được. Mấy cậu thanh niên mặt tỉnh khô, trả lời: "Mộ cha ông chôn lâu ngày, làm sao

mà đủ được xương!" Ông T. vẫn không chịu, nằng nặc đòi cái xương ống chân của cha. P., một thanh niên lớn tuổi nhất, xóc xóc đống hài cốt trong túi ni lông, nhặt ra một đoạn xương chân trao cho ông T. (!).

Sau mấy ngày đào bới, tất cả hài cốt được mang lên táng tại khu nghĩa địa mới chung của toàn xã. Nói là nghĩa địa, nhưng nào có ra cái hình dáng gì đâu. Ở một số xã khác như xã Diên Thái, nghĩa địa được xây dựng rất nghiêm trang, xung quanh trồng cây, phía trong có lối đi ngang đi dọc, hàng trăm ngôi mộ nằm im lặng gợi không khí thiêng liêng. Còn ở xã tôi, hầu như người ta quá "duy vật", cho nên không coi trọng việc xây dựng nghĩa địa cho tử tế. Giữa cánh đồng màu, nham nhở lồi lõm mô gò, bùn lầy, xương cốt vùi xuống, đất lấp lên, thế là xong! Để tiết kiệm đất, không được đắp riêng từng nấm mộ, mà mỗi chi họ đào một cái rãnh dài, rồi xếp các bộ hài cốt liền nhau, đắp đất như bờ ruộng. Tệ hơn nữa là có mấy cậu thanh niên nghịch ngợm, đắp khu mộ hình khẩu súng lục hoặc hình khẩu súng trường.

Chôn cất kiểu này khó mà phân biệt được mộ của ai. Chỉ biết đấy là mộ chung, mộ tập thể. Có gia đình cẩn thận làm mộ chí bằng đá, mấy ngày sau bọn xấu bụng ăn cắp mộ chí đem về làm đá tảng kê cột nhà. Người ta lại làm dấu tại ngôi mộ bằng cách đóng cái cọc tre thật sâu, cũng chỉ mấy ngày sau là bọn trẻ chăn trâu nhổ cọc tre vứt lung tung. Chúng nhổ cọc tre để làm gì? Chẳng làm gì cả, nghịch thế thôi, không có mục đích.

Mọi người thở dài, bó tay, đành chịu vậy. Thời buổi thế thì phải chịu thế, chứ biết làm sao. Một số cụ già nhìn nghĩa địa luôm nhuôm như vậy, sợ thân phận mình sau khi nhắm mắt xuôi tay. Ai sẽ thờ phụng mình? Mộ mình có còn nữa đâu để con cháu tảo mộ? Lúc sống đã cơ cực, còn nghìn lần cơ cực sau lúc chết. Có cụ đâm ra sợ chết. Tôi nói thật đấy mà. Tâm lý dân tộc ta là người đã bảy mươi, tám mươi, ra đi rất thanh thản. Thế mà ở làng tôi, cụ cố Đính nhìn cái nghĩa địa tồi tệ mà sợ mình phải chết. Cố đã trên tám mươi tuổi. Vào giờ phút lâm chung, con cháu khiêng cố ra nhà ngoài cố không cho khiêng, con cháu thay áo mới, cố không cho thay. Cố nói thều thào: "Tao nhìn cái nghĩa địa, tao sợ lắm, đừng bắt tao chết..."

*

Chủ trương dời mồ mả để quy hoạch lại đồng điền là đúng. Nhưng các ngôi mộ có tính chất lịch sử và không ảnh hưởng đến đất đai canh tác, có nên dời không? Dĩ nhiên trăm phần trăm là không nên! Ấy thế mà ở làng tôi, người ta dời tuốt tuồn tuột, bất kỳ ngôi mộ nào.

Mộ bà cô trước nhà thờ đại tôn. Bà là con gái đức tổ Triệu Cơ. Dân làng

kính trọng gọi là "bà cô" chứ hồi ấy bà chỉ mới lên tám tuổi. Hằng ngày, bà đi chăn trâu cắt cỏ. Cô bé bình thường như hàng trăm cô bé khác, nhưng cuộc đời cô đã được dân làng dệt nên những tấm áo huyền thoại khoác lên thân thể và trở thành một "bà cô" đầy hấp dẫn qua nhiều thế hệ. Bà có nhiều công trạng giữ biên cương đất đai của thôn ấp. Lúc bị bọn giặc cỏ đến cướp đất, bà trát bùn đầy người và tả xung hữu đột. Hàng trăm mũi tên giặc không thể bắn thủng được lớp bùn trên người bà. Chẳng may giữa một trận kịch chiến, bùn bị rơi và trồi ra một mảng da, mũi tên giặc bắn trúng vào đó, bà ngã xuống. Sau khi bà chết, dân làng vẫn đặt thi thể bà trên lưng trâu và lùa trâu đuổi giặc. Tụi giặc sợ cái uy của bà, bỏ chạy như vịt cỏ.

Mộ bà được táng trước nhà thờ Tổ, tức là nhà thờ bố. Điều đó rất có ý nghĩa. Cơn cớ gì mà phải dời ngôi mộ ấy? Ngôi mộ nhỏ thôi, nằm khiêm tốn ở góc sân nhà thờ, chẳng choán một tấc vườn tấc ruộng của ai, người ta cũng đào lên và đem chôn chung với hàng loạt ngôi mộ khác. Thế là mất mộ "bà cô", mất một dấu vết của huyền thoại.

Mộ Tổ nổi lên như một cái gò, rộng chừng ba sào đất, ở giữa làng. Đây chính là ngôi mộ của đức Triệu Cơ Võ Chính Đạo, người đã sáng lập cái làng này từ thế kỷ XIII. Cách ngôi mộ chừng ba chục mét là nhà thờ đại tôn thờ đức Triệu Cơ.

Gần mộ Tổ có "cồn Tổ con" tức là ngôi mộ táng hài cốt con trai ông Võ Chính Đạo. Cồn Tổ con rộng một sào đất, nổi lên cao thành một cái gò bên cạnh những bụi ruối già cỗi. Tục truyền rằng: khi đức tổ Triệu Cơ đã về chầu trời, người con trai buồn bã cỡi voi đi lang thang, đến bụi ruối này ông cột voi lại và "hóa" theo cha. Cây ruối có nghĩa có tình sống qua thế kỷ này đến thế kỷ khác, nghiêng bóng mát trên ngôi mộ luôn luôn xanh mướt cỏ.

Mộ Tổ và cồn Tổ con cũng bị đào, bị phá tanh bành. Thật là một sự xúc phạm quá lớn đối với tổ tiên. Một làng Việt Nam giữ gìn được mộ ông Tổ khai sáng làng mình cách đây gần bảy trăm năm quý giá biết chừng nào ố quý về mặt lịch sử và mặt dân tộc học. Thế mà đến cái thời đại văn minh này người ta lại cả gan tung hê một cách vô ý thức.

Tìm hài cốt đức Triệu Cơ có dễ dàng gì đâu. Mộ rộng ba sào đất, ở giữa nhô cao lên và có mộ chí, người ta tưởng hài cốt ở ngay dưới chân mộ chí nhưng đào xuống chẳng thấy gì cả. Người ta lại đào lung tung, đào toang hoang, đào kỳ được mới thôi. Cuối cùng, tìm được hài cốt và không hề ngần ngại, người ta mời cụ Tổ vào nằm chung với bảy thế kỷ con cháu (!).

Mộ Cố Hùng rộng gần một mẫu, nổi cao giữa vùng đồng trũng ngay

bên bờ sông Bùng. Vốn lúc đầu chỉ là một ngôi mộ bình thường, qua nhiều đời mộ được đắp to thêm. Dân cho đó là điềm "phát" của một ngôi mộ thiêng, hễ cứ ai đi qua ném vào một hòn đất cho nên mộ lớn dần thành cái gò đường bệ như ngày nay.

Cố Hùng là ai? Hương sử còn ghi và thần phả còn lưu lại. Tên thật là Võ Cương, con trai một lực điền. Khi Lê Lợi và Nguyễn Trãi kéo quân qua vùng này, dừng lại để tuyển quân bằng cách tổ chức hội vật. Ngài đã vỗ bụng liên tục hàng trăm đối thủ. Vua Lê chọn ngài vào hàng quân vệ. Ngài đã cùng góp mưu với Đinh Lễ hạ thành Trài của giặc Minh, tức thành Diễn Châu. Sau khi thắng trận, Ngài được vua Lê phong là Hùng Lễ Bá. Do đó dân làng thường gọi là "Cố Hùng". Ngài qua đời, dân lập đền thờ ở giữa làng, gọi là đền thờ Cố Hùng.

Hằng năm, đi tảo mộ, thế nào ông tôi cũng dẫn đến sửa mộ đức tổ Triệu Cơ, mộ bà cô và mộ Cố Hùng. Ngày lễ đền, trước khi vào điện thờ, ông bắt tôi phải tắm rửa, thay quần áo mới. Hình ảnh linh thiêng của chiếc ngai sơn đỏ và ngọn nến đỏ in sâu vào tâm trí tôi như một hoài vọng cao cả của tuổi thơ.

Huyền thoại về Cố Hùng bao bọc lấy đời tôi như kén bọc tằm. Nhiều lúc đi chăn trâu, nằm trên mộ, áp tai vào cỏ, tôi tưởng tượng nghe được tiếng gươm khua, tiếng ngựa phi và mơ thấy võ tướng Hùng Lễ Bá ào ào đuổi giặc.

Ngôi mộ quá lớn, phải huy động tới ba chục thanh niên ra đào bới. Đào suốt một ngày ròng, chẳng thấy hài cốt đâu cả. Mặt gò bằng phẳng, xanh mướt cỏ, bỗng trở nên lổn nhổn những lỗ đào xuống, những tảng đất trồi lên. Mấy cậu thanh niên cáu tiết, đào mộ chí bằng đá khá lớn, khiêng đi một đoạn xa, rồi ném tòm xuống ruộng nước.

Chừng nửa tháng sau, bác Chắt Kế đi dạo mát ngoài đồng, chợt thấy giữa ruộng nhô lên một khối đá hình đầu rồng. Bác xắn quần lội xuống, đến tận nơi xem, mới biết đó là cái mộ chí. Tôi đang tát nước ở gần đấy, bác gọi đến, cùng bác khiêng mộ chí lên bờ. Bác múc nước rửa sạch mặt đá, rồi trương mục kính đọc nhưng dòng chữ Hán đã mờ nét. Một lát sau, bác thở dài:

- Cháu ạ, mộ chí Cố Hùng. Đứa nào chơi cái trò vô ý thức này?

Tôi thưa:

- Đám thanh niên hôm trước đào không thấy hài cốt, chúng nó khiêng mộ chí ném xuống đấy.

Mặt bác đỏ gay:

- Ai giáo dục cho thanh niên làm việc đó? Chủ nghĩa cộng sản phải biết quý trọng lịch sử dân tộc cháu ạ. Hử... Hồi hoạt động ở Thái Lan, bác Hồ còn viết diễn ca về ông Trần Hưng Đạo. Hử... Thanh niên vô ơn với tổ tiên thì làm cách mạng sao được! Cháu có biết lịch sử Cố Hùng không? Hử... một võ tướng của Lê Lợi. Lúc nào bác rỗi, bác kể lại cho cháu ghi sự tích Cố Hùng.

Bác là người có vốn Hán học khá uyên thâm, hiểu biết tường tận lịch sử làng xóm. Nghe bác nói tôi "vâng" "dạ" và tỏ lòng kính trọng bác. Hai bác cháu hì hục khiêng mộ chí chôn vào chỗ cũ, vừa làm vừa trò chuyện.

- Thưa bác. Cố Hùng là tướng của vua Lê đánh giặc Minh, Như thế thì ngôi mộ này đã có năm thế kỷ, theo cháu thì không nên dời đi.

- Hử... Đã dời mồ mả phải dời tất cả thì mới quy hoạch đồng điền theo thế đứng chủ nghĩa xã hội được. Làm cách mạng phải làm triệt để cháu ạ, chứ cách mạng nửa vời thì hỏng bét.

Một thời gian sau, hàng chục thanh niên lại được huy động đi đào hài cốt Cố Hùng. Đào một ngày không được thì đào hai ngày, hai ngày không được thì ba ngày. Cương quyết không để một ngôi mộ nào nằm cá thể ngoài đồng. A, đây rồi, đây có phải là hài cốt Cố Hùng không? Một nắm xương bọc trong chiếc mo cau xơ xác. Lục thần phả xem thì đúng đó là hài cốt võ tướng Hùng Lễ Bá. Cụ già đọc thần phả, mắt rớm lệ, còn các cậu thanh niên thì tinh khô. Cụ gọi một số bô lão lên gặp ông chủ nhiệm để xin mười lăm đồng mua chiếc tiểu sành đựng hài cốt. Ông chủ nhiệm xẵng giọng trả lời: "Mộ vua mộ chúa mộ thượng thư cũng dập thành đống đất, huống hồ là một ông tướng làng các cụ". Mấy cụ già xìu mặt ra về. Thế là số phận một vị tướng được chuyển từ mảnh mo cau sang tấm ni lông và táng vào chiếc huyệt chung của khu mộ mới (!).

Mộ cũ thì sao? Gò đất rộng một mẫu, vẫn còn đó. Đất rắn lắm, cày cấy sao được. Vẫn còn nguyên hình dáng và vị trí ngôi mộ, chỉ có điều là trong lòng ngôi mộ ấy không còn nắm hài cốt của Hùng Lễ Bá.

Bác Chắt Kế đi công tác xa, trở về làng, nghe tin tìm được hài cốt Cố Hùng trong mo cau, rơm rớm nước mắt. Bác tìm gặp tôi: "Trực ơi, có ai mang mộ chí lên nghĩa địa mới không?" Tôi trả lời: "Thưa bác, không ạ". Hai bác cháu lại hì hụi đến ngôi mộ cũ để tìm mộ chí, ông hàng chài cho biết rằng đám thanh niên đã ném chiếc mộ chí có tuổi thọ năm thế kỷ ấy xuống sông Bùng!

XI

NÚI HAI VAI XỆ MỘT BÊN VAI

Núi Hai Vai có tên chữ là Lưỡng Kiên Sơn, một di tích khảo cổ và là một thắng cảnh lớn của vùng Hoan Diễn cổ xưa. Núi thuộc địa phận làng Kẻ Dặm, cho nên còn có tên là Lèn Dặm. Vua Lê Thánh Tông đi kinh lý vào phương nam bằng đường biển, nhìn ngọn núi giống hình người đàn bà búi tóc, bèn đặt tên là Kế Sơn. Nhà sư ở chùa Hà Trang nhìn dáng núi như một vị tu hành chân chỉ tụng kinh niệm phật, đã đặt tên là núi Di Lĩnh.

Núi ở cách làng tôi theo đường chim bay hơn một kilômét. Làng ở giữa Lưỡng Kiên Sơn và Bùng Giang tạo nên phong cảnh hữu tình. Chiếc võng mẹ mắc hai đầu sông núi, ngàn đời ru cho bao nhiêu thế hệ trẻ thơ lớn lên trong điệu dặm vè và điệu hát ví phường vải. Tôi cũng được lớn lên trong cái nôi trữ tình và thần thoại ấy.

Những cuốn sách cổ về lịch sử và dư địa chí khảo cứu vùng Hoan Châu ố Diễn Châu đều có nhắc đến núi Hai Vai như một kỳ công hùng vĩ của tạo hóa. Nho sĩ Bùi Dương Lịch làm thơ ngợi ca Chống trời xương cốt nhục ố Non nước nặng hai vai. Trong nhà thờ cụ Nguyễn Xuân Ôn cũng có đôi câu đối tôn thờ ngọn núi như khí thiêng của trời đất. Tại nhà thờ đại tôn đức tổ Triệu Cơ của làng tôi, trong hậu cung, lấp lánh màu vàng ánh câu đối khẳng định sự trường tồn huyết tộc cùng với sự bền vững của núi non: Di linh phong cao thế hệ trường.

Phường thợ đá trong quá trình khai thác đá đã tìm được những di vật của thời kỳ đồ đá mới. Lẫn lộn trong lòng hang, cùng với phân dơi và phốt phát là những bát cổ đời Lý đời Trần, những cọc đèn đồng đời Lê đời Nguyễn, những thanh gươm gỉ thời Văn Thân chống Pháp...

Bao quanh những di vật ấy là huyền thoại của tràng giang lịch sử. Đây là bộ xương người bị ép chặt vào đá ố một tài liệu quý của khảo cô học hay xã hội học? Đây là cửa hang mà vị thần đã nằm ngủ, mộng thấy ngọn lửa xanh lạ kỳ bốc lên từ lòng đất và nơi đó đã trở thành lò rèn Nho Lâm cổ nhất ở nước ta. Nhấp nhô những tảng đá rêu phong kia là trận địa của Mạc Mậu Giang đấy ư? Dưới gốc cây đa cỗi cằn và gan góc kia, La Sơn Phu Tử đã ngủ lại một đêm trên đường đi tìm đất định đô cho vua Quang Trung. Dấu chân Tác Bay, một vị tướng tài ba của cụ Nghè Ôn, còn in hằn trên đá gợi lên khí vị thiêng liêng của dấu chân ông Đùng trong mô típ dân gian...

Đâu rồi, đâu rồi, tất cả những gì xa xưa ấy?

Đầu rồi, đâu rồi, quá khứ cần lao và hùng vĩ?

Đâu rồi? Đâu rồi?...

Còn đâu nữa! Người ta đã phá sạch rồi! Hơn mười năm, một công trường đá được mở ra tại núi Hai Vai để khai thác đá xây dựng đường sá, cầu cống, cơ quan, xí nghiệp. Mìn nối liên miên suốt ngày này qua tháng khác. Đá ào ào từ trên cao đổ xuống. Rồi đá lại theo hàng đoàn xe tải chở đi tứ phương.

Ty Văn Hóa kiện ty Công Nghiệp. Ty Công Nghiệp phớt lờ. Mìn cứ nổ. Đá cứ đổ. Ty Văn Hóa lại kiên nhẫn phát đơn kiện. Đến lúc ủy ban tỉnh ra lệnh cấm dùng mìn, dùng bộc phá để khai thác đá, thì kết cục thật là thảm hại: núi Hai Vai bị xẻ mất một bên vai!

Ngọn núi từ muôn ngàn xưa đường bệ biết bao. Núi là biểu tượng của khí phách của khát vọng dân chúng. Từ phía mặt trời mọc nhìn lên phía tây, núi ngẩng cao đầu, nhô hai vai như dáng người nghị lực phi thường nghìn trận thắng giông tố, bão bùng, giặc giã. Sừng sững giữa trời cao đất rộng một tháp đá uy nghi, vững chãi, thế mà cũng bị con người chém đứt hẳn một bên vai. Ông bí thư đảng ủy còn dõng dạc tuyên bố: "Chúng ta phải mở một nhà máy xi măng ngay ở chân núi Hai Vai. Cho đến lúc hết sạch đá hóa thành bồng bằng, ta có thêm hàng chục mẫu đất để tăng gia sản xuất". May mà ủy ban tỉnh ban hành lệnh giữ gìn núi Hai Vai không đến nỗi quá muộn, không thì ông bí thư đảng ủy ấy đã dùng phép phù thủy hóa núi thành đất màu mỡ cấy lúa trồng khoai, đem lại ấm no cho nhân dân!

Tôi nói "không đến nỗi quá muộn" tức là cũng đã muộn rồi. Biểu tượng khát vọng của nhân dân bị băm vằm rách nát: Từ làng Nho Lâm nhìn lên, núi giống một người thợ rèn khom lưng cầm búa gõ đe. Cho nên nghề rèn ở Nho Lâm đã được thịnh vượng trên hai nghìn năm. Bây giờ ông thợ rèn khổng lồ ấy đã bị cụt đầu!

Từ làng Đậu Lý nhìn xuống, núi giống cái mũ của quan võ. Cho nên, qua nhiều đời, làng này sản sinh ra những vị tướng tài và đặc biệt là tướng Tác Bay với sức khỏe phi thường đã nhổ gốc đa cổ thụ quật vào đội quân giặc bỏ chạy tan tác. Bây giờ cái mũ của quan võ ấy bị rách rồi!

Từ làng Côn Sắt nhìn sang, núi giống chiếc mũ cánh chuồn của quan văn. Cho nên làng này có nhiều người học hành, đậu đạt cao, tiêu biểu là cụ Nghè Nguyễn Xuân Ôn. Bây giờ cái mũ quan văn ấy đã bị mất hai cánh chuồn!

Từ làng Kẻ Sừng nhìn chếch về phía đông nam, núi giống một đụn thóc. Cho nên vùng này là cái vựa lúa của Hoan Châu, từng cung cấp lương thực các đội nghĩa quân đánh giặc, giữ gìn đất đai tổ quốc. Đồng ruộng nơi đây có loại nếp rồng hạt to và rất thơm. Bây giờ cái đụn thóc ấy đã xẹ ra rồi,

còn đựng thóc làm sao được nữa!

Từ làng Kẻ Hến nhìn chếch về phía tây bắc, núi giống hình chiếc dao cầu xắt thuốc bắc. Cho nên làng này đời nào cũng có thầy lang giỏi, đi chữa bệnh khắp thiên hạ. Bây giờ con dao cầu ấy đã gãy mất cán, liệu có còn lương y kiêm từ mẫu nữa không?

*

Nghe tin bác Chắt Kế vừa ở trên tỉnh về, tôi chạy đến thăm. Trong lúc trò chuyện thân mật, tôi hỏi:

- Tỉnh có chủ trương xây nhà máy xi măng ở núi Hai Vai không bác?

- Tỉnh chưa có chủ trương. Cháu nghe ai nói?

- Ông bí thư đảng ủy xã ta.

- Có lẽ là nhà máy của huyện...

- Nếu đúng thế thì cháu rất sợ... Làm được một ít xi măng thì ngọn núi bị hư hỏng, tiếc lắm.

- Sao lại tiếc? Lý luận của Mác là con người phải cải tạo thiên nhiên, cải tạo thế giới.

Hai bác cháu rủ rỉ ngồi nói chuyện với nhau khá lâu.

Bác am hiểu khá tường tận về ngọn núi này, biết nhiều chuyện từ đời xửa đời xưa, nào là chuyện hổ về làm tổ trong hang, nào là chuyện nghĩa quân Cần Vương lấy núi làm đại bản doanh... Đang đà vui chuyện, bác kể cho tôi nghe chuyện thời bí mật bác đã phải lẩn trốn trong các hang hốc như thế nào, nhịn đói nhịn khát như thế nào...

- Hay là bác dẫn cháu lên núi, chỉ cho cháu biết "trận địa" của bác? Cháu muốn ghi lại...

- Cũng được...

Thế là bác đi trước, tôi đi sau. Vừa đi đường bác vừa khuyên bảo tôi: "Thanh niên làng ta ít được học truyền thống đấu tranh của Đảng, cháu nên viết lại mà in thành sách. Thời Mặt Trận Bình Dân, chi bộ làng ta cũng họp hành trên núi, cũng giấu truyền đơn trên đó, đến Hàng Khoán là địa điểm liên lạc của Đảng... Cháu nên viết lại thời kỳ đó, gian khổ lắm, oanh liệt lắm cháu ạ..."

Đến chân núi, hai bác cháu dừng lại. Lạ quá, núi thay hình đổi dạng hoàn toàn. Tìm mãi, không thấy lối trèo lên. Những gốc đa sần sùi, những chùm rễ si già cỗi, những lòng hang âm u... đều biến mất. Bác tỏ vẻ bần thần, cứ đi đi lại lại, ngó chỗ này rồi nhìn nơi kia. Thỉnh thoảng bác tự nói một mình: "Chúng nó làm hỏng hết rồi... Phá phách ghê quá...". Bác giơ tay vẫy tôi, rồi dẫn tôi đi vòng quanh chân núi, như vị tướng già dẫn một

tân binh về thăm chiến trường cũ. Chiến trường đã hoang phế, không còn chút dấu vết hùng tráng của dĩ vãng. Gương mặt bác thoáng vẻ buồn. Chốc chốc bác dừng lại và chỉ tay: Nơi ấy hồi trước có cửa hang, chi bộ thường vào họp... Nơi ấy hồi trước có tảng đá nhô lên, bác ngồi chờ suốt mấy đêm để nhận tin tức của Đảng... nơi ấy hồi trước có khóm lau già, mấy đồng chí thường hẹn gặp nhau ở đó...

Nơi ấy, hồi trước... Chẳng lẽ tất cả những gì thuộc về "hồi trước" đều bị xóa đi bởi bàn tay vô ý thức và tan bạo của con người ngày nay?

Bác Chắt Kế lắc đầu:

- Không được cháu ạ! Phá phách như thế này thì lấy gì mà giáo dục truyền thống cách mạng cho thanh niên?

Tôi hỏi lại:

- Sao lúc nãy bác lại nói là cháu không nên tiếc khi người ta phá núi làm nhà máy xi măng?

Bác không trả lời...

*

Tuổi thơ của tôi gắn bó với ngọn núi trước hết bởi những hang động và chuyện kể về những hang động ấy: hang Nhà Nước, hang Kẽm, hang Bông, hang Thắt Cổ, hang Chó Đẻ...

Những trưa hè chói chang nắng, gió nam dội hùng hục vào núi như lửa dội ngỡ chừng có thể làm sủi bọt cả khối đá vôi khổng lồ. Lũ trẻ chúng tôi tìm được thú vui riêng: chui vào các lòng hang để bắt sáo. Lòng hang mát rượi, vách đá ri rỉ nước thấm mát cả cơ thể tưởng như cái thế giới nhỏ bé này tách hoàn toàn khỏi cái thế giới oi bức ngoài kia.

Tiếng chim líu ríu, trong trẻo và ngây thơ như vọng lại từ thời hồng hoang. Chúng tôi công kênh nhau, bám vào vách hang, leo lên tận trần, thò tay vào những hõm đá để bắt chim. Có tổ còn ủ nguyên những quả trứng tròn xanh, giơ ra trước ánh sáng mờ mờ ở cửa hang, vỏ trứng ánh lên một màu xanh non nã dễ thương, chúng tôi lại cẩn thận đặt vào tổ. Có hốc đá chìa ra mấy sợi cỏ khô động đậy khe khẽ, chúng tôi thò tay vào th chao ôi, mấy chú chim non còn đỏ hỏn ngọ nguậy. Phải thật sự là những chú chim đủ lông đủ cánh, dập bọng đái, chúng tôi mới bắt về nuôi.

Nhưng thú vị hơn là vào lòng hang để trốn tìm, chúng tôi có khi năm đứa, có khi mười đứa hoặc hai ba chục đứa rủ nhau vào, luồn theo những lối đi cheo leo từ hang này qua hang khác, từ động này qua động khác. Tiếng hú gọi nhau âm âm u u vọng dài nghe xa xôi như tiếng hú từ lòng đất dội lên. Đang lom khom đi, bất chợt một luồng sáng dọi vào, ngẩng đầu lên: ông

ánh chùm thạch nhũ buông xuống ngon lành tưởng có thể há mồm ngoạm ăn như ăn một thứ trái chín ở vườn tiên. Đang dắt díu nhau chui xuống đáy sâu thăm thẳm, ngột ngạt, chợt luồng gió thổi vào mặt mát lạnh, chúng tôi reo lên: "Cửa hang đây rồi!". Kìa, cửa hang mở ra với cái chuông thạch nhũ treo lửng lơ. Gõ tay vào, đá ngân lên trong trẻo, tiếng ngân lấp lánh theo màu đá đổi thay với những đường vân xanh vân tím vân hồng.

Tòa thiên nhiên lộng lẫy ấy chỉ trong mười năm đập phá là bị tiêu tan hết.

Người ta thù hằn với thiên nhiên chăng? Người ta thù hằn với cái đẹp chăng?

Cách đây bao nhiêu thiên niên kỷ, con người đã in dấu chân lên hòn núi này và đã thổi tâm hồn mình vào đó với những miếu thờ thâm u, những mái chùa thơ mộng, những cửa đền oai nghiêm và nối tiếp chuỗi dài huyền thoại. Mỗi thế hệ đi qua đều để lại dấu ấn của mình, đều tô chuốt cho thiên nhiên đẹp đẽ hơn, huyền diệu hơn. Tại sao đến thế hệ này, thế hệ của những năm cuối thế kỷ XX sau công nguyên này, không những không tô chuốt thêm, mà lại phá trụi mọi dấu ấn của thế hệ trước, hơn thế nữa, còn phá trụi cả tòa lâu đài thiên nhiên đã được tạo lập qua hàng triệu triệu năm.

Ngôi chùa ở lưng chừng núi Hồ Linh, bên cạnh núi Hai Vai vừa là một thắng cảnh vừa có liên quan đến lịch sử thời kỳ Văn Thân và thời kỳ Đảng hoạt động bí mật, đã xếp hạng bảo tồn và cắm tấm biển "cấm vi phạm". Tất cả những thứ "cấm vi phạm" ấy đã hóa thành một đống đổ nát.

Tôi bần thần ngỡ mình như hòn núi ấy, bị quỷ cướp mất hồn, tôi đi lang thang và dừng lại tại vị trí ngôi chùa cũ ở lưng chừng núi, lưng chừng trời, lưng chừng mây. Tôi bới tìm trong đống gạch vụn và đá vụn, vô tình nhặt được khối thạch nhũ đẹp như bầu vú sữa bị một lưỡi rìu chém đứt ngang.

XI
THUẾ KHẢ NĂNG

Trường học xa nhà ba mươi kilômét. Tôi phải mang gạo đi ở trọ, chiều Chủ Nhật đến trường, chiều Thứ Bảy về. Lớp học ở trong một ngôi đền bỏ hoang. Học sinh tự túc bàn ghế: bàn xếp, ghế xếp bằng gỗ tạp, lúc vào học thì mang vào, lúc tan học thì mang về. Lích kích lắm, vai bên này mang cái bàn, vai bên kia mang cái bị cói đựng sách vở, tay xách ghế. Đang ngồi học, có lúc chân bàn choãi ra, bàn sập xuống, mực đổ nhòe nhoẹt cả trang vở.

Trận đói ập đến. Cái cảnh ở trọ của học trò nghèo thật vô cùng cơ cực.

Bụng đói meo, học đến tiết thứ ba, thứ tư thì mắt mờ tay run. Đêm nào cũng thức khuya bên ngọn đèn dầu, bụng đói, muỗi đốt, có dạo lại bị sốt rét vàng da, phải tiêm ký ninh ù cả tai. Ban ngày, ngoài giờ lên lớp, chúng tôi phải vào rừng thông hái củi, ra đồng hái rau khoai. Nông dân cũng đi hái rau khoai, rau má rất đông. Rổ ngọn khoai của chúng tôi đầy quá, phải lấy nón đậy lại để khỏi xấu hổ. Nhiều ngày chỉ dám dùng một bát gạo, chia đều ba phần nấu làm ba bữa, nồi cháo lều bều gạo với ngọn rau khoai, ăn nhếu nháo để có cảm giác là mình đã ăn. Một bao diêm có thể dùng hàng tháng, tôi xin được lưỡi dao cạo, nhẹ tay chẻ dọc que diêm, hai nửa đều có thuốc... Bà chủ nhà thấy chúng tôi ăn khổ quá, thỉnh thoảng xới bát cơm mời chúng tôi ăn với cá. Ở trọ hằng năm như vậy, thế nào chủ nhà cũng có ngày giỗ. Gặp ngày giỗ, trời ơi, sướng biết chừng nào. Sáng dậy, bà chủ đã vo nếp và nói với chúng tôi: "Hôm nay nhà có giỗ, cháu đi học nhớ về sớm ngồi cỗ với gia đình cho vui". Cái buổi học ấy, khó mà tiếp nhận bài giảng của thầy, bụng bồn chồn trông cho chóng hết giờ. Cỗ có nhiều nhặn gì đâu, vài đĩa thịt gà luộc, vài đĩa xôi - đối với học trò nghèo, thế cũng thần tiên lắm rồi. Cộng thêm vào thái độ trịnh trọng của vợ chồng bác chủ nhà, mùi hương thơm, ngọn đèn liu hiu trên bàn thờ, tôi càng thấy xúc động và nhớ nhà vô kể, nhớ cha mẹ, nhớ tuổi thơ...

Hằng tuần, chúng tôi chờ đợi ngày Thứ Bảy như chờ mẹ đi chợ về. Mười hai giờ tan lớp, chẳng ăn uống gì cả, chúng tôi cuốc bộ một mạch ba mươi kilômét, lòng phơi phới, chân bước nhanh. Cái cảnh đi bộ của lũ học trò chúng tôi chẳng khác gì những người dân quê đi bộ gần trăm cây số lên miền ngược để làm thuê. Mấy bạn nữ nhiều lúc theo không kịp, phải gọi: "Chờ chúng tôi với, các cậu đi không có tình cảm gì cả". Có lần, về dọc đường, đói hoa cả mắt, chúng tôi đánh liều rủ nhau vào ruộng ngô vờ ngồi ỉa để bẻ ngô non ăn. Lúc đầu, mấy bạn gái còn xấu hổ, vờ làm bộ làm tịch, nhưng rồi cũng không chịu được cơn đói hành hạ, đành theo bọn con trai chúng tôi đi bẻ trộm ngô non.

Ở nhà, mẹ cũng thường đợi tôi vào chiều Thứ Bảy. Nếu bận việc phải đi vắng, mẹ để phần sẵn cho tôi một bát khoai khô xéo với đậu hoặc mấy củ khoai luộc hoặc bát cơm nguội. Dẫu có túng thiếu đến mấy, mẹ cũng mua một ít thịt hoặc một ít cá kho mặn để tôi ăn ngày Chủ Nhật. Niềm vui của mẹ là loay hoay làm thức ăn để tôi mang đi ăn cả tuần ở nhà trọ, món ăn tiện lợi nhất là tôm kho thật mặn còn lổn nhổn muối, con tôm cứng lại, để hàng tuần không bị thiu. Ăn như thế thành quen, tôi thấy ngon miệng, về sau rất khó ăn nhạt. Nếu ăn dè mỗi bữa ba con tôm thì có thể ăn được

gần cả tuần, nhưng thường ngồi học đến mười giờ đêm, bụng đói, đem tôm ra ăn, chỉ vài ba hôm là hết sạch. Và món ăn dự trữ tiếp theo là rau khoai rau má ngoài đồng.

Chưa bao giờ gia đình tôi gặp khó khăn đến thế. Mới tháng Giêng mà chỉ còn một chum thóc. Gần ba tháng nữa mới có lúa gặt. Với chum thóc ấy cả nhà tôi chỉ ăn chừng nửa tháng nữa là hết. Đôi lúc tôi có ý định bỏ học. Mẹ khuyên răn, dỗ dành, tôi đành tiếp tục học.

Tinh thần cách mạng của bà con dân làng có tác động rất lớn đối với tôi. Tuy đói, vẫn có đông người xung phong đi bộ đội, đi dân công. Làng huy động đi đào ao, đắp bờ, phá đình, phá chùa, chặt cây, họ vẫn tham gia đầy đủ, dẫu bữa ăn tập đoàn chỉ đơn sơ vài bát cơm và mấy đĩa cà. Điều đặc biệt là hầu như tối nào cũng họp, cuộc họp nào cũng rất đông. Hôm nay họp để nghe giải thích về chính sách tiết kiệm, mai học tập chính sách thuế nông nghiệp, ngày kia nghe phổ biến tin chiến thắng... Họp nhiều quá, có người đâm ra nghiện họp, cứ chập choạng tối là ngong ngóng nghe loa gọi mời họp. Thỉnh thoảng có đêm không đi họp, dĩ nhiên là không có tiếng loa gọi, nhiều người vẫn rủ nhau tới địa điểm họp ngồi quanh nùn rơm, điếu thuốc lào chuyền tay nhau hút sòng sọc. Sang trọng hơn nữa là có thêm ấm nước chè xanh nấu trong nồi đất, người này uống, người kia uống, uống cho đến lúc nước nhạt phèo, trong nồi chỉ còn trơ cái bã lá nát nhừ.

Nội dung của cuộc họp trong vụ đói này là "đấu tranh phát hiện thuế khả năng".

Người điều khiển những cuộc họp này là chú Văn mắt toét, chi hội trưởng Nông Hội. Sở dĩ gọi là Văn mắt toét vì làng tôi có hai người tên Văn. Chú Văn chi hội trưởng từ lúc nhỏ đến lúc lớn mắt luôn luôn toét nhoèn, để phân biệt với Văn kia, người ta thường gọi Văn này là Văn mắt toét. Đi ở, làm thuê hầu như trở thành cái nghề của chú. Hết vụ này sang vụ khác, hết năm này sang năm khác, chú đi ở cho các nhà giàu. Nhiều năm chú đi ở rất xa, cuối năm trở về làng ăn tết dăm bảy hôm rồi lại tiếp tục đi ở. Từ khi cách mạng thành công, gia đình chú được chia vài sào ruộng công điền, chú chấm dứt cuộc đời đi ở làm thuê. Rồi chú được bầu làm chi hội trưởng Nông Hội. Chú có học bình dân học vụ, biết đọc biết viết vỡ vẽ dăm ba chữ, nhưng tất cả các văn bản đều phải nhờ người khác đọc cho nghe và viết hộ, chú chỉ việc ký một chữ "Văn" loèo ngoèo.

Chú Văn mắt toét tuyên bố lý do cuộc họp như sau:

"Tình hình vấn đề đòi hỏi hiện nay rất khẩn trương. Đa phần các đồng chí hội viên nông dân không còn lương thực và thực phẩm. Vấn đề đói rất

khẩn trương như vấn đề hóa và vấn đề thủy. Hội viên nông dân ta đi theo cách mạng thì không thể để vấn đề đói đe dọa, vấn đề là phải cứu đói như vấn đề cứu hóa và vấn đề cứu thủy. Vấn đề phải giải quyết một cách kiên quyết và triệt để tức là vấn đề hội viên nông dân ta phải đoàn kết nhất trí như sắt thép để tranh đấu lại với vấn đề đầu cơ tịch trữ để bọn đầu cơ tích trữ không thể ngồi mát ăn bát vàng để hút máu hút tủy hội viên nông dân chúng ta. Các đồng chí hội viên nông dân ta vấn đề là phải phát hiện ra cái bọn đầu cơ tích trữ đó, vấn đề là để chúng không đầu cơ tích trữ được nữa. Ai thấy ai có khả năng đầu cơ tích trữ thì nói ra, vấn đề là phải nói ra cho hết để bắt người có khá phải nộp thuế, vì thế chủ trương của cấp trên là phải làm thuế khả năng. Nhà ai thừa mười tạ bắt nộp mười tạ. Nhà ai thừa năm tạ bắt nộp năm tạ. Nhà ai thừa một tạ bắt nộp một tạ..."

Chú Văn mắt toét nói xong, ngồi thở phì phò. Cả hội trường im lặng... năm phút... mười phút... mười lăm phút... Như thấy mình bị hẫng, chú đột ngột đứng dậy, vung hai nắm tay, nói như búa bổ: "Vấn đề là hội viên nông dân phải biết đoàn kết. Giai cấp vô sản không sợ bất cứ ai. Vấn đề là thấy ai thừa thóc tích trữ đầu cơ thì cứ nói toạc ra để vấn đề là bắt họ phải đóng thuế khả năng".

Một bà đứng dậy hỏi:

- Bắt bọn đầu cơ tích trữ đóng thuế khả năng thì tôi có được chia thóc không?

Chú Văn mắt toét trả lời đanh thép:

- Vấn đề là ai đói cũng được chia!

Một người khác:

- Mùa vừa rồi, đồng làng ta bị lũ lụt, sâu keo mất trắng, làm gì có gia đình nào thừa thóc để đầu cơ tích trữ.

Chú Văn mắt toét đùng đùng vung nắm tay về phía trước:

- Ông nói như thế là bao che cho bọn đầu cơ tích trữ, hút máu hút mủ của bà con hội viên. Vấn đề là phải vạch mặt chúng để chúng phải nộp thuế khả năng. Ai vừa bao che đó, có phải ông H. không? Tôi thấy ông H. còn khả năng, ông H. phải đóng hai tạ.

Ông H. bật lò xo:

- Nhà tôi thì kéo cành rào từ đầu nhà đến cuối nhà không vướng cái chum cái bồ nào thì còn khả năng đâu nữa mà đóng.

Mặt chú Văn đã đỏ lại càng đỏ hơn:

- Ông H. phải đóng hai tạ! Anh Bá thư ký ghi vào biên bản!

Ông H. chống chế:

- Bán cả gia tài điền sản nhà tôi cũng không được hai tạ thóc. Xin anh Bá chưa ghi biên bản vội.

Chú Văn đập bàn:

- Anh Bá cứ ghi biên bản! Ông bán gia tài điền sản không đủ hai tạ thì ông bán cái thân ông đi mà đóng thuế.

Cả hội trường im như chết. Rồi giải tán. Thế là cuộc họp đầu tiên về thuế khả năng kéo dài đến nửa đêm, mới được hai tạ thóc. Bà con vừa đói vừa mệt, lếch thếch ra về. Họ thì thầm với nhau: "Ông H. thì có mấy quyển sách chữ nho, mấy cái bút lông, chứ có cái ma gì mà bán để mua đủ hai tạ thóc đóng thuế... Cái ông đồ ấy cũng đói meo như ta..."

*

Tôi nghỉ học đã ba ngày. Sáng nào mẹ cũng giục đi nhưng tôi nấn ná ở nhà để gánh đá thuê cho thợ nề làng Bút Trận nung vôi, được đồng nào tôi đưa cho mẹ đồng nấy. Mẹ không cầm: "Con góp lại, đem đến nhà trọ mua thêm thức ăn mà học, dạo này con gầy quá...". Tôi vẫn giúi tiền vào tay mẹ, mẹ quay mặt đi và khóc.

Người tôi như tê dại. Giá tôi nghe lời mẹ thì tôi đã sang Trung Quốc học rồi. Năm ấy, cả huyện chỉ chọn tôi và hai đứa nữa đi học ngân hàng, vì gia đình tôi cũng có đóng góp ít nhiều cho cách mạng. Huyện gọi tôi lên và nói: "Nước nhà đang đánh giặc, cháu sang bên đó bác Mao nuôi cho ăn học để sau này về xây dựng tổ quốc. Như thế là cháu vinh dự lắm. Gia đình cháu là gia đình cán bộ thì cháu mới được chọn đi học nước ngoài". Ông cán bộ huyện vừa nói xong, không hiểu sao tôi lại trả lời ngay: "Cháu xin cám ơn bác, cháu không muốn đi đâu. Bác cho cháu ở nhà". Mẹ rất bất bình với tôi việc này. Mẹ khuyên can mãi, tôi vẫn nhất mực không nghe. Tôi cứ tưởng ở nhà ngày nào cũng đi cắm trại, tối nào cũng đi tập hát, thế giới đại đồng đến nơi rồi, cho nên tôi không muốn xa quê hương, đất nước. Ai ngờ có trận đói thế này. Mẹ phải vắt sức, vắt mồ hôi, chắt bóp từng đồng tiền, bát gạo để nuôi tôi ăn học.

Những năm cách mạng mới thành công, mẹ hăng hái tham gia công việc đoàn thể, công việc xã hội, lại xoay xở việc đồng áng, cửa nhà. Bây giờ tôi thấy mẹ có phần mệt mỏi. Càng ngày mẹ càng già càng gầy yếu. Tôi tưởng như thời gian đi qua trên gương mặt mẹ từng ngày từng giờ. Còn bao lâu nữa tôi mới học xong để kiếm đồng tiền nuôi mẹ. Thế giới đại đồng càng ngày càng lùi xa. Chân mẹ gầy yếu thế làm sao mẹ đi tới được cái đích cao sang mà mịt mờ tít tắp ấy? Con có cảm giác như mẹ đang dẫn con đi trên dặm đường thiên lý sa mạc ngùn ngụt nắng gió, chốc chốc lại hiện ra trước

mặt mình những lâu đài tráng lệ, nguy nga của ảo giác lừa dối, để rồi lại tiêu tan hy vọng, để rồi lại nuôi hy vọng hiện lên những tòa lâu đài khác...

- Con không đi học nữa đâu mẹ ạ, con ở nhà gánh đá thuê lấy tiền góp vào cho gia đình qua cảnh khốn khó này...

- Không được đâu con ạ! Con bỏ học thì sẽ ngu dốt suốt đời, khổ suốt đời! Cha con trước kia vác một cái song đi khắp tỉnh xắt thuê thuốc lào cũng không đủ nuôi gia đình. Muốn thoát cảnh này, cả nhà chỉ trông cậy vào sự học hành của con. Anh con đã đi bộ đội... còn ai nữa...

Tự nhiên ngực tôi nóng ran, cổ nghẹn lại. Không nói thêm được câu nào, tôi loay hoay sắp sách vở để tiếp tục trở lại nhà trường. Chắc mẹ sung sướng lắm, mẹ tất tưởi đong gạo vào ruột tượng và đồ thức ăn vào ống nứa để tôi mang đi. Mẹ vừa làm vừa nước mắt chảy dàn dụa trên gò má nhăn nheo. Rồi mẹ vào buồng nằm, quay mặt vô bức vách. Tôi thẫn thờ đến mở ống nứa xem, thấy ống nứa đựng đầy thịt kho muối - thịt vụn một phần thì muối đến mười phần, mặn hoắc, nhưng đối với cảnh học trò ở trọ chúng tôi thì đây là món ăn sang trọng. Tôi lục khắp tất cả mọi ngóc ngách chum, vại, chỉ còn chục cân thóc và một ít khoai khô. Gạo thì hết sạch - mẹ đã dành tất cả cho tôi mang đi. Tối nay mẹ lại ăn khoai.

Trên đường đến trường, tôi nghĩ lan man về mẹ, về gia đình bà con thhân thuộc và quê hương. Cái đất quê mình cực quá chừng. Đói và đói lưu cữu. Cứ tưởng cách mạng thành công thì dân làng mở mày mở mặt, không ngờ đói cứ xô nhau ập đến. Tình cảnh cũ trở lại, người ta lại lục tục kéo nhau lên Phủ Quỳ kiếm ăn và lúc trở về thì mang theo bệnh sốt rét và cổ trướng. Tôi nhớ bà Luyện nằm đói liệt mấy ngày, mẹ tôi đem sang cho một bát cà muối lẫn với củ chuối, nước đặc sệt đen ngòm. Bà run tay bưng bát cà ăn và liếm sạch, không còn một chút nước.

Tôi yên tâm học làm sao được? Bồn chồn đợi đến Thứ Bảy để về. Cái Thứ Bảy ấy, thật là kỳ lạ đối với tôi. Sáng dậy, không có chút gì vào bụng. Mười hai giờ trưa, học xong, tôi cuốc bộ một mạch suốt chặng đường nắng chói chang, không uống nước, cũng không dừng lại bẻ trộm ngô non. Nhớ nhà quá, nhớ quê quá, quên cả đói bụng.

Bước vào nhà, vắng tanh vắng ngắt. Bố mẹ đi đâu? Các em đi đâu? Nắng lọt phên thưa rụng xuống những giọt vàng trên bếp tro lạnh. Bụi bay đìu hiu. Muỗi kêu vo ve. Lạnh ghê người. Lúc này tôi mới chợt nhớ từ sáng đến giờ không ăn không uống, cơn đói quẫy lên, bụng cồn cào. Tôi lục lọi tất cả nồi niêu, không tìm ra cái gì để ăn được. Tôi đành lấy điếu thuốc lào kéo một hơi dài, rồi nằm say lừ đừ trên nền nhà. Bà láng giềng sang xin lửa,

gọi tôi dậy và cho biết cha mẹ tôi đi dự hội nghị đấu tranh thuế khả năng, còn hai em đi hái rau chưa về. Trời ơi! Lại thuế khả năng! Cả cái làng này, ai còn khả năng để đóng thuế? Mà cứ họp hành mãi, chẳng có biện pháp gì để chống đói. Cứ họp liên miên để rán sành ra mà ăn ư?

Tối. Tôi đi dự họp. Chú Văn mắt toét vẫn điều khiển hội nghị. Không khí căng thẳng. Hầu hết những người ngồi họp ở đây đều là những người đói. Người này biết người kia cũng đói như mình, nhưng vẫn hy vọng người kia cấu ra chút da chút thịt để mình ăn qua cơn hoạn nạn. Người này không nỡ làm việc đó, bụng rầm rứt, nhưng được ai đó kích động, cộng thêm vào tính ích kỷ bẩm sinh, nên đã nói liều rằng người kia còn dư hai tạ thóc, hoặc ba tạ thóc, hoặc bốn tạ thóc...

Chú Văn mắt toét tỏ ra rất kiên quyết. Hai tay giơ lên hạ xuống. Gân cổ nổi chằng chịt. Nói rất to. Phòng họp chỉ chừng năm chục người dự mà chú nói như diễn thuyết trước hàng ngàn người: "Vấn đề là phải chống đến tận gốc bọn tích cơ đầu trữ, bọn ngồi mát ăn bát vàng. Các đồng chí hội viên ta phải bới ra cho hết những ai tích cơ đầu trữ, lấy thóc về mà ăn, không thì vấn đề là chết đói cả nút. Mọi người phải thông hiểu vấn đề đến tận gốc ý nghĩa quan trọng của vấn đề. Ai đang chần chừ, biết người tích trữ đầu cơ mà không nói ra thì vấn đề là cứ ngồi đó mà đói nhăn răng..."

Chú dừng lại một chốc, thở rất to, rồi nói tiếp: "Những người có tên phải đóng thuế khả năng mà bà con đã phát giác mấy đêm trước, vấn đề là phải nộp mau mau, không thì thế này này - chú nắm chặt hai nắm tay, nắm này đấm vào nắm kia - cứ cầm vồ mà nện từ trên đầu nện xuống, nện cho đến khi nào mồm ợ ra mới thôi... Tôi nhắc lại ông Khương bốn tạ, bà Hương ba tạ, ông cụ Vân hai tạ...". Những người này đứng dậy xin rút xuống số thóc phải đóng, ai cũng phân bua gia đình khó khăn. Chú Văn mắt toét cắt ngang: "Không rút xuống rút lên gì cả. Sáng mai vấn đề là phải đóng đủ, nộp đủ, không đóng thì thế này này - chú xắn hai ống tay áo, lại nắm chặt hai nắm tay, nắm này đấm vào nắm kia - cứ cầm vồ mà nện từ trên đầu nện xuống, nện cho đến khi nào mồm ợ ra mới thôi... Anh Bá thư ký cứ ghi tên vào biên bản cho tôi". Ông Khương đứng dậy: "Nông Hội rút bớt cho tôi, tôi xin mang ơn, nhà tôi cũng kiệt rồi". Chú Văn mắt toét đập bàn một cái rất mạnh làm nhiều người giật mình: "Vấn đề là ông chống lại Nông Hội à? Ông sợ đóng bốn tạ ít quá à? Thế thì ông đóng năm tạ. Anh Bá ghi cho tôi, ông Khương năm tạ"...

(còn tiếp)

đùa với đường thi

ĐÀN BÁCH KIẾM

Đường thi như đôi cánh nhạn nghìn đời bay lượn trên thân phận con người. Tôi bơi lội trong Đường thi, ngậm ngùi, đùa dỡn. Chút mảnh hồn mang mang trong mưa xuân. Lấy chút hồn của cổ nhân mà cấy sinh tử phù vào lòng mình. Đôi cánh hạc có thật đã bay, bay mãi? Sao giấc mộng ban đầu vẫn xôn xao trở về giữa trưa hè hanh nắng? Sao loáng chớp vàng tung trong nháy mắt, mà thiêu thu hiu hắt đến bây giờ?

Mục Đùa Với Đường Thi nhất định không phải là nơi biên khảo hay nghiên cứu, về Đường thi hay về bất cứ điều gì. Đó chỉ là nơi dìu dặt đón đưa mấy vần thơ từ trời hội cũ về cuộc chơi hôm nay. Khi thì yêu mến nó, lúc thì bỏ bê. đi chơi loanh quanh đây đó. Khi thì nghịch ngợm một cách nghiêm chỉnh, lúc thì đùa dỡn một cách lai rai. Mọi cuộc dịch tự trong tinh thể của nó vốn là một cuộc dời đổi. Lời thơ có di dịch về cõi miền nào khác cũng là điều tự nó. Mọi điển tích có dập dìu di về ngôn ngữ hôm nay cũng là điều tự nhiên.

Bay về ổ chín tầng cao,
Con chim giã biệt quên chào mái hiên (BG)

Đôi cánh nhạn đã bay về ổ, thì xin một lần gắng gượng gọi nó trở về.

ĐÀN BÁCH KIẾM

THƠ NAM MAN

Mục Đùa Với Đường Thi kỳ này xin mời độc giả hé môi nở dăm nụ cười với mấy vần thơ Đường luật trào phúng của Nam Man.

- Nghĩa là?

- Là thay vì thơ của người láng giềng Trung Hoa sống cách đây một nghìn mấy trăm năm, thì lần này chúng ta đọc thơ của một người đồng hương hiện đang sống ở bên Úc.

- Sao lại thế?

- Thưa, bài Xuân Vọng trên mục này đăng trong Văn Học số Tết vừa rồi có nhắc đến thơ trào phúng Đường luật của Hồ Xuân Hương, Tú Xương, Nam Man, đã tán tỉnh là thơ họ tài tình đến nỗi các thi sĩ nhà Đường giá có đọc được cũng phải giật mình kinh hãi, thành ra...

- Nam Man là ai mà lại có thể ngang nhiên chung chiếu với Nữ Sĩ Cổ Nguyệt, có thể đủng đỉnh chung xe với ông Tú Vị Xuyên?

- Thưa, đọc thơ sẽ rõ.

Trước hết, hãy nghe Nam Man tự nói về mình, "sau ngày cải tạo về, buồn tình tập tành học mần thơ theo các bác Tú Kếu, Hà Thượng Nhân (Nam Phương Sóc), Thầy Khóa Tư...", và làm nghề y tá chích thuốc dạo.

Thuật Hoài

Cũng chẳng nghèo mà cũng chẳng sang
Sau ngày cải tạo hết lang thang
Chăm nghề chích thuốc nuôi con, vợ
Học ngón mần thơ chọc xóm làng
Cặp mắt lim dim đề vận dĩ
Hàm ria lém dém giờ cung ngang
Trong nhà bạn tác luôn luôn có
Đánh chén vừa xong lại đánh đàn.

Ấy chắc là lúc ông mới đi cải tạo về, con chắc mới có một vài mống, nên mới ung dung "chẳng nghèo, cũng chẳng sang". Các năm sau, để bù lại cho những ngày đếm lịch trong tù, chẳng biết ông làm ăn ra sao mà vợ cứ hết bầu rồi lại đẻ, nuôi con không xuể đến nỗi "nghèo kiết xác", ông giả bộ hỏi:

....
Bữa trước thằng cu... vừa để chỏm
Hôm nay cái đĩ... lại mang bầu
- Ông nghèo kiết xác vì ai nhỉ?
Chẳng lẽ ông mang... nó chặt đầu

Sống trong cảnh khốn khó, ngày Tết nghe thư chúc Tết của Trung Ương Đảng, ông vẫn hóm hỉnh cười:

Ngoảnh lại xoay đi Tết đã gần
Đì đùng xác pháo nổ đầy sân
Nhà giàu rượu thịt mừng ông vãi
Phận khó chè xôi tiễn chú bần

Muốn dắt con chơi ba bữa Tết
Đành ôm dzợ ngủ mấy ngày xuân
- Nghe thư chúc Tết Trung Ương đảng...
Chẳng khéo sang năm lại nợ nần

Sang đến Úc, chẳng biết ông còn nghèo kiết xác hay không, nhưng hãy nghe ông "than thở" khi đọc báo thấy ông tiến sĩ nọ đề nghị người ta bán cơ phận thân thể sau khi chết:

Bác biết Nam Man nó quá nghèo
Còn gì đáng giá để... for sale
Ai cần, tớ biếu tim, gan, ruột
Nó muốn, em free thận, phổi, phèo
Nếu bác không chê thân giậu đổ
Thì em chẳng xá phận bìm leo
Chừng em sắp sửa... chầu tiên tổ
Bác cứ sang đây mổ một lèo

Ông "than thở", hay ông tâm bồ tát, chẳng vì nước đục mà thả câu, cho free luôn một lèo cả bộ đồ lòng. Tài gieo vận của ông thật có thể xui cụ Nguyễn Yên Đổ hạ tách trà xuống, khà một tiếng mà rằng: "Hậu sinh khả khéo, so với bài Thu Vịnh dùng từ vận 'eo' của ta, nó chẳng lập lại một vần nào, mà lại có duyên đáo để, mang giậu đổ ra mà đối với bìm leo thì quả là đáng cho ta chia bớt nó một cái 'Nguyên'"

Còn nhớ Đệ Nhất Phu Nhân Imelda Marcos ngày nào bị báo chí kết án có những ba nghìn đôi giầy, bà giẫy đành đạch rằng em chỉ có năm trăm:

Phu nhân đã cáu tiết
Mà giữa nó thảm thiết
- Em có năm trăm đôi
- Nó khai sáu nghìn chiếc
Người đời xấu miệng ghê
Nhà báo thối mồm thiệt
- Mẹ đứa nói oan em
- Sao không chịu chết tiệt

Nghe tin anh cao bồi Clint Eastwood ra làm thị trưởng Carmel, ông gạ gẫm:

Thấy bác không dưng lại bỏ nghề
Dường như đã chán đóng ci nê
Em thì rất khoái trò hôn hít
Bác lại không màng chiện ti tê

Sớm tối chăn dân e mệt xác
Xưa nay cỡi ngựa quả đau mề
- Hay là bác hãy cùng em thử
Sáng vác ô đi tối vác về

Từ bên Úc, nhìn về đất nước Việt Nam, nhân được tin Phạm Hùng về chầu Bác, ông đã nhờ nhắn nhủ mấy lời xuống địa ngục:

Bớ Phạm Hùng ơi, bớ Phạm Hùng
Từ rày chắc đã hết bung xung
Thiên đàng ngó lại xa thăm thẳm
Địa ngục nhìn ra tối mịt mùng
Nếu được cầm tay Hồ Chủ Tịt
Bằng như gặp mặt Nguyễn Sinh Cung
- Nhờ ông nhắn hộ giùm em tí
Chế độ thằng cu sắp cáo chung

Thơ ông còn nhiều, một trăm mấy chục bài thơ trong tập 'Thơ cù Nèo' của ông do Việt Luận xuất bản bên Úc năm 1989 nghe nói chỉ mới là phần nhỏ trong gia tài thơ Cù Nèo của ông. Đa số thơ trong tập ấy đều được viết bằng thể thất ngôn bát cú. Một ít bài ngũ ngôn, hát nói, phú. Có còn ai làm thơ bằng điệu hát nói đặc biệt của dân tộc nữa không? Ông tung tăng thoải mái trong cái gò bó của quy luật thơ Đường. Càng gò bó, tài hoa của ông càng hiển lộ. Tôi cũng noi gương ông, bắt chước cụ Nguyễn Khuyến, vui đùa làm một bài tám câu năm vần, trêu một người bạn bị cướp như sau:

Quân ấy nhi nhô thật lộng hành
Ban ngày ban mặt quấy như ranh
Hai thằng ập cửa hung hăng hét
Một đứa ngồi xe dáo dác canh
Dí súng chủ nhân moi tuột luốt
Ghè đầu thư ký vét sành sanh
Việc đời gẫm lại may hay rủi
Mất ngựa nhiều khi dữ lại lành.
(ĐBK)

Ông Nam Man ơi, chẳng biết bây giờ ông ở đâu trên cái miệt dưới phương nam ấy. Nếu có đọc được những dòng này, ông làm ơn liên lạc với chủ bút Cao Xuân Huy, hay với đại diện Văn Học ở Houston, để chúng tôi còn được giới thiệu với độc giả những vần thơ 'cù lét' khác của ông.

Đàn Bách Kiếm
Houston, tháng 2, 2006

thứ tư về mỗi tuần

tạp ghi *HOÀNG MAI ĐẠT*

Thứ Tư về mỗi tuần, ở đâu đó giữa họp bạn, ăn chơi ồn ào của tối Thứ Sáu, Thứ Bảy, và hành lễ, đi làm nghiêm chỉnh của sáng Chủ Nhật, Thứ Hai. Thứ Tư về hằng tuần, thong dong như kẻ bàng quan đã đi được nửa chừng, giữa hai bên đường Bolsa. Ở phía trước, một bàn tay đỏ đang chớp tắt liên tục, thúc giục đôi chân mau bước đến. Ở đằng sau, những tấm lưng còng của người đi ngược xa dần. Và hai bên, mấy chiếc xe hục hặc muốn chồm tới, băng ngang hai làn trắng, nơi Thứ Tư đang biến dần vào một bên bờ. Thứ Tư hiện rõ ở giữa đường và tan mất khi những chiếc xe đủ màu nối lại điệp khúc *turbo* có *lead-free* hợp xướng.

Thứ Tư về yên lặng, phân vân đứng nghe người biểu tình lên án một chế độ độc tài. Loài người dựng lên một chế độ, ủng hộ nó, chống lại, đạp đổ, rồi lại dựng lên một chế độ khác, bên trên những đổ nát của chế độ cũ. Hết phở tái đến hủ tiếu, rồi *chicken noodle soup* , chỉ để no một vòng bụng căng rốn. Phải chi con người không cần ăn. Phải chi nhân loại không cần giết. Và phải chi đức Phật thích mặc *three-piece suit* mỗi khi băng ngang phố Bolsa, nơi có kẻ đang viết tà tà cho hết một buổi chiều ở giữa đường.

Chiều về trên phố Bolsa. Một đứa con mất trí lang thang đi tìm người mẹ giữa đám đông xa lạ. Bên cạnh một gốc cây cam, đứa con điên loạn đứng đợi những giọt sương rơi rớt từ những đóa hoa trắng dại còn hương thơm của một đêm thanh tịnh đã qua. Nghe Thứ Tư về bên mình, đứa bé chợt thiếp đi, biến mất theo gót chân của Thứ Tư êm đẹp đầy mẫu tính. Nó chạy theo tà áo trắng, băng ngang cánh đồng hoa vàng và rớt xuống vực thẳm, nơi có đá biển lởm chởm những đầu sóng nhọn.

Thứ Tư về thì thầm, trên môi kẻ say tình còn muốn hôn một nụ hôn chót, trước khi để mặt trời đốt cháy làn da mịn mềm. Tình yêu cho một buổi sáng mát hơi sương, một ngày vương nắng ấm, và một đời còn ý nghĩa. Không có tình yêu, Thứ Tư như đứa bé mất chiếc nôi mỗi khi đêm xuống.

Thứ Tư về hằng tuần, trên những góc đường yên lặng của một buổi sáng ở Little Saigon. Vài cửa hàng chậm mở, lặng lẽ chải mái tóc có bôi kem, và nằm dài chờ đợi ngày cuối tuần. Thứ Tư chóng đến, cho nghiêm chỉnh chóng tan. Thứ Tư chóng đi, cho ồn ào chóng tới. Mỗi tuần chờ đợi và chờ đợi. Thứ Tư về và về.

Thứ Tư về trong hồn, yên lặng chờ chiều tan. Vườn hoang còn trong gió. Trăng biển còn trong mơ. Đường về còn xa thẳm. Và tình này còn như thơ.

Thứ Tư về mỗi tuần, yên lặng và chờ đợi.

Hoàng Mai Đạt

Garden Grove, ngày 26 tháng Tư, 1989

tin sinh hoạt văn học nghệ thuật thế giới

LÊ QUỲNH MAI

HOA KỲ

Trí nhớ có vấn đề trong hồi ký

Cuốn hồi ký được xếp loại bán chạy nhất trong năm 2003 của James Frey đã có vấn đề. Tác giả bị kết tội là tưởng tượng ra một phần lớn dữ kiện cũng như chi tiết không có thật. *Như vậy trí nhớ của một tác giả viết hồi ký có vấn đề hay không?* Hồi ký *A Million Little Pieces* tiêu thụ được ba triệu rưỡi ấn bản, chỉ đứng sau Harry Potter and the Half Blood Prince. Nhưng sự thật nào là sự thật chính xác mà hàng triệu độc giả bỏ tiền ra mua nó? Hồi ký của James Frey là bức tranh sống động về cuộc đời một người đàn ông trẻ bất mãn xã hội, lăn mình vào ma túy và bùn lầy đen tối. Sau một loạt năm tháng tù tội, cai nghiện tại Minnesota, kết bạn với một tay giang hồ nổi tiếng. James Frey quyết định cầm bút. Nhưng vào đầu tháng Giêng vừa qua, website *The Smoking Gun* đã phổ biến một số dữ kiện tìm được, chứng minh rằng những chi tiết quan trọng kể trong hồi ký của James là giả dối. Tuần báo Time cũng kiểm soát lại, và tìm ra thêm nhiều chi tiết không đúng như tác giả đã viết lại. Vài nhân vật được nhắc trong hồi ký xác nhận không hề biết tác giả là ai. Marianne Sanders, mẹ của một nữ sinh bị chết trong tai nạn xe lửa khi James là học sinh trung học tuyên bố rằng "*James Frey chưa bao giờ có liên hệ với tai nạn của con gái tôi. Ông ta là người có tài, nhưng nên cẩn thận hơn trong việc thuật lại sự thật*". Ngược lại, tác giả cuốn hồi ký này cũng phát biểu trong chương trình Larry King Live Show "*Đó là nhận xét của mỗi cá nhân về những sự việc xảy ra trong đời sống của họ. Đấy là sự tuyển lọc về cuộc đời tôi*". Theo Larry Kirshbaum, cựu giám đốc Time Warner Book Group thì trong kỹ nghệ in ấn, nhà xuất bản ít khi cho kiểm soát lại sự thật của hồi ký, và tác giả phải chịu trách nhiệm về tác phẩm của mình. Hiện nay, hồi ký viết về thời niên thiếu, nghèo đói, bị lạm dụng tình dục, hành hạ tinh thần... trở thành một đề tài ăn khách nhất từ hơn một thập niên qua. Trong lịch sử xuất bản của Hoa Kỳ, ngoài James Frey còn có năm tác giả đã tưởng tượng như thật về cuộc đời mình: *Pentimento* của Lillian Hellman (xb 1973) kể lại chuyện

tình cùng giới tính giữa tác giả và một phụ nữ mà bà ta chưa hề gặp mặt, Lillian đã bị giới báo chí mệnh danh là *"Mẹ đẻ của sự dối trá"*. Cuốn *A Child Called "It"* của Dave Pelzer (xb 1993) kể lại tác giả bị bà mẹ hành hạ khủng khiếp. Gia đình của Dave đã phải họp báo lên tiếng để làm sáng tỏ vấn đề, bà ngoại tác giả nói *"Lẽ ra hồi ký của cháu tôi nên đổi qua loại tiểu thuyết giả tưởng thì hay hơn"*. *Angela's Ashes* của Frank McCourt (xb 1996) kể về cuộc đời nghèo khổ của tác giả tại Ái Nhĩ Lan, hồi ký đoạt giải Pullitzer trước khi tác giả bị khám phá ra là chưa bao giờ đặt chân đến xứ sở này! Cuối thứ tư *Running With Scissors* (xb 2002) của Augusten Burroughs, kể lại thời thơ ấu bị cha mẹ gởi vào sống trong viện tâm thần. Sau đó tác giả đã bị thưa ra tòa vì tội nói láo. Riêng Tony Hendra, tác giả của cuốn *Fatherr Joe* đã gây sôi nổi hơn, khi thuật lại chuyện tình của mình và một tu sĩ. Sự tưởng tượng thái quá này đã khiến con gái của tác giả tố cáo ông ta xâm phạm tình dục con gái ruột. Nhưng câu hỏi chính dành cho vấn đề này, *là tại sao họ không xuất bản tác phẩm dưới dạng tiểu thuyết giả tưởng thay vì hồi ký?* Và đây là câu trả lời chính xác nhất, khi độc giả đọc lại một đoạn hồi ký của James Frey, viết về thời gian sử dụng ma túy *"Nói dối trở thành một phần trong đời sống tôi. Tôi nói dối nếu cần phải nói dối để đạt được mục đích, hoặc tránh được vấn đề cần tránh"*. (Time, Canadian Edition, 23/1/06)

COLOMBIE

Khi giả tưởng đụng sự thật

"Chào mừng quí bạn đến thế giới kỳ diệu của Macondo". Du khách có thể đọc dòng chữ trên khi đến Aracataca. Đó là một thành phố nhỏ tại Colombie nơi Gabriel Garcia Marquez chào đời. Sự thật có lẽ sẽ đụng lớn với giả tưởng trong sắp tới, khi người dân trong thành phố nhỏ này được mời làm một cuộc trưng cầu dân ý, để quyết định về cách thống nhất tên thành phố trong lịch sử của Colombie. Giới cầm quyền không thấy có vấn đề trong ý định hợp lại tên *"Aracataca-Macondo"*. Pedro Sanchez, thị trưởng thành phố tuyên bố rằng, họ hi vọng được thừa hưởng cái tên của Garcia Gabriel Marquez theo một chiều hướng tốt đẹp, vì có những người chưa bao giờ đến Colombie, nhưng ít nhiều họ đã nghe qua cái tên Macondo. Cuộc trưng cầu dân ý sẽ tùy thuộc vào 53.000 dân số sống tại đây. Hằng năm, thành phố nhận khoảng 2000 du khách hoạt động trong lãnh vực văn học nghệ thuật thế giới, về viếng thăm nơi tác giả Trăm Năm Cô Đơn chào đời gần một thế kỷ trước. Một số ý kiến hi vọng Aracataca-Macondo sẽ

thu hút nhiều du khách hơn để phát triển kỹ nghệ du lịch, và tạo công việc cho người dân sinh sống tại nơi này. Nhưng có những ý kiến trái ngược hẳn "*Đổi lại tên thành phố không giúp ích gì hơn được*". Thậm chí những phần tử quá khích mặc áo thun có in hàng chữ "*Aracatara, un point c'est tout!*". Cũng có ý kiến thêm rằng, Garcia Marquez đã không đặt chân trở lại nơi này trên hai mươi năm qua *"Cái ông ấy bán sách tứ tung trên khắp thế giới, mà có giúp ích gì được cho chúng tôi đâu, việc gì phải vinh danh ông ta chứ?"*. Ông Amparo Alvarez, một trong những người sống tại đấy đã tuyên bố như thế. Theo thân nhân của nhà văn, hiện nay ông đang điều trị bệnh ung thư không thể trở về Aratacara được, và ông sẽ tôn trọng tuyệt đối kết quả cuộc trưng cầu dân ý sắp tới. Thật ra, Aracataca không phải là thành phố đầu tiên được đề nghị đổi tên, vì liên quan đến một nhà văn nổi tiếng. Illier, nơi sanh trưởng của Proust, đã trở thành Illier-Combray năm 1971 sau cuộc trưng cầu dân ý, để vinh danh tác giả *À La Recherche du Temps Perdu*. Nhưng một số người sinh sống từ lâu tại thành phố nhỏ nổi tiếng cho rằng, sự so sánh giữa Macondo và Aracataca rất phiêu lưu, bởi lẽ gia đình ông đã rời nơi này từ lúc Garcia mới 9 tuổi. Trong tác phẩm *Vivre pour la Raconter* (xb2002), Garcia Marquez giải thích Macondo là điểm tựa tinh thần của tác giả, trong suốt quãng đời ông sống tại vùng Địa Trung Hải. (Le Journal de Montréal, 25/2/06)

NHẬT BẢN

Kenzabuko Oé viết về những linh hồn đã chết

Bị ám ảnh bởi biến cố Hiroshima và sự tàn phá khủng khiếp của bom nguyên tử trong thế kỷ hai mươi, nhà văn Kenzabuko Oé, giải Nobel văn chương 1994, đã trở thành một "*Samurai*" chiến đấu không ngừng bằng ngòi bút để tìm câu trả lời - *Làm sao con người có thể sống sót được trong thế giới bao trùm bằng tro cốt và quan tài?* Kể từ khi bắt đầu cầm bút vào cuối thập niên 50, ông đã khoác lên tác phẩm những chiếc áo kimono đen, để tang cho biến cố kinh hoàng nhất trong lịch sử chiến tranh của nhân loại. Để chứng minh tâm hồn tác giả bị chìm đắm trong tang tóc của quê hương, ông đã viết ba tác phẩm từ năm 22 tuổi, và nhập chung thành *Le Faste des Morts,* mà ba đoạn trường thiên tiểu thuyết ấy, biểu tượng cho cả một thế hệ phải chịu đựng những đau khổ trong chiến tranh. Qua tài chuyển dịch của Ryôji Nakamura và René de Ceccatty, *Le Faste des Morts* được nhà xuất bản nổi tiếng Gallimar phát hành trong đầu năm nay. (La Press de Montréal, 2/06)

Trường hợp ngoại lệ về Kafka

Nếu Kenzabuko Oé dựng lên nhân vật chính là một thanh niên trẻ tuổi trong tác phẩm của mình, với dòng văn trầm lặng nói về sự chết, thì qua *Kafka sur le Rivage,* Hakuri Murakami cũng không kém phần sôi nổi với nhân vật nam 15 tuổi, sống như một cái bóng trong xã hội có vận tốc như tên bắn. Ngoài những dòng chữ nhắc về Hiroshima, tác phẩm mới nhất của Hakuri còn có lời thì thầm của Macbeth, âm nhạc Schubert, sương mù cố hữu vào buổi sáng sớm ở Nhật. Nhà văn 56 tuổi, thần tượng của thế giới văn chương, thường thức giấc vào 4 giờ sáng để luyện môn thể thao chạy bộ. Đoạt giải Nobel văn chương năm 1979, và nổi tiếng ngay từ tác phẩm đầu tay với giải thưởng Gunzo, ông đã phát biểu rằng phải chăm sóc sức khỏe trong thời đại ô nhiễm này. Trong một cuộc phỏng vấn, Hakuri Murakami trả lời rằng ông là một người Nhật tự do, không ảnh hưởng Tây phương, cũng không ảnh hưởng tập tục của xứ sở mà ông là một cá thể riêng biệt. Nhật Bản đã cống hiến cho nhân loại không ít những nhà văn tài hoa, nhưng lần này nhà văn quốc tế Hakuri Murakami, đã mang về cho quê hương thêm một vinh dự hiếm có, khi sức sáng tạo của ông thật sung mãn ở tuổi 56. (La Press de Montréal, 2/06)

CANADA

Tiểu thuyết mới

Để giữ lại kho tàng tinh thần của gia đình, nhà xuất bản Du Dernier Havre của Marie José Thériault thành lập năm 2003, cho xuất bản toàn bộ tác phẩm của nhà văn Yves Thériault. Là một trong những tác giả, được giới phê bình văn học đánh giá cao của tỉnh bang Québec. Ông đã đóng góp những khám phá mới lạ về lãnh vực văn chương cho quốc gia, nhưng đã bị quên lãng nhanh chóng sau khi qua đời. Marie José Thériault, con gái của ông cũng nối nghiệp thân phụ sáng tác thơ, văn và chuyên về dịch thuật những tác phẩm văn học quốc tế. Cùng xuất bản những tác phẩm của Yves, có *Obscènes Tendresses* của bà. Đây là công trình sáng tác, có thể được xếp hạng là một trong những tác phẩm lớn của năm 2006 tại Canada. Nhân vật chính là một phụ nữ viết cho tình nhân khi thời gian chuyển tiếp vào xuân. Mùa mở đầu cho hạnh phúc, nhưng Marie José lại gọi đó là "*mùa chết*", bởi lẽ tình nhân của nhân vật chính không còn nữa. Những dòng văn đẹp như một bài thơ, được viết từ một tác giả đã sáng tác thơ trước đó, làm rung động độc giả không ít, khi tác phẩm mới nhất của bà xuất hiện trên kệ sách. "*...Đừng bỏ em chìm đắm trong im lặng. Một ngày*

nào đó khi người ta mở bung thân thể em ra. Họ sẽ tìm thấy anh ở nơi ấy. Ở khắp mọi chỗ trong tận cùng thân thể em...". Những dòng chữ tuyệt vời trong Obscènes Tendresses, mang đến độc giả sự can đảm và đau khổ của một phụ nữ mất người yêu quí nhất. Nhà thơ, nhà văn, chủ biên tạp chí văn chương, nhà dịch thuật, Marie José thừa hưởng gia tài tinh thần của thân phụ về sáng tác, bà không ngừng hoạt động mạnh trong lãnh vực văn học của Canada, với lời phát biểu rất trữ tình và lãng mạn *"Tình yêu và sáng tác chỉ là một"*. Giữa năm 2007-2008, nhà xuất bản Du Derniers Havre sẽ xuất bản tác phẩm về cuộc đời Yves Thériault, đánh dấu kỉ niệm 25 năm ngày qua đời của nhà văn, đã đóng góp không ít cho Canada về lãnh vực văn học. (L'Actualité, 3/06)

Cuộc đời dài trước mặt

Hi vọng đời sống kéo dài đến 140 năm trong tác phẩm *Une Vie en plus* của năm tác giả tại Canada, đã gây tranh cãi và lo lắng cho giới phê bình văn học. Trong thời Trung Cổ, tuổi thọ của con người nằm giữa 19 đến 20 năm. Đến thời César, tuổi thọ kéo dài thành 60 năm, và thêm khoảng 30 năm cho cuối thế kỷ 20. Tại Canada, đời sống phụ nữ hiện nay kéo dài đến 83 và nam giới kém vài năm. Nhưng qua tác phẩm trên, trong sắp tới chúng ta có thể sống từ 120 đến 140 tuổi. Nội dung của *Une Vie en plus* không mang lại sự hoan hỉ cho độc giả, mà ngược lại có thể gây sự lo âu không ngừng cho họ. Thật sự chúng ta có chấp nhận sống một nửa phần 140 năm trên xe lăn nếu kéo dài đời sống tiếp tục? Đây là câu hỏi đặt ra cho độc giả, sau khi cuốn sách phát hành tại Canada. Một cá thể dĩ nhiên với điều kiện chăm sóc thân thể và sức khỏe tốt, có thể kéo dài đời sống thêm nhiều năm. Nhưng đến 75 tuổi, cá thể ấy không còn chia sẻ đời sống của một người trẻ tuổi về mọi mặt, như làm việc, sức thu hút, sức khỏe tình dục... Mục đích tìm phương thức giữ lại tuổi trẻ qua mọi hình thức, như mỹ phẩm botox giải phẫu thẩm mỹ... không làm giảm lo lắng kề cận tuổi già của tất cả mọi người. Nhưng các tác giả chứng minh rằng, xã hội chỉ thật sự chú trọng đến tuổi trẻ trong tất cả các lãnh vực, còn những người lớn tuổi bị sa thải từ từ theo thời gian. Ngược lại hiện nay, một số lớn các người lớn tuổi đều nhờ đến laser, botox hay giải phẫu thẩm mỹ để kéo dài tuổi trẻ của họ. Phong trào này lớn dần trong đa số tầng lớp trung lưu, mà trước đó chỉ xuất hiện trong giới giầu có hoặc thành phần nghệ sĩ. Như vậy nếu sống đến khoảng 120 tuổi, họ sẽ phải trải qua bao nhiêu lần giải phẫu, và họ có còn đủ sức khỏe để chịu đựng những biến chứng có thể xảy ra hay không. Và con người có chấp nhận tự tử qua thuốc mê, nếu không còn

đủ khả năng tự điều khiển bản thân về tâm sinh lý. Đây là đề tài trong *Une Vie en plus* của Joel de Rosnay, Jean Louis Servan- Schreiber, François de Closets và Dominique Simonnet. (L'Actualité, 3/06)

ĐỨC QUỐC

Bắt chước sáng tác

Được mệnh danh như "*em họ*" của *The Da Vinci Code* , tác phẩm "hot" nhất hiện nay. *La Ligne Pourpre của* Wolsfram Fleischhauer được giới phê bình đánh giá, chỉ là tác phẩm dành riêng cho những độc giả không thích sự đổi mới trong văn chương. Thật vậy, họ chỉ chú ý đến sự giống nhau như khuôn rập về nội dung của hai tác phẩm. Cũng tựa như *The Da Vinci Code*, nhân vật chính trong *La Ligne Pourpre*, một sinh viên trẻ tuổi, đam mê bức tranh Gabrielle d'Estrées in trên bìa một cuốn sách. Nhờ khám phá ra bản thảo của cuốn sách dưới hầm cũ kỹ ở một nhà xuất bản tại Pháp Quốc, mà nhân vật chính đã khám phá ra bí mật về sự liên hệ của bức tranh và cái chết của Gabrielle d'Estrées, tình nhân vua Henri IV, trước vài ngày cưới của cô ta. Ngược với *Da Vinci Code*, truyện của Fleischhauer ít sống động hơn, lối kể chuyện dài dòng không cô đọng và chi tiết biến chuyển lại quá nhanh, không hợp với giọng văn lê thê của tác giả. Nhưng đáng ngạc nhiên là *La Ligne Pourpre* trong bản nguyên tác, lại trở thành một bestseller tại Đức quốc, quê hương của Wolsfram Fleischhauer. (La Press de Montréal, 2/06)

ANH QUỐC

Giải mật mã

Dan Brown đã có mặt tại phiên tòa ở Luân Đôn trong cuối tháng Hai vừa qua. Nhà văn của *The Da Vinci Code* , tác phẩm bán chạy nhất thế giới trong ba năm qua, đã bị hai nhà sử học kiện về tội ăn cắp toàn bộ ý tưởng của họ để đưa vào tiểu thuyết của ông. Theo Richard Leigh và Michael Baigent, nhà xuất bản Random House đã bắt chước cấu trúc nghiên cứu trong hai cuốn sách của họ, *The Holy Blood* và *The Holy Grail* (*Máu Thánh* và *Chén Thánh*) xuất bản năm 1982. *The Da Vinci Code* đã tiêu thụ hơn 35 triệu ấn bản trên toàn thế giới, đồng thời làm giáo hội Thiên Chúa giáo tức giận vì giả thuyết, Jésus kết hôn và có con với Mary Magdalene. Trước đó, giả thuyết này đã xuất hiện trong hai cuốn sách của Leigh và Baigent. Theo họ, Dan Brown đã "đạo" ý tưởng này. Trong phiên tòa đầu tiên, Quan tòa Peter Smith cho rằng trong kỷ nguyên Internet, các nhà nghiên cứu khó

nhớ chính xác nguồn gốc tài liệu họ đã tham khảo, và độc giả cũng không nắm vững được chủ đề chính của *The Holy Blood* và *The Holy Grail*. Tuy nhiên, luật sư bên nguyên cáo khẳng định rằng khi tìm hiểu về một đề tài tôn giáo, tác giả phải nhớ nguồn gốc đã tham khảo, ông cho rằng Da Vinci Code đã sử dụng hai tác phẩm của thân chủ ông, để tham khảo dữ kiện quan trọng nhất trong lịch sử Thiên Chúc giáo. Vụ kiện *The Da Vinci Code* gây thu hút dư luận thế giới, vì liên quan đến một trong những tác giả nổi tiếng nhất thế giới hiện nay, đồng thời dính líu đến *quyền được sử dụng tài liệu nghiên cứu phi văn học vào các tác phẩm văn học.* Theo giới phê bình và báo chí, tên nhân vật chính trong *The Da Vinci Code*, Leigh Teabing, được xếp từ các mẫu tự trong tên của nhà sử học Leigh và Baigent. Luật sư hai bên nguyên và bị cáo, từ chối phát biểu về ảnh hưởng của vụ kiện, có thể gây khó khăn cho việc tiếp tục phát hành *The Da Vinci Code*, và gây trở ngại cho sự tranh đua giành quyền phân phối bộ phim dựa trên tiểu thuyết này trong sắp tới. Ngược lại Henry Lincoln, tác giả thứ ba của *The Holy Blood* và *The Holy Grail* tuyên bố đứng ngoài vụ kiện đặc biệt này. Trong tháng Tám năm 2005, Dan Brown đã thắng một vụ kiện khác, khi bị kết tội đã ăn cắp các chi tiết trong hai tác phẩm *Daughter of God* và *The Da Vinci Legacy* của Lewis Perdue. (La Press de Montréal, 3/3/2006)

Ca sĩ và văn chương

Được biết như ca sĩ nhạc rock dưới tên John Wesley Harding. Khởi đầu chỉ là một bản nhạc viết cho phim Miss Fortune, Wesley Stace kể về chuyện đứa bé trai được một người giầu nhất Anh Quốc nhận nuôi, giáo dục nó như một đứa bé gái. Bản nhạc này đã được yêu cầu trình diễn rất nhiều lần. Sau đó ông bị ảnh hưởng bởi định mệnh của nhân vật qua lời nhạc, quyết định viết thành tiểu thuyết trong 6 năm liên tiếp dưới nhan đề *Misfortune.* Tác phẩm kỳ diệu này chẳng những nổi tiếng tại Anh Quốc, mà còn là tác phẩm được tiêu thụ cao nhất ở khắp các nơi phát hành. Tiểu thuyết đầu tay của ca sĩ nhạc rock, gây tò mò cho độc giả qua nội dung bi hài của nó. Năm 1823, khủng hoảng vì cái chết của đứa em gái nhỏ, một nhà quí tộc giầu có tại Luân Đôn nhận đứa bé trai về nuôi, gọi nó là Rose. Khi trưởng thành, nhân vật chính trong *Misfortune* không chấp nhận sự thật chính hình tượng của mình: một người đàn ông có râu mép và mặc y phục phụ nữ... Theo đánh giá của giới phê bình văn học, tác phẩm đầu tay của ca sĩ John Wesley Harding, không mang lại cho độc giả một ấn tượng mạnh, bởi lẽ văn phong mù mờ, giải thích không rõ ràng. Tuy nhiên qua bản nhạc nổi tiếng của ca sĩ nhạc rock Wesley, *Misfortune* đã được tiêu thụ không ít. Hiện nay tại Anh Quốc,

phong trào viết văn đang lan tràn mạnh mẽ trong giới nghệ sĩ hoạt động về nghệ thuật. Khán giả mộ điệu ca sĩ nhạc rock John Wesley Harding, có thể tìm mua truyện trong các nhà sách với bản nguyên tác Anh ngữ, hoặc ấn bản chuyển Pháp ngữ từ Philippe Giraudon. *Misfortune* được phát hành qua nhà xuất bản nổi tiếng Flammarion. (L'Actualité, 2/06)

PHÁP QUỐC

Giới thiệu tiểu thuyết mới của nhà văn hiện đại

Ai có thể khẳng định được điều gì trong trò chơi quyến rũ nhau giữa phụ nữ Trung Quốc, mật vụ ngầm của CIAvà một tổng trưởng Pháp Quốc. Nhà xuất bản Albin Michel vừa giới thiệu đến độc gia yêu thích tiểu thuyết giả tưởng hiện đại, *Les Conspirateurs,* của nhà văn trẻ gốc Trung Quốc Shan Sa. Cũng giống đa số nội dung những truyện viết về thế giới gián điệp, tác phẩm mới nhất của Shan Sa không thoát ra khỏi đề tài nhàm chán của loại tiểu thuyết James Bond. Một nữ gián điệp hoạt động trong địa bàn rộng lớn nối liền Paris và Bắc Kinh. Qua sự điều khiển của guồng máy chính quyền Hoa Kỳ, đã liên lạc với một tổng trưởng trong nội các Pháp Quốc... Trước *Les Conspirateurs*, Shan Sa được độc giả biết đến qua tác phẩm tiêu thụ mạnh nhất *Impératrice.* (Châtelaine, *3/2006)*

PAKISTAN

Thêm một tử tội mang giá 1 triệu mỹ kim

Tại Tây Bắc Pakistan trong nhà thờ thuộc Peshawar, một giáo sĩ tên Mohammed Qureshi, tuyên bố treo giá 1 triệu mỹ kim cho bất cứ ai giết được họa sĩ vẽ tranh hí họa châm biếm Mohammed. Đây là quyết định đã được bỏ phiếu kín giữa các giáo sĩ Hồi giáo, để trừng trị những kẻ xúc phạm đến Đấng Tiên Tri của họ. Ngoài 1 triệu mỹ kim của Hiệp Hội Những Nhà Kinh Doanh Nữ Trang, *"phần thưởng"* còn gồm 25.000 mỹ kim và một xe hơi do trường dạy tôn giáo và nhà thờ tại Peshawar trao tặng. Khi công bố giải thưởng, giáo sĩ trên không hề nhắc đến tên của tác giả bức tranh hí họa. Nhóm giáo sĩ trên cũng không biết rằng những bức tranh trên được vẽ bởi 12 họa sĩ chứ không phải chỉ một người duy nhất.Tuy nhiên, Hiệp Hội Các Nhà Kinh Doanh Nữ Trang tại Pakistan không xác nhận việc ủng hộ hiện kim về việc treo án tử hình trên. Trong quá khứ, nhà thơ quốc tế Salman Rusdhi đã từng bị lên án tử hình bởi nhóm quá khích Hồi giáo, khi tác phẩm *The Satanic Verses* của ông vừa xuất bản. (The Gazette, 2/06)

giới thiệu sách

HOÀNG MAI ĐẠT phụ trách

KỶ VẬT CHO EM

tập thơ của Linh Phương

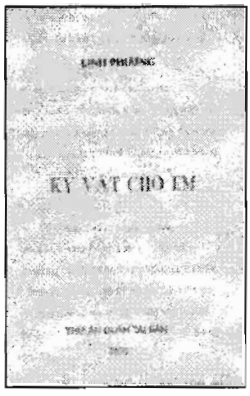

Tập thơ *Kỷ Vật Cho Em* từng được Động Đất xuất bản tại Sài Gòn vào năm 1971, được Thư Ấn Quán tái bản tại Hoa Kỳ năm 2006. Bài thơ "Kỷ Vật Cho Em" đã được nhạc sĩ Phạm Duy phổ nhạc, trở thành một ca khúc nổi tiếng trong thời chiến Việt Nam, nói lên sự mất mát của một thế hệ mà nay còn để lại dư âm xót xa, ngậm ngùi: *Em hỏi anh bao giờ trở lại / Xin trả lời mai mốt anh về /... / Anh trở về hàng cây nghiêng ngã / Anh trở về hòm gỗ cài hoa / Anh trở về bằng chiếc băng ca / Trên trực thăng sơn màu tang trắng / ... / Mai anh về trên đôi nạng gỗ / Bại tướng về làm gã cụt chân / Em ngại ngùng dạo phố mùa xuân / Bên người yêu tật nguyền chai đá.*

Vào năm 1970 Nguyễn Thị Thu Vân từng viết: "*Linh Phương chỉ biết trình bày những sự kiện bi thảm trước đám đông, những tai nghe mắt thấy. Đó là điều hay. Đó là điều đáng được trân trọng. [...] Thơ Linh Phương là trái phá, một sự nổ tung đầy phẫn nộ. Hơi thở dồn dập và vội vã làm cho người đọc bị lôi cuốn một cách kỳ lạ. Thơ Linh Phương rất xúc động. Lấy nước mắt của tha nhân bằng thơ, đó là điều vĩ đại .*"

Nhà thơ Linh Phương sinh ra tại Sài Gòn, cha người Phong Điền (Thừa Thiên - Huế), mẹ người Cần Thơ. Ông đang sống tại Kiên Giang. Tập *Kỷ Vật Cho Em* gồm 33 bài thơ, dày 85 trang. Nhà xuất bản Thư Ấn Quán chỉ in *Kỷ Vật Cho Em* để tặng cho những người yêu thơ, không bán. Liên lạc Thư Ấn Quán, P.O. Box 58, South Bound Brook, NJ 08880; hoặc tranhoaithu@yahoo.com.

RONG CHƠI NGÀY THÁNG

tập truyện của Tràm Cà Mau

Rong Chơi Ngày Tháng gồm 18 truyện ngắn, vui, dí dỏm của Tràm Cà Mau, một tác giả mà nhà thơ Hà Thượng Nhân từng nhận xét: *"Nếu như người ta chịu khó đọc Tràm Cà Mau, biết đâu cuộc sống của họ sẽ có ý nghĩa và vui vẻ hơn."*

Trong *Rong Chơi Ngày Tháng*, tác giả cho biết: *"Có người bảo rằng: 'Đừng viết, đừng làm thơ, đừng xuất bản gì cả thì khỏe thân. Để người khác viết, mình nằm phè ra đọc thì có sướng hơn không? Tội chi mất thì giờ ngồi suy nghĩ mệt nhọc, nặn óc ra viết, rồi thế nào cũng bị thiên hạ chửi cho.' Nếu ai cũng khôn như thế cả, thì lấy đâu ra sách, truyện, thơ mà đọc? [...] Cũng có người cho rằng, những kẻ ưa viết lách là bị trời hành, sau những giờ làm việc mệt nhọc kiếm ăn, đêm đêm còn còng lưng ngồi gõ lóc cóc sáng tác, sao không vào giường nằm ôm vợ, ôm con thì có vui hơn không? Đúng là vui hơn nhiều lắm, nhưng viết ra cũng có cái thú riêng của nó. Đó là cái thú chia xẻ những chuyện vui, chuyện lạ với bà con bạn bè xa gần, với độc giả khắp nơi.*

"Tôi viết mà chơi cho vui, không một mục đích nào khác."

Rong Chơi Ngày Tháng dày 300 trang, giá bán $15 Mỹ kim. Liên lạc *email* tramcamau2003@yahoo.com, hoặc D. Tran, 6009 Rancho Mission Rd, #202, San Diego, CA 92108.

ĐÊM NGHI NGẠI

tập truyện của Cổ Ngư

Đêm Nghi Ngại gồm 19 truyện ngắn đặc sắc, mới lạ của một tác giả chào đời tại Sài Gòn, từng sống và làm việc tại Pháp.

Về tập truyện *Đêm Nghi Ngại*, Sâm Thương có giới thiệu như sau: *"Cổ Ngư đã cố gắng, tìm cách áp dụng có chọn lọc nhiều hình thức dựng truyện khác nhau để chuyên chở nội dung muốn trình bày với bạn đọc. Đôi khi, cũng không thể tách rời nội dung và hình thức ra được, vì, đến một lúc nào đó, chúng cuộn bện và kết dính lại với nhau thành một*

khối duy nhất. Đó cũng là một cách để người viết tự làm mới, thoát khỏi cái lặp lại nhàm chán, đồng thời, để mời người đọc, nhất là người đọc Việt Nam, tham dự vào việc khám phá những cấu trúc đa chiều, đa tầng, không quá lắt léo mê lộ, bàn cờ, nhưng cũng không còn phẳng lì mặt ao."

Về nội dung của *Đêm Nghi Ngại* , ngoài *"nỗ lực kiếm tìm, đào xới tiềm thức, những ám ảnh liên tục (tác giả còn có) khả năng nhân cách hóa, sinh động hóa những sự vật, những hình ảnh trừu tượng, vùng bóng tối đang vây tỏa, phản án sự cô đơn đến cùng cực cái bi thương của thân phận người."*

Trong truyện "Đêm Nghi Ngại", Cổ Ngư viết: *"Đều nhịp thở. Biết Sylvia đã ngủ say, tôi vẫn tiếp tục vuốt xuôi từng sợi dài mượt. Làn tóc đen thẳng như tóc đàn bà Tàu, đóng khung lấy khuôn mặt trắng bệch, với quầng mắt thâm và đôi con ngươi xanh lạnh ánh thép. Sylvia ma quái cuốn tôi vào trò tình những đêm trăng rực. Tôi, thằng đàn ông ba mươi tuổi, hình như thân thể chỉ thực sự bừng thức quanh vài buổi tròn trăng."*

Đêm Nghi Ngại dày gần 200 trang, xuất bản tại Việt Nam với giá bán 35,000 đồng. Liên lạc Nhà Xuất Bản Hội Nhà Văn, 65, Nguyễn Du, Hà Nội. *E-mail* nxbhoinhavan@hn.vnn.vn.

NGẢI HỜI

tập truyện của Nguyễn Thanh Ty

Ngải Hời, Dư Âm Ngày Cũ 2 gồm 10 truyện ngắn của Nguyễn Thanh Ty, được viết cùng với *Dư Âm Ngày Cũ 1* trong vòng một năm, kể lại kỷ niệm tại Xóm Cồn và Nha Trang. Trong lời tựa của Ngải Hời, Song Nhị viết về động lực thúc đẩy Nguyễn Thanh Ty viết sách ở tuổi trên 60: *"Tôi rất tin lời thổ lộ của ông Nguyễn Thanh Ty với phái viên Phạm Điền: 'Nghe tin đó, tôi khóc mấy đêm liền'. Nguyễn Thanh Ty đã khóc vì cái tin Xóm Cồn, cái xóm thân yêu của ông đã bị xóa hẳn trên bản đồ thành phố Nha Trang... Nguyễn Thanh Ty đã bắt đầu cầm viết 'lao tới' từ đó.*

"Ông nhập cuộc bằng sự thôi thúc của nội tâm, hoàn toàn không vì để trở thành nhà văn, kiếm chút hư danh, mà để lục tìm, để níu vói, để sống lại với quá khứ, kỷ niệm, những mái nhà, xóm làng, mái chèo, tấm lưới, những đêm trăng giã săn, những ngày làm lưới, những ngày săn bắn cá

dưới đáy biển Nha Trang..."

Ngải Hời dày 370 trang, Nam Việt xuất bản, giá bán $15 Mỹ kim. Liên lạc Ty Nguyen, 69 Edwin St., Quincy, MA 02171. Điện thoại 617-328-9833. *E-mail* tythanh2001@yahoo.com.

TÁC GIẢ VIỆT NAM

Lê Bảo Hoàng sưu tập

Tác Giả Việt Nam là một nỗ lực rất công phu mà chỉ có những người yêu nghệ thuật như Lê Bảo Hoàng mới có thể thực hiện với sự kiên nhẫn, đam mê kéo dài nhiều năm. Tác Giả Việt Nam như một cuốn liệt kê Ai-Là-Ai trong giới sáng tác, là "*Nguồn tài liệu sưu tập được góp nhặt từ: những tác phẩm văn học, những tạp chí, nguyệt san, tuần báo, những trang điện toán trong và ngoài Việt Nam, cùng những tư liệu nhận từ chính tác giả, gia đình, thân hữu của tác giả .*"

Với chiều dày hơn 770 trang, *Tác Giả Việt Nam* đã ghi nhận tiểu sử, tác phẩm của 1446 tác giả từ A đến Y trong một thế kỷ từ 1905 đến giữa năm 2005. Không chỉ văn sĩ và thi sĩ, *Tác Giả Việt Nam* cũng ghi lại những người sáng tác trong các bộ môn khác của nghệ thuật như nhạc, hội họa, và nhiếp ảnh. Tuy liệt kê rất nhiều, chưa từng thấy ở một cuốn sách nào khác,

Nhà xuất bản Sóng Văn đã giới thiệu *Tác Giả Việt Nam* như sau: "*Ở lĩnh vực văn học nói riêng, trong khi có những cuốn biên khảo về văn học hải ngoại, vì không đầy đủ dữ kiện, hoặc vì chỉ dựa trên những tài liệu chỉ có được trong tầm tay, đã trở thành những biên khảo của từng mảng văn học, và trong khi những cuốn ghi về tác giả Việt Nam trong nước vì nhừng định hướng chính trị loại bỏ không biết* **bao nhiêu** *tác giả miền Nam trước năm 1975 .*"

Tác Giả Việt Nam sẽ còn được bổ túc thêm trong lần tái bản sắp tới. Sách đề giá bán $25 Mỹ kim. Liên lạc Sóng Văn Magazine, P.O. Box 832464, Miami, FL 33283.

ĐÀN CHO BIỂN HÁT

tập thơ của Như Thương

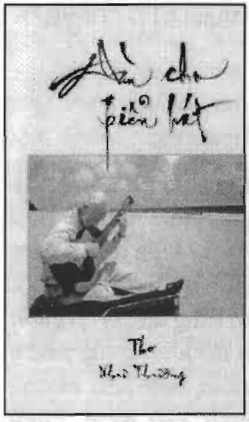

Đàn Cho Biển Hát gồm hơn 60 bài thơ của Như Thương. Trong lời tựa, Việt Bằng viết: *"Đàn Cho Biển Hát là một tập thơ tình từ trang đầu đến trang cuối. Như Thương viết đủ các thể loại, thơ 5 chữ, 7 chữ, 8 chữ và thơ tự do – những bài thơ hay nhất trong thi phẩm Đàn Cho Biển Hát."*

Bài thơ "Chuyện Người Điên" có những câu: *"Ta lõa thể giữa đất trời, biển cả / Tóc người yêu / mây trắng / Lạc phiêu bồng / Phút giao tình / sóng chợt dậy cuồng phong."*

Bài "Đàn Cho Biển Hát": *"Ta bỏ quên cung đàn / Trôi theo dòng cơm áo / Dây chùng buông một dạo / Rồi lặng nốt dở dang / [...] Giữa trời đất mông lung / Anh đàn cho biển hát / Tiếng đàn như chim lạc / Lời cô đơn nghìn trùng."*

Đàn Cho Biển Hát dày gần 100 trang, giá bán $8 Mỹ kim. Liên lạc Phạm Kim Hương, 3308 Orinoco Lane, Margate, FL 33063. *E-mail* huong6591@yahoo.com.

VÔ NGUYÊN LUẬN

tác phẩm của Nguyên Linh

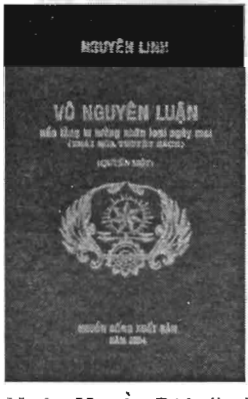

Vô Nguyên Luận và *Bản Hùng Ca Tối Thắng* là hai tác phẩm tâm linh của thiền sư Nguyên Linh. Học giả Thinh Quang cho biết: *"Tôi có linh cảm hiền giả Nguyên Linh như người ở cõi giới huyền nhiệm nào khác đến, để trao cho nhân loại khổ đau này một thông điệp về tình yêu, xuất phát từ trái tim nhân hậu và cống hiến những tư tưởng hiền minh cho thời đại mới qua kiệt tác Vô Nguyên Luận vĩ đại, một siêu tác phẩm làm chấn động lương tâm nhân loại, gây nguồn cảm hứng thiêng liêng để làm nên cuộc chuyển hóa tâm linh vĩ đại này."*

Về hai tác phẩm *Bản Hùng Ca Tối Thắng "Sấm Ngôn Huyền Diệu"* và *Vô Nguyên Luận*, Rev. giáo hữu Ngọc Sách Thanh,

chủ trưởng Hội Đồng Chức Sắc & Niên Trưởng Cao Đài Giáo Hải Ngoại có tuyên dương như sau: *"Quả thật, những siêu kiệt tác của hiền triết Nguyên Linh, có giá trị cả về văn chương và đạo lý chứa đựng những nguồn tư tưởng vô cùng vĩ đại, đầy tính sáng tạo, vượt thoát vô minh, xóa bỏ sai lầm, có đủ khả năng làm nên lịch sử, đưa con người trở về uyên nguyên nguồn cội 'Bản Thiện Hợp Sinh', chung sống hòa bình..."*

Hai tác phẩm do Nguồn Sống xuất bản, được in bìa cứng, giấy tốt như sách kinh. *Vô Nguyên Luận* dày 600 trang, giá bán $25 Mỹ kim. *Bản Hùng Ca Tối Thắng* dày 270 tran

LÊN RỪNG ĐẾM LÁ

Triều Hoa Đại

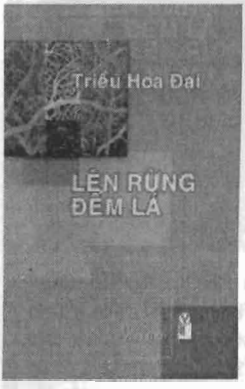

Lên Rừng Đếm Lá gồm những bài viết, trò chuyện của Triều Hoa Đại với 17 tác giả. Trong lời giới thiệu sách, tác giả viết: *"Qua câu chuyện, có người bạn đã vui miệng mà hỏi tôi thế này: Văn nghệ sĩ các ông bà chắc là phải có một đời sống khác với đời thường từ cách đi, đứng, nằm, ngồi. Chả lấy tư cách gì đại diện cho ai để mà trả lời câu hỏi KHÓ, nhưng qua bản thân tôi chỉ trả lời qua loa để mong sao không làm phật lòng người bạn mới quen* [...]

"Ở nơi cuốn sách này tôi đã phải nhờ cậy đến những nhà Văn, nhà Thơ, họa Sĩ, mà sau những lần được hân hạnh chuyện trò, tiếp xúc với họ để thay tôi trả lời câu hỏi KHÓ mà tôi tin không riêng gì người bạn mới quen mà có lẽ còn rất nhiều độc giả cũng có cùng một câu hỏi tương tự như thế ."

Triều Hoa Đại đã ghi nhận ý kiến của 17 tác giả: Hoàng Nga, Hoàng Thị Bích Tỉ, Hồ Minh Dũng, Lâm Chương, Lê Minh Hà, Luân Hoán, Miêng, Nguyễn Chí Thiệp, Nguyễn Trọng Khôi, Nguyễn Trung Hối, Nguyên Xuân Thiệp, Phan Ni Tấn, Phan Xuân Sinh, Song Hồ, Trần Doãn Nho, Trần Nghi Hoàng, và Trúc Chi.

Lên Rừng Đếm Lá dày 490 trang, giá bán $25 Mỹ kim. Văn Mới phát hành, P.O. Box 287, Gardena, CA 90248. Liên lạc với tác giả qua e-mail: thdai1@yahoo.com

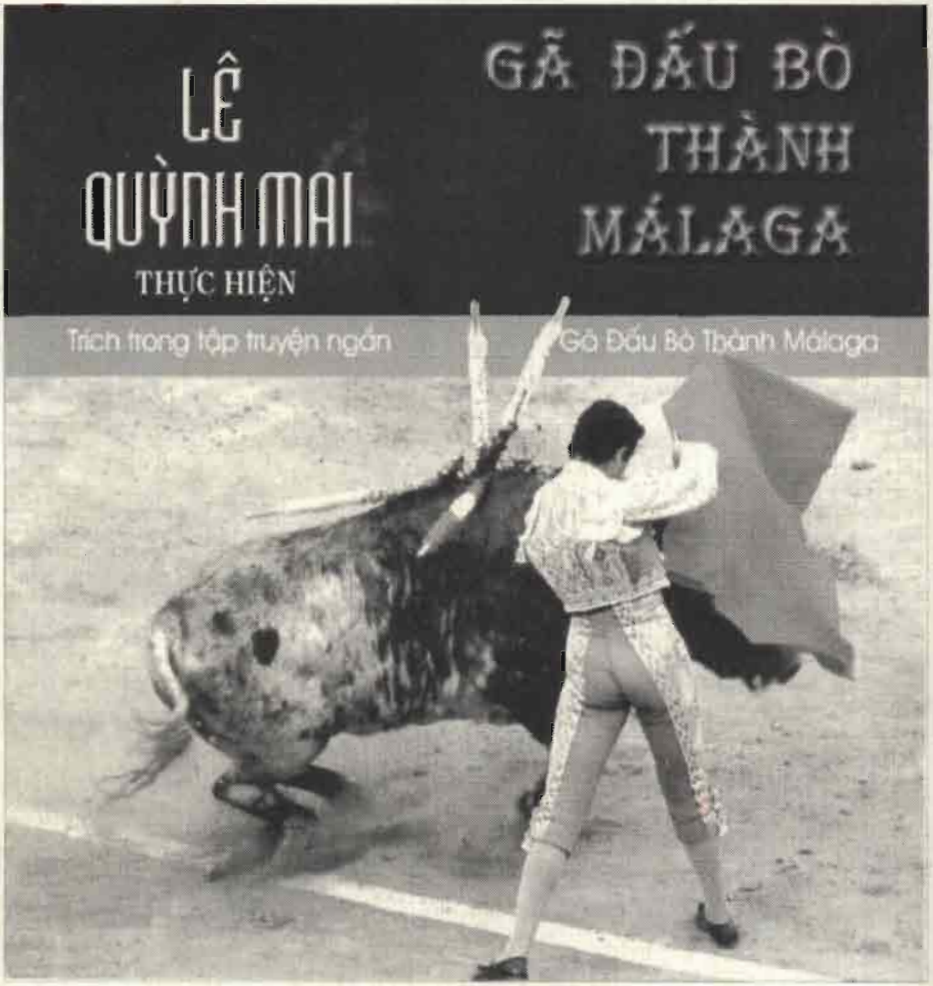

Nhà Xuất Bản Khôi Nguyên
P.O.BOX 49023
Montréal, Québec, Canada, H1N 3T6 - khoinguyennxb@yahoo.ca

Trân trọng giới thiệu Audio Book

GÃ ĐẤU BÒ THÀNH MÁLAGA

Lần đầu tiên qua giọng đọc trầm ấm của tác giả Lê Quỳnh Mai, Khôi Nguyên hân hạnh giới thiệu đến độc giả và thính giả yêu thích văn chương, tác phẩm truyện ngắn Gã Đấu Bò Thành Málaga, trong bối cảnh âm nhạc trữ tình và nóng bỏng Tây Ban Nha.

Thư từ chi tiết xin liên lạc qua nhà xuất bản Khôi Nguyên

Giá 19 mỹ kim